



LM. Nguyễn Hồng

LỊCH SỬ TRUYỀN GIÁO Ở VIỆT NAM

Quyển II

Đã xuất bản từ nhiều năm trước

ROSA MARY

LM. NGUYỄN HỒNG



LỊCH SỬ TRUYỀN GIÁO Ở VIỆT NAM

QUYỂN II

NHÀ XUẤT BẢN: TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA (2009)

PHÁT HÀNH: NHÀ SÁCH ĐỨC BÀ HÒA BÌNH

Tái bản năm 2009 dạng bìa mềm, áo ôm.

Sách tái bản 2009 không có Tuyên ngôn, Lời tựa, Phụ lục.

Thư Viện Ebook (TVE-4U)

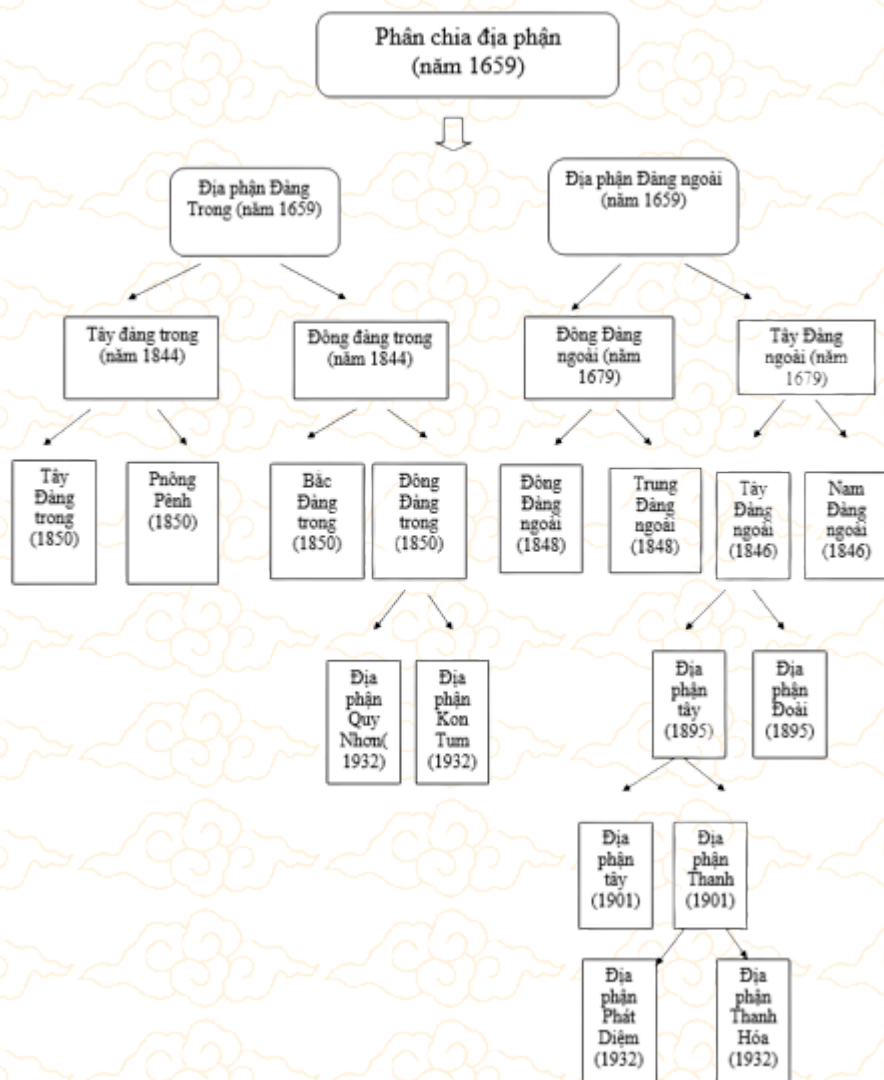
NGUỒN TEXT: [HTTPS://HOCDAY.COM](https://hocday.com)

SOÁT TỔNG: MACHINE

EPUB: SUCSONGMOI

03-11-2022

Sơ đồ phân chia Địa phận giai đoạn từ ngày đầu truyền giáo đến năm 1954



Tuyên ngôn

Là một Linh mục Công giáo, bao giờ cũng thành thực phục tòng Giáo hội. Vậy những danh từ dùng, cũng như những nhận xét về đời sống thánh thiện của các nhân vật trong sách này, không hề bao giờ có ý muốn đi trước Giáo hội.

Linh mục
NGUYỄN HỒNG

Nihil Obstat

Đà-lạt, 1-5-1959

Jos. NGUYỄN NGÀ

Cens, del.

Imprimatur

Saigon, die 30-5-59

Paulus LÊ-TRUNG-THỊNH

Vic, del.

Thay Lời Tựa

Từ xưa tới nay, ai đọc bộ Sử ký cũng phải nhận chân giá trị sử khoa của nó. Tử Trường tiên sinh, ngoài cái thần trí thiên bẩm, đã hiến trót đời mình để sưu tầm, phân tách, tuyển lựa và hệ thống hóa tài liệu một cách khá khoa học. Chỉ nguyên nhìn vào việc: tiên sinh thân đi khắp chốn, đến tận nơi có sự kiện xảy ra để điều tra, sưu tầm những tài liệu chính xác, đã đủ làm tăng giá trị cho tác phẩm của Tiên sinh. Sử gia muôn thuở này còn có một đức tính tối quan trọng cho khoa chép sử: khách quan trước các tài liệu. Sử liệu có thể nào, Tiên sinh ghi chép như thế chứ không theo chủ quan phê phán một cách thiên lệch như nhiều sử gia sống trước Tiên sinh. Điểm nào tồn nghi thì để là tồn nghi chứ không hề võ đoán. Vấn đề nào có nhiều thuyết khác nhau thì kể cả ra để độc giả tự cân nhắc. Với bấy nhiêu đức tính cần thiết của một sử gia trên đây, cộng với giọng văn thành thực, đầy hùng khí, bộ Sử ký đã trở thành bất hủ và tên Tử Trường Tư Mã Thiên còn lại mãi trong Sử vàng chói lọi chẳng những của riêng dân tộc Trung Hoa mà của cả nhân loại vậy.

Được hân hạnh đọc bản thảo cuốn Lịch sử Truyền giáo ở Việt Nam của Linh mục Nguyễn Hồng, kẻ cầm bút thiển cận này không thể không liên tưởng đến những đặc điểm của bộ Sử ký của Tư mã Thiên.

Thực vậy, Linh mục Nguyễn Hồng đã từ lâu năm hằng lưu tâm đến vấn đề Truyền giáo ở Việt Nam bằng cách tìm tòi thu tập tài liệu ở ngay trong nước. Nhưng tiếc thay, các tài liệu Truyền giáo thời sơ khởi ít còn lưu lại ở Việt Nam. Các tài liệu sống thì không còn, mà các sử liệu ghi chép thì phần lớn đã đưa sang Roma hay Ba-lê mất cả. Do đó, muốn viết một bộ Sử truyền giáo cho hoàn toàn đầy đủ với những tài liệu hiện có ở trong nước thì thực là khó. Nhưng bao giờ trời cũng phù người có chí: cha được xuất ngoại du học! Thế là cha có đủ phương tiện để hoàn tất bộ sử. Bắt tay ngay vào việc bằng cách sưu tầm tài liệu khắp các bảo tàng thư viện của Thánh Bộ Truyền giáo của Dòng Tên ở Roma, lại qua Ba-lê vào thư viện Hội các cha Thừa sai Ba-lê để hoàn bị tác phẩm.

Với một chí kiên nhẫn, một lòng ham thích say sưa, với những nhìn xa thấy rộng của trời Âu, sau mấy năm trường tận tụy, cha đã

hoàn tất bộ Lịch sử Truyền giáo ở Việt Nam, mà hôm nay, quyển thứ I trong bộ sử ấy, khiêm tốn ra mắt đồng bào Việt Nam.

Với những tài liệu chính xác, ghi chép một cách rất vô tư, hệ thống hóa một cách mạch lạc dưới ngọn bút trôi chảy, khúc triết và hùng kính, cuốn Lịch sử này có hi vọng làm thỏa mãn những đòi hỏi của toàn thể giáo hữu Công giáo Việt Nam. Hơn nữa, theo thiển kiến của kẻ hèn này, thì bộ Sử truyền giáo của Linh mục Nguyễn Hồng cũng sẽ không hổ thẹn khi nằm trên tay bất cứ một sử gia chuyên môn nào.

Nhưng trí một người có hạn, óc cá nhân có mức nên tác giả cũng như kẻ cầm bút viết mấy lời này vẫn thành thực thềm ước được nghe lời chỉ giáo của chư độc giả bốn phương.

Viết tại Cái Sắn Kênh
Quý Hạ năm Kỷ Hợi
Linh mục: MẬU HẢI



Chương I

Một Cha Dòng Tên Ở Việt Nam Tới Rôma

I. Cha Đắc Lộ Trên Đường Đi Công Cán

Ngày 27-6-1649, dưới thời Đức Thánh Cha Inôxentê X, trên công lộ dẫn vào thành Rôma có một cha dòng Tên, vẻ mặt hân hoan sung sướng, đang rào bước hướng về Đền Thánh Phê-rô.

Nếu có ai hỏi cha ở đâu tới, chắc cha sẽ thưa: “Tôi ở xứ Đông Kinh và Cochinchina, nơi xa lạ ở bên kia trời Đông tới. Tôi muốn gặp Đức Thánh Cha để trình bày với người tình trạng đòi hỏi khẩn cấp của hai xứ đó: việc thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc thay thế cho số thừa sai ngoại quốc quá ít ỏi trước con số đông đúc của giáo dân. Tôi sẽ xin người sai tới địa sở truyền giáo đó một số các Giám mục, để các Ngài truyền chức cho họ.”

Cha dòng Tên đó chính là cha Đắc Lộ.

I. Tiếng kêu khẩn cấp

Ngày 3-7-1645, khi cha Đắc Lộ bị trục xuất vĩnh viễn khỏi miền Nam, số giáo dân đã lên tới gần 50.000 người. Cơn bách hại vẫn tiếp tục mà giáo dân không có linh mục ở bên để chỉ huy, nâng đỡ. Gần một năm sau, nhờ có bốn viên ngọc trai quý và nhiều lễ vật khác, cha Metello Saccano mới xin phép được Thượng Vương cho ở lại Hội An. Nhưng vì không được ra khỏi khu vực đó, nên việc trông coi giáo đoàn cha phải trông nhờ vào các thầy giảng và các ông trùm trưởng các họ.

Ở ngoài Bắc, số giáo dân lên tới hơn 100.000, quá sự mong đợi của các thừa sai dòng Tên nghĩ đến việc tổ chức giáo đoàn. Muốn tổ chức cần phải có nhân viên. Đã nhiều lần các Bề Trên Áo Môn gửi thêm các thừa sai. Nhưng từ năm 1640, vì công cuộc truyền giáo ở Trung Quốc được tự do và đã hứa hẹn nhiều kết quả, nên số thừa sai cũng cần thêm. Một mình Áo Môn không thể thỏa mãn cho đòi hỏi cả một vùng Đông Nam Á. Đàng khác, sự có mặt một số đông thừa sai trên đất Việt không những gặp cản trở ở nơi chúa Trịnh cũng như chúa Nguyễn, lại còn có thể gây ra nhiều nghi ngờ tai hại. Tuy tổ chức thầy giảng đã giúp các cha rất nhiều, nhưng các thầy giảng cũng không thể thay thế hoàn toàn cho các linh mục được. Chỉ còn một đường lối giải quyết là thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc.

Việc thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc với giám mục, linh mục, phó tế đã được các Tông Đồ và các nhà truyền giáo tiếp tục công cuộc các Ngài vạch vẽ và nêu cao ngay từ thời kỳ đầu: Phúc Âm được rao giảng ở đâu, thì Giáo hội cũng được thành lập ở đấy.

Đối với các thừa sai thế kỷ 17 ở vùng Đông Á, không kể những thành kiến về chủng tộc và những khó khăn về ngôn ngữ Phụng Vụ, các Ngài còn gặp một cản trở lớn lao là thiếu giám mục để truyền chức.¹

Để giải quyết vấn đề, cần phải kêu gọi đến Tòa Thánh, vì chỉ có Tòa Thánh mới có đủ thẩm quyền đặt giám mục. Đường lối giải quyết đã được các cha Bề Trên dòng Tên ở Áo Môn vạch định. Nhưng ai là người sẽ đại diện các Ngài qua Rôma để công cán vấn đề quan trọng đó?

Đang khi tìm kiếm thì cha Đắc Lộ bị trục xuất vĩnh viễn khỏi miền Nam về tới Áo Môn (tháng 7-1645). Cho rằng cha là người có đủ khả năng, đủ tin nhiệm hơn cả, các Bề Trên Tỉnh dòng đã ủy thác cho cha trách nhiệm ấy.

Cha viết: “Các ngài tin rằng tôi có một hiểu biết khá đầy đủ về những nhu cầu lớn lao của xứ ấy, nơi mà tôi đã sống ở đấy nhiều năm. Tôi sẽ trình bày với Đức Thánh Cha về các giáo đoàn xứ ấy cần có Giám mục. Tôi sẽ trình bày với các vua có đạo tình trạng nghèo khó của các cha thừa sai đang hoạt động trong những địa sở truyền giáo tốt đẹp đó. Tôi cũng trình bày với cha Bề Trên chung của dòng những hy vọng lớn lao có thể thu lượm được ở những xứ ấy, nếu chúng ta có những người đến rao giảng Tin Mừng cho họ. Các ngài đã trao cho tôi ba trách nhiệm ấy và tôi rất vui lòng lĩnh nhận...”²

Ngày 20-12-1645, nhà anh hùng truyền giáo của nước Việt Nam trở về Âu Châu trên đoàn tàu hùng dũng gồm tám chiếc tàu lớn của Bồ Đào Nha trẩy đi Ấn Độ rồi về Lisbonna.

Không còn hy vọng trở lại sống bên những giáo dân thân yêu, cha Đắc Lộ đã hy sinh quãng đời còn lại của cha để hoạt động ở các nước ngoài tìm việc trợ lực tinh thần cho họ. Nếu trong công cuộc truyền giáo khai thác lúc đầu phải kể cha vào những thừa sai tiên khởi của nước Việt, thì trong công cuộc thành lập hàng Giáo sĩ Việt Nam, chúng ta phải nhận cha là người dẫn đầu mở lối.

Nhưng Giáo hội Việt Nam còn phải chờ 15 năm sau mới thấy kết quả của cuộc vận động của cha Đắc Lộ: là việc thành lập hai tòa Giám mục đại diện Tòa Thánh đầu tiên với hai Đức Cha: Phanxicô Pallu và Lambertô de la Motte.

2. Một cuộc hành trình đầy gian lao

Thực vậy, tuy hối hả lên đường để mong thực hiện chóng vánh chương trình thành lập hàng Giáo sĩ cho Giáo hội Việt Nam, cha Đắc Lộ đã phải mất hơn 3 năm hành trình vất vả mới tới Rôma. Lúc đó, những phương tiện chuyên chở đâu có tiện lợi và nhanh chóng như chúng ta ngày nay, lại thêm những cuộc tranh giành thương mại giữa người Bồ Đào Nha và người Hòa Lan, không nói chi đến những cuộc cướp biển càng làm cho cuộc hành trình của cha thêm nguy hiểm.

Bỏ Áo Môn ngày 20-12-1645, ngày 14-01-1646 cha tới Malacca. Bán đảo này trước thuộc người Bồ, nhưng từ ngày 12-01-1641 đã rơi vào tay người Hòa Lan theo Thệ Phản. Cuộc thất bại ở Malacca là tiếng chuông báo hiệu thời kỳ suy đồi của đế quốc Bồ Đào Nha. Về chính trị, quân sự cũng như thương mại, Malacca là một hải cảng quan trọng giữa con đường hàng hải từ Goa tới Áo Môn. Dưới quyền một đế quốc theo Thệ Phản, đạo Công giáo ở Malacca bị tổn thất rất nhiều do những khó dễ của nhà cầm quyền gây ra. Cha Đắc Lộ ghi lại cảm tưởng của cha khi tới đó: “Khi tôi đi các phố xá nhận thấy các dấu vết của đạo hoàn toàn bị xóa bỏ, tôi thú thật tâm hồn tôi buồn bã vô cùng. Tôi nhận ra sự thay đổi lớn lao giữa tình trạng mà tôi thấy lúc này với tình trạng tôi đã thấy cách đây 23 năm trong cái thành phố đẹp đẽ đó!”³

Để cuộc hành trình được mau chóng, từ Malacca, cha Đắc Lộ lấy tàu Hòa Lan để về thẳng Âu Châu. Như thế cha sẽ tiết kiệm được thời gian tàu người Bồ đậu lại ở Goa. Với tính cách là dân Pháp, cha hy vọng được người Hòa Lan đối đãi tử tế. Đàng khác người Bồ và người Hòa Lan cũng mới ký hòa ước với nhau. Nhưng công việc đã xảy ra trái với hy vọng của cha. Người Thệ Phản vẫn không ưa gì người Công giáo, và nhất là các vị thừa sai.

Từ Malacca, sau 11 ngày, tàu tới Batavia (tức Djakarta ngày nay).

Lúc đầu với tính cách là dân Pháp, cha Đắc Lộ được xử đãi tử tế hơn. Nhưng một ngày Chúa Nhật vào tháng 7, cha đang dâng lễ trong gia đình một giáo dân Bồ thì bị người Hòa Lan ở Batavia bắt. Sau hơn hai tháng bị giam trong một nhà tù rất tối tăm thường dùng để giam các phạm nhân không hy vọng thoát được án tử hình, cha Đắc Lộ bị kết án trục xuất và nộp phạt 400 đồng tiền vàng. May mắn lúc đó Cônêliô Van der Lijn được phái đến làm toàn quyền thay cho Antôn Van Diemen. Van der Lijn, vì nhớ ơn cha Đắc Lộ, thời kỳ ở trong Nam đã xin tha bổng cho sáu người Hòa Lan nên ông đã ra lệnh trả lại tự do và số tiền nộp phạt cho cha. Ra khỏi tù, cha vội lấy tàu đến trú ở Macassar vùng đảo Célèbes. Dân chúng ở đó tuy theo Hồi giáo nhưng có thiện tình với người Bồ, nên xử đãi tử tế với các thừa sai.

Chờ ở Macassar 5 tháng, ngày 15-06-1647, cha lấy tàu qua Suali, hải cảng của Surate (tức vùng Bom-bay bây giờ). Cha tới nơi ngày 30 tháng 9. Vì không có tàu vòng qua Hảo Vọng Giác về Âu Châu, cha phải ở đây 4 tháng, rồi lấy tàu đi Ba Tư. Sau đó, theo đường bộ qua Arménia đến Smyrna. Đường bộ tuy vất vả và gian nan không kém gì đường thủy, nhưng vẫn hơn và nhanh hơn. Một năm sau, ngày 17-03-1649, cha tới Smyrna (tức Ismir ngày nay, hải cảng của Thổ Nhĩ Kỳ). Gặp chuyến tàu qua Địa Trung Hải, mấy tuần sau cha tới Genôva.

Ngày 27 tháng 6, cha Đắc Lộ tới Rôma. Cha viết: “Tôi không nói chi đến niềm an ủi tràn ngập trong hồn tôi, khi tôi thấy mình may mắn được về tới nơi cao cả hơn hết trong trái đất. Sau 3 năm rưỡi trời của cuộc hành trình với bao gian nguy, trên bộ và trên biển, tôi đã trải qua bao cơn bão táp, bao lần đe dọa đắm tàu và bao cảnh giam cầm. Tôi đã đi qua bao vùng sa mạc, bao vùng dân ngoại, vùng dân rối đạo, và dân Turc. Dầu vậy, tôi luôn được che chở dưới cánh tay của Chúa quan phòng, Người đã bảo vệ tôi với lòng nhân từ đặc biệt, tôi cảm thấy khỏe mạnh và tươi vui để bắt tay vào công việc như khi tôi bỏ Rôma để đi Ấn Độ cách đây 31 năm”.

II. Quyền Bảo Trợ Của Người Bồ Đào Nha, Một Trở Ngại Cho Cuộc Vận Động Của Cha Đắc Lộ

N hưng sự sung sướng và hy vọng của cha đã tan đi khi bắt tay vận động cho việc thành lập hàng Giáo sĩ Việt Nam, cha đã gặp những trở ngại lớn lao, hầu như không thể vượt qua được. Cha phải đợi một năm trời mới dám trình công việc lên Tòa Thánh. Đang chờ đợi, cha xuất bản nhiều cuốn sách nói về Giáo hội Việt Nam.

Trở ngại đáng lo ngại hơn cả là quyền bảo trợ của người Bồ Đào Nha. Để có thể hiểu rõ những khó khăn cha Đắc Lộ đã gặp phải và sau này những cản trở các Giám mục tiên khởi ở Việt Nam phải đương đầu, chúng ta cần biết qua chế độ bảo trợ của người Bồ Đào Nha. Sau đó chúng ta cũng cần biết Bộ Truyền Giáo, trung tâm chỉ huy truyền giáo của Giáo hội, đồng thời lúc đầu cũng là cơ quan để chống lại những lạm dụng, những khó dễ gây ra do chế độ bảo trợ của người Bồ Đào Nha. Nếu quyền bảo trợ của người Bồ Đào Nha làm trở ngại cho cuộc vận động của cha Đắc Lộ, thì Bộ Truyền Giáo lại rất ủng hộ yêu cầu của cha. Sau này đối với hai vị Giám mục tiên khởi ở Việt Nam, Bộ Truyền Giáo cũng sẽ là nơi nương tựa và là nơi cầu cứu của các Ngài mỗi khi gặp khó khăn.

I. Quyền bảo trợ của người Bồ Đào Nha

Cuộc khám phá những vùng đất mới đã đưa hai nước Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha đến mộng chinh phục thế giới. Họ có sẵn trong tay những đoàn tàu hùng mạnh và những thủy thủ ưa mạo hiểm.

Từ khi Henri chiếm Ceuta (thuộc Maroc) ngày 21-08-1415, cuộc chinh phục của người Bồ Đào Nha lan đi rất nhanh. Năm 1498, Vasco de Gama đã theo đường biển tới Ấn Độ. Năm 1510 Albuquerque chiếm Goa, và năm sau 1511 chiếm Malacca, thành lập những trụ sở thương mại đầu tiên của người Bồ Đào Nha ở Á Châu. Bốn mươi sáu năm sau, tức năm 1557 họ lại đặt thêm một trụ sở ở Áo Môn để giao dịch thương mại với lục địa Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam.

Từ sau khi Tây phương đã được Kitô hóa, vấn đề truyền giáo bị ngưng trệ và có người cho là có thể chấm dứt. Với cuộc khám phá những vùng đất mới trên đây, Tòa Thánh Rôma bị đặt trước vấn đề

truyền giáo cho một số lớn những dân chưa được nghe biết tin lành của Chúa Cứu Thế.

Không có sẵn một tổ chức truyền giáo, đồng thời cũng không có sẵn những phương tiện tài chính để cung cấp cho một công cuộc lớn lao như thế, các Đức Thánh Cha cho rằng tiện hơn hết là ủy thác công việc cho các hoàng đế của hai nước Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha. Một số các dòng truyền giáo như dòng thánh Đaminh, thánh Phanxicô, thánh Auctinô, dòng Tên... sẽ cung cấp các thừa sai, và Bề Trên các dòng sẽ chỉ huy, xếp đặt công cuộc truyền giáo, cũng như sai phái các nhân viên của mình với sự giúp đỡ của các thừa sai được giải quyết, và thế lực của họ trong những khu truyền giáo bảo đảm sinh mệnh cho các thừa sai. Với những tài nguyên thu lượm được trong việc buôn bán, họ cũng nhận cung cấp các nhu cầu vật chất cho các thừa sai, lo liệu cho các Ngài được đủ sống, có chỗ ăn chỗ ở, đồng thời cũng chịu những phí tổn xây cất nhà thờ, thành lập các tu viện, với tất cả các vật dụng cần thiết như bàn thờ, đồ thờ...

Nhưng trách nhiệm đi đôi với quyền lợi. Để bù lại, Tòa Thánh cho Quốc vương và chính phủ hai quốc gia đó có quyền đề nghị các Đức Giám mục và các vị cao cấp trong hàng giáo phẩm thuộc các địa phận trong địa sở truyền giáo đã ủy thác cho họ. Do đó phát sinh ra chế độ bảo trợ và dần dần Quốc vương hai nước có một quyền lực rất lớn trong Giáo hội ở các địa sở truyền giáo.

Để truyền giáo cho Việt Nam chúng ta, cha Đắc Lộ cũng như các thừa sai dòng Tên, và thừa sai các dòng khác phải chịu quyền bảo trợ của triều đình Bồ Đào Nha. Việc phân chia khu vực quyền bảo trợ giữa hai quốc gia Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha bắt nguồn từ con đường do Đức Thánh Cha Alexandrô VI vạch từ Bắc xuống Nam để tránh sự cạnh tranh giữa hai nước Công giáo trong việc tìm khu vực ảnh hưởng và thương mại ở những vùng đất mới. Theo đường vạch đó thì từ Áo Môn trở lại là khu vực của người Bồ Đào Nha, còn từ Manila trở đi là khu vực của người Tây Ban Nha. Quyền bảo trợ trong các địa sở truyền giáo cũng phân chia theo đường vạch đó, vì thế địa sở truyền giáo Việt Nam chúng ta thuộc quyền bảo trợ của người Bồ Đào Nha. Như chúng ta đã thấy trong quyển I, các thừa sai do thuyền tàu của người Bồ Đào Nha đưa đến, các Ngài nhận sự giúp đỡ tài chính và sự bảo trợ của họ, đồng thời cũng chịu một phần

sự kiểm soát và sự chỉ huy của họ.

Việc ủy thác công cuộc truyền giáo và ban quyền bảo trợ các khu truyền giáo cho một triều đình, không làm chúng ta bối ngỡ, nếu chúng ta để ý đến quan niệm của giáo dân đối với một Quốc vương Công giáo thời đó. Đức Cha Henri Chappoulie trong cuốn “Rome et les missions d’Indochine au XVII^e siècle”⁴ đã viết: “Việc Giáo hội tùy thuộc chặt chẽ vào một Quốc vương không làm một ai bối ngỡ, vì thời đó mọi người công nhận Quốc vương cũng có một phần quyền bính thiêng liêng: người ta cho rằng ngài có trách nhiệm đối với sự rối của các bầy tôi. Một ông hoàng Công giáo, cũng có trách nhiệm lo việc phần hồn. Trong quốc gia của ngài, tình trạng tốt đẹp của tôn giáo và sự bảo toàn luật lệ Giáo hội tùy thuộc ở ngài. Ở các nước bên kia thế giới, mà Đức Giáo Hoàng đã dành riêng một khu vực cho ngài, thì việc rao giảng Phúc Âm cho dân ngoại và tổ chức các giáo đoàn thuộc quyền ngài. Một thánh Phanxicô Xaviê đã thực thẩm nhuần nguyên tắc đó, nên mỗi khi gửi thư về, thánh nhân đã cố làm cho hoàng đế Gio-an III cảm thấy trách nhiệm tôn giáo nặng nề của mình. Thánh nhân đã đe dọa hoàng đế án phạt trước tòa Chúa, nếu ngài không cấp tốc “sai sang vùng Ấn Độ một phó vương có những quyền hành cần thiết để sẵn sóc đến việc cứu rỗi, vô số những linh hồn đang gặp nguy hiểm trong giờ phút này”.

Nhưng nếu quyền bảo trợ đem lại cho công cuộc truyền giáo ít nhiều sự giúp đỡ về vật chất, thì nó đã gây ra nhiều tổn hại, nhiều lạm dụng trong vấn đề thiêng liêng.

2. Những lạm dụng và những trở ngại

Trước hết là những đòi hỏi quá đáng của họ. Chẳng hạn họ bắt tất cả những thừa sai phải hoàn toàn chịu quyền kiểm soát chặt chẽ của họ. Chỉ có tàu của Quốc vương Bồ Đào Nha mới có quyền chuyên chở các thừa sai. Con đường bó buộc để đến địa sở truyền giáo là con đường Lisbonna và Goa. Đi lối khác, các thừa sai sẽ bị bắt giam và đuổi về Âu Châu. Mỗi năm, vào dịp có chuyến tàu, các thừa sai các nước, các dòng đều phải hội họp về Lisbonna. Ở đấy, các thừa sai phải làm tờ khai tỉ mỉ nộp cho ủy ban điều tra. Trước khi khởi hành, các Ngài còn phải thề hứa trung thành với Quốc vương Bồ

Đào Nha. Đến Goa, các Ngài lại phải qua một đợt kiểm soát và điều tra thứ hai, rồi từ đấy mới phân chia đi các nơi. Ở mỗi địa sở truyền giáo, hầu hết các Ngài cũng chịu quyền điều khiển của các Bề Trên người Bồ Đào Nha.

Với sự kiểm soát quá khắt khe trên đây đối với các thừa sai ngoại quốc, các nhà cầm quyền Bồ Đào Nha còn tìm cách hạn chế con số của các Ngài. Đang khi đó các khu truyền giáo thiếu các thừa sai và quốc gia Bồ Đào Nha chỉ có thể cung cấp được một số ít. Họ làm khó dễ, nhất là đối với các thừa sai Tây Ban Nha. Chẳng hạn 1573, khi Alexandre Valignane được làm Bề Trên kinh lý vùng Ấn Độ và Đông Á, đã đem theo 40 thừa sai dòng Tên, trong đó số thừa sai người Tây Ban Nha đông hơn số thừa sai người Bồ Đào Nha và người Ý. Triều đình Bồ Đào Nha định làm khó dễ, cha Valignane phải dùng chính sách cương quyết họ mới nhượng bộ. Chúng ta cũng không quên cha Pedro de Alfaro từ Tu viện thánh Phanxicô ở Manila qua Trung Quốc truyền giáo, bị bắt giữ ở Quảng Đông. Cha qua Áo Môn, nhưng lại bị người Bồ Đào Nha vì đố kỵ với người Tây Ban Nha đã trục xuất cha năm 1580.⁵

Việc hạn chế và kiểm soát gắt gao các thừa sai không thuộc quốc gia Bồ Đào Nha trên đây đã gây ra nhiều thiệt hại cho các địa sở truyền giáo, không nói đến những trở ngại của các nhà cầm quyền đối với công cuộc truyền giáo. Theo nhận xét của thánh Phanxicô Xaviê, họ chỉ chăm lo việc tích của làm giàu, không lo việc mở mang đức tin Công giáo.⁶

Thêm vào đó những lạm quyền. Họ giây mình vào nội bộ của các địa sở truyền giáo. Nhiều nơi, các vấn đề cai quản hàng Giáo sĩ phải đưa đến cho họ phân xử. Hầu hết, họ không thông thạo Giáo luật hay chỉ biết rất ít và họ đã ra nhiều quyết nghị trái với Giáo luật. Họ can thiệp vào việc lựa chọn các Bề Trên, đưa ra những người bất xứng, bất tài. Những sắc lệnh của Tòa Thánh, muốn thi hành, phải đi qua phòng Chưởng ấn của Quốc vương. Nhiều tòa Giám mục bỏ trống mà họ không chịu đề nghị thay thế. Chẳng hạn tòa Giám mục ở Áo Môn, để trống hằng mấy chục năm.⁷

Nhưng đã đến lúc người ta nhận ra bài học ngàn năm của lịch sử: một khi bị vướng vào vấn đề trần tục, công cuộc truyền giáo sẽ mất

hết tính chất tinh tuyền của nó, và kết quả sẽ không lâu bền. Đàng khác, liên kết với chính quyền, công cuộc truyền giáo cũng sẽ gặp những bước thăng trầm theo đà hưng thịnh hay lụn bại của nó. Thời kỳ xuống dốc của đế quốc Bồ Đào Nha trước thế lực của đế quốc Hòa Lan theo Thệ Phản, đã được báo hiệu trong cuộc Hòa Lan chiếm đánh Malacca, ngày 12-01-1641.

Trong Thiên Chúa quan phòng, Tòa Thánh Rôma cũng đã sớm đề phòng sự sụp đổ sau này của người Bồ Đào Nha. Đức Thánh Cha Grêgôriô XV đã thành lập Bộ Truyền Giáo. Sứ mệnh của Bộ Truyền Giáo trước hết là chống lại những lạm dụng, những trở ngại mà chế độ bảo trợ của người Bồ Đào Nha đã gây ra, đồng thời thu hồi quyền chỉ huy các thừa sai, nâng dậy tinh thần của các Ngài, đưa hoạt động truyền giáo ra ngoài vòng chính trị và thế tục.

Vì thế, chúng ta sẽ không lấy làm lạ khi thấy người Bồ Đào Nha tìm cách phá đổ chương trình của cha Đắc Lộ đề nghị. Họ biết rằng những vị Giám mục đại diện Tòa Thánh, nhân viên của Bộ Truyền Giáo sai qua Việt Nam sẽ là những chân tay Bộ dùng để lật đổ chế độ bảo trợ của họ và thu hồi quyền chỉ huy các thừa sai.

Bộ Truyền Giáo là một tổ chức thế nào mà hai quốc gia Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha phải lo ngại?

III. Sứ Mệnh và Hoạt Động Của Bộ Truyền Giáo

Trước Đức Thánh Cha Grêgôriô XV và ngay sau Công Đồng Trente, người ta đã nghĩ đến việc thành lập một cơ quan riêng biệt để chăm lo hoạt động truyền giáo. Năm 1568, Đức Piô Thánh Cha V đã muốn đặt hai ủy ban: một ủy ban lo việc truyền giáo cho dân ngoại và một ủy ban lo việc đưa người lạc giáo trở lại. Nhưng cũng như Đức Thánh Cha Grêgôriô XII và Clêmentê VIII sau này, chương trình của ngài không được thực hiện. Phải chờ đến Đức Thánh Cha Grêgôriô XV với qui chế tựa đề “Ơn quan phòng nhiệm mầu của Thiên Chúa” (*Inscrutabili divinae providentiae*) ngày 22-06-1622, Thánh Bộ Truyền Giáo được thành lập với thành phần 13 Đức Hồng Y, hai Đức Cha và một thư ký. Quy chế đó còn vạch rõ sứ mệnh của Thánh Bộ trước tình trạng suy đồi ở các khu truyền giáo và những tệ nạn trong chế độ bảo trợ của người Bồ và Tây Ban Nha.

I. Bộ Truyền Giáo đứng trước tình trạng suy đồi ở các địa sở truyền giáo

Bắt tay vào việc, Bộ Truyền Giáo may mắn có một vị thư ký can đảm, sáng suốt và bền chí, đó là Đức Cha Phanxicô Ingoli, người Ý. Công việc đầu tiên của ngài là điều tra cho biết tình trạng các khu truyền giáo. Vào tháng Giêng năm 1622, các Giám mục ở các địa sở truyền giáo được báo tin sự thành lập Thánh bộ mới, kêu gọi sự cộng tác, và yêu cầu cho biết tình trạng mỗi khu vực, với những đề nghị để cải tổ⁸. Lời kêu gọi được hưởng ứng cách mau mắn. Sau khi học hỏi tình hình, Đức Cha Phanxicô Ingoli đã làm nhiều bản báo cáo lên Hội đồng Hồng Y.

Năm 1625, Đức Cha Phanxicô Ingoli trình bản báo cáo thứ nhất về tình trạng các thừa sai. Theo Đức Cha, có hai tệ nạn cần phải để ý đó là mối bất hòa giữa các cha dòng Tên và các cha dòng khác, giữa hai quốc gia Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, giữa Giám mục và các cha dòng. Sau đó là lòng tham lam của một số thừa sai chỉ lo việc buôn bán tích của, không để ý đến hoạt động truyền giáo. Ngài đề nghị không nên để các thừa sai khác dòng hoặc thuộc hai quốc gia Bồ

Đào Nha và Tây Ban Nha trong một khu vực và nên đặt các Giám mục triều, vì Giám mục dòng thường chỉ nghĩ đến lợi ích dòng mình, do đó, làm các cha dòng khác không bằng lòng. Ngài cũng đề nghị sai những vị đại diện Tòa Thánh đến các địa sở truyền giáo để kiểm soát và tạm trị nhậm các tòa Giám mục để trống. Rồi cần phải chọn lọc các thừa sai trước khi gởi đến các địa sở truyền giáo, để tránh những tệ nạn trục lợi, thiếu tài đức.⁹

Ba năm sau, ngày 24-11-1628, Đức Cha Phanxicô Ingoli lại trình bản báo cáo thứ hai về tình trạng các địa sở truyền giáo, nhất là ở vùng Nam Mỹ. Ngài đề ý đến việc các thừa sai không muốn hoặc thiếu cố gắng trong việc huấn luyện người bản xứ để đưa họ lên chức thánh. Ngài đề nghị thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc. Ngài đưa ra những bằng chứng là những người Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam có đủ năng lực để học hỏi và tài đức cần thiết để làm Linh mục.¹⁰

Sau khi đã nhận định tình trạng, Bộ Truyền Giáo vạch ra một chương trình hoạt động: thu hồi quyền chỉ huy và nâng dậy tinh thần các thừa sai, đặt các Giám mục đại diện Tòa Thánh để kiểm soát và đồng thời để thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc đưa các địa sở truyền giáo đi dần đến chỗ trưởng thành và tự lập.

Công việc thu hồi quyền chỉ huy các thừa sai không phải là việc dễ dàng. Từ trước các Ngài vẫn quen sống tùy thuộc vào quyền bảo trợ. Riêng các thừa sai các dòng, các Ngài còn có những quyền lợi và nhiều đặc ân gần như tự trị. Vì thế không thể tránh khỏi những phản ứng, khi thấy Bộ Truyền Giáo can thiệp vào hoạt động của các Ngài. Nhưng đảng khác, tuy được quyền lợi rộng rãi, các Ngài cũng không dám từ chối hoặc chống lại quyền chỉ huy của một cơ quan do chính Đức Thánh Cha đặt ra, và nếu Đức Thánh Cha đã ban quyền cho các Ngài, Người cũng có quyền rút lại. Với thời gian, với tài xếp đặt khéo léo đi đôi với việc sử dụng quyền bính, Bộ Truyền Giáo sẽ dần dần đi đến kết quả.

Bước đầu của Bộ Truyền Giáo là ra sắc lệnh yêu cầu các Bề Trên dòng khai danh sách các thừa sai định gởi đến địa sở truyền giáo và dành quyền khảo sát cho Bộ Truyền Giáo.¹¹ Các Bề Trên hằng năm cũng phải báo cáo tình hình các địa sở truyền giáo về Bộ. Nhiều sắc

lệnh khác hạn định dần dần các đặc ân quá rộng rãi của các thừa sai. Năm 1633, Đức Urbanô VIII, trong đoạn sắc tựa đề “Vì bốn phận mục vụ” (Ex debito pastorali), nhắc lại điều luật cổ truyền của Giáo hội cấm các Giáo sĩ không được buôn bán và ra hình phạt cho người lỗi phạm.¹²

Đi xa hơn nữa, để giữ quyền chỉ huy ở một vài địa sở truyền giáo, Bộ cho thành lập một loại thừa sai mới, người ta quen gọi là Thừa sai Bộ Truyền Giáo. Các thừa sai này được chọn trong các dòng truyền giáo. Bộ có quyền sai đi hay gọi về và ở địa sở truyền giáo, các Ngài hoạt động dưới sự chỉ huy trực tiếp của Bộ.¹³

Đồng thời Bộ để ý tới việc thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc. Năm 1626, Bộ Truyền Giáo cho Đức Cha Diego Valente ở Áo Môn chọn lựa và truyền chức linh mục cho một số người Nhật tùy theo nhu cầu đòi hỏi. Năm sau 1627, Bộ lập trường Urbano de Probaganda Fide ở Rôma, để huấn luyện các chủng sinh ở các địa sở truyền giáo gửi đến.¹⁴ Năm 1633, Đức Cha Diego Valente qua đời, công việc Bộ truyền cho ngài vẫn chưa được thực hiện. Bộ đã nghĩ đến việc thành lập ở Nhật một tòa Tổng Giám mục và nhiều tòa Giám mục. Quốc vương Tây Ban Nha, Philippo IV, xin đề cử các nhân viên, nhưng Bộ không muốn các Giám mục mới tùy thuộc quyền bảo trợ. Ngày 30-11-1637, Bộ đã bí mật truyền chức cho hai Giám mục để sai qua Nhật với huấn lệnh thành lập hàng Giáo sĩ Nhật và tìm cách đi đến việc lập Giám mục người Nhật, để có thể đương đầu với cuộc bách hại ở đó.

2. Quốc gia Bồ Đào Nha làm khó để các Giám mục và Thừa sai của Bộ Truyền Giáo

Hai vị Giám mục của Bộ là Đức Cha Mathieu de Castro¹⁵ và Đức Cha Francesco Antonio de Santo Felice Frascella. Đức Cha Mathieu de Castro là người Ấn Độ thuộc môn phiệt Brahma. Không được Đức Tổng Giám mục ở Goa, Đức Cha Christophe de Sa, chấp nhận cho đi tu để làm linh mục, ngài đã qua Ba Tư, Armenia và tới Rôma năm 1625. Năm 1631 được thụ phong linh mục và được Bộ sai về Ấn Độ truyền giáo cho người Brahma. Ở Goa lúc đó Đức Tổng Giám

mục đã qua đời, cha Gioan de Rocha làm quản trị, cha này nhất định không nhận thừa sai không qua quyền kiểm soát của Lisbonna. Thất vọng, ngài lại trở lại Rôma. Năm 1636 tới Rôma thì đang lúc Bộ tìm nhân viên làm Giám mục để sai sang Nhật. Đề phòng trường hợp vì bách hại quá gắt gao, không thể vào đất Nhật, Bộ đã đặt ngài làm đại diện Tòa Thánh lo việc truyền giáo ở Idalca gần Goa, ở đấy các thừa sai Bồ Đào Nha không còn ai. Đi lối Armenia, và Ba Tư để tránh những khó dễ của người Bồ Đào Nha, khi hai Đức Cha tới Goa thì được biết cuộc bách hại gắt gao ở Nhật đã chặn hết các lối thông thương. Đức Cha Antonio de Santo Felice ở lại Goa, còn Đức Cha Mathieu de Castro qua Idalca theo sự xếp đặt của Bộ. Đức Tổng Giám mục của Goa lúc đó là Đức Cha Francesco des Martyres nhất định không công nhận quyền của ngài, vì ngài được truyền chức Giám mục và sai đi không có sự ưng thuận và hỏi ý kiến Quốc vương Bồ Đào Nha. Dầu vậy, ngài cũng vẫn đến hoạt động ở Idalca và đã truyền chức linh mục cho một số người dân ở đó. Quốc gia Bồ Đào Nha nhất định nhúng tay vào. Phó vương ở Goa được lệnh bắt giam Đức Cha và giải về Lisbonna. Nhưng Đức Cha đã mau chạy trốn về Rôma năm 1644. Bộ Truyền Giáo không muốn làm cho bầu khí giữa Tòa Thánh và quốc gia Bồ Đào Nha thêm gay go. Nhưng để lòng tin nhiệm Đức Cha Mathieu de Castro, năm 1645 Bộ đã sai Ngài đại diện Tòa Thánh tạm thời ở Ethiopia. Sau đó Đức Cha lại trở về Idalca, trước bao khó dễ và tấn công của người Bồ Đào Nha, ngài còn ở lại mãi đến năm 1658 mới chịu về Rôma và qua đời ở đó năm 1677.

Nếu đối với các Giám mục đại diện tòa Thánh, hàng Giáo sĩ thuộc quyền bảo trợ Bồ Đào Nha không chịu công nhận và thái độ của nhà cầm quyền bảo trợ Bồ Đào Nha tỏ ra không kiên nhẫn, thì các thừa sai của Bộ càng bị xử tàn tệ hơn nữa. Cùng một thời kỳ với Đức Cha Mathieu de Castro có cha Ephrem de Nevers, người Pháp, thừa sai của Bộ theo đường Ba Tư qua truyền giáo ở Madras. Tình này người Anh đã mua lại của vua xứ Golcondo và không có thừa sai người Bồ Đào Nha ở. Nhưng người Bồ Đào Nha ở Meliapour gần đó, vẫn dò la và tìm cách bắt. Một hôm cha qua Meliapour để dàn xếp câu chuyện giữa người Anh và người Bồ Đào Nha, họ liền bắt giam và giải về Goa, giam trong nhà ngục của tòa điều tra. Là dụng cụ của Quốc vương Bồ Đào Nha, pháp đình này kết án và tống giam cha. Tòa Đại

Sứ Pháp ở Bồ Đào Nha đã can thiệp và Đức Thánh Cha Innocentê X cũng truyền cho Đức Cha Antonio de Santo Felice điều tra. Được biết cha Ephrem de Nevers vô tội, Bộ Truyền Giáo đã xin Bộ Thánh Vụ can thiệp nhưng người Bồ Đào Nha vẫn cố chấp. Cuối cùng vua xứ Golcondo phải đốt phá Meliapour, Goa mới chịu trả tự do cho cha Ephrem.

Hai câu chuyện xảy ra trên đây chứng tỏ đế quốc Bồ Đào Nha nhất định làm cản trở Bộ Truyền Giáo trong việc thu hồi quyền chỉ huy các thừa sai và nhất là trong việc thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc. Cuộc vận động của cha Đắc Lộ trong chuyến trở lại Rôma lần này mục đích là yêu cầu Bộ sai các Giám mục đại diện Tòa Thánh đến Việt Nam, để thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc. Công việc của cha Đắc Lộ sẽ bị người Bồ Đào Nha cản trở. Nhưng Bộ Truyền Giáo đã làm gì để chống lại chế độ bảo trợ của người Bồ Đào Nha?

3. Bộ Truyền Giáo với chế độ bảo trợ của Bồ Đào Nha

Năm 1644, Đức Cha Phanxicô Ingoli, thư ký Bộ Truyền Giáo đã đưa bản báo cáo thứ ba về những tệ lạm trong chế độ bảo trợ của người Bồ Đào Nha.¹⁶

Có lẽ đây là vấn đề khó khăn hơn cả của Bộ Truyền Giáo. Đối với các tu sĩ, việc thu hồi quyền chỉ huy chỉ cần thời gian và tài khéo xếp đặt, nhưng đối với tục quyền, vấn đề không phải dễ, một khi họ cố bám để lợi dụng, và nhất là họ có sẵn quyền hành và luật pháp để bảo vệ.

Trong các luật gia bảo vệ quyền bảo trợ lúc đó có Juan Solorzano Pereira với cuốn *De Indiarum Jure*.¹⁷ Trong phần nói về quyền hành của Quốc vương trong Giáo hội, ông cho rằng, theo ủy quyền Tòa Thánh, Quốc vương có toàn quyền trong tất cả mọi vấn đề tôn giáo chứ không phải chỉ hạn hẹp trong quyền bảo trợ. Quốc vương là đại diện của Tòa Thánh trong các khu truyền giáo, vì thế sai đại diện Tòa Thánh đến khu đó là phạm đến quyền của Quốc vương. Cũng theo ông, Quốc vương có quyền kiểm soát, trừng phạt, hay trục xuất các Thừa sai... cho đến cả các thư từ, công văn Tòa Thánh, các quyết nghị, các công đồng địa phương, đều phải qua sự kiểm soát của hội

đồng Quốc vương trước khi tuyên bố.

Tuy cuốn *De Indiarum Jure* của Solorzano Pereira được hội đồng Quốc vương ấn hành và được coi như bản luật chính thức, Tòa Thánh cũng không ngần ngại lên án.

Tình hình chính trị lúc đó đòi hỏi Tòa Thánh phải dè dặt trong việc áp dụng những đề nghị mà Đức Cha Ingoli đưa ra để chống lại những tệ lạm trong chế độ bảo trợ. Tây Ban Nha đầu sao lúc đó cũng là một quốc gia mạnh hơn cả. Họ có quân đội trên đất Ý, họ có thể áp lực đối với Tòa Thánh. Tuy là quốc gia Công giáo, nhưng họ tìm cách tịch thu tài sản của Giáo hội trong nước họ. Thiếu dè dặt, họ có thể vì bất mãn mà thi hành ý định đó. Còn quốc gia Bồ Đào Nha lúc đó đang thời kỳ suy đồi. Ở trong nước, năm 1578 Quốc vương Bồ Đào Nha tử trận ở Maroc, quyền trị nước vào tay Castillanô, tức Philippô II, Quốc vương Tây Ban Nha. Ở vùng Ấn Độ, ảnh hưởng và quyền thương mại bị người Hòa Lan đến tranh giành: năm 1641, Malacca bị mất. Nhưng ở trong nước từ năm 1640, người Bồ Đào Nha đã nổi loạn và đưa Gioan IV lên cầm quyền. Họ đã sai sứ giả sang Tòa Thánh để xin công nhận quyền độc lập. Bị người Tây Ban Nha làm áp lực, Tòa Thánh áp dụng chính sách chần chờ và kéo dài thời gian.

Đó là tình trạng suy đồi ở các địa sở truyền giáo, với những trở lực của người Bồ Đào Nha trước những mong muốn và cố gắng của Bộ Truyền Giáo khi cha Đắc Lộ đến công cán ở Rôma.

IV. Cuộc Vận Động Của Cha Đắc Lộ Với Bộ Truyền Giáo

Cha Đắc Lộ tới Rôma ngày 27-6-1649, thì hai tháng sau, Đức Cha Ingoli, thư ký Bộ Truyền Giáo qua đời. Một người ở hậu tuyến hoạt động bằng trí óc và qua giấy tờ, một người chiến đấu ở tiền tuyến với kinh nghiệm thực tế ở ngay chiến trường. Cả hai nhận thấy cần phải thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc ở các địa sở truyền giáo. Đức Cha Ingoli không còn nữa, nhưng tinh thần của ngài vẫn tồn tại. Vì thế tuy gặp những cản trở và khó khăn do quyền bảo trợ của người Bồ Đào Nha, cha Đắc Lộ vẫn được Bộ Truyền Giáo hoàn toàn tán thành đề nghị của cha.

I. Bản tường trình đệ lên Bộ Truyền Giáo¹⁸

Ngày 02-08-1650, cha Đắc Lộ đệ lên các Đức Hồng Y Bộ Truyền Giáo một bản tường trình đại ý nói: Giáo hội Việt Nam là một Giáo hội phồn thịnh và đông giáo dân, mà chưa có một ai được lãnh nhận phép thêm sức. Rất nhiều người chết mà không được lãnh nhận các phép Bí tích vì thiếu linh mục, thiếu thừa sai. Một Giáo hội đang gặp cơn thử thách của bách hại và đã có 7 vị tử đạo, can đảm đổ máu để chứng minh đạo... rồi cha kết luận: yêu cầu Bộ cấp tốc sai các Giám mục đến để thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc... và cha đưa ra lý do: với một giáo đoàn đông gần 300.000 và mỗi năm thêm chừng 15.000 nữa, phải sai đi ít nhất là 300 linh mục và có thể là 400 phòng chết dọc đường. Nhưng tìm đâu ra một số linh mục nhiều như thế? Tìm đâu ra tàu bè để chuyên chở? Tìm đâu ra tiền bạc để cung cấp cho các Ngài? Rồi một khi đã tới Việt Nam, liệu các vua chúa có cho phép họ đến trú ngụ nhiều như thế không? Từ trước đến nay các vua chúa mới chỉ cho phép một vài thừa sai đến ở trong nước. Đàng khác, con số đông các thừa sai rất có thể làm cho các vua chúa nghi ngờ và đưa đến cuộc bách hại tương tự ở Nhật. Giáo hội Nhật Bản đã chết vì thiếu hàng Giáo sĩ bản quốc. Nếu không muốn Giáo hội Việt Nam rơi vào tình trạng tương tự, cần phải thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc, vì các Ngài có thể lẫn tránh dễ dàng trong những khi bị bách hại.

Về vấn đề nhân viên, theo cha: những người thánh thiện đạo đức, xứng đáng lãnh nhận chức linh mục, có thể tìm kiếm dễ dàng trong số những thầy giảng, vì “các thầy đã thực hành trong đời sống những nhân đức của các linh mục”.

Để tránh những cản trở và khó dễ có thể gây ra do người Bồ Đào Nha, cha Đắc Lộ đề nghị sai các Giám mục đến Việt Nam với danh hiệu “In partibus infidelium” (ở khu vực lương dân). Không phải Giám mục bản quyền, các Ngài không lệ thuộc quyền bảo trợ của người Bồ Đào Nha. Việc đặt và sai các Ngài đến nơi đó cũng không cần được sự ưng thuận của người Bồ Đào Nha, vì đây là do lòng săn sóc của Đức Thánh Cha, khi được Bộ Truyền Giáo cho biết tình trạng đòi hỏi của các khu truyền giáo.

Đề nghị sai các Giám mục qua Việt Nam với danh hiệu “khu vực lương dân” (In partibus infidelium), cha Đắc Lộ tỏ ra am hiểu đường lối của Bộ trước đây trong việc sai Đức Cha Mathieu de Castro qua Nhật, các Giám mục “khu vực lương dân” mà cha đề nghị ở đây, chính là các đại diện Tòa Thánh, một tổ chức mới của Bộ Truyền Giáo đặt ra để tránh quyền bảo trợ của người Bồ Đào Nha.

Vì thích hợp với chương trình hoạt động của Bộ đang theo đuổi, nên đề nghị của cha được các Hồng Y tán thành ngay. Ngày 01-08-1651, các Ngài đề nghị với Đức Thánh Cha Innocentê X sai sang Việt Nam một Đức Thượng Phụ, 02 hoặc 03 Đức Tổng Giám mục và 12 Đức Giám mục, tất cả với tính cách đại diện Tòa Thánh, Đức Innocentê X, theo các sử gia là một người thiếu cương quyết, nhưng đúng hơn, có lẽ vì ngài lo ngại những trở lực lớn lao người Bồ Đào Nha sẽ gây ra, vả lại, công việc hệ trọng như thế cần phải suy xét kỹ lưỡng, nên ngài chưa muốn chuẩn y ngay. Đề nghị của Bộ bị trả về để nghiên cứu lại. Thật đáng tiếc, nếu Đức Thánh Cha chuẩn y đề nghị đó thì chúng ta đã hãnh diện được có Thượng Phụ và Tổng Giám mục ngay từ thời kỳ đầu của lịch sử Giáo hội Việt Nam. Đã có lần Đức Thánh Cha muốn đặt cha Đắc Lộ làm Giám mục tiên khởi của Giáo hội Việt Nam, nhưng cha từ chối. Để xúc tiến công việc và đánh đổ những do dự của Đức Thánh Cha, vào tháng 5-1652, cha Đắc Lộ đệ trình lên Đức Thánh Cha một bản tâu trình nhấn mạnh việc thành lập hàng Giáo sĩ Việt Nam¹⁹, cha viết: “Rất có thể tìm

những người Việt Nam xứng đáng để nâng lên chức linh mục, vì họ có những người đã biết đổ máu ra để chứng minh đạo”.

Nhưng đề nghị của cha vẫn chưa được chấp thuận ngay. Trong buổi họp ngày 30-07-1652, các Hồng Y chủ trương nên sai một linh mục triều đến điều tra tại chỗ tình hình giáo đoàn Việt Nam trước khi quyết định đặt các Giám mục, Rôma lại trở lại với đường lối dè dặt khôn ngoan cổ truyền.

Sau ba năm mà kết quả chưa đạt tới, ngày 11-09-1652, cha bỏ Rôma qua Paris.

2. Công cán ở Paris. Qua đời ở Ba Tư

Mục đích của cha qua Paris, theo như cha viết, là để “tìm kiếm những chiến sĩ đi chinh phục tất cả vùng Đông Nam Á đem về qui phục Chúa Giê-su Kitô” và cha “hy vọng tìm ra phương kế nào khác để có những Giám mục cho các Giáo hội ở đây”.

Mục đích đó, cha đã đạt được một phần. Việc tìm những chiến sĩ đi chinh phục tất cả vùng Đông Nam Á thì một số đông các cha dòng Tên nghe tiếng gọi truyền giáo của cha đã tình nguyện xin làm thừa sai, trong đó có 20 cha được chỉ định để xuống tàu chuyển tới. Còn vấn đề Giám mục, khi vừa tới Paris, cha đã cảm thấy một bầu khí dọn sẵn cho công việc của cha. Đạo đó ở Paris có nhiều hội thiện thu hợp những thanh niên có thiện chí để cùng nhau học hỏi về đời sống đạo đức và hoạt động tông đồ. Người ta thường gọi những hội đó là hội “những người bạn hiền”. Trong số những hội viên, cũng có nhiều linh mục. Tuyên úy là cha Bagot, dòng Tên.

Nhờ cha Bagot giới thiệu, cha Đắc Lộ đã được tiếp xúc với họ. Cha trình bày với họ “tình trạng đòi hỏi khẩn cấp các thừa sai ở Việt Nam và hy vọng lớn lao thu lượm được một mùa gặt phong phú...” Cha đã nhóm lên trong lòng họ, một ước vọng và một hướng đi mới trong đời sống và hoạt động của họ. Ngày 14-02-1653, cha sung sướng báo tin cho cha Bề Trên cả dòng Tên là có tới 20 nhân viên muốn đi truyền giáo. Trong số đó, cha để ý đến 3 linh mục mà cha cho là xứng đáng nâng lên địa vị Giám mục, đó là cha Phanxicô Pallu, kinh sĩ thánh đường Saint Martin ở Tours, cha Phanxicô de Montigny Laval, Tổng phó tế Evreux và cha Bênadô Piques, coi xứ ở

Paris.

Cha trình công việc với Đức Cha Bagni, sứ thần Tòa Thánh ở Paris. Sau khi điều tra, Đức Cha Bagni tán thành công việc của cha, và ngày 07-03-1653, ngài báo tin về Đức Hồng Y Pamphili, quốc vụ khanh Tòa Thánh, còn cha Đắc Lộ báo tin về Bộ Truyền Giáo. Cả hai cùng không quên cho biết là có một số người hảo tâm do bà công tước Aiguillon đứng đầu, nhận giúp cho ba vị Giám mục mỗi năm 600 đồng.²⁰ Nhưng trong buổi họp ngày 01-04-1653, các Đức Hồng Y Bộ Truyền Giáo cho biết chỉ ưng thuận với điều kiện là những nguồn lợi phải được lập bản ở Rôma, hoặc ít nhất là ở Avignon, lúc đó là đất đai của Tòa Thánh ở Pháp.²¹ Chúng ta nhận thấy lần này không phải nguyên Đức Thánh Cha Innocentê X mà lại cả chính Bộ Truyền Giáo tỏ vẻ e ngại. Với kinh nghiệm những trở ngại gây ra do sự lệ thuộc vào người Bồ Đào Nha về phương tiện trợ cấp, Bộ không muốn một lần nữa lại rơi vào lệ thuộc người Pháp về cùng phương diện đó.

Cha Đắc Lộ muốn thay đổi điều kiện, bằng cách nhờ Học Viện các cha dòng Tên ở Rôma làm trung gian trao nguồn lợi trợ cấp đó cho Bộ Truyền Giáo, nhưng các Đức Hồng Y không nhận.

Đàng khác người Bồ Đào Nha tìm cách phá đổ công việc của cha Đắc Lộ. Cha Launay viết: “Sự thực người Bồ Đào Nha lợi dụng Công giáo để bảo vệ những chiến thắng của họ... Nghe tin việc bổ nhiệm các Giám mục Pháp, họ sợ nước Pháp sẽ theo chân các Ngài mà tiến vào vùng Đông Nam Á. Lợi ích cao cả của các linh hồn và của đức tin không được đếm xỉa đến trong khi họ tính toán công việc... Rôma từ lâu biết các lý do thầm kín thúc đẩy họ chống đối lại những công việc đó, nhưng Rôma không thể và cũng không muốn vạch mặt hoặc không thềm đếm xỉa đến họ. Con tim và lý trí không cho phép làm điều đó. Đàng khác, Rôma vẫn có lòng triu mến kèm theo lòng tri ân đối với một nước đã giúp đỡ nhiều việc, Rôma cũng lo ngại việc bắt giam các thừa sai Pháp, việc đó Đại Sứ Bồ Đào Nha đã đe dọa”.²²

Nhưng cha Đắc Lộ được sự ủng hộ của hội đồng Giáo sĩ Pháp. Vào ngày 17-07-1653, một bản tâu trình có chữ ký của nhiều Giám mục được đệ lên Đức Thánh Cha Innocentê X. Còn một bản khác, trong có chữ ký của thánh Vincent de Paul được đệ trình lên Bộ

Truyền Giáo ngày 29-09-1653.²³

Quốc vương Bồ Đào Nha hình như cũng lo ngại Bộ Truyền Giáo trước những thúc đẩy của hàng Giáo sĩ Pháp, và nhất là tình trạng bỏ trống của mình trong khu truyền giáo, sẽ nghiêng theo giải pháp của cha Đắc Lộ, vì thế đã nhờ Đức Cha Manuel du Caha yêu cầu với Bề Trên cả dòng Tên cho “ít nhất là 70 thừa sai để đưa xuống tàu vào chuyển thứ nhất qua Ấn Độ”.²⁴

Cử chỉ có vẻ sửa lỗi của Quốc vương Bồ Đào Nha không làm thay đổi thái độ của Bộ Truyền Giáo, nhưng gây ảnh hưởng với Bề Trên cả dòng Tên. Không để cha Đắc Lộ liệu xong công việc, cha Bề Trên đã quyết định sai cha qua truyền giáo ở Ba Tư. Chúng ta cũng phải nhận rằng việc sai cha Đắc Lộ trở về Việt Nam hoặc vùng Đông Nam Á là không nên. Trong suốt 5 năm trời hoạt động để yêu cầu Bộ Truyền Giáo lập nhiều tòa Giám mục ở Việt Nam, trước sự cản trở của người Bồ Đào Nha, chắc chắn cha đã bị người Bồ Đào Nha thù ghét, không thể trở lại hoạt động trong khu vực bảo trợ của họ được, chỉ có cách là sai cha đi nơi khác. Trên đường về Rôma, cha Đắc Lộ đã qua Ba Tư và cha đã ghi được nhiều nhận xét về hoạt động truyền giáo ở đó với hy vọng có kết quả nếu đem thực hành. Cho rằng cha hoạt động ở đó hợp hơn, Bề Trên cả dòng Tên đã sai cha tới đó.

Giao phó công việc của cha trong sự quan phòng của Chúa, ngày 16-11-1654, cha vâng lời Bề Trên, lên đường đến địa sở truyền giáo mới. Công việc của cha ở Ba Tư cũng như ở Trung Hoa trong thời kỳ Áo Môn không được kết quả như ở Việt Nam, nơi đất tốt. Cha vẫn canh cánh bên lòng mối lo âu của cha đối với Giáo hội Việt Nam, những yêu cầu khẩn cấp của đoàn chiên thiếu Chúa chiên. Cha đã qua đời ở Ba Tư tháng 11-1660, nhưng hai năm trước khi chết cha đã sung sướng biết tên hai vị Giám mục tiên khởi của Giáo hội Việt Nam: Đức Cha Phanxicô Pallu và Lambertô de la Motte. Cha đã sung sướng nhắm mắt vì thấy công việc của cha đã thành đạt.

Ở đây, trước khi từ biệt cha Đắc Lộ, chúng ta không quên nhớ lại những công ơn của ngài đối với Giáo hội Việt Nam, ngài qua đời tính đến nay đã được hơn 300 năm.

Đối với Giáo hội Việt Nam, ngài là vị tông đồ đáng ghi tên tuổi hơn

cả trong số những thừa sai đầu tiên đến đặt nền móng cho Giáo hội Việt Nam và là người có công đầu trong việc thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc với những khó nhọc trong công việc công cán chúng ta vừa đọc trên đây.

Đối với quốc gia Việt Nam, chúng ta không quên ngài có công lớn trong việc lập chữ quốc ngữ và là tác giả nhiều cuốn sách có giá trị về văn hóa với những tài liệu quý giá về lịch sử quốc gia, về ngôn ngữ cũng như về tập tục xã hội, đồng thời làm rạng danh người Việt bên trời Âu.

Chương II
Hai Giám Mục Tiên Khởi Của Giáo Hội Việt Nam

I. Quyết Định Thành Lập Hai Tòa Giám Mục Đại Diện Tòa Thánh Ở Việt Nam

Ngày 16-11-1656 cha Đắc Lộ vâng lời Bề Trên đi truyền giáo ở Ba Tư. Tuy buồn rầu vì công việc chưa thành đạt, nhưng cha vẫn luôn luôn tin tưởng ở Thiên Chúa quan phòng sẽ xếp đặt công việc còn dang dở của cha. Cha đã nói với các bạn thân của cha: “Tôi tin chắc là Thiên Chúa Đấng xếp đặt mọi hoàn cảnh, một ngày kia sẽ thương đến người xứ Đông Kinh và lúc thời cơ thuận tiện, các Giám mục sẽ lên đường”.²⁵

Trái lại, ở Paris, cha Đắc Lộ ra đi, người ta coi công việc như đã bị đổ vỡ. Ba cha Phanxicô Pallu, Montigny Laval và Bênadô Piques, ai về khu vực của mình và trở lại với công việc cũ. Cha Phanxicô Pallu viết: “Tất cả các bạn của cha Đắc Lộ đã đi Bồ Đào Nha để lấy tàu qua Ấn Độ. Trừ phi là cha dòng Tên, còn không, người ta không để chúng tôi xuống tàu... chúng ta hãy nhẫn nại trông đợi Chúa và luôn bảo tồn sự an bình trong trái tim chúng ta”.²⁶

Còn ở Rôma với sứ mệnh thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc ở các địa sở truyền giáo, Bộ Truyền Giáo vẫn lo giải quyết vấn đề. Với tôi, sự làm việc thiếu cương quyết của Đức Thánh Cha Innocentê X, các đề nghị của Bộ bị chậm trễ rất nhiều. Nhưng năm sau, 1655, ngày 07-01, Đức Thánh Cha Innocentê X qua đời, Đức Thánh Cha Alexandrô VII lên thay. Từ khi còn là Hồng Y Fabio Chigi, Đức Thánh Cha mới vẫn có tiếng là cương quyết và xếp đặt công việc mau lẹ.

Đồng thời ở Pháp, người ta đã dàn xếp xong xuôi vấn đề lập bản các nguồn lợi cho các Giám mục đại diện Tòa Thánh,²⁷ theo đòi hỏi của Bộ Truyền Giáo. Thánh Vicentê Phaolô đã viết thư báo tin cho Bộ biết, các nhà hảo tâm sẵn lòng lập bản các nguồn lợi của Avignon, đất đai của Tòa Thánh. Ngày 26-04-1655, Bộ Truyền Giáo trả lời Đức Cha Bagni, sứ thần Tòa Thánh ở Paris, là sẽ cứu xét vấn đề.²⁸ Hội đồng Giáo sĩ Pháp họp vào tháng 4-1655, cũng ủy nhiệm cho Đức Cha Godean, Giám mục thành Vence, viết thư xin Đức Thánh Cha bổ nhiệm mau chóng các Giám mục cho Giáo hội Việt Nam.²⁹

Cho rằng công việc sẽ xúc tiến hơn nếu có người vận động tại chỗ, đầu mùa xuân 1656, cha Vincentê de Meur, nhân viên trong đám “Bạn hiền” đề nghị tổ chức một phái đoàn qua công cán ở Rôma, do Phanxicô Pallu đứng đầu. Lúc đầu cha Phanxicô Pallu ngần ngại, nhưng sau cùng ngài cũng bằng lòng lên đường.

1. Cuộc vận động của hai cha Phanxicô Pallu và Lambertô de la Motte ở Rôma

Phái đoàn đi Rôma gồm 05 người. Cuộc hành trình vất vả và gian lao kéo dài hơn một năm. Lúc đó nước Ý đang bị nạn dịch hoành hành. Tới Marseille, nghe tin đó, phái đoàn phải chờ lại sáu tháng, mãi đến cuối tháng 5-1657, mới tới kinh thành bất diệt. Tới Rôma được nửa tháng thì cha Phanxicô Pallu được thư của bà công tước Aiguillon. Bà thúc giục cha hoạt động bền chí và khuyên cha đến gặp Đức Hồng Y Bagni, trước làm sứ thần Tòa Thánh ở Paris, vì ngài rất tán thành công cuộc của cha Đắc Lộ. Được thư của bà, cha Phanxicô Pallu thêm hăng hái. Cha viết: “Tôi cảm động đến tận đáy lòng, tôi hổ thẹn thấy mình là một linh mục mà lại không nhiệt thành chăm lo đến lợi ích của Giáo hội, đến sự cứu rỗi những người lương dân bằng một người đàn bà”.

Với sự giúp đỡ của Đức Hồng Y Bagni, ngày 17-07-1657, phái đoàn được vào gặp Đức Thánh Cha Alexandrô VII. Cha Vincentê de Meur đã đọc một bản tường trình rất dài để xin Đức Thánh Cha cứu xét tình trạng rất khẩn cấp của các khu vực truyền giáo ở Trung Hoa và Việt Nam, đang thiếu giám mục và linh mục. Vấn đề có thể tuyển chọn trong số các thầy giảng. Nhưng cần có giám mục để truyền chức cho họ. Cha Đắc Lộ đã trở về Âu Châu chỉ vì vấn đề đó. Cha đã tìm được ở Paris, những linh mục sẵn sàng bỏ quê hương, họ hàng bà con thân thuộc hiến mình và tất cả những gì thuộc về họ để cứu vớt những dân miền xa. Đức Thánh Cha Innocentê X đã chọn trong số đó 3 vị để nâng lên chức giám mục. Nhưng công việc chưa giải quyết được vì vấn đề quyền bảo trợ của người Bồ Đào Nha và vấn đề nguồn lợi trợ giúp cho các Ngài. Khó khăn về quyền bảo trợ của người Bồ Đào Nha có thể tránh được bằng cách đặt các Giám mục đại diện Tòa Thánh “khu vực lương dân” (In partibus infidelium) thay

vì Giám mục Chính tòa. Còn về vấn đề nguồn lợi trợ giúp các Ngài, cha Vincentê de Meur nhấn mạnh là các giám mục tương lai sẽ không đòi hỏi sự trợ cấp của Bộ Truyền Giáo. Một nguồn lợi đã được lập ở Avignon, đủ để cung cấp lộ phí và công cuộc của các Ngài. Về cuộc hành trình đến địa sở truyền giáo, nếu nước Bồ Đào Nha không cho đi tàu của họ, các Ngài có thể dùng đường bộ qua Ba Tư và Ấn Độ.³⁰

Đức Thánh Cha Alexandrô VII hết sức tán thành đề nghị của các cha để công việc được xúc tiến mau chóng hơn, Đức Thánh Cha đặt một ủy ban bốn Đức Hồng Y cứu xét vấn đề và lần này phải đi đến thực hiện. Ngày 26-09-1657, Bộ Truyền Giáo đã nhờ sứ thần Tòa Thánh ở Paris điều tra về đời sống của những linh mục mà Bộ muốn tuyển chọn lên chức Giám mục “đại diện Tòa Thánh ở khu vực lương dân trong nước Trung Hoa và Việt Nam”.³¹

Thấy công việc đã có nhiều hứa hẹn chắc chắn, các nhân viên trong nhóm “Bạn hiền” trở về Paris. Một mình cha Pallu ở lại theo dõi công việc và tiếp tục cuộc vận động. Nhưng công việc đã bị chậm trễ vì vấn đề nguồn lợi trợ cấp cho các Giám mục đại diện. Bộ Truyền Giáo muốn có một cái gì thực tế và bảo đảm hơn những lời hứa. Biết mình không thể có phương tiện để giải quyết vấn đề, cha Phanxicô Pallu liền viết thư cho cha Lambertô de la Motte.

Cha Lambertô de la Motte trước đây là trạng sư và là cố vấn một cơ quan viện trợ ở Rouen. Nhưng theo tiếng gọi cha đã từ giã chức quyền để sống đời khổ hạnh tu trì và được thụ phong linh mục vào tháng 12-1655 ở Coutances. Trở về Rouen, cha theo dõi công việc giúp đỡ những người nghèo khó, bảo trợ các cơ quan từ thiện, thành lập Chủng Viện và cố gắng nâng dậy hàng Giáo sĩ của địa phận. Công cuộc đòi hỏi nhiều nguồn lợi, cha phải đi Paris để quyền tiền trợ giúp. Chính ở đây cha đã gặp các cha trong nhóm “Bạn hiền” và bắt đầu chú ý đến công cuộc truyền giáo, nhưng vì bận tâm với công cuộc xã hội, cha vẫn chưa có quyết định chi cả. Lá thư của cha Phanxicô Pallu đã thay đổi hướng đi cuộc đời của cha. Từ đây cha sẽ là người bạn cộng tác đắc lực của cha Phanxicô Pallu trong cánh đồng truyền giáo ở vùng Đông Á. Cả hai sẽ cùng nhau xây dựng hàng Giáo sĩ bản quốc Việt Nam. Được thư của cha Phanxicô Pallu,

cha vội vã lên đường và ngày 18-11-1657, cha tới Rôma.

Để giải quyết vấn đề trợ cấp các Giám mục, cha Lambertô de la Motte nhờ một ngân hàng ở Rôma đứng bảo đảm, để dâng cúng tài sản của mình làm nguồn lợi trợ cấp. Như thế vấn đề được giải quyết một cách thực tế và có bảo đảm, nên ủy ban bốn Đức Hồng Y tuyên bố tán thành việc sai ba Giám mục đại diện Tòa Thánh qua miền Đông Á.³²

2. Thành lập hai Tòa Giám mục đại diện Tòa Thánh ở Việt Nam

Ngày 13-01-1658, Bộ Truyền Giáo đề cử hai cha Phanxicô Pallu và Lambertô de la Motte làm Giám mục đại diện Tòa Thánh ở Việt Nam. Ngày 08-06 Đức Thánh Cha Alexandrô VII chấp thuận và công bố trong đoản sắc “Sứ mệnh Tông Đồ” (Apostolatus Officium) ngày 29-07, cha Phanxicô Pallu Giám mục hiệu thành Hêliôpôli, ngày nay là Bealbeck, còn cha Lambertô de la Motte, Giám mục hiệu thành Bêryta, ngày nay là Beyrouth, cả hai thành phố thuộc Libanô. Đức Cha Pallu ở lại Rôma và được thụ phong do tay Đức Hồng Y Barberini, tổng trưởng Bộ Truyền Giáo, tại Vương Cung Thánh Đường Thánh Phêrô ngày 17-11-1658, còn cha Lambertô de la Motte, bỏ Rôma vào ngày 08-08 và thụ phong ở Paris, do Đức Tổng Giám mục địa phận Tours, ngày 02-06-1660.

Có lẽ chúng ta tự hỏi, tại sao Tòa Thánh không đặt các Ngài làm Giám mục Chính tòa một địa phận nào đó ở Việt Nam, chẳng hạn địa phận Đàng Trong hay địa phận Đàng Ngoài theo tiếng gọi hai khu vực của hai chúa Nguyễn và Trịnh thời bấy giờ. Nhưng Tòa Thánh lại đặt các Ngài làm Giám mục “hiệu thành”. Hơn nữa, lại thường lấy tên một thành phố hay một địa phận xa lạ nào đó, lúc bấy giờ đang dưới quyền một Giám mục, một Giáo hội đã ly khai với Giáo hội Rôma, hay một địa phận đã rơi vào tay người Hồi giáo và nay không còn nữa. Các Giám mục nhận tên địa phận đó, nhưng sự thực có lẽ chưa hề biết đến và cũng không bao giờ tới nhậm quyền. Câu hỏi trên đây không phải chỉ sau này thời chúng ta mới đặt ra. Ngay thời kỳ đầu khi Tòa Thánh mới đưa ra lối gọi đó, nhiều người đã nêu ra những thắc mắc và tìm hiểu cách đặt của Tòa Thánh.

Tác giả cuốn *Histoire de l'établissement du christianisme dans les Indes orientales* (trang 18,19) đã giải thích cho chúng ta cũng như cho những người thời bấy giờ, lý do đặt Giám mục “hiệu thành” của Tòa Thánh.³³ Theo ngài, là vì Đức Thánh Cha và các Đức Hồng Y của Bộ Truyền Giáo không muốn các Giám mục bị liên kết vào một khu vực nhất định với những quyền hành hạn định trong một địa phận. Là những Giám mục truyền giáo, Tòa Thánh muốn các Ngài được quyền ở khu vực này hay khu vực khác, tùy theo nhu cầu truyền giáo. Chẳng hạn một thời gian ở nơi này một thời gian ở nơi khác. Đồng thời cũng tùy theo đòi hỏi hoàn cảnh của nơi các Ngài đến. Chẳng hạn thời kỳ cấm đạo ở một nơi, các Ngài có thể tạm tránh sang nơi khác. Đàng khác con số các Ngài lúc đầu này, còn ít ỏi. Mỗi vị phải lãnh nhận thường là cả một vùng rộng lớn bao gồm nhiều khu vực địa phận khác nhau. Hạn định các Ngài quyền hành trong một khu vực địa phận như các Giám mục chính tòa, sẽ không thể đáp ứng nhu cầu khu vực truyền giáo lúc đó.

Hơn nữa Tòa Thánh muốn các Ngài, vì không phải Giám mục chỉ định chính thức cho một khu vực, sẽ lệ thuộc Tòa Thánh trực tiếp hơn là các Giám mục chính tòa. Nhất là thời kỳ bấy giờ, với chế độ các quốc gia Công giáo ở Tây phương, thế quyền và thần quyền chưa phân chia rõ ràng. Các vua chúa cũng có quyền trong các vấn đề tôn giáo. Các Giám mục địa phận một phần nào phải lệ thuộc quyền các vua chúa ở nơi đó. Là những Giám mục truyền giáo, đại diện Tòa Thánh sai đến các khu vực lương dân (*In partibus infidelium*), Tòa Thánh có thể sai phái các Ngài đến bất cứ khu vực nào trong vùng lương dân, hoặc gọi về, tùy ý, mà không phải hỏi ý kiến các vua chúa. Ngay cả, trong các vùng thuộc quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha hay Tây Ban Nha, các Quốc vương này chỉ có quyền đối với các Giám mục ở Goa, Áo Môn hay Malacca và đối với các thừa sai chịu sự trợ cấp của các Ngài. Với tính cách các Giám mục ở các khu vực lương dân, các Ngài không xâm phạm đến quyền lợi các Giám mục ở Goa, Áo Môn hay Malacca. Các Giám mục ở những nơi này cũng không có quyền hành gì đối với các Ngài, cũng như với các thừa sai của các Ngài. Như thế, Tòa Thánh cũng như Bộ Truyền Giáo đã bắt đầu có trong tay những Giám mục và

những thừa sai trực tiếp thuộc quyền mình. Công cuộc thu hồi quyền chỉ huy các địa sở truyền giáo và các nhân viên truyền giáo được khởi đầu và sẽ tiếp tục đi tới hoàn thành.

Cuối cùng với tính cách đại diện Tòa Thánh, các Ngài không còn là Giám mục của quốc gia này hay quốc gia khác, cũng không thuộc dòng này hay dòng khác. Nhờ đó, các Ngài có thể quản trị dễ dàng các thừa sai các quốc gia khác nhau cũng như thuộc các dòng khác nhau, và các Thừa sai đó cũng có thể cộng tác với các Ngài dễ dàng hơn.

Nguyên tắc thì thế, nhưng trên thực tế, chúng ta sẽ thấy Quốc vương Bồ Đào Nha cũng như các Giám mục ở Goa và Áo Môn chỉ trích Tòa Thánh đã xâm phạm quyền lợi của họ. Họ tìm cách làm khó dễ công việc của các Giám mục đại diện cũng như đòi hỏi các Ngài phải tuân phục mệnh lệnh của mình cũng như các thừa sai khác từ trước đến giờ. Đồng thời họ cũng ra lệnh cho các thừa sai không được nhận quyền các Giám mục đại diện và không được cộng tác với các Ngài. Do đó, đã gây ra những tranh chấp, những chia rẽ tai hại trong các địa sở truyền giáo.

Ngày 09-09-1659 Đức Thánh Cha Alexandrô VII lại ban hành đoàn sủng “Trên Tòa Thánh Phêrô” (Super Cathedram), phân chia khu vực của hai Đức Cha Phanxicô Pallu được ủy thác khu vực xứ Đông Kinh mà chúng ta có thể gọi từ nay là địa phận Đàng Ngoài, tức khu vực bấy giờ thuộc quyền chúa Trịnh, kèm theo 5 tỉnh Trung Hoa, đó là Vân Nam (Yunnan), Quế Châu (Koui-Tcheou), Hồ Quảng (Hou-Kouang), Quảng Tây (Kouang-Si), Từ Châu (Set-Choau) và thêm xứ Lào. Đức Cha Lambertô de la Motte trị nhậm khu vực xứ Nam, thuộc quyền chúa Nguyễn mà chúng ta từ nay gọi là địa phận Đàng Trong, kèm theo 4 tỉnh Trung Hoa, đó là Kiến Giang, hay Triết Giang (Tché-Kiang), Phúc Kiến (Fo-Kien), Quảng Đông (Kouang-Toung), Quảng Tây (Kouang-Si), và đảo Hải Vân. Ngày 20-09-1660, Đức Thánh Cha lại đặt thêm cha Ignaxiô Cotelendi, do Đức Cha Phanxicô Pallu giới thiệu, làm Giám mục đại diện Tòa Thánh, hiệu thành Metellopolis, ngày nay là Médélé, trông coi địa phận Nam Kinh (Nan-Kin), và bốn tỉnh miền Bắc Trung Hoa, đó là Bắc Kinh (Pé-Kin), Giang Tây (Chan-Si), Thiên Tân (Chen-Si), Giang Đông (Chang-Toung), với Triều Tiên và Mông Cổ.

Cả ba đoàn sắc đều nhấn mạnh đến sứ mệnh của các Giám mục trong việc thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc. Các linh mục này theo đặc ân của Tòa Thánh ban, chỉ cần biết đọc và hiểu phần lễ qui, và công thức các Bí tích bằng La ngữ. Còn kinh Nhật tụng các Linh mục bản xứ không buộc đọc bằng La ngữ, và có thể thay thế bằng các kinh tiếng bản quốc. Hai Đức Cha Phanxicô Pallu và Lambertô de la Motte cũng yêu cầu Bộ Truyền Giáo cho lập phụng vụ Thánh lễ và kinh Nhật tụng bằng tiếng Trung Hoa. Nhưng trong thư ngày 27-09-1660, Bộ Truyền Giáo trả lời là chưa thể ưng thuận ngay và còn cần phải điều tra rõ ràng về năng lực các Linh mục bản quốc trong việc học hỏi La ngữ.³⁴

Đặt 3 Giám mục đại diện Tòa Thánh trên đây, Bộ Truyền Giáo đã đi theo con đường của Đức Cha Ingoli, vị thư ký đầu tiên của Bộ. Có lẽ cha Đắc Lộ và các thừa sai khác cho Bộ làm việc chậm chạp. Nhưng chúng ta không quên rằng, việc định đoạn còn tùy thuộc ở Đức Thánh Cha và vì sự thiếu cương quyết của Đức Thánh Cha Innocentê X quá lo ngại trở lực của người Bồ Đào Nha, nên các đề nghị của Bộ không được chấp thuận ngay. Chúng ta còn thấy: bước sang đời Đức Thánh Cha Alexandrô VII, với cái nhìn bao quát rộng rãi. Bộ còn có những đề nghị đi xa hơn sự yêu cầu của cha Đắc Lộ và các thừa sai Pháp. Bộ đã lập chế độ đại diện Tòa Thánh với các Giám mục hiệu thành trong “khu vực lương dân” không phải chỉ nguyên ở Việt Nam mà cả vùng Đông Á, Trung Hoa, Triều Tiên, Lào, Cao Miên, Thái Lan... Đôi khi chúng ta cũng thấy Bộ Truyền Giáo tỏ vẻ ngần ngại và trì hoãn công việc, nhưng không phải là không có lý do. Đối với thừa sai người Pháp mà cha Đắc Lộ đề nghị, Bộ ngần ngại vì tinh thần Pháp giáo lúc đó đang nảy nở ở nước Pháp, và có lẽ cũng vì nước Pháp từ trước đến bây giờ, rất ít có thừa sai đi truyền giáo ở vùng Đông Á. Bộ sợ rằng người Pháp không đủ nhẫn nại và bền chí để chịu đựng những khó khăn vất vả, cũng như gian nguy không thể tránh được trong các khu truyền giáo như các thừa sai Bồ Đào Nha hay Tây Ban Nha và Ý đã chịu đựng.³⁵ Còn vấn đề tài nguyên trợ cấp cho các Giám mục, Bộ Truyền Giáo đòi hỏi nhiều điều kiện vì Bộ không muốn một khi đã cố gắng thoát quyền bảo trợ của người Bồ Đào Nha lại rơi vào vùng lụy thuộc về vật chất với

người Pháp.

Dầu sao, tiếng gọi khẩn cấp của Giáo hội Việt Nam qua trung gian của cha Đắc Lộ đã được Tòa Thánh đáp ứng. Đối với giáo dân Việt Nam chúng ta, niên hiệu 29 tháng 7 năm 1658, thành lập hai tòa Giám mục đại diện Tòa Thánh ở Việt Nam với hai Đức Cha Phanxicô Pallu và Lambertô de la Motte, cũng như niên hiệu 09-9-1659, phân chia khu vực cho hai Đức Cha với hai địa phận Đàng Trong và Đàng Ngoài, thực là hai niên hiệu đáng ghi nhớ. Nó đánh dấu một bước tiến và một khúc quặt trong lịch sử của Giáo hội Việt Nam chúng ta.

II. Các Giám Mục Sửa Soạn Lên Đường Đến Địa Sở Truyền Giáo

Như thế Bộ Truyền Giáo đã có trong tay những nhân viên trung thành để đương đầu với những trở ngại và những lạm dụng trong chế độ bảo trợ của người Bồ Đào Nha. Đồng thời các Ngài cũng giúp Bộ thu hồi quyền chỉ huy các thừa sai và thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc, ở các địa sở truyền giáo. Lúc này Bộ Truyền Giáo còn cần soạn thảo một huấn dụ làm nguyên tắc hoạt động và hướng dẫn lối đi cho các vị đại diện của mình.

Công việc thật khó khăn. Hai Đức Cha Phanxicô Pallu và Lambertô de la Motte không nhận thấy hết. Nhưng Bộ Truyền Giáo đứng cao nhìn bao quát và có trong tay đầy đủ các tài liệu, nên thấy rõ hơn các khó khăn các Ngài sẽ gặp khi phải chạm trán với người Bồ Đào Nha và các thừa sai dòng Tên. Cha Lesley là người được Bộ Truyền Giáo trao cho trách nhiệm soạn thảo huấn dụ cho các Giám mục. Ngài đã nhiều lần viết thư hướng dẫn các công việc của các Ngài sửa soạn khi chưa nhận được huấn dụ chính thức của Bộ Truyền Giáo.

Về phía người Bồ Đào Nha, Bộ Truyền Giáo được biết, Quốc vương Gioan đã ra lệnh cho các nhân viên của ông ở Rôma, tìm cách ngăn cản không cho các Giám mục lên đường. Đức Cha Phanxicô Pallu không biết thâm ý của họ, đã viết thư cho triều đình Bồ Đào Nha, yêu cầu họ cho chỗ trên tàu qua Ấn Độ. Cha Lesley biết tin đã vội ngăn cản lại. Cha viết: “Các vị là những vị tốt lành, nhiệt thành, có chủ ý ngay lành, thật thà chân thật. Nhưng những người nước khác, nhất là những người Bồ Đào Nha, họ không thế, họ giáo quyệt, che đậy, giả trá. Còn các cha dòng huấn luyện ở nước họ thì đặt quyền lợi quốc gia lên trên quyền lợi Giáo hội, vì thế tôi sợ rằng họ sẽ đưa các vị vào vòng lưới để cản trở chuyển đi của các vị”.³⁶

Đối với các thừa sai dòng Tên, hai Đức Cha vẫn mơ ước được cộng tác chặt chẽ với họ. Nhưng cha Lesley cũng đã vạch rõ cho hai Đức Cha những khó khăn các vị sẽ gặp phải với các thừa sai dòng Tên sau này và khuyên các vị nên thận trọng nhất là đối với các cha

người Bồ Đào Nha. Cha Lesley cũng gửi riêng cho hai Đức Cha một văn thư bí mật, bàn về thái độ nên theo trong việc đối xử với các thừa sai dòng Tên, mà vì sự giữ gìn đòi hỏi, không thể cho vào trong bản huấn dụ được.

Ngày 10-11-1659, bản huấn dụ được gửi đến hai Đức Cha.

I. Huấn dụ Bộ Truyền Giáo³⁷

Bản huấn dụ chia làm ba phần, chỉ định những công việc phải làm:

1. Trước khi lên đường
2. Trên đường đến địa sở truyền giáo
3. Ở địa sở truyền giáo

Phần thứ nhất về việc sửa soạn trước khi lên đường. Bộ Truyền Giáo khuyên các Đức Cha chọn lựa nhân viên cộng tác trong số các linh mục nhiệt thành, đạo đức và có tinh thần truyền giáo. Để trợ giúp các thừa sai, cần phải có nguồn lợi và giao dịch với Tòa Thánh. Cuối cùng Bộ nhấn mạnh là công việc sửa soạn phải thi hành hết sức kín đáo. Không được tiết lộ các dự định và chương trình, sợ gây ra những khó khăn và vướng trở do người ác ý muốn phá đổ công việc.

Phần thứ hai về cuộc hành trình đến địa sở truyền giáo. Bộ muốn các Đức Cha đừng theo đường biển từ Lisbonna đến Goa, vì sẽ bị người Bồ Đào Nha làm khó dễ, hoặc bắt giữ. Bộ khuyên các Ngài theo đường bộ lên Ba Tư, Mông Cổ. Xa hơn nữa, Bộ cũng nhắc các Ngài phải giữ bí mật tính danh và mục đích trong cuộc hành trình. Khi đến mỗi nơi sẽ viết thư về Bộ, trình bày tình hình của địa sở truyền giáo với những khó khăn trong cuộc hành trình để làm kinh nghiệm cho người sau.

Phần thứ ba về những nguyên tắc hành động trong địa sở truyền giáo. Bộ nhấn mạnh về bốn điểm:

- a. Việc huấn luyện và thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc, đi dần đến việc thành lập hàng Giáo phẩm với các Giám mục bản quốc.
- b. Luôn luôn liên lạc chặt chẽ với Tòa Thánh, trung tâm của Giáo hội Công giáo và duy nhất.
- c. Tránh không dây mình vào vấn đề chính trị và quốc gia.
- d. Tôn trọng văn hóa và thói tục của người dân, tìm cách thích ứng theo sự khôn ngoan.

Những nguyên tắc trên đây chứng tỏ Bộ Truyền Giáo vẫn trung thành với đường lối Đức Cha Ingoli đã vạch. Nó khác xa với đường lối nhiều thừa sai trong khu vực của người Bồ Đào Nha vẫn theo. Nó ăn hợp với phong trào truyền giáo mới của các cha Ricci, Rugie và Đắc Lộ.

Bộ Truyền Giáo nhấn mạnh hơn cả về việc thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc vì đây là mục đích chính của Bộ khi sai các Đức Cha đến địa sở truyền giáo. Còn vấn đề thế tục, trước đây, các thừa sai thường pha trộn chính trị với tôn giáo, nhiều khi còn hy sinh vấn đề tôn giáo vì lợi ích quốc gia. Bộ Truyền Giáo, trái lại, yêu cầu các Đức Cha và các Thừa sai của Bộ: “Luôn luôn tránh xa vấn đề chính trị, những câu chuyện quốc gia, tránh tham dự vào công việc thế tục, dù người ta có yêu cầu van nài đi nữa”. Bộ còn nhắc nhở các Ngài dù có được biệt đãi, cũng đừng vì thế mà yêu cầu nhiều đặc ân, nhiều miễn chuẩn, có thể gây ra những ghen tị.

Về vấn đề thích ứng với hoàn cảnh xã hội, tôn trọng văn hóa và phong tục của người dân, Bộ đã nêu lên những nguyên tắc vàng ngọc. Lúc đó nhiều thừa sai chủ trương Âu hóa dân bản xứ, rồi mới đưa họ vào Kitô giáo. Cha Đắc Lộ đã đau lòng nhận xét, trong cuốn hành trình truyền giáo của cha. Cha viết: “Ở Ấn Độ, khi người dân bản xứ trở lại, người ta bắt họ phải bỏ y phục của xứ sở mà tất cả mọi người dân đều dùng. Người ta không ngờ rằng cái đó làm cho họ khổ cực. Tôi không hiểu tại sao người ta lại đòi hỏi một điều mà không bao giờ Chúa đòi hỏi. Hơn nữa, nó còn làm cho họ xa lánh phép Rửa và Thiên đàng.” Trái lại Bộ Truyền Giáo bảo các thừa sai của mình phải tôn trọng văn hóa và phong tục của người dân: “Đừng tìm cách cũng đừng khuyên giục dân chúng thay đổi lễ nghi, phong tục và tập quán, miễn là không trái nghịch với đạo giáo và thuần phong mỹ tục.” Làm trái lại, theo Bộ Truyền Giáo, sẽ cản trở công cuộc truyền giáo, vì theo thói thường: “Mọi người dân tộc đều yêu mến và tôn trọng những gì thuộc quốc gia của mình.” Và “việc bắt họ phải thay đổi thói tục cha ông sẽ làm cho họ thù ghét và tránh xa đạo giáo”.

Với những nguyên tắc hoạt động sáng suốt trên đây. Bộ Truyền Giáo đã mở một con đường mới cho công cuộc truyền giáo.

2. Những bước đầu của Hội Truyền giáo Ngoại quốc Paris

Nói đến việc thành lập Hội Truyền Giáo ngoại quốc Paris, cha Launay trong cuốn lịch sử Hội Truyền Giáo ngoại quốc Paris đã đưa ra những nhận định mở đầu sau đây.³⁸

Theo cha, tùy theo sự hướng dẫn và thúc đẩy của Chúa Thánh Linh. Thường là nó đã vạch sẵn trong đầu của vị sáng lập. Ngài tụ họp những người đồng chí hướng, huấn luyện họ theo đường lối của ngài, đặt cho họ một luật lệ để theo. Sau đó, sai họ đi hoạt động các nơi trong vườn nho Chúa, dưới sự hướng dẫn và chỉ huy của ngài. Nhưng cũng có những hội dòng được lập dần dần với sự góp công góp ý của những người cùng chung một chí hướng. Lúc đầu chỉ là những đường nét chính, làm nền tảng cho một cuộc xây dựng. Sau đó căn nhà được dựng nên dần dần, tùy theo đòi hỏi của hoàn cảnh tiếp tục đưa đến và với kinh nghiệm, có khi phải phá đi một phần để xây dựng lại cho hoàn hảo hơn. Theo cha, Hội Truyền Giáo Paris đã được thành lập theo đường lối thứ hai này.

Ngay thời kỳ công cán ở Rôma, Đức Cha Pallu đã nghĩ đến việc thành lập một Chủng Viện “mà mục đích duy nhất là truyền bá đức tin cho những người lương dân. Chủng Viện này sẽ thu nhận tất cả những linh mục muốn theo mục đích đó, để thử thách ơn gọi của họ và huấn luyện họ bằng tất cả những phương pháp thích hợp để có thể hoạt động bất cứ trong một địa sở truyền giáo nào.” Đức Cha đã trình bày vấn đề, trong một bản tường trình đệ lên các Đức Hồng Y của Bộ ngày 01-07-1658.³⁹

Sau khi thụ phong ở Rôma trở về Paris, Đức Cha Phanxicô Pallu đã tuân theo huấn dụ của Bộ Truyền Giáo, bắt tay ngay vào việc đặt nền móng cho tổ chức mới. Ngài cho phát hành một cuốn sách nhỏ, trình bày vấn đề Tòa Thánh đặt những Giám mục đại diện và sai đến hoạt động tại các địa sở truyền giáo vùng Đông Á. Ngài kêu gọi sự cộng tác của tất cả những ai muốn hy sinh cho công cuộc lớn lao đó, bằng cách dâng cúng tiền bạc trợ giúp các thừa sai hoặc tự hiến mình làm thừa sai cho vườn nho Chúa.

Lời kêu gọi được đáp ứng mau lẹ. Nhiều linh mục, nhiều giáo dân đến xin cộng tác với Đức Cha. Ngài nghĩ đến việc thành lập một Chủng Viện để nhận định và huấn luyện ơn gọi truyền giáo cho

những giáo sĩ “khôn ngoan và đạo đức” muốn theo các Ngài đến các địa sở truyền giáo vùng Đông Á. Bà Miramion, bạn của bà công tước d’Aiguillon, biết ý định của Đức Cha, đã để cho ngài sử dụng lâu đài của bà ở La Couarde cách Paris chừng 10 cây số (nay thuộc Seine et Oise). Theo huấn dụ của Bộ Truyền Giáo, Đức Cha chọn lựa rất nghiêm ngặt. Trong số 40 người đầu tiên đến xin cộng tác, Đức Cha chỉ chọn 6 người.

Đang khi đó, Hội Thánh Thế, một hội đoàn đạo đức rất có thế lực ở bên Pháp thời bấy giờ, tìm cách giúp đỡ công việc của Đức Cha. Hội đặt một ủy ban gồm 4 giáo sĩ và 12 giáo dân với nhiệm vụ tìm một tòa nhà xứng hợp để làm chủng viện cho Hội Truyền Giáo, huấn luyện các thanh niên theo đuổi con đường truyền giáo của hội.⁴⁰

Đồng thời các Đức Cha theo huấn dụ Bộ Truyền Giáo, lo tuyển chọn các vị quản lý đại diện các Ngài ở Tây phương để xếp đặt công việc thay cho các Ngài và để liên lạc với Tòa Thánh. Ngày 14-6-1660, Đức Cha Lambertô de la Motte đặt làm quản lý đại diện cho ngài 2 cha Vincentê de Meur, Luca Fermanel de Favery và 2 giáo dân là ông De Garibal và Voyer d’Agenson. Ngày 21-12-1661, trước khi lên đường, Đức Cha Phanxicô Pallu cũng đặt 3 cha Gazil, Fermanel và Vincentê de Meur làm quản lý đại diện cho mình.

Sau khi các Đức Cha lên đường đến địa sở truyền giáo, các vị quản lý của các Ngài với các nhân viên Hội Thánh Thế đã tìm được một khu nhà ở phố Du Bac (Paris). Khu nhà này thích hợp để làm Chủng Viện và trụ sở của Hội Truyền Giáo. Những nhà này là của Đức Cha Gioan Duval, giám mục ở Babylona, do một bà đạo đức tên là De Ricouart dâng cúng cho ngài để sửa chữa làm Chủng Viện cho các thừa sai ở Ba Tư, nhưng chương trình không thực hiện được. Các cha đã mua lại được với giá rẻ và với những điều kiện dễ dàng. Tháng 7-1663, vua Louis XIV cho phép thành lập ở đó một “Chủng Viện để truyền giáo cho những người lương dân ở những xứ nước ngoài”.⁴¹ Ngày 11-6-1664, cha Vincentê de Meur được bầu làm Bề Trên đầu tiên của Chủng Viện. Có thể nói Hội Truyền Giáo ngoại quốc Paris được thành lập từ ngày ấy. Ngày 11-8-1664, Chủng Viện được Tòa Thánh công nhận làm nơi đào tạo các thừa sai, theo những đòi hỏi của Giáo Luật và các sắc lệnh của công đồng Trentô

về chủng viện.⁴² Nghe tin này, Đức Cha Phanxicô Pallu và Lambertô de la Motte cũng như các thừa sai của hội ở địa sở truyền giáo, thêm hăng hái tin tưởng vào công cuộc của các Ngài.⁴³

Hội Thánh Thể không những có công trong việc tìm kiếm khu nhà để thành lập Chủng Viện, mà còn lo tìm kiếm nguồn lợi để bảo trợ các Giám mục và các thừa sai ở địa sở truyền giáo cũng như những công cuộc của Hội Truyền Giáo ở nước Pháp. Nhờ ảnh hưởng và lời kêu gọi của hội, tiếp theo lời kêu gọi của Đức Cha Pallu, tiền dâng cúng ở các nơi gởi đến rất nhiều, chứng tỏ tinh thần truyền giáo đã được thức tỉnh trong dân chúng Pháp. Người ta ghi những con số đáng để ý: Nhà vua hứa trợ cấp cho mỗi vị đại diện Tòa Thánh số tiền chi phí hành trình là 1.000 livres, sau được nâng lên 3.000 livres. Các bà d'Aguillon, de Ris và d'Orangis, mỗi người nhận trợ cấp một số tiền lợi tức hằng năm tức là 600 livres. Các bà de Bouillon, de Miramion và Fouquet dâng cúng những sản vật trị giá 3.000 đến 6.000 livres. Hội đồng Giáo sĩ cũng trợ cấp một số tiền là 6.000 livres. Riêng Hội Thánh Thể trong một lần đã dâng cúng một số tiền lớn lao là 120.000 livres.

Như thế lời kêu gọi của Đức Cha Phanxicô Pallu, sau khi nhận sứ mệnh ở Rôma trở về Paris đã được đáp lại một cách rộng rãi. Các ngài đã có những nhân viên đại diện các Ngài ở Tây phương để quản lý các nguồn lợi, cũng như liên lạc với Tòa Thánh và huấn luyện các chủng sinh. Các ngài cũng có những thừa sai đi theo cộng tác với các Ngài ở địa sở truyền giáo. Vấn đề trợ cấp cho các thừa sai cũng như công cuộc của các Ngài đã được bảo đảm đầy đủ. Các ngài đã có thể nghĩ đến việc lên đường đến địa sở truyền giáo thực hiện sứ mệnh Tòa Thánh đã trao phó.

3. Các Đức Giám mục lên đường đến địa sở truyền giáo

Trong việc sửa soạn cuộc hành trình cho các Đức Giám mục vai trò trọng yếu vẫn là Hội Thánh Thể. Theo huấn dụ của Bộ Truyền Giáo thì Bộ muốn các Đức Cha theo đường bộ qua Ba Tư và Mông Cổ đến địa sở truyền giáo. Các ngài tránh đường thủy của các tàu thuyền người Bồ Đào Nha, vì theo con đường này chắc chắn các Đức Cha sẽ bị làm khó dễ, bị bắt giữ và không thể đến được địa sở

của mình. Bộ chỉ cho phép dùng đường thủy nếu có một tàu thuyền của người nước khác, không theo con đường của người Bồ Đào Nha và đi thẳng tới địa sở truyền giáo. Hội Thánh Thể do đó có ý tưởng lập một hội hàng hải để buôn bán với nước Trung Hoa, với Việt Nam và những nước phụ cận. Tàu thuyền của họ sẽ có nhiệm vụ chở các thừa sai của các Đức Cha đến địa sở truyền giáo cũng như lo bảo vệ sinh mệnh và nâng đỡ công cuộc của các Ngài ở những nơi ấy. Ở Paris lúc đó, nhiều người đã bàn đến việc thành lập một hãng buôn người Pháp với vùng Đông Á, cũng như các hãng buôn người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Hòa Lan, đồng thời cũng như họ, cộng tác vào công cuộc truyền giáo ở đấy. Để thực hiện chương trình, Hội đã trao nhiệm vụ cho ông Fermanel de Favery đóng một chiếc tàu buôn đầu tiên trọng tải 300 tấn lấy tên là Saint Louis.

Việc sửa soạn cuộc hành trình cho các Đức Giám mục thi hành một cách to tát như thế làm cho Bộ Truyền Giáo lo ngại. Bộ muốn các Ngài sửa soạn một cách hết sức kín đáo và bí mật, để lúc ra đi không một ai hay biết. Theo Bộ làm ầm ĩ như thế sẽ làm cho người các nước khác để ý và tìm cách ngăn cản cuộc hành trình của các Ngài.⁴⁴ May mắn, chương trình của Hội Thánh Thể định thực hiện đã bị các hoàn cảnh trái ngược làm hỏng. Tàu Saint Louis đã hoàn thành ở Hòa Lan và đang sắp sửa đưa về Pháp thì bị chính phủ Hòa Lan làm khó dễ, khi hay biết mục đích của chiếc tàu. Họ sợ cạnh tranh thương mại của hãng buôn người Pháp với người Hòa Lan. Đại sứ của Pháp ở Hòa Lan phải đứng ra can thiệp. Đang khi đó một cơn bão lớn, ngày 19-12-1660 đã làm chiếc tàu Saint Louis bị hư hại nặng. Con đường thủy đến địa sở truyền giáo như thế phải chờ một thời gian khá lâu mới thực hiện được. Chỉ còn lại con đường bộ mà Bộ Truyền Giáo đã chỉ định và mong muốn cho các Ngài theo.

Đức Cha Lambertô de la Motte là người lên đường trước tiên với hai cha Giacôbê de Bourges và Phanxicô Deydier. Ngày 27-11-1660, ngài lấy tàu ở Marseille để đi đến Syria. Tàu cập bến ở hải cảng Alexandrette. Từ đấy Đức Cha và hai cha theo đường bộ qua suốt vùng xứ Syria, Mesopotamia và Ba Tư. Đến ngày 30-10-1661, nghĩa là gần một năm trời, mới tới hải cảng Gomeron. Hải cảng này trước

kia thuộc người Bồ Đào Nha, nhưng từ năm 1662, Quốc vương Ba Tư đã chiếm lại được và hiện nay người Anh và người Hòa Lan có trụ sở buôn bán ở đấy. Lúc ấy vua Charles II nước Anh và vua Louis XIV nước Pháp giao hảo với nhau rất thịnh tình, nên Đức Cha và hai cha được người Anh đón tiếp rất nồng hậu.

Từ hải cảng Gomeron mà bây giờ người ta gọi là Bender Abbas, các Ngài lấy tàu đến hải cảng Semate thuộc Ấn Độ, lúc đó là xứ Mongolô. Ở Sanate (Surat), người Anh và Hòa Lan cũng có trụ sở thương mại. Ở đây Đức Cha và hai cha trú chân trong tu viện các cha dòng Capucinô. Các cha dòng báo cho các Ngài biết, các nhà cầm quyền ở Goa đã được lệnh của triều đình Lisbonna bắt giữ các Giám mục người Pháp và giải về Bồ Đào Nha. Nhưng các Ngài không lo sợ lắm, vì nếu cứ đi trong vùng các Quốc vương Ấn Độ, thì người Bồ Đào Nha, lúc đó thế lực đã sa sút nhiều, nhất định không dám cho người đến bắt giữ hoặc làm khó dễ các Ngài. Vì thế, từ Surat hải cảng bên này biển Ấn Độ, các Ngài theo đường bộ qua vùng các Quốc vương Mongolô và Golgodo đi ngang qua xứ Ấn Độ đến hải cảng Masulipatam bên kia biển Ấn Độ. Ở đây chỉ có trụ sở thương mại của người Anh và người Hòa Lan. Cuộc hành trình từ Surat đến Masulipatam ngang qua xứ Ấn Độ mất 41 ngày. Sau đó các Ngài lấy tàu qua biển Ấn Độ đến Tenasserim ngày 19-5-1662, lúc đó thuộc Thái Lan.

Tới đất Thái Lan ngay ở Tenasserim, Đức Cha và hai cha không khỏi ngỡ ngàng vì tính cách rộng rãi của nhà vua Thái đối với các nhà buôn ngoại quốc và với đạo Công giáo. Các nước có thể đến buôn bán tự do ở trên đất Thái và công cuộc truyền giáo cũng không bị ngăn cấm, làm khó dễ. Ở Tenasserim, Đức Cha và hai cha được cha Gioan Cardose, dòng Tên người Bồ Đào Nha đón tiếp tử tế. Từ Tenasserim các Ngài lấy thuyền theo sông để lên kinh đô xứ Thái, lúc bấy giờ là Agouthia, mà người ngoại quốc cũng gọi là Siam. Các Ngài ở đấy để lấy tàu vào xứ Nam nước Việt, nơi mà Tòa Thánh đã chỉ định cho các Ngài. Tính như thế cuộc hành trình đầy gian lao vất vả của các Ngài kéo dài gần hai năm trời, từ khi xuống tàu ở Marseille đến khi lên kinh đô xứ Thái, ngày 22-08-1662.⁴⁵

Sau Đức Cha Lambertô de la Motte, đến lượt Đức Cha Ignaxiô

Cotolendi lên đường cùng với 2 cha Luigi Chevreuil và Antôn Hainques ngày 03-09-1661. Trước khi lên đường, ngài không đặt các cha quản lý coi sóc nguồn lợi cho địa sở truyền giáo của mình như hai Đức Cha Lambertô de la Motte, Pallu. Ngài cũng không tham dự trực tiếp và tích cực vào việc tuyển chọn các thừa sai, thành lập Chung Viện và Hội Truyền Giáo. Được Đức Cha Phanxicô Pallu tuyển chọn và đề nghị lên Tòa Thánh làm Giám mục đại diện ở một khu vực Trung Hoa, ngài khấp mình trong địa vị đó và nhiệm vụ đó thôi. Ngài cũng theo đường bộ như Đức Cha Lambertô de la Motte. Nhưng trong thánh ý Chúa, người chiến sĩ đã chết trên đường ra tiền tuyến. Sau cuộc hành trình vất vả ngang qua xứ Ấn Độ đến hải cảng Masulipatam để lấy tàu đến đất Thái Lan, thì Đức Cha bị cơn sốt nặng, lại thêm bệnh ruột hoành hành dữ dội. Ngày 16-08-1662, ngài đã tắt thở. Trên mộ ngài người ta đã khắc một bia ký bằng La ngữ mà chúng tôi tạm dịch: “Hỡi khách qua đường, hãy dừng chân nơi mặt trời mọc, một công việc đáng làm lắm. Đây là mộ của một Chúa chiên không có đoàn chiên, một Giám mục không có địa phận nhậm sở, một Chánh tế không có người giúp lễ. Tên ngài? Xa cách những người thân thích của ngài, ngài muốn chết không để lại tên tuổi. Nhưng bạn hãy đọc biết tên ngài: Nhờ lời cầu của đầy tớ Chúa, Ignaxiô de Loyola mà Ignaxiô Cotolendi đã ra đời. Đất nước của ngài? Nước Pháp. Quê quán của ngài? Miền Provence. Tỉnh huyện của ngài? Xứ Ai... Xác ngài yên nghỉ trong vùng đất man rợ, nhưng linh hồn ngài hưởng phúc trên trời.”⁴⁶

Cuối cùng là Đức Cha Phanxicô Pallu, sau khi đã đặt xong các công việc, đã xuống tàu ở Marseille ngày 02-01-1662 với 7 linh mục thừa sai và 2 giáo dân. Đó là cha Saisseval, Chereau, Brunel, Périgaud, Robert, Brindeau và Laneau. Hai giáo dân là Swertz và Philippô de Chameson Foisy. Các ngài cũng theo con đường bộ tương tự như của Đức Cha Lambertô de la Motte. Nhưng chuyến đi này cũng gieo vãi nhiều tang tóc trên dọc đường. Trên chuyến tàu từ Ba Tư đến hải cảng Surat thuộc Ấn Độ, Đức Cha đau đớn mất hai thừa sai là cha Saisseval và Périgaud. Sau đó trên con đường ngang qua Ấn Độ đến hải cảng Masulipatam, Đức Cha lại mất thêm ba cha: cha Chereau, Brunel và Robert. Ra đi với 7 thừa sai đầu mùa, Đức

Cha còn lại hai cha Phêrô Brindeau và Luigi Laneau, thêm hai vị thừa sai của Đức Cha Ignaxiô Cocolendi, cha Luigi Chevreuil và Antôn Hainques mà Đức Cha gặp trên đường đến Thái Lan. Ngày 27-01-1664, các Ngài đến kinh đô xứ Thái, và gặp Đức Cha Lambertô de la Motte ở đấy.



Chương III

Hai Đức Giám Mục Ở Kinh Đô Thái Lan

I. Đức Cha Lambertô De La Motte Ở Kinh Đô Thái Lan

Bản nhật ký địa sở Truyền giáo Xiêm đã không quên ghi nỗi vui mừng của hai Đức Cha và các thừa sai được gặp nhau, sau những năm trời xa cách và qua những cuộc hành trình đầy gian lao nguy hiểm đã gieo rắc nhiều tang tóc. Các ngài đã dâng lên Chúa những lời cảm tạ, kèm theo những cầu khẩn cho công cuộc truyền giáo của các Ngài được kết quả. Đức Cha Lambertô de la Motte và các thừa sai đến trước, kể lại cho Đức Cha Pallu và các thừa sai của ngài những sự kiện đã xảy ra trong 18 tháng vừa qua. Các ngài cũng trao đổi những nhận định về xứ sở cũng như về tình hình của địa sở truyền giáo.

I. Yuthia, kinh đô Thái Lan và chính sách rộng rãi của nhà vua

Tất cả các Đức Cha và các cha đều ngỡ trước thái độ rộng rãi của Quốc vương Thái Lan, đối với các nhà buôn ngoại quốc và đối với đạo Công giáo. Cha Giacôbê de Bourges đã nhận định: “Thật không thể rộng rãi hơn nữa. Hằng ngày, người ta nghe tiếng chuông vang dội; các nhà thờ mở cửa cho người ta ra vào tự do. Người ta hát kinh và giảng đạo công khai, không một ai ngăn cấm”.⁴⁷ Còn kinh đô xứ Thái thì thực là nơi gặp gỡ của tất cả các nhà buôn Tây phương cũng như Đông phương: “Tất cả các nơi đều tuôn đến đây, người Nhật, người Trung Hoa, người Phi Luật Tân, người Chàm, người Cao Miên, những người xứ Java, Sumatra, Golconde, Begalê và miền bờ biển Coromandel”.⁴⁸ Người Hòa Lan, người Anh cũng như người Bồ Đào Nha đều có trụ sở buôn bán.

Kinh đô Thái Lan, lúc đó là Yuthia mà người ngoại quốc cũng gọi là Xiêm; tuy cách xa biển 60 dặm, nhưng nhờ con sông Mễ-Nam, tàu bè ba bốn trăm tấn là những thứ lớn thời bấy giờ vẫn có thể cập bến ở kinh đô dễ dàng. Phần lớn khu vực của kinh đô, nằm trên khu đảo hình trám, chu vi chừng 2-3 dặm, có nhiều con kinh rộng lớn chạy ngang qua, người Tây phương gọi nó là Vênêxia ở miền Đông Á. Phía Bắc khu đảo là đền đài nhà vua; có cây bóng mát với những

dinh thự xinh đẹp theo lối kiến trúc của dân Thái. Có những con lạch uốn khúc với những chiếc tàu cầu nhỏ nhỏ nhờ đó luôn có khí mát ban ngày cũng như ban đêm. Còn phía Nam là khu buôn bán và tiểu công nghệ. Dân chúng ở chật chội, chen chúc; nhưng cũng có những con đường lát gạch rộng lớn, cây cao bóng mát. Suốt dọc đường dân chúng họp chợ buôn bán, không thiếu một thứ gì. Nhưng đặc biệt nhất của kinh đô xứ Thái là chỗ nào người ta cũng thấy chùa chiền và miếu mạo. Tất cả ba bốn ngôi chùa, mà chùa nào cũng giàu có tráng lệ với những tượng Phật sơn son thiếp vàng hay bằng thứ đá quý.⁴⁹

Dọc theo triền sông, phía Đông Nam là khu ngoại kiều. Mỗi nước ở một khu trại riêng, chúng ta gọi là “LÀNG”. Trong số các ngoại kiều miền Đông Á, đáng kể hơn cả có làng người Tàu, người Nhật, có cả làng người Việt, hầu hết là người Đảng Trong thuộc chúa Nguyễn. Lúc đó vì chiến tranh Nam Bắc, ở xứ không được yên ổn làm ăn, thêm nữa, các Chúa Nguyễn thỉnh thoảng lại ra lệnh cấm đạo. Nên họ đã rời bỏ quê hương qua Thái Lan làm ăn buôn bán và giữ đạo. Vì thế có thể nói, tất cả đều là người Công giáo. Sau này qua các thời Tây Sơn và các vua nhà Nguyễn bách hại đạo, số người trốn qua Thái Lan càng ngày càng nhiều, các làng Việt Nam cũng thêm lên. Qua từng thế kỷ, họ vẫn bảo vệ được lối sống người Việt, nói tiếng Việt và nhất là trung thành giữ đạo của cha ông. Vì thế có thể nói con số nòng cốt của Giáo hội Thái Lan ngày nay là giáo dân người Việt trốn qua, trong các thời kỳ bách hại đạo của các vua Việt Nam. Cho đến những năm gần đây, chính phủ Thái Lan bắt học tiếng Thái và đổi tên Thái, các con em người Việt mới quên dần tiếng Việt. Nhưng ở gia đình, cha mẹ họ vẫn nói tiếng Việt với nhau. Một số lớn các linh mục Giáo hội Thái Lan ngày nay đều gốc người Việt và một số gốc người Trung Hoa hoặc quốc gia khác, còn chính gốc người Thái thì vẫn còn hiếm lắm. Hầu hết các linh mục gốc Việt đều biết nói tiếng Việt, tuy là tiếng cổ xưa. Nhưng chắc chắn thế hệ sắp đến này sẽ không còn biết tiếng gốc dân mình nữa. Dầu sao, Giáo hội Việt Nam không khỏi không hãnh diện. Ngay từ thời kỳ đầu, mới lãnh nhận tin lành Phúc Âm, đã đồng thời cũng giữ một vai trò nòng cốt và quan trọng trong lịch sử nguồn gốc Giáo hội Thái Lan. Vai trò đó còn

tiếp tục qua dọc suốt mấy trăm năm lịch sử cho đến ngày nay với các làng người Việt, khởi đầu bằng các giáo dân Đàng Trong chúa Nguyễn.

Nếu trong số các làng Á Đông ngoại kiều, phải kể hơn cả làng người Tàu, người Nhật và người Việt, thì trong số các làng người Tây phương, quan trọng và đông hơn cả là làng người Bồ Đào Nha. Họ cũng là những người kỳ cựu nhất trong những người đến buôn bán với dân Thái Lan. Con số họ thêm đông nhất là từ khi Malacca bị người Hòa Lan chiếm đóng và sau đó, khi mất đảo Macassar. Đứng về phương diện tôn giáo, thì những người buôn bán Bồ Đào Nha với một ít người Tàu và tất cả người Nhật, người Việt đến kinh đô Thái Lan để lánh nạn bách hại trong nước, là thành phần chính yếu và duy nhất của Giáo hội Công giáo thời ấy.

Rộng rãi với vấn đề buôn bán, nhà vua cũng rộng rãi đối với vấn đề tôn giáo. Mỗi người các quốc gia đều tự do giữ đạo của mình. Các nhà truyền giáo cũng được đến kinh đô để săn sóc vấn đề tôn giáo cho những người nước mình cũng như truyền giáo cho người nước khác và cả chính dân Thái Lan. Năm 1624, Đức Cha Gonzalve da Silva, Giám mục Malacca, đã sai một cha dòng Tên là cha Guilio Cesar Margico đến lập xứ đạo ở kinh đô Thái Lan, nhưng ít lâu sau Ngài bị một người có đạo thù ghét đánh thuốc độc chết.⁵⁰ Phải đợi mãi đến năm 1655 mới có cha Tôma Valguarnera ở Áo Môn đến. Ngài lập xứ làm nhà thờ cho các giáo dân người Bồ Đào Nha đến cư ngụ buôn bán cũng như cho các giáo dân người Nhật và người Việt trốn tránh cuộc bách hại trong nước đến lánh nạn ở đấy.

Cha Tôma Valguarnera cũng lo tìm cách truyền giáo cho người Thái Lan, nhưng bao cố gắng vất vả cha không thu được một kết quả nào. Theo cha, chỉ vì dân Thái Lan quá sùng đạo Phật và rất nhiều mê tín ăn sâu trong đầu óc họ, khó lòng mà gột rửa. Hơn nữa, họ bị ràng buộc quá chặt chẽ với tổ chức gia đình và làng mạc cũng như xã hội, không thể tự do để bỏ đạo Phật theo đạo khác. Các cha dòng Đaminh cũng mất rất nhiều mà cũng không thu lượm được gì hơn các cha dòng Tên.

Đấy là tình trạng chính trị kinh tế, thương mại và tôn giáo ở kinh đô xứ Thái, khi các Đức Cha và các thừa sai Pháp tới.

2. Đức Cha Lambertô de la Motte và những khó khăn với người Bồ Đào Nha ở kinh đô Thái Lan

Sự có mặt của các Giáo sĩ truyền giáo người Pháp đầu tiên trong khu vực mà từ trước người Bồ Đào Nha, đứng về phương diện tôn giáo vẫn cho là của riêng họ, không khỏi gây ra những bàn luận, những thắc mắc và nghi ngờ. Dầu vậy, liên lạc lúc đầu này chưa có chi đáng ngại. Mới tới kinh đô Thái Lan, Đức Cha Lambertô de la Motte và các thừa sai của ngài đến gặp ông đại úy đứng đầu làng người Bồ Đào Nha. Ông đón tiếp các Ngài rất niềm nở và báo tin cho giáo dân cũng như cho các thừa sai khác sự có mặt của một Giám mục trong khu vực của họ. Cha Phanxicô Deydier, vì nói thông thạo tiếng Bồ Đào Nha, nên được thừa sai dòng Tên cũng như thừa sai dòng Đaminh mời đến giảng trong hai nhà nguyện của các cha.⁵¹

Lúc đó, qua các thư từ liên lạc, các nhà buôn người Hòa Lan đã được thông báo là cần để ý đề phòng các thừa sai người Pháp với chương trình mở các trụ sở thương mại ở vùng Đông Á. Chứng cứ là chiếc tàu buôn đầu tiên lấy tên là Saint Louis đã được thuê đóng ở Hòa Lan. Tin này cũng đã truyền qua các nhà buôn người Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha. Đức Cha Lambertô de la Motte vì thế đã phải hết sức cải chính và thanh minh là các thừa sai người Pháp đến các khu truyền giáo chỉ với mục đích thiêng liêng duy nhất là cứu các linh hồn các dân ngoại, không hề có ý định thương mại buôn bán. Đồng thời ngài cũng tìm liên lạc để thông báo cho các cha dòng Tên ở các địa sở truyền giáo Trung Hoa và Việt Nam, là các thừa sai người Pháp “đến để sống với họ, như những người anh em và chết vì Chúa Giêsu Kitô”.⁵²

Nhưng bầu khí giao hảo giữa các thừa sai khác và các người Bồ Đào Nha không được bền lâu. Sau 2, 3 tháng, nghĩa là vào quãng trước lễ Sinh Nhật 1662, người Bồ Đào Nha được lệnh của Phó vương ở Goa “phải tìm hết cách để ngăn cản không cho các người Pháp ở địa sở truyền giáo của họ”. Từ đấy, họ bắt đầu tỏ vẻ hiềm khích và thù ghét các Ngài. Họ tung ra những tin đồn: Các ngài là những tên Do Thái phá hoại, những phần tử rối đạo nguy hiểm, giả danh Giám mục, thừa sai cho dễ hoạt động. Họ lấy lẽ rằng, các thư

từ gởi từ Rôma hay Lisbonna, không nói đến những Giám mục hay thừa sai như thế được Tòa Thánh gởi đi. Bầu khí mỗi ngày thêm căng thẳng. Người ta đã tỏ vẻ ái ngại cho sinh mạng của Đức Cha. Vị đại úy đứng đầu khu trại người Hòa Lan đã mời Đức Cha và các cha về ở trong khu trại của mình và hứa sẽ lo bảo vệ các Ngài. Nhưng Đức Cha không nhận, sợ rằng người Bồ Đào Nha thấy ngài đến ở trong khu trại của những người bị coi là rối đạo, sẽ vịn vào cớ đó mà vu cáo cho ngài nhiều điều tai hại hơn nữa.

Trong lúc khó xử đó, những giáo dân Đảng Trong hiện đang lánh nạn ở kinh đô Thái Lan đã đến cứu các Ngài, “vì họ biết Tòa Thánh đã sai các Ngài đến truyền giáo cho dân nước họ”. Giữa lúc ban ngày họ cho người đến thu dọn đồ đạc và đón các Ngài về làng của họ. Cấp cho các Ngài một căn nhà và một ngôi nhà nguyện ở bên bờ sông Mễ Nam. Một vài người Bồ Đào Nha thấy các Ngài thoát khỏi tay họ, tức giận đã chèo thuyền đến khu nhà các Ngài ở, nói những lời đe dọa. Nhưng họ đã bị người Việt đuổi đi một cách nhục nhã.⁵³

Chính ra, những khó khăn mà Đức Cha Lambertô de la Motte gặp phải là những bài học thúc đẩy ngài từ đấy khôn ngoan hơn và dè dặt hơn. Vì sự thực lúc đó, ngài chưa có quyền hành gì đối với địa sở truyền giáo ở Thái Lan. Quyền hành của ngài là ở hai địa sở truyền giáo địa phận Đảng Trong và một số tỉnh ở Trung Hoa. Ngài chỉ là khách trú ngụ, đang khi chờ đợi đến địa sở truyền giáo của mình. Nhưng Đức Cha không phải con người ưa nhần nhục chờ đợi, hòa hoãn, mềm dẻo. Tính tình nhiệt thành nóng nảy, lại ưa thích sống nhiệm nhặt hy sinh và đòi hỏi sự hoàn thiện. Vì thế, thấy những lối sống tội lỗi khô khan của giáo dân người Bồ Đào Nha ở kinh đô Thái Lan, cũng như tình trạng vô tổ chức trong xứ đạo, những tệ lạm trong hàng giáo sĩ, Đức Cha cho rằng mình có bốn phận đứng lên cải cách, kết án những lối sống trái tinh thần đạo giáo, tổ chức lại xứ đạo và tố cáo những tệ lạm của hàng Giáo sĩ.

3. Đời sống và con người của Đức Cha Lambertô de la Motte

Muốn hiểu biết những hoạt động cải cách của Đức Cha Lambertô de la Motte trong thời kỳ đầu khi mới tới kinh đô Thái Lan và sau này, nhưng nhất là những hoạt động và ảnh hưởng của ngài đối với Giáo

hội Việt Nam trong việc huấn luyện các thầy giảng, thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc, chấn chỉnh đời sống giáo dân, chúng ta cần phải học hỏi sâu xa về đời sống của ngài, cũng như tính tình và con người của ngài. Sự thực, trong số 2 vị giám mục tiên khởi, Tòa Thánh sai đến xây dựng Giáo hội Việt Nam trong giai đoạn thứ hai này, thì Đức Cha Lambertô de la Motte giữ vai trò quan trọng và chính yếu hơn cả. Lối sống của ngài ảnh hưởng sâu xa của các thừa sai Pháp thời kỳ này, cũng như tinh thần đạo đức của ngài còn tồn tại mãi sau này trong Giáo hội Việt Nam.

Sinh tại Lissieux, ngày 15 tháng Giêng năm 1624, trong một gia đình thẩm phán và trạng sư, Phêrô Lambertô de la Motte ngay từ thuở nhỏ đã được huấn luyện trong tinh thần tôn trọng luật pháp cứng rắn, bảo vệ công lý, chống các thứ tệ nạn thối nát và tội lỗi của xã hội. Theo đường lối nghề nghiệp của gia đình, Lambertô de la Motte cũng vào đời với địa vị trạng sư. Năm 1646, ngài giữ chức cố vấn Tòa án ở Rouen.⁵⁴ Nhưng Lambertô bản tính tự nhiên lại rất đạo đức, nên tuy là giáo dân, ngài rất thích đi lại những nơi tu trì dành cho Giáo sĩ đạo đức. Ngài dự những tổ chức cấm phòng đặc biệt và lâu dài từ ba đến bốn mươi ngày, thi hành những cuộc ăn chay đền tội nghiêm ngặt. Lúc đầu, ngài đi lại với nhóm của Gioan de Bemières de Louvigny. Nhóm này có một chủ trương về đời sống tu đức rất nhiệm nhặt và khắc khổ, sau này đi đến nhiều quá đáng nguy hiểm. Nhưng may mắn, Lambertô de la Motte khi đó đã được huấn luyện theo một đường lối tu đức chân chính và bảo đảm hơn. Nghe theo tiếng gọi làm linh mục, ngài đã vào tu trong Chủng Viện của thánh Gioan Eudes, thành lập tại Caen năm 1643. Nhờ sự huấn luyện của các cha dòng thánh Gioan Eudes, đời sống tu đức của ngài tránh được những khắc khổ quá đáng và trở nên quân bình hơn. Dầu vậy, ngài vẫn ham chuộng đời sống nhiệm nhặt, bỏ mình, sẵn sàng chịu những hy sinh nhục nhả theo con đường Thánh Giá của Chúa. Vì thế trước khi thụ phong linh mục, tại Coutances, ngày 27-12-1655, ngài đã muốn thực hiện một dự định hơi kỳ dị, mà ngài gọi là cuộc hành hương tập bỏ mình. Cắt tóc vắn, mặc áo thô sơ nghèo nàn, rách rưới của người đồng quê, ăn xin độ nhật, đi bộ đến Rome để viếng mộ một thầy dòng đạo đức danh tiếng thời ấy, tên là Gioan de Samson.

Hầu hết các vị trong vùng đều biết ngài, địa vị của ngài cũng như dòng dõi quý phái của ngài. Nhưng ngài sẵn sàng đón nhận những lời tán khinh chê của họ, quyết định theo con đường hy sinh nhục nhã lên núi Sọ của Chúa.

Một khi trở thành linh mục, cha Lambertô de la Motte, với mong muốn sự hoàn thiện nơi mình cũng như ở người khác, đã dẫn thân vào công cuộc cải cách hàng Giáo sĩ miền nam xứ Normandia, theo phong trào cải cách của công đồng Trento đã lan tràn qua nước Pháp thời đó. Ngài cộng tác vào công việc tổ chức những buổi diễn giảng cấm phòng cho các linh mục, theo đường lối thánh Vicentê de Paul. Ngài lo liệu thành lập ở Rouen một chủng viện đào tạo các Giáo sĩ do các cha dòng thánh Gioan Eudes lãnh nhận. Nhưng nhất là ngài hăng say với những công cuộc bác ái giúp đỡ những người nghèo khó bệnh tật. Chính trong những chuyến đi để quyên tiền trợ cấp các tổ chức bác ái của ngài, ngài đã làm quen với nhóm các linh mục “Bạn hiền”. Lúc đó nhóm này để ý đến vấn đề truyền giáo ở Việt Nam và miền Đông Á. Tiếng gọi truyền giáo đã được nhóm lên nhưng ngài còn lưỡng lự, nếu không có bức thư của cha Phanxicô Pallu lúc đó đang công cán ở Rôma gọi ngài sang cộng tác.

Nhận sứ mệnh Thừa sai cho dân ngoại, ngài nhận thấy cần phải tập bỏ mình và sống hoàn thiện hơn. Vì thế khi mới tới kinh đô Thái Lan, ngài đã bắt đầu ngay một cuộc cấm phòng ba mươi ngày liền để gột rửa những lỗi lầm thiếu sót trong cuộc hành trình. Theo nhận định của ngài, tất cả ba người đã “sống một đời sống quá tầm thường” và không thích hợp với đời của người thừa sai. Sau Ngài, là lần lượt đến hai cha Giacôbê de Bourges và Phanxicô Deydier. Năm sau các Ngài lại thay phiên nhau mỗi người làm một cuộc cấm phòng 30 ngày nữa. Còn về đời sống hãm mình nhiệm nhặt, thì Đức Cha và hai cha theo ảnh hưởng của ngài đã quyết định từ đây sẽ không bao giờ ăn thịt và sẽ ăn chay mỗi ngày, trừ các ngày lễ Sinh Nhật, Phục Sinh và Hiện Xuống.

Với tính tình nhiệt thành nóng nảy, lại ưa thích đời sống nhiệm nhặt, hãm mình và đòi hỏi hoàn thiện, chúng ta không lạ khi thấy những phản ứng mãnh liệt của Đức Cha Lambertô de la Motte đối với tình trạng khô khan của xứ đạo ở kinh đô Thái Lan cũng như đối với lối sống tội lỗi của một số giáo dân và sự thiếu hiểu biết về đạo

giáo của chung tất cả. Ngài đau lòng nhận thấy rằng, trong một xứ đạo trên hai ngàn giáo dân mà “ngày lễ và ngày Chủ Nhật không hề thấy có hát lễ trọng thể, hoặc những bài giảng hay giải thích giáo lý, không có kinh chiều cũng không có một công việc đạo đức gì cả”. Nhưng nhất là ngài không thể tha thứ, khi nhận thấy lối sống trái tinh thần đạo giáo của một số giáo dân và khi khám phá ra một số mấy người Đàng Trong trước đây đã hèn nhát chối đạo, thì ngài “nổi cơn thịnh nộ” quở trách họ nặng lời. Ngài cũng kết án lối rửa tội cấp tốc cho những người tân tòng, sau ít ngày họ xin nhập đạo, mà chưa dạy đầy đủ về những điều cần thiết trong đạo, cũng như bốn phận phải sống của người Công giáo.⁵⁵

Theo Đức Cha, giáo dân sống tội lỗi, khô khan hay thiếu hiểu biết về đạo, tất cả đều do các cha dòng Thừa sai và nhất là các cha dòng Tên. Chính các Ngài cũng hư hỏng và không chịu làm việc bốn phận của mình. Trong thư ngày 11-07-1663, gửi về Đức Thánh Cha, ngài đề nghị một đường lối cứng rắn là gọi về tất cả các thừa sai các dòng hiện đang làm việc trong các địa sở truyền giáo và thay thế bằng các thừa sai tu dòng hoặc tu triều, nhưng trực tiếp thuộc quyền Tòa Thánh hay Bộ Truyền Giáo. Ngài cũng trình bày tất cả những khó khăn ngài gặp với người Bồ Đào Nha. Ngài xin Tòa Thánh cho ngài được quyền quản trị cả địa sở truyền giáo ở Xiêm, vì tình trạng địa dư cũng như chính trị ở đây rất tiện lợi để đặt trụ sở cho các khu truyền giáo khác. Ngài cũng gửi kèm theo lá thư xin từ chức vì thấy mình hèn kém thiếu tài đức đối với chức vụ cao cả của vị giám mục. Ngài xin nhường cho vị thừa sai khác có tài đức hơn và nhất là có sức khỏe đầy đủ hơn vì ngài luôn bệnh tật ốm yếu, sợ không làm tròn trách nhiệm đòi hỏi.⁵⁶

Sau nhiều chuyến thư gửi về Tòa Thánh, từ ngày tới đất Xiêm, Đức Cha vẫn không được thư trả lời. Ngài sợ rằng các thư đó đã bị người Bồ Đào Nha chặn giữa đường. Đó là chuyến thư vào tháng 10-1663, sau hai tháng tới Yuthia, gửi theo đường thủy. Sau đó là chuyến thứ hai vào tháng 12, gửi theo đường bộ. Đến chuyến thư thứ ba vào tháng 3-1663, gửi theo cả đường bộ lẫn đường thủy.⁵⁷ Lần này để chắc chắn đến tay Bộ Truyền Giáo và Đức Thánh Cha, ngài đã quyết định ủy nhiệm cho một trong hai vị thừa sai của ngài

trở về Tây phương. Hơn nữa, những vấn đề tâu trình về Tòa Thánh lần này là những vấn đề quan trọng. Sự có mặt của một thừa sai từ địa sở truyền giáo trở về thì tiếng nói có giá trị hơn và được chấp nhận nhanh chóng hơn. Đức Cha đã chọn cha Giacôbê de Bourges để lãnh nhận nhiệm vụ khó khăn đó. Thực tế tư cách cha Giacôbê de Bourges thích hợp hơn và bảo đảm thành công hơn cha Phanxicô Deydier. “Một người (cha Deydier) thì nóng như lửa và lúc nào cũng sẵn sàng thực hiện những đợt tấn công mới; còn một người (cha Giacôbê de Bourges) thì hiền dịu hết sức, làm cái gì cũng suy nghĩ chín chắn, khôn ngoan và tìm cách dung hòa những ý kiến bất đồng”.⁵⁸ Nhưng sai cha Giacôbê de Bourges qua Rôma, hậu ý của Đức Cha Lambertô de la Motte là để Tòa Thánh khi nhận cho ngài từ chức giám mục sẽ chọn cha làm người thay thế.⁵⁹

II. Các Đức Giám Mục Quyết Định Thành Lập Trụ Sở Ở Kinh Đô Thái Lan

Nghĩ rằng sau khi đã trình bày lên Tòa Thánh về tình trạng giáo dân, xứ đạo và thừa sai dòng ở kinh đô Thái Lan với những khó khăn ngài gặp nơi người Bồ Đào Nha kèm theo những đề nghị cứng rắn để sửa chữa, ngài đã làm xong một phần nhiệm vụ của mình. Còn việc cải cách ngài phải chờ đợi khi Tòa Thánh trao quyền quản trị khu truyền giáo cho các thừa sai Pháp, ngài mới hy vọng thực hiện những chương trình cải cách. Đồng thời nghĩ rằng, sự có mặt của ngài ở kinh đô Thái Lan lúc này chỉ làm cho bầu khí đã căng thẳng lại căng thẳng hơn. Vì thế Đức Cha Lambertô nghĩ đến việc tìm cách đến địa sở truyền giáo của mình.

Nhưng cuộc hành trình của Đức Cha Lambertô de la Motte để vào đất Trung Hoa cũng như dự định vào địa sở truyền giáo Đàng Trong xứ Nam đều thất bại. Tiếp theo là dự định của Đức Cha Phanxicô Pallu vào địa sở truyền giáo Đàng Ngoài cũng phải xóa bỏ, không thực hiện được. Do đó bó buộc phải ở lại xứ Xiêm để chờ đợi. Các ngài đã họp công đồng ở Yuthia và quyết định thành lập trụ sở ở đấy. Trụ sở này sẽ là chỗ trú chân học tiếng cho các thừa sai, trước khi vào địa sở truyền giáo cũng như làm nơi lánh nạn cho họ khi bị bách hại và bị trục xuất. Trụ sở này đồng thời cũng là nơi huấn luyện các chủng sinh để đi đến thành lập Giáo sĩ bản quốc mà Tòa Thánh đã trao cho các Ngài.

1. Các Đức Giám Mục tìm cách vào địa sở truyền giáo, nhưng đều bị thất bại

Gặp được chuyến thuyền buôn của người Tàu trở về nước, ngày 16-07-1663 Đức Cha Lambertô de la Motte và cha Phanxicô Deydier lên đường vào địa sở truyền giáo của mình ở đất Trung Hoa. Nhưng không may, gặp bão lớn, thuyền bị đánh dạt vào bờ xứ Cao Miên và bị vỡ thuyền. Không còn cách nào khác, các Ngài đành theo đường bộ trở về Thái Lan và tiếp tục trú ngụ ở làng người Việt, cách kinh đô Yuthia chừng một dặm. Cha Giacôbê de Bourges lúc đó vẫn chưa có tàu về Âu Châu, nên các Ngài gặp lại cha ở đấy.

Nghe tin Đức Cha trở về Yuthia, những người Bồ Đào Nha tức giận lắm, họ tìm cách bắt ngài và các thừa sai giải về Goa. Một buổi chiều đang khi ngài chuyện vãn với hai cha thì một người tự xưng là thuộc hoàng gia từ Lisbonna mới đến, đem theo một đám đông bộ hạ cầm khí giới, ra lệnh đòi Đức Cha đến cho mình gặp. Vừa ra mặt với hai cha, thì người này đòi Đức Cha phải trình giấy của Quốc vương Bồ Đào Nha cho phép qua vùng Ấn Độ, nếu không sẽ bắt giải tất cả về cho Quốc vương xét xử. Họ đã để sẵn ngoài mé sông một chiếc thuyền để bắt giải các Ngài đi. Nhưng may mắn có mấy người Việt nghe thấy xôn xao đến xem vội báo cho dân làng đem gậy gộc giáo mác để bảo vệ Đức Cha và các cha. Họ định hành hung tên đầu xỏ, nếu Đức Cha không vội can thiệp và ngăn lại. Từ đấy người Bồ Đào Nha ở Yuthia không dám xâm phạm đến các thừa sai ở làng người Việt, nhưng họ vẫn tiếp tục tung ra những tin đồn vu cáo bôi nhọ các Ngài.⁶⁰

Ngày 14-10-1663, cha Giacôbê de Bourges bỏ đất Thái Lan, lấy tàu người Anh đi Malacca và từ đấy theo đường thủy trên tàu người Anh để về Âu Châu.⁶¹ Còn lại Đức Cha và cha Phanxicô Deydier tiếp tục tạm trú trong làng người Việt để chờ dịp vào địa sở truyền giáo. Chính ở đây các Ngài đón tiếp Đức Cha Phanxicô Pallu và các thừa sai của ngài. Tới kinh đô Thái Lan, ngày 27-01-1664.

Gặp nhau được ít lâu, hai Đức Cha đã bắt đầu nghĩ đến việc chia tay để đi đến địa sở truyền giáo mà lần này là Việt Nam. Trước khi đi, các Ngài đã viết thư báo tin cho các cha dòng Tên ở hai khu vực Đàng Trong và Đàng Ngoài. Nhưng chẳng may lúc đó, cả hai nơi đều đang gặp cơn bách hại dữ dội. Các cha dòng đều khuyên hai Đức Cha hãy tạm hoãn lại một thời gian, sợ rằng sự có mặt của các Ngài trong địa sở truyền giáo sẽ làm cho cuộc bách hại thêm nặng nề hơn.

Ở địa phận Đàng Trong lúc đó, có ba cha: Marquez, Fuciti và Baudet. Theo thư các cha thì cuộc bách hại của Hiền Vương lại nổi lên từ đầu năm 1661. Nhưng các giáo dân đã can đảm minh chứng đạo Chúa. Tháng giêng 1661, bà bá tước, thuộc một gia đình sang trọng giàu có, đã bị đâm chết cùng với hai ông Đamasô và Simon. Cũng trong năm đó thêm 06 giáo dân khác cũng đổ máu xưng đạo. Vào cuối năm 1663, cuộc bách hại càng dữ dội hơn, nhiều người bị

bắt và giải về phủ chúa. Trong số những người xưng đạo, phải kể ông Phêrô Đang bị chém đầu, ông Phêrô Ký bị án trăm quyết và phân thân làm bốn và ông Micae Miên, Inhaxiô Vang bị án bá đao.⁶²

Nghĩ rằng một linh mục có thể tránh dễ dàng hơn một Giám mục, hơn nữa nếu bị bắt thì cuộc bách hại cũng không vì thế mà trở nên dữ dội hơn, vì nhà chúa cũng chỉ coi ngài như ba cha dòng Tên hiện đang có mặt ở đó. Vì thế Đức Cha Lambertô de la Motte quyết định sai cha Luigi Chevreuil làm cha chính đại diện cho ngài đến thăm giáo đoàn địa phận Đà Nẵng. Ngày 26-07-1664, cha Luigi Chevreuil tới cửa Hội An. Lúc đó cơn bách hại vẫn còn tiếp tục.

Còn ở địa phận Đà Nẵng thì cuối năm 1663, Trịnh Tạc ra lệnh trục xuất các cha thừa sai dòng Tên. Từ trước chúa Trịnh cho phép các cha ở lại truyền giáo trong khu vực của mình, mục đích chỉ để bảo đảm sự buôn bán khí giới với Áo Môn, dùng đương đầu với chúa Nguyễn Đà Nẵng. Nhưng từ năm 1662, Áo Môn bị quân nhà Thanh phong tỏa, vì thế cuộc liên lạc buôn bán với chúa Trịnh bị ngưng trệ. Được tin đó nhà chúa ra lệnh trục xuất các cha.

Ngày 12-11-1663, ba cha Borgès, Tissinier và Albier phải lấy tàu Hòa Lan về Batavia. Cha Borgès qua đời ở Batavia, còn hai cha Tissinier và Albier qua Xiêm ở với cha Valguarneria. Ngài là thừa sai dòng Tên, Áo Môn sai đến lập xứ ở kinh đô Thái Lan từ năm 1665. Chắc chắn các cha đã đến gặp Đức Cha Phanxicô Pallu và trình bày cho ngài biết tình trạng bách hại ở xứ Bắc Đà Nẵng. Đức Cha cũng được thư của một thầy giảng Đà Nẵng báo tin là sau khi trục xuất các cha dòng, Trịnh Tạc đã cho soạn một sắc chỉ cấm đạo, truyền tịch thu và thiêu hủy tất cả các sách kinh, sách đạo, tổ giác các Đạo Trưởng và Thầy Giảng.⁶³

Nhưng Đức Cha Phanxicô Pallu cho rằng chúa Trịnh cấm đạo và trục xuất các cha, chỉ vì các cha là những người thuộc quyền Quốc vương Bồ Đào Nha, một nước có thế lực ở trong vùng Đông Nam Á. Các quan ghét đạo đã yêu cầu nhà Chúa đề phòng đạo Công giáo, vì sự đoàn kết chặt chẽ của họ có thể đưa đến việc thành lập một bè phái có thế lực. Với sự tuân phục mù quáng của giáo dân đối với các chỉ huy ngoại kiều, sẽ gây nhiều nguy hại cho quốc gia. Sau này trong những huấn điều gửi cho các thừa sai của mình, Đức Cha

cũng chú thích cho các Ngài nhận định đó.⁶⁴ Vì thế, tuy nghe tin bị bách hại, ngài vẫn cố gắng tìm cách để có thể đến với giáo dân của ngài ở địa phận Đàng Ngoài. Ngài nghĩ rằng hơn lúc nào hết, họ không có một thừa sai nào bên cạnh để nâng đỡ và hướng dẫn họ, nên họ cần sự có mặt của chính vị Giám mục mà Tòa Thánh đã chỉ định cho họ.⁶⁵ Ngài đã viết cho giáo dân Đàng Ngoài một lá thư lời lẽ rất sốt sắng, ngài khuyên họ can đảm xưng tên Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã chết cho họ trên Thánh Giá và tránh những điều mê tín của người lương dân, cũng đừng “thông công” vào những sự dối trá đó, vì như thế là như chối đạo và đáng bị án phạt đời đời.

Dầu vậy ngài chưa lấy làm đủ, ngài vẫn muốn liều mạng sống đến với họ. Trước đó, ngài đã điều đình với một thương gia người Hồi giáo cho ngài theo tàu của ông đến xứ Bắc Đàng Ngoài, nhưng rồi thương gia đó lại thôi không đi nữa. Tiếp theo ngài dự tính đi Phi Luật Tân, hy vọng có thể có tàu từ Manila đến xứ Bắc Đàng Ngoài. Nhưng tất cả các thừa sai đều khuyên ngài không nên đi vào khu vực của người Tây Ban Nha, vì họ cũng như người Bồ Đào Nha, không ưa gì các thừa sai người Pháp. Đức Cha lại tính theo đường bộ qua xứ Lào, một con đường mà từ trước đến giờ chưa một nhà thám hiểm ngoại quốc nào dám nghĩ tới. Dầu vậy Đức Cha không lo ngại gian nan nguy hiểm của đường rừng núi hiểm trở. Lúc đó có một phái đoàn triều đình Thái sai qua Lào để ký kết một hòa ước giao hảo. Đức Cha muốn đi theo phái đoàn nhưng bị từ chối.

Cũng như Đức Cha Lambertô de la Motte, Đức Cha Phanxicô Pallu bó buộc phải ở lại đất Xiêm để chờ đợi dịp thuận tiện khác. Thời gian chờ đợi bó buộc có lợi cho các Ngài. Các ngài đã hội họp nhau để vạch vẽ một con đường sống ở địa sở truyền giáo và hoạch định tổ chức một trụ sở truyền giáo ở kinh đô Thái Lan. Đó là nguồn gốc công đồng Yuthia với bản các huấn điều cho các thừa sai và dự định lập “TRƯỜNG CHUNG” ở kinh đô Thái Lan.

2. Công đồng chung Yuthia với bản huấn điều cho các Thừa sai và dự định lập trường chung ở kinh đô Thái Lan

Trước khi ở Pháp bước chân ra đi, các Đức Cha cũng như thừa sai của các Ngài là những người chưa hề đặt chân đến khu truyền

giáo và cũng chưa có một kinh nghiệm gì về hoạt động truyền giáo. Các ngài không thể hoạch định cho mình cũng như cho các cộng tác viên của mình những nguyên tắc hoạt động để có thể đi đến thành công và thu lượm được nhiều kết quả. Nhưng lúc này với những cuộc hành trình đầy gian nan vất vả cũng như thời gian tạm trú trên đến đất Thái Lan, các Ngài đã quan sát được nhiều điều, do đó rút ra nhiều kết luận kinh nghiệm quý báu. Cũng như đạo binh cần phải có kỷ luật để giữ, những nguyên tắc hành quân để theo, thì những thừa sai trong công cuộc chinh phục lương dân cho nước Chúa, cũng có những luật sống phải tuân giữ, cũng như những nguyên tắc hoạt động phải tôn trọng để được thành công và kết quả.

Các Đức Cha bàn luận với các cha việc hoạch định một bản điều luật cho các thừa sai và các cộng tác viên của các Ngài. Bốn cha hiện đang có mặt lúc đó ở kinh đô Thái Lan, là cha Phanxicô Deydier, Antôn Hainques, Phêrô Brindeau, và Luigi Lameau. Còn cha Giacôbê de Bourges đã trở về Âu Châu công cán và cha Luigi Chevreuil thì được sai đi làm cha chính đại diện cho Đức Cha Lambertô de la Motte ở Đàng Trong, xứ Nam. Các Đức Cha nghĩ rằng những điều luật mà tất cả các thừa sai đều góp ý kiến và đồng ý ấn định, thì dễ giữ hơn là những điều luật do chính các Đức Cha đề nghị và ban hành.

Công đồng chung Yuthia được khai mạc bằng một Thánh Lễ xin ơn Chúa Thánh Thần tiếp theo nhiều ngày cấm phòng suy nghĩ về các đề tài đã đặt ra. Sau đó các Ngài mới bắt đầu bàn luận, góp ý kiến và kết quả là bản Các huấn điều cho các Thừa sai (*Monita ad Missionarios*).⁶⁶ Theo Đức Cha Pallu thì các Ngài đã cùng nhau học hỏi những lý do vì sao công cuộc truyền giáo không được tiến triển mà có khi đạo giáo còn bị đem ra chế diễu, bách hại. Từ đấy các Ngài đưa ra những nhận định về đường lối phải theo và những gì phải tránh. Các ngài cũng học hỏi về tổ chức và nhất là đời sống đạo đức gương mẫu của nhà truyền giáo phải có. Những nhận định này các Ngài đã thu lượm được nhờ ở sự quan sát đời sống các thừa sai và các xứ đạo trong địa sở truyền giáo với ý kiến khôn ngoan của những thừa sai kinh nghiệm và thánh thiện đã nói cho các Ngài. Nhưng muốn khỏi lầm lẫn, các Ngài luôn căn cứ vào Phúc Âm và

những điều của Giáo hội cũng như những giáo huấn của các Đức Thánh Cha và riêng của Bộ Truyền Giáo. Các ngài cũng để ý đến gương các Thánh nhân như là thánh Phanxicô Xaviê và những nguyên tắc hoạt động của ngài.⁶⁷

Cha Launay, trong cuốn lịch sử Hội Truyền giáo ngoại quốc Paris đã cho rằng: “Lịch sử các địa sở truyền giáo của Hội Truyền Giáo ngoại quốc sẽ chỉ là cuộc áp dụng những nguyên tắc của những vị đại diện Tòa Thánh tiên khởi, trong những hoàn cảnh khác nhau, vào những thời đại khác nhau, cũng như dưới những bầu trời khác nhau và do những con người khác nhau. Đem phân tách nó, chúng ta sẽ tìm ra những bức họa ghi lại đời sống của những người thợ Phúc Âm và những hành động của họ”.⁶⁸

Ba đề tài chính được đưa ra thảo luận trong bản các huấn điều này là:

1. Vấn đề thánh hóa bằng hoạt động truyền giáo.
2. Vấn đề truyền giáo cho lương dân.
3. Tổ chức các xứ đạo.

Tác phẩm chia làm 10 chương:

- **Chương I:** Bàn về vấn đề thánh hóa bằng hoạt động truyền giáo. Bản huấn điều đã nhấn mạnh đến nguy hại của thừa sai quá ham hoạt động bên ngoài bê trễ đời sống bên trong. Các ngài cũng phải tập sống nhiệm nhật khó khăn để có thể chịu đựng những thiếu thốn không thể tránh được trong đời sống truyền giáo.⁶⁹
- **Chương II:** Bàn về những đòi hỏi của thừa sai muốn đến hoạt động trong một khu vực truyền giáo. Bản huấn điều nhấn mạnh về việc học hỏi kỹ lưỡng về tình trạng địa sở truyền giáo và biết nói thông thạo tiếng nói của người dân.⁷⁰
- **Chương III:** Bàn đến vấn đề dùng những phương tiện loài người vào trong sức mạnh thánh thiện của việc truyền giáo. Bản huấn điều cấm các thừa sai không được phép buôn bán vì là một công việc bất xứng với người giảng đạo. Các ngài cũng phải tránh không được nương tựa vào sức mạnh trần tục trong công cuộc đưa người lương dân trở lại, vì thường lợi ít mà hại rất nhiều. Các ngài không nên quan tâm đến vấn đề học hỏi nghệ thuật và khoa học, nó làm cho vị thừa sai quên nhiệm vụ chính yếu của mình là

giảng đạo. Và nếu “đôi khi địa sở truyền giáo có vẻ bị thiệt hại vì đã không dùng đến các phương tiện loài người, thì cũng đừng để rơi vào chước cám dỗ mà dùng đến nó.

Đừng có thất vọng, hãy chúc lành cho những người nguyên rủa chúng ta, hãy yêu thương những người bách hại chúng ta và chờ đợi tất cả ở sự công bằng và lòng lành của Chúa”.⁷¹

- Tiếp theo là 5 chương, từ **chương IV** đến **chương VIII**, bàn về vấn đề truyền giáo cho người lương dân và giáo huấn cho người tân tòng. Người thừa sai phải sống thánh thiện gương mẫu cho người ta mến phục và dùng đức bác ái để lôi kéo người ta về với Chúa. Ngài phải biết khôn ngoan dè giữ, tránh những gì có thể làm cho người ta mất lòng hoặc phạm đến lòng tự ái của người ta. Trong việc giáo huấn cho người tân tòng, có thể theo đường lối thứ tự sau đây. Bắt đầu dạy cho người ta tin nhận có Chúa và giải thích cho người ta biết Ngài là Đấng nào. Tiếp theo dạy cho họ biết mục đích con người sống ở thế gian này để làm gì, về phần thưởng và hình phạt đời sau. Đồng thời trình bày cho họ thấy cái hay cái đẹp và sự tinh tuyền của đạo Công giáo so sánh với các đạo khác. Sau này khi đã thông thạo khá, dạy cho họ về tội nguyên tổ, về Chúa Ba Ngôi, về Ngôi Hai xuống thế làm người, và về tổ chức Giáo hội.⁷²

- **Chương IX:**Nói về tổ chức địa sở truyền giáo, trong đó đáng để ý hơn cả là điều II nói về tổ chức các họ đạo không có linh mục coi sóc.⁷³ Một sáng kiến của các thừa sai mà ngày nay trong các họ đạo ở Việt Nam không có linh mục vẫn còn tuân giữ và bảo tồn. Những điều chỉ dẫn rất thực tế và đầy đủ, khôn ngoan sáng suốt. Nhờ đó các họ đạo được bảo toàn dù phải trải qua những thử thách và bách hại lâu dài, không có thầy giảng cũng không có linh mục.

◆ Trước hết là việc tuyển chọn ông Trùm, ông Quản trong họ, theo tiếng nói ngoài Bắc, hay là ông Trùm, ông Biện, ông Câu theo lối nói trong Nam. Bản Các huấn điều viết: “Trong các xứ không có linh mục, cần phải tuyển chọn tùy theo con số giáo dân, một hay hai người nổi tiếng và thông thạo kinh nghĩa, vì lòng đạo đức nhiệt thành và đời sống gương mẫu. Sau khi đã bắt họ phải

tuyên xưng đức tin trước mặt thừa sai, nếu Đức Giám mục đại diện Tòa Thánh vắng mặt và bắt họ hứa không được dùng các của dâng cúng vào những việc làm các ông đàn anh trong họ đạo. Họ sẽ săn sóc các nhà nguyện để giáo dân hội nhau đọc kinh cầu nguyện, các ngày Chủ Nhật và ngày lễ.

- ◆ Và đây là công việc của các ông đàn anh trong họ, ngày Chủ Nhật và ngày lễ: “Trong các nhà thờ họ, sau khi giáo dân đọc kinh Tin Cậy, Kính Mến, kinh Thờ Lạy và kinh Đội Ơn cùng các kinh Ban mai, họ sẽ giúp giáo dân đưa lòng trí dự lễ thiêng liêng và rước lễ thiêng liêng. Các kinh họ đọc trên đây phải được Bộ Truyền Giáo hay Đức Giám mục chấp nhận. Và theo Thánh Tông đồ dạy: phải dâng những lời nguyện chung, những lời nguyện riêng, những kinh đọc, những lễ tạ cho mọi thứ người, cho vua chúa và những kẻ cầm quyền. Các người đàn anh sẽ báo giáo dân kinh ngày Chủ Nhật và ngày lễ, trước khi ra về, họ đọc ba kinh Lạy Cha và kinh Kính Mừng cầu cho đức tin mỗi ngày truyền bá thêm hơn và Giáo hội càng ngày càng mở rộng thêm hơn. Cầu cho Đức Thánh Cha, cho Đức Giám mục và các kẻ coi sóc đoàn chiên Chúa. Cầu cho vua chúa và các quan quyền. Cầu cho những kẻ có tội, để Chúa tha thứ cho họ, cho họ bỏ con đường tội lỗi trở về con đường của Chúa. Cầu cho những người rối đạo biết trở về vâng phục Giáo hội Công giáo. Cầu cho những người ngoài đạo để họ bỏ điều lầm lạc trở về tin theo Chúa Giêsu Kitô. Cầu cho những kẻ qua đời và riêng những kẻ chết trong họ được thoát khỏi hình phạt nơi luyện ngục. Cầu cho các dân nước được thịnh vượng và xin Chúa gìn giữ khỏi mọi tai nạn.
- ◆ “Hơn nữa, để nuôi dưỡng linh hồn giáo dân, họ sẽ đọc một đoạn sách đạo đức do Bề Trên chỉ định, hoặc về những điều phải tin hay những sự khác cần cho sự rỗi linh hồn.”
- ◆ “Họ cũng báo cho giáo dân biết những ngày lễ, ngày Chay và ngày trước ngày lễ trong tuần đến và những điều phải làm để giữ trọn luật đạo Chúa truyền.”
- ◆ “Họ rao những đôi hôn phối và hỏi có ai biết có ngăn trở gì không. Họ cũng đọc những lệnh truyền của các Giám mục và chỉ

bảo những điều cần thiết phải giữ tùy theo hoàn cảnh. Đây là tất cả những điều phải làm buổi sáng.”

- ◆ “Còn buổi chiều, nếu có thể, họ sẽ họp giáo dân để làm việc đạo đức, xét mình và đọc kinh chiều.”
- ◆ Đây là công việc kinh hạt trong ngày lễ và ngày Chủ Nhật. Ngoài ra, các ông đàn anh trong họ, theo như bản Các huấn điều, còn phải lo rửa tội cho các con nít con nhà có đạo mới sinh ra và cho người lớn khi gần chết muốn theo đạo. Các ông còn lo săn sóc người ốm đau trong họ và giúp những người gần chết, cũng như trông coi việc tống táng và cầu nguyện cho người chết. Bản các huấn điều nhấn mạnh đến việc cầu cho các linh hồn nơi luyện ngục, nhất là để phá tan những vu cáo của người ngoại là đi đạo quên ông bà tổ tiên quá cố. Ngoài ra các ông còn có nhiệm vụ dạy kinh bốn cho các trẻ con, chứng kiến những cuộc hôn nhân với hai người làm chứng, lo bảo vệ các trẻ mồ côi và các bà mẹ góa bụa.
- ◆ Để giúp các ông đàn anh thi hành những nhiệm vụ trong họ như thế, bản các huấn điều nói đến các sách để huấn luyện cho họ biết rửa tội, giúp kẻ liệt, chôn cất kẻ chết, cầu nguyện cho các linh hồn, cách rao hôn phối, sách về các ngày lễ lạ, sách các lễ trong đạo...”⁷⁴
- ◆ Các ông cũng có lịch các ngày lễ. Các ông còn phải làm sổ rửa tội, sổ thêm sức, sổ hôn phối, và thỉnh thoảng tường trình cho cha sở về tình trạng họ đạo.
- Cuối cùng là **Chương X**, trong đó có những đoạn nói về các thầy giảng và các linh mục bản quốc. Nhận định về các thầy giảng, các Ngài công nhận thầy giảng là người chân tay đắc lực và cần thiết của thừa sai. Các thầy là những người làm được hết mọi chuyện: làm thư ký, coi nhà mặc áo, thầy giáo dạy học, trông coi, xét xử các việc trong họ, làm thuốc chữa bệnh, nói tắt con người kiêm hết mọi công việc. Nhờ các thầy, các thừa sai biết được những câu chuyện sẽ xảy ra. Với kinh nghiệm của các thầy, với hiểu biết sâu xa về phong tục, tính tình của người dân, các cha biết phải xử sự như thế nào.⁷⁵
- ◆ Vì các thầy giữ một địa vị trọng yếu trong vấn đề truyền giáo và

coi sóc xứ họ, nên việc tuyển chọn cũng đòi hỏi nhiều đức tính hơn người. Trước hết các thầy phải là người có lòng đạo đức sốt sắng đặc biệt, một đời sống đạo hạnh gương mẫu và bảo đảm. Vì thế phải loại bỏ những người kiêu căng, nóng tính, hà tiện, rượu chè, cờ bạc. Các thầy phải biết sống trinh khiết, khó khăn, chính trực, nhẫn nại, hiền lành và khiêm nhường.

- ◆ Bốn phận các thầy là dạy đạo cho người ta, vì thế các thầy phải thông hiểu các lễ trong đạo, và biết cách trình bày cho đơn sơ, rõ ràng, hợp với trình độ dân chúng. Muốn phá đổ những mê tín và thành kiến sai lầm, các thầy cũng phải thông hiểu những đạo khác, nghiên cứu những sách vở của họ.
- ◆ Trước khi được gọi là thầy giảng, các thầy phải qua một thời gian học hỏi ở trường thầy giảng. Sau đó thầy sẽ ra làm việc dưới quyền một thừa sai hay một thầy giảng có tuổi và kinh nghiệm. Lúc đầu dạy các trẻ em và những người tân tòng đơn sơ kém chữ nghĩa. Sau đó tập giao dịch với những người có ăn học, các đàn anh trong vùng. Dần dần mới được giao cho coi sóc một họ đạo.
- ◆ Đoạn cuối cùng trong chương X nói về các linh mục bản quốc. Việc tuyển chọn các Ngài càng nghiêm ngặt hơn. Thường là chọn trong số các thầy giảng tuổi tác đã ở lâu năm, đầy kinh nghiệm truyền giáo và đời sống đạo hạnh bảo đảm. Các thầy sẽ được học hỏi La ngữ, biết cách dâng lễ và làm các phép Bí tích, biết cách giải đáp các vấn đề lương tâm và các ngăn trở hôn phối.
- ◆ Sau khi đã vạch vẽ một con đường hoạt động truyền giáo cho các thừa sai ở địa sở truyền giáo, các Ngài nghĩ đến vấn đề lập một trụ sở truyền giáo cho tất cả các khu miền Đông Á. Đức Cha Phanxicô Pallu, trên con đường từ Ba Tư qua Ấn Độ, ngài đã nêu ra vấn đề này trong thư gửi về Âu Châu và Đức Cha Lambertô de la Motte, khi sai cha Giacôbê de Bourges về Rôma, cũng đã đặt vấn đề này với Tòa Thánh.⁷⁶ Theo các Ngài trụ sở này sẽ là nơi liên lạc nhận thư từ Âu Châu gửi đến chuyển cho các thừa sai ở các địa sở truyền giáo, cũng như nhận và chuyển thư của các Ngài về Âu Châu. Trạm liên lạc này đồng thời cũng

đóng vai trò quản lý chung của các địa sở truyền giáo, lãnh nhận các tiền trợ cấp của hội Paris gửi đến và chuyển cho các nơi. Ngoài ra nó cũng là nơi tạm trú của các thừa sai mới từ Âu Châu qua. Các ngài đang khi chờ đợi vào địa sở truyền giáo, sẽ học hỏi về văn hóa, tính tình và phong tục dân tộc mình sẽ đến rao giảng Phúc Âm và nhất là học hỏi tiếng nói của họ.

- ◆ Như thế trụ sở này phải đặt giữa Tây phương và các địa sở Truyền Giáo của các Ngài. Đúng hơn ở ngay cửa ngõ để vào các địa sở truyền giáo. Một nơi đòi hỏi sự bảo đảm tự do tôn giáo để không phải xê dịch nay đây mai đó, và các thừa sai có thể đến và bỏ đi dễ dàng. Với những đòi hỏi đó, các Ngài nhận thấy kinh đô Thái Lan có thể đáp ứng được tất cả. Tính cách rộng rãi của nhà vua đối với các nhà buôn ngoại quốc cũng như các thừa sai bảo đảm sự tự do giao dịch cũng như tự do tôn giáo. Yuthia, hơn nữa lại đúng là cửa ngõ vào các địa sở truyền giáo của các Ngài. Sự đi lại của các tàu buôn các quốc gia khác nhau, rất tiện lợi cho việc chuyển thư từ. Hơn nữa, ở đó, có làng người Tàu và làng người Việt, một nơi lý tưởng để học hỏi tính tình phong tục và tiếng nói của họ cho các thừa sai mới.⁷⁷
- ◆ Các ngài cũng không quên đặt ở đó một chủng viện mà các Ngài gọi là Trường Chung, tức là một chủng viện chung cho các địa sở truyền giáo của các Ngài. Muốn việc huấn luyện các chủng sinh có kết quả, cần phải có nơi yên hàn bảo đảm. Cần có những giáo sư mà đời sống không bị phân chia vì những hoạt động truyền giáo, để có thể đem hết vào việc huấn luyện. Một chủng viện đặt ở địa sở truyền giáo không thể đáp ứng những đòi hỏi đó. Nào là những bách hại nổi lên bất thành linh, nào là con số thừa sai rất ít ỏi, đằng khác con số các chủng sinh cũng không có nhiều. Chủng viện đó, chỉ có thể đặt ở kinh đô Thái Lan, với một vài vị thừa sai chuyên môn việc huấn luyện cho các thầy giảng từ các địa sở truyền giáo gửi đến.
- ◆ Tất cả những quyết định trên đây, cũng như bản huấn điều và nhiều vấn đề khác liên quan đến quyền bính của các vị Giám mục đại diện Tòa Thánh đối với người Bồ Đào Nha luôn luôn bị làm khó dễ. Tất cả cần phải trình lên Bộ Truyền Giáo để được

ứng chuẩn hoặc giải quyết. Cho rằng sự có mặt của ngài ở Rôma là cần thiết, Đức Cha Phanxicô Pallu đã nhận sứ mệnh trở về Âu Châu để công cán. Sau khi trao quyền cho Đức Cha Lambertô de la Motte, để gặp thời kỳ thuận tiện, ngài sai Thừa sai của mình đến địa phận Đàng Ngoài xứ Bắc, ngày 17 tháng Giêng năm 1665. Đức Cha Phanxicô Pallu lên đường về Âu Châu, sau 1 năm ở kinh đô Thái Lan.

Chương IV

Các Đức Giám Mục và Thừa Sai Hội Truyền Giáo Ba Lê Kêu Gọi Tòa Thánh Rôma

Là những Giám mục đại diện mà Tòa Thánh sai đến những khu vực truyền giáo ở miền Đông Ấn và Trung Hoa, các Ngài có sứ mệnh thực hiện sự thống nhất quyền bính, đặt dưới quyền chỉ huy của Bộ Truyền Giáo, tất cả các thừa sai dòng trong giai đoạn đầu, đó là những thừa sai dòng hoạt động trong những khu vực không thuộc quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha như ở Việt Nam, Trung Hoa... Đồng thời các Ngài cũng có nhiệm vụ sửa chữa những sai lầm của các thừa sai trong hoạt động truyền giáo như sự thiếu tôn trọng văn hóa và tập tục lành mạnh của các dân tộc, sự thiếu tinh thần thích ứng trong việc trình bày đạo giáo v.v... Nhưng nhất là các Ngài có nhiệm vụ thành lập một hàng Giáo sĩ bản quốc để bù đắp cho con số ít ỏi của các thừa sai, cũng như để thay thế cho các thừa sai trong thời kỳ cấm cách bị trục xuất ra khỏi khu vực truyền giáo.

Với những sứ mệnh đó, lẽ dĩ nhiên, các Giám mục đại diện Tòa Thánh sẽ gặp khó khăn rất nhiều. Trước hết, với chính các thừa sai dòng trong các khu vực truyền giáo, mà các Ngài đến nhận quyền. Từ trước, các thừa sai đó quen sống độc lập và tự do, chỉ biết quyền của bề trên mình, mỗi dòng hoạt động theo đường lối của mình. Ngày nay, các thừa sai dòng lại phải chịu đặt dưới quyền của Giám mục đại diện trông coi địa phận, các Ngài phải đi theo một đường lối Tòa Thánh chỉ định. Điều đó, chắc các cha dòng không muốn. Đây là chưa nói đến những nhận định nhân loại, cho các Giám mục đại diện là những người đến sau, tranh giành công nghiệp của các cha dòng, là những vị có công khai thác... Ngoài ra còn vấn đề quốc gia đặt ra, giữa các Giám mục đại diện là người Pháp, còn các cha dòng phần lớn là người Bồ Đào Nha.

Đưa ra một vài nhận định sơ lược trên, đã đủ để chúng ta thấy các Giám mục đại diện sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc đặt quyền bính với các thừa sai dòng. Cũng như việc không muốn chịu nhận quyền các Giám mục, đối với các thừa sai dòng, là một vấn đề hết sức nhân loại.

Với những khó khăn nội bộ này, các Giám mục đại diện còn gặp

những khó khăn bên ngoài. Nó không tai hại bằng nhưng sự đáng sợ hơn, đó là triều đình Bồ Đào Nha với quyền bảo trợ của họ, mà trụ sở đặt ở Goa và Áo Môn. Trước hết, họ có thể làm khó dễ, không cho các Giám mục và các thừa sai của các vị đến khu vực truyền giáo hoặc ngăn cấm hoặc bắt giam. Họ cũng có thể làm áp lực bắt các thừa sai sống dưới quyền bảo trợ của họ, phải chống lại quyền bính của các Giám mục. Nên biết các khu vực mà các Giám mục đại diện đến nhận quyền, không phải là khu vực bảo trợ của người Bồ Đào Nha. Nhưng họ vẫn có thể cố níu vào quyền bảo trợ mà chủ trương rằng, các sắc lệnh của Tòa Thánh ban quyền cho các Giám mục, vì không qua tòa chương ấn của Lisbonna, nên không có giá trị, các thừa sai dòng không phải tuân phục. Các giám mục đến khu vực truyền giáo, mà không chịu qua quyền kiểm soát của triều đình, cũng đều là người chống lại quyền của Quốc vương Bồ Đào Nha. Vì thế các thừa sai dòng không được nhận quyền, nếu không muốn bị kết án là phản nghịch với nhà vua.

Trước những khó khăn trên đây, bó buộc các Giám mục đại diện phải kêu gọi Tòa Thánh để xin bảo vệ. Tòa Thánh sẽ dùng quyền để bắt các thừa sai dòng chịu nhận và tuân phục quyền bính của các Ngài; Tòa Thánh cũng chỉ dẫn cho các Ngài đường lối hoạt động trong những hoàn cảnh và khó khăn đó.

Ngoài ra các Ngài còn là nhân viên của Bộ Truyền Giáo sai đến các khu truyền giáo; các Ngài cũng có nhiệm vụ nhận định tình trạng các địa sở mà các Ngài đi qua, cũng như những nơi mà các Ngài đến: các Ngài trình bày cho Bộ biết những tệ lạm, thiếu sót trong các địa sở, đồng thời đề nghị những phương pháp sửa chữa thích hợp. Liên lạc và báo tin về cho Tòa Thánh hay biết, đó còn là mệnh lệnh của Bộ Truyền Giáo đã ra cho các Giám mục trước khi ra đi.

Với những lý do đó, chúng ta không lấy làm lạ khi thấy các Giám mục luôn tâm trí về Tòa Thánh về các sự kiện xảy ra, đôi khi, trong những trường hợp đặc biệt các Ngài còn cho thừa sai đại diện, hoặc chính các Ngài về Tòa Thánh để kêu gọi sự bảo vệ cũng như giải quyết vấn đề. Đó là những chuyến đi của cha Giacôbê de Bourges, của Đức Cha Phanxicô Pallu và sau này của cha Garôlô Sevin.

I. Kêu Gọi Lần I, Cha Giacôbê De Bourges Qua Rôma (1664-1665)

Tuân theo lệnh của Tòa Thánh, mỗi khi đến một địa sở truyền giáo, các Giám mục lo trình bày về Bộ Truyền Giáo, tình trạng của khu vực đó cũng như những tệ nạn gặp thấy hay những khó khăn phải vượt mà cần phải có sự bảo vệ của Tòa Thánh. Đức Cha Lambertô de La Motte sau khi vừa mới tới kinh đô Thái Lan vào tháng 8-1662, thì 24 tháng 10, ngài đã gửi theo đường thủy một số thư về Đức Thánh Cha, các Đức Hồng Y và vị thư ký của Bộ Truyền Giáo. Sang tháng 12, ngài lại gửi một chuyến thứ hai, nhưng lần này gửi theo đường bộ. Sau đó, sang năm 1663, vào tháng 3, ngài lại gửi chuyến thứ ba. Lần này một số theo đường thủy, một số theo đường bộ, để nếu mất số thư này hy vọng còn số thư khác. Đức Cha thúc đẩy Bộ Truyền Giáo ấn định rõ ràng, cũng như bảo vệ địa vị các Giám mục đại diện, đối với những chủ trương và những khó khăn gây ra, do quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha, mà ngài gặp phải trong kinh đô Thái Lan.

Sau 7 tháng trời ở kinh đô Thái Lan, mà không được thư từ gì ở bên Âu Châu, Đức Cha Lambertô de la Motte cho rằng, các thư từ đó đã bị người Bồ Đào Nha chặn giữ giữa đường. Hơn nữa ngài cũng cho rằng, sau khi các Đức Giám mục lên đường, người Bồ Đào Nha được biết tin, chắc chắn đã cho người đến bênh vực quyền bảo trợ của họ ở Tòa Thánh. Họ chống lại việc thành lập các Tòa Giám mục đại diện ở những địa sở truyền giáo, mà họ cho là dưới quyền của họ. Đức Cha nghĩ rằng, cần phải sai một trong hai vị thừa sai của mình về Rôma, để bảo vệ quyền bính của các Giám mục và trình bày tình trạng của địa sở truyền giáo. Nhất là chuyến thư lần này của Đức Cha có nhiều vấn đề quan trọng cần xin Bộ Truyền Giáo giải quyết; sự có mặt của một số thừa sai ở Rôma sẽ thúc đẩy vấn đề tiến mau hơn. Đức Cha đã chọn cha Giacôbê de Bourges.

I. Cha Giacôbê de Bourges lên đường đi công cán và sứ mệnh Đức Cha Lambertô de la Motte đã trao cho cha

Không chọn cha Phanxicô Deydier mà chọn cha Giacôbê de Bourges là vì cha Giacôbê là người tính tình hiền dịu ôn hòa hơn, và trong công việc thì chín chắn và khôn ngoan hơn. Với những thư ngài viết vào tháng 7-1663, Đức Cha Lambertô de la Motte trao cho cha Giacôbê sứ mệnh trở về Rôma, trình bày với Tòa Thánh những khó khăn Đức Cha và các thừa sai đã gặp phải do sự đe dọa chống đối của người Bồ Đào Nha ở kinh đô Thái Lan. Cha cũng trình bày tình trạng khô khan, thiếu hiểu biết về đạo, cũng như đầy gương xấu tội lỗi của giáo dân ở kinh đô Thái Lan, dưới quyền của các thừa sai dòng. Để vượt thắng những khó dễ do người Bồ Đào Nha gây ra, cũng như có quyền để sửa chữa những tệ nạn trong giáo dân và trong lối sống của các thừa sai dòng, Đức Cha Lambertô de la Motte xin Tòa Thánh ban cho ngài được giáo quyền trên đất Thái Lan cũng như trên đất Pégou, tức Miến Điện ngày nay. Hơn nữa với giáo quyền Tòa Thánh ban trên đất Thái Lan, Đức Cha có thể lập một địa sở Truyền Giáo ở đấy; trụ sở sẽ là nơi liên lạc về Âu Châu cũng như liên lạc với các khu vực truyền giáo khác mà Tòa Thánh đã ban cho ở Việt Nam và đất Trung Hoa, trụ sở ở kinh đô Thái, vì nhà vua xứ Thái rất rộng rãi với các lái buôn và thừa sai Tây Phương, các Ngài được tự do truyền đạo cũng như giáo dân được tự do giữ đạo. Ngoài ra kèm thêm với giáo quyền Tòa Thánh ban cho ở xứ Nam, ngài cũng xin ban quyền cho cả trên đất Chiêm Thành và Cao Miên. Còn đối với quyền chức của Giám mục đại diện Tòa Thánh ở địa sở truyền giáo, Đức Cha xin Tòa Thánh ban cho các Ngài được ngang quyền hay được coi như Giám mục chính tòa ở các địa phận đã thành lập hàng giáo phẩm hay những địa phận thuộc khu vực bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha, như Goa, Áo Môn.

Với sứ mệnh Đức Cha Lambertô de la Motte đã trao cho trên đây, ngày 14-10-1663, cha Giacôbê de Bourges bỏ kinh đô Thái Lan lên đường đi công cán ở Rôma.⁷⁸ Trước những đe dọa của người Bồ Đào Nha, lẽ dĩ nhiên cha De Bourges không thể lấy tàu buôn của người Bồ Đào Nha để qua Goa về Lisbonna, sau đó lấy tàu về Pháp hay qua Rôma. Đi theo con đường bộ mà trước đây cha đã thực hiện với Đức Cha Lambertô de la Motte, thì lâu và nhiều nguy hiểm. Cha đã nghĩ đến việc lấy tàu của người Anh. Lúc đó hai nước Anh và

Pháp đang giao hảo với nhau. Đường đi có hơi dài, nhưng vẫn nhanh hơn đường bộ.

Bỏ kinh đô Thái Lan, trên một tàu buôn người Anh, ngày 27-11, cha Giacôbê de Bourges đến Malacca. Bán đảo này trước thuộc vương quốc Bồ Đào Nha. Là một địa sở truyền giáo rất thịnh vượng, người Bồ Đào Nha đến trú ngụ để buôn bán các vùng chung quanh rất đông. Nhưng từ khi bị rơi vào tay người Hòa Lan, theo Thệ phản giáo, thì sự đạo bị cấm cách, nên số giáo dân còn lại chỉ độ 5 hoặc 600. Người Hòa Lan cũng không cho phép người thừa sai nào được ở lại để trông coi săn sóc vấn đề tôn giáo cho họ.

Sau đó, đi theo bờ biển Ấn Độ, ngày 06-01-1664, cha tới Masulipatam và được tin Đức Cha Cotelendi đã chết và chôn ở đây ngày 26-08-1662. Lúc này Đức Cha Phanxicô Pallu cũng gần tới Thái Lan, ngài tới nơi ngày 27-01-1664. Ở Masulipatam, cha Giacôbê de Bourges lại qua một tàu buôn khác của người Anh để đi Luân Đôn. Tuy chỉ có mình cha là người Công giáo, và là linh mục ở trên tàu của người Anh, nhưng cha cũng được họ xử đãi tử tế. Ngày 07-04-1664, cha qua mũi Hải Vọng Giác (Cap Espérance) và ngày 27-06 thì tới Luân Đôn. Cuộc hành trình kéo dài không tới một năm mà lại đỡ nhọc mệt và đỡ nguy hiểm hơn là theo đường bộ.

Ở Luân Đôn, cha Giacôbê de Bourges muốn đặt một trụ sở liên lạc để gửi thư từ và tiền viện trợ từ Pháp qua Thái Lan, trụ sở thứ 2 của các địa sở truyền giáo của các thừa sai Pháp. Nhưng nghe tin ở Pháp đã thành lập một Công Ty Thương Mại ở vùng Đông Ấn, nên cha lại thôi. Ở Luân Đôn, cha Giacôbê de Bourges được tiếp đãi tử tế, được gặp bà từ cung Henriette de France và vua Charles II. Bỏ Luân Đôn, ngày 15-08, lễ Đức Mẹ Lên Trời thì cha tới Paris.

Ở Paris, cha được chứng kiến những tiến triển của Chứng Viện Hội Truyền Giáo ngoại quốc Paris. Thời kỳ cha theo Đức Cha Lambertô de la Motte xuống tàu bỏ đất Pháp ở Marseille, Chứng Viện này chưa thành lập. Nhưng cha không ở lại Paris lâu, vào đầu mùa thu năm 1664, cha đã lên đường qua Rôma vào ngày 09-10-1664 thì cha tới kinh thành muôn thuở.

2. Cuộc công cán của cha Giacôbê de Bourges ở Rôma và những kết quả thu lượm được

Khi cha Giacôbê de Bourges tới Rôma, thì tình trạng ngoại giao giữa Tòa Thánh và nước Pháp đang bị căng thẳng vì vấn đề lính hộ vệ của Tòa Thánh ở đảo Corse. Nhưng vấn đề của cha Bourges là vấn đề tôn giáo, nên chắc chắn nó không bị liên lụy vì tình trạng trên đây. Vấn đề mà cha Bourges phải để ý hơn cả, đó là tình trạng liên lạc giữa Tòa Thánh và Bồ Đào Nha, vì những điều cha yêu cầu với Tòa Thánh, có liên quan mật thiết với quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha. Nhưng may mắn cho cha Bourges, vì lúc đó, mối giao hảo của Tòa Thánh và Bồ Đào Nha đã lung lay nhiều, cha không lo lắng lắm về những phản đối về phía Bồ Đào Nha. Từ năm 1580, quyền triều đình Bồ Đào Nha bị rơi vào tay vua Philippô II, họ nhà Castillanô, Tây Ban Nha. Mãi đến năm 1640, do một cuộc cách mạng của Juan de Bragances mới chiếm lại được triều đình Bồ Đào Nha và tách ra khỏi nhà Castillanô. Triều đình Tây Ban Nha dùng thế lực để ngăn cản Tòa Thánh, không cho công nhận nền độc lập của Bồ Đào Nha. Vì thế lúc cha Bourges đến Rôma, Bồ Đào Nha không có đại diện ngoại giao ở Tòa Thánh. Các công việc với Tòa Thánh, Bồ Đào Nha phải nhờ Đức Hồng Y họ nhà Ursinô làm đại diện.

Là đại diện bảo trợ quyền lợi của Bồ Đào Nha với Tòa Thánh, Đức Hồng Y họ nhà Ursinô đồng thời cũng là vị bảo trợ cho quyền lợi của nước Pháp với Tòa Thánh, do triều đình Louis XIV ủy nhiệm. Ngài có thể nhận bảo trợ quyền lợi cho cả Pháp và Bồ Đào Nha, vì lúc bấy giờ chính trị của Lisbonne rất liên hệ với chính trị của Paris. Vì thế sự có mặt của cha Giacôbê de Bourges ở Rôma, trong cuộc công cán bảo vệ và đặt vững quyền bính của các Giám mục đại diện Tòa Thánh người Pháp ở các địa sở truyền giáo Đông Ấn và Trung Quốc, trước những đe dọa và những khó dễ của Bồ Đào Nha, đã đặt Đức Hồng Y họ nhà Ursinô đứng trước một vấn đề khó xử: giúp đỡ bên nào, bỏ rơi bên nào?

Trước khi các Giám mục Tòa Thánh lên đường đến khu truyền giáo ở vùng Đông Ấn, Pedro Ferdiando Monteiro, ủy viên Bồ Đào Nha về các vấn đề thuộc quyền bảo trợ của Quốc vương, ngày 21-

07-1661 đã nhờ Đức Hồng Y chuyển lên Tòa Thánh phản đối của Quốc vương. Quốc vương tuyên bố cương quyết bảo vệ tất cả những quyền lợi thiêng liêng do các Đức Thánh Cha trước đã ban tại vùng Đông Ấn và Trung Hoa. Không có kết quả, ngày 04-02-1662, Monteiro lại nhờ Đức Hồng Y báo tin cho Tòa Thánh sự phản đối của Lisbonne, bằng cách gửi trả lại Rôma 12 thừa sai người Ý, dòng Capucinô, qua Lisbonna để đến Angola.

Được tin cha Giacôbê de Bourges, thừa sai Pháp ở Thái Lan trở về Rôma để công cán vấn đề quyền bính của các Giám mục đại diện, người Bồ Đào Nha đã nhờ Đức Hồng Y chuyển ngay lên Tòa Thánh lời phản đối và yêu cầu ngài bảo vệ quyền bảo trợ của Quốc vương. Nhưng cha Bourges không lo lắng lắm, vì như cha biết, Đức Hồng Y của họ nhà Ursinô thế nào cũng nể vua Pháp hơn.

Nhưng điều làm cho cha Bourges tin tưởng hơn và can đảm tiến hành công việc của ngài hơn cả, là việc Bộ Truyền Giáo vẫn cương quyết theo đuổi những nguyên tắc và con đường hành động đã vạch ra. Bộ nhất định bảo vệ các Giám mục đại diện của mình đã sai đến các khu vực truyền giáo. Những phản đối của người Bồ Đào Nha, cũng như các thừa sai dòng không chịu nhận quyền giám mục đại diện, Bộ Truyền Giáo đã nhìn thấy trước và đã sẵn sàng để đối phó.

Đứng đầu Bộ Truyền Giáo lúc ấy là Đức Hồng Y Antônô Barberini và Đức Cha thư ký là Manfroni, vẫn luôn trung thành với tư tưởng và đường lối của Đức Cha Ignoli, vị thư ký đầu tiên của Bộ. Với sự tiếp đón nồng hậu của hai vị, cha Giacôbê de Bourges đã vững tâm ngay từ lúc đầu. Tuy Đức Cha Lambertô de la Motte đã quên, không cho cha Bourges ủy nhiệm thư. Nguyên sự thiếu sót ấy đã đủ làm cho cuộc công cán của cha gặp khó khăn ngay lúc đầu. Nhưng Bộ Truyền Giáo bỏ qua thiếu sót ấy. Bộ quyết định nhóm họp Ủy Ban các vị Hồng Y của Bộ để xác định các vấn đề mà Đức Cha Lambertô de la Motte trình lên Bộ. Cha Giacôbê de Bourges cũng trình lên Ủy Ban một bản tường trình về tình trạng địa sở truyền giáo ở Thái Lan và một bản tóm lược những điều yêu cầu của Đức Cha Lambertô de la Motte.⁷⁹

Sau đó, ngày 13-01-1665, Ủy Ban của Bộ đã tuyên bố những sắc lệnh để mở rộng và đặt vững quyền của các Giám mục đại diện Tòa

Thánh. Theo quyết định của Bộ thì từ nay, 2 khu vực truyền giáo Cao Miên và Chiêm Thành sẽ đặt dưới quyền của Đức Cha Lambertô de la Motte mà Tòa Thánh đã đặt làm Giám mục đại diện ở địa phận Đàng Trong phía Nam. Các Giám mục đại diện cũng được phép truyền các chức thánh cho các chủng sinh đã được tuyển chọn lên chức, mà quê quán thuộc các địa phận Thánh Tôma ở Meliapour, địa phận Malacca và Nhật Bản, dầu các tuyển sinh ấy không có giấy phép bỏ địa phận của các vị quản trị địa phận ấy, vì thường rất khó xin và khó nhận những giấy đó ở khu vực tản cư. Đức Cha Lambertô de la Motte đã xin Bộ cho đặc ân này, vì ngài nhìn thấy trước, trong việc thành lập Giáo sĩ bản quốc, ngài có thể tuyển chọn được nhiều ơn gọi ở kinh đô Thái Lan, không những trong làng người Việt và Trung Hoa, mà còn có thể trong làng mạc người Ấn Độ, người Mã Lai và Nhật Bản.⁸⁰

Tiếp theo những sắc lệnh của Bộ Truyền Giáo là hai đoạn sắc của Đức Thánh Cha Alexandrô VII “Từ nơi Tông Tòa cao cả” (*Sublimi sedis apostolica*) ban hành ngày 16-02-1665, ban quyền cho Đức Cha Phanxicô Pallu và Đức Cha Lambertô de la Motte được trọn quyền chọn trong số các thừa sai của các vị một người lên làm Giám mục đại diện thay thế cho Đức Cha Inhaxiô Cotelendi đã qua đời. Đoạn sắc thứ hai “Từ Trời đến với Ta” (*Injuncti nobis coelitus*), triển hạn thêm thời hạn 7 năm phép rộng truyền chức linh mục cho người bản xứ không thông thạo La ngữ.⁸¹

Như thế trong cuộc công cán ở Rôma, cha Giacôbê de Bourges chỉ không đạt được kết quả trong hai vấn đề đã yêu cầu. Vấn đề thứ nhất là việc Đức Cha Lambertô de la Motte xin cho các Giám mục đại diện ở xứ truyền giáo được coi như các Giám mục Chính tòa trong các nước Công giáo hay những khu vực bảo trợ. Điều này Tòa Thánh không muốn ngay từ lúc đầu. Vì thế Tòa Thánh gọi các Ngài là Giám mục đại diện, hiệu tòa này, hiệu tòa nọ. Để như thế với tính cách Giám mục truyền giáo, các Ngài không liên kết vào một khu vực nhất định, cũng không hạn định quyền bính trong một địa phận, và nhất là các Ngài sẽ trực tiếp tùy thuộc vào Tòa Thánh hơn.⁸²

Vấn đề thứ hai mà cha Giacôbê de Bourges đã được là việc xin Tòa Thánh ban cho các Giám mục đại diện được giáo quyền trên đất

Thái Lan và đất Pégou (Miến Điện). Theo cha Leslay thì các Đức Hồng Y chưa muốn ban quyền ấy cho các Giám mục, sợ các Ngài vì thế mà ở lại đất Thái Lan lâu ngày, không chịu tìm cách vào đất Trung Hoa hay Việt Nam sớm hơn. Như cha Leslay cũng cho biết, một khi được tin các Giám mục lên đường vào khu truyền giáo đã chỉ định thì các Đức Hồng Y sẽ ban quyền cho các Ngài tuyển chọn một giám mục trong số các thừa sai của ngài và ban quyền coi sóc trên đất Xiêm và Pégou.⁸³ Đang khi chờ đợi, Tòa Thánh cho các Ngài được lập trụ sở ở kinh đô Thái Lan và săn sóc người Việt ở đấy.

Dẫu sao, cha Giacôbê de Bourges rất hài lòng về chuyển đi công cán của cha. Trong thư gửi cho cha Vincentê de Meur, Bề Trên chủng viện truyền giáo Paris, cha tỏ ra rất lạc quan vì sẽ được Bộ Truyền Giáo đặc biệt bảo vệ và nâng đỡ các Giám mục đại diện. Những lý do phe đối nghịch, dựa trên quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha đưa ra, để chống lại quyền bính ban cho các Giám mục trên đất Trung Hoa, Việt Nam và các quốc gia khác, đều không được Bộ xét đến. Thực ra, theo cha Bourges, nó chỉ là những lý lẽ đưa ra để che đậy hậu ý của các thừa sai ở những nơi ấy, muốn nắm độc quyền hoạt động trong khu vực của họ.⁸⁴

3. Vận động của cha Philippô Marini, thừa sai dòng Tên xứ Bắc ở Rôma

Phe đối nghịch mà cha de Bourges nói đến trên đây, với việc chống lại quyền bính của các Giám mục đại diện trên đất Trung Hoa, Việt Nam, là cha muốn ám chỉ đến cuộc vận động của cha Philippô Marini, thừa sai dòng Tên xứ Bắc ở Rôma. Sau khi bị Trịnh Tạc trục xuất ra khỏi xứ Bắc, năm 1658, cha Philippô Marini trở về Âu Châu năm 1661. Năm 1663, cha cho xuất bản ở Rôma cuốn sách nói về công cuộc truyền giáo của các cha dòng Tên ở Việt Nam, trong vòng nửa thế kỷ.⁸⁵ Đối với các Đức Hồng Y của Tòa Thánh, cha cố gắng bênh vực chủ trương của cha là muốn cho công cuộc truyền giáo trong một khu vực được kết quả, thì chỉ nên trao cho thừa sai của một dòng nào đó thôi, không nên trộn lẫn thừa sai của các dòng khác nhau hay những thừa sai tổ chức khác nhau. Nói thế cha muốn ám chỉ đến công cuộc truyền giáo ở Việt Nam, Tòa Thánh nên trao độc

quyền cho các thừa sai dòng Tên là những người đã có công đầu và đã thành lập các tổ chức ở đây. Việc sai các Giám mục đại diện và các thừa sai của các Ngài đến Việt Nam, sẽ gây những kết quả không hay.

Cha Giacôbê de Bourges, trong cuộc công cán ở Rôma, rất lo ngại những vận động của cha Philippô Marini chống lại tổ chức các Giám mục đại diện, và chủ trương của cha về việc trao độc quyền truyền giáo ở Việt Nam cho các thừa sai dòng Tên. Nhưng cha de Bourges đã được cha Leslay, nhân viên Bộ Truyền Giáo, báo không nên lo ngại. Cha Leslay cũng cho biết, cha Philippô Marini còn muốn được Tòa Thánh đặt làm giám mục ở Việt Nam để thay cho các Giám mục Pháp. Nhưng theo cha Leslay, thì các Hồng Y Bộ Truyền Giáo không xét kể đến chủ trương của cha Marini, và cương quyết theo đuổi con đường đã vạch ra.

Trong cuộc vận động, cha Philippô Marini chỉ thu lượm được một kết quả là đoạn sắc “Đã nhiều lần” (Cum exalus pluries) ban hành ngày 31-03-1665⁸⁶ do Đức Thánh Cha Alexandrô VII khen ngợi công cuộc của các thừa sai dòng Tên ở Việt Nam. Trong đó ngài khuyên nhủ giáo dân Việt Nam nên vâng theo sự bảo ban của các thừa sai, vì chính ngài đã cho các thừa sai quyền hưởng dẫn phần hồn của giáo dân. Nên các thừa sai có gặp điều gì khó khăn thì các Ngài phải trình về Bề Trên Cả của dòng, trong tờ trình hàng năm. Dựa vào những lời trên đây của Đức Thánh Cha Alexandrô VII, sau này, các thừa sai dòng Tên ở Áo Môn, cho rằng mình không tùy thuộc quyền của giám mục đại diện. Lối giải thích này đã bị Đức Thánh Cha Clémentê kết án trong đoạn sắc “Nhất là về vấn đề” (Proecipuae enim vero) ban hành ngày 10-11-1673.⁸⁷

Khi cha Marini bỏ Âu Châu trở về khu truyền giáo Đông Ấn, cha đã mang theo một số rất đông các thừa sai dòng Tên. Cha Giacôbê de Bourges lo ngại. Có thể, vì sự chống đối của các cha dòng, Tòa Thánh sẽ bỏ rơi tổ chức các Giám mục đại diện sai đến khu vực truyền giáo và sẽ gọi các Giám mục trở về Âu Châu. Nhưng cha Leslay, nhân viên Bộ Truyền Giáo, biết rõ vấn đề hơn. Để làm vững tâm cha Giacôbê de Bourges, một lần nữa cha đã nói rõ là: “Chẳng những các Đức Hồng Y không gọi các Giám mục về, mà còn xây

dựng vững chắc hơn nữa quyền bính của các Ngài chống lại những đối nghịch của các thừa sai dòng và các nhân viên của Bồ Đào Nha”.⁸⁸

Là nhân viên của Bộ Truyền Giáo, chắc chắn cha Leslay đã biết bản tường trình của Đức Cha Manfroni, thư ký của Bộ Truyền Giáo, trình lên các Đức Hồng Y của Bộ, trong cuộc họp ngày 02-02-1666. Vì thế ngài mới dám nói một cách quả quyết như trên trong khi viết cho cha Gazil.

4. Bản tường trình của Đức Cha Manfroni, thư ký Bộ Truyền Giáo lên các Đức Hồng Y

Bản tường trình của Đức Cha thư ký của Bộ Truyền Giáo⁸⁹ trước hết trình bày những cuộc rối trật tự của hàng Giáo sĩ triều và dòng ở vùng Đông Ấn, căn cứ trên những thư của Đức Cha Lambertô de la Motte gửi về Bộ. Theo Đức Cha thư ký, lý do là vì thiếu giám mục trông coi họ ở các khu truyền giáo. Nhưng vì vướng trở quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha, không thể đặt Giám mục Chính tòa được, cần phải đặt thêm nhiều Giám mục Tòa Thánh. Nhiệm vụ của các Giám mục này thật nặng nề, cần phải được Bộ Truyền Giáo nâng đỡ, bảo vệ. Các ngài phải chống lại và sửa chữa những tệ lạm đã lâu năm ăn rễ sâu trong đời sống của các Giáo sĩ triều hay dòng ở những khu truyền giáo đó. Một trong những giám mục đại diện này, sẽ được đặt làm giám mục kinh lược với nhiệm vụ tâu trình về Bộ Truyền Giáo, thực trạng của các khu vực truyền giáo. Nếu cần, ngài sẽ xin ra những chỉ thị trừng phạt những giáo sĩ làm gương xấu là bất tuân kỷ luật.

Đức Cha thư ký đặc biệt nhấn mạnh đến những khó khăn, các Giám mục sẽ gặp phải trong các khu truyền giáo của các Ngài ở Xứ Bắc, Xứ Nam và Xứ Trung Hoa. Các thừa sai dòng dựa vào quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha để chống lại việc Tòa Thánh sai các Giám mục đại diện đến những khu truyền giáo đó. Sự thực ấy chỉ là những lý luận không có nền tảng. Quyền của Bồ Đào Nha ở vùng Đông Ấn đã bị suy giảm đi rất nhiều trong những năm gần đây. Hơn nữa ở nước Trung Hoa, Đông Kinh và Cochinechina, Quốc vương Bồ Đào Nha không hề có chút quyền bính gì ở đấy. Vì thế ông

cũng không có quyền gì mà ngăn cản các Giám mục đại diện Tòa Thánh đến hoạt động ở những nước ấy. Những người Bồ Đào Nha chỉ có thể làm khó dễ, bằng cách bắt giữ các Ngài trên con đường đến khu vực truyền giáo. Sự thực, Quốc vương Bồ Đào Nha đã ra lệnh bắt giữ các Giám mục giải về Lisbonna. Nhưng đã không đạt được kết quả.

Vì thế, những kẻ chống đối chính yếu, mà các Giám mục đại diện phải đương đầu, không phải nhân viên của Quốc vương Bồ Đào Nha, mà chính là các thừa sai dòng. Trong địa sở truyền giáo, sự chống đối của các thừa sai dòng, không chịu nhận quyền các Giám mục đại diện Tòa Thánh sai đến, có thể gây ra chia rẽ trong địa phận, vì các Ngài sẽ kéo giáo dân về phe mình để chống đối quyền của Giám mục. Đáng khác, các Ngài còn có thể có manh tâm tố cáo các Giám mục đại diện với các vua chúa phần đời ở đây, các Ngài bảo các Giám mục là những kẻ đáng nghi ngờ, được sai vào trong xứ, để dò thám cho nhà vua Pháp, để các vua chúa nơi xứ ấy trục xuất các Giám mục đi.

Đức Cha thư ký nhìn thấy trước những sự kiện có thể xảy ra trên đây nên đã yêu cầu Bộ Truyền Giáo cần thẳng tay trừng trị các thừa sai chống đối. Nhờ đó mà bắt được những thừa sai dòng, chỉ chịu vâng phục bề trên mình mà không chịu vâng phục Giám mục đại diện ở địa sở truyền giáo. Việc trục xuất những thừa sai ngoan cố ra khỏi địa sở truyền giáo, có thể hoặc trao cho Giám mục đại diện; như thế công việc sẽ nhanh chóng, nhưng gặp khó khăn là đặt Giám mục đại diện làm quan xét chính vấn đề của mình; còn nếu có thể đặt một vị kinh lược Tòa Thánh thì hay hơn.

Trong phần cuối, bản tường trình đặt vấn đề tuyển chọn các thừa sai. Đức Cha xin các Đức Hồng Y ủng hộ cho chủng viện các thừa sai ngoại quốc ở Paris. Vì chủng viện không có quỹ dồi dào, nên chỉ nhận những Giáo sĩ xin làm thừa sai mà có nguồn lợi riêng để chi phí vào chuyến đi và cuộc sống của mình ở khu truyền giáo. Do đó, nhiều ơn gọi truyền giáo không thực hiện được vì không có nguồn lợi riêng hoặc không có người đỡ đầu.

Nhưng theo Đức Cha thư ký thì nguồn thừa sai dồi dào hơn cả, vẫn là các cha dòng. Nếu việc tuyển chọn tùy thuộc trực tiếp hay gián tiếp vào Bộ Truyền Giáo, các vị sẽ là thừa sai của Bộ và sẽ chịu

quyền điều khiển của giám mục mà Bộ sai đến địa sở truyền giáo. Thường thì các Bề trên dòng chỉ sai đến các địa sở truyền giáo những cha dòng tầm thường. Những cha dòng xuất sắc thì gửi lại làm việc ở Âu Châu. Muốn tránh điều đó, Bộ Truyền Giáo có thể nhờ các Khâm Sai đại diện Tòa Thánh hoặc các Giám mục các địa phận, giúp Bộ nhận lãnh các cha dòng muốn làm thừa sai của Bộ, các Ngài sẽ điều tra về đời sống và khả năng của các vị đó. Trong trường hợp Bề Trên không bằng lòng cho đi truyền giáo, mà muốn giữ lại làm việc cho dòng, Bộ có quyền lãnh nhận, mặc dù Bề Trên không chấp thuận. Rất có thể, những thừa sai xin đi truyền giáo, mà không do Bề Trên dòng gửi đi, sẽ không được dòng trợ cấp và sau này già yếu trở về Âu Châu, không có nơi hưu dưỡng, do đó mà các cha dòng ngại, không dám tự ý xin đi. Bộ Truyền Giáo có thể giải quyết vấn đề này, vì các dòng đều có luật buộc là những của dâng cúng dành cho công cuộc truyền giáo thì chỉ được dùng cho nguyên việc truyền giáo thôi. Bộ có thể đòi hỏi nộp cho Bộ một phần số nguồn lợi đó. Đàng khác Bộ có thể kêu gọi sự dâng cúng của giáo dân, và lập một nhà hưu dưỡng cho các thừa sai khi già yếu.

Qua bản tường trình trên đây, chúng ta nhận thấy Bộ Truyền Giáo luôn trung thành với đường lối đã vạch ra do Đức Cha Ingoli, vị thư ký tiên khởi của Bộ. Bộ nhất định ủng hộ và bảo vệ tổ chức các Giám mục đại diện, sai đến các địa sở truyền giáo. Bộ sẽ dùng các Ngài để đi dần đến thống nhất việc chỉ huy hoạt động truyền giáo đặt dưới quyền của Bộ. Cũng vì thế lần kêu gọi thứ nhất này cũng như những lần kêu gọi tiếp theo của các Giám mục và các thừa sai Hội Truyền Giáo Paris, đã được Bộ đáp lại một cách mau lẹ với quyết định cứng rắn. Vì Bộ đã nhìn thấy trước những sự chống đối của các thừa sai dòng, không chịu nhận quyền của các Giám mục, cũng như những chia rẽ tai hại sẽ gây ra trong giáo đoàn, cần phải chấm dứt ngay.

Vào cuối tháng 12-1665, cha Giacôbê de Bourges đã sẵn sàng lên đường để trở về Thái Lan. Nhưng mãi ngày 14-03-1666, chiếc La Rochelle của hãng buôn Pháp ở Ấn Độ mới kéo buồm ra khơi. Cùng đi với cha, có 5 thừa sai Pháp qua công tác với các Giám mục. Nhưng chuyến ra đi đầu tiên của chiếc La Rochelle này gặp nhiều gian nguy, có lần bị dạt lên tận bờ biển Brésil. Hai vị thừa sai đã chết giữa đường, và sau ba năm, vào tháng 2-1669 mới tới kinh đô Thái

Lan, gặp Đức Cha Lambertô de le Motte.

II. Kêu Gọi Lần II – Đức Cha Phanxicô Pallu Qua Rôma (1667-1669)

Pang khi cha Giacôbê de Bourges còn phải ở lại đất Pháp để chờ tàu của hãng buôn Đông Ấn mới thành lập, đưa trở lại đất Thái Lan, khởi hành ngày 14-03-1666, thì Đức Cha Phanxicô Pallu đã bỏ đất Thái Lan để trở về Âu Châu công cán lần nữa cho vấn đề quyền bính của các Giám mục đại diện. Tới kinh đô Thái Lan ngày 27-01-1664, một năm sau, Đức Cha Phanxicô Pallu đã lại lên đường trở về ngày 17-01-1665.

Theo quyết định của các thừa sai trong công đồng Yuthia thì cuộc công cán thứ hai này phải trao cho một giám mục. Vì những vấn đề đặt ra để xin Tòa Thánh giải quyết lần này, có liên hệ quan trọng đến vận mệnh của Hội Truyền Giáo Paris cũng như công cuộc truyền giáo của các thừa sai Pháp trong khu vực truyền giáo được sai đến. Cần phải có giám mục là người có địa vị quan trọng để trình bày vấn đề, giải thích và theo đuổi cho đến thành quả.

1. Đức Cha Phanxicô Pallu lên đường đi công cán và sứ mệnh của ngài

Để điều đình một công việc, chắc chắn là Đức Cha Phanxicô Pallu thích hợp hơn là Đức Cha Lambertô de la Motte. Có lẽ Thiên Chúa đã sắp đặt như thế, để trong hai Đức Giám mục tiên khởi của Giáo hội Việt Nam, chúng ta sẽ thấy ngay từ lúc đầu mỗi vị giữ một địa vị trong công việc xây dựng. Nếu nói theo lối chúng ta ngày nay, thì có thể nói Đức Cha Phanxicô Pallu là người giữ chân ngoại giao. Một phần lớn đời ngài sẽ là đi công cán để bảo vệ quyền bính cho các Giám mục đại diện, bị triều đình Bồ Đào Nha đe dọa và bị các thừa sai dòng Tên chống đối không chịu nhận quyền. Còn Đức Cha Lambertô de la Motte là người tổ chức nội vụ. Suốt đời ngài là săn sóc cho đời sống của các giáo đoàn, sai các cha chính và các thừa sai đến xây dựng và đặt quyền bính ở địa phận Đàng Trong, cũng như Đàng Ngoài. Tiếp đến những cuộc kinh lược của ngài, ấn định tổ chức trong những địa phận, sửa chữa các tệ lạm và thiếu sót, thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc và lập dòng Mến Thánh Giá, tổ chức lại

đời sống thầy giảng, trong tổ chức Nhà Đức Chúa Trời. Tất cả những tổ chức xây dựng đó, Đức Cha Lambertô de la Motte sẽ làm tờ trình về Tòa Thánh, cũng như tình trạng chia rẽ trong địa phận, do sự ngoan cố của các thừa sai dòng Tên không chịu nhận quyền Giám mục đại diện. Công việc xin Tòa Thánh phê chuẩn những tổ chức xây dựng đó, cũng như đưa ra những quyết định, những sắc lệnh để bảo vệ quyền bính các Giám mục, công việc đó Đức Cha Lambertô de la Motte phó mặc cho Đức Cha Phanxicô Pallu, người giữ nhiệm vụ ngoại giao với Tòa Thánh. Khác với Đức Cha Lambertô de la Motte, Đức Cha Phanxicô Pallu có tính hòa hoãn hơn. Vì không muốn làm mất lòng ai, nên ngài ưa theo đường lối mềm dẻo và nhẫn nhục. Ngài rất thích hợp cho việc đi công cán và điều đình công việc bên ngoài.

Sứ mệnh của ngài trong cuộc công cán qua Rôma lần này là xin Tòa Thánh phê chuẩn những quyết nghị của các Giám mục và các thừa sai trong cộng đồng ở kinh đô Thái Lan. Việc thành lập một trụ sở truyền giáo, dùng làm nhà quản lý, và làm chỗ tạm trú của các thừa sai, trước khi đến các địa sở truyền giáo, học tiếng nói và tìm hiểu văn hóa cũng như tập tục của dân nước đến truyền giáo. Việc thành lập một trường chung để đào luyện các ơn gọi của các địa phận truyền giáo gửi đến, thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc theo mệnh lệnh của Bộ Truyền Giáo. Tiếp theo là xin phê chuẩn bản các huấn điều cho các thừa sai. Đặt những nguyên tắc hướng dẫn đời sống thiêng liêng của các thừa sai đi đôi với hoạt động truyền giáo. Việc giáo huấn cho người tân tòng và tổ chức các xứ đạo. Các ngài cũng dự định lập hội các thừa sai của các Ngài thành một hội dòng có ba lời tuyên thệ và sống theo đường lối tu trì nghiêm ngặt và khắc khổ của Đức Cha Lambertô de la Motte đã vạch ra. Cuối cùng các Giám mục cũng muốn đặt lại những vấn đề mà cha Giacôbê de Bourges đã trình lên các Hồng Y Bộ Truyền Giáo trong chuyến công cán thứ nhất, tức là vấn đề quyền bính của các Giám mục đại diện trước những đe dọa của người Bồ Đào Nha và chống đối không chịu nhận quyền của các thừa sai dòng.

Nhận lãnh những sứ mệnh trên đây, ngày 17-01-1665, Đức Cha Phanxicô Pallu lên đường trở về Âu Châu công cán. Cũng như chuyến đi, chuyến trở về này, Đức Cha Phanxicô Pallu đi theo

đường bộ. Tuy tốn công và lâu ngày hơn, nhưng không sợ người Bồ Đào Nha làm khó dễ, bắt giữ. Hơn 2 năm trời, qua bao gian nguy vất vả với người bạn đường cũ trong chuyến đi là ông Philippê de Chamesson Foissy, Đức Cha Phanxicô Pallu đã vượt ngang qua Ấn Độ để sang phía bên kia bờ biển, lấy tàu để qua Ba Tư, Mesopotamia. Sau đó, Ngài lấy tàu đến thẳng Rôma vào tháng 4-1667.

Tới Rôma, vào lúc Đức Thánh Cha Alexandrô VII lâm bệnh nặng và sắp qua đời. Ngài chết ngày 22-05-1667: Đức Cha Phanxicô Pallu phải chờ đợi Đức Giáo Hoàng mới lên thế vị, lúc đó mới có thể bắt đầu công cuộc công cán của ngài. Đức Hồng Y Rospigliosi lên ngôi Giáo Hoàng lấy hiệu là Clémentê IX. Đức Thánh Cha mới có tiếng là có thiện tình với nước Pháp. Dầu sao cứ như bên ngoài, Đức Cha Phanxicô Pallu rất hài lòng với sự đón tiếp của các nhân viên Tòa Thánh, mà ngài có việc phải đến gặp. Đức Hồng Y Barberini, Tổng Trưởng Bộ Truyền Giáo muốn Đức Cha đến ngụ ở Bộ. Vị thư ký của Bộ lúc đó là Đức Cha Hiêrônimô Casanata, thay thế Đức Cha Manfroni, cũng tỏ ra có cảm tình với ngài. Vào đầu tháng 10, Đức Cha Phanxicô Pallu đã có thể trình lên Bộ Truyền Giáo, nhiều bản phúc trình để xin Hội Đồng các Hồng Y của Bộ phê chuẩn hoặc giải quyết. Trong buổi yết kiến Đức Thánh Cha mới lên ngôi, Clémentê IX, ngài đã quyết định trao công việc của các Giám mục đại diện cho ủy ban đặc biệt 4 vị Hồng Y của Bộ Truyền Giáo như trước đây.

Thấy công việc có hy vọng tiến triển mau chóng và tốt đẹp, tháng 12-1667, Đức Cha Phanxicô Pallu vội lên đường trở về Paris. Các bạn hữu trách ngài vừa mới tới khu vực truyền giáo đã vội vã trở về và khi về lại đến thẳng Rôma không chịu đến gặp trước các quản lý đại diện của ngài để bàn hỏi và đặt vấn đề trước khi trình lên Tòa Thánh. May mắn, khi trở về Paris, ngài đem theo đoàn sắc của Đức Thánh Cha Clémentê IX gửi cho vua Louis XIV.⁹⁰ Đức Thánh Cha tỏ ra sung sướng khi thấy Đức Cha Phanxicô Pallu trở về, để cho Tòa Thánh biết tình hình của những khu vực truyền giáo vùng Đông Ấn. Đức Thánh Cha cũng cho nhà vua biết, ngài sẽ quan tâm đặc biệt đến những điều phúc trình của Đức Cha Pallu và bảo vệ công cuộc của các Giám mục đại diện. Với đoàn sắc đó Đức Cha Pallu đã làm

dụ những kêu trách của các bạn hữu ở Paris.

2. Những chống đối Đức Cha Phanxicô Pallu phải đương đầu trong cuộc công cán ở Rôma

Bỏ Rôma trở về Paris, Đức Cha Phanxicô Pallu mang nhiều hy vọng là công việc sẽ tiến triển mau chóng và tốt đẹp. Nhưng Đức Cha không ngờ là ngài có rất nhiều đối thủ đáng sợ và có thể làm hỏng công việc của mình.

Trước hết là chính những nhân viên trong Tòa Thánh Rôma. Các ngài lúc này tỏ ra rất lo ngại tinh thần Pháp giáo của người Pháp. Chính cha Leslay từ trước đến nay rất lạc quan và tin tưởng vào sự ủng hộ của Tòa Thánh Rôma đối với các Giám mục đại diện người Pháp, lúc này cũng tỏ ra lo ngại. Theo cha Leslay thì các nhân viên Tòa Thánh khi về không muốn đặt người Bồ Đào Nha làm Giám mục đại diện Tòa Thánh, cũng không muốn nhận các thừa sai các dòng của họ để sai đến địa sở truyền giáo, nên đành phải nhận người Pháp.⁹¹ Nếu các Ngài tìm được những linh mục triều người Ý sẵn sàng nhận lãnh trách nhiệm trên thì chắc chắn sẽ không trao cho người Pháp.⁹² Chính Đức Cha thư ký Bộ Truyền Giáo, Casanata, nhiều lần đã nói lên ý nghĩ đó.

Đối thủ thứ hai mà Đức Cha Phanxicô Pallu phải để ý đó là Bồ Đào Nha. Sau 26 năm chiến tranh với Tây Ban Nha, triều đình Lisbonna đã nhận ký hòa ước với Madrid. Trước đây triều đình Tây Ban Nha hết sức ngăn cản không cho Tòa Thánh nhận quyền độc lập của Bồ Đào Nha, thì nay với hòa ước 18-02-1668 trên đây, Bồ Đào Nha xin Tòa Thánh công nhận cách dễ dàng và nối lại liên lạc ngoại giao như trước. Từ nay Bồ Đào Nha sẽ có mặt ở Tòa Thánh để bênh vực quyền bảo trợ của mình ở vùng Đông Ấn. Các Đức Hồng Y trong Bộ Truyền Giáo lẽ dĩ nhiên cũng phải quan tâm đến sự chống đối của người Bồ Đào Nha và dè giở hơn trong những quyết định về quyền bính của các Giám mục đại diện. Chính Đức Hồng Y họ nhà Ursinô lúc này, cũng tỏ ra sẵn sàng bênh vực quyền lợi của người Bồ Đào Nha hơn. Ngài đã tuyên bố là được nhà vua Bồ Đào Nha yêu cầu chống lại cuộc công cán của Đức Cha Phanxicô Pallu.⁹³

Nhưng có lẽ đối thủ mà Đức Cha Phanxicô Pallu đáng lo ngại hơn

cả là người Tây Ban Nha. Họ lo ngại sự có mặt các nhân viên truyền giáo ở miền Đông Á sẽ đe dọa quyền bảo trợ của họ ở Đài Loan và ở Phi Luật Tân. Hơn nữa trong tình trạng căng thẳng về chính trị giữa Madrid và Paris, họ nghi ngờ các Giám mục và các thừa sai Pháp có mặt ở vùng Đông Á, có thể cũng là tay sai của Louis XIV, đe dọa các thuộc địa của họ. Vì thế công tước d'Astorza, đại diện ngoại giao của quốc vương Tây Ban Nha mỗi năm đã bỏ ra 500 ducats để lo công cuộc truyền giáo ở Trung Hoa, Phi Luật Tân và Đài Loan, đồng thời đã gửi nhiều thừa sai đến vùng đó. Vì thế họ xin Đức Thánh Cha không cho Bộ Truyền Giáo trộn lẫn vấn đề tôn giáo với chính trị, sai đến vùng Đông Á những vị đại diện thuộc quốc tịch khác, do đó có thể gây ra những tranh giành với cường quốc Tây Ban Nha.⁹⁴

Theo cha Gazil, lúc đó làm đại diện cho Đức Cha Phanxicô Pallu ở Rôma, thì sự chống đối của người Tây Ban Nha còn đáng sợ hơn người Bồ Đào Nha. Họ có thế lực rất mạnh ở Tòa Thánh, rất nhiều Đức Hồng Y ủng hộ họ. Chính ở Bộ Truyền Giáo, thì Đức Cha thư ký Casenata là người Napoli và vị phó thư ký là người Milanô, cả hai là người thuộc khu vực ảnh hưởng và bảo hộ của Tây Ban Nha.

Ngoài ra Đức Cha Phanxicô Pallu còn phải để ý đến sự chống đối của các cha dòng Tên. Chính các thừa sai dòng Tên là những người hơn ai hết, lo ngại sự thành lập các đại diện Tòa Thánh ở Việt Nam và ở Trung Hoa. Từ trước đến nay, các Ngài được tự do hoạt động ở khu vực truyền giáo của mình và không chịu một quyền chỉ huy nào khác, ngoài quyền Bề Trên của dòng. Với việc thành lập mới, các Ngài vừa chịu quyền Bề Trên dòng, vừa chịu quyền Giám mục đại diện Tòa Thánh ở địa sở truyền giáo. Từ trước, Bề Trên các cha dòng cũng là Bề Trên của địa sở truyền giáo; và giáo dân cũng nhận quyền của ngài, nhưng từ nay Bề Trên của địa sở truyền giáo là Giám mục đại diện Tòa Thánh; và giáo dân chỉ phải vâng phục quyền ngài. Bề Trên của cha dòng mất quyền ở địa sở truyền giáo và quyền đó được trao cho Giám mục đại diện hoặc vị thừa sai của ngài đã được chỉ định làm cha chính địa phận. Các cha là những người đến trước mất công xây dựng. Còn các thừa sai Pháp là những người đến sau, nói theo lối lý luận nhân loại thì lại tranh công và hưởng quyền chỉ huy trong địa sở truyền giáo. Hơn nữa đối tượng chính

yếu cuộc công cán của Đức Cha Phanxicô Pallu là sự chống đối của các cha dòng Tên. Là một dòng lớn đã giúp ích rất nhiều cho Giáo hội, ở Rôma, các cha dòng Tên cũng có một thế lực rất mạnh mà Đức Cha Phanxicô Pallu phải để ý và kiêng nể.

3. Những kết quả Đức Cha Phanxicô Pallu thu lượm được

Sau gần một năm trời mà chưa thấy các Đức Hồng Y Bộ Truyền Giáo giải quyết các vấn đề đã trình lên với Bộ, hơn nữa, Đức Cha Leslay, nhân viên của Bộ cho biết những khó khăn và những chống đối trên đây, Đức Cha Phanxicô Pallu vội bỏ Paris lên đường trở lại Rôma đi công cán. Trong thời kỳ ở Paris, được vào yết kiến Louis XIV, Đức Cha đã được nhà vua Pháp hứa bảo vệ và bênh vực công cuộc của các Giám mục Pháp. Như thế sự chống đối của các quốc vương Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, có thể không đáng lo ngại lắm, nhờ sự ủng hộ rất thế lực của Louis XIV. Còn sự chống đối của các cha dòng Tên, Đức Cha Phanxicô Pallu có thể tin tưởng ở sự cương quyết của các Đức Hồng Y Bộ Truyền Giáo, trong việc bảo vệ các Giám mục đại diện, mà Bộ đã lo thành lập để lấy lại quyền chỉ huy của Tòa Thánh và khử trừ những tệ lạm trong những địa sở truyền giáo. Với nhận định trên đây, Đức Cha Phanxicô Pallu khi tới Rôma ngày 10-11-1668, ngài không bi quan lắm.

Hơn nữa nhiều sự kiện đã thay đổi để Đức Cha Pallu có lý do lạc quan tin tưởng. Ở Bộ Truyền Giáo, Đức Cha thư ký cũ, Casenata đã đổi đi nhận nhiệm vụ khác, Đức Cha thư ký mới, Baldeschi là một “người rất nhiệt thành với công cuộc truyền giáo và cương quyết”. Một khi được Đức Cha thư ký Bộ Truyền Giáo ủng hộ và các Đức Hồng Y vẫn tiếp tục cương quyết theo con đường của Đức Cha Ingoli, vị thư ký tiên khởi của Bộ, thì Đức Cha Pallu không lo ngại.

Với Đức Cha thư ký mới, công việc tiến mau lẹ hơn. Ngày 04-07-1669, Đức Thánh Cha Clémentê IX đã ban hành sắc lệnh “Như ta đã nhận được” (Cum sicut accepimus)⁹⁵ ban giáo quyền cho các Giám mục đại diện ở kinh đô Thái Lan và toàn nước Thái Lan. Trong chuyến công cán của cha Giacôbê de Bourges, cha đã xin vấn đề này, mà không được. Nhưng như cha Leslay đã cho biết rồi thế nào Bộ cũng sẽ cho. Đức Cha Lambertô de la Motte chắc chắn sẽ hài

lòng hơn ai hết. Vấn đề đặt trụ sở ở kinh đô Thái Lan cho các khu vực truyền giáo ở Việt Nam và Trung Hoa từ nay sẽ được bảo đảm, Đức Cha có thể vững tâm thực hiện chương trình của ngài. Đức Cha cũng sẽ không lo sự chống đối của các cha dòng và của người Bồ Đào Nha, trong công cuộc tổ chức xứ đạo ở kinh đô Thái Lan cũng như sửa chữa những tệ lạm mà Đức Cha đã mong muốn từ lâu.

Trước đó Đức Thánh Cha cũng đã ban hành đoản sắc “Nỗi lo âu” (Sollicitudo)⁹⁶ ngày 07-06-1669 kết án việc buôn bán của các Giáo sĩ, nhắc lại luật cấm trong thư luân lưu “Do sứ mệnh” (Ex debito) của Đức Giáo Hoàng Urbanô VIII. Các lợi lộc thu lượm được sẽ bị tịch thu và Bề Trên giáo quyền sẽ dùng vào những việc từ thiện đạo đức, còn nhân viên lỗi phạm sẽ bị Bề Trên trừng phạt nghiêm nghị. Như thế là Tòa Thánh đã đáp lại sự tố cáo của Đức Cha Lambertô de la Motte và ủng hộ sự kết án của ngài, đối với các cha dòng buôn bán cho địa sở truyền giáo của họ. Đức Cha đã bị nhiều người phản đối và bênh vực việc các cha dòng buôn bán để ủng hộ việc truyền giáo. Ngài đã thắng cuộc.

Nhưng đoản sắc quan trọng hơn hết mà Đức Cha Phanxicô Pallu đã thu đạt được trong cuộc đi công cán này là bản “Những người thám hiểm” (Speculatores) Đức Thánh Cha Clêmentê IX ban hành ngày 13-09-1669.⁹⁷ Theo đoản sắc này thì các thừa sai dòng được quyền của Bề Trên dòng ban, khi tới địa sở truyền giáo đã ủy cho các Giám mục đại diện Tòa Thánh trông coi, phải trình cho Đức Giám mục đại diện thư ủy quyền của Bề Trên và xin ngài ban quyền sử dụng. Đức Giám mục đại diện có thể bắt thừa sai dòng lãnh nhiệm vụ họ đạo trong trường hợp thiếu linh mục triều để trông coi. Các thừa sai dòng muốn lập họ đạo hoặc xây nhà thờ trong các khu vực ngài trông coi, phải có phép của ngài. Cuối cùng Đức Giám mục đại diện cũng là vị đứng làm trọng tài phân xử thay mặt Tòa Thánh, những cuộc tranh chấp giữa các thừa sai các dòng khác nhau, đang hoạt động trong địa sở của ngài. Đoản sắc cũng nhắc nhở là các thầy giảng hoàn toàn thuộc quyền Giám mục đại diện và chỉ buộc phải khẩn vâng lời các Ngài mà thôi. Tất cả các lời khẩn vâng lời trước đây, đã khẩn với các thừa sai dòng, từ nay kể là không có giá trị và không được tái diễn tập tục đó nữa.

Với đoàn sắc “Những người thám hiểm” trên đây, Đức Cha Phanxicô Pallu đã đạt được thắng lợi lớn lao trong cuộc công cán của ngài. Tất cả những lo ngại, do sự chống đối của người Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, cũng như của dòng Tên, đã được san bằng. Từ nay địa vị và quyền bính của các Giám mục đại diện được bảo vệ vững chắc, và liên quan của nó đối với các thừa sai dòng được ấn định rõ ràng. Con đường của Bộ Truyền Giáo đã vạch ra, các Đức Hồng Y của Bộ đã trung thành theo đuổi và cương quyết bảo vệ. Ánh bình minh của trật tự, hòa bình trong các địa sở truyền giáo đã chiếu sáng. Sự ngoan cố của các thừa sai dòng tuy còn kéo dài, nhưng với sự cương quyết và cứng rắn của Tòa Thánh, dần dần trật tự và an bình sẽ được văn hồi.

Trong cuộc công cán ở Rôma lần này, Đức Cha Pallu chỉ thất bại có một vấn đề, đó là chủ trương thành lập Hội Truyền Giáo ngoại quốc Paris thành một hội dòng, có lời khẩn như các dòng truyền giáo khác. Bộ không phê chuẩn không những vì tính cách đòi hỏi quá nhiệm nhứt của các lời khẩn, theo con đường tu đức khắc khe ảnh hưởng của Đức Cha Lambertô de la Motte, với những luật tu trì, chay lạt, hãm mình không thích hợp với đời sống thừa sai truyền giáo. Nhưng vì nhất là Bộ muốn các Giám mục đại diện không phải là một thừa sai dòng, để ngài có thể làm trọng tài phân giải các tranh chấp của các thừa sai dòng khác nhau, hoạt động trong địa sở của ngài, như đoàn sắc “Những người thám hiểm” (Speculatores) đã ấn định trên. Bộ Truyền Giáo phê chuẩn bản Các Huấn Điều cho các Thừa sai và ra lệnh cho ấn hành. Nhưng, cũng như lần trước, trong chuyến công cán của cha Giacôbê de Bourges, Bộ không muốn phê chuẩn đề nghị cho các Giám mục đại diện được coi như Giám mục các địa phận chính tòa. Bộ muốn các Ngài là giám mục truyền giáo không bị giới hạn quyền bính vào một khu vực và nhất là tùy thuộc trực tiếp vào sự chỉ huy của Bộ.⁹⁸

Đức Cha Pallu, ngay khi mới trở lại Rôma lần I, đã nhìn thấy trước sự thất bại xin thành lập dòng truyền giáo trên đây. Vì thế ngài không dám trình lên Bộ. Trong thời kỳ ở Thái Lan, Đức Cha Pallu đã bị ảnh hưởng rất nhiều lối sống của Đức Cha Lambertô de la Motte và những chủ trương của ngài đối với Hội dòng các Thừa sai. Cuối

cùng Đức Cha Pallu cũng tán thành và trong chuyến trở về, ngài mất nhiều công trình để sửa chữa bản luật cho dòng mới. Tuy vậy Đức Cha Pallu vẫn lo ngại rất nhiều về sự chống đối của các Bề Trên chủng viện ở Paris đối với chủ trương của Đức Cha Lambertô de la Motte. Vì thế, trên đường trở về Âu Châu, ngài đã viết nhiều thư về, xin các Ngài hãy chờ đợi, đừng vội kết án chương trình của Đức Cha Lambertô de la Motte. Dầu vậy Đức Cha Pallu cũng không làm dịu được sự chống đối của các bạn hữu ở Paris. Vì thế khi Bộ Truyền Giáo cho biết là Bộ không tán thành việc lập dòng Truyền Giáo của các Giám mục đại diện thì Đức Cha Pallu sẵn sàng vâng lời ngay. Cũng ngay hôm đó, để chứng tỏ sự vâng lời, Đức Cha đã bỏ lời khấn chay lạt, ăn thịt và uống rượu trong bữa cơm, theo thói quen của người dân Tây Phương.

Ngày 17-09-1669, nhận thấy cuộc công cán của mình ở Rôma đã kết liễu, ngài trở về Paris, cha Gazil ở lại làm đại diện cho các Giám mục ở Tòa Thánh tiếp tục điều đình công việc của ngài. Trở về Paris, lần này cũng như lần trước, Đức Cha Pallu phải đương đầu với chống đối kịch liệt của các Bề Trên chủng viện Paris đối với hành động của Đức Cha Lambertô de la Motte ở kinh đô Thái Lan. Đặc biệt là bức thư chung kết của Đức Cha kết án việc buôn bán của các cha dòng năm 1667, mà các Ngài cho rằng lời lẽ quá cứng rắn và nghiêm khắc.⁹⁹ Các Bề Trên chủng viện muốn rằng các Đức Cha sẽ đối xử hết sức hòa hoãn với các cha dòng. Trước khi lên đường trở lại kinh đô Thái Lan, các Ngài còn muốn Đức Cha Pallu long trọng cam kết sẽ lôi cuốn Đức Cha Lambertô de la Motte theo con đường hòa hoãn đó đồng thời cũng công khai kết án thái độ quá nghiêm khắc của Đức Cha Lambertô de la Motte trước đây. Để chiều ý các Bề Trên chủng viện và gây hòa khí, Đức Cha Pallu làm bản cam kết đó ngày 02-02-1670.

Ngày 11-04-1670, Đức Cha Phanxicô Pallu bỏ đất Pháp, xuống tàu của hãng buôn Pháp để trở lại kinh đô Thái Lan. Ngài mang theo bức thư của Đức Thánh Cha Clémentê IX và thư của vua Louis XIV gửi cho Pharamai, nhà vua Xiêm. Cùng đi với ngài còn có 6 thừa sai.

4. Trên đường trở về kinh đô Thái Lan

Chiếc Phénix lần theo bờ biển Phi Châu và ngày 08-11-1670 thì tới Hải Vọng Giác. Gặp chuyến tàu người Hòa Lan lên đường đến xứ Bắc, Đức Cha Phanxicô Pallu gửi các đoàn sắc của Đức Thánh Cha Clémentê IX ban hành trong chuyến công cán của ngài vừa qua ở Rôma, cho cha chính Phanxicô Deydier của ngài ở địa phận Đàng Ngoài. Biết tính khí cha Deydier nóng nảy và cứng cỏi, vì thế khi ủy quyền cho ngài thi hành những điều trong đoàn sắc Speculatores đã ban, Đức Cha Phanxicô Pallu đã khuyên cha Deydier phải hết sức hòa hoãn, nhẫn nại và tìm lúc thuận tiện mà thi hành. Nếu có thể tránh được, không nên dùng đường lối quyền bính để giải quyết sự bất tuân phục của các cha dòng.¹⁰⁰ Vì khôn ngoan giữ gìn đối với cha Deydier, Đức Cha Phanxicô Pallu không cho cha chính của ngài tuyên bố đoàn sắc “Nỗi lo âu” (Sollicitudo) kết án việc buôn bán của các Giáo sĩ. Ngài chỉ khuyên cha Deydier không giây mình vào việc kết án việc buôn bán của các cha dòng.

Trước đó, vào cuối năm 1669, Đức Cha Phanxicô Pallu đã gửi các bản sao chính thức các đoàn sắc Đức Thánh Cha Clémentê IX cho Đức Cha Lambertô de la Motte. Trong thư gửi cho người bạn giám mục ở kinh đô Thái Lan, Đức Cha Pallu đã khuyên ngài nên sử dụng khôn ngoan đoàn sắc ban giáo quyền cho các Giám mục đại diện trên đất Thái Lan. Theo ý Đức Cha thì tuy trong đoàn sắc không miễn trừ một khu vực nào, nhưng ngài muốn Đức Cha Lambertô de la Motte không nên đặt quyền bính đối với trại của các người Bồ Đào Nha, do các cha dòng coi sóc. Còn việc thi hành đoàn sắc cấm buôn bán, “Nỗi lo âu” (Sollocitudo) thì ngài muốn Đức Cha Lambertô de la Motte để cho các Bề Trên của các cha dòng gửi quyết định của Tòa Thánh cho các cha, không nên tuyên bố trước.¹⁰¹

Nhưng đang khi Đức Cha Pallu yêu cầu Đức Cha Lambertô de la Motte và cha chính Deydier cố gắng cư xử hòa hoãn đối với các cha dòng, ngài có ngờ đâu, những sự kiện đáng buồn đã xảy ra ở xứ Bắc do sự trở lại của các cha dòng và ở xứ Nam, do sự chống đối của các Ngài.

Vào tháng 2-1671, chiếc Phénix tới Fort Dauphin. Vì gặp gió ngược phải đậu lại 6 tháng. Đức Cha Pallu đã nhận được các tin tức từ kinh đô Thái Lan gửi đến, cho biết tình hình chia rẽ trầm trọng ở

hai địa phận Đàng Trong và Đàng Ngoài, do sự ngoan cố không chịu nhận quyền của các thừa sai dòng.

Đến Surate, ngày 06-10-1671 Đức Cha Pallu lại nhận được nhiều thư từ và văn kiện từ kinh đô Thái Lan. Có bản tường trình cuộc kinh lược địa phận Đàng Ngoài của Đức Cha Lambertô de la Motte, kèm theo bản tường trình lên Đức Thánh Cha về câu chuyện xảy ra với kinh sĩ hội ở Goa, sau khi ngài đi kinh lược xứ Bắc trở về kinh đô Thái Lan. Có thư của cha Luigi Chevreuil bị bắt giam ở Cao Miên rồi giải về Goa, tuy đã được Tòa điều tra giải phóng, nhưng phó vương ở đấy giữ lại không cho đi đâu.

Đức Cha Phanxicô Pallu liền viết thư cho các Bề Trên chủng viện ở Paris để họ biết rõ tình hình ở khu vực truyền giáo để họ thôi không còn khiển trách hành động của Đức Cha Lambertô de la Motte nữa. Đồng thời Đức Cha cũng viết thư trình về Bộ Truyền Giáo để các Hồng Y của Bộ biết rõ, tình trạng mới của các địa sở truyền giáo và xin quyết định của các Ngài. Nhận thấy cần phải giao công việc này cho một thừa sai về công cán ở Paris như ở Rôma, Đức Cha Phanxicô Pallu đã chọn cha Calôrô Sévin nhận lãnh trách nhiệm đó. Cha Sévin sẽ xin Bộ Truyền Giáo phê chuẩn công đồng I địa phận Đàng Ngoài và kết án hành động của kinh sĩ hội ở Goa. Còn ở Paris, cha sẽ xin với nhà vua Louis XIV can thiệp để bên vực các thừa sai Pháp bị người Bồ Đào Nha vùng Đông Ấn ngược đãi. Đang khi đó, thì cha Luigi Chevreuil ở Goa đến gặp Đức Cha Pallu. Đức Cha cũng nói cha Chevreuil làm một bản tường trình về cách đối xử của các cha dòng Tên và người Bồ Đào Nha đối với ngài ở Cao Miên và ở Goa để cha Sévin về trình các Đức Hồng Y của Bộ Truyền Giáo.

Sau một thời gian gần 4 tháng ở lại Surate, vào tháng 2-1672, Đức Cha Pallu lấy tàu Vautour tiếp tục lên đường trở lại kinh đô Thái Lan. Nhưng gặp nhiều trắc trở giữa đường nên hơn một năm sau ngài mới được sung sướng gặp lại Đức Cha Lambertô de la Motte và cha Luigi Laneau. Một cuộc hành trình đầy gian lao vất vả, mất 3 năm trời, từ ngày bỏ đất Pháp, 11-04-1670, mãi đến 27-05-1673 mới tới kinh đô Thái Lan. Ngài cũng được nghe và hiểu rõ hơn tình trạng ở những khu vực truyền giáo sau những cuộc kinh lược của Đức Cha Lambertô de la Motte ở địa phận Đàng Trong và Đàng Ngoài. Đồng thời ngài cũng kể cho Đức Cha Lambertô de la Motte và các thừa sai

nghe biết những khó khăn ngài gặp trong cuộc công cán ở Rôma và sự ủng hộ của các Đức Hồng Y Bộ Truyền Giáo, cương quyết trung thành với con đường đã vạch ra, theo chủ trương của Đức Cha Ingoli, vị thư ký tiên khởi của Bộ.

Chương V
Hai Cha Chính Luigi Chevreul và Antôn
Hainques Ở Địa Phận Đàng Trong (1664-
1670)

I. Cha Chính Luigi Chevreul, Đại Diện Đầu Tiên Của Đức Cha Lambertô De La Motte Ở Địa Phận Đàng Trong (1664-1665)

Cha Luigi Chevreul, tổng đại diện đầu tiên của Đức Cha Lambertô de la Motte ở địa phận Đàng Trong, sinh quán ở Rennes, vùng Bretagne, miền Bắc nước Pháp. Thân sinh của ngài là một thầy thuốc danh tiếng trong vùng. Muốn nổi nghiệp ông thân sinh, Luigi Chevreul lên Paris để học thuốc. Nhưng nghe theo tiếng gọi làm linh mục, Chevreul đã theo học thần học. Ở Paris, cha đã quen biết cha Phanxicô Pallu, de Laval, Vincentê de Meur, Fermanel de Favery. Do đó cha ước nguyện hiến mình cho công cuộc truyền giáo. Lên đường đến khu vực truyền giáo với Đức Cha Inhaxiô Cotêlendi cùng với cha Antôn Hainques. Sau khi Đức Cha Cotêlendi qua đời. Hai cha nhập bọn với toán của Đức Cha Phanxicô Pallu và tới Thái Lan ngày 27-01-1664, ít tháng sau cha được Đức Cha Lambertô de la Motte chọn làm cha chính địa phận Đàng Trong và thay ngài đến thăm giáo đoàn đang bị bách hại.

Cha là người đầu tiên được sai đến địa sở truyền giáo, mà từ trước vẫn đặt dưới quyền các thừa sai dòng Tên. Theo chính cha Luigi Chevreul đã nhận định thì lý do là vì các thừa sai Pháp cho ngài là người vẫn giữ được tình bạn và có nhiều thiện cảm hơn cả đối với dòng Tên.¹⁰² Nhưng sự thực mối thiện cảm cha có trong thời kỳ ở đất Pháp thì trong thời kỳ sống bên Đức Cha Lambertô de la Motte đã tan vỡ rất nhiều. Theo Đức Cha Phanxicô Pallu, thì Đức Cha Lambertô de la Motte là một người có thiên kiến rất mạnh và tính tình nóng nảy. Ngài ảnh hưởng rất mạnh đối với những người cộng tác với ngài. Ngài muốn thế nào thì hết sức lôi cuốn những người khác theo cho bằng được.¹⁰³ Vì thế bước vào địa phận Đàng Trong, gặp gỡ các cha dòng Tên, cha Luigi đã không khỏi có những thành kiến không hay về các Ngài. Hơn nữa tính tình cha lại thiên về độc đoán và dễ bị xúc động, vì thế cuộc gặp gỡ đầu tiên với các cha dòng Tên đã giàu kinh nghiệm truyền giáo nửa thế kỷ qua, đã không đem lại kết quả mong muốn.

1. Cha Luigi Chevreul và những gặp gỡ đầu tiên với các cha dòng Tên (1664)

Ngày 18-06-1664, cha Luigi ra đi với một người thông ngôn người Nhật, mang theo giấy ủy quyền làm cha chính địa phận đại diện Đức Cha Lambertô de la Motte ở địa phận Đàng Trong. Đức Cha đã trao cho ngài số tiền là 2.000 livres để trợ cấp giáo dân bị bách hại. Trong số đó ngài có thể trích 300 livres để biếu các cha dòng Tên lúc đó đang bị túng quẫn và thiếu thốn. Đức Cha cũng không quên nhắc ngài cố gắng sống hòa hợp với các cha dòng và để thêm tình giao hảo nên sống chung nhà với các cha.¹⁰⁴

Ngày 26 tháng 7, cha Luigi Chevreul tới cửa Hội An. Trước khi thuyền được phép cập bến; theo xã giao cha viết thư cho cha Inhaxiô Baudet, dòng Tên người Pháp để báo tin, mà ngài tưởng là Bề Trên các thừa sai dòng Tên ở Đàng Trong lúc bấy giờ. Cha hy vọng là người đồng hương với nhau, cha Inhaxiô thế nào cũng xử đãi tử tế với cha. Nhưng thư trả lời của cha Baudet làm cha Chevreul thất vọng ngay từ bước đầu. Cha cho biết cha không còn làm Bề trên các cha nữa, vì thế cha rất buồn không thể đón tiếp và săn sóc cho cha Chevreul như ước muốn được. Bên cạnh cha còn có các cha dòng Tên người Bồ Đào Nha, họ không để cha tự do muốn làm gì tùy ý, và hiện giờ Bề Trên là cha Phêrô Marquez, sinh quán ở Áo Môn.

Khi thuyền cập bến, vị quan khám xét thuyền buôn, tưởng cha Chevreul cũng là một thừa sai người Bồ Đào Nha. Thường khi khám xét hành lý các cha, các Ngài quen biếu các ông một đồ vật gì, chẳng hạn một vài viên ngọc trai, và ông để các cha mang hành lý lên bến dễ dàng. Cha Luigi không biết điều đó, nên ông bắt cha mở tất cả rương hòm cho ông khám xét. Khi thấy cha mang toàn ảnh tượng và đồ thờ, ông định ra lệnh tịch thu nếu cha không mau mắn biếu ông một số tiền.

Lên bến, cha Luigi Chevreul đã được cha Phêrô Marquez đón tiếp khá nồng hậu. Nhưng cha chỉ ở lại cửa Hội An với hai cha Phêrô Marquez và Inhaxiô Baudet một thời gian ngắn. Sau đó cha nghi ngờ hai cha dòng có ý báo người ta bắt ngài đưa lên tàu buôn người Bồ Đào Nha, lúc đó sắp sửa căng buồm về Áo Môn.

Cha Luigi Chevreul bí mật bỏ cửa Hội An với người thông ngôn

Nhật để lên Huế, hy vọng có thể đến ở nhà người thợ đúc Juan de Cruz. Người thợ này, theo cha Marini thì sinh quán ở Áo Môn,¹⁰⁵ nhưng theo một tác giả đương thời khác thì ông là người ở Phi Luật Tân.¹⁰⁶ Ông được vua Cao Miên trọng dụng, cho quan tước và được coi sóc một khu vực vì ông có tài đúc súng. Trong một cuộc tấn công đất Cao Miên vào năm 1658, người Đảng Trong đã bắt được ông và đưa ông về Huế. Ông được Hiền Vương trọng dụng, mở lò đúc súng ở gần Huế, chỗ mà ngày nay người ta còn gọi là họ thợ đúc.¹⁰⁷

Juan de Cruz tiếp cha Luigi Chevreul rất lạnh nhạt. Ông không muốn để cha ở trong nhà mình. Vì lúc đó Chúa Nguyễn sắp đến thăm lò đúc của ông. Ông không muốn nhà Chúa thấy có mặt một người Tây Phương ở nhà ông. Ông gửi cha sang ở với cha Diminicô Fuciti lúc đó đang ở Huế. Cha này để cha Luigi Chevreul làm tuyên úy nhà nguyện mà Chúa Nguyễn đã cho phép Juan de Cruz cất cạnh nhà ông.

Lúc bấy giờ gần đến Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, cha Fuciti yêu cầu cha Luigi Chevreul làm lễ và giảng. Cha viết: “Tôi liền lợi dụng cơ hội để tuyên bố công khai mình là cha chính của Đức Cha hiệu thành Bêryta và được sai đến Đảng Trong với tư cách đó. Đang giữa bài giảng, thì tôi công khai tuyên bố cho dân chúng biết điều đó, cả hai (cha Fuciti và Juan de Cruz) đều hết sức bối ngỡ, nhưng không dám phản đối. Tôi cũng lấy uy quyền đó mà ban cho nhà nguyện một ơn toàn xá, theo như Đức Thánh Cha đã ban cho chúng tôi dịp lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời. Hôm ấy tôi đã giải tội và cho nhiều người rước lễ trong thánh lễ.”

Cử chỉ đột ngột và thiếu dọn dẹp của cha Luigi Chevreul trên đây, chắc hẳn làm cho cha Fuciti bất mãn và có thể chạm đến lòng tự ái cũng như tinh thần quốc gia quá khích của người Bồ Đào Nha lúc đó. Một người đang đứng đầu một khu vực, và tự nhiên bị một người khác ở xa không có công trạng gì, đến hạ bệ một cách công khai, thì phản ứng đó là một điều hết sức nhân loại. Bộ Truyền Giáo khi sai các thừa sai Paris ra đi cũng nhận thấy điều đó nên bảo các Ngài hết sức khôn ngoan và dè dặt.

Một bầu không khí khó thở giữa cha Chevreul và Fuciti. Còn người thợ đúc Juan de Cruz phản ứng mạnh hơn... Ông này yêu cầu

một vị đại Chúa trong phủ Chúa Nguyễn trực xuất cha Chevreul ra khỏi khu vực Đàng Trong, nhưng ông không nghe. Thấy khó ở, cha Chevreul cùng với người thông ngôn người Nhật thuê một chiếc thuyền nhỏ để về cửa Hàn. Trong chuyến đi này cha đã dạy đạo cho ông chủ thuyền và rửa tội cho ông ta.

Ở cửa Hàn, các thừa sai dòng Tên có một ngôi nhà nguyện và một căn nhà nhỏ bé xinh xắn, lại thêm một khu vườn ngoạn mục nữa. Cha Chevreul gặp cha Phêrô Marquez ở đây và cha đã được dự một nghi lễ của giáo dân làm để kính nhớ người chết. Cha đã ghi lại tỉ mỉ và cha cho rằng có nhiều điều dị đoan mê tín không thể chấp nhận được. Họ kê một cái bàn lớn, một đầu để tấm hình nhỏ với hai cây nến đốt cháy. Còn họ ở đầu bàn bên kia, mỗi người cầm một cây nến đốt cháy, lần lượt đến lạy và vái rất sâu như cúi hấn người xuống, rồi mang cây nến đốt cháy đó đến cắm trước tấm hình. Cha Chevreul hỏi cha Marquez ý nghĩa nghi lễ đó thì cha Marquez trả lời là cha để họ làm, để những người lương dân không còn vu cáo những người theo đạo không còn nhớ gì đến ông bà tổ tiên quá cố nữa.¹⁰⁸

Thời kỳ ở cửa Hàn, cha cũng rửa tội cho một số phụ nữ đã được các thầy giảng dạy đạo. Mặc dầu cha Phêrô Marquez căn dặn ngài không nên thi hành một vài nghi thức như bỏ muối vào miệng và xúc dầu trên ngực phụ nữ. Vì theo phong tục người Đông Phương, họ cho là cử chỉ thiếu giữ gìn đối với người đàn bà, và gây ra những tiếng nói ra nói vào, cha Luigi nhất định không nghe và thi hành tất cả. Cha cho rằng nếu người ta làm những nghi lễ đó một cách khiêm tốn và kín đáo thì đâu có gì ngờ vực được. Và theo đường lối độc đoán của cha, cha kết án: “Theo kinh nghiệm của tôi, những lý do đưa ra để bỏ những nghi thức đó đều là viển vông và không có bằng chứng.”

Tuy bất đồng ý kiến về những vấn đề trên đây, cha Chevreul cũng trở về Hội An với cha Marquez, nhưng lần này cha không ở chung với hai cha dòng Tên này nữa. Cha thuê riêng một căn nhà, ở với người thông ngôn người Nhật. Một ít ngày sau cha sang bên nhà hai cha dòng Tên Marquez và Baudet, đưa cho các Ngài coi giấy của Đức Cha Lambertô de la Motte ủy quyền cho cha làm Cha chính

Đàng Trong. Cha Chevreul hỏi hai cha có chịu công nhận giấy ủy quyền đó không và bằng lòng tuân phục quyền Đức Giám mục hiệu thành Bêryta mà Đức Giáo Hoàng đã ban cho đối với địa phận Đàng Trong không? Đối với câu hỏi cứng cỏi của cha Chevreul, cha Marquez trả lời một cách thoái thác là: việc ấy tùy thuộc quốc vương Bồ Đào Nha và ngài không có phép làm gì mà không được phép của Bề Trên ở Áo Môn. Chúng ta không quên rằng các thừa sai dòng Tên đầu sao vẫn còn thuộc quyền bảo trợ của quốc vương Bồ Đào Nha, và trong vấn đề quan trọng này, các cha cần phải hỏi ý kiến các Bề Trên ở Áo Môn, cái đó cũng là điều phải.

Nhưng sau hai ngày suy nghĩ, cha Marquez đến tận nhà cha Chevreul để chứng minh ngài sẵn sàng công nhận quyền của Đức Cha Lambertô de la Motte, ngài đã trao cho cha Chevreul bức thư ủy quyền làm cha chính đại diện ở Đàng Trong mà cha Phaolô de Acosta quản trị địa phận Malacca đã ban cho cha Bề Trên các thừa sai ở đây. Còn cha Fuciti ở Huế cũng viết thư tỏ sự phục tùng.

Tuy vậy cha chính của Đức Cha Lambertô de la Motte chưa lấy làm đủ, còn đòi các cha phải tuyên bố công khai ở nhà thờ ở cửa Hội An. Cha Marquez ưng chịu, đến ngày định cha Marquez công khai tuyên bố như cha Chevreul muốn. Nhưng ngài cho rằng cha Marquez đã dùng những lời lẽ mập mờ, không được rõ ràng. Vì thế chính cha Chevreul đã đứng lên ở giữa nhà thờ, dùng tiếng Bồ Đào Nha để tuyên bố mình là cha chính của Đức Cha Lambertô de la Motte ở Đàng Trong và bảo người thông ngôn người Nhật dịch ra tiếng Việt Nam cho mọi người hiểu.

Đi xa hơn nữa cha Chevreul còn bắt cha Marquez ký nhận một giấy nhận quyền do ngài viết. Nhưng cha dòng Tên từ chối vì sợ Bề Trên quở trách. Tình trạng chia rẽ vì thế vẫn tiếp tục giữa cha thừa sai Pháp và cha dòng Tên.

Tình trạng này không kéo dài lâu, vì lúc ấy Chúa Nguyễn Hiền Vương lại ra lệnh cấm đạo. Tất cả 4 cha Marquez, Baudet, Fuciti và Chevreul đều bị bắt giam chung tại nhà các thừa sai dòng Tên ở cửa Hội An. Bách hại đã đưa các cha về đoàn kết với nhau.

2. Cha Luigi Chevreul với các thầy giảng. Cuộc bách hại: các thừa sai bị trục xuất

Việc bắt các thừa sai dòng Tên thuộc quyền bảo trợ Quốc vương Bồ Đào Nha, công nhận quyền Giám mục người Pháp, đại diện Tòa Thánh ở địa phận Đàng Trong, cha chính Chevreul đã không thành công như ước muốn, thì việc nhận quyền của các thầy giảng, cha cũng không thực hiện được. Cha không thu được kết quả như cha chính Phanxicô Daydier sau này ở địa phận Đàng Ngoài đối với các thầy giảng, có lẽ vì thời gian quá vắng vẻ và một phần lớn phải trú ngụ ở cửa Hội An. Cha chỉ gặp một số ít thầy giảng và không có cơ hội để họp các thầy, thông báo cho các thầy biết mà nhận quyền Cha chính của cha. Theo cha Chevreul nhận định thì phần lớn các thầy giảng sống khô khan nguội lạnh, vì đã hai mươi năm nay người ta không sẵn sóc đến họ.¹⁰⁹ Nhận định của cha Chevreul không làm chúng ta bối ngỡ, vì từ khi cha Đắc Lộ ra đi vào năm 1645, cuộc bách hại của các Chúa Nguyễn Đàng Trong tiếp tục kéo dài. Số các thừa sai dòng Tên thường không quá hai hoặc ba, và theo lệnh Chúa Nguyễn, các cha ít khi được ra khỏi cửa Hội An. Muốn gặp giáo dân, thường các cha phải gặp lúc đêm hôm và không dám tổ chức những buổi họp công khai. Các thầy giảng ở rải rác các họ đạo xa xôi cũng ít khi về được để gặp các cha và sự liên lạc tin tức cũng khó khăn. Do đó các cha cũng không thực hiện được một tổ chức thầy giảng vững mạnh như các thừa sai sau cha Đắc Lộ ở Đàng Ngoài.

Tuy thế cha Chevreul cũng không quên sứ mệnh mà Tòa Thánh đã trao cho các Giám mục đại diện và các thừa sai của các Ngài là lo thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc. Ở cửa Hàn, cha đã tụ tập được một vài thầy giảng trẻ tuổi và dạy họ học La ngữ. Nhưng không được lâu, vì cuộc bách hại bó buộc cha đến sống chung với các cha thừa sai dòng Tên.

Cuộc bách hại đã nổi lên, theo cha Chevreul là do chúa Nguyễn Hiền Vương hiểu nhầm, cho đạo Công giáo là đạo theo vua Bồ Đào Nha, và các quan cũng cho rằng ảnh Thánh Giá mà người có đạo thờ kính là ảnh vua Bồ Đào Nha.¹¹⁰ Cha viết: Hiền Vương tin theo những bản tâu trình mà các quan dâng lên cho nhà Chúa, là các cha dòng sẽ lợi dụng danh nghĩa đạo thánh chúng ta mà người Bồ Đào

Nha vẫn nói là đạo riêng của họ, để xúi giục nhân dân dấy lên chống nhà Chúa và đặt vua Bồ Đào Nha cai trị xứ này, một khi mà con số người dân Công giáo đông hơn số người ngoại. Điều làm tôi cho rằng chủ trương này đúng thực, đó là các quan trấn tra hỏi các thầy giảng bị bắt ở CaCham (cửa Hàn, Tourane). Thấy các thầy mặc áo lụa đẹp để mà các giáo dân giàu có đã biếu cho các thầy, một cử chỉ làm phúc để cầu cho thân nhân quá cố của họ, các quan đã hỏi các thầy: Nhà vua Bồ Đào Nha đã phát lương cho các thầy bao nhiêu và có phải nhà vua đã ban cho các thầy áo lụa đẹp để ấy không?

Cho ảnh Thánh Giá là ảnh của nhà vua Bồ Đào Nha, vì thế các quan đã để ảnh giữa con đường cái ở cửa Hội An. Các quan cho lính thối tù và gọi tất cả dân chúng cư ngụ ở cửa Hội An, cả những người ngoại kiều cũng phải đến, rồi bắt họ phải đập ảnh. Ai không đập ảnh là dấu chứng tỏ theo đạo Công giáo và bị hình phạt như đã ra cho những người theo đạo.

Những người giáo dân Nhật là những người chủ trụ cột của xứ đạo cửa Hội An lại là những người hèn yếu hơn cả. Vì sợ bị tịch thu của cải, vì họ là những thương gia giàu có, hầu hết đã chối đạo. Trong số các giáo dân Đàng Trong cũng có một số khá đông người hèn yếu. Đáng buồn hơn cả là trường hợp bà Maria vị đại ân nhân của các thừa sai và có nhiều công nghiệp trong địa phận Đàng Trong.¹¹¹ Năm 1663, bà đã bị tịch thu một phần gia sản, họ đã phá đổ căn nhà của bà ở và ngôi nhà nguyện bà dựng lên trong khu nhà ở của bà. Lần này theo lệnh nhà Chúa, bà bị kết án cấm cốc, bà bị giam trong một cái chòi, có lính canh cẩn mật, không cho một ai tiếp tế lương thực hay nước uống, để cho chết đói chết khát. Nhưng sau năm ngày không chịu được cơn khát dày vò, bà xin đưa đến gặp quan trấn cửa Hàn và bỏ đạo. Ở cửa Hội An có một trăm hai mươi người giàu có cũng theo bà bỏ đạo. Còn ở tỉnh Quảng Nghĩa, các cha dòng ước lượng có khoảng 4.000 người đã được rửa tội, nhưng vì chưa được học đạo kỹ càng, chưa có đức tin vững mạnh, nên hầu hết đã chối đạo.

Nhưng số người can đảm xưng đạo không phải là ít. Trong đó cũng có một số chịu chết vì đạo nữa. Gồm đủ hạng người, có những người thuộc giới quan liêu, có những cụ già và cũng có những trẻ

em. Trên đường phố ở cửa Hội An và Cửa Hàn, người ta thấy nhiều người đàn ông, đàn bà có đeo gông vì đã xưng đạo, phải đi ăn xin để có cơm ăn. Nhiều người sợ không đủ can đảm chịu các cực hình, đã trốn vào trong vùng rừng núi. Họ liêu vớ hùm beo thú dữ, họ sống qua ngày với những củ khoai, củ sắn, với đe dọa của bệnh sốt rét hay những bệnh chướng khí của miền rừng.

Trong những gương can đảm chịu chết vì đạo, người ta đã kể đến trước hết gương bà Anna, một người rất nhiệt thành truyền bá Đức Tin. Các đạo phủ thủ đã bắt bà chịu nhiều cực hình ghê sợ, như nhét dẻ thấm dầu vào các lỗ tai, lỗ mũi, và mắt và đốt, nhưng bà đã can đảm chịu, nhất định không chối Chúa. Ở Quảng Nghĩa tuy có nhiều người hèn yếu chối đạo, nhưng cũng có một số anh hùng xưng đạo. Người ta đã dẫn đến quan phủ ở cửa Hàn 4 vị anh hùng nhất định thà chết không chịu chối đạo. Có một quan ghét đạo hỏi một vị: “Chúng bay là người nước Nam, sao chúng bay bỏ đạo xứ mình mà theo đạo Hoa Lang?” Ông Tôma Tín thay mặt các vị thưa rằng: “Tâu ông lớn, anh em chúng tôi theo đạo Hoa Lang, chẳng phải là đạo nước họ dân kia đâu, một theo là vì luật chân thật của Chúa Trời đất đã dạy mọi người mọi nước phải giữ. Như mặt trời soi cho nước ta, nhưng chẳng phải mặt trời riêng của nước ta, vì cũng soi các nước thiên hạ nữa. Cũng một lẽ ấy đạo Hoa Lang là đạo chung của các dân các nước, ông lớn đã rõ điều ấy, vì các thầy dạy đạo thuộc nhiều nước khác nhau.” Nghe câu trả lời lý sự đó, quan lớn liền truyền lột áo ông Tôma Tín đánh đòn. Trong lúc đó bà góa Maria và thiếu nữ Lucia bước vào công đường. Lucia lúc ấy mới 12 tuổi can đảm thưa các quan: “Cha tôi là ông Phêrô Kỳ đã phải giết vì đạo, lúc đó tôi ước ao được phúc tử vì đạo, nhưng các quan không giết vì tôi còn ít tuổi, bây giờ tôi và bà này xin cho voi xé chúng tôi để chúng tôi được hưởng phúc trên trời.” Các quan kết án hai vị bị voi xé, còn bốn vị kia bị trảm quyết.

Ở Dành Cát, các quan vào nhà giáo dân phá đồ đền thờ và giải về Huế 7 người xưng đạo can đảm hơn cả. Bảy vị bị án trảm quyết. Đáng khâm phục hơn cả là bốn em nhỏ, theo gương các vị anh hùng xưng đạo, đã tự đi nộp mình cho quan án, xưng mình là người có đạo, đó là 3 thiếu niên: Caio, Raphaele, Têphanô và 1 thiếu nữ là Gioanna. Người ta đã mua cho các em áo lụa quý báu để các em

mặc ra pháp trường. Các em bị kết án cho voi giày. Caio đã bị đưa cho voi giày đầu tiên, tất cả chân tay mình mẩy bị voi giày nát. Người ta đưa lại cho 3 em Raphaele, Têphanô và Gioanna coi, hy vọng làm các em khiếp sợ mà chối đạo. Nhưng các em tỏ vẻ bình tĩnh, can đảm làm mọi người ngỡ ngàng. Quan án gọi Gioanna ra pháp trường, cô vừa đi vừa phe phẩy chiếc quạt cầm ở tay trái, còn tay phải giơ lên làm dấu thánh giá. Một con voi đâm ra dùng ngà đâm thủng ngực cô. Còn lại hai em Raphaele và Têphanô cùng cam đảm tiến ra pháp trường, chịu voi giày để xưng đạo Chúa, con số những người chết để xưng đạo, nguyên trong năm 1665, cha Chevreul tính được 43 vị.¹¹²

Đối với giáo dân thì chúa Nguyễn ra lệnh bách hại rất gắt gao. Còn đối với các thừa sai ngoại quốc thì nhà Chúa lại kiêng nể, vì còn muốn giữ tình giao hảo với người Bồ Đào Nha để mua súng ống chống lại quân Trịnh ngoài Bắc. Ngày 03-02-1665, ba cha thừa sai dòng Tên, Marquez, Baudet và Fuciti bị Hiền Vương trục xuất và đưa về Xiêm. Lợi dụng 5 ngày thuyền đậu ở Phan Rí, các cha đã thăm họ đạo ở đây chừng 400 người và rửa tội thêm được 22 người nữa. Cha Chevreul là người đến sau không có tên trong sổ các thừa sai của chúa Hiền Vương nên không bị trục xuất cùng với ba cha. Hơn nữa các quan cũng biết cha không phải là người Bồ Đào Nha, nên cho rằng để cha ở lại cũng được. Sau khi ba cha đi rồi, cha Chevreul được tự do hơn, đồng thời cơn bách hại cũng dịu xuống. Cha lợi dụng thời gian để những người chối đạo ăn năn hối lỗi. Bà Maria hết sức buồn bã vì đã hèn yếu chối Chúa. Bà đã được cha thu nhận vào giáo đoàn. Các thương gia người Nhật cũng được chỉ định việc đền tội.

Nhưng rồi cũng đến cha Chevreul bị trục xuất. Ngày 07-03-1665, cha trở về Xiêm mang theo một báu vật, đó là đầu thiếu nữ Lucia tử đạo tại Cửa Hàn. Sau hai mươi tám ngày, cha tới kinh đô Yuthia, sung sướng trao báu vật ấy cho Đức Cha Lambertô de la Motte và trình bày với ngài những vui buồn xảy ra trong tám tháng cha ở địa phận Đàng Trong xứ Nam, từ 26-07-1664 đến 07-03-1665. Nào là những khó khăn cha gặp nơi các cha thừa sai dòng Tên, không chịu nhận quyền Giám mục, đại diện Tòa Thánh. Rồi tình trạng giáo dân

không được giáo huấn đầy đủ về giáo lý, tình trạng khó khăn nguội lạnh của các thầy giảng, nhưng cũng không ít người can đảm xưng đạo với một số người chịu chết vì đạo.

II. Cha Chính Antôn Hainques, Đại Diện Thứ Hai Của Đức Cha Lambertô De La Motte Ở Địa Phận Đàng Trong

Không muốn giáo dân địa phận Đàng Trong sống cô đơn không có linh mục, sau ba bốn tháng nghỉ ngơi lấy sức ở Thái Lan, chờ dịp để trở lại khu truyền giáo mà Đức Cha Lambertô de la Motte đã trao phó cho, ngày 04-08-1665 nhân có chuyến thuyền, cha Chevreul liền từ giã Xiêm lên đường trở lại xứ Nam, lần này cha có thêm một bạn thừa sai nữa là cha Antôn Hainques.

Cha Antôn Hainques lúc đó mới 28 tuổi. Là một sinh viên nổi tiếng của đại học Sorbonne ở Paris, theo cha Bénigne Vachet năm 22 tuổi. Cha Antôn Hainques đã là giáo sư giảng thuyết nổi tiếng của trường Plessis. Vào dịp năm mới, đại học đã cử ngài đọc bài chúc mừng nhà vua. Vừa thông thái lại thêm đạo đức người ta hy vọng ngài sẽ làm rạng danh đại học mà cả thế giới đều biết tiếng tăm.¹¹³ Nhưng Antôn Hainques đã nghe tiếng gọi đi truyền giáo. Nghe tin Đức Cha Inhaxiô Cetolendi sắp sửa lên đường đến khu truyền giáo ở Trung Hoa, ngài xin Đức Cha nhận cho làm thừa sai. Đức Cha đã truyền chức linh mục cho ngài ở Marseille. Theo đó cha Antôn Hainques cùng cha Luigi Chevreul xuống tàu theo Đức Cha đến khu truyền giáo.

Đức Cha Lambertô de la Motte đã làm giấy ủy quyền cho cả hai cha làm cha chính địa phận đại diện ngài trông coi địa phận Đàng Trong. Trước khi lên đường cha Luigi Chevreul không quên qua trại của các cha dòng Tên Bồ Đào Nha để từ biệt các cha thừa sai. Ở đấy cha gặp cha Mamêlê Rodriguez, Bề Trên tỉnh dòng Nhật Bản qua kinh lý. Cha tuyên bố là Đức Cha Lambertô de la Motte không có quyền sai các linh mục của ngài đến địa phận Đàng Trong, vì công cuộc truyền giáo xứ này thuộc quyền Quốc vương Bồ Đào Nha. Hai cha Luigi Chevreul và Antôn Hainques vẫn ra đi mà không bị ai cản trở làm khó dễ.

1. Hoạt động của cha Antôn Hainques, hai linh mục tiên khởi địa phận Đàng Trong

Vào tháng 10, hai cha vào Phan Rí. Từ Phan Rí không một thuyền buôn nào của người Việt dám nhận chở các cha vào khu vực Chúa Nguyễn. Cuộc bách hại của Hiền Vương đối với những thừa sai Bồ Đào Nha và với những giáo dân theo đạo của người Bồ Đào Nha làm họ khiếp sợ. Đang lúc kiểm thuyền thì cha Luigi Chevreul bị lên cơn sốt nặng. Cha Antôn Hainques muốn ở lại chờ cha mạnh để cùng lên đường với nhau, nhưng cha Chevreul thúc dục cha Hainques lên đường ngay. Bị cơn sốt giày vò, mất sức nhiều quá, cha Luigi không đủ sức theo đường bộ với cha Antôn được. Sau đó cha Luigi ở lại Cao Miên^(*) vì Đức Cha Lambertô de la Motte cũng đã trao cho ngài nhiệm vụ ở đó.

Bước vào khu vực Chúa Nguyễn, theo đường bộ cha Hainques phải ăn mặc giả làm lái buôn người Nhật. Không có ai gánh đồ, cha phải vác trên vai. Đồ đạc của cha tất cả là đồ thờ, áo lễ và bánh rượu để dâng lễ; suốt dọc con đường, từ ranh giới xứ Nam Chúa Nguyễn đến kinh đô Thuận Hóa, cha Hainques dừng lại thăm các họ đạo. Tất cả đều sung sướng đón nhận vị thừa sai, vì đã từ lâu lắm không ai đến thăm họ, cho họ được lãnh nhận các Bí tích. Một họ đạo ở Raurau (thuộc tỉnh Phú Yên) miền ranh giới, cha phải ở lại 10 đêm, 10 ngày để giải tội và làm các phép Bí tích cho giáo dân. Trong suốt bốn tháng trên đường đi thăm các họ đạo, cha đã dạy đạo và rửa tội được 41 người.¹¹⁴

Tới Huế, cha Antôn Hainques đến trọ ở nhà ông thợ đúc Juan de Cruz. Chính ông này năm trước đã ngược đãi cha Luigi Chevreul, yêu cầu một vị đại thần trong phủ Chúa Nguyễn trục xuất vị thừa sai Pháp, nhưng ông này không nghe. Tuy vậy cha Antôn Hainques lần này vẫn đến trọ nhà ông, vì mới rồi ông đã được Đức Cha Lambertô de la Motte giúp ông một câu chuyện, và để trả ơn, ông đã viết thư sẵn sàng đón tiếp các thừa sai Pháp. Cha Hainques đến làm ông ngỡ. Để yên trí đón tiếp cha, ông tâu với nhà Chúa là ông có một người anh vợ đến thăm trong dịp qua xứ Nam buôn bán. Cha Hainques có một chiếc đồng hồ liền lấy đem dâng cho Hiền Vương làm như quà biếu của người anh vợ của ông. Nhưng cha Hainques không ở lại lâu, sau 16 ngày, cha trở lại cửa Hội An, cha lấy có là để

kiếm một chiếc thuyền buôn và mua gạo, để có thể thăm các họ đạo.

Sau khi thăm các họ đạo, cha chính Antôn Hainques cũng không quên nhiệm vụ chính yếu của ngài nữa. Đó là việc thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc mà Đức Cha Lambertô de la Motte đã không quên nhắc cho ngài trước khi đi.

Trong chuyến đi thăm các họ đạo, cha đã gặp hầu hết các thầy giảng ở địa phận Đàng Trong, vì thế khi trở lại cửa Hội An, cha đã dễ dàng tổ chức cuộc hội họp các thầy giảng. Công việc đầu tiên của cha là làm cho các thầy công nhận quyền cha chính đại diện mà Đức Cha Lambertô de la Motte đã ban cho ngài trong xứ.¹¹⁵ Cha đã thành công dễ dàng vì cha có tài ăn nói và mềm dẻo hơn cha Luigi Chevreul.

Sau đó cha tuyển chọn trong số các thầy giảng, những người xứng đáng để đưa lên bàn Thánh. Trên đây chúng ta đã thấy cha Luigi Chevreul nhận định là phần lớn các thầy sống khô khan nguội lạnh. Nhưng không phải vì thế mà nói rằng không có những thầy giảng có khả năng và đạo đức. Cha Antôn Hainques đã chọn được hai thầy, đó là thầy Giuse Tràng và Luca Bền. Cha lo huấn luyện và dạy La ngữ cho các thầy để dọn mình làm linh mục đang khi có dịp để gửi qua Xiêm. Năm 1667, trong một chuyến thuyền về Xiêm, cha Antôn Hainques đã gửi được một thầy đến trường chung Yuthia đã dọn mình thụ phong linh mục. Trong thư gửi cho Đức Cha Phanxicô Pallu, Đức Cha Lambertô de la Motte đã báo tin: cha Hainques đã gửi đến tôi thầy giảng đầu tiên từ Đàng Trong, đó là thầy Giuse 28 tuổi để dọn mình làm linh mục, thầy có đủ dấu hiệu một người được Chúa chọn...¹¹⁶

Nói đến thầy Giuse Tràng, bản nhật ký của khu truyền giáo Xiêm đã chú thích: thầy đã hân hạnh được chịu khổ hình phạt trượng ở trong tù xứ Đàng Trong, vì người ta đã bắt được thầy giúp đỡ các giáo dân can đảm xưng đạo đang bị giam trong tù. Những giáo dân này đã bị kết án tử hình chỉ vì người ta thù ghét họ là những người tuyên xưng đạo Công giáo.

Ngày 31-03-1668, vọng Lễ Phục Sinh, thầy Giuse Tràng được thụ phong linh mục. Đó là vị linh mục Việt Nam tiên khởi của địa phận Đàng Trong, và cũng là vị linh mục tiên khởi của Giáo hội Việt Nam,

vì cha Gioan Huệ, linh mục tiên khởi của địa phận Đàng Ngoài, thụ phong vào đầu tháng sáu, cũng năm đó sau ba tháng. Cùng chịu chức với cha Giuse Tràng có cha Phanxicô Pérez, sau được chỉ định làm Giám mục đại diện Tòa Thánh ở Đàng Trong (1690-1728).¹¹⁷

Ngày 31-03-1668 đã đánh dấu một bước tiến quan trọng của Giáo hội Việt Nam, của tổ chức thầy giảng và sự thành lập hàng Giáo sĩ Việt Nam, mà ngày nay ta có thể tự hào có một số giáo sĩ đông hơn các nước truyền giáo ở Á-Phi.

Thầy Luca Bền được gửi đến trường chung ở Yuthia, sau thầy Giuse Tràng và cùng được chịu chức trong năm đó. Sau khi được thụ phong hai cha còn ở lại trường chung ít lâu để học hỏi thêm. Vào giữa năm 1669, hai cha trở về địa phận Đàng Trong. Cùng đi với hai cha, Đức Cha Lambertô de la Motte cũng sai thêm cha Brindeau. Năm 1666, cha Brindeau đã được Đức Cha Lambertô de la Motte sai đến Áo Môn để điều đình cho Đức Cha đi qua Áo Môn để vào đất Tàu, nhưng cha bị bắt và đưa về Goa. Cha đã bị giam gần hai năm ở Goa rồi mới được trở về Xiêm.

Về tới địa phận, hai cha Giuse Tràng và Luca Bền liền bắt tay vào công việc truyền giáo cho người đồng hương. Hai cha giải tội đêm ngày, người ta tranh nhau đến xưng tội với các Ngài đông đến nỗi phải ngăn lại để các cha được nghỉ ngơi chút ít. Cha Bénigne Vachet đã khen cha Giuse Tràng: người thợ vườn nho thực xứng danh đó, với hân hạnh là linh mục tiên khởi của xứ Nam, chắc chắn đã lãnh nhận những ơn đặc biệt của chức linh mục, cha hằng hái nhiệt thành, khôn ngoan hiếm có và làm việc không thể tưởng được.

Cha Antôn Hainques không thể không hài lòng khi thấy giáo dân tuân đến với linh mục của họ. Các ngài biết tiếng nói của họ, họ có thể trình bày tình trạng tâm hồn của họ một cách dễ dàng, các Ngài cũng biết tâm tình của họ, phong tục của họ, các vấn đề sẽ được giải quyết theo đúng hoàn cảnh của nó. Cha cũng hài lòng về sự chọn lựa của mình, khi thấy hai cha làm việc rất hy sinh, tận tụy. Công việc đi thăm các họ đạo xa xôi, các thừa sai có thể yên trí trao cho các Ngài. Dù có gặp bách hại, sự lẩn tránh và đi lại vẫn dễ dàng hơn các thừa sai ngoại quốc. Cha Antôn Hainques có thể tự hào là một trong những người có công đầu trong việc thành lập hàng Giáo sĩ Việt

Nam và tự yên ủi vì thấy những kết quả công lao của mình.

2. Cha Antôn Hainques và những khó khăn với các thừa sai dòng Tên

Bên cạnh những yên ủi trên: chấn chỉnh các thầy giảng và đào luyện những linh mục tiên khởi, cha Antôn Hainques phải chịu những đau buồn vì những khó khăn với các thừa sai dòng Tên. Các cha dòng cũng như các thừa sai Pháp đều không muốn bỏ mặc khu truyền giáo của mình lâu ngày không có linh mục. Vào mùa xuân 1666, sau khi cha Antôn Hainques đi thăm các họ đạo trở lại cửa Hội An, thì một tàu buôn Bồ Đào Nha cập bến mang theo cha Phanxicô Rivas. Cha này trước là thừa sai dòng Tên ở Đàng Trong, và đã trở về Áo Môn để dưỡng bệnh trước khi cha chính Luigi Chevreul tới nhận quyền địa phận.

Đi theo cha Phanxicô Rivas còn có cha Batolomeo Acosta, một cha người lai Bồ Đào Nha và Nhật. Phải mất công nhiều lắm hai cha mới được phép cập bến và lên bờ. Tất cả các ảnh tượng, đồ thờ hai cha mang theo đều bị tịch thu. Hai cha đến trọ một gia đình người Nhật ở khu ngoại kiều, và chỉ ban đêm cha Rivas mới dám gặp giáo dân. Nơi gặp thường là một chiếc thuyền đậu trên sông. Lối gặp giáo dân trên thuyền, các cha dòng Tên thường hay dùng trong khi bị bách hại. Sau 1 tháng trời hoạt động truyền giáo theo lối trên đây, cha Rivas cho rằng không nên kéo dài lâu, khôn ngoan hơn là nên rút lui ra ngoài khơi chỗ tàu buôn đậu.

Chính lúc đó thì Juan de Cruz ở Huế xuống thăm các cha ở Hội An. Nghe tin các thừa sai dòng Tên đến, Juan de Cruz đã xin phép nhà Chúa cho nghỉ 12 ngày để đến gặp các cha. Ông đến bằng thuyền của nhà Chúa và lúc lên bộ thì hai ông bà đi kiệu, đi võng, có gia nhân đi theo rất đông. Lối đi thăm các cha một cách long trọng như thế, đã làm cho dân chúng kính nể các Ngài hơn. Lợi dụng lúc nhà Chúa trọng đãi Juan de Cruz, hai cha theo ông lên Huế để thăm giáo dân ở đây. Nhưng hai cha cũng không được ở lâu. Khi tàu buôn Bồ Đào Nha nhổ neo, các cha cũng buộc phải trở về Áo Môn. Thời gian các cha ở lại Đàng Trong không quá ba tháng.

Lần đến của hai cha Phanxicô Rivas và Batolomeo Acosta trên đây, không gây khó khăn gì cho cha Antôn Hainques. Đến năm 1668, nghĩa là trong hai năm trời, cha Antôn Hainques vẫn là thừa sai độc nhất ở Đàng Trong. Cha được yên tâm để liên lạc với các thầy giảng, cha lo tuyển chọn cũng như huấn luyện cho các linh mục tiên khởi mai ngày sẽ được gửi qua Xiêm cho Đức Cha Lambertô de la Motte truyền chức.

Nhưng sau đó tiếp theo ba năm liền, cứ mỗi năm có dịp tàu buôn ở Áo Môn đến, là có thừa sai dòng Tên đi theo, cả ba lần cha Antôn Hainques đều gặp những khó khăn do các cha dòng gây ra về vấn đề quyền bính. Gặp giáo dân các cha dòng ra lệnh cho họ không được nhận quyền của các thừa sai Pháp, vì chỉ có các cha là những người duy nhất có quyền trong địa phận. Chuyến tàu buôn 1668 có cha Đominicô Fuciti. Chuyến năm 1669 có cha Inhaxiô Baudet. Chuyến năm 1670 có cha Phêrô Marquez. Cả ba cha này như chúng ta đã biết đã bị chúa Hiền Vương trục xuất trong cuộc bách hại năm 1665. Cả ba cha đã chống lại với cha Luigi Chevreul khi cha yêu cầu ba cha công nhận quyền đại diện của mình do Đức Cha Lambertô de la Motte ủy cho và sai đến quản trị địa phận Đàng Trong. Nhưng những lần trở lại địa phận Đàng Trong này, các cha chỉ được ở lại một thời gian ngắn, nghĩa là thời gian tàu buôn đậu ở ngoài khơi cửa Hàn, khi tàu nhổ neo thì các cha cũng phải rút lui theo. Trong cả ba chuyến các cha đến, chỉ có chuyến năm 1668 với cha Đominicô Fuciti, là cha Antôn Hainques gặp nhiều khó khăn đe dọa hơn cả.

Cha Đominicô Fuciti đến địa phận Đàng Trong mang theo giấy ủy quyền làm cha chính đại diện của Tòa Giám mục ở Malacca, mà địa phận Đàng Trong theo cha Fuciti thì thuộc quyền Giám mục ở đây. Cha Fuciti đã trao cho cha Antôn Hainques coi giấy ủy quyền đó. Lễ dĩ nhiên là hai cha không ai chịu nhận quyền của nhau, và cả hai đều cho rằng chỉ có mình là có quyền đích thực. Cha Đominicô cũng mang theo một thư gửi cho Juan de Cruz, con người hiện đang được nhà Chúa trọng dụng và có ảnh hưởng lớn trong triều đình của chúa Nguyễn. Thư này do một cha dòng Tên người Bồ Đào Nha tên là Mures viết gửi cho Juan de Cruz báo cho ông biết là Đức Cha Lambertô de la Motte cũng như các cha chính của ngài, không một ai có quyền ở địa phận Đàng Trong. Ông cũng như tất cả các giáo dân

Đàng Trong chỉ được tuân phục có một Bề Trên phần hồn đó là cha Dominicô Fuciti. Các thừa sai Pháp đã đến khu vực truyền giáo miền Đông Nam Á mà không có phép của Quốc vương Bồ Đào Nha. Ông Juan de Cruz không được chứa chấp các thừa sai đó trong nhà mình. Ông phải dùng quyền lực mình mà bắt các Ngài đưa ra tàu buôn Bồ Đào Nha để đưa về giam ở Áo Môn rồi gửi về cho phó vương ở Goa xét xử như trường hợp của thừa sai Brideau trước đây.

Nghe tin có thư gửi cho Juan de Cruz với những lời lẽ đe dọa trên đây, cha Antôn Hainques vội lên Huế cho biết rõ tình hình. Lần này cha không được Juan de Cruz tiếp đãi như lần trước, ông không cho đến trọ nhà ông và còn tuyên bố nếu cha không trở về Xiêm ngay, ông sẽ cho người bắt giao cho người Bồ Đào Nha.

Đồng thời Juan de Cruz cũng dùng quyền mình, cho hội họp các vị đàn anh của các thầy giảng và đọc thư cho các thầy nghe. Ông tuyên bố các thừa sai Pháp là những người phản nghịch Quốc vương Bồ Đào Nha, các thầy không được vâng phục quyền các cha. Cha Antôn Hainques cũng có mặt trong cuộc hội họp đó. Với thái độ hết sức khiêm nhường và nhẫn nhục, cha trả lời một cách dịu dàng, là về vấn đề quyền bính cha để cho Đức Cha Lambertô de la Motte, là người đã sai cha đến hoạt động trong địa phận mà Tòa Thánh đã trao cho Đức Cha săn sóc, sẽ tâu trình về Tòa Thánh để xin xét xử. Còn trong hiện trạng của địa phận Đàng Trong lúc này, giữa cơn bách hại, chỉ có cha là người duy nhất có thể ở lại trong xứ để đáp lại những đòi hỏi của giáo dân cần có linh mục. Như thế cho dù cha không có quyền thực sự đi nữa, thì nguyên sự đòi hỏi của giáo đoàn cũng đủ cho phép cha ở lại với giáo dân.

Nghe những lời nói từ tốn và lý sự như thế, các thầy giảng đều đồng thanh yêu cầu Juan de Cruz không được làm khó dễ người cha của họ, để địa phận không bị rơi vào cảnh không có linh mục thừa sai.¹¹⁸

Qua những sự kiện trên đây, chúng ta thấy cha Antôn Hainques gặp khó khăn với các thừa sai dòng Tên nhiều hơn cha Luigi Chevreul. Lý do là vì các cha dòng đã được lệnh Bề Trên ở Áo Môn cũng như của phó vương ở Goa là phải phủ nhận quyền của các

thừa sai Pháp và phải đương đầu với những người trái lệnh của Quốc vương Bồ Đào Nha đến tranh quyền cũng như tranh công trong khu vực của các thừa sai dòng và trong khu bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha. Nhưng may mắn cha Antôn Hainques lại là người mềm dẻo hơn cha Luigi Chevreul, nên không xảy ra chuyện gì đáng buồn. Và cũng may mắn cho cha Antôn Hainques, là các thừa sai không được ở lại lâu quá thời gian tàu buôn Bồ Đào Nha dừng lại để cất hàng. Nhờ đó, cha Antôn Hainques được rảnh tay để đi thăm các họ đạo tổ chức lại thầy giảng và thực hiện sứ mệnh thành lập hàng Giáo sĩ ở địa phận Đàng Trong.

Với sự cộng tác của các thầy giảng và của hai linh mục tiên khởi địa phận Đàng Trong, cha đã thu lượm được nhiều kết quả, tuy lệnh bách hại vẫn còn. Ngày 26-02-1670, cha đã viết thư về cho Bộ Truyền Giáo là từ ngày cha về địa phận Đàng Trong năm 1665, cha đã rửa tội được 2.440 người và các thầy giảng rửa được 3.920 người.¹¹⁹

Nhưng đang lúc công cuộc tiến triển thì hai cha qua đời. Vì kiệt sức và sốt rét ngã nước, cha Antôn Hainques chết vào tháng 12-1670, còn cha Phêrô Brindeau thì chừng một tháng sau đó. Tất cả giáo dân đều thương tiếc hai cha nhất là cha Antôn Hainques, con người ăn nói giỏi giang, từ tốn và mềm dẻo.¹²⁰

Hai cha Giuse Tràng và Luca Bền vội qua bên Xiêm cầu cứu với Đức Cha Lambertô de la Motte để ngài sai thừa sai khác đến địa phận Đàng Trong. Một lần nữa địa phận lại phó mặc vào tay các thầy giảng.

3. Hoạt động của cha Luigi Chevreul ở Cao Miên

Tới ranh giới vào Đàng Trong của Chúa Nguyễn, cha Luigi Chevreul bị sốt rét ngã nước. Bị mất sức nhiều quá, cha không thể theo đường bộ để vào Đàng Trong với cha Antôn Hainques. Cha ở lại Cao Miên để thi hành một sứ mệnh mà Đức Cha Lambertô de la Motte đã trao cho ngài trước khi ra đi. Đó là việc gặp cha Phaolô d'Acosta, linh mục quản trị địa phận Malacca. Cha Phaolô d'Acosta tuy là cha chính địa phận Malacca, nhưng không ở địa phận vì Malacca từ lâu đã bị rơi vào tay người Hòa Lan. Cha đã qua ở Cao Miên được 05 năm. Cha Luigi Chevreul sẽ điều đình với cha Phaolô

d'Acosta để cha này ủy quyền coi sóc địa sở truyền giáo ở Xiêm cho Đức Cha Lambertô de la Motte.

Muốn đến kinh đô Cao Miên ở Nam Vang (Cenompé hay Pnompenh) cha Luigi Chevreul chỉ cần tới một cửa sông Mê Kông rồi từ đó ngược lên kinh đô Cao Miên. Cha có thể tìm tàu hoặc thuyền một cách dễ dàng. Cuộc hành trình không vất vả như vào Đàng Trong của Chúa Nguyễn bằng đường bộ.

Ngày 21-11-1664, cha tới Nam Vang, cha Phaolô d'Acosta đón tiếp cha một cách niềm nở và ưng thuận ngay vấn đề cha yêu cầu cho Đức Cha Lambertô de la Motte.¹²¹ Cha còn xin cha Chevreul ở lại giúp việc họ đạo của cha. Làng Bồ Đào Nha mà cha Phaolô d'Acosta trông coi, có chừng 40 nhân danh, hầu hết họ là người lánh nạn sau khi Malacca thất thủ rồi vào tay người Hòa Lan. Phía bên kia sông là làng người Việt ở Đàng Trong có chừng 400, 500 người. Trong đó có chừng 50 người là Công giáo. Đi lên về phía Bắc là U-Dong, lúc đó là kinh đô mới của nhà vua Cao Miên, cũng còn một làng người Việt ở Đàng Trong có chừng 500, 600 người.

Ở lại làm việc cho họ đạo của cha Phaolô d'Acosta, cha Luigi Chevreul chăm lo việc ngồi tòa giải tội và dạy sách phần cho giáo dân. Theo cha thì năm năm nay, từ ngày bỏ Macassar đến lập họ đạo ở đây, cha Phaolô d'Acosta không có dạy sách phần, cũng không giảng giải cho giáo dân trong ngày Chúa nhật. Vì thế thấy cha Luigi Chevreul chăm lo việc họ đạo, những người Bồ Đào Nha ở đây mến cha, hay cho quà bánh. Nhưng cha Luigi Chevreul lại ưa thích người dân Đàng Trong hơn, họ không có những điệu bộ phô trương giả dối bên ngoài, họ chân thật hơn.

Việc chăm sóc giáo dân ở hai làng người Việt Đàng Trong là của cha Carolo della Rocca, thừa sai dòng Tên trước đây ở xứ Nam. Theo cha Luigi Chevreul thì cha này cũng bỏ trễ công việc rất nhiều. Đã hơn một năm, cha Carolo della Rocca không tới thăm giáo dân làng người Việt ở bên kia sông Nam Vang. Nhưng ở Cao Miên, cha Luigi Chevreul và Rocca lại sống thân mật với nhau. Lẽ dĩ nhiên ở đây không có vấn đề quyền bính, và cha Luigi Chevreul cũng biết mình không có quyền bính gì ở Cao Miên. Còn cha Della Rocca cũng chưa hay biết gì về những va chạm quyền bính giữa các thừa sai

Pháp và thừa sai dòng Tên ở đất Xiêm, cũng như ở xứ Nam và xứ Bắc Việt Nam.

Ở kinh đô Cao Miên, cha Luigi Chevreul cũng tìm cách truyền giáo cho người Miên. Cũng như người Xiêm, người Miên theo đạo Phật và còn sùng đạo hơn người Xiêm, vì thế truyền giáo cho họ còn khó hơn truyền giáo cho người Xiêm. Họ rất tôn kính các sư sãi. Các thầy sư lại sống rất khổ hạnh. Nên các thừa sai muốn truyền giáo cho họ trước hết cũng phải sống khổ hạnh như các thầy sư. Đã hơn một nửa thế kỷ, các cha dòng Đaminh, sau đó là các cha dòng Tên, đã tìm cách truyền giáo cho họ, nhưng đều không có kết quả. Dầu vậy, cha Luigi Chevreul không nản lòng, vì cha cho rằng người Miên rất hiền lành đơn sơ dễ tính, rồi có thể lôi kéo họ theo đạo Công giáo, miễn là chịu khó vất vả. Nhưng rồi cha cũng không thu được kết quả như ý muốn.

Năm 1667, cha Phaolô d'Acosta để làng người Bồ Đào Nha cho cha Luigi Chevreul chăm sóc rồi trở về Goa và xin từ chức ở đó. Cha Chevreul sống yên hàn được hai năm thì vào tháng 3-1669, một tàu buôn ở Áo Môn đến kinh đô Cao Miên, mang theo hai cha dòng Tên trong đó có cha Phanxicô Rivas và một cha tên là Antôn Marais, Bề Trên kinh lý ở Goa sai đến. Cha này hay tin sự có mặt của cha Luigi Chevreul ở làng Bồ Đào Nha nên muốn trục xuất cha ra khỏi họ đạo. Còn cha Carolo della Rocca người bạn thân tình của cha Chevreul trong 04 năm qua, từ khi nghe biết câu chuyện và chạm quyền bính giữa các thừa sai dòng Tên với các thừa sai Pháp ở Xiêm cũng như ở Việt Nam, đã bỏ không đi lại với cha Chevreul nữa. Vào đầu năm 1670 thì cha Chevreul theo lệnh của người Bồ Đào Nha, bị bắt giải về Áo Môn. Cha bị giam ở đây 04 tháng rồi bị giải về Goa xét xử. Sau 02 ngày bị giam ở Goa, tòa án ra lệnh trả tự do cho cha ngay. Nhưng phó vương Goa không cho cha ra khỏi khu vực ở đấy. Cha bị giữ ở đây mãi tới năm 1671. Nghe tin có tàu Pháp đến Surate, cha mới được phép bỏ Goa và cha đã gặp Đức Cha Phanxicô Pallu ở Surate.

Chương VI
Cha Chính Phanxicô Deydier Với Tổ Chức
Thầy Giảng và Việc Thành Lập Hàng Giáo
Sĩ Bản Quốc Ở Địa Phận Đàng Ngoài
(1666-1668)

I. Cha Chính Luigi Chevreul, Đại Diện Đầu Tiên Của Đức Cha Lambertô De La Motte Ở Địa Phận Đàng Trong (1664-1665)

Sau khi tới kinh đô Thái Lan vào tháng Giêng 1664, Đức Cha Phanxicô Pallu đã lo tìm cách vào địa sở truyền giáo của mình ở xứ Bắc Đàng Ngoài. Vì cuộc bách hại đàng nổi lên, các thừa sai dòng Tên bị trục xuất, Đức Cha Pallu đang ở lại kinh đô Thái Lan để chờ đợi. Phải trở về Âu Châu công cán, trước khi lên đường, Đức Cha Pallu đã ủy nhiệm cho Đức Cha Lambertô de la Motte, thay quyền ngài, sai phái một thừa sai vào địa phận Đàng Ngoài, khi tình thế cho phép.

Trong bản những huấn điều viết để lại cho các thừa sai của ngài, Đức Cha Pallu đã không quên chú thích cho các vị là cần phải nhấn mạnh tính cách Pháp tịch của mình trong việc giao tiếp với triều đình chúa Trịnh xứ Bắc. Theo nhận định của Đức Cha thì chúa Trịnh Tạc ra lệnh trục xuất các thừa sai dòng Tên: “Vì các cha là thần dân của vua xứ Bồ Đào Nha và các cha bị nghi ngờ vì những cuộc chinh phục lớn lao của vua xứ đó trong vùng Ấn Độ. Còn với đạo Công giáo thì nhà Chúa không có tỏ vẻ thù ghét, mà còn bảo vệ giúp đỡ. Và thực ra đạo dạy những điều thánh thiện, ích quốc lợi dân. Dạy tôn thờ một Chúa kính sợ và tin tưởng ở Người. Giữ trọn đức công bằng với mọi người và nhất là đối với vua chúa, quan quyền thì lo tôn kính, yêu mến, vâng phục theo lẽ phải đòi hỏi...” Còn các thừa sai của Đức Cha: “Vì là người Pháp, họ không có một liên lạc giao thương gì với người Bồ Đào Nha.” Các Vị sẽ nhấn mạnh rằng: nước Pháp “là một nước cách xa nước Đông Kinh hơn 4000 dặm và vua Pháp không có một tấc đất nào ở vùng Ấn Độ”.

Nhưng nếu trong việc giao tiếp với triều đình xứ Bắc, Đức Cha muốn các thừa sai của mình nhấn mạnh tính cách khác biệt về quốc tịch Pháp và Bồ Đào Nha, thì với các cha dòng Tên mà các vị sẽ gặp trên đường hoạt động tông đồ, Đức Cha đòi hỏi các Ngài một tinh thần cộng tác. Các ngài phải biết bắt tay đoàn kết, không phân biệt quốc tịch trong một Giáo hội Công giáo, những người cùng chung một chí hướng. Đức Cha viết: “Chúng ta là những người bỏ quê

hương, cha mẹ, bà con, thân thuộc, liều thân qua những hiểm nghèo, vất vả, vượt trùng dương hơn bốn ngàn dặm để đến khu vực truyền giáo, chỉ vì một mong muốn duy nhất là làm sáng danh Chúa và cứu linh hồn người xứ Đông Kinh.” Đi vào thực tế, Đức Cha muốn các thừa sai của mình: “Bày tỏ một lòng mến chuộng chân thật mà chúng ta vẫn bảo tồn với các cha dòng tốt lành đó, nhất là đối với các cha dòng Tên mà chúng ta vẫn giữ tình liên lạc với các Ngài... Hơn nữa các Ngài đã hoạt động rất kết quả ở xứ Đông Kinh, nên chúng ta mong muốn được học hỏi kinh nghiệm của các Ngài và luôn luôn hoạt động cộng tác với các Ngài.”¹²²

Mùa xuân năm 1666, Đức Cha Lambertô de la Motte cho rằng tình thế Đàng Ngoài xứ Bắc đã khả quan, ngài có thể sai một hai thừa sai đến nhận quyền địa phận thay Đức Cha Phanxicô Pallu. Trả lời bức thư của Đức Cha Phanxicô Pallu viết cho các thầy giảng và giáo dân xứ Bắc, một thầy giảng¹²³ đã cho biết tình trạng cấm đạo trong xứ đã tạm yên, Đức Cha có thể lợi dụng thời cơ để sai một vài thừa sai đến thăm giáo đoàn.¹²⁴ Đức Cha Lambertô de la Motte liền sai cha Phanxicô Deydier làm Cha chính địa phận Đàng Ngoài xứ Bắc thay Đức Cha Phanxicô Pallu đến nhận giáo đoàn.

1. Cha chính Phanxicô Deydier trên đường vào địa phận. Những gặp gỡ đầu tiên với giáo dân Đàng Ngoài

Sinh tại Toulou, ngày 28-09-1634 trong một gia đình quý phái, từ nhỏ, cha mẹ đã muốn sau này Phanxicô Deydier sẽ theo nghiệp kiếm cung và hàng hải. Nhanh nhẹn, tài khéo, trí khôn thông minh, sức lực dồi dào, một thân thể tráng kiện, Phanxicô có thể trả lời cho tất cả mọi mong muốn của gia đình với một tương lai đầy hứa hẹn.

Nhưng khi 20 tuổi, nghe tiếng Chúa gọi, Deydier đã từ giã tất cả để dâng mình cho Chúa. Theo học ban Thần học, và sau khi lãnh nhận mũ áo tiến sĩ Thần học, Chúa quan phòng lại muốn cho cha Deydier hiến dâng mình cho công cuộc truyền giáo vùng Đông Á. Năm 1659, cha gặp các cha Vincentê Meiur, Luca de Fermanel. Các ngài đang tìm kiếm các thừa sai cho các Giám mục đại diện Tòa Thánh ở những địa sở truyền giáo Việt Nam và Trung Hoa. Nghe tiếng sứ mệnh, cha liền vâng theo, và sau khi bàn hỏi, suy nghĩ, cha quyết

định lên đường với Đức Cha Lambertô de la Motte.¹²⁵

Ngay khi tới Thái Lan, cha Deydier đã tỏ ra xuất sắc hơn người. Thông thạo tiếng Bồ Đào Nha, cha được cha dòng Tên và cha dòng Thánh Đaminh ở trại người Bồ Đào Nha mời đến giảng trong hai nhà thờ của các Ngài. Tính khí nóng nảy lại thêm lòng nhiệt thành hăng hái, muốn cải tổ ngay tất cả những gì cha cho là chướng tai gai mắt, những gì không hợp với sự thánh thiện đòi hỏi của đạo thánh Chúa, cha đã lớn tiếng đả phá những tệ tục của người Bồ Đào Nha ở kinh đô Thái Lan. Cha Deydier đã làm cho hai cha Valguanera và Fragoso không hài lòng. Như thế, ngay từ lúc mới tới khu truyền giáo, liên lạc giữa cha Deydier và các cha dòng Tên đã bị nứt rạn. Sau này, cha lại bị thêm ảnh hưởng của Đức Cha Lambertô de la Motte. Vì thế chúng ta có thể thấy trước, với tính khí nóng nảy của con người cường tráng, không muốn tạm lùi bước trước những chướng ngại để tìm những thu xếp mềm dẻo, cha Deydier khó lòng mà thi hành được huấn lệnh của Đức Cha Pallu trong việc cộng tác với các cha dòng Tên ở xứ Bắc sau này. Nhưng may mắn là trong ba năm đầu, nghĩa là từ năm 1666 đến năm 1669, cha là thừa sai duy nhất ở Đàng Ngoài. Cha có thì giờ để thu phục giáo dân cũng như các thầy giảng, trước khi các cha dòng Tên trở lại xứ Bắc.

Ngày 20-06-1666, cha chính Deydier bỏ kinh đô Thái Lan, trên một chiếc thuyền buôn của người Tàu, mang theo thư ủy quyền của Đức Cha Lambertô de la Motte, đặt cha làm cha chính, đại diện Đức Cha Phanxicô Pallu ở địa phận Đàng Ngoài. Theo huấn lệnh của Đức Cha Pallu thì các thừa sai của ngài khi vào xứ Đông Kinh: “Để tránh những khó dễ khi vào xứ này, những vị được sai đến đấy, không được ra mặt với tính cách thừa sai. Các ngài phải giả làm những ngoại kiều đi buôn bán và đến thăm xứ đó. Các ngài phải trá hình hết sức khôn khéo để không ai nghi ngờ các Ngài đến để truyền giáo.”¹²⁶

Cha Deydier cắt râu trụi, mặc áo người lái buôn, và cha đã thành công trong việc trá hình đến nỗi “8 hay 10 người ở xứ Đông Kinh cùng đi với cha trong chuyến thuyền buôn đó, và đã có lần gặp cha ở Xiêm cũng không thể nhận ra được cha”. Trên thuyền, cha tìm làm quen với họ để học thêm tiếng nói và phong tục, mà cha đã bắt đầu để ý từ khi giao tiếp với những người Công giáo Đàng Trong, ở kinh

đô Thái Lan. Tất cả đều quý mến cha, vì họ chưa thấy một ngoại kiều nào, đối với họ mà “dễ dàng từ tốn” như thế. Trong chuyến đi cha cũng rửa tội một người Tàu trước khi chết.¹²⁷

Ngày 30-07-1666, sau hơn một tháng trời, thuyền mới tới cửa sông Hồng Hà, lúc đó gọi là sông Cả. Từ đây, thuyền từ từ tiến lên kinh đô, gọi là Kẻ Chợ; cha Deydier liền báo cho ông Raphaen Rhodes, một người đàn anh có nhiều ảnh hưởng trong giáo đoàn xứ Bắc. Ông người gốc Đảng Trong, ra buôn bán Đảng Ngoài. Cha dòng Tên Tissannier coi ông là một trong những người có công nhất trong việc giúp đỡ các thừa sai đến hoạt động tại xứ Bắc. Được thư cha, ông Raphaen trả lời là giáo dân đang mong đợi một linh mục. Vì thế, cha Deydier được coi như “một thiên sứ trời sai đến” và chính ông sẽ thân hành xuống đón cha, cha mượn chiếc tàu của hãng buôn Hòa Lan, “mang theo rất nhiều đồ nước, cũng không quên một chai rượu của người Tây Ban Nha, và cả khăn trải bàn ăn”.

Ông Raphaen cũng cho cha Deydier biết là lúc đó cũng có một cha dòng Tên là Bênadô, theo tàu buôn của người Tây Ban Nha ở Manila tới. Cha dòng này cho biết là ngài do Giám mục Manila sai đến để coi sóc giáo dân xứ Bắc đang trong lúc không có thừa sai. Nhưng chúa Trịnh Tạc không cho phép cha ở lại. Cha đành phải xuống tàu trở về. Trên con đường lên kinh đô, cha Deydier đã gặp tàu buôn của người Tây Ban Nha ra khơi. Nhưng theo sự khôn ngoan, tình thế không cho phép, cha Deydier không ra mặt để gặp cha dòng thánh Phanxicô.

Hai ngày sau thì cha Deydier tới Kẻ Chợ, kinh đô xứ Bắc.¹²⁸ Vừa tới nơi, cha liền tìm cách lên bờ và đến trú tại nhà ông Raphaen, làm trong khu vực của hãng buôn Hòa Lan. Ở nhà ông Raphaen, cha đã gặp “ba thầy giảng đứng đầu các thầy giảng trẻ” cũng trú ngụ ở đây.

Công việc đầu tiên của cha Deydier khi đến địa phận Đảng Ngoài là tìm liên lạc với giáo dân và các thầy giảng. Mục đích để công bố quyền cha chính đại diện Đức Cha Phanxicô Pallu mà Tòa Thánh đã đặt làm Giám mục xứ Bắc, nơi mà các cha thừa sai dòng Tên đã gây dựng nên và từ trước đến nay vẫn thuộc quyền các Ngài. Cha Deydier vào xứ Bắc đang lúc giáo dân và các thầy giảng khao khát các linh mục thừa sai. Vì thế, việc nhận quyền cha chính của cha

được họ chấp nhận dễ dàng. Còn các cha dòng Tên mới bị trục xuất. Các ngài không hy vọng có thể trở lại trong một thời gian nữa. Do đó, cha Deydier chưa phải lo nghĩ tới vấn đề nhận quyền của các thừa sai dòng Tên mà hai cha chính Luigi Chevreul và Antôn Hainques đã gặp nhiều khó khăn ở địa phận Đà Nẵng.

Người đầu tiên sau ông Raphaen mà cha Phanxicô Deydier tìm gặp, đó là ông Phaolô Vada, một người Công giáo Nhật, buôn bán ở kinh đô, giàu có và cũng có thế giá trong giáo đoàn xứ Bắc. Nhưng ông đón tiếp cha một cách hết sức tế lạnh. Từ trước tới nay, chỉ biết có các cha dòng Tên, ông ngần ngại việc nhận quyền của một thừa sai thuộc tổ chức khác. Ông đòi hỏi cha Deydier phải có giấy giới thiệu của các cha dòng Tên: “Sợ rằng, nếu không, sau này khi các cha dòng Tên trở lại ông sẽ bị quở trách.” Những lần sau, cha Phanxicô Deydier còn đưa ông coi cả giấy ủy quyền của Đức Cha Lambertô de la Motte đặt cha là cha chính của Đức Cha Phanxicô Pallu ở địa phận Đà Nẵng Ngoài. Dầu vậy, Phaolô Vada cứ nhất định đòi cha phải có giấy giới thiệu của các cha dòng Tên, ông mới chịu nhận quyền.

Sau đó nhờ ông Raphaen giới thiệu và cho biết tên, cha Deydier cũng tìm liên lạc với các đàn anh người Việt ở Kẻ Chợ. Những người này thuộc đủ mọi tầng lớp nghề nghiệp. Có người làm thầy lang, có người làm thợ bạc, thợ sơn, thầy đồ dạy học v.v... Có người khuyên cha không nên biếu quà cho các quan, vì không thể nào có đủ quà mà biếu tất cả. Do đó người được người không, sẽ sinh thù oán và tìm dịp để phá việc.

Nhưng điều mà cha Phanxicô quan tâm hơn cả là việc các thầy giảng nhận quyền của cha. Là những người đứng đầu chỉ huy và trông coi các họ đạo, nếu cha được các thầy nhận quyền thì với giáo dân quyền khác sẽ không khó khăn gì. Vì thế, ngay từ khi tới Kẻ Chợ, cha Deydier đã nhờ ông Raphaen viết thư triệu tập các thầy về kinh đô. Trong thư nói, mục đích cuộc hội họp là để “bàn tính những điều có liên quan hệ trọng đến công cuộc truyền giáo, cho nước Chúa được mở rộng và cho danh Chúa được cả sáng, đồng thời cũng là những điều liên quan đến ích riêng các thầy và của tất cả giáo dân xứ này, vì mới có một thư của Đức Cha, Giám mục Đông Kinh gửi cho các thầy”.

Đang khi chờ đợi, cha Deydier nhờ một thầy giảng dịch thư luân lưu của Đức Cha Lambertô de la Motte và giấy ủy quyền của Đức Cha đặt cha làm Cha chính địa phận Đàng Ngoài ra chữ Nôm. Đồng thời, cha Deydier cũng tìm hiểu tình trạng giáo dân Đàng Ngoài, và tổ chức thầy giảng qua những cuộc nói chuyện với các thầy giảng cha gặp ở kinh đô, với ông Raphaen và với các người đàn anh ở đây.

2. Các thầy giảng địa phận Đàng Ngoài dưới thời các thừa sai dòng Tên: Tổ chức, huấn luyện và hoạt động ở các họ đạo

Bị trục xuất ra khỏi Đàng Ngoài xứ Bắc của chúa Trịnh, các cha thừa sai dòng Tên đã để lại cho cha chính Phanxicô Deydier một tổ chức thầy giảng như thế nào?

Nói đến tổ chức thầy giảng Đàng Trong xứ Nam của chúa Nguyễn, cha chính Luigi Chevreul cho rằng: “Phần lớn các thầy sống khô khan nguội lạnh, vì đã hai mươi năm nay, người ta không săn sóc đến họ.” Lý do chúng ta nhận thấy là vì từ khi cha Đắc Lộ ra đi vào năm 1645, cuộc bách hại của chúa Nguyễn tiếp tục kéo dài. Các cha thừa sai dòng Tên ít khi được phép ra khỏi khu vực cửa Hội An. Việc giao tiếp cũng như huấn luyện các thầy giảng khó lòng mà thực hiện như ý muốn.

Trái lại, ngoài Bắc, từ khi cha Đắc Lộ ra đi vào năm 1630, cuộc bách hại tuy vẫn còn nhưng lúc có lúc không. Sau những cơn bách hại, các cha lại có thể đi thăm các họ đạo dễ dàng và các cha để ý riêng đến tổ chức thầy giảng của cha Đắc Lộ để lại, cố gắng mỗi ngày hoàn bị hơn. Vì thế, theo những tài liệu của cha J. Marini và Tissannier về tổ chức thầy giảng, vào thời kỳ các thừa sai Pháp tới thì tổ chức này đã được thành lập chắc chắn, có luật lệ riêng, có tục lệ riêng với những chủng viện nho nhỏ để huấn luyện các nhân viên của mình. Còn hoạt động của các thầy ở các họ đạo thì các thừa sai ai cũng kính phục, giáo dân tất cả đều mến chuộng các thầy.¹²⁹

Theo cha Marini thì vào năm 1663, số các thầy giảng Đàng Ngoài chừng trên 70 thầy. Chia làm ba bậc: các thầy đang tập sự gọi là các “chú”, các thầy đã đi hoạt động ở các họ nhưng chưa khẩn trọn đời, gọi là các “văn”, và các thầy đã khẩn trọn đời, lúc đó mới được chính

thức gọi là các “thầy”. Số các thầy khấn trọn đời, sau thời kỳ cha Đắc Lộ là ba thầy. Năm 1635 được 7 thầy, và sau này được 10 thầy.

Về bậc các “chú”, thì chỉ có thời kỳ mới thành lập, các cha nhận cả những người đã đứng tuổi mới trở lại, mà muốn gia nhập vào tổ chức. Còn sau này, khi đã thành lập Nhà Đức Chúa Trời ở nhiều nơi, thì các cha bắt đầu tuyển chọn trong các thiếu niên, các gia đình ngoan đạo¹³⁰. Thường chính các gia đình tự ý dâng con cho các cha. Sau một thời kỳ thử thách làm các “cậu”, các thiếu niên này được gọi là các “chú”. Thường phải học hỏi về đạo lý và chữ nghĩa một thời gian khá lâu, đồng thời đã tới một hạng tuổi nào đó. Từ đấy, phải giữ phép nghiêm ngặt Nhà Đức Chúa Trời. Ăn thì ăn chung với nhau; quần áo mặc là chiếc áo khâu dài tới đầu gối với chiếc quần rộng dài. Thường mỗi năm, vào dịp tháng tám là thời kỳ phát quần áo mới. Ra ngoài thì bao giờ cũng phải đi hai người, để người này giữ gìn cho người kia.

Sau một thời gian khá lâu hơn nữa, theo học đạo lý và chữ nghĩa cũng như đã qua nhiều thử thách trong hoạt động, các “chú” được lên bậc các “văn”. Lúc bấy giờ thường đã đứng tuổi và đã có nhiều kinh nghiệm truyền giáo. Cuối cùng là bậc các “thầy”, thì chỉ có một số ít người được chọn. Phải là những người có nhân đức đặc biệt, thông thạo đạo lý cũng như văn chương chữ nghĩa, coi họ đạo đã lâu năm, khôn ngoan, nhiều kinh nghiệm. Thường là đã có tuổi, đáng bậc đàn anh trong tổ chức Nhà Đức Chúa Trời.

Các thầy khấn ba nhân đức: khó khăn, trinh khiết, vâng lời đối với Bề Trên là các cha trong xứ. Đặc ân của các thầy trong đời sống cộng đồng là được ngồi ăn bàn riêng và được miễn những công việc chân tay để có giờ học hỏi, soạn bài dạy học cho các cậu, các chú và các văn. Dưới quyền coi sóc và huấn luyện của một “thầy”, các văn, các chú, và các cậu, nếu không phải thời kỳ hoạt động trong các họ đạo, thường ở một căn nhà riêng biệt với các thừa sai, và gọi là “nhà các Thầy”. Tất cả sống một đời sống cộng đồng, nghiêm ngặt và khắc khổ. Dậy từ sáng sớm tinh sương lúc gà gáy. Sau giờ kinh sớm mai, các thầy nguyện ngắm nửa giờ, bắt đầu bằng nghe một đoạn sách nguyện ngắm rồi ngồi yên suy niệm. Công việc này các thầy làm ở nhà hội chung. Sau nếu có linh mục thì các thầy ra nhà thờ dự

lễ. Sau lễ, đọc kinh cầu Đức Bà và nghe sách truyện các Thánh về vị Thánh kính hôm đó.

Buổi sáng thường các thầy lo giảng dạy cho người tân tòng, hoặc giúp cho giáo dân dọn mình xưng tội, nếu gặp thời kỳ các cha đến “làm phúc”. Sau cơm trưa thì được chơi giải trí một giờ. Buổi chiều hoặc ở nhà học hành, hoặc đi thăm giáo dân trong vùng, những người ốm yếu hay những người khô khan cần khuyên trở lại. Chiều tối, sau cơm tối, có đọc sách thiêng liêng, xét mình chừng 15 phút và đọc kinh tối.

Để huấn luyện cho các thầy, các cha dòng Tên cũng viết nhiều sách về đạo lý cũng như về đời sống đạo đức của giáo dân. Có những sách dùng riêng cho các thầy hay cho các đàn anh trong họ đạo, biết cách dạy kinh bốn, coi sóc các họ đạo khi không có thừa sai. Trong số các sách về đạo lý, phải kể trước hết là cuốn “Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép Rửa tội mà vào đạo thánh Đức Chúa Trời” của cha Đắc Lộ. Vì là cuốn sách viết cho các Thầy giảng, nên trong đó cha Đắc Lộ đã thêm nhiều chú thích để cho các Thầy theo đó mà dạy khi dùng sách của cha. Theo cha Marini, thì cha Hiêrônimô Majorica cũng viết và dịch một pho sách gồm 48 quyển để dạy cho giáo dân biết giữ đạo, khi không có các thừa sai cho họ. Còn cha Ônuphô rô Borgès cũng viết một cuốn dạy các thầy giảng và các ông trùm trong họ đạo về cách giảng dạy đạo lý cho giáo dân, dạy đạo cho người tân tòng, giúp kẻ liệt và cách rửa tội cho những người gần chết.

Về việc trợ cấp cho các thầy giảng, thì một phần do chính các thầy kiếm ra. Chẳng hạn làm vườn trồng trọt và làm thuốc chữa bệnh, còn một phần do giáo dân giúp đỡ. Số tiền giúp đỡ của giáo dân, có khi là do một gia đình Công giáo dâng cúng cho các thầy, hoặc làm nhà cho các thầy ở, hoặc nuôi cơm các thầy đang khi đến làm việc trong họ đạo. Nhưng thường là do giáo dân góp nhau để dâng cúng trong mỗi dịp các cha các thầy đi “làm phúc” trong các họ đạo. Trong những dịp ấy, thường là ngày cuối cùng trước khi bỏ họ đạo, các cha làm lễ cầu cho các linh hồn nơi luyện ngục, hoặc không có các cha, thì các thầy tổ chức đọc kinh. Sau đó, dân chúng mang gạo, mang vải, mang tiền... đến dâng cúng các cha các thầy. Để lại một phần chi tiêu trong họ, số còn lại thì cho vào làm của chung của nhà Đức

Chúa Trời. Theo tục lệ các người bên lương hay làm lễ cầu siêu vào tháng bảy, các cha dòng cũng tổ chức những buổi lễ cầu hồn cho người quá cố vào tháng bảy. Vào dịp ấy, giáo dân cũng mang của dâng cúng cho các cha các thầy.

Về hoạt động các thầy trong công cuộc truyền giáo, các thầy là những người cộng tác và chia sẻ công việc với các thừa sai. Trong trường hợp không có các thừa sai, các thầy là những người thay thế các Ngài trong hết các công việc mà các thầy có thể thay thế được. Nghĩa là trừ những công việc đòi hỏi phải có chức linh mục mới được thi hành. Trong những hoạt động chính yếu, có thể kể: dạy đạo cho những người tân tòng và rửa tội cho họ trong trường hợp khẩn thiết, đi theo và phụ giúp các thừa sai khi các Ngài đi thăm các họ đạo, coi sóc các họ đạo thay thế các thừa sai khi các Ngài vắng mặt.

Trong khi đi “làm phúc” các họ đạo, các cha thường đem theo năm hoặc sáu thầy giảng, có khi mười thầy. Thường các cha sai một, hai thầy đến trước để báo tin cho giáo dân biết. Các thầy này dọn công việc cho các Ngài, để khi tới nơi, mọi sự được thi hành mau chóng. Vừa mới tới và đang khi nghỉ ngơi, thì ông trùm họ trình bày cho thừa sai về tình trạng họ đạo. Đang khi ấy, thì một thầy giảng dọn mình cho giáo dân xưng tội. Sau khi dọn mình chung cho mọi người, ai có điều gì khó khăn thì đến gặp thầy, để thầy dọn mình thêm cho. Như thế, lúc vào tòa giải tội, họ không làm mất thời giờ của cha giải tội và những người khác không phải chờ lâu. Thời gian giáo dân chờ xưng tội thì một thầy đọc sách đạo đức cho mọi người thêm lòng sốt sắng. Một số các thầy khác, gặp những người tân tòng, dạy đạo thêm cho họ và nếu sẵn sàng thì dọn mình cho họ chịu phép rửa tội. Thầy khác thì gặp giáo dân trong họ, khuyên bảo những người không ngoan, giải quyết những cuộc tranh chấp hoặc chỉ bảo cho những người đàn anh về công việc trong họ. Điều gì quan hệ thì trình lên cha để cha định đoạt. Cuộc thăm họ đạo thường kết thúc bằng một lễ mờ trọng thể, cầu cho tiền nhân những người trong họ.

Nhưng nhiệm vụ chính yếu của các thầy giảng là trông coi các họ đạo. Nhiều họ cách xa Kẻ Chợ, cách xa các tỉnh, các thừa sai ít khi có thể đến thăm được, vì thế phải giao cho các thầy giảng coi sóc. Gặp thời cấm cách, các thừa sai bị quản thúc về một nơi thì những họ đạo ở các tỉnh, các phủ cũng đều do các thầy nhận lãnh. Là người

của khu vực, các thầy biết rõ tính tình cũng như tiếng nói, phong tục của giáo dân hơn ai hết. Các thầy có thể đến với họ dễ dàng, sống lẫn tránh trong làng xóm của họ mà không một ai hay biết. Các thầy biết trình bày đạo lý với lối suy tưởng của họ. Để có thể gặp gỡ những người lương dân dễ dàng, các thầy thường làm thầy lang để có thể đi đây đó mà không ai nghi ngờ.

Thường các thầy sống trong một họ đạo chính và một năm hai lần các thầy đi thăm các họ nhánh. Đây là không kể những lần có ma chay tống táng, người ta mời các thầy đến để tổ chức những buổi cầu kinh cho người quá cố. Các thầy cũng nhân dịp ấy, thăm nom các người trong họ. Khi đi thăm các họ nhánh, cũng như các thừa sai, các thầy hội họp các đàn anh trong họ, nghe trình bày tình trạng giáo dân, ra chỉ thị và giải quyết các vấn đề. Các thầy cũng đi thăm từng gia đình một. Hỏi thăm xem có ai đau yếu thì giúp đỡ, nếu yếu liệt các thầy dọn mình chết. Các thầy cũng hỏi về vấn đề kinh hôn, kinh mai, việc dạy dỗ con cái, hoặc những rắc rối về hôn nhân cần giải quyết. Nghĩa là các thầy phải để ý đến các vấn đề liên quan đến đời sống Công giáo của từng gia đình, tìm nâng đỡ và giải quyết cho họ, như một người thầy, người cha.

Nói đến công lao các thầy, cha Marini phải thú thực là tất cả kết quả thu lượm được là do công lao của các thầy. Các thầy là những người gieo vãi từ bước đầu, rồi tiếp tục vun trồng cho đến khi thu lượm được kết quả, các thừa sai chỉ là những người chỉ huy và hướng dẫn công việc cho các thầy. Các thầy là những người có mặt và sẵn sàng đáp ứng tất cả các nhu cầu của công cuộc truyền giáo. Các thầy là chân tay khẩn thiết của các thừa sai. Không có các thầy, công cuộc truyền giáo bị ngưng trệ, kết quả thu lượm được sẽ hiếm hoi. Có các thầy dù phải sống xa giáo dân, các cha vẫn yên trí và công việc truyền giáo vẫn tiếp tục tiến triển dù gặp cơn cấm cách bách hại.

3. Cha chính Phanxicô Deydier với việc chịu nhận quyền của các thầy giảng Đàng Ngoài

Đồng ý với các thừa sai dòng Tên về địa vị quan trọng của các thầy giảng trong công cuộc truyền giáo. Các thừa sai Pháp cũng gọi

các thầy là những người chân tay đắc lực và cần thiết của các Ngài. Bản các Huấn điều của công đồng các Thừa sai Pháp ở Kinh đô Thái Lan, cũng công nhận các thầy giảng là những người có thể kiêm nhiệm được hết mọi hoạt động trong công cuộc truyền giáo. Các thầy có thể thay thế các thừa sai trong thời kỳ bị bách hại, chỉ trừ những công việc đòi hỏi phải có chức linh mục.

Vì thế, bước vào địa phận Đàng Ngoài, công việc chính yếu mà cha chính Phanxicô Deydier cần để ý hơn cả là việc chịu nhận quyền của các thầy giảng. Theo mấy thầy có mặt ở kinh đô Kẻ Chợ cho biết thì số các thầy giảng già đã khấn ba nhân đức, lúc các thừa sai dòng Tên bị trục xuất là 10 thầy. Hiện nay đã chết mất hai, còn lại tám thầy. Các thầy này được chia đi rải rác các tỉnh trong những họ đạo lớn. Thường mỗi thầy giảng già kiêm nhận một vùng. Mỗi vùng có nhiều họ nhánh do các thầy trẻ trông coi. Còn trong số 45 hoặc 50 các thầy giảng trẻ lúc các cha ra đi, kèm theo các chú, các bổ thì ở tại Kẻ Chợ chỉ còn lại 15 người.¹³¹ Ông Raphaen đã cho các thầy ở Kẻ Chợ mượn một số chừng 200 hay 300 quan tiền để các thầy mua một thuyền đinh lớn. Các thầy dùng để chuyên chở buôn bán làm kế sinh nhai, đồng thời làm chỗ sống chung với nhau. Đứng đầu các thầy giảng ở Kẻ Chợ là thầy giảng trẻ Gioan Văn Huệ, trông coi xứ Kẻ Chợ cùng với thầy Bênêdictô Hiền.

Ngày 08-09-1666, lễ sinh nhật Đức Mẹ, là ngày ấn định để các thầy giảng đến gặp cha chính Phanxicô Deydier ở nhà ông Raphaen. Buổi gặp gỡ chính thức và đầu tiên này, cha Deydier không thu được kết quả như ước muốn, vì trong số tám thầy giảng cao niên, chỉ có bốn thầy đến gặp cha: một thầy tên là Martinô Hộ, một thầy tên là Nicolas và hai thầy tên là Antôn.

Khi gặp cha Deydier, các thầy tỏ ra tế lạnh và xa cách. Thấy cha vào xứ Bắc cách lén lút, không đem theo “đồ lễ” để vào yết kiến nhà Chúa, như thói quen các cha dòng, các thầy khuyên cha nên trở về Xiêm đem theo lễ vật gì quý báu dâng cho nhà Chúa và nhờ đó được công khai truyền đạo. Có lẽ các thầy sợ có hậu quả không hay sau này, khi trong phủ Chúa hay biết có đạo trưởng Tây phương lén lút sống trong xứ và nếu không may mà cha Deydier bị bắt.

Trước thái độ tế lạnh và ngần ngại của bốn thầy giảng cao niên,

cha Deydier không nản lòng. Biết rằng các thầy bị ảnh hưởng của người lái buôn Nhật, Phaolô Vada, cha không ngần ngại vạch cho các thầy nhận chân giá trị của đời sống Công giáo của ông ta. Theo cha, ông ta là một người giáo dân bất xứng vì đã tìm cách đưa con cái ông ta vào làm cung nữ cho ông hoàng kế vị nhà chúa. Cha tuyên bố sẽ không cho lãnh nhận các bí tích nếu không chịu sửa lại gương xấu đó. Hơn nữa, người ta còn đồn rằng, ông ta đã cho dựng một ngôi đền tại làng, mà nhà Chúa đã đặt ông ta làm thần hoàng sau khi chết.

Còn về vấn đề các thầy không muốn cha sống lén lút để truyền giáo, cha Phanxicô Deydier đã đưa ra gương hy sinh và cách sống của “tất cả các Đức Thánh Cha và các Giám mục, linh mục trong ba thế kỷ đầu khi mới lập Giáo hội”. Bị các đế vương Rôma bách hại, các Ngài đã sống lẫn tránh trong các hầm mộ hay trong các tư gia để có thể tiếp tục truyền giáo cho lương dân và trông coi xứ đạo.

Cuối cùng, về quyền coi sóc địa phận của Đức Cha Phanxicô Pallu, các thầy ngần ngại không muốn nhận, sợ sau này các cha dòng trở lại sẽ quở trách các thầy. Cha chính Deydier cho biết: Đức Cha là người đại diện của Tòa Thánh sai đến, vì thế tất cả các thừa sai thuộc bất cứ dòng nào thuộc quyền Tòa Thánh thì cũng phải vâng phục quyền của người mà Tòa Thánh sai đến coi sóc. Sau đó, cha Deydier cho đọc bản dịch giấy ủy quyền của Đức Cha Lambertô de la Motte, thay mặt Đức Cha Phanxicô Pallu, đặt cha Phanxicô Deydier làm cha chính địa phận Đàng Ngoài để coi sóc giáo dân thay cho ngài. Cha cũng trao cho các thầy bức thư của Đức Cha Lambertô de la Motte viết cho các thầy, khuyên các thầy đón nhận cha Deydier và tuân phục quyền Bề Trên của cha.

Nhờ ảnh hưởng của thầy Bênêdictô Hiền đã sáng suốt nhận ra sự thay đổi tình trạng của Giáo hội Việt Nam trong việc Tòa Thánh sai các Giám mục đến trông coi hai địa phận Đàng Trong và Đàng Ngoài,¹³² bốn thầy giảng cao niên đã tỏ dấu vâng phục cha chính Deydier, bằng cách xin xưng tội với ngài và xin ngài cho rước lễ. Cha Deydier coi đó là cử chỉ nhận quyền của các thầy. Sau đó cha Deydier cho các thầy trở về địa hạt của mình và phát cho mỗi thầy một bản điều tra có nhiều câu hỏi để các thầy cứ theo đó mà trả lời

cho cha, về tình trạng địa hạt của mỗi thầy. Cha hẹn các thầy một buổi họp lần thứ hai, sau một tháng vào khoảng ngày 11, 12 tháng 9.

Đối với các thầy giảng cao niên, cha chính tuy gặp khó khăn lúc đầu, nhưng sau cũng đã thành công trong việc chịu nhận quyền của các thầy. Còn đối với các thầy giảng trẻ, cha đã thành công dễ dàng. Mấy hôm sau các thầy mang thuyền đến gặp cha. Cha viết: “Sau khi tôi chuyện vãn với các thầy một lúc thì các thầy phục xuống lạy tôi và xin nhận tôi làm cha của các thầy, các thầy sẵn sàng tuân phục các điều chỉ bảo của tôi”.¹³³ Cha Deydier cho các thầy trở về thuyền. Đang khi chờ đợi ngày hội chung với các thầy giảng cao niên như đã định vào tháng sau, cha bảo các thầy bán dần các hàng hóa các thầy đã buôn về. Còn về công việc buôn bán kiếm ăn nuôi sống cũng như chiếc thuyền của các thầy, vấn đề sẽ được định đoạt trong cuộc hội họp lần sau.¹³⁴

II. Cha Chính Phanxicô Deydier Với Tổ Chức Thầy Giảng và Việc Thành Lập Hàng Giáo Sĩ Bản Quốc (1666-1668)

Ngày 11-10-1666, các thầy giảng các nơi kéo nhau về Kẻ Chợ để dự cuộc hội chung. Lần này thì có mặt đầy đủ tất cả tám thầy giảng cao niên và các thầy giảng trẻ. Qua các câu hỏi trong bản điều tra về tình trạng các địa hạt, mà các thầy trả lại cho cha, cha Deydier nhận thấy: trong mấy năm vắng mặt các thừa sai dòng Tên, các thầy đã rửa tội thêm được 5.500 người. Số nhà thờ còn lại sau các cuộc bách hại là 70, ngoài ra còn chừng 200 nhà nguyện đặt ở các tư gia. Như thế, con số giáo dân theo các thầy ước lượng thì từ 30.000 đã lên tới 35.000.

Về tình trạng giáo dân, theo các thầy, thì trong thời kỳ cấm bách vừa qua vì không có các thừa sai ở bên họ để nâng đỡ thúc giục, nên nhiều người đã hèn yếu chối đạo. Lý do, một phần cũng vì lối cấm đạo hững hờ của các quan. Các ông nhiều khi, không đòi giáo dân bị bắt đưa đến trước mặt các ông, phải đập tượng Thánh Giá hay đến chùa cúng Phật. Các ông chỉ cần một vài câu chối đạo một cách bâng quơ hai nghĩa, có thể là chối và cũng có thể là không chối. Vì thế nhiều người đã nghe theo để được tha về tiếp tục giữ đạo. Ngoài ra, ở những họ nhánh xa xôi, không được trông coi săn sóc đầy đủ, nhiều giáo dân đã xao lãng việc đạo. Có người sống đạo lơ đãng, rồi vào tệ tục đa thê của xã hội Việt Nam thời đó. Những tình trạng đáng buồn đó, theo các thầy, phải mất nhiều năm mới chỉnh đốn lại được.

Còn phần chung, tuy giáo dân tiếp tục giữ đạo tử tế, nhưng chưa được giáo huấn đầy đủ. Theo cha Deydier điều tra nơi các thầy, thì nhiều người mới được học đạo ít ngày đã được các cha dòng nhận cho rửa tội. Đây là chưa nói đến những tập tục ma chay, cưới hỏi. Những bữa ăn chè chén say sưa. Những trường hợp cưới gả quá sớm, hoặc bị mẹ cha ép gả. Tất cả những vấn đề đó, cha Deydier nhận thấy, cần phải để ý sửa đổi.

Để đi đến kết quả, cha Deydier nhận thấy, chỉ còn trông nhờ vào

sự cộng tác của các thầy giảng. Vì thế, lợi dụng ít ngày được gặp gỡ các thầy trong buổi họp chung, cha cố gắng huấn luyện cho các thầy về phương diện đời sống thiêng liêng, để các thầy thêm hăng hái hoạt động. Đồng thời, tổ chức những buổi học hỏi về đường lối và phương tiện cần thiết để chỉnh đốn lại tổ chức của chính các thầy. Nhờ đó, có thể thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc, và chỉnh đốn lại tình trạng sa sút của giáo dân.

1. Cuộc hội họp của cha chính Phanxicô Deydier với các thầy giảng Dòng Ngoài trong khoang thuyền của các thầy

Buổi họp chung được ấn định, từ ngày 12 tháng 10 đến ngày 15, nó có tính cách một cuộc cấm phòng và đồng thời cũng là một cuộc thảo luận. Để huấn luyện cho các thầy về đời sống thiêng liêng và tu đức, mỗi buổi sáng, trong bốn ngày liền, cha tổ chức cho các thầy một giờ nguyện ngắm. Giữa các thầy và các nhân viên Nhà Đức Chúa Trời, các chú và các bố, cha nhấn mạnh đến tình yêu tha thứ và tinh thần nghèo khó trong việc để của chung. Cha cũng không quên nhắc nhở các thầy về đòi hỏi sự thánh thiện hoàn hảo trong địa vị của các thầy. Muốn đi đến sự hoàn thiện, các thầy phải chăm dùng các phương tiện tu đức, ảnh hưởng tinh thần đạo đức nghiêm ngặt của Đức Cha Lambertô de la Motte và cũng là của Giáo hội Pháp thời Trung cổ, cha muốn các thầy tập lo ăn chay mình, đền tội, chăm chú đến việc đọc kinh nguyện ngắm và xét mình. Nhờ cha Deydier và các thừa sai Hội Truyền Giáo Paris, tiếp tục công việc của cha, rất nhiều thói quen tốt được cổ võ và củng cố, lưu truyền mãi về sau, như nguyện ngắm ban sáng nửa giờ, viếng Mình Thánh và xét mình ban trưa hoặc lúc chiều tà, những buổi kinh sớm, chiều và nhiều công việc hãm mình đền tội.

Ngoài những giờ nguyện ngắm nghe giảng để tu chỉnh đời sống đạo đức, là những giờ thảo luận để tu chỉnh lại tổ chức của các thầy cho hợp với đòi hỏi mới: việc thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc, và sau đó, là tu chỉnh lại tình trạng giáo dân đã sa sút trong những năm qua. Ngày 12 tháng 10, sau cơm trưa, trong cuộc thảo luận đầu tiên về tổ chức của các thầy, cha đi thẳng vào vấn đề chính yếu là thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc. Tất cả đều đồng ý và kết luận là trong số

các thầy giảng trẻ, tức là các “văn”, cha Deydier sẽ chọn một số thầy đã thông thạo việc dạy bốn và kinh hát; cha sẽ cho đi theo các thầy giảng cao niên về khu vực của các thầy, giúp đỡ các thầy trong việc coi sóc các họ đạo trong vùng. Còn lại một số các thầy trẻ hơn có trí khôn thông minh và cũng đã sống lâu năm trong Nhà Đức Chúa Trời, cha Deydier sẽ giữ lại để cho học La ngữ, sau này tuyển chọn lên chức linh mục. Các thầy giảng cao niên cũng hứa, khi trở về khu vực của các thầy, sẽ tìm gửi thêm những thầy giảng trẻ còn ở lại trong khu vực. Nhiều thầy xét ra cũng có những điều kiện đòi hỏi về đạo đức và trí khôn như cha Deydier mong muốn. Cha sẽ thành lập một chủng viện huấn luyện các thầy này trở thành những linh mục tương lai.

Cũng theo đề nghị của các thầy, thì chiếc thuyền của các thầy rất thích hợp làm nơi để cha và các thầy đã được tuyển chọn sống chung với nhau, và hằng ngày được cha dạy dỗ. Con thuyền có thể xê dịch dễ dàng nay đây mai đó, lẫn tránh trong những làn cây vắng vẻ bên sông, không bị các chức việc và các quan địa phương dòm ngó, xem xét. Công việc chèo thuyền sẽ trao cho các “bổ”. Cha Deydier cũng có thể dùng chiếc thuyền này để đi thăm các họ đạo, phần lớn gặp ở hai bên sông. Vì thế, các thầy đồng ý kết luận là “giữ chiếc thuyền lại không bán đi”.¹³⁵

Vấn đề “chủng viện nổi” đã được ấn định. Ngày hôm sau, 13 tháng 10, các thầy thảo luận về vấn đề nội bộ. Theo tục lệ thời các cha dòng Tên, các thầy giảng cao niên sẽ dọn mình nhắc lại lời khấn và sẽ làm sổ của cải trong nhà Đức Chúa Trời, mỗi người theo địa hạt của mình. Cũng như cha dòng Tên, cha Deydier và sau này các thừa sai Pháp tiếp tục công việc của cha, đều nhấn mạnh đến vấn đề để của cải chung trong tổ chức nhà Đức Chúa Trời. Tất cả mọi của cải mà người ta đến dâng cúng cho các thầy, đều phải để làm của chung.

Một số các thầy đề nghị là các của dâng cúng đó sẽ thu về, để Bề Trên địa phận giữ làm của chung tất cả. Nhưng cha Deydier và phần đông chủ trương mỗi địa hạt sẽ lo liệu để có thể tự túc về kinh tế. Vì thế, những của dâng cúng thuộc địa hạt nào thì sẽ dùng làm của chung của địa hạt đó. Chẳng hạn, một người trước khi chết trời lại cho nhà Đức Chúa Trời một số ruộng đất để xin làm lễ cầu nguyện

cho linh hồn mình, thì người nhà Đức Chúa Trời ở đây phải lo công việc xin lễ như ý người quá cố. Còn hoa lợi ruộng đất dâng cúng thì để nuôi người nhà Đức Chúa Trời ở đây.

Còn thay vì cha quản lý của khu truyền giáo, dưới thời các thừa sai dòng Tên, thì mỗi nơi sẽ đặt riêng một người, mà cha Deydier gọi là “người thủ quỹ của các người nghèo”. Đó là nguồn gốc chức “Thầy cai” trong các xứ thuộc tổ chức nhà Đức Chúa Trời, mà có nơi cũng gọi là “Thầy giữ việc”. Vì thầy không những giữ tiền nong và sổ chi tiêu trong nhà, còn trông coi xếp đặt các công việc cho người nhà, chẳng hạn bếp núc cơm ăn, làm vườn, xây sửa, dọn dẹp, v.v...

Ở xứ Kẻ Chợ thì cha Deydier đặt ông Raphaen và ông Caio làm thầy cai giữ của nhà chung địa phận và đồng thời giữ của nhà xứ Kẻ Chợ. Ngay từ hôm ấy, tất cả của cải của cha Deydier cũng như của các thầy giảng trẻ ở lại với cha, đều trao cho hai ông coi giữ.

Cha viết: “Từ giờ phút đó, chúng tôi trở nên giống những giáo dân thời kỳ đầu. Tất cả có gì đều để vào làm của chung, không ai giữ lại chút gì làm của riêng”.

Sau khi thảo luận về việc tu chỉnh lại tình trạng giáo dân đã sa sút trong những năm qua, bước sang ngày cuối cùng là ngày 15 tháng 10, cha dạy cho các thầy những điều cần thiết để thi hành chức vụ của các thầy. Cha đã viết một cuốn sách chia làm 15 chương bằng tiếng Bồ Đào Nha. Cha hy vọng có thể dịch sớm ngay cho các thầy dùng. Trong cuốn đó, như cha Deydier trình bày, có chương nói về địa vị cao cả và quan trọng của các thầy với những lời khuyên bảo thúc giục các thầy cố gắng làm trọn những nhiệm vụ đã trao cho các thầy. Tiếp theo là các chương khác, gồm những điều chỉ dẫn thực hành cho các thầy biết làm những công việc đã ủy thác cho các thầy. Trong bản nhật ký của cha Deydier, cha không nói rõ những công việc ấy là gì, nhưng chúng ta có thể biết chắc đó là những công việc của các thầy giảng quen làm, như rửa tội cho trẻ em nhà có đạo, rửa tội cho người bên lương lúc hấp hối muốn xin trở lại, việc coi sóc xứ đạo, làm sổ nhân danh, sổ rửa tội, sổ hôn phối, v.v...

Cuối cùng trước khi chia tay mỗi người về địa hạt của mình, theo đề nghị của cha Phanxicô Deydier, các thầy viết một bức thư lên Đức Cha Lambertô de la Motte. Chúng tôi tạm dịch những đoạn ghi lại ý nghĩa chính theo bản Pháp văn: “Trình lạy Đức Cha, tất cả chúng

con là những thầy giảng xứ Đông Kinh, chúng con hết lòng khiêm nhượng sắp mình đội ơn một Đức Chúa Trời Ba Ngôi đã đoái thương sai cha rất đáng kính A-lê-sơn Đắc Lộ và các cha dòng Tên đến giảng đạo cho dân nước chúng con. Chúng con đã lãnh nhận được các ơn lành kể chẳng xiết. Nhưng vua Chúa xứ này đã bắt các cha phải bỏ dân nước chúng con. Công việc Chúa phép tắc vô cùng đã xếp đặt như thế, chúng con chỉ biết cúi đầu vâng theo. Chúng con là những đứa con không có cha, những học trò không có thầy, khác nào như gà con không có mẹ để ấp ủ dưới cánh... Chúng con hằng ngày mất công chờ đợi một cha ở Áo Môn trở lại trong xứ nước chúng con, mà chúng con không biết rằng khi ấy, Đức Thánh Phapha A-lê-sơn VII đã sai một Đức Thầy đến với chúng con. Tuy chúng con chưa được thấy mặt người, chúng con cũng rất lấy làm yên ủi được có cha Phanxicô thay người đến với chúng con. Tất cả chúng con đều coi cha như trang sách hằng mở ra trước mặt, chỉ bảo cho chúng con về đường nhân đức. Suốt ngày cha đã lao công khổ tứ vì chúng con... Chúng con ngày nay thực rất lấy làm sung sướng như những đứa con đã tìm thấy mẹ, những học trò đã tìm thấy thầy. Nói dứt một lời, chúng con khác nào như mảnh đất khô cằn được sung sướng đón nhận hạt mưa mát mẻ từ trời ban xuống...”

Bức thư này do thầy giảng niên trưởng Mattinô Mát viết. Kèm theo đó là bức thư của ông Raphaen Rhodes, đại diện cho giáo dân Đàng Ngoài, tỏ bày sự công nhận quyền đại diện Tòa Thánh của Đức Cha. Cha chính Deydier sung sướng gửi hai thư đó về cho Đức Cha Lambertô de la Motte, báo tin sự thành công của ngài trong việc chịu nhận quyền của các thầy giảng và giáo dân xứ Bắc.

2. Chủng viện đầu tiên và hai linh mục tiên khởi của địa phận Đàng Ngoài

Trung thành với sứ mệnh Tòa Thánh giao phó cho các Giám mục đại diện đến khu truyền giáo ở Việt Nam, cha Deydier cấp tốc bắt tay vào việc thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc. Chủng viện đầu tiên của Giáo hội Việt Nam được tổ chức trong khoang thuyền của các thầy giảng. Với con thuyền lênh đênh nay đây mai đó, cha và các thầy có thể lẫn tránh dễ dàng sự dòm ngó, để ý của các chức việc địa

phương, đồng thời cha có thể đi thăm các họ đạo mà vẫn có thể huấn luyện cho các thầy. Con số chủng sinh của chủng viện đầu tiên này, lúc đầu cha Deydier muốn cố gắng tìm cho đủ 12 để kính nhớ 12 Tông đồ, những chủng sinh của Chúa. Nhưng con số đã lên tới 15, vượt hơn sự trông đợi của cha. Các thầy này một số do cha tuyển chọn trong số các thầy giảng trẻ hoạt động ở vùng Kẻ Chợ, khi cha tới. Còn một số, do các thầy giảng cao niên chọn ở các địa hạt của các thầy và gửi đến cho cha. Tuy gọi là các thầy giảng trẻ, nhưng thường cũng đã trên bốn năm chục tuổi. Trong số các thầy này cha để ý riêng hai thầy Bênêđictô Hiền và Gioan Huệ. Hai thầy này trước đây trông coi xứ Kẻ Chợ và cha vẫn để hai thầy tiếp tục công việc đó. Nhưng đồng thời cha lo huấn luyện riêng hai thầy, để có thể được truyền chức sớm, làm việc giúp cha.

Chủng viện được tổ chức theo khuôn phép Nhà Đức Chúa Trời, mà các thầy đã quen sống trước đây, trong các địa hạt, với các thầy giảng cao niên. Cha Deydier nhấn mạnh đến đời sống cộng đồng. Cha viết: “Từ ngày ấy, chúng tôi bắt đầu một đời sống cộng đồng và chính cũng là đời sống của các Thánh Tông Đồ xưa. Chúng tôi ăn cùng bàn với nhau. Thay phiên nhau đọc sách và giúp bàn. Tôi cũng như thầy giảng trẻ nhất, không ai được miễn trừ cả. Lúc đầu các thầy không bằng lòng cho tôi làm như các thầy. Nhưng khi tôi nêu gương Chúa đã khiêm nhường đến nỗi hạ mình rửa chân cho cả Giuđa là đầy tớ phản bội đáng khinh bỉ, thì các thầy không biết đáp lại làm sao, đành để tôi làm việc như các thầy. Nhưng chỉ là chịu cách miễn cưỡng, vì không bao giờ có chuyện như thế xảy ra trong đời sống người xứ Đông Kinh. Ở xứ này, người vợ trong gia đình cũng thường ăn sau người chồng. Tất cả các việc khác, chúng tôi cũng làm chung với nhau cả.”¹³⁶

Ngoài việc huấn luyện đời sống đạo đức và tu trì, cha cũng chú tâm vào việc dạy chữ nghĩa cho các thầy. Làm thế nào cho chúng biết đọc, biết viết và hiểu La ngữ. Từ trước các thầy chỉ biết Hán tự và chữ Nôm, bây giờ học La ngữ, các thầy phải bắt đầu từ cách đọc vần a, b, c. Giúp đỡ cha trong việc này có một giáo dân tên là Bênêđictô de Cruz, trước đây là thầy giúp việc các cha dòng Tên ở Áo Môn, nên biết đọc và biết viết vần La ngữ. Còn những thầy mà

cha muốn dạy gấp để cho chịu chức linh mục sớm, thì cha Deydier dạy học thuộc lòng bản lễ bằng La ngữ và tập cho các thầy quen giải những vấn đề lương tâm. Hai thầy Bê-nê-đi-cô Hiên và Gioan Huệ vừa học vừa tiếp tục coi xứ Kẻ Chợ với cha Deydier.

Theo tục lệ các cha dòng Tên, mỗi năm vào dịp lễ thánh Phanxicô đầu tháng 12 dương lịch, các cha thường hội họp các thầy giảng, tổ chức lễ khấn và nộp sổ cuối năm cũng như thảo luận các vấn đề. Vào cuối năm 1666, cha Deydier cũng tổ chức cuộc hội họp các thầy theo tục lệ từ trước, tuy các thầy mới hội họp cách đây hai tháng vào đầu tháng 10. Cuộc hội họp lần này, mục đích không phải chỉ để kính nhớ vị thánh miền Đông Á mà còn để cắt đặt lại địa hạt hoạt động của các thầy. Cha viết: “Nhận thấy đôi khi nên đổi các thầy ở tỉnh này đi tỉnh khác, nhờ đó các thầy không để lòng dính bén vào một nơi. Đàng khác, có nơi thì ít người mà công việc lại nhiều quá, còn có nơi thì nhiều người mà công việc lại không có bao nhiêu”. Vì thế, lần hội này cha Deydier đổi chỗ của các thầy và cha rất thán phục đức vâng lời của các thầy. Không một lời kêu ca hay khiếu nại.

Về việc làm sổ của chung và của riêng, cha cũng không khỏi thán khen đức khó nghèo của các thầy. Các thầy khai tỉ mỉ, tất cả các đồ dùng, từ cuốn sách đến mẫu ảnh treo, có gì các thầy cũng kê khai tất cả.¹³⁷ Trước khi ra đi, cha cũng cho mỗi thầy một cuốn sách nguyện ngắm và khuyên các thầy chăm lo việc nguyện ngắm cũng như luyện tập cho các người nhà biết nguyện ngắm nữa.¹³⁸

Hai thầy Bê-nê-đi-cô Hiên và Gioan Huệ vừa học vừa tiếp tục coi xứ Kẻ Chợ với cha Deydier. Sang đầu năm 1667, lợi dụng thời kỳ dễ dãi, cha đi thăm các xứ họ vùng Nam Định. Nhưng sau đó, gặp lúc Trịnh Tạc đem quân lên đánh dẹp nhà Mạc ở Cao Bằng, công việc canh phòng trở nên gấp gáp, cha lại phải trở về Kẻ Chợ, tiếp tục huấn luyện các thầy giảng.

Ngày 24-02-1668, nhận thấy hai thầy Bê-nê-đi-cô Hiên và Gioan Huệ, sau hơn một năm trời học hỏi đã tạm đủ để có thể lãnh nhận chức linh mục, cha chính Deydier gửi hai thầy qua kinh đô Thái Lan để Đức Cha Lambertô de la Motte truyền chức. Bỏ Kẻ Chợ ngày 24-02 để ra cửa sông Cái, ngày 01-03, các thầy xuống một chiếc tàu buôn ở ngoài khơi. Chính ra chiếc tàu buôn này kéo buồm đi thẳng

xuống Batavia, rồi ở đây các thầy chờ năm sau có chuyến đi Thái Lan. Nhưng vì giữa đường bị hư hỏng sao đó, tàu này bó buộc phải tạt qua Thái Lan. Nhờ thế vào tháng tư năm ấy, các thầy đã được gặp Đức Cha Lambertô de la Motte ở Yuthia.¹³⁹

Thời gian ở trường chung Yuthia, hai thầy đã tỏ ra rất gương mẫu. Đức Cha Lambertô hết lời khen ngợi các thầy, Đức Cha viết: “Các thầy tỏ ra những dấu hiệu đặc biệt về nhân đức khiêm nhường, đời sống đơn giản, lòng ái mộ khó nghèo, chăm lo nguyện ngắm, ưa thích hãm mình và nhất là sự hoạt bát khéo ăn khéo nói trong việc giảng giải bằng tiếng của các thầy. Các thầy đã làm mọi người ngỡ ngàng, thán phục và coi như những môn đệ thời kỳ tiên khởi của Giáo hội, đầy tràn ơn Chúa và có đủ mọi nhân đức.”¹⁴⁰

Vì thế, sau khi tới kinh đô Thái Lan được hai tháng, Đức Cha Lambertô de la Motte không ngần ngại truyền các chức nhỏ và ban chức linh mục cho các thầy. Hai cha được thụ phong vào đầu tháng 6. Có lễ dịp lễ Bốn Mùa, thời kỳ Lễ Hiện Xuống, ngày thứ bảy, trước lễ Đức Chúa Trời Ba Ngôi, ngày 08-06-1668. Lúc thụ phong, cha Bênêdictô Hiền đã 54 tuổi và cha Gioan Huệ 47 tuổi. Sau khi thụ phong, “các cha muốn ở lại chủng viện một năm nữa để chăm lo việc nguyện ngắm và học hỏi đầy đủ cách làm các phép Bí tích và thi hành các chức vụ Giáo sĩ” nhưng Đức Cha Lambertô cho rằng địa phận Đàng Ngoài cần sự có mặt của các cha. Vì thế, ngày 19-06 năm ấy, có chuyến tàu đến xứ Bắc, hai cha Bênêdictô Hiền và Gioan Huệ đã từ giã Kinh đô Thái Lan để trở về quê hương xứ sở, nơi các giáo dân địa phận Đàng Ngoài đang chờ đợi các cha.

Vào đầu tháng 9 năm ấy, tàu buôn tới cửa Sông Cái, thời kỳ này việc khám xét tàu buôn trở nên nghiêm ngặt. Hai cha đem theo nhiều sách vở ảnh tượng và đồ vật quý cho cha Deydier. Những đồ vật quý giá này mục đích để cha Deydier ra mắt nhà Chúa và các quan có thể giá trong phủ Chúa. Nhưng vì sợ bị khám phá ra là đạo trưởng, các cha phải vất xuống biển hơn ba chục cuốn sách, rất nhiều ảnh tượng, và các đồ vật. Chỉ giữ lại được một chiếc đồng hồ vàng, hai chén Thánh của hai cha và hai sách các phép. Vào cuối tháng thì hai cha được gặp cha Deydier ở phố Hiến.

Biết bao vui mừng cho giáo đoàn xứ Bắc, được đón nhận hai linh

mục tiên khởi của mình. Hai cha Bênêđictô Hiền và Gioan Huệ còn tiếp tục sống với cha Deydier một thời gian, để học hỏi thi hành chức vụ linh mục của mình. Cha Deydier dịch cách thực hành các nghi thức lễ trong sách lễ và sách các phép ra chữ Nôm cho hai cha dùng. Đồng thời hai cha đi thăm các giáo dân vùng chung quanh, làm các phép Bí tích cho họ, nhất là những nơi mà cha Deydier vì tính cách ngoại quốc không thể tới được.

Như đã định trước, là ngày lễ Ba Vua, tức lễ Hiển Linh, mùng 06 tháng Giêng năm 1669, cha Gioan Huệ dâng lễ mở tay. Nhưng vì có đám tang bà Pia, vợ ông Raphaen Rhodes, đưa xác về quê ở Thanh Hóa để chôn cất, đành khác vì dân chúng vùng Thanh Hóa, lâu ngày không có linh mục tới thăm viếng, nên cha Deydier sai cha Gioan Huệ đi đưa xác và nhân thể “làm phúc” cho họ. Lễ mở tay lại phải giãn về sau. Còn cha Bênêđictô Hiền vì nhiều tuổi hơn cha Gioan Huệ, vẫn đề học hỏi bản kinh lễ và nghi thức các phép Bí tích chưa được lâu chuốt, nên ở lại hoạt động ở vùng Kẻ Chợ để tiếp tục học hỏi với cha Deydier.

Giáo dân vùng Thanh Hóa đã từ lâu năm không có linh mục đến thăm viếng, vì thế công việc của cha Gioan Huệ rất bận bịu. Trong ba tháng trời, cha đã giải tội cho hơn ba ngàn người, có người đã bỏ lâu 20 đến 25 năm. Cha cũng rửa tội một ngàn rưởi tân tòng. Sau đó cha lên vùng Nam Định và cũng ở đó hai tháng nữa, rồi mới về vùng Kẻ Chợ.

Ngày 20-06-1669, là ngày lễ Minh Thánh, cha Gioan Huệ được sung sướng dâng lễ mở tay. Thánh lễ đầu tiên của vị linh mục tiên khởi dâng lên trên vùng đất quê hương xứ Bắc của ngài, đã phải cử hành một cách hết sức âm thầm, trước lúc rạng đông, vào hai giờ sáng, tại nhà ông Raphaen Rhodes. Lúc ấy gặp phải thời kỳ đầu của cuộc bách hại mới. Trước đây một tuần, ngày 14-06, vì có tàu buôn của người Bồ Đào Nha ở Áo Môn tới, mang theo ba cha dòng Tên, nên Chúa Trịnh Tạc lại ra sắc chỉ cấm đạo. Nhà ông Raphaen Rhodes cũng bị khám xét, nhưng vì đã đề phòng chôn giấu trước, nên không bắt được gì cả.

Thánh lễ của vị linh mục tiên khởi miền Bắc đã bắt đầu và sẽ được tiếp tục hiến dâng do các linh mục khác tiến lên sau. Cả hai miền Bắc cũng như Nam, hàng Giáo sĩ bản quốc đã được thành lập, để bắt

đầu những trang sử đầy hy sinh anh hùng và đẫm máu, làm vẻ vang cho Giáo hội Việt Nam trong vùng Đông Á. Việc truyền chức cho hai linh mục tiên khởi miền Bắc cũng như ở miền Nam đã đánh dấu một bước tiến quan trọng của tổ chức thầy giảng trong việc thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc.

Nhận thấy nhờ hoạt động của hai linh mục tiên khởi, công cuộc truyền giáo đã thu lượm được nhiều kết quả lớn lao, cha Deydier càng chú tâm vào việc huấn luyện những thầy giảng đã được tuyển chọn lên chức linh mục mai ngày. Nhưng cha cũng không quên số phận các thầy giảng khác đang hoạt động trong khu vực truyền giáo. Trong thư viết cho Đức Cha Pallu ngày 01-11-1667, cha mong muốn có một Đức Giám mục đến xứ Đông Kinh để truyền chức đọc sách cho các thầy giảng, như thế “các thầy sẽ được quyền mặc áo chùng thâm, mặc áo dòng trắng và đội mũ lễ khi giảng cho giáo dân. Nhờ đó, các thầy có thể giá hơn và được dân chúng nghe hơn, đồng thời liên kết với các thừa sai triều của chúng ta hơn, vì từ đấy các thầy sẽ hoàn toàn thuộc quyền của hàng giáo phẩm”.¹⁴¹

Nhưng cha đã không chờ đợi đến khi các thầy được truyền chức đọc sách. Ngày 06 tháng Giêng năm 1669, dịp lễ Ba Vua, nhân dịp hội họp các thầy giảng để khẩn hứa lại, và nộp sổ năm trước, cha chính Deydier đã thực hiện ý định trên. Đây cũng là lần đầu tiên, cha đổi dịp hội các thầy giảng vào dịp lễ Ba Vua, ngày 06 tháng Giêng, thay vì 03-12, lễ thánh Phanxicô Xaviê như tục lệ các cha dòng Tên từ trước. Cha viết: “Tôi cũng ấn định áo mặc của các thầy khi ở nhà cũng như khi đi ra ngoài... mà bởi vì các thầy phải giảng cho giáo dân các ngày Chúa nhật, phải rửa tội thường xuyên và nhiều khi phải thay thế tôi trong nhiều trường hợp, đến chủ sự các cuộc kết hôn của người Công giáo, nhiệm vụ thường dành riêng cho các linh mục. Đang khi chờ đợi có một Giám mục của chúng tôi đến truyền chức cho các thầy, những chức mà nhiệm vụ đã được các thầy thực hành từ lâu năm. Hơn nữa, để các thầy thi hành cách xứng đáng hơn, tôi đã cho mỗi thầy một chiếc áo chùng thâm, một áo dòng trắng và một mũ lễ vuông, để các thầy mặc khi thi hành những nhiệm vụ ấy. Các thầy rất lấy làm hài lòng vì điều ấy.”¹⁴²

Như thế trong hai năm trời, tuy gặp những hoàn cảnh khó khăn

của cuộc bách hại vẫn luôn tiếp tục ở địa phận Đàng Ngoài, cha chính Deydier đã thu lượm được những kết quả quan trọng trong việc chịu nhận quyền các Giám mục đại diện Tòa Thánh của các thầy giảng và giáo dân. Cha đã đem đến cho tổ chức thầy giảng những sinh lực mới trong hoạt động truyền giáo. Cha đã tổ chức lại cho hoàn bị hơn, huấn luyện sâu xa hơn về đời sống đạo đức, nhấn mạnh về việc đọc kinh nguyện gẫm và hy sinh hãm mình. Nhưng nhất là những cố gắng của cha để đưa các thầy tiến dần đến chức linh mục mà hai cha Bênêđictô Hiền và Gioan Huệ là những kết quả đầy hứa hẹn và yên ủi.



Chương VII

Hoạt Động Truyền Giáo Của Cha Chính Phanxicô Deydier Ở Địa Phận Đàng Ngoài (1666-1669)

I. Hoạt Động Truyền Giáo Của Cha Chính Phanxicô Deydier Với Sự Cộng Tác Của Các Thầy Giảng và Hai Linh Mục Tiên Khởi Địa Phận Đàng Ngoài (1666-1669)

Tùng với công việc chỉnh đốn lại tổ chức của các thầy giảng cho hoàn bị hơn và lo thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc, cha chính Phanxicô Deydier cũng không quên chỉnh đốn lại đời sống giáo dân, khừ trừ những tục lệ và sửa chữa những thiếu sót của những người đi trước.

Theo nhận định của các thầy giảng, trong buổi hội họp vào tháng 10-1666, thì trong thời kỳ cấm cách, trước khi cha Deydier tới nhận địa phận Đàng Ngoài, có nhiều người hèn yếu chối đạo, vì họ chưa có một đời sống đạo đức vững vàng chắc chắn, chưa được huấn luyện đầy đủ về đạo lý. Còn ở những họ đạo xa xôi, không có các thầy giảng săn sóc, nhiều người sống đạo lơ đãng, nhiều trường hợp rắc rối về hôn nhân, ảnh hưởng của tục lệ đa thê thời ấy. Ngoài ra, những tục lệ ma chay, cưới hỏi với những bữa ăn chè chén say sưa, những trường hợp cưới hỏi quá sớm, hoặc bị cha mẹ ép gả. Đó là tất cả những vấn đề mà cha Phanxicô Deydier cũng như các thầy giảng phải lo chỉnh đốn, sửa chữa, đồng thời với công việc truyền giáo, mở rộng nước Chúa cho những người lương dân.

Cha Phanxicô Deydier và các thầy giảng đã hoạt động những gì và đã thu lượm được những kết quả thế nào?

I. Hoạt động truyền giáo của cha chính Deydier và các thầy giảng thời kỳ Trịnh Tạc đánh nhà Mạc ở Cao Bằng (1666-1668)

Lẩn tránh trong nhà ông Raphaen Rhodes, tàng hình dưới bộ áo người lái buôn, cha Phanxicô Deydier từ khi được các thầy giảng cho biết tình hình các xứ đạo, vẫn mong muốn được có dịp đi thăm giáo dân các nơi. Trước hết, để cho họ được chịu các bí tích, mà sau nhiều năm trời thiếu linh mục thừa sai, họ đang hết sức khát khao được lĩnh nhận. Đồng thời để đưa những người bỏ đạo trở về với đoàn chiên Chúa và sửa chữa những tệ lạm trong đoàn chiên.

Nhưng tình thế lúc đó không cho phép cha đi lại dễ dàng vì theo như cha viết, Chúa Trịnh đang sửa soạn đem quân lên đánh nhà Mạc ở Cao Bằng. Có lẽ là đang thời kỳ chuyển quân từ các tỉnh về kinh đô. Vì thế, trên con đường đi các tỉnh phủ miền Nam, là người ngoại quốc, cha khó lòng lẩn tránh khỏi sự khám xét giữa đường của các quan quân đưa lính về kinh.

Theo sử Việt Nam thì từ năm 1660, Mạc Kính Vũ (1638-1677), con của Mạc Kính Khoan, trấn giữ Cao Bằng không chịu nộp thuế và đồ cống hiến hàng năm. Hơn nữa, trước khi trả thù nhà Nguyễn, vào năm 1667, Trịnh Tạc đem một đạo quân hùng hậu 150.000 người lên đánh Mạc Kính Vũ.¹⁴³

Tuy không thể đi thăm giáo dân được, nhưng họ vẫn có thể tới gặp cha Phanxicô Deydier ở nhà ông Raphaen Rhodes. Họ đã quen thuộc nhà ông, vì dưới thời các cha Dòng Tên, nhà ông vẫn được dùng làm nhà thờ. Trong những khi gặp cấm cách, họ đến gặp các cha ở nhà ông. Vì thế, họ kéo nhau đến gặp cha Deydier ở nhà ông Raphaen để lĩnh nhận các bí tích, ngày hai chục, ba chục, có ngày bốn chục. Vào tháng 10-1666, cha cũng đến dâng lễ tại nhà bà dì của Chúa Trịnh Tạc, ở Kê Chợ. Cũng như cha Tise Sanier và các cha dòng Tên khác, cha Deydier công nhận bà Gioanna là một người công giáo đạo đức gương mẫu. Theo cha, bà thông thạo lễ đạo hơn cả các thầy giảng. Cha luyện tập cho bà dần dần biết nguyện ngắm, hy vọng bà sẽ tiến mau trên đường trọn lành. Cứ như thế, trong mấy tháng cuối năm 1666, cha chính Deydier hoạt động truyền giáo ở xứ Kê Chợ. Đồng thời cha lo huấn luyện các thầy giảng được tuyển chọn đưa lên chức linh mục mai ngày trên con thuyền chũm viến nổi.

Sang đầu năm 1667, sự đi lại có phần dễ dãi hơn. Việc chuyển quân từ các tỉnh về kinh đô đã xong xuôi, Chúa Trịnh Tạc cho quân nghỉ ngơi ăn tết, chỉnh đốn hàng ngũ để lên đường đi Cao Bằng dẹp nhà Mạc. Lợi dụng thời kỳ dễ dãi, cha Deydier đi thăm các xứ đạo miền Nam, Ninh Bình, Thanh Hóa. Cha rửa tội được 600 người và giải tội cho hơn 2000 người. Suốt đêm ngày không lúc nào nghỉ.

Công việc đang tiến triển thì cha lại phải trở về Kê Chợ. Lúc đó, Chúa Trịnh Tạc kéo quân lên Cao Bằng nên công việc canh phòng ở các nơi lại trở lại nghiêm ngặt. Các quan sợ những cuộc nổi loạn hay

trộm cướp có thể xảy ra, lợi dụng lúc nhà Chúa vắng mặt, cũng như ngăn ngừa không cho quân nhà Mạc bị đánh thua, lẫn tránh về các nơi khác.

Trong hơn một năm trời, nghĩa là đến ngày 29-03-1668, khi Chúa Trịnh Tạc đánh dẹp xong nhà Mạc kéo quân trở về Kẻ Chợ, cha chính Deydier bó buộc phải ở xứ Kẻ Chợ, không được đi đâu xa. Cha lại tiếp tục công cuộc huấn luyện cho các thầy giảng và trông coi xứ Kẻ Chợ với hai thầy Bênêdictô Hiền và Gioan Huệ.

Lúc ấy, ở xứ Kẻ Chợ có hội những người chuyên lo việc chôn cất người chết theo tiếng gọi bấy giờ là “Hội đờn đám ma”. Tập tục của xã hội xứ Bắc lúc ấy, mỗi khi có chuyện ma chay, cưới hỏi, người ta ăn uống tốn phí rất nhiều. Đối với người ngoại quốc như cha Deydier nhìn thấy tập tục đó thì lấy làm khó chịu, nhất là thấy trong đám tang lại có những cuộc ăn uống say sưa thì cha không thể tha thứ được. Cha nhất định sửa lại tập tục đó. Một hôm có đám tang ở họ Kẻ Sét ngoại ô Kẻ Chợ, cha Deydier sai thầy Gioan Huệ đến ngăn cấm không cho những người hội đờn ăn uống chè chén.

Không được như ý, họ đem nhau đi nhà khác để ăn uống và tìm cách làm hại cha và thầy Gioan Huệ. Họ dự định tố cáo cha Deydier là Tây dương đạo trưởng thông đồng với ông Raphaen, người xứ Nam để mưu tính phản loạn làm hại Chúa Trịnh. Đỡ đầu cho họ là một quan trưởng có tên là ông Thiệu, trông coi một số quân lính của con trưởng vị Chúa nổi nghiệp, tên là Đức ông Trà. Nghe tin họ hội họp nhau bàn tính câu chuyện, cha Deydier sai hai thầy Bênêdictô Hiền và Gioan Huệ cùng với bảy tám người đàn anh trong xứ Kẻ Chợ đến can ngăn, kéo làm tai hại cho sự đạo và riêng cho xứ Kẻ Chợ. Công việc được kết quả nhờ tài giằng co khéo léo của hai thầy và nhất là nhờ sự can đảm sẵn sàng hy sinh của thầy Gioan Huệ đã cứu cả giáo đoàn. Thầy nói: nếu chỉ vì thù ghét thầy đã ngăn cản không cho họ ăn uống mà họ làm như thế thì thầy sẵn lòng để cho họ giết thầy, miễn là thôi đừng phá đạo nữa. Lời của thầy làm họ cảm động và bỏ ý định tố cáo cha Deydier.

Tiếp theo lại xảy ra một câu chuyện khác đe dọa làm cản trở hoạt động truyền giáo của cha và các thầy. Tại Chùa Cháp ở Kẻ Chợ, có một tượng Phật to lớn lắm. Không hiểu vì có gì bị cháy ruội ra tro và cả một phần mái chùa cũng bị cháy theo. Các sư hỏi nhau, cho

nguyên nhân là vì những người bốn đạo vẫn không chịu tuân lệnh triều đình, vẫn còn hội họp nhau cầu kinh ở nhà thờ. Tượng Phật bị cháy là do phù phép của những người có đạo. Họ đem câu chuyện trình nhà vua và xin hoàng hậu giúp đỡ. Hoàng hậu là người sùng Phật. Bà ra lệnh điều tra xem những người có đạo có còn tiếp tục hội họp cầu kinh không. Bà cũng cho lệnh bắt giữ những người đeo ảnh tượng bên đạo. Đồng thời bà cho sửa lại ngôi chùa. Còn tượng Phật, theo Bà, vì muốn tự hủy về niết bàn thì thôi không được làm lại nữa.

Nghe tin đó, cha Deydier liền báo cho giáo dân không được đến hội họp tại các nhà thờ vùng Kè Chợ. Lúc ấy, cũng vào Mùa chay, số người đến xưng tội đông lắm. Sợ có thể xảy ra sự không hay, cha Deydier khuyên họ chỉ những ai lâu năm chưa xưng tội mới đến. Đồng thời, cha giải tán các chủng sinh và thầy giảng mỗi người một nơi. Ông Raphaen cũng đưa cất giấu các ảnh tượng trong nhà ông đi nơi khác.

Từ trước, cha Deydier vẫn sống lẩn lút, tàng hình dưới bộ áo lái buôn. Nhưng cha cho rằng như thế một khi bại lộ, sẽ khó lòng bảo vệ được tính mạng. Hơn nữa, nếu không biện minh được những tố cáo của kẻ thù ghét đạo, thì còn liên lụy đến giáo dân nữa. Để tránh những rắc rối như thế, có thể xảy ra, mà hai câu chuyện trên đây là bằng chứng, cha Deydier, theo đề nghị của hai thầy giảng đã đến ra mắt với hai người rất có thế giá trong phủ Chúa và đồng thời cũng có cảm tình với bốn đạo. Đẳng khác lúc này, cha cũng phải công nhận là muốn làm việc cách dễ dàng cần phải được lòng nhà Chúa, và muốn được lòng, chỉ cần một số lễ vật quý giá của Tây Phương mà nhà Chúa muốn có. Vì thế, cha cũng không quên nói với hai người đó rằng, cha đang chờ đợi tàu Pháp đến, đem theo lễ vật để cha vào yết kiến nhà Chúa.

Người thứ nhất là một hoạn quan, mới có 35 tuổi. Tuy còn trẻ, nhưng đã được nhà Chúa trước, tức Trịnh Tráng, tin dùng, ban nhiều chức lớn, rồi đến đời Chúa này, còn được nhận làm con nuôi. Ông bị ốm nặng và đã mất tiền cúng vái mà không khỏi. Sau nhờ lời cầu nguyện của người có đạo, ông được khỏi. Từ đó, ông vẫn có cảm tình và muốn học đạo để theo đạo.

Người thứ hai là Đức Lão Cù, bà cụ đã già 70 tuổi, bà là con gái người mẹ nuôi của nhà Chúa đã quá cố, tức Chúa Trịnh Tráng. Bà cụ

chỉ còn lại mấy người cháu. Gặp lúc có hai cháu mắc bệnh nặng, bà không dám cúng vái như trước nữa, vì lần nào cũng chết. Bà nhờ thầy Gioan Huệ và giáo dân Kẻ Chợ cầu nguyện. Thầy Gioan Huệ đã rửa tội cho hai người cháu và sau đó được khỏi bệnh. Tin theo đạo mới, tuy chưa học đạo và chịu phép rửa, bà cũng ra lệnh phá hết các tượng bụt trong đền của bà và đặt hơn ba chục ảnh Thánh giá thay vào.

Tất cả hai người đều tiếp cha niềm nở và hứa sẽ nói với nhà Chúa giúp họ. Ngày 29-03-1668, Chúa Trịnh Tạc kéo quân về tới kinh đô. Nhà Chúa thắng được quân Nhà Mạc, nhưng Mạc Kính Vũ chạy trốn được qua bên Tàu. Năm 1669, vua nhà Thanh can thiệp cho Mạc Kính Vũ lại được trở về làm vua mấy tỉnh miền Cao Bằng. Trịnh Tạc đành phải nghe.

2. Hoạt động truyền giáo của cha chính Deydier và các thầy giảng cùng hai linh mục tiên khởi Đàng Ngoài từ năm 1668 đến năm 1670

Từ ngày Chúa Trịnh Tạc đưa quân về kinh thì sự canh phòng cũng được nới rộng. Giáo dân nhờ đó được tự do đi lại và hội họp dễ dàng. Lúc ấy lại vào Tuần thánh, giáo dân xưng tội rất đông.

Ngày thứ Bảy Tuần thánh, cha Deydier rửa tội cho hai bà người hoàng gia. Một bà là bà con họ hàng với vua Lê Thánh Tôn và là vợ của một người em Chúa Trịnh Tạc. Cùng với người em gái của bà, trước đây mấy bữa bị quỷ ám, nhờ lời cầu nguyện của người có đạo nên được thoát khỏi. Cả hai bà đã xin học đạo và theo đạo. Cha Deydier đặt tên thánh cho bà chị là Hêlêna và bà em là Anê.

Suốt đêm hôm đó, cha giải tội cho giáo dân các nơi tuôn đến xưng tội. Đến sáng khi ra dâng lễ, nhọc quá, cha bị ngã bất tỉnh. Nhưng khi tỉnh lại, cha lại cố tiếp tục dâng lễ và cho giáo dân rước lễ. Ngay chiều hôm ấy, được lúc rỗi rãi, cha đi thăm các họ đạo vùng Kẻ Chợ.

Đức Lão Cù cũng yêu cầu cha đến làm phép nhà của bà, đồng thời giải tội cho hai người cháu của bà đã theo đạo đó là Luxia và Anê rước lễ. Cha cũng rửa tội hai người cháu khác, một cô 15 tuổi, cha đặt tên thánh là Catarina và một em mới 6 tuổi cha đặt tên thánh là Mađalêna. Trong khi nói chuyện, bà tỏ ra rất mong muốn được

chịu phép rửa tội, sau khi đã học hỏi kỹ càng lễ đạo.

Sự đạo được tự do trong suốt năm 1668. Sự có mặt của cha chính Deydier ở xứ Kẻ Chợ và hoạt động truyền giáo của cha, tuy Chúa Trịnh biết, nhưng cũng làm ngơ. Đó là nhờ những người có thể giá trong phủ Chúa đã nói giúp cho cha. Riêng Chúa Trịnh cũng muốn gây liên lạc thương mại với nước Pháp, mà theo cha Deydier nói là không hề có âm mưu chiếm thuộc địa như người Bồ Đào Nha và không hề có một thước đất nào ở vùng Ấn Độ. Nhà Chúa cũng chờ đợi những lễ vật mà cha nói, họ sẽ đưa đến yết kiến nhà Chúa nay mai.

Tuy vậy, cha cũng phải một thời kỳ lo lắng đề phòng. Lúc ấy, vào trung tuần tháng 5-1668, xảy ra một cuộc nổi loạn là một người trước kia làm nghề bói toán. Ông nói rằng ông đã gặp được trong bụng một con dao có khắc tên ông. Trên con dao đó, còn ghi rõ họ nhà vua ngày nay sẽ chấm dứt và truyền ngôi báu sang họ nhà ông. Trong số quân nổi loạn, cũng có một số người có đạo đi theo. Người ta nói đến một số người tên là Nam Cang, tên thánh là Linô, trước có giúp việc cha Philippô Marini và người anh của ông tên thánh là Antôn.

Tuy có nhiều người theo, nhưng vì không luyện tập và chưa quen chiến đấu, nên bị thua dễ dàng. Hơn 110 người bị bắt giải về kinh, trong đó có tên Nam Cang. Ngày 05-06-1668, có 18 người bị kết án trăm quyết. Trong đó có 9 người là tướng tá hoặc họ hàng bà con nhà Mạc ở Cao Bằng, còn 9 người thuộc đám nổi loạn ở Hải Dương.

Ngay lúc đầu, khi nghe tin có cuộc nổi loạn và có một ít người Công giáo đi theo, cha chính Deydier đã đề phòng. Cha rút lui xuống thuyền các thầy giảng cho dễ bề trốn tránh. Nhưng may mắn, cuộc nổi loạn đó không làm liên lụy đến đạo. Chúa Trịnh Tạc không nhân câu chuyện có một ít người Công giáo dính líu vào mà ra lệnh cấm đạo. Vì theo cha Deydier, “sự thực Chúa Trịnh cũng không ghét đạo”.

Chỉ có một số gia đình công giáo ở làng Kẻ Cói là bị liên lụy. Làng đó ở gần nơi có giặc nổi lên và có chừng mười người ở làng đó theo giặc, nhưng không một ai là người có đạo cả. Tuy vậy, quan phủ ở đó, “ông già Phủ Đoan (On Gia Phu Doan) vì không ưa đạo, nên bắt họ phải làm tờ cam kết từ nay sẽ không hội họp làm các công việc đạo nữa. Hơn 20 gia đình Công giáo, nhất định dù phải bỏ làng đi nơi khác cũng không ký tờ mà họ cho là như bỏ đạo đó.

Lẩn tránh trên thuyền các thầy giảng, ngày 01-06-1668, cha chính Deydier nhận được thư của Đức Cha Lambertô de la Motte gửi tàu Hòa Lan, báo tin đã có một Đức Giám mục đến kinh lược địa phận Đàng Ngoài. Cha Deydier cho thuyền đi lại khu phố Hiến để nghe tin tức và đón các tàu buôn ở Xiêm qua xứ Bắc xem có Đức Cha đi theo không.

Đang khi chờ đợi, cha Deydier lợi dụng thời gian để tiếp tục công cuộc truyền giáo và huấn luyện cho các thầy giảng. Trong có mấy tuần lễ, tuy mệt nhọc, cha cũng giải tội cho hai ngàn người và rửa tội 758 người. Có những ngày bận nhiều công việc quá, cha không có giờ đọc sách nguyện. Cha viết trong bản nhật ký: “Ba hôm trước đây, tôi phải lần hạt thay vì đọc sách nguyện mà cũng không lần hạt được. Vì phải giảng giải cho những người đến xin chịu phép rửa tội, khuyên bảo những người đến xưng tội, nên ba ngày liền tôi bị ra máu và hình như không thể nói được vì bị đau ngực. Tuy các thầy giảng giúp việc tôi khuyên tôi nên đi nghỉ, nhưng tôi nghĩ rằng, chết vì công việc truyền giáo như thế thì sung sướng hơn là bỏ nhiệm sở vì sợ chết”.¹⁴⁴

Sau mấy tháng chờ đợi, đến đầu tháng 9 thì cha được tin báo có tàu buôn ở Xiêm tới cửa sông Cái, nhưng không có Đức Cha, mà chỉ có hai cha Gioan Huệ và Bê-nê-đi-ctô Hiền thụ phong linh mục ở Xiêm về. Hai cha về đang lúc cha Deydier vì yếu nhọc phải nghỉ ngơi. Công việc giải tội, làm các phép Bí tích, cha Deydier để lại cho hai cha thay thế. Còn cha thì lo dịch phần nghi lễ ra tiếng Việt cho hai cha biết cách dâng lễ.

Đối với Chúa Trịnh Tạc, cha Deydier hy vọng khi nhà Chúa hay biết có linh mục tiên khởi người Việt trong đạo Công giáo, nhà Chúa sẽ hài lòng. Từ trước, theo như các người thân cận của nhà Chúa cho cha Deydier hay, thì nhà Chúa vẫn phân nản là tất cả các thứ đạo truyền vào trong nước này, đạo nào cũng có các thầy sư sãi để cúng bái theo đạo của mình. Chỉ có đạo người Bồ Đào Nha “là họ không chọn người dân xứ này làm công việc cúng bái của họ”.¹⁴⁵

Công việc truyền giáo ở địa phận Đàng Ngoài vào những tháng cuối năm 1668 vẫn tiếp tục tiến triển và đem lại nhiều kết quả, nhất là nhờ sự có mặt của hai linh mục tiên khởi của địa phận. Đáng ghi nhớ

hơn cả là cuộc trở lại của Đức Lão Cù. Bà được rửa tội ngày lễ thánh nữ Ursula 21 tháng 10. Cha Deydier cũng lấy chính vị thánh của ngày mà đặt tên cho bà là Ursula. Bà bị ngã bệnh nặng và khi khỏi bệnh gặp Chúa Trịnh Tạc, bà không ngần ngại nói là bà khỏi bệnh “nhờ lời cầu nguyện của người có đạo và Chúa Trời đã thương bà”. Nhà Chúa nghe nói, không có vẻ gì tức giận, còn mừng cho bà một số tiền là 10 ngàn đồng.

Ngày 04 tháng 11, lễ thánh Carôlô Bôrômêô, cha chính Deydier còn được sung sướng làm phép một ngôi nhà thờ mới, thay thế cho căn nhà mà trước đây là nhà thờ Chúa Giáng sinh. Cha rất lạc quan vì thấy tình trạng sự đạo dễ dãi. Cha viết: “Thật là một điều kỳ lạ, trong cả năm nhà thờ xứ đạo ở khu Kê Chợ, chúng tôi được tự do hội họp đọc kinh, dự lễ trong các ngày Chúa nhật và lễ trọng. Tự do hơn thời kỳ mà các cha dòng Tên được lòng nhà Chúa hơn hết. Những người có giá trong phủ Chúa là những người nói bênh vực cho tôi, họ nghĩ rằng nhà Chúa cũng biết rõ tôi là ai và tất cả những công việc tôi làm trong xứ này. Nhưng nhà Chúa làm như không hay biết chi cả, và nhà Chúa đang chờ đợi, như tôi đã nói, là sẽ có một cái tàu buôn tới, và vì thực sự, nhà Chúa không ghét gì Đạo thánh chúng ta.”

Tính số rửa tội cuối năm 1668 thì số những người có tên trong sổ là 7.080 người. Nhưng còn nhiều người được rửa tội mà không ghi tên, vì thế, con số thực sự phải lên tới 10 ngàn. Riêng mình cha Deydier đã rửa tội tới được 1.500.

Công cuộc truyền giáo vào nửa đầu năm 1669 vẫn tiếp tục được bằng yên và thu lượm nhiều kết quả. Đang khi ở Thanh Hóa, cha Gioan Huệ ngày đêm bận bịu với giáo dân đến lãnh nhận các Bí tích vì từ lâu không có linh mục đến thăm viếng họ, thì ở Kê Chợ, cha Bê-nê-đi-cô Hiền bận bịu ngày đêm không kém. Đặc biệt hơn cả, ngày 25-03-1669, cha Hiền rửa tội cho một bà cung phi chánh của Trịnh Tráng tên là Đức Lão Cảnh, 69 tuổi. Bà trở lại nhờ lời khuyên của Đức Lão Cù, là người đã được rửa tội vào tháng 10 năm ngoái với tên thánh là Ursula. Bà cũng chính là người đỡ đầu trong cuộc rửa tội này. Một vị quan lớn khác tên là “ông già Diệu” tuy chưa được phép rửa tội, vì còn vướng trở vắn đề trong gia đình, nhưng tỏ ra rất mộ đạo. Ngày tết năm đó, vào mồng một tháng 2 năm 1669, thay vì

trồng cây nêu, ông đã trồng cây thánh giá trước cửa nhà.

Còn cha Deydier, sau buổi hội họp với các thầy giảng năm ấy, tổ chức vào dịp lễ Ba Vua ngày 06-01-1669, vào cuối tháng 3 cha đi thăm các giáo dân vùng Kẻ Sở (Sở Kiện, Kẻ Vôi – Hà Hồi), Kẻ Mong (Sơn Miêng) và mừng lễ Phục sinh ở Kiên Lao, rửa tội thêm 400 người. Xứ Kiên Lao lúc đó là xứ đạo lớn ở địa phận Đàng Ngoài, số nhân danh lên hơn 3.000 người. Nhà thờ trong mấy buổi lễ hôm cha đến làm phúc, trong ngoài chật ních những người. Qua Kẻ Man, cha Deydier ngược lên Tron Linh (Trung Linh), một họ đạo mới thành lập do lòng nhiệt thành truyền giáo của hai người đàn anh trong làng đã được cha Deydier rửa tội trước đây hai năm.

Tuy chưa được lãnh nhận phép rửa tội: họ đã dựng một nhà thờ rất đẹp ngày 4 tháng 5, cha rửa tội hơn 51 em nhỏ và hôm sau cho gần 100 người lớn. Trong số đó có một thầy sãi, cha đặt tên thánh là Phêrô, già đã 72 tuổi và được cha cắt tóc coi nhà thờ mới, cất kinh và đọc sách cho giáo dân trong những khi hội họp. Ở xứ Trà Lũ, nhiều người đã dự vào lễ rước thần và đưa vật đều bị phạt phải tự cáo lỗi trước mặt giáo dân và lạy Chúa năm lạy. Sau khi đến thăm vùng Bùi Chu và Lang Lang (Trôn Lê) và Lục Thủy, cha Deydier nghe tin Chúa Trịnh Tạc sau khi dự an táng bà Hoàng thái hậu ở tỉnh Thanh Hóa trở về Kẻ Chợ, đã ra lệnh cấm đạo lần nữa. Cha Deydier vội trở về Kẻ Chợ.

Nhìn lại hai tháng trời thăm các xứ đạo, cha đã rửa tội được 1.597 người, giải tội hơn 4.000 người. Còn cha Gioan Huệ, khi nghe tin có lệnh cấm đạo, cũng vội trở về Kẻ Chợ, vì ở Kinh tuy vậy cũng để lẫn tránh và không bị phiền nhiễu như ở vùng ngoài.

II. Các Thừa Sai Dòng Tên Trở Lại Địa Phận Đàng Ngoài (1669)

Tuộc bách hại gây ra do sự trở lại của các cha dòng Tên đi theo tàu buôn Áo Môn. Các cha đã sơ xuất để các đồ đạo lọt vào tay các quan xét tàu và họ đã đưa nộp cho nhà Chúa. Từ trước, nhà Chúa vẫn có hiềm kỵ đối với “đạo Hoa Lang” của người Bồ Đào Nha. Cuộc bách hại đã làm cản trở công cuộc truyền giáo đang tiến triển. Hơn nữa, sự trở lại của các cha dòng Tên còn mở đầu cho một giai đoạn chia rẽ tai hại trong giáo đoàn xứ Bắc cũng như đang xảy ra trong Nam.

I. Các thừa sai Dòng Tên trở lại địa phận Đàng Ngoài và cuộc bách hại năm 1669

Ngày 19-04-1669, sau sáu năm trời đứt quãng, từ ngày các cha dòng Tên bị trục xuất khỏi xứ Bắc Đàng Ngoài năm 1663, tàu buôn người Bồ Đào Nha ở Áo Môn mới trở lại. Lý do sự đứt quãng đó là, vì từ năm 1662, Áo Môn bị quân nhà Thanh phong tỏa. Sau nhiều lần, và nhiều năm điều đình, mãi đến năm 1666, Áo Môn mới được giải tỏa, nhưng phải chịu triều cống cho triều đình nhà Thanh, mỗi năm 500 nén bạc. Sau khi được giải tỏa, ngay năm 1666, Áo Môn đã tìm cách nối lại liên lạc giao thương với Chúa Nguyễn Đàng Trong. Nhưng với Chúa Trịnh Đàng Ngoài, mãi đến năm 1669 mới có tàu buôn ở Áo Môn tới.

Trên chuyến tàu buôn vào xứ Bắc lần này, có ba cha dòng Tên. Đứng đầu là cha Đominicô Fuciti trước đây là thừa sai Dòng Tên ở địa phận Đàng Trong và hai cha Balthasar de Rocha với Philippô Fieschi.

Thời kỳ này, phố Hiến đã được thành lập trên sông Nhị Hà, cách tỉnh lỵ Hưng Yên vài cây số về phía Bắc, tức làng Nhân Đức ngày nay. Đây là chỗ dành riêng cho người ngoại quốc đến buôn bán. Lúc trước, họ được mở cửa hàng ở Kê Chợ, nhưng về sau Chúa Trịnh bắt đầu nghi ngờ sự dòm ngó của người ngoại quốc về phương diện chính trị. Lý do sự nghi ngờ đó cũng do chính những ngoại kiều vì muốn cạnh tranh với nhau, họ tố cáo dèm pha nhau làm gián điệp

cho quốc gia này nọ đang muốn bành trướng thuộc địa ở miền Đông Á. Vì thế, nhà Chúa đã cho thành lập phố Hiến cách xa kinh đô Kẻ Chợ, để ngăn ngừa sự dòm ngó dò xét, và tập trung tất cả sự buôn bán người ngoại quốc ở đấy. Người Trung Hoa cũng có một khu buôn bán rất phồn thịnh ở đây gọi là phố Khách.

Theo luật, các tàu buôn ngoại quốc đến bỏ neo ở phố Hiến, trước khi dỡ hàng, phải được quan thừa lại ti khám xét và cho phép mới được lên bờ. Nhưng khi tới nơi, cha Đôminicô Fuciti đã thông thạo tiếng Việt, liền tìm cách lên bờ trước, và với sự giúp đỡ của một vài người bổn đạo, cha đã bí mật lên được Kẻ Chợ.

Lúc đó, Chúa Trịnh Tạc đang bận lễ an táng bà Hoàng Thái hậu ở Thanh Hóa. Nghe tin có tàu buôn người Bồ Đào Nha ở Áo Môn tới, nhà Chúa liền sai quan thừa lại đi cùng với quan trấn tỉnh đến khám xét nghiêm ngặt. Vì sự sơ suất của các cha, không biết giấu giếm kỹ càng, các quan tịch thu được rất nhiều đồ đạo, tràng hạt, ảnh tượng. Các ông liền làm giấy tâu lên nhà Chúa và còn tố cáo là có một số bổn đạo đã lén lút đến liên lạc với các Tây dương đạo trưởng.

Trở về kinh đô Kẻ Chợ, sau lễ an táng, Trịnh Tạc liền ra lệnh đưa các đồ đạo đã bắt được lên cho Chúa coi. Nhà Chúa đã từ lâu có sẵn ác cảm với người Bồ Đào Nha. Nhà Chúa cho rằng họ bắt tay với Chúa Nguyễn Đảng Trong, giúp súng ống đạn dược để chống lại họ Trịnh. Đang khi đó những người Hòa Lan và nhiều quan trong phủ Chúa vu cáo cho các thừa sai dòng Tên là tay sai của nhà vua Bồ Đào Nha, dòm ngó xứ Bắc để mưu chiếm đoạt. Với ác cảm và nghi ngờ sẵn có ấy, lại thêm lúc nhà Chúa bức mình vì nhà Minh bên Tàu mới ra lệnh cho vua Lê phải trả vùng Cao Bằng cho con cháu nhà Mạc. Không muốn gây chuyện khó dễ với người Tàu, Trịnh Tạc phải miễn cưỡng nghe theo. Đảng khác, những lễ vật các cha dòng dâng cho nhà Chúa lại không có gì: hai hòm nến bạch lạp, một hòm ba cây lĩnh mà chỉ có một tấm thêu hoa kim tuyến còn hai tấm trơn, thêm một chiếc gương với lá thư của cha Bề Trên kinh lược tỉnh dòng ở Áo Môn yêu cầu nhà Chúa cho ba cha ở lại truyền giáo.

Bất mãn, Chúa Trịnh Tạc liền ra lệnh đem tất cả đồ đạo về đốt ở giữa chợ phố Hiến. Lệnh được thi hành ngày 05-06-1669. Các tượng thánh giá bằng đồng không cháy thì lính lấy búa đập nát. Họ cũng lấy một số những tràng hạt có hạt quý, vứt bỏ thánh giá đi rồi sửa làm

dây đeo cổ. Còn hai cha Rocha và Fueschi thì Trịnh Tạc ra lệnh không được đặt chân lên đất, nếu trái lệnh sẽ bị xử tử.

Chưa đủ, hơn một tuần lễ sau, ngày 14-06, Trịnh Tạc còn ra sắc chỉ nhắc lại các lệnh cấm đạo trước. Đồng thời ra lệnh triệt hạ các nhà thờ, cấm giáo dân không được hội họp. Nếu bắt được ai trái lệnh bất kỳ nam nữ và cả những người mang “dấu hiệu” của đạo “Hoa Lang” đều phải phạt 50 trượng.

Được báo tin trước, cha chính Deydier đã ra lệnh cho các thầy giảng các nơi báo tin cho giáo dân cất giấu ảnh tượng, sách đạo và đồ đạo. Nhà thờ, nhà nguyện thì làm vách chia ra nhiều gian nhỏ như các tư gia. Các buổi kinh hạt thì làm kín đáo ở tư gia.

Ở kinh đô Kẻ Chợ, các quan cho lính đến khám xét nhà ông Raphaen Rhodes, tức nhà thờ thánh Giuse, nhưng vì đã đề phòng cất giấu từ trước, nên không bắt được gì cả. Còn nhà thờ Chúa phục sinh thì đã làm vách chia làm ba gian, không còn dấu vết gì để ngờ là một nhà thờ được nữa. Riêng có tỉnh miền Nam vì quan tỉnh ghét đạo hơn cả, lại không báo trước để đề phòng vì thế gần hai trăm nhà thờ, nhà nguyện bị triệt hạ.

Ngày 29-06, theo yêu cầu của ông trấn tỉnh Nam Định, Chúa Trịnh Tạc lại ra một sắc lệnh cấm đạo mới. Theo sắc lệnh cũ, những người có đạo bị bắt đang hội họp hoặc mang ảnh tượng, thì bị phạt 50 trượng. Theo ông thì giáo dân coi thường không sợ. Vì thế, sắc lệnh mới để quan trấn tùy theo khu vực của mình mà ra hình phạt cho giáo dân khiếp sợ mà bỏ đạo.

Ngày 13-07, cũng theo lời yêu cầu của ông trấn tỉnh Nam Định, Chúa Trịnh Tạc còn ra sắc lệnh, từ nay tàu buôn ngoại quốc không được lên kinh đô Kẻ Chợ mà phải ở lại phố Hiến. Những tàu buôn hay những ngoại kiều nào hiện đang còn ở kinh đô, đều phải rút về ở phố Hiến. Từ nay, phố Hiến sẽ là khu vực tập trung tất cả những ngoại kiều đến buôn bán ở Đàng Ngoài.

Theo lệnh đó, cha chính Deydier cũng bó buộc phải rút về phố Hiến. Từ nay, cha không còn hy vọng đi thăm các họ đạo và giáo dân như trước. Tất cả đều giao vào tay hai linh mục tiên khởi Đàng Ngoài và các thầy giảng.

2. Các thừa sai Dòng Tên địa phận Đàng Ngoài với việc nhận quyền Giám mục đại diện Tòa Thánh

Cha thừa sai dòng Tên Đominicô Fucciti, trái lại, vẫn bí mật ở lại kinh đô Kẻ Chợ, tìm cách thu phục các giáo dân và thầy giảng cũ. Tình trạng đó, sớm muộn sẽ đưa đến một chia rẽ hoang mang tai hại trong giáo đoàn xứ Bắc; một số theo các cha dòng Tên, một số theo các cha thừa sai Pháp. Cũng như bên các cha thừa sai Pháp, các cha dòng Tên cũng chủ trương chỉ có các cha dòng mới là những người có quyền chính đáng trong giáo đoàn.

Khi vừa mới trở lại xứ Bắc, biết cha Phanxicô Deydier có mặt trong giáo đoàn, cha Đominicô Fuciti đã viết thư báo tin sự hiện diện của mình. Ngài tỏ ý mong muốn các thừa sai cộng tác với nhau để hoạt động truyền giáo, nhưng không hề nói đến việc nhận quyền hay xin quyền làm các phép ở cha Deydier. Cha chính Deydier không bằng lòng, vì thế trong thư trả lời, để tỏ ra mình là người có quyền trong giáo đoàn, cha đã ban quyền làm các phép cho cha Fuciti. Cha cũng chú thích cho cha Fuciti về vấn đề hôn phối trong việc tha ngăn trở họ hàng bà con, cần phải để ý đến luật của dân xứ. Trước đây, có những trường hợp các thừa sai dòng Tên, theo luật đạo đã tha ngăn trở và cho kết bạn, nhưng sau các quan đã buộc họ phải bỏ nhau vì phạm luật đời. Trong thư viết cho Đức Cha Phanxicô Pallu, cha chính Deydier đã viết là mình cho quyền như thế, để những phép giải tội cha Fuciti ban cho giáo dân không trở nên vô giá trị, vì cha Fuciti không chịu xin quyền Bề trên trong khu vực mà cha dòng không có quyền.

Nhưng cha thừa sai dòng Tên Fuciti lại nghĩ khác. Cha cho rằng chỉ có cha là người có quyền chính thức ở giáo đoàn xứ Bắc. Đây cũng không phải là lần đầu tiên cha Fuciti phải đương đầu với các thừa sai Pháp về vấn đề quyền bính.

Năm trước, 1668, cha Fuciti đã đương đầu với cha Antôn Hainques ở địa phận Đàng Trong. Lần đó, cha dòng có mang theo giấy ủy quyền của Tòa Giám mục Malacca, đặt cha làm cha chính đại diện địa phận Đàng Trong. Theo cha, thì địa phận này thuộc quyền Tòa Giám mục ở Malacca. Lần này, vào địa phận Đàng Ngoài, cha Fuciti cũng không quên mang theo giấy của Tòa Giám mục ở Áo

Môn, mà theo cha thì xứ Bắc là địa phận thuộc quyền Áo Môn. Giấy ủy quyền này do cha dòng Thánh Âucotinh tên là Micae de Angelis, lúc đó quản trị Tòa Giám mục Áo Môn, ban cho cha Đominicô Fuciti và ra lệnh cho giáo dân địa phận Đàng Ngoài chỉ được vâng lời một mình cha Fuciti mà thôi.

Đàng khác, cha dòng Fuciti cũng mang theo một thư của Bề Trên dòng ở Áo Môn, là cha Luigi viết cho thầy giảng và giáo dân Đàng Ngoài. Thư này nhắc lại công ơn các cha dòng trù mẫn cũng như trung thành của họ đối với các cha. Cha Fuciti cũng còn một tài liệu khác nữa là bản giải thích sắc lệnh của Bộ Truyền Giáo ngày 12-11-1646 do cha Bề Trên của dòng Tên, lúc bấy giờ đã tuyên bố là tất cả các khu vực truyền giáo từ trước thuộc quyền các dòng tu thì từ nay thuộc quyền Bộ Truyền Giáo. Nhưng năm 1646, Bộ Truyền Giáo lại ban đặc ân cho cha Bề Trên cả dòng Tên được quyền gọi về và thay thế các thừa sai của mình, mà không bó buộc phải trình công việc lên Bộ trước. Cha này chỉ cần trình sổ tên các thừa sai của dòng lên Bộ để Bộ ban những quyền cần thiết cho việc hoạt động truyền giáo. Giải thích đặc ân này, cha Phanxicô Piccolomini cho rằng các thừa sai của dòng Tên đến hoạt động trong địa sở truyền giáo thì không thuộc quyền các nhân viên Bộ Truyền Giáo, vì thế, không bó buộc phải xin quyền của các vị ấy. Đây cũng là trường hợp các thừa sai dòng hoạt động ở địa phận Đàng Trong và Đàng Ngoài, đối với quyền các Giám mục đại diện Tòa Thánh ở hai nơi ấy. Nghĩ như thế, và căn cứ vào tài liệu giải thích trên đây, cha Fuciti cho rằng dù cha Phanxicô Deydier có quyền thực sự đi nữa, cha cũng không thuộc quyền ngài, và không phải xin quyền nơi ngài.

Để tránh một cuộc va chạm và chia rẽ tai hại trong địa phận Đàng Ngoài, cha chính Deydier đề nghị với cha Fuciti là cha cứ việc ở lại hoạt động trong giáo đoàn xứ Bắc và không buộc cha dòng phải chịu nhận quyền các Giám mục đại diện Tòa Thánh cho đến khi vấn đề được giải quyết rõ ràng ở Rôma. Cha Deydier đề nghị cũng sẽ dành riêng cho cha dòng một vài tỉnh để cha hoạt động truyền giáo một mình và tự do ở đấy. Cha Fuciti không trả lời thư của cha Deydier nhưng trong lá thư ngày 21-07-1669, gửi cha Bênêđictô Hiền, nhắc đến đề nghị của cha Deydier, cha Fuciti viết: “Cũng như hai phụ nữ tranh nhau đứa con còn sống trước mặt Salômôn, bà mẹ giả hiệu xin

chia đôi, còn bà mẹ thực sự thì xin đừng, thà thấy con mình còn sống nguyên vẹn trong tay người khác còn hơn cắt thành từng mảnh trong tay mình. Các cha dòng Tên cũng thế, thà để người con của dòng các cha nguyên vẹn trong tay người khác trong một thời gian, còn hơn thấy bị chia rẽ. Nhưng, cũng như Salômôn đã tuyên án cho người mẹ thực sự được đưa con sống, thì các cha dòng cũng hy vọng Salômôn mà Chúa Giêsu đã đặt trên Tòa Thánh Phêrô, sẽ xử xong nay mai sự bất đồng này và sẽ tuyên bố thắng lợi về phía của dòng các cha.”

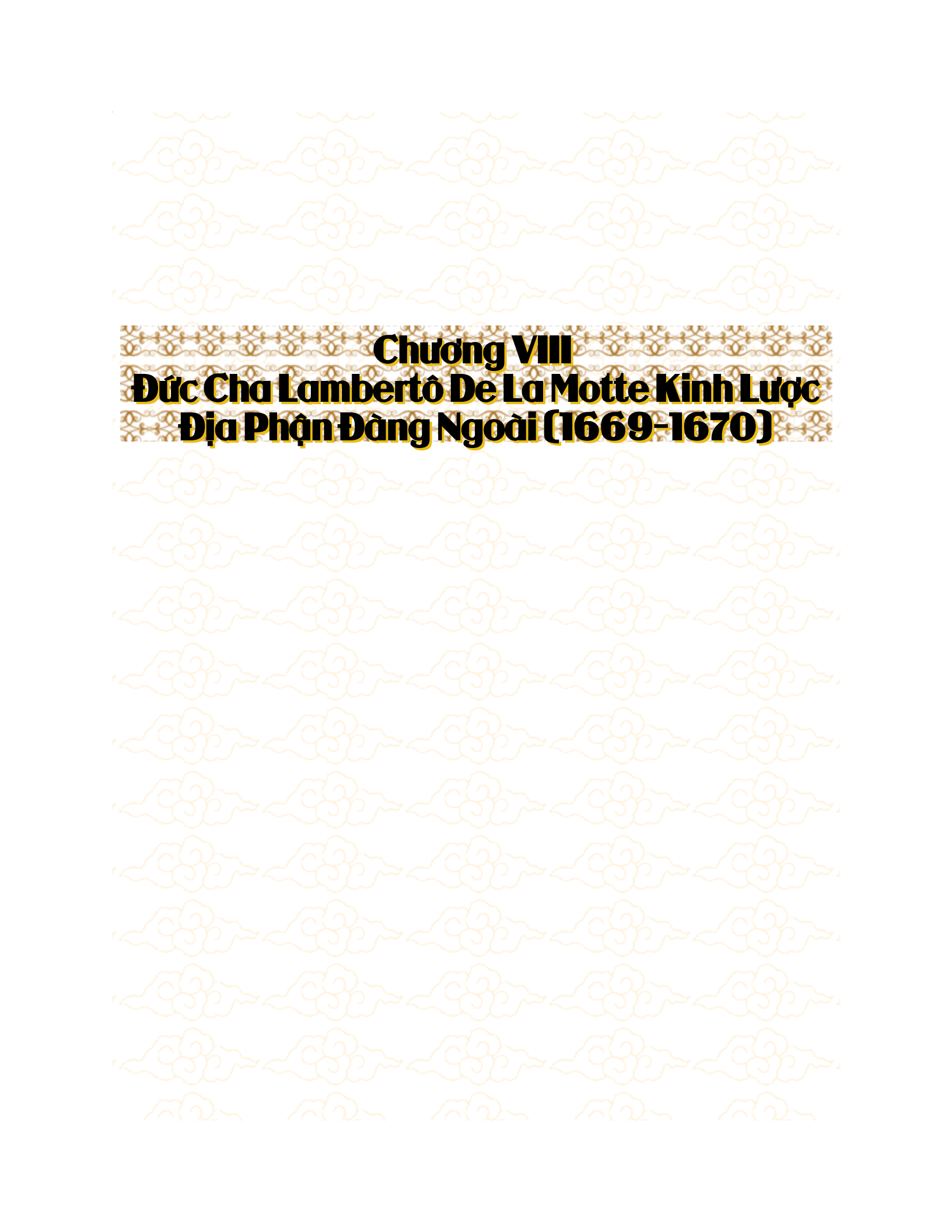
Để giải quyết vấn đề quyền bính, vào đầu tháng 10-1669, cha chính Deydier tổ chức một cuộc hội họp, có mặt cha Gioan Huệ, một số các thầy giảng và những người đàn anh có vị vọng trong giáo đoàn xứ Bắc. Cha Fuciti được mời đến dự. Cuộc hội họp được bắt đầu bằng việc tuyên bố các sắc lệnh của Tòa Thánh đặt Đức Cha Lambertô de la Motte làm Giám mục đại diện Tòa Thánh, vừa mới bắt đầu tuyên bố, cha Fuciti liền phản đối, cho là những sắc lệnh giả mạo. Lúc được chứng kiến rõ ràng các dấu đóng của Tòa Thánh cha mới chịu tiếp tục nghe. Nhưng cha lại tuyên bố, những sắc lệnh đó không ủy quyền quản trị của Tòa Giám mục Áo Môn đối với địa phận Đàng Ngoài. Một khi Tòa Thánh ban quyền lợi gì cho ai, mà chưa phá hủy quyền đã ban cho người trước thì người thứ hai vẫn chưa nhận được quyền lợi đó. Đàng khác, cha cho rằng vùng Đông Á thuộc quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha. Đức Thánh Cha chỉ có quyền đặt những Giám mục do vua Bồ Đào Nha giới thiệu thôi. Chủ trương như thế, cha Fuciti nhất định giữ lập trường của mình. Cuộc hội họp kết quả không được gì. Một chia rẽ tai hại đe dọa địa phận Đàng Ngoài.

Bản về những chủ trương của cha dòng Tên Đôminicô Fuciti trên đây, bản tường trình chuyển kinh lược của Đức Cha Lambertô de la Motte ở địa phận Đàng Ngoài đã đưa ra những nhận định sau: Nói đến đặc ân năm 1646, Bộ Truyền Giáo ban cho Bề Trên cả dòng Tên. Ngài được quyền gọi thừa sai của mình trở về và thay thế bằng thừa sai khác của dòng mà không cần phải xin phép Bộ Truyền Giáo. Đặc ân này chỉ có thể thi hành trong các khu truyền giáo mà các thừa sai còn thuộc quyền Bề Trên dòng, vì chưa có Giám mục mà Bộ sai đến làm đại diện Tòa Thánh coi sóc khu vực đó. Nhưng một khi đã sai

Giám mục đến khu vực nào, thì các thừa sai dòng trong khu vực đó phải phục quyền vị Giám mục của Bộ sai đến, cũng như những vị được ủy quyền thay mặt các Giám mục ấy. Lý do là vì các cha dòng thừa sai được sai đến để hoạt động truyền giáo, chứ không phải để coi sóc địa phận.

Tiếp theo, vấn đề phải được đặt ra: ai là Giám mục có thẩm quyền ở địa phận Đàng Ngoài và Đàng Trong? Xét về thẩm quyền, thì Tòa Giám mục Áo Môn cũng như Tòa Giám mục Malacca đều không thể căn cứ vào một tài liệu hay một văn kiện nào, để nói rằng Tòa Thánh đã ban quyền cho mình ở hai nơi ấy. Trái lại, các Giám mục đại diện Tòa Thánh có đầy đủ tài liệu rõ ràng là Tòa Thánh đã ủy quyền coi sóc cho các vị ở hai địa phận Đàng Trong và Đàng Ngoài.¹⁴⁶

Lý lẽ thì như thế, nhưng để bảo vệ quyền lợi của mình, ai cũng cho lập trường của mình đưa ra là phải. Đang khi chờ đợi sự phân xử của Tòa Thánh thì tình trạng chia rẽ tiếp tục mỗi ngày sâu rộng hơn. Nó làm tan nát giáo đoàn địa phận Đàng Trong cũng như Đàng Ngoài, ghi lại những trang sử đau lòng trong công cuộc truyền giáo ở Việt Nam. Chúng ta cũng không quên rằng sự đi lại giao thông thời xưa, mỗi chuyến từ khu vực truyền giáo Á Châu trở về Âu Châu cũng như từ Âu Châu trở về khu vực truyền giáo Á Châu mỗi lần cũng phải bốn, năm năm trời. Hơn nữa, các vấn đề không giải quyết được khó khăn này thì khó khăn khác lại tiếp đến. Như thế, tình trạng càng thêm kéo dài và tai hại càng chồng chất lên hơn. Rồi đây, những trang sử tươi đẹp của thời kỳ đầu sẽ lu mờ vì trang sử đen tối sắp đến.



Chương VIII

Đức Cha Lambertô De La Motte Kinh Lược Địa Phận Đàng Ngoài (1669-1670)

I. Lễ Truyền Chức Đầu Tiên Trên Đất Nước Việt Nam và Công Đồng I Địa Phận Đàng Ngoài

Dang giữa tình trạng cấm cách bên ngoài và đe dọa chia rẽ bên trong bắt đầu từ nửa năm 1669 trên đây thì Đức Cha Lambertô de la Motte đến kinh lược địa phận Đàng Ngoài. Từ năm ngoái, 1678 nghe biết tình trạng tiến triển rất khả quan của giáo đoàn xứ Bắc và sự dễ dãi của Chúa Trịnh Tạc đối với cha Phanxicô Deydier cũng như đối với sự đạo, Đức Cha đã viết thư báo tin cho cha Deydier là sẽ có một Giám mục đến kinh lược địa phận Đàng Ngoài.

Trước khi bỏ đất Thái Lan về Âu Châu công cán cho quyền lợi các Giám mục đại diện bị đe dọa ở khu vực truyền giáo, Đức Cha Phanxicô Pallu, Giám mục địa phận Đàng Ngoài, đã ủy quyền cho Đức Cha Lambertô de la Motte để gặp hoàn cảnh thuận tiện, ngài sẽ sai một vài thừa sai vào xứ Bắc, và nếu có thể chính Đức Cha sẽ thân hành đến kinh lược giáo đoàn thay cho ngài. Năm 1666, Đức Cha Lambertô de la Motte đã sai cha Phanxicô Deydier làm cha chính đại diện ngài đến nhận quyền và trông coi địa phận. Nhưng lúc này cần sự có mặt của ngài để tổ chức lại các xứ họ, đặt vững uy quyền các Giám mục đại diện Tòa Thánh, bảo vệ trật tự và hòa bình mà cha chính Phanxicô Deydier đã thu phục ngay được từ lúc đầu. Nhưng chính yếu hơn cả là để thành lập cấp tốc một hàng Giáo sĩ bốn quốc trong địa phận Đàng Ngoài. Truyền chức linh mục và các chức nhỏ cho một số các thầy giảng mà cha Phanxicô Deydier đã giáo huấn đầy đủ, chỉ còn đợi sự có mặt của Đức Cha.

I. Trên con đường vào xứ Bắc¹⁴⁷

Bỏ kinh đô Thái Lan, ngày 23-07-1669, trên một tàu buôn Pháp cùng đi với Đức Cha Lambertô de la Motte, có cha Gapien Bouchard mới ở Pháp qua và cha Giacôbê de Bourges mới ở Rôma về.

Cha de Bourges qua Rôma để công cán về vấn đề quyền bính của các Giám mục đại diện Tòa Thánh, trước những khó khăn đối với các thừa sai dòng Tên và quốc gia Bồ Đào Nha, ở kinh đô Thái Lan.

Lúc ra đi, Đức Cha Lambertô de la Motte không ngờ rằng tình trạng địa phận Đàng Ngoài đã thay đổi do sự trở lại của các thừa sai

dòng Tên. Một cuộc cấm cách bên ngoài, kèm theo một cuộc chia rẽ đe dọa bên trong.

Theo dọc bờ biển xứ Nam, Đức Cha lo sợ gặp những chiến thuyền tuần hành của Chúa Nguyễn Hiền Vương. Nếu họ hay biết có tàu buôn Pháp đi buôn bán với Chúa Trịnh ngoài Bắc, rất có thể họ sẽ làm những chuyện khó dễ cho hai cha Antôn Hainques và Phêrô Brindeau đang hoạt động truyền giáo ở xứ Nam.

Mãi đến 30-08, nghĩa là hơn một tháng trời, tàu buôn của thuyền trưởng Buorquinon Junet tới cửa sông Cái. Đây là chuyến đầu tiên, người Pháp đến buôn bán với người Việt. Cha Phanxicô Deydier đã mong đợi từ lâu sự có mặt của tàu buôn Pháp ở xứ Bắc. Theo cha Deydier, sự đi lại buôn bán này sẽ có ảnh hưởng với Chúa Trịnh. Nhờ đó các thừa sai Pháp sẽ được dễ dàng trong việc truyền giáo hoặc bảo vệ các Ngài trong những khi phải bách hại. Đây là không nói đến lợi ích liên lạc thư từ và trợ cấp vật chất từ Âu Châu gửi tới.

Lá cờ Pháp lúc ấy người Việt chưa quen biết, vì thế thuyền trưởng Junet phải cho một nhân viên biết tiếng Bồ Đào Nha vào giới thiệu với quan coi Phố Hiến. Quan trưởng ty liền hỏa tốc báo tin về kinh đô Kẻ Chợ, đồng thời sai một thủy thủ ra dẫn đường cho tàu buôn vào Phố Hiến. Con sông Hồng Hà mỗi năm đem nhiều đất bồi, nên đường vào bến phải có thủy thủ thông thạo dẫn đường.

May mắn, người thủy thủ dẫn đường lại là người có đạo. Vì thế Đức Cha Lambertô de la Motte có thể báo tin cho cha Phanxicô Deydier sự có mặt của ngài. Cha Deydier lúc đó đang ở Phố Hiến do lệnh tập trung của Trịnh Tạc vào ngày 13-07. Ngài vội báo tin cho Đức Cha biết về tình trạng cấm cách đang xảy ra, vì sự trở lại của các thừa sai dòng Tên. Cha Deydier cũng chỉ dẫn những điều phải đề phòng, để tránh những chuyện có thể xảy ra, như chuyện tàu buôn Áo Môn đã gây ra bốn tháng trước đây.

Trên con đường từ ngoài khơi vào Phố Hiến, thuyền trưởng Junet đã mời mấy người lính canh mà quan ở Phố Hiến sai đi theo tàu buôn một bữa cơm thịnh soạn với nhiều thứ rượu hảo hạng. Mấy người lính canh này uống say và ngủ không hay biết gì. Nhờ đó các đồ đạc Đức Cha đem theo, được chuyển xuống thuyền của một linh mục Việt Nam để đem đi giấu. Còn trên tàu buôn thì chỉ một mình Đức Cha Lambertô de la Motte là mặc áo chức linh mục. Trái lại hai

cha Giacôbê de Bourges và Gabien Bouchard thì mặc như các thủy thủ.

Khi tới Phố Hiến, thuyền trưởng Bourguignon Junet, cũng theo chỉ giáo của cha Phanxicô Deydier trình bày với quan trưởng ty khi điều tra để báo về kinh đô cho Chúa Trịnh Tạc: là ông được công ty Đông Âu của nhà vua Pháp mới thành lập năm 1669 đến xứ Bắc để tìm cảng bán hàng. Hỏi về con số linh mục đi theo tàu buôn thì thưa như các quan đã thấy áo mặc bên ngoài, chỉ có một vị, vị đó là người trông coi các thủy thủ có đạo trong tàu theo thói quen của các tàu buôn Pháp.

Cha chính Phanxicô Deydier cũng không quên cho người lên kinh đô Kẻ Chợ để nhờ những người có thế giá trong phủ Chúa mà từ trước vẫn ủng hộ cha Deydier về sự đạo, nhất là bà Đức Lão Cù, để họ nói với Chúa Trịnh Tạc cho tàu buôn Pháp được phép vào buôn bán ở xứ Bắc: tất cả các ngoại kiều đều kính nể người Pháp hơn người Hòa Lan, vì thế họ đáng được nhà Chúa ban nhiều đặc ân hơn. Việc cho họ vào buôn bán rất có lợi, vì chắc chắn là người Pháp sẽ chở vào xứ Bắc nhiều hàng hóa nhà Chúa muốn hơn người Hòa Lan.

Công việc được kết quả mỹ mãn dù các thương gia Hòa Lan tìm cách làm mất tín nhiệm. Họ tố cáo tàu buôn Pháp đem giám mục và thừa sai vào xứ Bắc. Trịnh Tạc không những ban phép cho người Pháp được vào buôn bán ở xứ Bắc và còn hứa ban nhiều đặc ân rộng rãi, nếu chở đến nhà Chúa những súng ống làm bên Tây phương là món hàng rất quý ở xứ Bắc.¹⁴⁸ Đồng thời nhà Chúa còn cho một khu đất ở Phố Hiến để lập hảng buôn. Đặc biệt hơn nữa, Trịnh Tạc còn mời dự những buổi tiệc và những buổi duyệt binh tập trận, đấu voi. Cha chính Phanxicô Deydier rất hài lòng và tự hào là tàu buôn Pháp đã khéo thu xếp để không gây ra cuộc cấm cách như tàu buôn Áo Môn của người Bồ Đào Nha đã gây ra.

2. Lễ truyền chức đầu tiên trên đất Việt Nam

Tuy được Trịnh Tạc xử đãi dễ dãi, Đức Cha Lambertô de la Motte vẫn luôn luôn gìn giữ, sợ có thể gây ra những nghi ngờ không hay, làm liên lụy đến giáo đoàn sau này. Vì thế Đức Cha cũng không lên

thăm các xứ họ ở kinh đô Kê Chợ cũng không gặp cha thừa sai dòng tên Đominicô Fuciti, cha này vẫn lẩn tránh ở kinh đô. Người ngoài ai cũng tưởng Đức Cha chỉ là một Tây dương đạo trưởng, tuyên úy của các thủy thủ tàu buôn Pháp.

Công việc đầu tiên của vị Giám mục đi kinh lược một giáo đoàn là tìm biết tình trạng của giáo đoàn. Cha chính Phanxicô Deydier đã trình cho Đức Cha Lambertô de la Motte biết số giáo dân khi các cha dòng Tên bị trục xuất chừng độ 80.000. Sau đó với hoạt động truyền giáo của các thầy giảng và cha Deydier, số người rửa tội chừng trên 20.000. Tính gồm tất cả thì số giáo dân địa phận Đàng Ngoài vào cuối năm 1669 chừng độ 100.000.

Với số giáo dân 100.000 rải rác tất cả các tỉnh mà chỉ có 3 linh mục: cha Deydier và hai cha Hiền, cha Huệ sao có thể trả lời cho hết các đòi hỏi của giáo dân. Vì thế theo cha chính Phanxicô Deydier thì vấn đề phải giải quyết ngay, là vấn đề có thêm linh mục bản quốc. Cha Deydier đã huấn luyện được một số các thầy giảng để xin Đức Cha truyền chức. Tiếp theo là việc tổ chức địa phận mới thành lập cho có quy củ và thống nhất. Đặc biệt là các họ đạo, phân chia các thầy giảng cho đều, chú trọng đến tổ chức các nhà Đức Chúa Trời và thúc đẩy các thầy giảng cải cách những tệ lạm trong giáo dân. Tất cả những công việc đó, đều đặt vào tay Đức Cha Lambertô de la Motte và trông đợi sự khôn ngoan xếp đặt của ngài.

Vấn đề tiếp theo là Đức Cha Lambertô de la Motte thực hiện là việc truyền chức linh mục cho một số các thầy giảng Đàng Ngoài. Đức Cha cho triệu tập tất cả các thầy giảng mà cha chính Deydier đã tuyển chọn và huấn luyện. Lúc bấy giờ vì cuộc cấm cách vừa qua, các thầy đã giải tán đi các nơi và đang hoạt động ở các xứ họ.

Các thầy hầu hết là những người đã hoạt động truyền giáo lâu năm trong tổ chức thầy giảng. Từ bé các thầy đã dâng mình vào Nhà Đức Chúa Trời, rồi sau bao thử thách học hỏi, mới được lên làm thầy giảng. Đầu tiên là thầy giảng bậc nhì, trông coi các họ nhánh, dạy kinh bốn và truyền giáo cho những người lương dân trong vùng. Cùng với số tuổi và kinh nghiệm cũng như thâm niên hoạt động truyền giáo, nhất là một đời sống thánh thiện bảo đảm chắc chắn, các thầy được khấn ba nhân đức, khó khăn, vâng lời và trinh khiết. Từ đấy được gọi là thầy giảng bậc nhất.

Tuy chưa có linh mục, nhưng thực ra, các thầy đã thi hành hầu hết các chức vụ của người linh mục, nghĩa là tất cả những việc không đòi hỏi và tập luyện thêm về tinh thần đạo đức của hàng Giáo sĩ. Vào tháng 1-1670 Đức Cha Lambertô de la Motte đã truyền chức cho 7 thầy giảng bậc nhất. Tất cả đều trên 40 tuổi, chỉ có mình thầy Vitô Trĩ là 30 tuổi. Tuy còn trẻ nhưng thầy là người nhân đức đặc biệt và có đầy đủ các điều kiện đòi hỏi về kiến thức để lĩnh nhận chức linh mục. Ngoài ra, Đức Cha còn truyền các chức nhỏ cho hơn 20 thầy giảng bậc nhì và hơn 20 chủng sinh được chịu phép cắt tóc. Đây là lễ truyền chức đầu tiên trên đất Việt Nam và đặc biệt là được cử hành trong một khoang thuyền đậu lênh đênh bên bờ sông cái ở Phố Hiến. Con thuyền này của ông Antôn. Mấy tháng sau ông bị một người đầy tớ tố cáo là người có đạo. Ông bị bắt giam và can đảm xưng đạo, ông bị phạt trượng theo như sắc lệnh của Chúa Trịnh Tạc.

Đức Cha Néz, trong cuốn “Tài liệu về hàng Giáo sĩ xứ Đông Kinh” đã ghi lại cho chúng ta một ít chi tiết về 7 linh mục, trong số những linh mục tiên khởi này. Vị niên trưởng là cha Martinô Mát, 68 tuổi, là thầy sãi được các cha dòng Tên rửa tội năm 27 tuổi, rồi từ đó dâng mình cho hoạt động truyền giáo, lập được rất nhiều họ đạo mới. Vì thông thạo chữ Hán và có nhiều kinh nghiệm truyền giáo, nên được trao cho việc huấn luyện các thầy giảng trẻ. Năm 1662, khi các cha dòng bị trục xuất, cha Martinô Mát được các cha dòng đặt làm bề trên các thầy giảng, trong thời kỳ các cha vắng mặt.

Sau cha Martinô Mát là cha Simon Kiên, 60 tuổi, sinh năm 1610 ở xứ Kiên Lao, Trấn Nam. Năm 30 tuổi, sau khi bà vợ qua đời, vì không vướng trở con cái, nên đã xin vào làm thầy giảng. Vì cha có lòng đạo đức đặc biệt nên được Đức Cha Lambertô de la Motte gọi lên chức linh mục, dù cha chưa được thông thạo và chưa đọc trơn La Ngữ. Còn cha Antôn Quê, 56 tuổi người làng Bầu Triệu, tỉnh Thanh Hóa, là một nho gia, thuộc gia đình quan lại. Ông cụ thân sinh của cha là một quan lớn trong triều. Nhưng từ khi được ơn trở lại, cha từ bỏ tất cả, đem tài học của cha để dạy cho các thầy giảng của các cha dòng. Cha cũng rất nhiệt tình truyền giáo. Trong số các cha được chịu chức, cha là người lôi cuốn được nhiều người trở lại hơn cả trong suốt đời truyền giáo. Cũng thuộc hàng thầy giảng bậc nhất, còn có cha Philippô Nhân, được thụ phong linh mục lúc 52 tuổi. Chúng ta

không có tài liệu về cha.

Cha Giacôbê Chiêu và cha Lêô Trự cả hai cùng sinh năm 1624, tức 46 tuổi lúc thụ phong linh mục. Cha Chiêu về sau làm cha sở coi vùng tỉnh trấn Đông và mạn trên trấn Nam. Còn cha Trự, sinh quán làng Deu'ho, huyện Dou quan. Từ năm 18 tuổi, cha đã dâng mình vào Nhà Đức Chúa Trời. Cha được tất cả mọi người yêu mến, vì cha hiền lành và nhã nhặn. Trẻ nhất trong số 4 linh mục thụ phong lúc ấy là cha Vitô Trị, mới 30 tuổi. Dù lúc ấy, theo nguyên tắc của Đức Cha Lambertô de la Motte thì chỉ nhận lên chức linh mục những thầy giảng đã làm việc lâu năm, có lòng đạo hạnh chắc chắn và độ trên 40 tuổi. Nhưng vì cha Vitô Trị có đức tính hơn người, nên đã được đặc cách nhận vào sổ các thầy giảng được thụ phong. Đức Cha Néz đã viết về cha: “Cha là người rất thông thái, siêng năng, cần mẫn và nhiệt thành trong việc cứu linh hồn người ta.”

Với hai linh mục tiên khởi, cha Hiền và cha Huệ, số linh mục Việt Nam địa phận Đàng Ngoài như thế là 9 vị với 48 thầy thuộc hàng Giáo sĩ. Chúng ta phải ghi ở đây công ơn của các thừa sai Pháp trong việc thành lập hàng Giáo sĩ Việt Nam theo tinh thần và huấn lệnh của Tòa Thánh đã trao cho các vị. Nếu các cha dòng Tên là những người đặt nền móng thì các thừa sai Pháp là những người xây dựng Tòa nhà Giáo hội Việt Nam. Các cha dòng Tên là những người thành lập thì các cha thừa sai Pháp là những người đến sau tổ chức và hoàn thành. Cả hai bổ túc cho nhau và theo lối nói của thánh Phaolô kẻ trồng, người vun xới.

3. Công đồng thứ nhất Địa phận Đàng Ngoài

Địa phận đã có một hàng Giáo sĩ với những người chỉ huy là Đức Giám mục địa phận và cha chính đại diện của ngài, tiếp đến các linh mục trông coi các địa hạt, các xứ họ cùng với những chân tay phụ lực là các thầy giảng. Đức Cha Lambertô de la Motte còn phải nghĩ đến việc tổ chức giáo đoàn cho có quy củ, có hệ thống chặt chẽ, để có thể tiến mạnh hơn, mau hơn và nhất là để có thể bảo đảm, đương đầu với những cuộc cải cách còn tiếp tục xảy ra sau này nữa. Đồng thời ngài cũng không quên sửa chữa những tệ lạm không thể tránh được trong những giáo đoàn mới thành lập. Người giáo dân từ một

xã hội lương dân bước vào đời sống Giáo hội tinh tuyền và thánh thiện của Chúa không thể gột rửa ngay một lúc tất cả những tập tục cũ. Lại thêm những thiếu sót của người đi trước trong việc huấn luyện những người tân tòng mà người đến sau này có bổn phận phải hoàn tất cho đầy đủ hơn. Ngoài ra việc huấn luyện cấp chỉ huy còn phải tiếp tục luôn luôn và trước hết là đặt ra những nguyên tắc nền tảng để hướng dẫn hoạt động của họ. Đó là chương trình thứ hai của Đức Cha Lambertô de la Motte phải thực hiện, khi đến kinh lược địa phận Đà Nẵng.

Ngày 14-02-1670 Đức Cha đã tổ chức Công Đồng I địa phận Đà Nẵng. Dưới quyền chủ tọa của ngài có mặt cha chính Phanxicô Deydier, hai cha Giacôbê de Bourges, Gabrien Beuchard và 9 linh mục tiên khởi xứ Bắc. Tất cả các quyết nghị lập thành một bản luật, làm quy tắc hành động sau này cho các thừa sai và linh mục bản quốc trong địa phận.¹⁴⁹ Nó là phản ảnh trung thành của bản các “Huấn điều cho các Thừa sai” trong công đồng Yuthia, hay đúng hơn, đó là bản các huấn điều được áp dụng vào tình trạng và nhu cầu của giáo đoàn xứ Bắc. Bản luật công đồng sau đó được gửi sang Rôma và đã được Tòa Thánh châu phê do sắc lệnh “Sứ mệnh tông đồ” (Apostelus officium) của Đức Thánh Cha Clémentê X ngày 23-12-1673.¹⁵⁰

Bản quy luật này chia làm 33 khoản. Sau khoản 1 và 2 về quyền đại diện Tòa Thánh của Đức Giám mục coi sóc địa phận, từ khoản 3 đến 18 nói về tổ chức địa phận, các xứ đạo và tổ chức Nhà Đức Chúa Trời.

Địa phận chia ra nhiều địa hạt hay nhiều xứ đạo tùy theo số giáo dân trong các tỉnh và số linh mục của địa phận. Mỗi xứ đạo gồm nhiều họ đạo. Các xứ đạo sẽ do các linh mục quản trị và có các thầy giảng giúp việc (khoản 3). Muốn được nhận vào tổ chức các thầy giảng, phải có chứng thư chấp nhận của Đức Giám mục địa phận hoặc cha chính của ngài, sau khi khảo hạch các điều cần và bắt buộc về những điều đức tin (khoản 5). Các nhân viên Nhà Đức Chúa Trời sống đời sống cộng đồng và để của chung (khoản 10). Mỗi nhà xứ là một cộng đồng riêng biệt. Tiền dâng cúng của giáo dân trong vùng sẽ để làm quỹ chi tiêu của nhà xứ. Công việc chi tiêu và coi sóc của cải

trong nhà xứ sẽ do thầy cai đảm nhiệm. Như thế cha xứ sẽ được rảnh tay để chuyên lo công việc phần hồn cho giáo dân. Mỗi năm, thầy cai sẽ làm sổ chi tiêu gửi về Đức Giám mục địa phận hoặc cha chính của ngài. Sổ tiền thừa sẽ đưa vào quỹ nhà chung địa phận, dùng để giúp vào quỹ chủng viện hay quỹ cứu trợ người nghèo (khoản 10-14). Trong việc đào tạo ơn gọi chủng sinh để sau này nâng lên bậc thầy giảng và bậc linh mục, các cha xứ sẽ lo chọn lựa các chú để gửi về chủng viện (khoản 16). Chủng viện sẽ do cha chính địa phận và các thừa sai đảm nhận và giáo huấn (khoản 15). Đồng thời các cha xứ cũng trông nom săn sóc các chị em dòng Mến Thánh Giá trong khu vực của mình (khoản 18). Về đời sống tu đức, các cha xứ sẽ cố gắng sống một đời sống hoàn hảo, chăm lo việc đạo đức tu thân và nhiệt thành trong việc cứu rỗi linh hồn người ta. Về tổ chức trong xứ đạo, ngoài các họ đạo lớn có thầy giảng trông coi, ở mỗi họ nhánh các cha xứ sẽ tìm chọn những người đạo đức tốt lành, có chữ nghĩa và thông thuộc lễ đạo để làm ông trùm của họ. Ông trùm là người trông coi việc kinh hạt ở nhà thờ và các công việc trong họ. Hàng năm các ông trùm các họ sẽ làm tờ báo cáo tình trạng của họ của mình cho thầy giảng coi sóc trong vùng của mình. Thầy giảng sẽ làm báo cáo lên cha xứ và cha xứ sẽ báo cáo tình trạng cả xứ đạo lên bề trên địa phận (khoản 7).

Từ khoản 19, bản luật đưa ra những nguyên tắc và những phương pháp để sửa chữa những tệ tục trong đời sống giáo dân, những sai lầm và thiếu sót trong việc giáo huấn làm các phép Bí tích. Trước hết bản luật chú trọng đến những tệ tục về hôn phối, lúc đó đang thịnh hành trong xã hội Việt Nam và cũng không quên nhắc nhở về những cách thức thực hành Bí tích này (khoản 19). Các Bí tích rửa tội và giải tội được nhắc đến trong các khoản 23, 24, 25. Còn trong việc giáo huấn cho giáo dân cũng như cho người tân tòng, bản luật chú trọng về việc dạy các giới răn Hội Thánh mà từ trước giáo dân cũng như tân tòng không được giáo huấn đầy đủ hoặc không được nghe nói đến (khoản 20). Đồng thời bản luật cũng nhắc các cha xứ và các thầy giảng khuyên bảo giáo dân về đời sống tu đức, hãm mình và nguyện gắm (khoản 21) và nhất là can đảm xưng đạo ra bên ngoài trong thời kỳ bị cấm cách (khoản 22). Cuối cùng khoản 34, Công đồng nhận thánh Giuse làm quan thầy chung cho cả địa phận

Đàng Ngoài.

Với bản luật công đồng địa phận Đàng Ngoài lần đầu tiên, hệ thống tổ chức Giáo hội Việt Nam đã được quy định thành luật lệ. Bắt đầu, nó là sáng kiến của một số thừa sai dòng Tên, trong đó cha Đắc Lộ đóng vai chính yếu. Chúng ta cũng ghi nhớ ơn các thừa sai dòng Tên ở đây vì chính nhờ những sáng kiến đó, mà có thể nói, tổ chức Giáo hội Việt Nam có những đặc sắc mà không Giáo hội nào có, hay nếu có thì chỉ là những góp nhặt lại và vẫn không được bằng hay không được như Giáo hội Việt Nam. Chúng ta có thể vạch ra một vài nét đặc sắc đại cương. Tổ chức Nhà Đức Chúa Trời với đời sống cộng đồng và luật để của chung. Tổ chức thầy giảng với địa vị trọng yếu của các thầy trong công cuộc truyền giáo. Tổ chức các xứ đạo với các ông trùm trưởng và các chức việc. Tất cả những đặc biệt đó, chúng ta không thể tìm thấy ở các Giáo hội khác ở Á Châu cũng như ở Âu Châu.

Những sáng kiến này lúc đầu chỉ là những bước đi dò dẫm, được áp dụng và thí nghiệm ở một xứ đạo rồi lan dần đi các xứ đạo khác. Rồi từ Đàng Ngoài được đem vào Đàng Trong. Sau gần nửa thế kỷ nó đã qua nhiều thí nghiệm, nhiều sửa chữa để đi dần đến hoàn bị. Lúc này nó được ấn định trong một bản luật của công đồng, được tất cả mọi người công nhận để áp dụng trong các xứ đạo địa phận Đàng Ngoài. Ở đây cũng như ở trên, khi bàn đến việc thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc, chúng ta phải ghi ơn Đức Cha Lambertô de la Motte và các thừa sai Pháp. Chính các Ngài là những người có công hoàn bị, sửa chữa và ấn định hình thức tổ chức sơ khởi Giáo hội Việt Nam, mà các thừa sai dòng Tên đã phác họa bước đầu. Các ngài cũng là những người có công, lần đầu tiên quy định hệ thống tổ chức đó thành luật lệ để tiếp tục mãi sau này. Nhờ đó, Giáo hội Việt Nam đủ sức đương đầu với các cuộc bách hại liên tiếp. Đặc biệt hơn cả là những cuộc bách hại liên tiếp đẫm máu ghê sợ của nhà Nguyễn: Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức với những anh hùng tử đạo của các nhân viên Nhà Đức Chúa Trời, các linh mục, các thầy giảng, các chú, các bổ và của tổ chức xứ đạo các ông trùm trưởng đàn anh và chức việc.

II. Thành Lập Dòng Mến Thánh Giá Đầu Tiên Ở Việt Nam

Trước khi từ giã giáo đoàn xứ Bắc, kết thúc cuộc kinh lược đầu tiên của ngài ở địa phận Đàng Ngoài, Đức Cha Lambertô de la Motte còn phải giải quyết một vài vấn đề, mà cha chính Deydier đã đặt ra với ngài, từ ngay lúc đầu khi mới tới xứ Bắc, vấn đề thành lập dòng tu cho những thiếu nữ muốn sống đời tu trì như các dòng tu bên Tây Phương.

1. Sáng kiến lập dòng nữ của cha chính Phanxicô Deydier

Trước đây, dưới thời các thừa sai dòng Tên cũng như lúc này, dưới quyền của các Giám mục đại diện Tòa Thánh, tục đa thê là một trở ngại lớn lao cho công cuộc truyền giáo, ở xứ Bắc cũng như ở xứ Nam. Nhiều người lương dân muốn theo đạo công giáo, nhưng vì vương vấn vợ nọ con kia, nên không thể nhận vào đạo được. Tai hại hơn nữa nhiều thiếu nữ Công giáo vì bị ép uống, không thể chối từ được, đã phải rơi vào cảnh lẽ mọn và bỏ đạo. Cũng có trường hợp vì tình trạng chồng lương vợ giáo nên cũng không thể trung thành giữ đạo. Khi gặp một người trong gia đình quan lại hoặc đàn anh bên lương có thể giá hay giàu có hỏi làm vợ, để tránh những ép uống và những liên lụy cho gia đình, họ thường ẩn náu đi nơi khác, trong một gia đình Công giáo nào đó.

Đi xa hơn nữa, nhiều thiếu nữ vì chán cảnh thế gian, muốn sống đời tu trì, đọc kinh cầu nguyện như các sư vải, mà họ thấy bên nhà chùa. Có những thiếu nữ muốn hiến dâng đời mình cho công cuộc truyền giáo, làm những công việc một phần nào tương tự như các thầy giảng, nghĩa là những công việc truyền đạo mà giới phụ nữ có thể làm được. Ở nhiều họ đạo, không có thầy giảng, người ta thấy có những bà cụ hay những cô gái ngoan đạo hay dạy kinh bốn cho trẻ em hoặc cho các phụ nữ tân tông. Có những bà những cô biết làm thuốc, họ đi thăm người bệnh bên lương và rửa tội được nhiều người trước khi chết.

Dưới thời các thừa sai dòng Tên, cha Marini đã nói đến một số thiếu nữ muốn sống đời tu trì, hiến dâng trọn đời cho Chúa và hoạt

động truyền giáo.¹⁵¹ Người ta cũng kể câu chuyện “ba người nữ ở xứ Đông” tức miền núi Hải Dương bây giờ. Năm 1640, Chúa Trịnh Tráng ra chỉ cấm đạo, nhưng ba tháng sau lại rút sắc chỉ lại. Nghe tin có sắc chỉ cấm đạo, ba người nữ này lúc đó đã khẩn giữ mình đồng trinh, liền đến Kẻ Chợ để xưng đạo. Nhưng đến nơi thì Chúa Trịnh Tráng đã tha đạo. Cả ba quyết định ở lại miền Kẻ Chợ và sống chung với nhau để giúp nhau tập đi đường nhân đức. Sau này cũng có nhiều người bắt chước gương những người nữ này và sống chung với nhau như thế. Vì sợ những dị nghị và những khó dễ có thể xảy đến cho sự đạo, các cha dòng Tên không dám nhận họ để tổ chức thành một tu hội như các thầy giảng. Không dám huấn luyện cho họ biết sống đời tu trì đạo đức và biết hoạt động truyền giáo để cộng tác với các cha như các thầy giảng.

Đối với thái độ của các dòng Tên trên đây, cha chính Phanxicô Deydier cho là quá dè giữ. Cha là người đầu tiên, để ý đến nguồn năng lực truyền giáo của giới phụ nữ Việt Nam. Sau này, lịch sử sẽ chứng minh nó không kém gì địa vị của các thầy giảng trong công cuộc truyền giáo và xây dựng Giáo hội. Chính cha Deydier cũng là người đầu tiên đã thành lập cho họ “một thứ tu viện” với một vài luật pháp sơ khởi. Vào cuối tháng 3-1669, trong cuộc đi làm phúc các xứ đạo, sau khi thăm “Kẻ Vời”, cha Deydier qua “Kẻ Mong” (Sơn Miêng) cha kể: “Ở nhà xứ đó, có ba thiếu nữ giữ mình trinh khiết, sống chung với nhau theo một vài luật pháp mà tôi đã đặt cho họ, với hy vọng Thiên Chúa sẽ cho chúng tôi phương thế lập một thứ tu viện để 3 thiếu nữ đó và rất nhiều người khác cũng có chí hướng như thế họ có thể đến ở với nhau.”¹⁵²

2. Đức Cha Lambertô de la Motte, vị sáng lập dòng Mến Thánh Giá ở Việt Nam

Đức Cha Lambertô de la Motte không những đồng ý kiến và phê chuẩn công việc của cha chính Phanxicô Deydier, ngài còn tự tay soạn thảo cho tổ chức mới đó một bản luật đầy đủ hơn và công nhận làm một dòng tu nữ trong địa phận Đàng Ngoài. Cùng với cha chính Phanxicô Deydier, Đức Cha Lambertô de la Motte đã trở nên vị sáng lập Dòng Mến Thánh Giá ở Việt Nam.

Cũng như các dòng tu khác, dòng Mến Thánh Giá ở Việt Nam đã chịu ảnh hưởng rất nhiều lối sống tu trì và cách thức hoạt động tông đồ của vị sáng lập. Đức Cha Lambertô de la Motte đã đem tất cả những nguyên tắc đời sống tu trì của ngài, với tinh thần đạo đức khắc khổ và với lòng tôn sùng thánh giá của ngài vào việc soạn thảo bản luật cho các chị em dòng Mến Thánh Giá. Chúng ta có thể nhìn thấy ở đây, phản ảnh trung thành con đường tu đức của ngài.

Có thể nói đặc điểm trong con đường tu đức của ngài là hiến dâng thân xác mình cho Chúa Giêsu chịu đau khổ, để người tiếp tục lễ hy sinh cứu chuộc loài người. Căn cứ vào những ghi ký thiêng liêng của Đức Cha Lambertô de la Motte, một vị thừa sai Hội Truyền Giáo Bale đã viết những dòng sau này về vị sáng lập dòng Mến Thánh Giá ở Việt Nam.

“Bị thúc bách bởi lòng mong muốn tỏ bày tình yêu đặc biệt cho Chúa Giêsu Kitô, Đức Cha đã nghe thấy tiếng gọi bên trong bảo ngài hãy hiến dâng thân xác mình cho Chúa Giêsu Kitô, cho Người mượn thân xác đó mà thi hành những công việc đền tội và hãm mình, để Người có thể tiếp tục mỗi ngày cuộc lễ hy sinh đau khổ trong một thân xác có thể chịu đau khổ, thân xác đã cho Người mượn và đã được Người tuyển chọn vào công việc đó. Đức Cha Lambertô de la Motte còn nói rõ hơn: tiếp theo đó tôi nhận biết rằng, điều mà Chúa yêu cầu tôi là mỗi ngày, lúc chiều tà và lúc ban đêm cũng như trong giờ nguyện ngắm, tôi sẽ đánh tội khoảng chừng bằng thời gian đọc kinh Miserere, để long trọng kính nhớ cuộc hiến tế của Người trên thánh giá và để làm tròn đầy đủ một điều duy nhất còn thiếu trên bàn thánh đó là việc đổ máu... Đồng thời Đức Cha cũng nghe thấy tiếng gọi bên trong khác, thúc đẩy ngài thành lập một hội những người có lòng đạo đức siêng năng đọc kinh cầu nguyện, không phân biệt giai cấp xã hội, cũng không phân biệt nữ giới hoặc nam giới. Họ là những người muốn hiến dâng thân xác mình cho Chúa, để làm việc hãm mình đền tội, kính nhớ cuộc tử nạn của Chúa Giêsu Kitô. Hội đó sẽ lấy tên là Hội Mến Thánh Giá, với mục đích cầu nguyện cho người lương dân và những kẻ có tội ăn năn trở lại. Nhờ họ các vị thừa sai sẽ có một trợ lực thiêng liêng lớn lao để hoạt động có kết quả trong công cuộc truyền giáo.”

Căn cứ vào những ghi ký thiêng liêng trên đây của Đức Cha

Lambertô de la Motte, vị thừa sai đó cho rằng: chính nhờ những tiếng gọi thần bí đó của Đức Cha trong con đường tu đức, đã phát sinh ra dòng chị em nữ tu Mến Thánh Giá và bản luật đầu tiên của dòng, do Đức Cha soạn thảo.

Như các dòng nữ khác, các chị em Mến Thánh Giá cũng khổ hạnh, trinh khiết và vâng lời. Các chị cũng theo lối sống cộng đồng trong từng nhà, không quá 10 chị, dưới quyền một bà mẹ bề trên, nhưng khác với các dòng nữ tu khác ở con đường tu đức đặc biệt của dòng. Bản luật của Đức Cha Lambertô de la Motte đã viết: để tiến trên con đường trọn lành, các chị em hằng ngày sẽ nguyện ngắm về sự thương khó Chúa Giêsu để mỗi ngày biết Chúa hơn và yêu mến Chúa hơn. Bản luật lại tiếp: các chị em sẽ hiến dâng lời cầu nguyện và việc hãm mình đền tội cho công cuộc truyền giáo, bằng lời cầu nguyện và hy sinh hãm mình.

Nhưng các chị không trợ lực công cuộc truyền giáo bằng lời cầu nguyện và hy sinh không thôi, mà còn trợ lực bằng chính hoạt động truyền giáo của các chị nữa. Dòng chị em Mến Thánh Giá là một dòng nữ tu truyền giáo. Bản luật đã nhấn mạnh điều đó, vì bên cạnh đời sống tu trì nguyện ngắm và hãm mình cầu nguyện, các chị cũng không được sao nhãng hoạt động truyền giáo. Bản luật đã kê ra những hoạt động truyền giáo, thích hợp với giới phụ nữ của các chị em dòng và với tình trạng xã hội Việt Nam lúc đó. Trước hết các chị lo dạy kinh bốn cho các trẻ em và cho các thiếu nữ con nhà có đạo. Đồng thời cũng là dạy kinh bốn cho các người nữ lương dân muốn trở lại. Theo lối truyền giáo thịnh hành và rất thích hợp với xã hội Việt Nam lúc đó, các chị sẽ lo săn sóc người liệt bên lương cũng như bên giáo với mục đích cứu vớt linh hồn họ đồng thời với sự sống của họ. Các chị cũng lo tìm cách rửa tội cho các em nhỏ gia đình bên lương, lúc gần chết. Đi xa hơn nữa, bản luật còn muốn các chị cũng sẽ cố gắng để lôi cuốn những người nhà trò con hát và những người nữ trụ lạc ra khỏi đời sống tội lỗi của họ.

Tiếp theo, bản luật đã đặt ra cho các chị một chương trình sống hằng ngày rất nghiêm ngặt. Sáng mai, các chị thức dậy từ 4 giờ sáng. Sau khi đọc kinh sáng, các chị nguyện ngắm một giờ về sự thương khó Chúa Giêsu, kết thúc bằng ca vịnh sám hối và đánh tội. Ban ngày, ngoài hoạt động truyền giáo mà bản luật đã đề ra trên đây,

các chị sẽ làm công việc chân tay để sinh sống. Cơm ăn của các chị, một ngày hai bữa thanh đạm. Các chị sẽ giữ chay các ngày thứ sáu và suốt đời kiêng không ăn thịt, chỉ trừ ba ngày lễ sinh nhật, Phục Sinh và Hiện Xuống.

Cuối cùng bản luật nhận thánh Giuse làm quan thầy bảo hộ cho dòng. Trước khoản luật cuối cùng này, Đức Cha Lambertô de la Motte đã dành ra nhiều khoản để giải thích lời của thánh Phaolô đã bảo: “Chúng ta là những người đã được Chúa Kitô chịu chết, để ban lại cho chúng ta sự sống, thì nay chúng ta không còn được sống cho chúng ta nữa, mà phải sống cho Đấng đã chết, để ban lại sự sống cho chúng ta.” Vị sáng lập đã muốn cho các chị dòng của ngài lấy câu đó làm châm ngôn của mình. Thực tế, nó bao gồm tất cả ý nghĩa cũng như đường lối tu trì của các chị: “Hiến dâng tất cả đời sống cho Chúa Kitô đã chịu đóng đinh.”

Bước vào mùa Chay năm 1670, ngày lễ Tro, Đức Cha Lambertô de la Motte sung sướng nhận lễ khấn tuyên thệ của hai chị tiên khởi dòng Mến Thánh Giá, đó là chị Anê và Paula.¹⁵³ Sau lễ khấn này Đức Cha Lambertô de la Motte vội vã theo tàu Junet, ngày 26-02-1670, đang đậu lại ở sông Cái để chờ gió thuận kéo buồm ra khơi.

Công việc cuối cùng của Đức Cha Lambertô de la Motte trong cuộc kinh lược địa phận Đàng Ngoài như thế đã hoàn tất. Dòng Chị Em Mến Thánh Giá của Giáo hội Việt Nam đã thành lập. Ngay từ lúc đầu dòng đã bành trướng một cách mau lẹ. Trong một thời gian vắn, số người tu xin nhập tu đã quá đông, vì thế phải thành lập một nhà khác. Nhà thứ hai này lúc đầu đã có 5, 6 chị dòng dưới quyền bà mẹ bề trên tên là Lina, bà là một góa phụ đạo đức đã 45 tuổi. Trong số các chị xin nhập tu cũng có chị thuộc gia đình có thế giá, đàn anh, quan lại và thuộc cả hoàng gia nữa, như trường hợp chị Catarina, con gái của cụ Orsula Đức Lão Cù. Chị cũng muốn xin vào làm chị nhà tập của dòng mới, nhưng vì đã có một người con của một vị quan lớn trong triều muốn hỏi chị làm phu nhân, nên cha chính Phanxicô Deydier không muốn nhận vì sợ có liên lụy đến dòng mới thành lập.¹⁵⁴

Sáng lập dòng Chị Em Mến Thánh Giá, đó là công ơn đặc biệt Đức Cha Lambertô de la Motte làm cho Giáo hội Việt Nam. Suốt dọc

mấy thế kỷ đầu của Giáo hội Việt Nam, qua các cuộc bách hại của Chúa Nguyễn trong Nam và Chúa Trịnh ngoài Bắc, đến thời Tây Sơn và tiếp theo thời bách hại đẫm máu trên khắp các địa sở truyền giáo, cùng với tổ chức các thầy giảng, các chị em dòng Mến Thánh Giá đã góp một địa vị quan trọng trong công cuộc truyền giáo và xây dựng Giáo hội Việt Nam. Nói về các chị em dòng Mến Thánh Giá, cha A. Launay đã viết: “Những người nữ thánh thiện và khó nghèo đó, họ đáng được gọi bằng cái tên chị em Mến Thánh Giá. Họ đã chịu đựng tất cả những gì là đau khổ, là lo âu, là cay đắng của loài người, nhưng họ cũng đã được nếm tất cả những gì là ngọt ngào thiêng liêng của tình yêu Chúa. Họ đã sống một đời nghèo khổ làm lưng vắt vả và chịu nhiều cay đắng nhục nhã. Chúng ta gặp họ trên khắp nẻo đường đất nước. Họ đi thăm các xóm làng, các xứ tỉnh để đem nước tái sinh của phép rửa để cho các em nhỏ. Họ đã liều mạng để giúp các linh mục ẩn tránh trong thời kỳ bị bách hại. Họ đã mang bánh ban sức mạnh cho các vị xưng đạo trong tận các tù ngục, và đã kết vòng hoa chiến thắng cho tất cả những công việc nhân đức và hy sinh can đảm đó. Họ đã xưng danh Chúa Giêsu, dù bị tra tấn cực hình hay phải hy sinh mạng sống.” Cuối cùng cha Launay kết luận: “Các chị em dòng Mến Thánh Giá thực đã nêu cao bên trời Đông, sự cao cả của đức khiêm nhường, vinh danh của đức vâng lời và hào quang của đức trinh khiết.”

3. Trên con đường trở về Thái Lan. Bức thư của Đức Cha Lambertô de la Motte gửi các chị em dòng Mến Thánh Giá và bức thư 9 linh mục địa phận Đà Nẵng gửi lên Đức Thánh Cha

Tàu của Junet tuy vội vã lên đường nhưng ra đến cửa Sông Cái thì gặp trái gió, phải dừng lại một thời gian khá lâu mới có thể có gió thuận để kéo buồm ra khơi. Cùng trở về Thái Lan với Đức Cha Lambertô de la Motte, có cha Gabien Bouchard. Còn cha Giacôbê de Bourges ở lại Bắc hoạt động truyền giáo với cha chính Phanxicô Deydier.

Lợi dụng thời gian chờ đợi, Đức Cha không những đã hoàn tất bản luật dòng cho các chị em Mến Thánh Giá và ký nhận vào ngày

26-06-1670, ngài còn gửi kèm theo bản luật một bức thư cho hai chị Anê và Paula. Đây là một sử liệu quý giá của các chị em dòng Mến Thánh Giá. Cũng như bản luật của dòng, bức thư gửi cho hai chị Anê và Paula là phản ảnh trung thành con đường tu đức của vị sáng lập. Nhưng nếu trong bản luật, những tư tưởng thiêng liêng thần bí của ngài bị gò bó vì những khoản luật rời rạc, thì ở đây, trong thư gửi cho hai chị Anê và Paula, nó được tự do phát biểu và được phát biểu đầy đủ, rõ ràng hơn. Các chị em dòng Mến Thánh Giá có thể coi bức thư đầu tiên gửi cho các chị đây, như bức tâm thư cuối cùng của người cha sáng lập dòng, troỉ lại cho con cái của ngài. Chúng tôi tạm dịch:

“Phêrô Lambertô gửi các chị Anê và Paula yêu dấu,

Vì phải xuống tàu trở về vôi vàng, nên ngày lễ Tro, Thầy (lối xưng hô thời xưa của các Đức Giám mục) không thể khuyên bảo chúng con về con đường trọn lành, mà Đức Chúa Trời đã đoái thương, kêu gọi chúng con bước lên. Thầy viết mấy dòng này, để nhắc nhở chúng con, là chúng con đã hiến dâng mình cho Chúa Giêsu Kitô, thì từ nay chúng con không còn thuộc về chúng con nữa.

Từ nay chúng con sống là để suy ngắm sự thương khó Chúa, để bắt chước đời sống chịu đóng đinh của Người. Nhờ đó mỗi ngày chúng con lớn lên trong sự hiểu biết và trong tình yêu người bạn trăm năm trên trời. Chúng con sẽ cố gắng làm vui lòng Người, bằng cách trung thành làm trọn tất cả mọi nhiệm vụ bó buộc của mình. Thầy không bao giờ hết lời nhắc bảo chúng con biết rằng, nhờ đó chúng con sẽ thu lượm được những lợi ích lớn lao cho linh hồn mình và những lợi ích đó, cũng sẽ chiếu giải ra cho cả Hội Thánh Chúa.

Thầy cũng đặc biệt nhắc nhở chúng con, về việc săn sóc các chị em trong nhà. Đây là những kho tàng thánh thiện Chúa đã trao phó trong tay chúng con. Chúng con cũng luôn luôn đặt mục tiêu chính yếu của đời sống tu trì của chị em chúng con là tiếp tục đời sống đau khổ của Chúa Giêsu Kitô, là cầu xin với Người cho những người lương dân và những người công giáo tội lỗi ăn năn trở lại, bằng những lời kinh nguyện của chúng con, bằng những việc ăn chay hãm mình và bằng nước mắt đổ ra của chúng con. Nhưng đặc biệt chúng con phải chú trọng điều này, là chúng con phải làm những công việc thánh thiện đó, như là làm thay cho Chúa Giêsu Kitô.

Trong tình trạng vinh quang trên trời của Người, Chúa Giêsu không thể thi hành những công việc đó như khi còn ở dưới thế này. Nhưng Người đã dùng một số linh hồn, Người đã tuyển chọn và đã ban đầy tinh thần cứu thế của Người, để tiếp tục sống đời sống cứu thế của Người ở thế gian này và

để tiếp tục công cuộc hiến tế của Người cho đến ngày tận thế.

Các chị em yêu dấu của Thầy, đây chúng con xem, địa vị của chúng con cao cả như thế nào. Nhờ đó, chúng con mới hiểu, vì sao chúng con phải hoàn toàn chết với thế gian và chết với chính mình, nghĩa là chết với những đòi hỏi của giác quan, chết với bản tính hư hèn của loài người, chết với đường lối lý luận của loài người, để từ nay, chúng con chỉ sống đời sống của Chúa Giêsu Kitô, tuân theo những nguyên tắc sống đạo cao cả của Người.

Thầy xin chúng con hãy luôn luôn suy ngẫm những chân lý ấy và chúng con hãy nhớ đến Thầy khi đến trước mặt Chúa.”

Tại cửa Biển Xứ Đông Kinh, ngày 26-02-1670.¹⁵⁵

Chương IX
ĐỨC CHA LAMBERTÔ DE LA MOTTE KINH
LƯỢC ĐỊA PHẬN ĐÀNG TRONG LẦN THỬ
(1671-1672) VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC
THỬ SAI

I. Ở Kinh Đô Thái Lan, Sau Cuộc Kinh Lược Địa Phận Đàng Ngoài (1670-1671)

Trở về tới kinh đô Thái Lan vào trung tuần tháng 4-1670 với cha Gabien Bouchard, thì đến ngày 12-10-1672, Đức Cha Lambertô de la Motte đã làm xong bản tường trình của ngài về chuyến đi kinh lược địa phận Đàng Ngoài (1669-1670). Ngài gửi về Tòa Thánh kèm theo bản luật Công đồng I xứ Đông Kinh và bản luật của các chị em Dòng Mến Thánh Giá. Bản luật công đồng sau khi sửa đổi ít nhiều, đã được Đức Thánh Cha Clémentê X công nhận trong đoản sắc “Sứ mệnh tông đồ” (Apostelitus afficium) ngày 23-12-1673.

1. Những khó khăn Đức Cha gặp với kinh sĩ hội ở Goa và với người Bồ Đào Nha ở kinh đô Thái Lan

Ở kinh đô Thái Lan, Đức Cha Lambertô de la Motte vẫn tiếp tục gặp những khó dễ với người Bồ Đào Nha. Vào đầu tháng 11-1670 một ủy viên của kinh sĩ hội Goa đã được phái đến kinh đô Thái Lan, yêu cầu Đức Cha trình ủy nhiệm thư và sắc phong Giám mục. Nếu không sẽ bị rút phép thông công và còn bị phạt vạ 200 đồng bạc nữa.

Muốn hiểu câu chuyện này, chúng ta phải trở lại thời gian năm 1665. Từ khi bước chân đến kinh đô Thái Lan, nhìn thấy những tệ lạm trong phái giáo đoàn ở đây, Đức Cha Lambertô de la Motte, với tính tình nhiệt tình sốt sắng, đòi hỏi sự hoàn thiện ở nơi mình cũng như ở nơi khác, ngài đã nhiều lần lên tiếng tố cáo. Ngài muốn cải cách, nhưng đành bó tay chịu, vì ngài không có quyền hành gì ở địa sở truyền giáo kinh đô Thái Lan. Vào cuối năm 1663, Đức Cha đã sai cha Giacôbê de Buorges trở về Rôma, xin Tòa Thánh ủy quyền coi sóc địa sở truyền giáo Thái Lan cho các Giám mục đại diện tông tòa. Đang khi chờ đợi, vào cuối năm 1665, trong chuyến trở lại xứ Nam của cha Luigi Chevreuil với cha Antôn Hainques, Đức Cha đã trao cho cha Luigi Chevreuil sứ mệnh gặp cha Paul d'Acosta. Ngài là cha chính địa phận Malacca, lúc đó đang lánh nạn ở Cao Miên. Cha Chevreuil sẽ xin cha này ủy quyền coi sóc các địa sở truyền giáo kinh đô Thái Lan cho Đức Cha Lambertô de la Motte.¹⁵⁶

Nhận được giấy ủy quyền của cha chính Paul d'Acosta viết tại

Cao Miên ngày 24-12-1665, Đức Cha đã dùng quyền đó để sửa chữa những tệ lạm của các cha dòng ở tại kinh đô Thái Lan. Vào tháng 5-1666, Đức Cha đã ngăn cản không cho cha dòng Đaminh, người Bồ Đào Nha, tên là Fragese, ủy viên của Tòa điều tra ở Goa, được làm bổ đỡ đầu trong dịp làm phép thêm sức. Một cuộc tranh luận sôi nổi về pháp luật, nhưng Đức Cha Lambertô de la Motte, vị cựu trạng sư của tòa án ở Rouen, đã không để họ lấn chân. Năm sau, ngày 15-10-1667, ngài đã viết một thư chung bằng La ngữ, kèm theo bản dịch bằng tiếng Bồ Đào Nha, tố cáo tệ lạm buôn bán của các cha dòng Tên. Một cuộc tranh luận sôi nổi khác lại tiếp diễn về vấn đề buôn bán của các cha dòng và những người Bồ Đào Nha đối với Đức Cha Lambertô de la Motte trở nên sâu đậm hơn.¹⁵⁷

Nhưng quyền hạn mà cha chính ở Malacca, Phaolô d'Acota, ủy nhiệm cho Đức Cha Lambertô de la Motte ở kinh đô Thái Lan không được lâu bền. Sau khi bỏ Cao Miên cha này đã sang Goa và xin từ chức ở đây ngày 20-05-1667. Do sự từ chức này, quyền hạn của Đức Cha Lambertô de la Motte do cha chính Phaolô d'Acosta ủy nhiệm cũng hết hiệu lực. Các cha dòng lợi dụng tình trạng này để yêu cầu các Tòa Giám mục ở Goa can thiệp vào sự có mặt của Đức Cha Lambertô de la Motte ở kinh đô Thái Lan. Đã từ lâu, Goa không có Đức Tổng Giám mục và Kinh sĩ hội thay thế ngài để coi sóc địa phận. Dựa vào quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha, Tòa Giám mục Goa cho rằng mình có quyền can thiệp vào các vấn đề của các địa sở truyền giáo vùng Đông Ấn.

Ngày 02-08-1669, kinh sĩ hội ở Goa ký một sắc lệnh, yêu cầu Đức Cha Lambertô de la Motte phải trình bày ủy nhiệm thư và sắc phong Giám mục cho ủy viên của hội, sẽ được sai đến kinh đô Thái Lan, lên đường vào xứ Bắc để kinh lược địa phận Đàng Ngoài. Vì thế, sắc lệnh này mãi đến 05-11-1670 mới trao đến tay Đức Cha, trong 3 ngày, phải thi hành sắc lệnh ấy. Vì muốn tránh những gương xấu, những tin đồn dị nghị tai hại, theo như Đức Cha viết cho cha Leslay, nhân viên của Bộ Truyền giáo, mấy ngày sau khi câu chuyện xảy ra,¹⁵⁸ Đức Cha đã bằng lòng để cho ủy viên của kinh sĩ hội ở Goa, xem các sắc phong của Tòa Thánh, nhưng sau đó, ngày 10-11-1670, Đức Cha Lambertô de la Motte đã viết thư phản đối việc làm của kinh sĩ

hội ở Goa: “Là nhân viên của Tòa Thánh trực tiếp sai đến khu vực truyền giáo, nên chỉ có Tòa Thánh mới có quyền xét cứ công việc làm của ngài.”¹⁵⁹ Đồng thời Đức Cha cũng viết thư về Bộ Truyền Giáo trình bày câu chuyện của kinh sĩ hội ở Goa.

Nhận hay không nhận quyền chức Giám mục của Đức Cha Lambertô de la Motte, do các sắc phong của Tòa Thánh ban cho ngài, kinh sĩ hội ở Goa vẫn kết án Đức Cha, vì ngài đã vào khu vực truyền giáo vùng Đông Ấn, mà không chịu qua sự kiểm soát của Lisbona. Những sắc chỉ Tòa Thánh ban quyền cho Đức Cha, ở những địa sở truyền giáo đã chỉ định cho ngài, vì không có sự ưng thuận của Quốc vương Bồ Đào Nha, nên không có giá trị. Không chịu qua quyền kiểm soát của Lisbona và không được sự ưng thuận của Quốc vương Bồ Đào Nha, đó là hai tội lỗi lớn, mà tinh thần quốc gia quá khích của người Bồ Đào Nha không thể tha thứ được. Đức Cha Lambertô de la Motte đã được ném một bài học kinh nghiệm.

Câu chuyện xảy ra vào một chiều Chúa nhật. Một người Bồ Đào Nha có thế giá trong hoàng gia, mới đến kinh đô Thái Lan, nghe biết câu chuyện, đã đem theo một số nhân viên, chèo thuyền đến cửa nhà Đức Cha ở làng người Việt bên mé sông Mễ Nam. Họ đánh trống thổi kèn ầm ĩ, yêu cầu Đức Cha ra trình diện và đưa giấy phép của Quốc vương Bồ Đào Nha cho phép tới địa sở truyền giáo ở Xiêm, nếu không sẽ bị bắt giải về Goa... Nhưng dân chúng ở làng Việt đã được cấp báo kịp thời, để bảo vệ Đức Cha không cho họ bắt đem đi. Vị thủ lĩnh trong làng cùng 12 tuần đinh, mang gươm tuốt trần, mặc áo trận sẵn sàng đi ứng chiến. Những người Bồ Đào Nha thấy thế sợ hết vía, phải rút lui vội vàng. Nếu không có sự can gián của Đức Cha, thì tên đứng đầu đã bị dân làng Việt cho một trận đòn như tử. Để trả thù, những người Bồ Đào Nha định lôi kéo người Hòa Lan về phía họ, nhưng người Hòa Lan cũng khiếp sợ dân làng Việt, không dám nhận. Đêm hôm làng Việt được canh phòng cẩn mật.

Sáng hôm sau, trên hai chiến thuyền nhỏ vua Xiêm ban cho dân làng Việt, để họ đi theo nhà vua lúc đánh trận, cha Bêninhê Vachet kể: “Với một lối chèo thuyền rất mau lẹ, hai chiến thuyền đó trong chốc lát đã đến trại của người Bồ Đào Nha. Khi tới nơi họ gác chèo để cho thuyền từ từ trôi theo dòng nước, tay cầm gươm tuốt trần. Họ

lớn tiếng thách thức các dân khiếp nhược đó. Không một tên nào dám ra mặt, hầu hết bỏ chạy trốn vào nhà thờ tất cả.” Người dân làng Việt đi đi lại lại bốn lần như thế, mà không một phản ứng gì cả, lúc đó họ mới rút lui. Người Bồ Đào Nha từ đấy lại càng khiếp sợ người dân làng Việt. Suốt một tháng trời sau đó, họ không dám đi thuyền qua làng Việt.¹⁶⁰

2. Những thừa sai mới và những sắc lệnh bảo vệ quyền Giám mục đại diện. Quyết định kinh lược địa phận Đàng Trong

Đàng khi phải đương đầu với những khó khăn gây ra do kinh sĩ hội ở Goa và do người Bồ Đào Nha ở kinh đô Thái Lan, Đức Cha Lambertô de la Motte vẫn giữ mối thiện tình với nhà vua Thái Lan Pharanai và với Phanicon vị quan triều được tín nhiệm của nhà vua. Đầu năm 1671, Đức Cha bị ốm nặng ai cũng tưởng chết. Được tin, vua Thái Lan liền phái mấy thầy lang danh sư của nhà vua đến săn sóc cho Đức Cha. Được ít lâu thì Đức Cha bình phục.

Vào đầu tháng 7-1671, Đức Cha được sung sướng đón nhận thêm hai thừa sai mới: cha Phêrô Langlois và Bêninhê Vachet. Hồi tháng 2-1669, trước lần đi kinh lược xứ Bắc Đàng Ngoài, khi cha Giacôbê de Bourges đi công cán ở Rôma trở về Thái Lan cũng đã mang theo 3 thừa sai: đó là cha Gabien Bouchard, Guliêmô Mahet và Claudiô Guiart.¹⁶¹ Năm vị thừa sai mới đến nay đã giúp Đức Cha Lambertô de la Motte giải quyết nạn thiếu thừa sai và đồng thời cũng là một nguồn an ủi cho cảnh cô đơn của Đức Cha trong mấy năm qua. Sau khi sai cha Giacôbê de Bourges trở về Rôma công cán, cha Phanxicô Deydier vào xứ Bắc, cha Luigi Chevreuil, rồi tiếp theo hai cha Antôn Hainques và Phêrô Brindeau vào xứ Nam. Ở lại đất Thái Lan từ cuối năm 1665, chỉ có Đức Cha và cha Luigi Laneau trông coi trường chung.

Nhưng điều an ủi và thúc đẩy Đức Cha hơn cả và thêm can đảm, đó là mấy sắc lệnh Tòa Thánh mà Đức Cha Phanxicô Pallu trong cuộc đi công cán ở Rôma đã thu được. Trước hết là đoản sắc: “Nhu ta đã nhận được” (Cum sieut accepimus) ngày 04-06-1669 của Đức Thánh Cha Clêmentê IX, ban quyền coi sóc kinh đô Thái Lan và

toàn thể khu vực truyền giáo trên nước Thái Lan, cho Giám mục đại diện Tòa Thánh ở Nam Kinh. Trước đây trong chuyến đi công cán của cha Giacôbê de Bourges, vấn đề xin quyền trên đất Xiêm đã không thành công. Thánh Bộ Truyền Giáo chỉ cho phép các Giám mục được đặt trụ sở ở làng người Việt và có quyền đối với người Việt trú ngụ ở đây. Nhưng từ nay ý nguyện của Đức Cha Lambertô de la Motte đã thành đạt: địa sở truyền giáo Thái Lan thuộc quyền Giám mục của hội truyền giáo Ba Lê. Ngài không còn lo ngại những khó dễ có thể xảy ra, do kinh sĩ hội ở Goa cũng như do các cha thừa sai dòng và các lái buôn Bồ Đào Nha. Việc tổ chức giáo đoàn cũng như cải cách các tệ lạm, mà ngài vẫn mong muốn, sẽ tiến triển mau chóng.

Tiếp theo là đoạn sắc “Nỗi lo âu” (Sollicitudo) ngày 07-06-1669 nhắc lại luật cấm buôn bán của sắc luật “Do sứ mệnh” (Ex. Debito) của Đức Urbanô VIII. Đoạn sắc này bảo chứng cho những kết án trước đây của Đức Cha đối với việc buôn bán của các thừa sai dòng. Nhưng quan trọng hơn cả, đó là đoạn sắc “Những người thám hiểm” (Speculateres) ngày 13-09-1669, đặt các cha thừa sai dòng dưới quyền của các Giám mục đại diện Tòa Thánh. Các cha dòng đến hoạt động truyền giáo trong khu vực của các Giám mục, phải đến xin quyền ở các Ngài. Các ngài cũng có quyền sử dụng các Ngài trong việc trông coi xứ đạo, nếu thiếu các linh mục triều. Các ngài cũng là người phân xử những cuộc tranh chấp giữa các thừa sai các dòng khác nhau. Vấn đề các thầy giảng cũng được giải quyết và từ nay hoàn toàn thuộc quyền các Giám mục đại diện. Với đoạn sắc “Những người thám hiểm” (Speculatores) này, Đức Cha hy vọng sẽ giải quyết vấn đề các thừa sai dòng Tên ở Đàng Ngoài và Đàng Trong. Từ trước đến nay, các cha dòng vẫn ngoan cố không muốn nhận quyền các Giám mục của Tòa Thánh và còn lôi cuốn các thầy giảng về phe mình, gây chia rẽ nặng nề trong giáo đoàn.

Sau khi được yên trí về vấn đề đặt trụ sở của các thừa sai Pháp ở kinh đô Thái Lan và quyền hạn của các Giám mục trên đất Thái, Đức Cha Lambertô de la Motte đã nghĩ đến việc kinh lược địa phận Đàng Trong, địa phận chính thức của ngài mà Giáo hội đã trao cho. Đã 10 năm nay, từ khi tới Thái Lan, Đức Cha đã mong muốn điều đó, mà chưa thực hiện được.

Đang lúc ấy thì hai cha Giuse Trảng và Luca Bền, hai linh mục tiên khởi của Địa Phận Đàng Trong mà Đức Cha mới truyền chức năm ngoái, cùng với hai thầy giảng đến kinh đô Thái Lan gặp Đức Cha. Các vị báo tin cái tang đau đớn của địa phận Đàng Trong. Trong có hơn một tháng trời, cả hai vị thừa sai Antôn Hainques và Phêrô Brindeau lần lượt bị nước độc vật ngã. Thay mặt giáo đoàn, hai cha xin Đức Cha đừng để địa phận lại rơi vào tình trạng không có cha thừa sai. Nếu Đức Cha không thể đến thăm giáo đoàn được thì ít nhất, xin Đức Cha sai một hai thừa sai đến thay thế cho hai vị đã quá cố. Hai cha cùng trình bày kết mỹ mãn đã thu lượm được trong công cuộc truyền giáo hai năm 1669 và 1670 vừa qua và đang hứa hẹn nhiều tiến triển tiếp tục. Sự kiện để minh chứng đó là trong có một tháng trời, sau khi cha Antôn Hainques chết, một trong hai cha đã rửa tội được thêm 200 người.

Với kinh nghiệm sự có mặt của một Giám mục trong cuộc kinh lược địa phận Đàng Ngoài vừa qua đã đem lại được biết bao lợi ích cho giáo đoàn. Vì thế lần này, Đức Cha cũng muốn đích thân đến kinh lược địa phận Đàng Trong của Ngài. Tất cả các thừa sai có mặt ở kinh đô Thái Lan bây giờ, đều tán thành ý kiến đó. Ngày 20-07-1671, Đức Cha Lambertô de la Motte lạng lẽ lên đường bỏ kinh đô Thái Lan, đem theo hai cha Bêninhê Vachet và Guliêmê Mahet. Đức Cha không muốn báo tin cho nhà vua Xiêm biết mình đi xứ Nam.

II. Đức Cha Lambertô De La Motte Kinh Lược Địa Phận Đàng Trong Lần I (1671-1672)

Lên đường vào địa phận Đàng Trong, Đức Cha de la Motte cũng không quên mang theo đoản sắc “Những người thám hiểm” (Speculatores) đặt các thừa sai dòng dưới quyền các Giám mục đại diện, để công bố ở xứ Nam. Hy vọng khuấy phục được các thừa sai dòng Tên đang hoạt động ở đây, chấm dứt những tranh luận về quyền bính và nhất là nạn chia rẽ trầm trọng đang đe dọa giáo đoàn xứ Nam.

Với bốn tay chèo người xứ Nam. Con thuyền từ từ theo dòng sông Mỹ Nam để ra khơi. Trên thuyền chỉ có Đức Cha, hai thừa sai Pháp và hai linh mục Việt Nam với hai thầy giảng. Cha Claudiô Guiart cũng được sai vào địa phận Đàng Trong dịp này, nhưng ngài đi sau ít bữa. Đến khu vực miền Bình Thuận, thì thuyền gặp bão. Nhưng vì miền này lúc đó còn thuộc Cao Miên^(*), đang có chiến tranh với Chúa Nguyễn Đàng Trong. Vì thế thuyền không dám đi theo gần bờ biển, sợ người Cao Miên^(*) bắt gặp, sẽ giết chết. Nhiều lúc gặp cơn gió lớn, sóng dâng lên cao, thuyền có thể bị chìm dễ dàng. Nhưng Đức Cha Lambertô de la Motte vẫn bình tĩnh ngồi đọc kinh như không có chuyện gì xảy ra. Cha Bêninhê thấy thế, đã bỡ ngỡ hỏi ngài thì bảo: Tình trạng bão táp chúng ta gặp lúc này chỉ là kết quả của lời khấn hứa của chúng ta. Điều cần thiết là chúng ta phải luôn nhắc nhở rằng chúng ta sống trong tay Chúa quan phòng.

I. Cuộc thăm viếng các xứ đạo Miền Nam. Thành lập dòng Mến Thánh Giá

Vào cuối tháng tám thì thuyền tới Ran Ran (Phú Yên). Lúc đó là ranh giới đất Chiêm Thành và Việt Nam. Để tránh sự khám xét của nhân viên canh phòng ranh giới của Chúa Nguyễn, thuyền tiến thêm về phía Bắc, qua Phan Rí một chút, đến một họ đạo ở bên bờ biển tên là Lâm Thuyền. Ngày 01-09 lúc ban đêm, các vị bỏ thuyền lên bờ. Đây là một họ đạo khá sầm uất, có độ 800 nhân danh, họ đón rước Đức Cha rất ân cần. Các giáo đoàn vùng lân cận cũng tuôn đến rất đông. Quan thủ ở đó, khuyên Đức Cha nên đến thăm quan trấn, tuy

ông không có đạo, nhưng rất có thiện tình với đạo. Giáo dân lo sợ có chuyện gì bất trắc có thể xảy ra, vì sự thực, đối với thái độ của các quan trên, người ta không biết thế nào mà đề phòng trước được. Đức Cha khuyên họ cứ bình tĩnh và trông cậy vào sự che chở của Chúa.

Trái với sự lo sợ của mọi người, quan trấn thủ đã tiếp đãi Đức Cha hết sức nồng hậu. Sau đó ông còn đến thăm đáp lễ Đức Cha. Nhưng vì sợ những tiếng phao đồn trong dân chúng, ông đã đến thăm vào lúc chiều tối, một cách kín đáo. Ông cũng hứa sẽ không để cho có chuyện gì xảy ra, miễn là giáo dân biết giữ gìn một chút, đừng hội họp quá đông đúc, hoặc tổ chức những cuộc rầm rộ. Còn nếu không may, có chuyện cấm cách, thì ông sẽ mời Đức Cha đến ẩn tránh trong dinh của ông và sẽ không một ai dám đến khám xét để bắt Đức Cha. Trước khi từ giã, ông cũng cho Đức Cha một chiếu khám thông hành với chữ ký và triện son của ông, để Đức Cha không bị ai làm khó dễ trong vùng của ông.

Đức Cha Lambertô de la Motte không ở lại đây lâu. Trước khi ra đi, Đức Cha để lại cha Luca Bền để trông coi giáo dân ở vùng Phú Yên. Sau đó, ngài lên đường, ngược lên vùng Quy Nhơn. Đến Nhà Rù, thuộc Quy Nhơn (Pulecambi) thì Đức Cha được tin quan trấn ở trên kinh mới về, có đưa theo cha dòng Tên là Cha Batôlômêô d'Acosta. Ông quan trấn này là người có đạo, được rửa tội từ khi ông còn nhỏ. Bà vợ và người con của ông, là những người đạo đức tử tế. Nhưng ông thì không tránh được nạn các quan lại lúc bấy giờ là có nhiều vợ. Tuy vậy trong dinh của ông, ông vẫn dùng những người Công giáo làm chân tay tín nhiệm. Đức Cha đã cho liên lạc với một người có đạo trong dinh của ông, để mời cha thừa sai Batôlômêô d'Acosta đến gặp Đức Cha.

Cha Acosta là người Bồ Đào Nha lai Nhật Bản. Cha mới ở Áo Môn tới để thay thế cho cha Phêrô Marquez đã trở lại xứ Nam, năm 1670. Cha có nhiều kinh nghiệm trong nghề thầy thuốc và bào chế thuốc. Khi vào xứ Nam, cha đã khôn ngoan không mang theo đồ thờ áo lễ chi cả, cha sợ có thể bị tịch thu và gây bách hại như các thừa sai đi trước, vì cha biết ông Juan de Cruz đã có sẵn tất cả những thứ đó. Lúc này cha đang lo lắng cho số phận chiếc tàu buôn chở cha Phêrô Marquez về Áo Môn. Cha không được tin tức gì cả và nếu

chiếc tàu bị bão đắm ngoài biển thì thật là một tai họa. Cha Phêrô Marquez có mang theo một số tiền lớn là 10.000 đồng do Hiền Vương trao cho, để mua khí giới ở Áo Môn. Bị mất số tiền đó, Chúa Nguyễn chắc chắn sẽ trả thù, bằng cách tịch thu một tàu buôn nào đó ở Áo Môn đến cửa Hội An và nhà Chúa sẽ nổi giận, ra lệnh bách hại người Công giáo.

Có phải vì những lo lắng ấy mà cha Acosta, thừa sai dòng Tên ở Áo Môn, đã chịu nhận quyền Đức Cha Lambertô de la Motte một cách dễ dàng? Lẽ dĩ nhiên, đây không phải là lần đầu tiên, cha Acosta đương đầu với các thừa sai Pháp về vấn đề quyền bính. Năm 1666, trong cuộc gặp gỡ với cha chính Antôn Hainques ở cửa Hội An, cha Acosta đã cương quyết phủ nhận quyền của cha chính Antôn Hainques và đã trưng giấy ủy quyền của cha chính địa phận Malacca đã ban cho cha. Nhưng lần này gặp Đức Cha Lambertô de la Motte và sau khi đọc đoạn sắc “Những người thám hiểm” (Speculatores) đặt các cha thừa sai dòng dưới quyền Giám mục đại diện Tòa Thánh, thì cha Acosta chịu nhận quyền của Đức Cha và xin Đức Cha ban quyền hoạt động và làm các phép trong khu vực địa phận của ngài.¹⁶²

Sau đó, Đức Cha cùng đi với cha Bêninhê Vachet đến thăm quan trấn Quy Nhơn. Ông mời Đức Cha sáng hôm sau đến dâng lễ tại nhà ông, nhưng Đức Cha khước từ và khiển trách ông vì đời sống đầy gương xấu vợ nọ con kia. Bề ngoài ông hết lời xin lỗi Đức Cha và hứa sẽ cải chữa. Nhưng bên trong ông đã nghĩ đến cách rửa hận vì những lời mà ông cho là mất thể giá của ông. Ông truyền dọn đãi Đức Cha và cha Bêninhê một bữa nước rất thịnh soạn. Nhưng ông ngầm bảo gia nhân bỏ thuốc độc để làm hại Đức Cha. Đức Cha tuy chỉ dùng ít mứt cam, nhưng vừa xuống thuyền thì bị lên cơn đau bụng dữ dội, ai cũng tưởng là chết ngay. Cha Bêninhê Vachet cũng thế. May nhờ sự chữa chạy nên Đức Cha và cha Vachet thoát chết, nhưng sau đó bị đau ốm suốt hơn một tháng trời, tóc rụng và các móng tay bị thay hết. Mọi người đều oán thán ông quan trấn độc ác. Ít bữa sau, chẳng may căn buồng ngủ của ông bị bốc cháy, và ông bị phỏng nặng. Ai cũng cho là ông bị Chúa phạt.

Vừa mới bình phục, ngày 01-11 lễ các Thánh, Đức Cha Lambertô

de la Motte rửa tội cho 18 người tân tòng và làm phép thêm sức cho hơn 200 người. Tính ra Đức Cha đã vào kinh lược xứ Nam được 2 tháng. Đức Cha cùng với cha Bêninhê Vachet và cha Giuse Tràng tiếp tục đi ngược lên vùng Quảng Ngãi, để lại cha Guliamô Mahot trông coi giáo dân vùng Quy Nhơn.

Nghe tin Đức Cha Lambertô de la Motte đến thăm giáo dân vùng Quảng Ngãi, dân chúng Công giáo hết sức phấn khởi. Quảng Ngãi lúc đó là vùng dân Công giáo đông đúc và sầm uất hơn cả. Hai cha Antôn Hainques và Phêrô Brindeau đã hoạt động truyền giáo rất đặc lực ở vùng này và dân chúng trong vùng cũng yêu quý hai cha. Hai cha chết đi ai cũng mến tiếc. Họ coi hai cha như những vị thánh và muốn đưa tên hai cha vào kinh cầu các thánh để dân chúng cầu khẩn với hai cha. Nghe biết câu chuyện, Đức Cha Lambertô de la Motte phải ngăn cấm, nhân dịp ngài cũng dạy cho họ biết phải sống như thế nào để tỏ lòng biết ơn và ngưỡng mộ đối với hai vị thừa sai đã quá cố.

Nhưng không may, vừa mới tới nơi được ít bữa, thì Đức Cha được tin báo một cuộc khủng bố bách hại đã được hoạch định. Họ chỉ chờ một buổi lễ giáo dân tụ họp đông đúc, là họ sẽ tổ chức bắt giam Đức Cha và các giáo dân. Đang khi chờ họ đã bắt giam gần 300 giáo dân. Ở trên phủ Chúa Nguyễn, hai bà chị của vợ Chúa Hiền Vương, cũng cho người báo tin cho các cha, phải lo lẫn tránh và đừng tổ chức những cuộc hội họp giáo dân.

Đức Cha Lambertô de la Motte phải lẫn tránh trong gia đình một bà góa đạo đức tên là Lucia Ký, mất 6 tuần lễ. Lợi dụng thời gian phải ẩn tránh, Đức Cha đã tổ chức ở nhà bà một tu viện cho các chị em dòng Mến Thánh Giá, theo như bản luật và tinh thần tu trì các chị em, mà Đức Cha đã sáng lập ở địa phận Đàng Ngoài, trong dịp kinh lược 1670. Đây là dòng chị em Mến Thánh Giá đầu tiên của địa phận Đàng Trong, ở tỉnh Quảng Ngãi.

Trong thư gửi về cho Đức Cha Lambertô de la Motte, cha Antôn Hainques trong thời kỳ làm cha chính địa phận Đàng Trong đã trình bày cho Đức Cha về một số người nữ giữ mình trinh khiết, muốn dâng mình cho Chúa, sống một đời tu trì trong một tu viện như các nữ tu viện ở Tây Phương. Trú ẩn tại nhà bà Lucia Ký, Đức Cha Lambertô de la Motte cho tụ họp các chị. Sau khi lĩnh nhận ơn phép

giải tội, chịu phép thêm sức, dự lễ và rước Mình Thánh Chúa, Đức Cha khuyên bảo các chị về ơn gọi cao cả Chúa ban cho các chị và bắt đầu giúp các chị cấm phòng, làm tuần chín ngày kính Đức Mẹ và thánh Giuse để xin ơn Chúa soi sáng. Sau đó, Đức Cha nhận lễ khấn của các chị. Tất cả 8 chị và bà bề trên là người chị của cha Giuse Trảng. Bà Lucia Ký dâng nhà cửa và cơ nghiệp bà cho tổ chức dòng mới, xứ Ấn Chi.

Nói về đời sống các chị, cha Vachet viết: “Các chị cầu nguyện rất nhiều, ăn uống thật ít, ngoài giờ đọc kinh cầu nguyện các chị làm việc rất nhiều suốt ngày. Các chị có một bà bề trên mà các chị yêu mến và kính trọng lắm. Các chị giữ đúng từng li từng tí các luật phép nhỏ mọn đã ra cho các chị. Các chị tin tưởng và vâng phục hoàn toàn cha hướng dẫn. Tóm tắt các chị không thua gì những nữ tu sốt sắng những dòng đã cải cách bên phương Tây.

Yên hàn trở lại, Đức Cha lên Bình Sơn, phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi để viếng mồ cha Antôn Hainques và mừng lễ sinh nhật ở vùng này. Ngày 15-01-1672, Đức Cha trẩy đi lên cửa Hội An với hai cha Bêninhê Vachet và Giuse Trảng.

2. Công đồng địa phận Đàng Trong ở cửa Hội An (1672)

Vì không muốn cho người Bồ Đào Nha có mặt ở cửa Hội An biết Đức Cha tới đây và nhất là để giữ gìn cho khỏi những cuộc bách hại có thể xảy ra, vì các quan không ưa đạo ở vùng này. Đức Cha và hai cha tránh không đi qua khu phố ở cửa Hội An, mà cho thuyền đến thẳng một hòn đảo nhỏ ở ngoài khơi. Khu gò này chính cha Guiart cũng được sai vào làm thừa sai địa phận Đàng Trong cùng với cha Guliêmô Mahot, trong dịp kinh lược của Đức Cha Lambertô de la Motte lần này. Nhưng cha đã đi sau Đức Cha ít bữa. Cha đã đến thẳng cửa Hội An để tìm chỗ ẩn trú cho Đức Cha, trong thời gian ở lại đây. Cha đã tới cửa Hội An được 4 tháng và cha đã nhờ giáo dân tín cẩn, cất tạm trên hòn đảo một căn nhà lá cho Đức Cha ở. Với những giáo dân tỏ vẻ lo ngại, vì sự đón tiếp sơ sài đó, Đức Cha đã trả lời cho họ: Đức Chúa Giêsu là con Đức Chúa Trời Đất, đã sinh ra ở hang đá Bêlem, còn lạnh lẽo và nghèo nàn hơn thế nữa. Công việc chính yếu của Đức Cha đến cửa Hội An là để thành lập ở đấy Công

đồng thứ nhất địa phận Đàng Trong. Cha Claudiô Guiart ở lại đi sau, vì có chuyến tàu đến thẳng Hội An. Cha đến trước để sửa soạn triệu tập các thầy giảng về hội họp với Đức Cha. Theo ý Đức Cha thì ngài muốn hội họp tất cả các thầy giảng và các ông trùm trưởng các họ đạo, để nghe biết tình hình của các vùng. Ban các huấn lệnh để tổ chức các xứ đạo theo một đường lối duy nhất như ngài đã vạch ra ở ngoài Bắc. Đồng thời sửa chữa những tệ lạm, những thiếu sót, cũng theo những nguyên tắc hành động, đã được bảo đảm qua nhiều kinh nghiệm ở địa phận Đàng Ngoài. Nhưng nhất là để tái lập hòa bình và trật tự, bị đe dọa do những va chạm về quyền bính, vì các thừa sai dòng Tên không chịu nhận quyền các Giám mục đại diện Tòa Thánh được sai đến coi sóc địa phận. Tình hình chia rẽ giáo đoàn trong Nam lúc đó trầm trọng hơn ngoài Bắc. Nó đã xảy ra ngay từ lúc đầu khi cha chính Luigi Chevreuril được Đức Cha Lambertô de la Motte sai đến nhận địa phận (1664), lúc đó giáo đoàn đang ở trong tay các cha thừa sai dòng Tên, và các Ngài luôn luôn nắm được thế mạnh trong giáo đoàn, tuy đầu năm 1665, các thừa sai bị trục xuất. Sau đó, cha Antôn Hainques đã vào thay thế và tiếp tục hoạt động của cha Chevreuril, ngay vào cuối năm. Nhưng vào đầu năm 1666, thừa sai dòng Tên cũng đã có mặt ở địa phận và từ đấy, những cuộc va chạm về quyền bính vẫn luôn tiếp tục.

Nói về tình trạng chia rẽ nặng nề ở địa phận Đàng Trong lúc ấy, cha Louvet đã viết: “Cũng như những giáo dân tiên khởi của giáo họ Corinthiam, người về phe Apollo, người về phe Phaolô, mà quên rằng trong Giáo hội chỉ có một Chúa Chiên đó là Đức Kitô. Các thầy giảng Việt Nam cũng phân chia, người theo các thừa sai cũ là những người đem ánh sáng đức tin đến cho họ, người theo các thừa sai mới do Tòa Thánh sai đến. Những người Bồ Đào Nha đã dùng những kế hoạch làm cho cuộc tranh luận trở nên sôi nổi và nuôi lớn tinh thần chia rẽ, ly tán trong địa sở truyền giáo. Một số các họ đạo, từ khi các cha dòng bị trục xuất, năm 1665, nhất định xa tránh, không đón nhận các thừa sai của Bộ Truyền Giáo, coi họ như là những người đến phá cuộc.”¹⁶³

Chính trong căn nhà lá nghèo nàn trên hòn đảo ở cửa Hội An đó, ngày 19-01-1672, Đức Cha Lambertô de la Motte đã nhóm họp Công

đồng thứ nhất địa phận Đàng Trong.¹⁶⁴ Hiện diện trong hội đồng này có cha Claudiô Guiart, cha Bêninhê Vachet và cha Giuse Tràng. Số các thầy giảng trong Nam lúc đó, chừng độ 80 thầy, nhưng một số theo các cha dòng Tên, hơn nữa vì tình trạng bách hại kéo dài, nên chỉ có 30 thầy đến dự. Bắt đầu công đồng, Đức Cha có tuyên bố bản dịch của sắc phong Giám mục đại diện Tòa Thánh, và các sắc lệnh ấy ủy quyền cai trị địa phận Đàng Trong. Nhất là mới đây những đoàn sắc “Những người thám hiểm” (Speculatores) đặt các thừa sai và các thầy giảng dưới quyền quản trị của các Giám mục đại diện. Với tất cả những sắc lệnh rõ ràng đó, từ nay các cha dòng không có lý do gì phủ nhận quyền của các Giám mục địa phận. Các thầy giảng cũng như giáo dân địa phận Đàng Trong không còn thể nghi ngờ về vấn đề quyền bính của Giám mục hoặc theo các cha dòng để chống lại.

Cha Bêninhê trong thư gửi các bề trên chủng viện Paris đã tuyên bố: “Tất cả những người có mặt trong công đồng, đều một lòng công nhận quyền của Đức Giám mục địa phận và các quyết định của các sắc lệnh Tòa Thánh.” Nhưng có lẽ cha Vachet quá lạc quan và không để ý những người theo phe các thừa sai dòng Tên không đến hội công đồng, họ vẫn tiếp tục chống lại với quyền Giám mục đại diện. Chính cha Batôlômêô d’Acosta, sau khi nhận quyền của Đức Cha Lambertô de la Motte đã tuyên bố rút lại hành động đó. Cảnh chia trong giáo đoàn vẫn tiếp tục.

Tiếp theo Đức Cha đưa ra những luật lệ về tổ chức nhà Đức Chúa Trời, về tổ chức các thầy giảng và tổ chức các xứ đạo theo như đã quyết định ở công đồng địa phận Đàng Ngoài. Công đồng chỉ thêm bớt, sửa chữa ít nhiều cho hợp với tình trạng trong Nam. Việc sửa chữa các tệ lạm trong xứ đạo, cũng như các thiếu sót trong việc giáo huấn cũng được bàn đến.

Bản luật của Công đồng I địa phận Đàng Trong ở cửa Hội An này, vẫn hơn bản luật của Công đồng địa phận Đàng Ngoài. Gồm có 10 khoản luật. Hai khoản đầu nói về quyền cai quản của Đức Giám mục địa phận và bó buộc các thừa sai dòng phải xin quyền hoạt động và làm các phép ở ngài.

Trước khi giải tán Đức Cha cũng trao cho các linh mục và các thầy

giảng, mỗi người một bản chép bản luật Công đồng I địa phận Đàng Ngoài. Từ đây hệ thống tổ chức Giáo hội Việt Nam được ấn định và thống nhất trong toàn cõi trong Nam cũng như ngoài Bắc, như chúng ta còn thấy đến bây giờ. Đó là công ơn của Đức Cha Lambertô de la Motte.

3. Trên đường trở về kinh đô Thái Lan

Sau Công đồng ở cửa Hội An, Đức Cha Lambertô de la Motte còn muốn ở lại thêm một thời gian để thăm các xứ họ mà ngài chưa đi qua, nhưng thời gian lúc ấy không cho phép. Chúa Nguyễn đang chuẩn bị để đương đầu với họ Trịnh. Đây là cuộc đại chiến lần thứ bảy, vào năm 1672. Sau khi rảnh tay với họ Mạc ở Cao Bằng, Chúa Trịnh quyết đem toàn lực vào giải quyết vấn đề trong Nam. Nghe biết tin đó, Hiền Vương chuẩn bị gấp quân đội để chống lại họ Trịnh, đồng thời cũng để ý đến tình hình nội bộ để đề phòng những cuộc nổi loạn hoặc nội công có thể xảy ra, đang khi mà Chúa mắc lo ở ngoài tiền tuyến.

Sự có mặt của Đức Cha Lambertô de la Motte ở cửa Hội An, tuy ngài cố gắng giữ kín đáo, nhưng cũng có đến tai nhà Chúa. Với tính hay nghi ngờ của Hiền Vương trước đây đối với các thừa sai Bồ Đào Nha, lần này nhà Chúa cũng lo ngại sự có mặt của Đức Cha trong tình thế lúc này ở cửa Hội An. Hai người chị của bà vợ Hiền Vương, đã cho người báo tin cho Đức Cha hay biết và nói với ngài nếu có đem theo lễ vật để ra mắt nhà Chúa thì hai bà sẽ nói giúp cho, còn nếu không thì xin Đức Cha ẩn mình cho kín đáo. Nhiều giáo dân cũng bắt đầu lo ngại sợ một cuộc bách hại có thể xảy ra. Cha Bêninhê Vachet viết: “Những người giàu có, lúc nào cũng nơm nớp lo sợ quan trên sẽ bắt giữ chúng tôi và do đó xứ đạo bị cấm cách, họ sẽ bị tịch thu của cải, còn những người nghèo thì trái lại... từ khắp nơi lũ lượt đến gặp chúng tôi ngày cũng như đêm dù chúng tôi đã ra lệnh cấm.”¹⁶⁵

Đức Cha Lambertô de la Motte chỉ ở lại cửa Hội An chừng một tháng, rồi ngài bắt đầu lên đường trở về Thái Lan. Ngài đặt cha Claudiô Guiart làm cha chính địa phận, đồng thời là thừa sai trông coi các xứ họ miền Bắc xứ Nam lúc đó, ở phía trên Hội An. Đi qua xứ

Nước Mặn, thuộc Quy Nhơn, Đức Cha Lambertô de la Motte để lại cha Trảng ở đấy. Vào ngày 29-03 Đức Cha và cha Bêninhê Vachet đã rời xa bờ biển xứ Nam. Ngài đem theo 12 chủng sinh để sang theo học ở trường chung Thái Lan. Vào cuối tháng 4-1672 thì Đức Cha về tới kinh đô Thái Lan.

Không may khi gần tới kinh đô, thì thuyền Đức Cha gặp thuyền sứ giả Chúa Nguyễn sai qua triều đình Thái Lan. Thuyền thì do người xứ Nam chèo chống, trên thuyền lại chở 12 thầy giảng qua học ở Trường Chung. Thật là nguy hiểm. Có thể ông nghi ngờ các thầy là những người ở xứ Nam tội tình chi đó, nên sợ bỏ nước trốn đi, và ông có thể bắt giải về. Còn nếu khai là sang học ở Trường Chung, mà ông biết được là có cả người Nam, người Bắc thì cũng là câu chuyện gây nghi ngờ thêm, và có hại cho sự đạo. Việc Đức Cha đến địa phận Đàng Trong mà sống lẩn tránh, không ra mặt yết kiến Chúa Nguyễn, cũng là một vấn đề có thể gặp khó dễ cho sự đạo nữa. Vì thế Đức Cha đã cho người đến nói với quan sứ của Chúa Nguyễn. May mắn ông làm ngơ câu chuyện đó, không trình lên Chúa Nguyễn. Sau này, dầu vậy, cũng có kẻ thù ghét các thừa sai Pháp đã đưa câu chuyện trên đây tố cáo với nhà Chúa, gây khó khăn cho sự đạo.

Việc quyết định bỏ dở việc kinh lược, tuy chưa thăm hết các xứ đạo các tỉnh, cũng là việc kịp thời. Vào cuối tháng 6-1672, đại chiến đã xảy ra giữa Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn. Trịnh Tạc đem 100.000 quân vào tấn công lũy Đồng Hới. Nhà Chúa đặt con là Trịnh Căn làm nguyên soái và đưa cả vua Lê Gia Tông đi theo. Nhưng quân Chúa Nguyễn cố gắng chống lại, nên quân Trịnh tuy đông, nhưng cũng không tiến được mấy. Chiến cuộc kết liễu vào mùa xuân 1673 và ngừng ở sông Gianh. Từ đó con sông này được coi là ranh giới cho hai miền Nam Bắc, suốt hơn 100 năm, nghĩa là đến năm 1786 khi Nguyễn Huệ tiến ra Bắc, chiếm đất Thăng Long và dẹp tan họ Trịnh.

Nhìn lại những hoạt động của Đức Cha Lambertô de la Motte, trong cuộc kinh lược địa phận Đàng Trong lần I này, ngài cũng thu lượm được nhiều kết quả, không kém gì cuộc kinh lược Đàng Ngoài. Xét về sáng kiến xây dựng, thì trong cuộc kinh lược Đàng Trong này, ngài chỉ đem áp dụng những điều đã sáng kiến ở ngoài Bắc. Như việc thành lập dòng Mến Thánh Giá ở Quảng Ngãi, hoặc những điều ấn định trong tổ chức như đã ghi lại trong bản luật Công đồng I Đàng

Ngoài, được thống nhất theo một hình thức, một đường lối duy nhất cho toàn Giáo hội Việt Nam. Đây là công ơn mà chúng ta phải kể đến nhiều hơn trong cuộc kinh lược lần này.

Còn vấn đề thành lập hàng Giáo sĩ trong Nam, tuy không có lễ truyền chức như ngoài Bắc, nhưng điều đó do tình trạng và hoàn cảnh bắt buộc. Trong Nam không tổ chức được chủng viện như ngoài Bắc, vừa vì tình trạng cấm cách, vừa vì tình trạng chia rẽ của giáo đoàn. Để bù vào thiếu sót đó, Đức Cha đã nghĩ đến việc tuyển chọn 12 thầy giảng, đưa qua học ở trường Chung Thái Lan.

Một thành công khác chúng ta phải kể đến, là việc đặt vững hơn quyền bính Giám mục đại diện Tòa Thánh, trong cuộc hội họp công đồng. Ít nhất là đối với những người đã chịu nhận quyền của ngài, nhờ đây họ có một chỗ tựa vững chắc để đứng vững hơn. Sau đó họ có thể lôi kéo những người khác về phía họ. Đây là chưa kể hoạt động truyền giáo của Đức Cha, trong việc qua thăm các xứ họ trên con đường từ biên giới lên đến cửa Hội An. Sự thăm viếng đó đem lại phấn khởi cho giáo đoàn miền Nam, đồng thời cũng giúp vào việc đặt vững quyền của ngài trong địa phận. Giáo dân Đàng Ngoài đã không được hưởng những sự thăm viếng đó.

Với sự cắt đặt của Đức Cha cho mỗi linh mục một khu vực, từ nay công cuộc truyền giáo địa phận Đàng Trong sẽ hy vọng tiến đều hơn và mau hơn. Nhưng nó đã bị cản trở rất nhiều vì những cuộc va chạm về quyền bính và những chia rẽ trầm trọng trong giáo đoàn xứ Nam.

III. Hoạt Động Của Các Thừa Sai Pháp và Linh Mục Việt Nam Ở Địa Phận Đàng Trong (1672-1675)

I. Hoạt động của hai cha chính Claudiô Guiart và Guliêmô Mahot (1672-1674)

Trước khi trở về kinh đô Thái Lan, Đức Cha Lambertô de la Motte đã đặt cha Claudiô Guiart làm cha chính địa phận và ra lệnh cho ngài phải lo đi thăm tất cả các xứ họ trong địa phận. Sau khi Đức Cha vừa trở về Thái Lan, cha Claudiô Guiart đã thực hiện ngay mệnh lệnh đó. Vì cuộc cấm cách vẫn kéo dài và có thể bùng lên bất cứ lúc nào, chỉ vì một lý do bất cẩn của thừa sai hay giáo dân, nên cha chính Guiart trong việc di chuyển từ xứ đạo này qua xứ đạo khác, đều đi vào ban đêm. Sau này nhờ biết ít nhiều về nghề thuốc và khoa giải phẫu, chữa cho các quan trong phủ Chúa, nên được các ông xin chúa Hiền Vương cho giấy thông hành, để được đi lại dễ dàng chữa bệnh cho dân chúng. Nhưng được một thời gian cha Guiart lại muốn trở lại lối sống ẩn tránh, trong việc đi thăm các xứ họ.

Theo đường lối đã quyết định trong Công đồng I của địa phận Đàng Trong ở cửa Hội An, các cha thừa sai Pháp cũng như linh mục Việt Nam và các thầy giảng đều lo dạy kỹ càng những người tân tòng, trước khi nhận vào xứ đạo. Các vị cũng rất cương quyết, không chấp nhận những người chưa thanh toán hoàn toàn những rắc rối về hôn nhân. Vì thế số rửa tội của các vị không được nhiều. Nhưng những ai đã được lĩnh phép rửa, đều được bảo đảm chắc chắn, về sự hiểu biết giáo lý với đời sống công giáo vững mạnh, để đương đầu với những cuộc cấm cách.

Đang khi đó, các thừa sai dòng Tên và các thầy giảng theo phe các cha, vẫn tiếp tục rửa tội cho người lương dân xin theo đạo, một cách quá dễ dãi, không xét đến những rắc rối hôn nhân, và nhất là huấn luyện một cách sơ sài thiếu sót. Chẳng hạn cha Batôlômêô d'Acosta, trong một năm đã rửa tội được một số ngang với tất cả số rửa tội của tất cả các thừa sai Pháp và linh mục Việt Nam cùng với các thầy giảng của các Ngài. Riêng một thầy giảng của các cha dòng trong không đầy một năm đã rửa tội cho 2400 người. Chính vì đường lối hoạt động khác nhau, mà cha chính Claudiô Guiart muốn đặt vấn

đề quyền bính với cha Batôlômêô d'Acosta. Sau đó có thể đưa ngài và các thầy giảng của ngài đi theo đường lối đã quyết định của Công đồng I địa phận Đà Nẵng, trong việc rửa tội cho người tân tòng. Nhưng cha Claudiô Guiart đã hoàn toàn thất bại. Sự chia rẽ mỗi ngày trở nên trầm trọng.

Năm 1673, cũng có thêm một thừa sai dòng Tên khác, cha Phanxicô Rivas, người Ý. Cha này lúc đầu tỏ ra rất hòa điệu. Nhìn thấy cảnh chia rẽ trong giáo đoàn xứ Nam, cha Rivas chán ngán đã muốn trở về Áo Môn. Gặp cha Claudiô Guiart, cha Rivas đã hứa, sẽ lôi kéo cha d'Acosta đi đến chỗ điều đình bắt tay với nhau. Nhưng cuối cùng cha Rivas vẫn không thể làm trái ngược với chủ trương của các bề trên dòng Tên, cũng như thái độ chung của các bạn dòng, trong việc chống đối quyền của các Giám mục đại diện.

Một hôm ở tỉnh Quảng Nam, hai bên có dịp gặp nhau, cha Claudiô Guiart và cha Batôlômêô d'Acosta, mỗi bên đều có các người phe mình đi theo. Vì hai bên tiếng nói không thông thạo lắm, nên cuộc tranh luận vừa dùng tiếng nói, vừa dùng chữ viết. Các cha dòng Tên tuyên bố, chỉ nhận quyền những Giám mục do Quốc vương Bồ Đào Nha sai đến, vì đây là khu vực thuộc quyền bảo trợ của nhà vua. Hơn nữa theo như thư của Bề Trên Cả dòng Tên, cha Phaolô Ôliva, gửi cho các cha thừa sai dòng, Đức Thánh Cha Clêmentê X nói là ngài cũng tiếp tục ban đặc ân của Bộ Truyền Giáo đã ban cho dòng là các thừa sai của dòng Tên chỉ phải thuộc quyền của Bề Trên dòng thôi. Với hai đặc ân của quyền bảo trợ và của Bề Trên dòng Tên, các cha cho rằng đoàn sắc "Những người thám hiểm" (Speculatores) không đủ để đòi hỏi các cha phải công nhận quyền Đức Cha Lambertô de la Motte.

Đứng trước thái độ ngoan cố của các cha dòng và tình trạng chia rẽ trong địa phận, cha chính Claudiô Guiart nhận thấy cần phải viết một thư chung cho giáo dân địa phận. Làm sáng tỏ vấn đề quyền bính của Đức Giám mục đại diện do Tòa Thánh sai đến coi sóc địa phận. Nhất là đánh tan dư luận sai lầm, do những tuyên truyền tai hại, cho rằng việc truyền chức cho các linh mục bản quốc là một việc làm trái luật và các phép bí tích của các Ngài ban đều không thành.

Với những hy sinh quá đáng vào hoạt động truyền giáo, lại thêm đời sống khổ hạnh và thời tiết chưa quen, Cha Claudiô Guiart dần

dần bị kiệt sức. Nói đến công việc chồng chất, mà cha phải gánh nhận, cha Guiart đã viết trong thư gửi các Bề Trên chủng viện Paris: “Nếu có 100 linh mục ở trong địa sở truyền giáo này, họ vẫn thấy việc làm không hết. Các người lương dân lĩnh nhận đạo giáo một cách dễ dàng... Muốn nghỉ ngơi một chút, nhưng không được. Mỗi đêm có từng trăm người đến kêu nài xin thương ban các bí tích cho họ, đêm hôm sau có thể còn đông hơn... Sau nhiều đêm thức suốt, kéo dài ra cả một phần ban ngày, may ra mới được một vài giờ nhàn rỗi.” Ngày 03-06-1673, cha chính Claudiô Guiart đã chết sau một cơn bệnh rất chóng vánh, ở cửa Hội An.

Cha Guliêmô Mahot lên làm cha chính địa phận thay cha Claudiô Guiart. Đức Cha Lambertô de la Motte lại sai thêm cha Bêninhê Vachet đến làm thừa sai địa phận Đàng Trong và lãnh thêm nhiệm vụ mang đồ tiến cho Chúa Hiền Vương. Cùng bỏ kinh đô Thái Lan với cha Bêninhê Vachet, có cha Manuel Bồn, mới được Đức Cha Lambertô de la Motte truyền chức ở trường chung Thái Lan. Đó là linh mục thứ ba của địa phận Đàng Trong.

Vào tháng 9-1673, khi hai cha trở lại địa phận Đàng Trong, cuộc cấm cách của chúa Hiền Vương vẫn kéo dài, không tha đạo hản, cũng không bách hại gắt gao. Bỏ thuyền lên bộ để gặp cha Guliêmô Mahot ở Quảng Ngãi. Các cha bị một tên đàn anh ghét đạo ở vùng đó tố cáo với quan trên. Hai cha thừa sai Pháp và cha Manuel Bồn, thêm cha dòng Tên Phanxicô Rivas, vừa tới vùng đó chiều hôm trước, đều bị bắt và bị đánh đập tàn nhẫn. Nhưng chỉ có hai cha Guliêmô Mahot và cha Manuel Bồn là bị tống giam. Hai cha Bêninhê Vachet và Phanxicô Rivas, vì yếu sức nên được tha về. Cha Mahot viết: “Cha Manuel Bồn và tôi, chúng tôi hăng hái như hai con sư tử. Suốt ngày chúng tôi giảng đạo cho người lương dân trong nhà giam. Họ đưa các thầy chùa đến cãi lẽ với chúng tôi. Trước mặt quan tỉnh và rất đông các cha lại ở đấy, cha Manuel Bồn, đã đề cao đạo Công giáo, và đưa ra những sai lầm của đạo bên lương. Cha trích những câu trong sách chữ Hán để chứng minh, vì thế tất cả đều ca ngợi đạo lý chúng ta và tỏ lòng sùng mộ. Quan tỉnh không xét xử chi, tha ngay cho chúng tôi và giúp đỡ chúng tôi mọi sự dễ dàng, lại còn cấm từ nay không được làm khó dễ người có đạo nữa.” Cha Guliêmô Mahot và cha Manuel Bồn chỉ phải giam có 6 ngày.

Cha Bêninhê Vachet, vì bị đuổi sức không thể lên phủ Chúa Nguyễn để dâng quà tặng của Đức Cha Lambertô de la Motte cho nhà Chúa được. Cha Guliêmô Mahot phải đi thay. Cùng đi với cha có cha Manuel Bồn. Quà tặng gồm có một cảnh san hô lớn rất đẹp, một tấm gương soi làm ở Vê-nê-xia, lồng trong một cái khuôn bằng đá cẩm thạch quý, một đồng hồ báo thức bằng bạc, và một đồng hồ khác bằng đồng, cỡ lớn, rất đẹp, với nhiều cửa kỳ lạ quý hóa của Tây Phương.

Cha Guliêmô Mahot nhờ quan phò mã của Hiền Vương là người rất mến đạo, tiến các lễ vật lên cho nhà Chúa. Nhà Chúa rất hài lòng về những lễ vật đó và cho phép các thừa sai Pháp được đến ở trong xứ Nam. Nhà Chúa cũng nghe biết Đức Cha Lambertô de la Motte được nhà vua Thái Lan trọng vọng và giúp nhà vua nhiều điều lợi ích, nên cũng muốn lôi kéo Đức Cha đến ở địa phận Đàng Trong. Nhà Chúa bảo cha Mahot đi mời Đức Cha đến xứ Nam và cho làm một căn nhà ở cửa Hội An cho Đức Cha ở lại đó.

Cha Guliêmô Mahot sung sướng báo tin mừng đó cho Đức Cha ở kinh đô Thái Lan và cho giáo dân ở địa phận Đàng Trong. Trong thư gửi về Bộ Truyền Giáo, cha Mahot viết: “Nói vắn tắt là nhà Chúa che chở cho người có đạo, vị quan con rể của nhà Chúa theo đạo, còn các quan lớn theo lời yêu cầu của chúng tôi, cũng tha tất cả những người Công giáo bị cầm tù.” Một phần cũng có lẽ vì chúa Hiền, cho mình đã thắng được quân chúa Trịnh, họ có một quyền lực hùng hậu và đông đúc, và từ nay yên trí không còn phải lo việc chống đối với quân Bắc nữa. Nhà Chúa khao thưởng quân sĩ, bãi thuế cho dân các vùng bị chiến tranh, đồng thời cũng xử đãi dễ dãi với người Công giáo và các thừa sai, vì không còn lo sợ những vụ nổi loạn, mà trước đây các quan ghét đạo vẫn đặt vấn đề cho nhà Chúa, nghi ngờ và cấm đạo.

Hiền Vương cũng không quên sai các lương y danh tiếng ở phủ Chúa, đến săn sóc cho cha Bêninhê Vachet. Riêng cha Guliêmô Mahot, nhà Chúa cho một tờ chiếu hộ mệnh, để đi thăm các xứ đạo trong xứ Nam, mà không sợ ai làm khó dễ. Trước khi lên đường thăm các xứ đạo, cha để cha Manuel Bồn ở lại trông coi các họ miền Bắc nghĩa là Quảng Nam, Thuận Hóa, Quảng Bình đến tận biên giới xứ Bắc Đàng Ngoài. Cha lần lượt đi thăm các xứ đạo suốt cho đến

biên giới xứ Nam và Chiêm Thành. Vào tháng 7-1674, ở miền biên giới Phan Rang, Phan Rí cha bố ngỡ được gặp thêm hai cha thừa sai Pháp, Gioan Courtaulin và Gabien Bouchard, do Đức Cha Lambertô de la Motte mới sai ở Thái Lan qua, làm thừa sai địa phận Đàng Trong. Đồng thời cha Mahot cũng gặp hai cha dòng Tên Inhaxiô Baudet và Giuse Candone. Cả hai trước đây đã nhiều lần đến xứ Nam. Nhân cuộc gặp gỡ này, cha chính Guliêmô Mahot muốn lôi kéo hai cha chịu nhận quyền bính của Đức Giám mục đại diện Tòa Thánh, bằng một đề nghị rất hòa hoãn: “Trong một năm rưỡi, cha không đòi hỏi cha dòng phải chịu quyền cha. Nhưng sau một năm rưỡi đó, nếu hai cha không được quyết định gì ở Rôma, thì hai cha sẽ chịu nhận những quyết định trong đoàn sắc của Đức Clêmentê IX.” Đề nghị hòa hoãn đó không được hai cha dòng chấp nhận. Cha Inhaxiô Baudet đến ở một xứ đạo vùng Quy Nhơn, còn cha Giuse Candone thì lên vùng Huế ở nhà người thợ đúc Juan de Cruz.

2. Hoạt động của cha chính Gioan Courtaulin (1674-1675)

Đức Cha Lambertô de la Motte sai thêm hai cha Gioan Courtaulin và Gabien Bouchard là vì nghe tin cha Bêninhê Vachet đã qua đời. Yếu một không thể lên phủ Chúa tiến lễ vật của Đức Cha cho Hiền Vương được, cha Vachet phải nhờ cha Mahot đi thay. Trong thời kỳ ở lại Quảng Ngãi, cha Vachet lên cơn bệnh nặng, ai cũng tưởng chết. Mấy người giáo dân ở Quảng Ngãi vội lấy thuyền qua Thái Lan, báo tin cho Đức Cha Lambertô de la Motte, để xin ngài cho thừa sai khác sang thay thế.

Nhưng phe chống đối với các thừa sai Pháp, không để các cha được yên. Họ bức tức vì thấy các cha được chúa Hiền trọng đãi và cho đi lại tự do. Lúc này họ lại thấy có thêm các thừa sai mới. Một số giáo dân ở Phố Mới, thuộc tỉnh Phú Yên liền báo cho Juan de Cruz ở Huế, người thợ đúc được nhà Chúa tín nhiệm, biết sự kiện này. Clêmentê de Cruz, là con của ông, được trao cho nhiệm vụ tố cáo với nhà Chúa là có một số thừa sai Pháp vẫn lén lút đi lại từ đất Xiêm đến xứ Nam về Xiêm và huấn luyện ở đấy, cùng với một số người xứ Bắc, dung túng sự liên lạc giữa người xứ Nam với xứ Bắc.

Tổ cáo những sự kiện này, họ muốn gây nghi ngờ cho chúa Hiền đối với các thừa sai Pháp. Những người liên lạc của chúa Trịnh xứ Bắc, sai đến để dò xét xứ Nam và huấn luyện những người về làm nội công hoặc gây nội loạn. Nguyên việc trốn khỏi nước và đưa người trốn khỏi nước cũng đủ là một trọng tội. Họ cũng không quên tố cáo Đức Cha Lambertô de la Motte đã lén lút đến xứ Nam năm 1671 và liên kết sự kiện ngài đến xứ Bắc năm 1670, đã kết tội cho ngài là đi dò thám, rồi trở về Xiêm báo tin cho chúa Trịnh ngoài Bắc. Cuối cùng bản tố cáo không quên nhấn mạnh là con dân trung thành của nhà Chúa, không muốn để cho đất nước xứ Nam này rơi vào tay chúa Trịnh, nên mới mạnh dạn tố cáo những kẻ phản nghịch. Xin nhà Chúa đề phòng đừng để cho các thừa sai Pháp tái diễn những điều như thế.

Nhưng may mắn những tố cáo trên đây không đem lại kết quả như họ mong muốn. Nếu không tất cả những thừa sai Pháp sẽ bị hại và cả địa phận cũng bị liên lụy theo. Nhà Chúa cho bắt những người tay chèo, đã đưa các thầy giảng qua học ở trường chung Thái Lan, và đưa các thừa sai vào xứ Nam. May mắn mà những quan nhà Chúa đặt để tra hỏi câu chuyện này, hoặc là người có đạo, hoặc có thiện tình với đạo. Các quan đã tường trình nhà Chúa là câu chuyện tố cáo trên đây là câu chuyện do thù ghét đặt điều. Sự thực theo sự điều tra, có một thuyền người xứ Nam gặp bão ở ngoài khơi. Vì gió ngược không dám vào gần đất Cao Miên, phải tạt qua Xiêm trú ẩn. Họ gặp Đức Cha Lambertô de la Motte, được ngài hứa cho hai nén bạc nếu bằng lòng chở hai thừa sai vào xứ Nam, trên đường họ trở về nước. Vì túng thiếu trong lúc gặp hoạn nạn, nên họ cũng nhận lời và cũng theo họ, thì hai thừa sai này đến là để săn sóc cho cha Bêninhê Vachet, người mang lễ vật cho nhà Chúa, bị đau nặng. Còn việc các thừa sai do thám liên lạc với xứ Bắc thì không có.

Xem bản tường trình, Hiền Vương còn khen Đức Cha Lambertô de la Motte săn sóc giúp đỡ cho người xứ Nam hoạn nạn. Nhà Chúa cũng chỉ khiển trách qua loa những người tay chèo, và cấm từ nay về sau, không được nhận chở những người thừa sai ngoại quốc như thế. Để bồi thường cho họ, vì đã bị giam giữ và tra hỏi, nhà Chúa miễn thuế và lao công cho họ trong ba năm liên tiếp. Hiền Vương nghe tin cha Bêninhê Vachet đã bình phục nhưng vết thương ở chân

vẫn chưa lành, nhà Chúa cho đưa ngài lên kinh để các danh y tiếp tục săn sóc cho ngài.

Tuy vậy vì khôn ngoan dè dặt giữ gìn, cha chính Guliêmô Mahot cũng báo tin cho các linh mục Việt Nam lẫn tránh, yêu cầu cha Gabien Bouchard trở lại vùng Chiêm Thành. Còn cha và cha Gioan Courtaulin lên đường đi kinh đô Huế. Ngày 07-08, hai cha tới cửa Hội An và ban đêm được hai cha Batôlômêô d'Acosta và Giuse Candone đến thăm. Đêm hôm sau hai cha cũng đến thăm đáp lễ. Nhân dịp này cha Guliêmô Mahot nhắc lại đề nghị hòa hoãn mà cha đã đưa ra trong lần gặp cha Giuse Candone trước đây, nhưng không có kết quả. Sau lễ Đức Mẹ Lên Trời, các cha lên kinh đô. Hai cha dòng Tên ở nhà Juan de Cruz, còn hai cha thừa sai Pháp đến gặp phò mã. Cha Courtaulin muốn nhờ ông xin cho ở lại kinh đô Huế. Cha hứa sẽ giúp cho nhà Chúa nhiều điều ích lợi cho dân chúng, như việc đào kinh dẫn thủy nhập điền, việc vét bùn cát trong sông cho thuyền bè đi lại được... Nhưng các cha thừa sai Pháp đã là nạn nhân của người thông dịch viên cho quan phò mã: không nên cho phép một thừa sai người Pháp có mặt ở kinh đô.

Hai cha Mahot và Courtaulin phải bỏ kinh đô Huế, trở về cửa Hội An. Đang khi đó cha Giuse Candone, tàng hình dưới bộ áo lái buôn, vẫn lẫn tránh trong nhà Juan de Cruz. Còn cha Batôlômêô d'Acosta làm nghề thuốc cho các quan ở phủ Chúa, nên được đi lại tự do. Giáo dân ở kinh đô lén lút đến gặp cha mà nhà Chúa và các quan không hề hay biết.

Cuộc va chạm về quyền bính vẫn còn tiếp tục. Ngày 19-09-1674, cha Giuse Candone lấy tính cách là chính địa phận do Tòa Giám mục ở Malacca ủy quyền, đã viết thư chung cho giáo dân, tuyên bố là Đức Thánh Cha không hề ban quyền coi sóc cho các Giám mục đại diện trong khu vực của các cha người Bồ Đào Nha. Vì thế giáo dân không nên đến chịu Bí tích do các thừa sai Pháp, cũng như do các linh mục người Việt của các Ngài làm.

Cha Gioan Courtaulin, sau một thời gian học tiếng, đã biết nói khá và có thể nghĩ đến việc đi thăm các xứ họ. Cha cũng được Đức Cha Lambertô de la Motte đặt làm cha chính địa phận cũng như cha Mahot. Vào đầu năm 1675, quan phò mã đã cho cha Mahot biết là Hiền Vương muốn cho hai cha dùng thuyền của nhà Chúa để qua

Xiêm mời Đức Cha Lambertô de la Motte sang xứ Nam. Cha Mahot lên đường cùng với cha Bêninhê Vachet, để lại việc coi sóc địa phận cho cha chính Gioan Courtaulin.

Trong một địa phận rộng lớn, cả một xứ Nam, việc đi lại khó khăn, lại thêm những cuộc bách hại có thể xảy ra bất cứ lúc nào, cần có nhiều cha chính để chia công việc thăm viếng các xứ đạo. Hơn nữa, thời kỳ đó, rừng núi chưa khai thác nhiều, nước độc, các thừa sai không quen chịu, dễ chết, cần có người này để thay thế cho người kia. Cha chính Gioan Courtaulin, sức vóc to lớn, chịu đựng dẻo dai, rất thích hợp cho công cuộc truyền giáo. Nhưng Đức Cha Phanxicô Pallu vẫn lo ngại cho ngài về tính tình nóng nảy, thiếu nhẫn nại và độc đoán.¹⁶⁶

Trong cuộc đi thăm viếng các xứ họ, cha sung sướng được họ đón tiếp nồng hậu. Nhiều nơi lâu ngày không có linh mục đến thăm viếng, nên sự đạo và đời sống không được khả quan lắm. Dầu vậy, cha rất lạc quan, vì theo cha: “Trong 1.000 người đến xưng tội, số tội trọng mà họ xưng vẫn không bằng một lần giải tội ở Pháp.”¹⁶⁷ Hơn các cha chính khác, cha Gioan Courtaulin đi đến cả những họ xa và hẻo lánh. Về phía Tây, dãy núi Trường Sơn vùng Quảng Ngãi, cách cửa Hàm chừng bảy ngày đường, cha gặp những người dân Mọi. Cha đã tiếp xúc với họ nhưng không dám ở lâu vì sợ nước độc. Trở về, cha Gioan Courtaulin định sai cha Manuel Bôn lên truyền giáo cho họ. Cha Bôn quen thủy thổ hơn và biết cách phòng ngừa nước độc. Cha Bôn đã mua sẵn các thứ thuốc, nhiều kim chỉ và những thứ người dân Mọi không có, để làm cách tiếp xúc với họ, đi dần đến việc truyền giáo. Nhưng không may cha bị ngã bệnh, nên công việc truyền giáo cho các dân Mọi phải bị gác lại.

Trước dịp lễ Phục Sinh 1675, cha Courtaulin cũng lên kinh đô Huế và tuyên bố quyền cha chính địa phận của mình cho giáo dân kinh đô biết. Vào Tuần Thánh, cha trở về cửa Hội An. Ngày 25-04, cha cho hội họp tất cả các thầy giảng ở tỉnh Quảng Nam. Trong cuộc hội họp, cha ra huấn thị về một tổ chức bác ái để giúp người nghèo, người đau yếu, bệnh tật, và những người bị giam tù vì đạo. Các tiền của tổ chức thu được, không được dùng để buôn bán hoặc cho vay lấy lãi, như các cha dòng Tên cho phép trước đây. Trong cuộc cũng có mặt

một thầy giảng Cao Miên, theo phe các cha dòng Tên. Cha đã quở trách thầy, không chịu tuyên bố các huấn thị của mình cũng không chịu rao cầu nguyện cho các Giám mục địa phận, như các thói quen rao cầu nguyện cho các đẳng bậc trong Hội Thánh, khi giáo dân hội nhau đọc kinh. Cha rất hài lòng khi thấy các thầy giảng tỏ lòng vâng phục Đức Giám mục địa phận. Trong thư gửi về Đức Cha Lambertô de la Motte, cha tỏ ra rất lạc quan.

Nhưng chỉ ít lâu sau, một câu chuyện xảy ra đã giúp cha nhận ra tình trạng thực tế hơn, do đó, cũng không đáng lạc quan lắm. Chính vì quá lạc quan về thái độ của nhà Chúa đối với sự đạo, coi thường sự chống đối của phe không chịu nhận quyền của Giám mục địa phận, cũng như sự thù ghét của các quan không ưa đạo, cha đã xây dựng một nhà thờ to tát ở cửa Hội An, để có thể hội họp giáo dân một cách công khai, long trọng dịp các ngày lễ. Dầu tất cả các bạn thừa sai, cũng như các đàn anh trong xứ họ, hết sức cản ngăn, nhưng theo tính độc đoán cha không chịu nghe. Khi làm gần xong thì Juan de Cruz, người thợ đúc thuộc phe các cha dòng, đã tố cáo công việc với chúa Hiền Vương và yêu cầu nhà Chúa tịch biên căn nhà đó, để làm một ngôi chùa. May mắn cha Bêninhê Vachet đã thu xếp câu chuyện với quan phò mã. Ông tuyên bố: “Tôi biết họ thù ghét các cha. Nhưng lần này họ sẽ không được thích thú thấy các cha phải hổ thẹn thua họ, vì tôi muốn căn nhà đó cứ để nguyên như thế.”¹⁶⁸

Thật là đáng buồn trước tình cảnh chia rẽ trong giáo đoàn. Các thừa sai chống đối nhau. Ai cũng cố gắng lôi kéo giáo dân về phe của mình. Đau lòng hơn nữa khi thấy phe này tìm cách phá việc của phe bên kia. Lòng thù ghét đã làm họ mù quáng, họ không nghĩ rằng như thế là chính họ đã phá đổ công việc đạo Chúa. Trong lịch sử truyền giáo của Giáo hội Việt Nam, những nét đen tối này, đã phủ mờ những nét vàng son của chính các thừa sai đó, trong những hy sinh cố gắng cho công cuộc truyền giáo.

Chương X
Hoạt Động Của Đức Cha Lambertô De La
Motte Ở Kinh Đô Thái Lan
(1572-1675)
và Cuộc Kinh Lược Địa Phận Đàng Trong
Lần II
(1675-1676)

I. Hoạt Động Của Đức Cha Lambertô De La Motte Ở Kinh Đô Thái Lan (1672-1675)

Trước khi lên đường đi kinh lược địa phận Đàng Trong lần thứ I (1671-1672), Đức Cha Lambertô de la Motte đã sung sướng nhận được đoàn sắc “Như ta đã nhận được” (Cum sicut accepimus) do Đức Thánh Cha Clémentê IX ban hành ngày 04-06-1669 nhờ cuộc công cán của Đức Cha Pallu ở Rôma. Đoàn sắc này ban quyền quản trị khu truyền giáo Thái Lan cho Giám mục đại diện Tòa Thánh ở Nam Kinh. Ý nguyện từ lâu mong muốn của Đức Cha Lambertô de la Motte đã thành đạt. Từ trước ngài luôn gặp khó dễ do kinh sĩ hội ở Goa, các cha thừa sai dòng theo phe Quốc vương Bồ Đào Nha ở kinh đô Thái Lan. Nhưng từ nay, Đức Cha được yên trí và vững tâm xây dựng trụ sở truyền giáo cho các địa sở của Hội Thừa sai Pháp ở Việt Nam, Trung Hoa, Lào, Cao Miên... đồng thời tổ chức giáo đoàn Thái Lan cũng như sửa chữa những tệ lạm ở đấy.

Việc thành lập trụ sở truyền giáo ở Thái Lan, Đức Cha Lambertô de la Motte đã nghĩ đến, ngay từ lúc đầu, khi đến Yuthia. Khi sai cha Giacôbê de Bourges trở về công cán, Đức Cha đã đặt vấn đề này với Bộ Truyền Giáo. Vì thế ngài muốn xin Tòa Thánh ban quyền quản trị Thái Lan cho các Giám mục đại diện. Trong công đồng chung Yuthia, các Đức Cha cũng như các cha thừa sai Pháp đều đồng ý về vấn đề này. Trụ sở sẽ là nơi liên lạc nhận thư từ và gởi đi, đồng thời, cũng đóng vai trò quản lý nhà chung của các địa sở truyền giáo. Ngoài ra nó cũng là nơi học hỏi tiếng nói và phong tục cho các thừa sai trước khi vào khu vực truyền giáo. Ở đấy có đủ thứ người các nước: người Việt, Trung Hoa, Nhật Bản, Lào, Cao Miên, Mã Lai... Quan trọng hơn là việc đặt ở đấy một trường Chung, tức là một chủng viện chung cho các địa sở truyền giáo, để thu nhận tất cả các thầy giảng, chủng sinh ở các nơi gởi đến. Có những thừa sai chuyên biệt để huấn luyện, đưa họ lên chức linh mục, thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc mà Tòa Thánh đã đặc biệt trao cho các linh mục trước khi lên đường.¹⁶⁹

1. Thành lập và tiến triển của Trường Chung ở kinh đô Thái Lan

Ngay sau khi Đức Cha Phanxicô Pallu lên đường (1668), ở lại kinh đô Thái Lan, Đức Cha Lambertô de la Motte đã lo thực hiện ngay việc thành lập trụ sở truyền giáo và Trường Chung. Một dịp may đã đến với Đức Cha, mấy tháng sau đó. Nhà vua Thái Lan muốn trao cho Đức Cha 10 thiếu niên, để Đức Cha dạy họ “những khoa học Âu Châu” đồng thời cũng ban cho được tự do giảng đạo và đi lại trong nước của nhà vua. Trong khi nhờ quan đại thần Phaulcon chuyển lời cảm ơn nhà vua, Đức Cha Lambertô de la Motte đề nghị và xin phép mở một trường để dạy “những khoa học cần thiết cho một quốc gia muốn được tất cả các nước trên thế giới kính trọng.” Pharamai, nhà vua Thái Lan, rất tán thành ý kiến đó, và ban cho Đức Cha một địa sở rất rộng rãi, bên cạnh làng người Việt Nam.

Đức Cha liền xây một căn nhà lầu bằng gạch, và bằng gỗ, để vừa dùng làm nhà thờ vừa dùng làm trụ sở cho các thừa sai. Chương trình thành lập trụ sở và Trường Chung đã bắt đầu thành hình. Trong thư ngày 17-10-1666, nghĩa là hơn một năm kể từ khi Đức Cha Pallu bỏ Thái Lan đi công cán (17-01-1666). Đức Cha Lambertô de la Motte đã vui mừng báo tin cho Đức Cha Pallu là ở kinh đô Thái Lan đã có một trường dạy các khoa học Âu Châu cho các thiếu niên của nhà vua gởi học và một trường dạy đạo cho các tân tông. Ngài cũng thành lập một đại chủng viện, tụ họp một ít thanh niên có hy vọng tiến lên chức linh mục. Ngài báo cho Đức Cha Pallu là ngày lễ các Thánh 01-11-1666, ba thanh niên chủng sinh sẽ chịu phép cắt tóc. Ngoài ra cũng có một tiểu chủng viện, trao cho cha Luigi Laneau trông coi. Đức Cha Lambertô de la Motte viết tiếp: “Chúng tôi có ở đây những thiếu niên do cha mẹ đã trao phó hẳn cho chúng tôi. Chắc chắn Đức Cha sẽ sung sướng khi thấy chúng trong bộ quần áo chủng màu tím theo kiểu của người Bồ Đào Nha. Chúng chăm lo nguyện ngắm ban mai và chiều hôm. Chúng ăn chung với nhau. Trong bữa ăn có một chú đọc sách đạo đức. Nhưng hầu hết chưa hiểu vì chúng thuộc các quốc gia khác nhau.” Có lẽ đây là các chú tiểu chủng sinh, con nhà có đạo, Đức Cha Lambertô de la Motte đã tuyển chọn trong các làng người Việt, người Trung Hoa...

Chính ở Trường Chung này, những linh mục tiên khởi của Giáo hội Việt Nam được gửi đến huấn luyện và thụ phong. Nó giữ một vai trò quan trọng trong việc thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc. Chính Đức Cha Lambertô de la Motte đã có công gầy dựng nên. Năm 1667, trong một chuyến thuyền đi Thái Lan, cha chính Antôn Hainques đã gửi thầy giảng thứ nhất địa phận Đàng Trong, thầy Giuse Tràng, qua trường Chung để thụ phong linh mục. Tiếp theo đó là thầy Luca Bền. Ngày 31-03-1668, thầy Giuse Tràng được thụ phong linh mục cùng với thầy Phanxicô Perez, người Bồ Đào Nha lại Thái Lan. Thầy Luca Bền cũng được thụ phong năm ấy. Đó là hai linh mục tiên khởi Đàng Trong. Cũng năm 1668, hai linh mục tiên khởi Đàng Ngoài, Gioan Huệ và Bênêđictô Hiền cũng được thụ phong ở Trường Chung.

Năm 1672, trong chuyến đi kinh lược địa phận Đàng Trong, lúc trở về Thái Lan, Đức Cha Lambertô de la Motte đã đem về 12 chủng sinh. Năm 1673, Đức Cha đã truyền chức linh mục thứ 3 của địa phận Đàng Trong, cha Manuel Bồn. Cha Manuel Bồn đã trở về địa phận cùng năm ấy với Bêninhê Vachet mà Đức Cha sai vào làm thừa sai xứ Nam và để dâng lễ vật cho chúa Hiền Vương.

Về sự đòi hỏi thành lập cấp tốc hàng Giáo sĩ bản quốc, để đáp lại nhu cầu ở các xứ họ và giáo dân mỗi ngày thêm đông, mà số thừa sai thì quá ít, Bộ Truyền Giáo đã ban phép rộng cho các Giám mục đại diện, được truyền chức cho các thầy giảng đạo đức và có nhiều kinh nghiệm truyền giáo, mà không cần phải thông hiểu La ngữ. Chỉ cần có thể đọc được các công thức làm các phép Bí tích và hiểu biết cách thức làm, cũng như những đòi hỏi để ban các Bí tích đó cho giáo dân. Trong cuộc va chạm quyền bính chúng ta đã thấy, các cha thừa sai dòng Tên nhiều lần lên tiếng chê bai các linh mục tiên khởi người Việt về sự thiếu hiểu biết về La ngữ. Nhiều cha dòng còn chủ trương rằng các linh mục đó làm các phép không thành, và khuyên các giáo dân phe mình không nên lãnh nhận các Bí tích do các Ngài làm. Thật đáng buồn.

Nhưng sau hai lần kinh lược Đàng Ngoài và Đàng Trong, với công cuộc truyền chức cho 09 linh mục tiên khởi xứ Bắc và 03 linh mục tiên khởi xứ Nam, Đức Cha Lambertô de la Motte nhận thấy số linh mục thừa sai để hoạt động trong hai miền đã tạm đủ. Trong Công đồng thứ I địa phận Đàng Ngoài, khi phân chia địa hạt cho các linh

mục, Đức Cha nhận thấy hầu hết mỗi trấn hay tỉnh đều có một linh mục coi sóc. Trong cuộc kinh lược địa phận Đàng Trong của ngài, Đức Cha cũng đã phân chia các linh mục và thừa sai theo các dinh trấn từ biên giới Chiêm Thành đến biên giới xứ Bắc. Chỉ còn mấy dinh giáp với Đàng Ngoài là còn thiếu linh mục, thì năm 1673, ngài đã truyền chức thêm cha Manuel Bồn để coi sóc miền ranh giới đó.

Nhận thấy số linh mục và thừa sai trong hai địa phận đã tạm đủ, việc truyền chức vội vàng không còn cần thiết nữa, Đức Cha Lambertô de la Motte muốn từ nay việc huấn luyện các linh mục bản quốc sẽ kéo dài lâu năm. Các chủng sinh trước khi bước lên bàn Thánh phải thông hiểu đầy đủ La ngữ cũng như học hỏi sâu xa về những điều cần thiết để thi hành chức vụ linh mục. Chương trình học hỏi tương tự như của các chủng viện bên Tây Phương đã được thành lập theo chương trình cải cách của công đồng Trentô. Đây là ước muốn của Đức Cha Lambertô de la Motte sau cuộc kinh lược I địa phận Đàng Trong. Chắc hẳn ngài đã trình bày cho cha Langlois, khi ngài trao việc điều khiển Trường Chung cho cha năm 1672 thế cha Luigi Laneau. Với cha Langlois, từ năm 1672, Trường Chung đã bước qua giai đoạn thành lập ban đầu để đi vào thời kỳ thứ hai, tức thời kỳ xây dựng và tổ chức hoàn bị.

Tình trạng Trường Chung ở kinh đô Thái Lan khi trao cho cha Phêrô Langlois thế nào? Chúng ta nghe cha trình bày trong thư gửi cha De Brisacier ngày 09-11-1672: “Các học trò của tôi, người nói tiếng Trung Hoa, người nói tiếng xứ Bắc, xứ Nam, người nói tiếng Thái Lan, người nói tiếng Bồ Đào Nha. Không một ai hiểu tiếng nói của chúng ta cả. Tôi là giáo sư duy nhất ở trong chủng viện, có 25 chủng sinh mà người nói tiếng này, người nói tiếng kia, như thế thì hỏi tôi dạy làm sao được.”¹⁷⁰ Đây là khó khăn thứ nhất mà tất cả các Trường Chung, nơi các chủng sinh các quốc gia khác nhau đến học, đều bó buộc gặp phải. Muốn giải quyết, các chủng sinh phải dùng một ngôn ngữ chung, hoặc đã học trước khi được gửi đến, hoặc phải được học trong những lớp dành riêng của trường, trước khi chính thức theo học các môn của trường. Nhưng ở đây các chủng sinh đều thuộc những quốc gia lúc đó vẫn tự đều theo lối viết đặc biệt, khác hẳn lối viết theo văn La ngữ. Trừ những chủng sinh nói tiếng Bồ Đào

Nha viết theo vần La ngữ, người Trung Hoa theo lối viết hình tự của chữ Hán, người Việt chữ Nôm hoặc chữ Hán. Còn người Xiêm lối viết chữ Phạn Bali. Trong thư gửi các Bề Trên chủng viện truyền giáo ở Paris, cha Langlois viết: “Người ta đã trao cho tôi những học trò không biết đọc vần La ngữ A, B, không biết thừa kinh giúp lễ cũng không biết một ngoại ngữ Tây Phương nào. Còn sách để dạy người ta đưa cho tôi một cuốn sách học vỡ lòng tiếng Latinh và tiếng Pháp, với cuốn tự điển của cha Đắc Lộ chỉ có thể dùng cho các thừa sai đã thông thạo La ngữ, chứ không thể dùng nó mà học La ngữ được...”¹⁷¹ Biết bao vấn đề mà cha Langlois phải giải quyết: khác tiếng nói lại không biết một ngôn ngữ chung, trình độ học thức để theo học không có gì, hoặc nữa tuổi đã cao (nhiều chủng sinh đã tới 40 tuổi), lại thiếu sách học...

Nhưng cha Langlois đã vượt thắng những khó khăn đó, vì cha có khiếu học tiếng. Đã thông thạo tiếng Ý nên học tiếng Bồ Đào Nha cũng không khó lắm. Hơn nữa biết mình sẽ được chỉ định để điều khiển Trường Chung, nên cha đã chuyên lo học thêm hai thứ tiếng Việt và Thái, ngay từ năm 1669, khi đến kinh đô Yuthia. Bắt đầu cha học tiếng Thái và sau một thời gian, cha đã biết đọc biết viết khá thông thạo, còn nói và hiểu cũng tạm được. Riêng tiếng Việt thì trong có ít tháng, cha đã giải tội được cho người xứ Nam, biết đọc, biết viết và giải thích Phúc Âm bằng tiếng Việt.

Tiếp theo cha còn phải giải quyết vấn đề sách học hợp cho trình độ sơ khởi của các chủng sinh. Cha viết tiếp: “Trước hết tôi phải dịch quyển vỡ lòng tiếng Pháp ra tiếng Việt, rồi làm một cuốn tự điển La-Việt khá đầy đủ... Tôi cũng dịch cuốn “Phương pháp mới để học dễ dàng các nguyên tắc La ngữ” (do nhà in Claude Tibaut ấn hành) ra tiếng Việt. Hiện tại các học trò của tôi đều có bản viết tay.”¹⁷²

Ngoài ra cha Langlois còn dịch ra tiếng Việt, cũng như cha Laneau dịch ra tiếng Thái, cuốn sách truyện các Thánh và cuốn cắt nghĩa Phúc Âm các ngày Chúa nhật, để cho các chủng sinh dùng làm sách đạo đức cũng như cho giáo dân đọc. Các cha mong muốn có một máy in ở Thái Lan để in các sách đó.

Nhờ đó các khó khăn được san bằng và Trường Chung bắt đầu tiến triển theo đà sống mới. Cha Langlois chia các chủng sinh ở các

nơi gửi đến làm ba lớp khác nhau, để theo học trong ba lớp dự bị tạm gọi là tiểu chủng viện. Một lớp cho các chủng sinh nói tiếng Việt, đông hơn cả, do cha Langlois điều khiển. Một lớp cho các chủng sinh muốn nói tiếng Thái Lan do một giáo dân bản xứ điều khiển. Còn lớp thứ ba gồm các chủng sinh nói tiếng Bồ Đào Nha, Trung Hoa, Nhật, Ấn Độ... Sau không đầy ba năm các chủng sinh này đã có thể theo học các lớp triết học và thần học của đại chủng viện. Đại chủng viện của cha Langlois lúc đó có một thầy phụ phó tế do Áo Môn gửi tới, đã 42 tuổi, 5 thầy đã chịu các chức nhỏ và 6 thầy đã chịu các phép cắt tóc, tất cả đều là người xứ Nam, một thầy người Tenessarim và 20 thầy thuộc các quốc gia khác nhau.¹⁷³

Qua những cố gắng để chấn chỉnh và xây dựng này, người ta đã có thể nói Trường Chung ở Thái Lan đã có một tình trạng không thua kém những đại chủng viện bên Tây Phương được thành lập theo tinh thần cải cách của công đồng Trentô. Giai đoạn đi đến hoàn bị đã bắt đầu và nó sẽ tiếp tục tiến lên với sự săn sóc của Đức Cha Lambertô de la Motte.

2. Những hoạt động khác của Đức Cha Lambertô de la Motte

Thành lập các trụ sở thừa sai và Trường Chung ở kinh đô Thái Lan, tuy là hoạt động chính yếu, nhưng không phải là duy nhất của Đức Cha Lambertô de la Motte. Trong chương trình 1667 mà Đức Cha đã hoạch định, ngoài việc thành lập một chủng viện, cũng là trường chung cho các quốc gia khác nhau, có thể nhận được 100 chủng sinh, ngài còn muốn lập một hội dòng cho nhiều trinh nữ nhỏ bé, nghĩa là một dòng nữ cho người bản xứ và một bệnh viện. Đức Cha cho rằng trong ba chương trình trên đây thì bệnh viện sẽ là vấn đề “đẹp mắt triều đình Thái Lan hơn cả.”¹⁷⁴

Việc thành lập Trường Chung đã thực hiện khả quan. Còn bệnh viện, Đức Cha đã cho làm một chẩn y viện nhỏ bên cạnh Trường Chung để giúp đỡ những bệnh nhân nghèo. Chỉ còn lại chương trình thành lập một dòng nữ cho dân bản xứ là ngài chưa thực hiện được. Chương trình này ngay sau khi kinh lược lần nhất địa phận Đàng Trong trở về Thái Lan năm 1672, Đức Cha đã nghĩ đến. Ngài đã may

mắn “gặp một số khá đông là người nữ, có đủ khả năng và điều kiện để ngài thực hiện chương trình, và họ đã sống chung với nhau theo tinh thần cộng đồng.” Đức Cha Lambertô de la Motte đã dựng cho họ một tu viện và thảo cho họ một bản luật, tương tự như bản luật cho các chị em dòng Mến Thánh Giá, mà Đức Cha đã lập ở địa phận Đàng Ngoài và rồi ở địa phận Đàng Trong, trong hai chuyến kinh lược mới đây ở hai địa phận đó.¹⁷⁵

Sau đó Đức Cha Lambertô de la Motte nghĩ đến việc đặt quyền quản trị của Giám mục đại diện Tòa Thánh đối với các thừa sai dòng ở Thái Lan. Với sắc chỉ “Như ta đã nhận được” (Sicut accipimus), các Ngài đã được quyền ủy nhiệm của Tòa Thánh trên đất Thái Lan và sắc “Những người thám hiểm” (Speculatores) đặt các thừa sai dòng dưới quyền coi sóc của các Ngài.

Ngày 22-10-1672, Đức Cha sai cha Phêrô Langlois và Gioan Courtaulin, thừa sai Pháp mới tới Thái Lan, đến trao cho các dòng Tên xem sắc “Những người thám hiểm” của Tòa Thánh. Cha Tissanier từ năm 1670 được chỉ định làm Bề Trên các cha dòng Tên ở kinh đô Thái Lan thay cha Valguaneira được cử làm Bề Trên kinh lược các địa sở của tỉnh dòng. Các cha dòng Tên trả lời là các cha không được phép nhận một sắc lệnh nào của Tòa Thánh không gởi qua Tòa Chưởng Ấn của Quốc vương Bồ Đào Nha. Qua nhà của các cha dòng Đa Minh, các cha cũng nhận được câu trả lời tương tự là các cha còn phải chờ lệnh ở Goa. Trung thành một cách mù quáng với Quốc vương Bồ Đào Nha, các cha cả hai dòng đều cho rằng công nhận sắc của Đức Thánh Cha Clêmentê IX là các cha phản nghịch với Quốc vương.

Đức Cha để một thời gian cho các cha dòng suy nghĩ, sau đó ngài kết án không cho các cha làm các phép. Nhưng các cha dòng cũng không tuân. Vào ngày 24-11-1672, sau khi đã thu thập hết cả hồ sơ về kết quả việc tuyên bố sắc lệnh “Những người thám hiểm” cho các thừa sai dòng, Đức Cha Lambertô de la Motte đã làm một tờ trình về Bộ Truyền Giáo. Ngài yêu cầu các Đức Hồng Y dùng phương dược hữu hiệu để chấm dứt tình trạng chia rẽ trầm trọng và tai hại ở các địa sở truyền giáo Đàng Ngoài cũng như Đàng Trong. Hoặc là các Hồng Y ra lệnh gọi các Giám mục đại diện Tòa Thánh và các thừa sai

của các Ngài trở về. Hoặc các vị ra lệnh cho các thừa sai dòng Tên phải ra khỏi các khu vực đã trao cho các Giám mục quản trị. Còn nếu các Hồng Y không dám giải quyết theo đường lối cứng rắn ấy, thì xin các vị ban ba quyết nghị sau đây. Trước hết, cấm ngặt Quốc vương Bồ Đào Nha, Đức Tổng Giám mục hay Kinh sĩ Hội ở Goa, các Giám mục và các vị có quyền ở các địa phận thuộc quyền bảo trợ, như các cha chính địa phận, các Bề Trên kinh lược, hoặc cha chính đại diện, không được thi hành bất cứ quyền hành gì, trong các địa sở của các Giám mục đại diện Tòa Thánh, Đàng Ngoài, Đàng Trong và Trung Hoa. Tiếp theo là cấm các vị ấy không được truyền một chức nào cho những tu sĩ nguyên quán ở các địa sở thuộc quyền quản trị của các Giám mục đại diện. Cuối cùng là tuyên bố các Giám mục đại diện, các thừa sai của các Ngài, các linh mục bản quốc thuộc quyền các Ngài, cũng như các thầy giảng, các giáo hữu ở trong nhà các Ngài, đều không dưới quyền tòa điều tra ở Goa và các ủy viên của tòa ấy.¹⁷⁶

3. Ở kinh đô Thái Lan, Đức Cha Phanxicô Pallu, sau cuộc công cán ở Rôma

Sang năm 1673, ngày 27-05, Đức Cha Lambertô de la Motte và các thừa sai Pháp ở Thái Lan được sung sướng đón tiếp Đức Cha Phanxicô Pallu đi công cán ở Rôma về, ra đi từ tháng 1-1665, nghĩa là 8 năm xa cách. Đức Cha Pallu nghe trình bày tình hình các địa sở truyền giáo, sự ngoan cố của các cha dòng Tên trong việc công nhận quyền bính của các Giám mục đại diện, tình trạng chia rẽ tai hại trong hai địa phận Đàng Trong và Đàng Ngoài. Ngài hoàn toàn đồng ý với Đức Cha Lambertô de la Motte là cần đòi hỏi ở Tòa Thánh một thái độ cứng rắn để giải quyết vấn đề.

Ngài không đồng ý với các vị quản lý ở trụ sở các thừa sai ngoại quốc Ba Lê là các Ngài phải đối xử hết sức hòa hoãn với các cha dòng. Các vị đó đã kết án gắt gao hành động cứng rắn của Đức Cha Lambertô de la Motte, chẳng hạn bức thư chung của Đức Cha kết án việc buôn bán của các cha dòng năm 1667 ở kinh đô Thái Lan. Nhưng lúc này trở lại địa sở truyền giáo, Đức Cha Phanxicô Pallu đã

được thấy rõ tình trạng đau buồn do thái độ ngoan cố của các cha dòng gây ra. Ngài ân hận đã chịu áp lực các vị quản lý, những người ở xa không rõ tình thế. Ngài đã chiều ý các vị ấy mà kết án Đức Cha Lambertô de la Motte và hứa sẽ lôi cuốn Đức Cha theo con đường hòa hoãn trong bản giao kết ngày 02-02-1670.

Đức Cha Phanxicô Pallu vội viết thư về cho các Bề Trên chung việc truyền giáo Ba Lê, đồng thời cũng là quản lý của các Đức Cha, để các vị biết rõ tình trạng thực ở những địa sở truyền giáo. Ngài cũng khiển trách các vị đã ngăn cản hành động của các Giám mục và như thế là đi quá giới hạn nhiệm vụ quản lý đã trao phó cho các vị. Đức Cha Pallu tuyên bố hủy bỏ bản giao kết ngày 02-02-1670 và từ nay các Giám mục dành quyền tự do hành động. Hơn ai hết các Ngài là những người sống trong hoàn cảnh, hiểu rõ thực trạng, nên cũng biết phải hành động thế nào cho có hiệu quả. Đức Cha cũng ra lệnh cho cha Calôrô Sévin xúc tiến công việc và qua Rôma trình bày cho Tòa Thánh biết thái độ của các cha dòng đối với sắc lệnh “Những người thám hiểm” để Tòa Thánh quyết định theo những đề nghị của các Giám mục.¹⁷⁷

Trở lại Thái Lan, Đức Cha Phanxicô Pallu cũng mang theo “Hai bức thư gởi cho vương quốc Xiêm, một bức thư của Đức Thánh Cha Clémentê IX và một bức thư của vị hoàng đế rất sùng đạo (Louis XIV), cả hai đều kèm theo lễ vật để cảm ơn hoàng đế Xiêm đã bảo trợ đặc biệt các Giám mục Pháp và đã cho các Ngài được hoàn toàn tự do thi hành chức vụ trong kinh đô của nhà vua.”¹⁷⁸ Được tin đó, Pharamai đã thông báo cho Đức Cha Lambertô de la Motte là nhà vua sẽ tiếp hai Đức Cha trong một buổi triều yết đặc biệt. Nhưng hai Đức Cha không muốn tuân giữ những nghi lễ tiếp kiến như những sứ giả các nước Á Đông, sợ làm mang tiếng cho Tòa Thánh và nước Pháp mà hai Đức Cha làm sứ giả, nên phải chờ khá lâu cho bộ nghi lễ định lại các nghi lễ cho thích hợp. Ngày 18-10-1673, hai Đức Cha mới được vào yết kiến Pharamai.

Sau đó ít ngày, hai Đức Cha lại được tin nhà vua muốn sai một sứ giả qua Âu Châu để đáp lễ Đức Thánh Cha và nhà vua Pháp. Vì thế hai Đức Cha còn tiếp tục được yết kiến Pharamai nhiều lần nữa. Nhà vua Xiêm tỏ ra rất hài lòng với những lễ vật của nhà vua Pháp và hỏi

các Đức Cha vì mục đích gì và lý do nào các Đức Cha lại được nhà vua Pháp săn sóc ân cần như thế. Khi biết rằng chỉ vì lòng sùng đạo, muốn cho nhiều dân biết đạo Chúa Trời, Pharamai càng tỏ ra thần phục hơn nữa. Những cuộc đi sứ của các sứ giả Thái Lan qua Âu Châu phải chờ đợi nhiều năm mới được thực hiện. Dù sao hai Đức Cha rất hài lòng, vì từ nay các Ngài sẽ được Pharamai ủng hộ và bảo vệ nhiều hơn, công cuộc truyền giáo cũng bảo đảm chắc chắn hơn.

Sự kiện đầu tiên bảo chứng sự ủng hộ săn sóc của Pharamai là việc nhà vua cho thêm đất để làm một thánh đường và một trụ sở rộng rãi hơn. Một hôm, trong một buổi lễ, nhà vua ngự thuyền rồng trên sông Ménam, lúc trở về hoàng cung, nhà vua truyền lệnh đưa đến khu vực của các Giám mục Pháp. Nhìn cơ sở của các Ngài, nhà vua muốn cho thêm một khu đất rộng hơn nữa để các Giám mục xây cất thánh đường nguy nga và cất một trụ sở rộng rãi hơn.

Thánh đường nguy nga này, các Đức Cha định xây cất cho Đức Cha Luigi Laneau, mà các Ngài đã đồng ý chọn vào cuối tháng 9-1673 thay thế Đức Cha Cotelendi đã qua đời trên đường vào địa sở truyền giáo. Theo đoản sắc “Như ta đã nhận được” của Đức Thánh Cha Clémentê IX (04-06-1669) thì vị Giám mục Nam Kinh cũng được quyền coi sóc các khu vực truyền giáo Thái Lan. Đức Cha Pallu lúc đầu muốn đặt cha Luigi Chevreuil. Nhưng sau ngài cũng đồng ý với Đức Cha Lambertô de la Motte và tất cả các thừa sai Pháp ở Xiêm, chọn cha Luigi Laneau, vì đức tính khiêm nhường, nhẫn nại và hăng hái hoạt động của ngài. Lễ thụ phong Giám mục được cử hành ngày lễ Phục Sinh năm 1674.

Tiếp theo hai Đức Cha nghĩ đến việc viết thư về Pháp kêu gọi những tu sĩ có ý hướng truyền giáo đến cộng tác với các Ngài. Các Đức Cha đã nghĩ đến hội các cha Xuân Bích, là hội dòng chuyên lo huấn luyện các đại chủng sinh để các Ngài tìm kiếm trong những đại chủng viện các Ngài coi sóc, những chủng sinh có chí hướng truyền giáo. Các Đức Cha hy vọng có thêm thừa sai thay thế những vị đã khuất và nhất là để giải quyết phần nào sự khan hiếm thừa sai trong các khu vực truyền giáo. Một bức thư luân lưu gửi tất cả các Giáo sĩ ở Pháp, để mời gọi các vị đến hoạt động tại những khu vực truyền giáo, đã được hai Đức Cha gửi đến cho Bề Trên các cha hội Xuân

Bích, cha de Bretonvilliers, để xin các Ngài ủng hộ.¹⁷⁹

Hai Đức Cha cũng nghĩ đến việc kêu gọi sự cộng tác của các cha người Tây Ban Nha dòng thánh Đa Minh và dòng thánh Phanxicô. Có lẽ hai Đức Cha nghĩ rằng, vấn đề va chạm quyền bính không lo xảy ra: các địa phận Đàng Trong và Đàng Ngoài không thuộc khu vực mà Quốc vương Tây Ban Nha có thể nhận là thuộc quyền bảo trợ của mình. Hơn nữa các cha dòng đây là những người được mời đến cộng tác với các thừa sai Pháp. Có lẽ hai Đức Cha cũng hy vọng sự có mặt của các cha dòng Tây Ban Nha, với sự vâng phục quyền Giám mục địa phận của các Ngài sẽ đánh tan những lý lẽ của phe đối nghịch theo các cha dòng Tên Bồ Đào Nha ngoan cố không chịu nhận quyền. Hai Đức Cha đã sai cha Gabien Bouchard đến Manila để lo liệu vấn đề này. Cha Bouchard bị nhà cầm quyền Tây Ban Nha nghi ngờ đến do thám. Nhưng cha được các cha dòng đón tiếp thịnh tình. Các cha Đaminh hứa sẽ gởi thừa sai mau chóng. Các cha Phanxicô thì sai cha Luigi tước Mẹ Thiên Chúa theo cha Gabien Bouchard về Thái Lan. Hai Đức Cha đặt cha làm giáo sư giúp cha Langlois dạy Trường Chung ở Thái Lan.

Đồng thời các cha cũng nghĩ đến việc tổ chức Trường Chung cho hoàn bị, để huấn luyện các linh mục bản quốc. Các ngài đã thảo một bản quyết nghị về việc quản trị Trường Chung ở Xiêm.¹⁸⁰ Sau đó hai Đức Cha Phanxicô Pallu và Lambertô de la Motte nghĩ đến việc đi kinh lược địa phận của ngài ở Đàng Ngoài, trên một chiếc tàu của các Ngài.

Sau hơn một năm ở Thái Lan, ngày 20-08-1674, Đức Cha Phanxicô Pallu lên đường đến địa phận của ngài ở Đàng Ngoài, trên một chiếc tàu Pháp, do thuyền trưởng Du Mautmesnil điều khiển. Tuy bấy giờ cha dòng Tên Philippô Marini sau khi bị Chúa Trịnh trục xuất khỏi xứ Bắc đã tới Xiêm năm 1673, cha đã đưa tin cho một giáo dân ở Đàng Ngoài, đồng thời cũng tung tin này ở Thái Lan, là phó vương ở Goa đã phái hai cha Bê Trên Đaminh và Phanxicô ở Goa về Lisbonne để nhận giấy ủy quyền làm cha chính địa phận Đàng Trong và Đàng Ngoài do chính Tòa Thánh Rôma ban. Đồng thời vị hoàng tử nhiếp chính ở Bồ Đào Nha đã can thiệp với Tòa Thánh yêu cầu gọi các Giám mục Pháp về. Nhưng Đức Cha Phanxicô Pallu không lo

ngại về tin đó. Ngài hy vọng có thể vào kinh lược Đàng Ngoài, theo lối của Đức Cha Lambertô de la Motte trước đây, với tính cách là tuyên úy cho các thủy thủ trên tàu buôn. Nhưng không may tàu gặp bão phải trú vào Manila. Đức Cha Phanxicô Pallu bị nhà cầm quyền Tây Ban Nha giữ và đưa về Madrid, kinh đô Tây Ban Nha.

Còn Đức Cha Lambertô de la Motte phải đợi một năm sau, nghĩa là ngày 23-07-1675, mới có thể lên đường kinh lược địa phận Đàng Trong của ngài lần II. Chỉ vì Pharamai không muốn cho Đức Cha bỏ kinh đô Thái Lan đi nơi khác.

II. Cuộc Kinh Lược Lần II Ở Địa Phận Đàng Trong (1675-1676) Của Đức Cha Lambertô De La Motte

Từ sau cuộc đại chiến với Chúa Trịnh ngoài Bắc năm 1672, Hiền Vương thay đổi thái độ với các thừa sai và với đạo Công giáo. Tuy chưa ra một sắc lệnh cho tự do truyền đạo, nhưng chúng ta thấy các thừa sai được đi lại thăm các xứ họ dễ dàng. Đôi khi có những cuộc bắt bớ, nhưng chỉ là địa phương do các quan ghét đạo gây ra. Có lẽ vì Hiền Vương nghĩ rằng từ nay mình được rảnh tay với họ Trịnh, chỉ còn lo tổ chức việc nội bộ và tiếp tục cuộc Nam Tiến, lấy đất của Chiêm Thành và Chân Lạp, Cao Miên, mở thêm bờ cõi. Nhà Chúa không còn lo những cuộc nổi loạn, mà theo các quan ghét đạo, phải nghi ngờ những người Công giáo có thể làm tay sai cho Quốc vương Bồ Đào Nha xâm chiếm xứ Nam. Nhưng với thời gian và với sự kiện đã gặp thấy trong các cuộc bách hại, nhà Chúa thấy là những nghi ngờ đó không có nền tảng. Không bao giờ người Công giáo có ý làm loạn. Cũng không bao giờ các thừa sai muốn cho Quốc vương Bồ Đào Nha đến làm chủ ở xứ Nam. Vì thế trong những năm sau này, do sự chia rẽ giữa các thừa sai Pháp và các cha dòng Tên, giáo dân theo phe các cha dòng nhiều lần vu cáo các thừa sai Pháp làm tay sai do thám cho Chúa Trịnh hoặc cho nhà vua Pháp. Hiền Vương đều bỏ ngoài tai hoặc giao cho các quan điều tra một cách sơ sài mà không hề nghĩ đến việc cấm cách trước đây.

Hiền Vương cũng đã thấy gương các nhà vua Xiêm, rộng tay đón nhận tất cả các lái buôn Tây Phương đến buôn bán ở xứ mình, cũng như cho các thừa sai của họ được tự do truyền đạo. Nhờ đó nước Xiêm trở nên giàu mạnh và cũng không bao giờ lo quốc gia nào đến xâm chiếm nước mình. Nhà Chúa cũng được biết là trong số những người ngoại quốc được vua Xiêm kính nể hơn cả, đó là Đức Cha Lambertô de la Motte. Nhà vua Xiêm muốn nhờ Đức Cha làm trung gian nối liên lạc ngoại giao cũng như thương mại với nước Pháp.

Năm 1673, Hiền Vương sung sướng được Đức Cha Lambertô de la Motte sai cha Bêninhê Vachet mang lễ vật đến dâng cho nhà Chúa. Hiền Vương được biết thêm rằng, Đức Cha Lambertô de la Motte được Tòa Thánh chỉ định làm Giám mục xứ Nam và Đức Cha ngỏ ý muốn đến thăm các xứ họ ở đây. Hiền Vương liền nắm cơ hội

này để lôi kéo Đức Cha đến xứ Nam, để cũng như vua Xiêm dùng ngài làm liên lạc đưa tàu buôn người Pháp đến buôn bán. Theo nhà Chúa dò hỏi thì nước Pháp là một nước hùng mạnh, có nhiều súng ống đạn dược. Hiền Vương cho mời Đức Cha đến xứ Nam, và cho ngài một khu đất ở cửa Hội An làm chỗ trú ngụ, đồng thời cũng hứa cho ngài tự do truyền đạo đi lại trong xứ.

1. Hiền Vương tha thiết mời Đức Cha Lambertô de la Motte đến xứ Nam

Được biết ý muốn của Hiền Vương, cha chính Guliêmô Mahot vội vàng báo tin cho Đức Cha Lambertô de la Motte. Vào đầu tháng 2-1674, có thuyền của người xứ Nam đến kinh đô Thái Lan và mang thư của cha chính Mahot cho ngài. Biết rằng lúc này nhà vua Xiêm chưa sẵn sàng cho Đức Cha bỏ nước Xiêm đi nơi khác. Nhà vua muốn tỏ ý nhờ Đức Cha đưa sứ giả của Xiêm qua Âu Châu gặp nhà vua Pháp và Đức Thánh Cha. Đức Cha Lambertô de la Motte muốn nhân câu chuyện này, yêu cầu nhà vua Xiêm ra một sắc chỉ công khai tuyên bố cho tự do truyền đạo cũng như tự do theo đạo. Vì thế khi báo tin cho quan đại thần Phaulcon của nhà vua Xiêm biết ý muốn của Hiền Vương, nhà Chúa xứ Nam, Đức Cha Lambertô de la Motte cũng nhấn mạnh là mình có bốn phận phải đến xứ Nam vì là Giám mục được chỉ định trông coi giáo đoàn ở đấy. Nhưng nếu nhà vua Xiêm công khai ra sắc chỉ cho tự do truyền đạo và theo đạo thì Đức Cha có thể ở xứ Nam một thời gian rồi lại trở về Xiêm một thời gian. Nhưng Phaulcon ngại không dám tâu lên nhà vua việc ấy.

Vào tháng 4-1674, lại có thuyền buôn ở xứ Nam qua Xiêm, Đức Cha Lambertô de la Motte đến gặp nhà vua Xiêm để yêu cầu việc ấy. Lúc bấy giờ nhà vua đang nghỉ ở ngoài trại hoàng cung. Cùng đi với Đức Cha Luigi Laneau, Đức Cha Lambertô de la Motte trình bày ý muốn cho một đại thần khác trong triều, nhưng ông cũng khuyên hai Đức Cha không nên đòi hỏi điều ấy. Nhà vua tỏ ra có thiện tình đặc biệt với các Đức Cha, bằng cách cho đất để dựng thánh đường và sẵn sàng chịu các phí tổn xây cất. Còn về việc ra một sắc chỉ công khai cho tự do truyền đạo và theo đạo, thì trên thực tế nhà vua đã để cho các thừa sai tự do truyền đạo, các giáo dân tự do hội họp, không

hề có sự cấm cách ngăn cản. Nhà vua không muốn ra một sắc chỉ, có tính cách như một lệnh truyền, có thể làm dân chúng xôn xao bất mãn. Đến việc lên đường đi xứ Nam, thấy Pharamai tỏ ý không bằng lòng, các Đức Cha cũng không dám nhấn mạnh, sợ làm phật lòng nhà vua, có thể có hậu quả không hay. Cuối cùng Đức Cha Lambertô de la Motte sai hai cha Gabien Bouchard và Gioan Courtaulin theo thuyền buôn vào xứ Nam một cách kín đáo theo lối qua biên giới Chiêm Thành, như Đức Cha và các thừa sai vẫn quen đi trước đây.

Vào đầu năm 1675, quan phò mã lại báo cho cha chính Guliêmô Mahot biết ước muốn của Hiền Vương, mời Đức Cha Lambertô de la Motte đến cư ngụ tại xứ Nam và sẵn sàng cho ngài tự do truyền đạo cũng như cho người xứ Nam tự do theo đạo. Quan phò mã muốn rằng, để cho công việc được kết quả, hai cha Mahot và Vachet sẽ thân hành qua kinh đô Thái Lan để mời Đức Cha. Nếu hai cha muốn, có thể dùng thuyền nhà Chúa mà về Thái Lan. Vào tháng 5-1675 thì thuyền của Chúa Hiền Vương đến kinh đô Thái Lan, có hai cha Mahot và Vachet đi theo.

Được tin Đức Cha Lambertô de la Motte đến xin phép Pharamai cho bỏ kinh đô Thái Lan một thời gian, để thăm địa phận của ngài ở xứ Nam. Đức Cha cũng nghĩ rằng, nếu cứ theo ý Phara mai tiếp tục từ chối lời mời thiết tha của nhà Chúa ở xứ Nam, sẽ có thể làm cho nhà Chúa bất mãn, sự đạo có thể bị liên lụy chẳng. Nhưng đồng thời Đức Cha cũng không muốn làm mất lòng nhà vua Xiêm, đang bảo vệ và đối đãi các thừa sai tử tế. Làm thế nào để vừa lòng cả hai bên? Đức Cha nghĩ ra một lối thoát.

Lần này cũng như lần trước nhà vua Xiêm đưa ra lý do, không muốn cho Đức Cha bỏ nước Xiêm, vì nhà vua muốn nhờ ngài đưa sứ giả qua Âu Châu đáp lễ nhà vua Pháp và Đức Thánh Cha. Đức Cha Lambertô de la Motte liền thưa với vua Xiêm là ngài thật không xứng đáng lãnh nhận sứ mệnh trọng đại ấy. Nhưng được nhà vua đoái thương trao phó cho Đức Cha sẵn sàng, dù có phải hy sinh cả tính mạng cũng lấy làm sung sướng. Nhưng vì lúc này nước Pháp và nước Hòa Lan đang có chiến tranh với nhau, nên không phái sứ giả qua Âu Châu được. Chờ cho chiến tranh kết thúc và hai bên ký hòa ước với nhau, thì cũng phải một năm hay hơn. Nếu nhà vua cho phép Đức Cha qua kinh lược xứ Nam, thì chỉ trong vòng một năm,

Đức Cha đã có thể trở về kinh đô Thái Lan, sẵn sàng để nhà vua sử dụng. Đức Cha cũng nhấn mạnh là việc đi kinh lược xứ Nam là nhiệm vụ của Tòa Thánh đã trao cho ngài. Ngài không thể thiếu xót nếu không muốn lỗi phạm tới Chúa và bị Tòa Thánh khiển trách. Đức Cha cũng hứa chỉ trong vòng một năm sẽ trở về.

Với những lý lẽ đó nhà vua Xiêm không thể từ chối lời yêu cầu của Đức Cha Lambertô de la Motte được, đành phải để cho ngài ra đi xứ Nam. Nhà vua cũng không quên bắt các nhân viên của nhà Chúa Nguyễn sai qua đón Đức Cha, phải thề hứa sẽ đem Đức Cha về Thái Lan trong vòng một năm. Ngày 23-07-1675, Đức Cha Lambertô de la Motte bỏ kinh đô Thái Lan lên đường đi kinh lược địa phận Đàng Trong.

2. Đức Cha Lambertô de la Motte kinh lược địa phận Đàng Trong lần II (1675-1676). Cuộc thăm viếng các xứ họ miền Bắc xứ Nam

Lần này với tính cách là thượng khách của Chúa Hiền Vương, Đức Cha Lambertô de la Motte không phải vào xứ Nam một cách lén lút nữa như lần trước. Đức Cha đi thẳng đến cửa Hội An và được cha chính Gioan Courtaulin đón rước long trọng. Sau đó Đức Cha được nhân viên phủ Chúa đưa lên Huế và được gặp quan phò mã.

Lúc đó Hiền Vương đang có tang người con thứ là thế tử Thuần, tên lúc nhỏ là Hiệp. Trước đây trong trận đại chiến thứ 7 với Chúa Trịnh (1672), thế tử Thuần được đặt làm nguyên soái. Lúc đó Thế tử mới 12 tuổi, nhưng đã tỏ ra xuất sắc trong việc cầm quân và rất can đảm, ghi được nhiều chiến công, nhất là trong việc bảo vệ lũy Đồng Hới. Vào năm 1674, xứ Chân Lạp có nội loạn: hai hoàng tử tranh nhau ngôi báu. Nặc ông Đài cầu viện vua Xiêm đánh Nặc ông Nộn. Còn Nặc ông Nộn thì sang cầu cứu Chúa Nguyễn. Hiền Vương cho quân qua giúp đánh tan được quân của Đài. Lấy thành Sài Gòn và kéo qua Nam Vang. Đài thua trốn vào rừng rồi chết. Em của Đài là Nặc ông Thu ra hàng quân Việt, được đặt làm Chánh Quốc vương ở Nam Vang, còn Nặc ông Nộn thì làm đệ nhị Quốc vương đóng ở Sài Gòn. Cuộc chiến thắng trong chương trình Nam Tiến này làm Hiền Vương mất người con yêu quý là thế tử Thuần. Vì thế đang lúc có

tang, Hiền Vương giữ tang không tiếp kiến Đức Cha Lambertô de la Motte và hẹn khi hết tang sẽ cho ngài vào triều yết.

Tuy không tiếp kiến Đức Cha, nhưng nhà vua cũng sai quan phò mã thông đạt ước muốn của nhà Chúa cho Đức Cha. Nhà Chúa muốn Đức Cha đặt trụ sở ở Hội An. Nhà Chúa cũng sẽ cho đất để Đức Cha làm nhà và Đức Cha muốn ở lại bao lâu tùy ý. Nhà Chúa cũng cho Đức Cha được tự do đi lại thăm nom các xứ họ, chỉ yêu cầu Đức Cha đừng tổ chức những cuộc hội họp đông đúc ồn ào là được. Đức Cha cũng nhờ quan phò mã tiến lễ vật lên nhà Chúa. Hiền Vương chỉ nhận một ống nhòm ở xa: cách hai dặm cũng có thể phân biệt được đàn ông hay đàn bà, và một cái kính thủy tinh lớn, dùng để lấy lửa mặt trời: có sức nóng làm cháy đồng bạc.

Ở kinh đô Huế, Đức Cha Lambertô de la Motte cũng đi thăm xã giao tất cả các ông hoàng của nhà Chúa và các quan triều. Đức Cha mặc áo Giám mục và đeo Thánh Giá, các thừa sai đi theo ngài cũng bỏ bộ áo lái buôn, mặc áo chùng của linh mục. Đi đâu Đức Cha cũng được đón tiếp niềm nở. Theo cha Bêninhê Vachet kể, thì “chỉ có gia đình Juan de Cruz là nghiêng rằng bức tức thấy chúng tôi thành công, nhưng họ không dám phản đối”. Sự thực theo cha thì phe của các cha dòng Tên đã dùng hết cách để phá hoại cuộc kinh lược của Đức Cha lần này. Một lần nữa họ lại tố cáo Đức Cha trước đây đã có lần liên lạc với Đảng Ngoài và khi trở về Thái Lan đã mang theo một số người xứ Nam qua Xiêm. Nhưng họ không thành công. Giáo dân ở Huế đã lũ lượt kéo đến thăm Đức Cha. Trong thời gian ở lại kinh đô hai tuần lễ, Đức Cha đã làm phép thêm sức cho hơn 10.000 người từ kinh đô và các nơi lân cận đến. Đức Cha và các cha luôn luôn phải nhắc nhở giáo dân khôn ngoan, giữ gìn, đừng làm gì xôn xao, ồn ào.

Bỏ Huế, Đức Cha Lambertô de la Motte đi kinh lược các tỉnh miền Bắc của xứ Nam lúc bấy giờ, tức Quảng Bình và Quảng Trị, mà trong chuyến kinh lược lần trước ngài chưa đi qua. Đức Cha phải mất 04 tháng để thăm các xứ họ vùng này, mà cũng không đi hết được. Đi đến đâu, giáo dân cũng lũ lượt kéo đến, để lĩnh nhận các phép bí tích. Nhiều khi sau gần một ngày đường từ xứ này qua xứ nọ, vừa đến nơi Đức Cha đã ngồi tòa giải tội cho giáo dân tới khuya. Sáng sớm lúc 3 giờ, Đức Cha đã cử hành Thánh lễ và sau đó ban phép thêm sức cho giáo dân. Tiếp theo là những cuộc rửa tội hay những

đám hôn phối. Có một nơi Đức Cha đã làm phép thêm sức cho 4500 người. Đây là lần thứ nhất có Giám mục đến ban phép thêm sức. Theo nhận định của các thừa sai thì những ngày đó là những ngày son vàng trong lịch sử truyền giáo của địa phận Đà Nẵng. Biết bao nhiêu người Công giáo khô khan đã nhờ dịp kinh lược này để trở lại. Biết bao giáo dân trở nên đạo đức vững mạnh hơn. Biết bao người lương thấy thế đã xin học đạo và xin trở lại.

Người ta cũng ghi lại hai câu truyện làm cho giáo dân thêm phần khởi và thêm sốt sắng. Một ngày kia người ta đem cho Đức Cha một em nhỏ mới 10 tháng tuổi, chân tay lạnh ngắt và cứng đờ. Bà mẹ khóc lóc xin Đức Cha cứu sống con của bà. Động lòng thương Đức Cha để em nhỏ lên bàn thờ và cầu nguyện, đoạn trao lại cho bà mẹ bảo cho em bé bú. Cái xác lạnh ngắt cứng đờ trước đây đã hồi tỉnh, mở mắt, mỉm cười nhìn bà mẹ như không có gì xảy ra và bú sữa ngon lành. Lần khác đã trừ quỷ cho một người đàn bà bị quỷ ám. Đức Cha sai thầy giảng cầm ảnh Thánh giá đeo ngực của ngài đến nhà người bị quỷ ám. Thầy giảng thì muốn Đức Cha thân hành đến đuổi quỷ ra hoặc bảo người ta đưa người đàn bà đến cho ngài nhưng ngài trả lời là không cần. Thầy giảng chưa tới nơi thì quỷ đã ra khỏi người đàn bà đó.

Sau khi kinh lược vùng Quảng Bình, Quảng Trị, Đức Cha xuống vùng Quảng Ngãi. Ngài mừng lễ sinh nhật năm 1675 ở cửa Hội An. Thời kỳ ở cửa Hội An, ngài gặp một câu chuyện chứng tỏ tự do tôn giáo vẫn chưa bảo đảm chắc chắn. Nó cũng tùy thuộc nhiều vào các quan lại địa phương, đồng thời nhắc bảo cho các thừa sai và giáo dân, phải luôn luôn khôn ngoan, gìn giữ. Một đêm có chừng mấy trăm giáo dân đang hội nhau trong nhà thờ thì có quan quân tới vây. Chừng độ 50 giáo dân bị lính đánh đập tàn nhẫn. Cha Bêninhê Vachet ra mặt cũng bị chúng đánh qua loa, còn Đức Cha và cha Guliêmô Mahot ẩn trong nhà thờ thôi không bị gì cả. Sau đó Đức Cha được biết cuộc vây nhà thờ và đánh một số giáo dân hôm ấy chỉ có mục đích làm tiền. Nhưng họ không được gì, vì giáo dân đến gặp Đức Cha lần ấy toàn là những người nghèo túng cả. Đức Cha muốn trình báo lên quan trên về hành động các quan quân hạ cấp. Nhưng ông quan trấn ở đấy khuyên bỏ qua, sợ sau khi bị phạt chúng lại trả

thù làm khó dễ hơn.¹⁸¹

3. Vấn đề quyền bính với các cha dòng Tên. Lễ truyền chức I ở địa phận Đàng Trong. Trên đường trở về Thái Lan

Khi ở cửa Hội An, Đức Cha Lambertô de la Motte cũng muốn đặt lại vấn đề quyền bính với mấy thừa sai dòng Tên, lúc đó đang có mặt ở xứ Nam. Đứng đầu các cha dòng Tên ở xứ Nam lúc đó là cha Giuse Candone. Đức Cha Lambertô de la Motte sai cha Bêninhê Vachet đến gặp cha Giuse Candone, trao cho cha này xem đoản sắc “Những người thám hiểm” của Đức Thánh Cha Clêmentê IX, đặt các thừa sai dòng dưới quyền Giám mục đại diện trong khu vực đã trao cho các Ngài. Nhưng cha Giuse Candone với sự xúi bẩy của cha Batôlômêô d’Acosta, vị thừa sai trước đây trong chuyến kinh lược lần đầu của Đức Cha đã chịu nhận quyền, rồi sau lại tuyên bố không nhận, cả hai nhất định không chịu xem sắc lệnh. Cha Vachet trao sắc lệnh cho hai cha, nhưng cả hai đẩy đi và để rơi xuống sông. Ba ngày sau Đức Cha Lambertô de la Motte tuyên bố rút phép thông công hai cha dòng. Ngược lại cha Giuse Candone cũng lấy tính cách là cha địa phận do Tòa Giám mục Malacca ủy cho rút phép thông công Đức Cha Lambertô de la Motte, vì ngài đã thi hành quyền chức Giám mục trong khu vực cha coi sóc, mà không xin quyền cha. Cha Giuse Candone tuyên bố quyết định đó trong một thư luân lưu gởi cho giáo dân xứ Nam. Đồng thời cũng rút phép thông công những giáo dân nào sau này còn lĩnh nhận các phép bí tích do Giám mục và thừa sai Pháp.¹⁸² Đứng trước thái độ cứng cỏi của các cha dòng, Đức Cha Lambertô de la Motte vội vàng viết thư về Tòa Thánh để xin giải quyết. Đồng thời kèm theo thư của ba linh mục bản quốc và 109 thầy giảng đã chịu nhận quyền Đức Giám mục địa phận.¹⁸³

Đau buồn vì vấn đề quyền bính gây chia rẽ trong giáo đoàn, nhưng Đức Cha được yên ủi là trong thời kỳ kinh lược này, trước khi từ giã địa phận, ngài đã truyền chức cho linh mục thứ tư của Đàng Trong, cha Luigi Đoản ở tỉnh Quảng Ngãi. Cha là “một trong những thầy giảng kỳ cựu nhất của xứ Nam và là thầy đồ nho danh tiếng”. Đức Cha Lambertô de la Motte trước đây vẫn thúc giục các thừa sai

lo huấn luyện các thầy giảng Cao Miên như cha Phanxicô Deydier đã thực hiện ngoài Bắc, để khi đến kinh lược ngài sẽ truyền chức, hy vọng bù vào chỗ thiếu hụt của các thừa sai và linh mục bản quốc. Đây là lễ truyền chức thứ nhất ở địa phận Đàng Trong, sau lễ truyền chức đầu tiên của địa phận Đàng Ngoài, dịp Đức Cha Lambertô de la Motte kinh lược năm 1669 – 1670. Lần trước có 09 linh mục, lần này được một vị. Theo cha Vachet thì còn một vài thầy giảng nữa đã được huấn luyện để chịu chức kỳ đó, nhưng các thầy đã bỏ.¹⁸⁴ Có lẽ vì những tiếng nói ra nói vào của phe các cha dòng Tên về việc truyền chức cho các linh mục bản quốc do Giám mục Pháp chẳng?

Trước khi kết thúc cuộc kinh lược của ngài ở địa phận Đàng Trong, Đức Cha Lambertô de la Motte lên kinh đô Huế từ giã Hiền Vương và xin phép trở về Thái Lan. Lần này đã mãn tang thế tử Thuần, nhà Chúa tiếp kiến Đức Cha trong một buổi triều yết đặc biệt. Đức Cha cảm ơn nhà Chúa đã cho ngài tự do thăm các xứ họ trong địa phận. Đức Cha cũng không quên nhấn mạnh cho nhà Chúa biết rằng, theo luật đạo, giáo dân phải tôn trọng quyền bính Thiên Chúa đã đặt coi sóc dân sự. Nhà Chúa có thể yên trí tin tưởng người Công giáo là những công dân trung thành và hy sinh cho nhà Chúa cũng như cho quốc gia. Cuối cùng Đức Cha xin Hiền Vương tiếp tục cho tự do tôn giáo, các thừa sai được tự do truyền đạo và dân chúng được tự do theo đạo. Chúa Nguyễn hứa điều đó với Đức Cha và nhà Chúa đã giữ lời hứa. Suốt trong thời sau kỳ này, nghĩa là cho đến khi Hiền Vương mất năm 1687, giáo đoàn xứ Nam được sống yên hàn hơn 10 năm trời. Sau đó, trong đời chúa Nghĩa (1687-1691) tiếp đến đời Minh Vương (1691-1725) vẫn có tự do tôn giáo, mãi năm 1700 mới lại có chỉ cấm đạo. Như thế là sau 30 năm, kể từ khi Hiền Vương lên ngôi 1648, đầy sóng gió với những cuộc bắt đạo lúc dầm máu lúc không, nhưng kéo dài và luôn đe dọa, giáo dân xứ Nam đã được tự do giữ đạo trong hơn 20 năm trời. Cuối đời chúa Nghĩa 1691, cũng có một cuộc cấm cách nhưng chỉ kéo dài một thời gian mấy tháng rồi thôi.

Trong thời kỳ ở kinh đô Huế lần này cũng như lần trước, Đức Cha Lambertô de la Motte, được giáo dân đón tiếp nồng hậu. Ngài ngụ trong nhà của thầy giảng trước là chân tay đặc biệt của các thừa sai

dòng Tên. Thầy giảng này rất được thái tử mến yêu và có nhiều thế giá với các quan trong phủ Chúa. Gia đình của Juan de Cruz, phe của các cha dòng Tên, rất bức tức khi thấy các cha được nhà Chúa trọng đãi. Một lần người con của ông định đến nhà Đức Cha ở để bênh vực quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha. Nhưng Đức Cha không tiếp. Một cuộc ẩu đả suýt xảy ra giữa bên nhà Juan de Cruz và bên nhà thầy giảng, nơi Đức Cha ngụ. Đức Cha phải can thiệp và đe dọa tố cáo với quan phò mã, bên Juan de Cruz mới chịu rút lui.

Đức Cha bỏ kinh đô Huế, Hiền Vương cho thuyền của nhà Chúa tiễn Đức Cha đến cửa Hội An. Quan phò mã cũng để ý chọn các tay chèo đều là người có đạo và đưa theo nhiều thức ăn mỹ vị. Từ cửa Hội An, Đức Cha lấy thuyền đi về Thái Lan. Trước khi bỏ xứ Nam, ở Phú Yên, khu phố Bời, Đức Cha đã chỉ định lại khu vực xứ họ cho các thừa sai, cha Bêninhê Vachet trông coi mấy tỉnh miền Bắc xứ Nam, lúc đó là Quảng Bình, Quảng Trị và Thuận Hóa. Hai cha chính Guliêmô Mahot và Gioan Courtaulin thì ở miền Trung xứ Nam lúc đó là Quảng Ngãi, còn cha Gabien Bouchard thì ở miền Nam, lúc đó Qui Nhơn, Phú Yên.

Còn các linh mục Việt Nam, thì năm 1676, cha Giuse Tràng qua đời. Sau cuộc đi làm phúc ở vùng nước độc về bị ngã nước và sáu ngày sau cha qua đời ở Phú Yên, không kịp trở về Nước Mặn, xứ mà trong chuyến kinh lược lần trước, Đức Cha Lambertô de la Motte đã đặt ngài trông coi. Còn lại có ba cha. Cha Luca Bền ở vùng Phú Yên và sống được đến năm 1684. Cha Manuel Bồn ở miền Bắc. Cha bị chết đắm thuyền năm 1698, trong một trận bão ở cửa biển Kao Sai, cùng với hai thầy giảng và ba chú.¹⁸⁵ Cha Luigi Đoản mới chịu chức, thì ở miền Quảng Ngãi. Cha cũng không sống lâu, năm 1678, vào tháng 6, cha chết vì ngã nước.¹⁸⁶

Sự đạo sau cuộc kinh lược lần II, tiến triển mau lẹ hơn. Số người trở lại mỗi năm trung bình từ 10.000 đến 12.000.¹⁸⁷ Trái lại những năm trước như năm 1674 số người trở lại chỉ từ 3.000 đến 4.000.¹⁸⁸ Theo cha chính Gioan Courtaulin thì số giáo dân địa phận Đàng Trong lúc đó chừng 60.000.¹⁸⁹

Vào trung tuần tháng 5, thì Đức Cha Lambertô de la Motte tới kinh

đô Thái Lan. Ngài rất hài lòng về chuyến kinh lược lần II. Trong thư gửi cho Đức Cha Phanxicô Pallu, ngài viết: “Chúa đã chúc lành tràn đầy chuyến đi xứ Nam của tôi. Chúng tôi được nhà Chúa ban tờ chiếu cho tự do vào xứ đó cũng như sai người đến xứ đó lúc nào cũng được.”¹⁹⁰

Thực vậy, nhìn vào kết quả cuộc đi kinh lược của Đức Cha Lambertô de la Motte ở địa phận Đà Nẵng lần thứ II này, ngoài việc thăm các xứ họ và làm phép thêm sức cho giáo dân, truyền chức cho linh mục thứ tư của địa phận Đà Nẵng, thì kết quả đặc biệt hơn cả ngài thu lượm được là việc yêu cầu chúa Hiền cho tự do truyền đạo và tự do theo đạo. Nhờ đó địa phận Đà Nẵng được một thời gian tự do và bằng yên: hơn 20 năm. Tuy Đức Cha không thành công trong việc đặt quyền bính với các cha dòng Tên trong nội bộ, nhưng bên ngoài, nhờ cuộc kinh lược này, các quan cũng như người lương kính nể sợ đạo hơn.

Chương XI
Những Thử Thách Của Hai Cha Phạnxicô
Deydier và Giacôbê De Bourges Ở Địa
Phận Đàng Ngoài (1670-1675)

I. Cha Phanxicô Deydier Bị Bắt Giam (1670-1672) Giáo Dân Bị Bách Hại

Dến kinh lược địa phận Đàng Ngoài, Đức Cha Lambertô de la Motte cũng mong muốn tìm đường để vào đất Trung Hoa, qua biên giới xứ Bắc. Ngài muốn vào khu vực truyền giáo, gồm 04 tỉnh: Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây mà Tòa Thánh đã chỉ định cho ngài ở đất Trung Hoa kèm theo với địa phận Đàng Trong. Nhưng lúc ấy chiến tranh giữa nhà Mạc và Chúa Trịnh vẫn kéo dài, vượt qua biên giới rất nguy hiểm. Đức Cha đành phải trở về kinh đô Thái Lan, với ý định để lại hai cha Giacôbê de Bourges và Gabien Bouchard, sống tàng hình dưới bộ áo lái buôn. Một khi thuận tiện, hai cha lấy cớ tìm đường buôn bán để vào đất Trung Hoa. Còn cha Phanxicô Deydier, vì không thể ra ngoài khu vực Phố Hiến để hoạt động truyền giáo được nữa, sẽ theo ngài trở về Thái Lan. Nhưng giáo dân xứ Bắc rất mến chuộng cha Deydier. Các đàn anh trong giáo đoàn và Đức Lão Cù nhất định yêu cầu giữ cha Deydier lại, Đức Cha Lambertô de la Motte đành phải chiều lòng, để cha Deydier ở lại và đưa cha Gabien Bouchard về Thái Lan.

Ở Phố Hiến, hai cha Phanxicô Deydier và Giacôbê de Bourges ở lại địa phận Đàng Ngoài, tiếp tục công việc truyền giáo dưới bộ áo lái buôn. Trong thư gởi cho người anh ở Pháp, cha Giacôbê de Bourges viết: “Trước con mắt của người dân phố ở đây, chúng tôi làm ra vẻ những người lái buôn đang lo dựng nhà cất cửa để bán hàng, nhưng hàng hóa của chúng tôi không có gì khác là tin lành Phúc Âm.”¹⁹¹ Bên cạnh đó, những người Hòa Lan trong khu vực của họ cũng luôn để ý đến hai người Pháp, mà họ biết là thừa sai truyền giáo, nhưng bên ngoài có vẻ muốn lập một hàng buôn cạnh tranh với họ.¹⁹²

Chính trong căn nhà lá đó, hai cha tiếp tục huấn luyện cho các chủng sinh giả làm những người giúp việc cho hai cha. Chiều chiều, lợi dụng lúc nhá nhem tối, các người thợ có đạo làm nhà giúp cho hai cha ra về thì các cha người Việt đến gặp hai cha. Đó là 07 cha mới thụ phong linh mục dịp Đức Cha Lambertô de la Motte đến kinh lược địa phận Đàng Ngoài vừa qua.

Các ngài lên vào khu vực của hai cha tiếp tục những đêm học hỏi

dâng lễ, làm các phép bí tích và bàn luận công việc giáo đoàn. Sau Thánh lễ vào lúc 3 giờ sáng, các cha lại rút lui về con thuyền đậu gần đấy, trước khi trời hừng sáng để không một ai bắt gặp các cha vào khu vực của những lái buôn Pháp.¹⁹³

Tưởng rằng dưới bộ áo lái buôn, giữ gìn cẩn thận, hai cha rất có thể tiếp tục công việc truyền giáo trong bóng tối lâu dài. Nhưng đời sống khổ hạnh tu trì của hai cha, khác biệt với tất cả các lái buôn người Hòa Lan, Trung Hoa hay Nhật Bản giữa chốn đô hội buôn bán của Phố Hiến đã làm nhiều người phải nghi ngờ. Có người lấy lễ đến thăm các Ngài, nhưng thực ra là để xem xét. Hai cha lại có kẻ nội thù, người bố đã được cha Deydier nuôi từ lúc mới đến xứ Bắc, sau này chơi bời bỏ đạo. Người bố đó đã tố cáo các cha với quan trấn tỉnh Nam “Ông Già Thiệu” để lấy tiền thưởng.

1. Cha Phanxicô Deydier bị bắt giam (1670-1672)

Vẫn không ưa đạo, quan trấn tỉnh Nam được người bố của hai cha tố cáo là Đạo trưởng tàng hình, liền truyền cho các thầy đề lại, cho người để ý xem xét và theo dõi hai cha. Ngày 18-04-1670, nghĩa là không đầy hai tháng sau khi Đức Cha Lambertô de la Motte bỏ Phố Hiến, hai thầy đề lại của quan trấn đến khám thuyền của hai cha. Thuyền này do thầy Banabê trông coi. Họ khám thấy một vài cuốn sách đạo, tràng hạt và ảnh đạo. Thầy Banabê bị bắt giam, đeo gông, mang xiềng và tra tấn để tố cáo về hai lái buôn người Pháp. Nhưng thầy nhất định giữ kín miệng, chỉ nhận mình là người có đạo và nhất quyết giữ đạo không chịu bỏ đạo hay chối đạo. Sau 22 ngày bị giam cầm, tra tấn, thầy Banabê bị kết án bêu xấu ngoài chợ ba ngày để “làm gương cho những kẻ khác khiếp sợ”. Nhưng vì lúc đó, quan trấn tỉnh Nam cần đến “hai lái buôn người Pháp” để chỉ về cách dùng một bộ phận của súng đại bác, nên thầy Banabê người coi thuyền của hai lái buôn ấy được giảm hình phạt và chỉ phải gia hình 20 trượng, rồi được tha.¹⁹⁴

Không thu lượm được một lời công khai nào trong các cuộc tra tấn thầy Banabê về hai Tây dương đạo trưởng tàng hình dưới bộ áo lái buôn người Pháp. Các thầy đề lại theo lệnh truyền của quan trấn tỉnh Nam, tiếp tục cho người canh gác, do thám chung quanh nhà

của hai cha Deydier và De Bourges. Nhưng hai cha đã đề phòng, báo tin cho giáo dân tạm ngưng một thời gian việc đến gặp hai cha, các thầy giảng và các linh mục Việt Nam cũng hết sức giữ gìn.

Đứng trước những khó khăn đó, cha Phanxicô Deydier cho rằng cần phải gặp những bạn hữu có quyền thế trong triều vua, phủ Chúa nhờ họ che chở và nói với quan trấn xứ Nam, để các cha được chút tự do. Lấy cớ là cần đòi một ít tiền người ta còn nợ thuyền trưởng Junet trong chuyến ông bán hàng trước đây, cha Deydier xin phép quan trấn cho lên kinh để đòi nợ.

Nhưng một câu chuyện không đâu đã làm cớ cho vị quan trấn ghét đạo bắt giam cha Deydier và mấy thầy giảng của cha. Sau khi cha Deydier lên kinh được một tháng, thì quan trấn tỉnh Nam cũng có việc lên kinh. Trên đường về tỉnh Nam, ông gặp thuyền của cha Deydier đậu bên bờ sông. Thầy Piô lúc ấy đang ngồi ở khoang thuyền phía ngoài. Vì mãi đọc sách, thầy quên không đứng lên báo quan trên khi thuyền qua theo lệ của các tay chèo của các thuyền thời bấy giờ. Vốn tính hách dịch, ông liền cho lính trừng trị tên thường dân không biết kính nể quan trên. Đồng thời ông cũng cho lệnh khám thuyền. Lính bắt được một cỗ tràng hạt. Ông liền truyền trói thầy Piô và đánh thầy đau lăm. Sau đó ông cho lính đến bắt cả cha Deydier giải về thuyền của ông cùng với thầy Piô. Ông đe sẽ cho Chúa Trịnh cho chém đầu.

Để cho giáo dân ở kinh đô không kịp giờ về báo tin cho cha Giacôbê de Bourges ở Phố Hiến, ông truyền cho lính chèo cấp tốc về trước. Ông ra lệnh cho họ bỏ vây nhà các cha và các ông thân hành vào khám xét. Trong nhà các cha lúc ấy có 07 người, vừa các thầy, các chú và các bố. Cha Giacôbê de Bourges và cả 07 người đều bị trói và bị đánh đập tàn nhẫn.¹⁹⁵ Nhưng cuộc khám xét không kết quả gì. Họ chỉ bắt được trong phòng cha Giacôbê de Bourges một cỗ tràng hạt và một cuốn tự điển của cha Đắc Lộ. Trong phòng cha Phanxicô Deydier, họ bắt được một ít thư từ và một áo dòng trắng. May mắn, áo lễ thì họ không tìm ra.

Tuy vậy, ông vẫn ra lệnh tổng giam cha Phanxicô Deydier cùng với thầy Piô, thêm hai thầy Phêrô và Simêon. Còn cha Giacôbê de Bourges, vì chưa biết tiếng Việt, ông cho rằng không thể dạy đạo cho

ai được, nên tha, không bắt đi. Mấy chú và mấy bố, ông cũng cho ở lại với cha. Hôm ấy là ngày 22-08-1670.

Sau những buổi tra khảo đánh đập ba thầy Piô, Phêrô và Simêon, ông trấn tỉnh Nam vẫn không thu lượm được lời cung khai nào để kết tội hai cha là tây giang đạo trưởng tàng hình dưới áo lái buôn để lén lút truyền đạo cấm. Nhưng ông vẫn chưa hết nghi ngờ, trong chuyến lên kinh lần vừa rồi, người thông ngôn cho các lái buôn ngoại quốc, tên là Bênêđiô, cũng đã tố cáo với ông là hai người lái buôn Pháp ở Phố Hiến chính là tây giang đạo trưởng tàng hình để truyền đạo cấm. Lời tố cáo này ăn hợp với lời tố cáo trước đây của người bố hai lái buôn. Tên thông ngôn này là người theo phe các cha dòng Tên và các lái buôn Bồ Đào Nha. Họ ghét các thừa sai Pháp và tìm cách làm cho các cha bị trục xuất.

Căn cứ vào hai lời tố cáo đó, ông cho rằng cần phải khám phá ra những tang vật, để làm bằng chứng rõ ràng: hai lái buôn Pháp là tây giang đạo trưởng tàng hình, chẳng hạn áo lễ, đồ thờ. Còn những đồ vật ông bắt được như tràng hạt, sách tự điển không đủ để kết án. Ông cho rằng họ còn dấu kín trong các tường vách hoặc trên mái gianh. Vì thế, ông ra lệnh cho lính đến phá nhà của hai cha. Biết tin, cha Giacôbê de Bourges, đêm hôm trước, đã cho chôn tất cả các áo lễ xuống đất. Sáng hôm sau, lính của ông trấn tỉnh Nam đến phá nhà hai cha. May lúc ấy, có ông đề lại của một quan lớn trong triều đi qua, thấy thế can ngăn lại. Ông đề lại cho quan trấn biết là chính nhà Chúa đã cho phép họ cất nhà để làm trụ sở cho hàng buôn, mà quan trấn lại cho lính đến phá. Nếu câu chuyện đến tai nhà Chúa sợ sẽ làm nhà Chúa phật lòng. Quan trấn nghe ra, nên lại ra lệnh cho lính thôi phá. Nhưng ông bắt nộp phạt 30 đồng bạc, nếu không nộp đủ, sẽ bị đánh đập cho đến khi nộp đủ mới thôi. Sau đó cả 04 cha con, cha Phanxicô Deydier và ba thầy Piô, Phêrô và Simêon, bị đem ra bêu xấu giữa chợ vì đã theo “đạo Hoa Lang”, trái lệnh nhà vua. Ông cho cấm một bản án với những dòng chữ sau đây: “Đạo Hoa Lang là một tà đạo, lừa dối dân chúng. Nhà vua đã nhiều lần ra sắc chỉ cấm theo. Đây là một ngoại kiều, tên là Phanxicô Deydier thuộc nước Francia, đã đến xứ này từ lâu. Tên này đã trái lệnh nhà vua, lôi kéo nhiều người xứ Đông Kinh, dạy tà đạo cho chúng, để làm gương cho những kẻ nào còn muốn theo tà đạo mà nhà vua đã ra sắc chỉ cấm

theo.”

Vẫn chưa bằng lòng với hình phạt trên đây, ông trấn tỉnh Nam còn ra lệnh tiếp tục tra khảo các thầy giảng. Ông ta cho tiền người này, người nọ để họ tìm ra tang vật tố cáo và kết án hai cha. Điều mà cha Giacôbê de Bourges lo sợ nhất là những lá thư mà ông trấn tỉnh Nam đã bắt được trong phòng cha Phanxicô Deydier. Nếu ông ta tìm được người đọc ra các thư từ viết bằng tiếng Pháp ấy, ông ta sẽ có đủ tang chứng để kết tội các cha là tây giảng đạo trưởng.

Cuối cùng, tuy không đủ tang chứng, ông trấn tỉnh Nam cũng kết án trăm quyết cha Phanxicô Deydier và các thầy giảng bị bắt với cha. Ông thân hành lên kinh để xin Chúa Trịnh cho thi hành án. Chúa Trịnh không bằng lòng, lại còn ra lệnh cho ông phải giải phóng cha Phanxicô Deydier. Dầu vậy, ông cũng xin được Chúa Trịnh ra sắc chỉ nhắc lại sắc lệnh cấm đạo năm 1669 và thêm hình phạt từ 50 trượng lên 80 trượng.

2. Giáo dân bị bách hại. Cha Deydier tiếp tục bị giam giữ (1671-1672)

Với sắc lệnh cấm đạo mới, các quan địa phương lại có dịp quấy nhiễu và làm tiền các giáo dân. Chẳng hạn ở Nghệ An, một quan huyện không ưa đạo đã niêm yết trong vùng của ông là ai tố cáo một người có đạo thì được thưởng 05 đồng, ai bắt được thầy giảng hay đạo trưởng thì được thưởng một con bò. Lính tráng và tuần canh mượn thế quan, đi vào lục soát, cướp phá các nhà có đạo và không có đạo. Họ làm nhiều điều tàn ác, dân chúng trong vùng kêu ca. Quan trấn thấy thế, lo sợ câu chuyện đến tai chúa Trịnh, liền bắt giam các lính tráng và tuần canh đã quá tay quấy nhiễu dân chúng. Từ đó người có đạo lại được tự do. Số những người đàn anh công giáo bị bắt giam quăng độ ba chục. Hầu hết bị phạt nộp tiền, sau một thời gian giam giữ rồi được tha.

Ở Phố Hiến cũng có ba cụ già và hai bà lão bị bắt giam vì đạo. Ông trấn tỉnh Nam bèn truyền đem bêu xấu ở chợ, phạt trượng và nộp mỗi người ba đồng rồi mới được tha. Ông Antônio là người đã giúp đáp rất nhiều vào công cuộc truyền giáo. Trong thời kỳ Đức Cha Lambertô de la Motte kinh lược ở xứ Bắc, ông để cho Đức Cha được

tự do sử dụng chiếc thuyền của ông. Và lễ truyền chức đầu tiên đã cử hành trong khoang thuyền đó, một lễ truyền chức tiên khởi trên đất Việt. Tuy nhiên, một tên đầy tớ đã tố cáo ông với quan trên và ông bị bắt giam. Quan bắt ông làm tờ bỏ đạo, nhưng ông nhất định bền vững giữ đạo, một lòng không chối bỏ. Quan trấn kết án và ông bị bêu xấu ở chợ như năm cụ già trên.

Đang khi đó, cha Phanxicô Deydier vẫn bị cầm tù, tuy Chúa Trịnh đã ra lệnh cho quan trấn tỉnh Nam phải trả tự do cho cha Deydier, nhưng ông vẫn trù trù muốn kéo dài thời gian. Ông đòi cha Giacôbê de Bourges phải nộp phạt 500 đồng và làm tờ khai các cửa cải. Đồng thời cha Deydier phải tự xin lỗi ông thì mới được tha. Ông cũng truyền di nhà các cha sang khu vực buôn bán của người Tàu.

Nhân dịp cha Giacôbê de Bourges yêu cầu ông trả lại các giấy tờ đã tịch thu trong phòng của cha Phanxicô Deydier. Không biết đó là thư từ, nên ông đã bằng lòng trả lại cho cha Giacôbê de Bourges. Nhận được cha vội đốt đi. Sau đó, cha không chịu nộp phạt và cha Phanxicô Deydier cũng không chịu xin lỗi. Còn việc di nhà sang khu vực buôn bán của người Tàu, cha Giacôbê de Bourges cũng không chịu thi hành, vì khu đất của các cha là do nhà Chúa đã ban cho, đảng khác, các cha cũng không có dư tài chánh để làm căn nhà khác.

Do đó, cảnh tù tội của cha Phanxicô Deydier vẫn tiếp tục, do lòng thù ghét của quan trấn đối với đạo Công giáo. Một vài quan lớn trên kinh có dịp đi qua khu vực của ông, nghe biết chuyện đó, đã nói cho ông biết là xử như thế, tức là trái lệnh của nhà Chúa, đã truyền tha cho cha Deydier.

Cuối cùng phải có sự can thiệp của bà cụ Ursula, Đức Lão Cù là người có quyền thế trong phủ Chúa, ông quan trấn mới chịu tha cho cha Deydier và các thầy giảng của cha, với điều kiện là phải có người đứng bảo lãnh. Một quan thừa ti xin nhận đứng bảo lãnh.

Ngày 06-11-1671, cha Phanxicô Deydier được ra khỏi tù sau hơn một năm sống trong cảnh xiềng xích, từ ngày 22-08-1670 là ngày cha bị tổng giam sau buổi quan trấn tỉnh Nam đến khám xét nhà hai cha ở Phố Hiến. Nhưng cha Deydier vẫn chưa được hoàn toàn tự do. Khỏi cảnh tù tội, nhưng cha còn bị quản thúc. May mắn, quan thừa ti, người đứng bảo lãnh cha là người có thiện tình với đạo, vợ ông lại là

người có đạo rất sốt sắng. Vì thế, tuy gọi là bị quản thúc nhưng cha được tự do hơn thời kỳ ở Phố Hiến, trước khi bị bắt giam, cha Deydier tiếp tục chỉ huy công việc của địa phận. Các giáo dân được đến gặp cha dễ dàng. Nhiều khi cha giải tội cho họ suốt cả đêm. Cảnh sống như thế kéo dài gần một năm. Vào tháng 10-1672, cha chính Deydier mới được chấm dứt tình trạng quản thúc, trở về Phố Hiến sống với cha de Bourges, sau hơn hai năm bị thử thách vì đạo.¹⁹⁶

II. Hoạt Động Truyền Giáo Của Các Linh Mục Việt Nam Ở Địa Phận Đàng Ngoài (1670-1675). Vấn Đề Huấn Luyện và Truyền Chức

Hai cha Phanxicô Deydier được giải phóng lúc quan trấn tỉnh Nam được lệnh theo chúa Trịnh Tạc vào đánh chúa Nguyễn trong Nam, trong cuộc đại chiến lần thứ bảy vào năm 1672. Vị quan trấn đến thay thế cho ông là con rể Trịnh Tạc, rất có thiện tình với đạo. Sự đạo được một thời kỳ tự do. Hai cha Deydier và Bourges lợi dụng thời gian để tổ chức giáo đoàn xứ Bắc. Nhưng khôn ngoan, các cha chỉ gặp giáo dân lúc ban đêm và tiếp tục hoạt động truyền giáo dưới bộ áo lái buôn, để tránh những dò xét tố cáo của những người không ưa đạo.¹⁹⁷

Thời kỳ này cũng như hai năm trước, lúc ông trấn tỉnh Nam cũ cấm cách sự đạo, hai cha không thể ra khỏi khu vực Phố Hiến. Công việc trông coi giáo đoàn ở các xứ họ đều trong tay các linh mục Việt Nam và các thầy giảng.

1. Hoạt động truyền giáo của các linh mục Việt Nam ở địa phận Đàng Ngoài (1670-1675)

Hai cha rất thân phục hy sinh truyền giáo của các linh mục tiên khởi địa phận Đàng Ngoài. Đứng trước những đòi hỏi của giáo dân lâu ngày thiếu linh mục, các cha không bao giờ từ chối những khó nhọc của công việc mục vụ và không hề lùi bước trước những đe dọa của cơn cấm cách. Đồng thời hăng hái truyền đạo cho những người chưa biết Chúa. Để minh chứng điều đó, xin kể ra đây một trường hợp: cha Văn Tự vừa mới đến coi xứ Nghệ An, giáo dân lũ lượt kéo đến xưng tội, dự lễ và rước lễ. Trong một thời gian vẫn, cha giải tội được gần ba ngàn người và rửa tội được 441 người tân tòng. Trong thời kỳ Nghệ An bị cấm cách, cha vẫn can đảm ở lại để phục vụ cho giáo dân và thúc đẩy họ can đảm xưng đạo. Cha không chịu tránh sang vùng Thanh Hóa yên hàn hơn.¹⁹⁸

Bên cạnh những hy sinh truyền giáo của 09 linh mục tiên khởi Việt Nam, còn phải kể đến công lao trợ giúp của các thầy giảng. Theo cha Giacôbê de Bourges thì con số các thầy giảng lúc đó lên tới gần 100

thầy. Trong thư gửi cho người anh của mình, cha de Bourges viết: “Trong xứ này, chúng tôi có chừng gần 100 người chuyên việc dạy đạo cho người đồng hương của họ. Như thế, các linh mục chúng tôi chỉ có việc ban phép rửa tội và làm các phép Bí tích khác cho những người tân tòng mà họ đã dọn sẵn. Những người này, chúng tôi gọi là các thầy giảng. Họ chỉ được nhận vào chức vụ này sau khi đã khẩn giữ mình trinh khiết, giữ đức khó khăn và vâng lời.”¹⁹⁹

Nói đến những tiến triển của công việc truyền giáo trong những năm bị cấm cách, cha Phanxicô Deydier viết: “Đó là những đóa hoa hồng mọc giữa bụi gai. Dầu nhà Chúa ra lệnh cấm đạo, dầu giáo dân phải mất của cải, bị đánh đập tàn nhẫn hay tù tội, hàng ngày vẫn có người xin theo đạo. Thật là một phép lạ liên tục của ơn thánh Chúa. Ánh sáng mặt trời công bình đã chiếuọi ánh sáng giữa những cơn mây đen đe dọa che phủ. Những người lương dân đã nhận ra ánh sáng công bình đó, đã lãnh nhận và bảo vệ, dù phải liên lụy đến mạng sống. Sự tàn ác của các bạo chúa và những cuộc tra tấn dã man kinh khủng không làm giảm lòng nhiệt thành của họ, lại còn làm tăng thêm lòng ái mộ sự đạo hơn nữa.”²⁰⁰ Cũng theo cha Phanxicô Deydier thì những tiến triển của công cuộc truyền giáo: “Tất cả đều do hoạt động của các linh mục xứ Đông Kinh.”

Theo bản báo cáo của cha Giacôbê de Bourges, thì năm 1670 có 6.463 người được chịu phép rửa tội và hơn 15 ngàn người được lĩnh nhận ơn phép giải tội.²⁰¹ Trong đó có những người đã không được xưng tội từ hơn 20 năm vì thiếu linh mục. Năm 1671, dù gặp cơn cấm cách, sự đạo vẫn tiếp tục tiến triển, số rửa tội năm đó được thêm 4.611 người và 25.700 người được lĩnh nhận ơn phép giải tội. Như thế trong hai năm qua, số người công giáo tăng thêm 11.000, tỏ ra sự đạo còn tiến triển hơn nữa nếu không bị quấy động bởi những cấm cách bên ngoài và những chia rẽ bên trong.

Năm 1672, sự đạo được bằng yên hơn nên số người được chịu phép rửa tội lại lên tới 6.096 và số người được lĩnh nhận ơn phép giải tội còn tăng hơn các năm trước 38.315. Với những con số hùng hồn trên đây, cha chính Phanxicô Deydier rất có lý để tự hào về hoạt động truyền giáo nhiệt thành của các linh mục tiên khởi địa phận Đàng Ngoài. Trong bản báo cáo tình hình giáo đoàn xứ Bắc gửi về

hội truyền giáo Ba Lê, hai cha đã nhấn mạnh: “Dù các linh mục Việt Nam phải khổ cực vất vả trăm điều, cha thì bị đe dọa, cha thì bị đánh đập, cha thì bị đuổi ra khỏi nhà xứ và nhà thờ... nhưng nhờ sự săn sóc của các cha, Chúa đã cho đoàn chiên mỗi ngày thêm đông số.”²⁰²

Vào đầu năm 1673, lợi dụng lúc chúa Trịnh Tạc còn bận chiến tranh với chúa Nguyễn trong Nam, đồng thời sự đạo được dễ dàng, từ khi ông trấn tỉnh mới ở tỉnh Nam đến thay ông trấn tỉnh cũ theo chúa Trịnh Tạc đi đánh giặc, cha chính Phanxicô Deydier cho hội họp các cha Việt Nam lúc đó còn có 07 cha, còn các thầy giảng thì hơn trăm thầy nhưng chỉ có 30 thầy có thể đến dự cuộc được. Đồng thời cũng có độ 30 chị em dòng Mến Thánh Giá đến tĩnh tâm kỳ này.²⁰³

Năm 1671 và năm 1672, giáo đoàn xứ Bắc đã chịu hai tang: cha Gioan Huệ và cha Philippê Nhân. Bản báo cáo về tình hình xứ Bắc đã viết: “Cha Gioan Văn Huệ là một trong số 02 linh mục tiên khởi thụ phong năm 1668, cha là người tài đức, khôn ngoan và hy sinh. Sau hơn hai năm trời hoạt động truyền giáo, cha đã qua đời ngày 23-03-1671. Và năm sau, ngày 25-10-1672, cha Philippê Nhân cũng qua đời.” Bản báo cáo còn chú thích: “Nhiều người cho rằng hai cha là nạn nhân của cuộc chia rẽ trong giáo đoàn. Hai cha đã bị một người theo phe các cha dòng Tên bỏ thuốc độc, vì sau một bữa cơm ở nhà đó, hai cha đều thấy khó chịu. Cha Gioan Huệ chết 06 ngày sau, trên cổ và ở ngực có nhiều vết máu tụ, mà người dân cho là dấu thuốc độc. Còn cha Philippê Nhân, vì uống thuốc trừ độc ngay nên còn sống. Nhưng cha bị bệnh yếu mòn và sau hơn 17 tháng cũng qua đời.”

Trong dịp tĩnh tâm 1673 này, cha chính Phanxicô Deydier cũng theo lệ, cứ 03 năm, đổi xứ các cha một lần. Cha đã phân chia và đã chỉ định 07 cha đến những xứ và địa hạt sau đây:

Cha Mattinô Mật làm cha xứ Lang Cau và coi địa hạt miền Nam tỉnh Nghệ An. Cha Bênêđictô Hiền làm cha xứ Kẻ Chợ và coi địa hạt miền Bắc xứ Sơn Nam, tức Nam Thượng. Cha Antôn Quế, cha xứ Van Nô, coi địa hạt tỉnh Thanh Hóa. Cha Simêon Kiên, cha xứ Lang Tao, coi địa hạt miền Bắc tỉnh Nghệ An. Cha Lêô Trụ coi xứ Kẻ Công và địa hạt xứ Đông, tức tỉnh Hải Dương. Cha Vitô Trị coi xứ Kiên Lao

và địa hạt miền Nam xứ Sơn Nam, tức Nam Hạ. Còn cha Giacôbê Chiến thì coi địa hạt hai xứ Bắc và xứ Đoài, tức tỉnh Kinh Bắc và tỉnh Sơn Tây.

Vào cuối tháng ba thì Trịnh Tạc rút quân về. Quan trấn lâm thời ở tỉnh Nam, con rể của nhà Chúa, lại trở về kinh. Quan trấn mới tính tình nghiêm khắc và thẳng thắn, các mệnh lệnh trên kinh ông thi hành triệt để. Đối với sự đạo, ông cũng không để cho tự do. Dầu vậy, nhờ biết giữ gìn và hoạt động trong bóng tối, nên các cha cũng không gặp những điều phiền nhiễu.

Ở trên kinh, Trịnh Tạc tỏ vẻ nhân từ, và rộng rãi với người Pháp. Chúa Trịnh muốn gây liên lạc thương mại với họ, nhất là để mua khí giới đạn dược. Ngày 28-03-1673 là ngày dành cho các ngoại kiều đến mừng Chúa Trịnh đánh trận trở về. Hai cha Phanxicô Deydier và Giacôbê de Bourges cũng có mặt trong buổi tiếp tân đó, với bộ áo người lái buôn. Quan đứng đầu cuộc tiếp tân hôm ấy, được Trịnh Tạc giao cho nhiệm vụ tìm hỏi thế lực và địa vị của các nước đến buôn bán với xứ Bắc. Cha Phanxicô Deydier thông thạo tiếng nói hơn cả nên được quan hỏi chuyện nhiều hơn.

Được biết địa thế của 04 nước đến buôn bán với xứ Bắc trên bản đồ và thế lực của nước Pháp vượt hơn nước Anh, rồi mới đến nước Bồ Đào Nha và Hòa Lan, Trịnh Tạc sai quan tiếp tân đến nói với đại diện của hai nước Pháp và Anh là nhà Chúa cho hai nước đó cũng được tự do đến buôn bán với xứ Bắc như nước Hòa Lan.

Nhờ sự nỗ lực của Trịnh Tạc và thịnh tình của nhiều quan lớn trong triều vua, phủ Chúa, hai cha được tự do hơn và sự đạo cũng tiếp tục được bằng yên. Số người được rửa tội được tiến triển đều đều mỗi năm. Năm 1673 có 5.386 người được rửa tội, năm 1674 nhiều hơn: 6.690, và năm 1675 nhiều hơn nữa: 8.831. Còn số người được lĩnh nhận ơn phép giải tội cũng vượt hơn những năm trước, thường mỗi năm trên 50 ngàn người. Các nghi lễ tôn giáo trong ba năm này cũng được làm cách công khai.

2. Việc huấn luyện và truyền chức cho các thầy giảng ở địa phận Đàng Ngoài (1670-1680)

Thời kỳ này hai cha Phanxicô Deydier và Giacôbê de Bourges

cũng được tin Đức Cha Phanxicô Pallu, Giám mục địa phận Đàng Ngoài sau cuộc công cán ở Rôma, đã có mặt ở kinh đô Thái Lan từ 27-05-1673. Hai cha mong đợi Đức Cha đến kinh lược giáo đoàn, truyền chức cho 08 hoặc 09 thầy giảng đã được huấn luyện đầy đủ để lĩnh nhận chức linh mục, độ 20 thầy chịu các chức nhỏ và phép cắt tóc.

Nhận thấy con số giáo dân mỗi ngày một thêm đông, đòi hỏi số linh mục mỗi ngày một nhiều hơn. Đàng khác số phận các thừa sai rất bấp bênh, có thể bị giam cầm hay bị trục xuất bất cứ lúc nào. Vì thế, hai cha cho rằng cần phải lợi dụng thời kỳ tạm bằng yên này để huấn luyện cấp tốc các chủng sinh và xin Đức Cha Pallu đến truyền chức cho họ. Nhờ đó, có thể bù đắp vào con số 02 linh mục tiên khởi đã qua đời và đòi hỏi của nhiều địa hạt thiếu linh mục.

Việc huấn luyện các chủng sinh, cha chính Phanxicô Deydier vẫn luôn tiếp tục sau khi Đức Cha Lambertô de la Motte kinh lược địa phận Đàng Ngoài trở về Thái Lan. Dù cả trong thời kỳ cấm cách hai cha vẫn không sao nhãng. Các chủng sinh sống với các cha, ban ngày với tính cách là người giúp trong nhà hoặc thợ thuyền đến làm việc cho các cha. Thời gian học hỏi thường là ban đêm trong bóng tối những khi bị cấm bách.

Lúc được nói rộng hơn và không bị dò xét theo dõi, thì hình thức chủng viện trong khoang thuyền lại được dùng đến.

Trong một bức thư gửi về Bộ Truyền Giáo, cha Phanxicô Deydier đã viết: “Chúng tôi đang huấn luyện cho 20 chủng sinh, hoặc đã chịu các chức nhỏ, hoặc mới chịu phép cắt tóc về những điều trong đạo. Chúng tôi dạy họ đọc và viết theo văn La ngữ. Dẫn dắt họ về đường nhân đức. Hy vọng trong 05 năm nữa, họ có thể thụ phong linh mục và giúp đỡ công việc cho các linh mục cũ. Chúng tôi cũng dạy cho 02 chủng sinh biết các nghi lễ và cách dâng lễ, để họ dạy lại cho các chủng sinh khác cần phải học đến. Họ cũng dạy cho cha Mattinô Mát đã già 70 tuổi. Cha có thể dâng Thánh lễ đầu tiên dịp lễ Hiện Xuống vừa rồi. Họ cũng dạy cho cha Giacôbê Văn Chiêu 48 tuổi, cha này cũng sắp dâng lễ đầu tiên nay mai. Chúng tôi phải nhờ họ như thế, vì các linh mục Việt Nam khác, mỗi người phải ở trong xứ và địa hạt của mình. Mỗi năm các cha chỉ có thể tới thăm nhau 3, 4 lần thôi!”²⁰⁴

Nhưng việc hai cha trông đợi Đức Cha Phanxicô Pallu đến kinh lược và truyền chức cho các chủng sinh địa phận Đàng Ngoài, đã không thành đạt. Vào tháng 6-1675, cha Phanxicô Deydier được tin Đức Cha Phanxicô Pallu bị nạn, không thể tới xứ Bắc nữa. Ngày 20-08-1674, Đức Cha bỏ kinh đô Thái Lan trên chiếc tàu buôn Pháp, định qua kinh lược xứ Bắc nhưng không may gặp bão, dạt vào bờ biển Phi Luật Tân và bị người Tây Ban Nha bắt giữ.

Không còn cách nào hơn là gởi các thầy qua Xiêm để Đức Cha Lambertô de la Motte truyền chức. Năm 1677, vào tháng ba có tàu buôn người Anh bỏ xứ Bắc trở về kinh đô Thái Lan. Cha Phanxicô Deydier lấy lý do sai người sang Thái Lan để lấy lễ vật tiến cho Chúa Trịnh đã gởi được hai thầy giảng cho Đức Cha Lambertô de la Motte truyền chức. Đó là hai linh mục tương lai Philippô Trà và Đôminicô Hảo. Cha Phanxicô Deydier đồng thời cũng gởi lén thêm 05 thầy giảng khác sang học ở trường Chung Thái Lan.

Vào tháng 9 năm đó, 1677, hai cha trở về xứ Bắc, cha Philippô Trà, quê ở Trà Lũ, tỉnh Nam Định. Ngài có một người chị làm Bề Trên dòng các chị em Mến Thánh Giá. Nói đến sự nhiệt thành hoạt động tông đồ của cha Philippô Trà, người ta kể: Có những dịp lễ trọng cha đã ngồi giải tội suốt 7, 8 ngày đêm liền, không ngủ nghỉ, để tất cả các giáo dân ở xa đến có thể lĩnh nhận ơn phép giải tội trong dịp lễ.²⁰⁵ Cha sống được 08 năm, và chết năm 1685 ở Phố Hiến, còn cha Đôminicô Hảo, quê ở làng Thủy Nhai, cũng thuộc tỉnh Nam Định. Sau khi làm linh mục, cha còn sống được 20 năm và chết năm 1697.

Chuyến thứ hai gởi các thầy giảng qua kinh đô Thái Lan để rồi kỳ này phong chức linh mục vào đầu năm 1679. Chuyến ấy có hai cha dòng thánh Đaminh bỏ xứ Bắc, theo tàu qua Thái Lan để rồi trở về Manila, Phi Luật Tân. Cha Phanxicô Deydier cũng gởi thêm hai thầy: đó là thầy Phanxicô Thụy, 38 tuổi và thầy Micae Hợp, 44 tuổi. Lúc đó hai thầy qua tới Thái Lan, thì Đức Cha Lambertô de la Motte đã qua đời. Đức Cha Luy Laneau truyền chức cho hai thầy.

Nói về đời sống của hai linh mục thụ phong lần này, cuốn tài liệu về giáo sử xứ Đông Kinh đã ghi lại những dòng không được sáng sủa mấy. Cha Phanxicô Thụy, quê ở làng Thanh Thới, tỉnh Nghệ An. Sau khi thụ phong linh mục, cha được sai đến địa hạt xứ Đoài, miền

rừng núi. Cha bị sốt rét ngã nước và sau đó, bị đau yếu liên miên, nên không thể chu toàn các việc bổn phận đạo đức được. Cũng như trong việc hoạt động mục vụ và truyền giáo.

Ghi lại những dòng trên đây, bản ký sự của địa phận không quên chú thích là cha Phanxicô Thụy vào nhà Đức Chúa Trời khi còn nhỏ tuổi. Năm 18 tuổi làm thầy giảng, cha là người có tài giảng giải, trí khôn thông minh, phán đoán chắc chắn và thông thạo chữ nghĩa. Sau khi thụ phong linh mục, cha Thụy sống được 10 năm và qua đời ngày 21-09-1689.²⁰⁶

Còn người bạn cùng thụ phong với cha Thụy là cha Micaê Hợp. Theo tài liệu để lại thì sau khi thụ phong, trong vòng 20 năm đầu, cha Hợp làm việc rất đắc lực và thu lượm rất nhiều kết quả. Nhưng khi về già, chừng 64 tuổi, nghĩa là từ năm 1700 thì nhiều khi không còn thật tỉnh. Cha có những giấc mộng kỳ dị và nhất định muốn thực hiện những điều đó. Cha bị Bề Trên địa phận quở trách nhiều lần, rồi nghỉ công việc nhà xứ. Năm 1712, khi gặp lúc cấm cách, Đức Cha Giacôbê de Bourges và cha Bêlot bị bắt giam, cha già Hợp định đến phủ Chúa để bênh vực sự đạo, chống lại việc bắt giam các đạo trưởng và giáo dân. Đức Cha Giacôbê de Bourges phải căn cấm ngài mới chịu thôi. Cha Micae Hợp chết ngày 28-10-1718, thọ 83 tuổi.

III. Các Cha Dòng Tên Đối Với Vấn Đề Quyền Bính. Tình Trạng Chia Rẽ Trong Địa Phận Đàng Ngoài (1670-1675)

Sự có mặt của các cha dòng Tên ở xứ Bắc đã làm tăng thêm những thử thách của hai cha Phanxicô Deydier và Giacôbê de Bourges cũng như các linh mục Việt Nam và toàn thể giáo đoàn. Ngoài những thử thách bên ngoài do những cuộc cấm cách, bắt giam và phiền nhiễu của các quan địa phương, lại thêm những thử thách bên trong do tình trạng chia rẽ của giáo đoàn. Các thừa sai dòng Tên nhất định không chịu nhận quyền của các Giám mục đại diện, mà Tòa Thánh sai đến coi sóc địa phận. Mỗi bên lôi kéo các thầy giảng và giáo dân về phía mình, gây chống đối giữa hai phe.

Từ sau cuộc gặp gỡ giữa cha chính Phanxicô Deydier và cha dòng Tên Đominicô Fuciti vào tháng 10-1669, không đi đến kết quả nào thì tình trạng chia rẽ trong địa phận mỗi ngày càng thêm nặng nề. Cha Đominicô Fuciti vẫn tiếp tục lẩn tránh ở kinh đô, tìm cách thu phục thầy giảng và giáo dân về phía mình. Ngày 15-02-1671, lại thêm cha Philippô Marini.

1. Lập trường của cha Philippô đối với vấn đề quyền bính

Cha Philippô Marini, 13 năm trước đây, ngày 17-06-1658, đã bị Trịnh Tạc trục xuất cùng với cha Phanxicô Rangel, Giuse Agnese Carôlô delle Rocca, Banabê d'Oliveira và Phêrô Albier. Lần này cha trở lại xứ Bắc với tính cách Bề Trên tỉnh dòng Nhật Bản. Cha cương quyết bảo vệ quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha và lấy lại quyền chỉ huy giáo đoàn xứ Bắc về tay các thừa sai dòng Tên.

Trong chuyến công cán ở Rôma năm 1663, cha Philippô Marini đã cố bênh vực quyền lợi của các thừa sai dòng Tên ở Đàng Ngoài cũng như Đàng Trong, nêu cao những công trạng truyền giáo của các thừa sai ở hai nơi đó. Cha đã được Đức Thánh Cha Alêxandô ban sắc khen ngợi, tựa đề: “Đã nhiều lần” (Cum aliis phuries) ngày 31-03-1665.²⁰⁷ Dựa vào sắc này, cha chủ trương các thừa sai dòng Tên hoạt động truyền giáo ở Việt Nam có quyền đặc biệt. Các ngài tùy thuộc trực tiếp Bề Trên của dòng, không phải tuân phục quyền

của các Giám mục đại diện Tòa Thánh.

Chuyến tàu buôn Áo Môn đưa cha Philippô Marini vào xứ Bắc lần đó, lúc đến cửa sông Cái thì bị đắm, hàng hóa bị mất hầu hết. Còn cha, vì mang áo linh mục nên bị bắt giam. Lúc ấy lệnh cấm đạo đang được thi hành gắt gao ở tỉnh Nam. Quan trấn tỉnh Nam là người không ưa đạo, năm trước, 1670, đã bắt giam cha Phanxicô Deydier và 03 thầy giảng. Trong thời kỳ bị giam 06 tháng, cha Marini đã viết một bức thư bằng chữ Việt dài 49 trang, gửi cho cha Phanxicô Deydier, cha trình bày lập trường của cha đối với quyền Giám mục đại diện Tòa Thánh và quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha. Ngày 09-06-1671, thư đến tay cha chính Phanxicô Deydier, nghĩa là 04 tháng sau khi cha Marini tới xứ Bắc ngày 15-02-1671.²⁰⁸

Trong thư cha Giacôbê de Bourges gửi về Đức Hồng Y Azzolini vào cuối năm 1671, cha đã tóm lược lập trường của cha Philippô Marini và các thừa sai dòng Tên ở Áo Môn vào những điểm sau đây:²⁰⁹

1. Đức Giáo Hoàng sai các Giám mục đại diện Tòa Thánh và các thừa sai Pháp đến nước Trung Hoa, xứ Bắc, xứ Nam và nước Lào, mà không có sự ưng chuẩn của Quốc vương Bồ Đào Nha, là phạm đến quyền lợi của nhà vua.
2. Những sắc lệnh của Đức Thánh Cha nếu không gửi qua Tòa Chương ấn của Bồ Đào Nha và không có chữ ký cũng như ấn dấu của nhà vua, thì những thừa sai ở những nước trên đây không được nhận.
3. Đặc quyền Tòa Thánh đã ban cho Quốc vương Bồ Đào Nha trong việc cắt đặt và trợ cấp cho các giáo đoàn ở vùng Ấn Độ, bao trùm không những tất cả những khu vực mà Quốc vương Bồ Đào Nha đã chiếm cứ, mà cả những khu vực truyền giáo khác, trong những nước dưới quyền các vua chúa lương dân, dù ở đây Quốc vương Bồ Đào Nha không có một chút đất đai nào.
4. Chỉ được phép sai đến những nước trên đây, những người thừa sai Bồ Đào Nha hay những thừa sai chịu phục quyền Quốc vương Bồ Đào Nha.
5. Việc sai các Giám mục đại diện Tòa Thánh và các thừa sai Pháp vào những nước trên đây là một việc làm bất hợp pháp, gian lận

và có tính cách rõ ràng là một hành động xâm lăng.

6. Các sắc lệnh của Đức Thánh Cha Alêxandô VII mà Đức Giám mục hiệu thành Bêryta (tức Đức Cha de la Motte) đã cho tuyên bố ở xứ Bắc, là những sắc lệnh giả mạo.

7. Hay nếu không, thì những sắc lệnh thiếu sót, nhằm lẫn và không có giá trị, vì trong đó, không có khoản nói đến việc xóa bỏ giáo quyền của Tòa Giám mục Áo Môn và những đặc quyền của Quốc vương Bồ Đào Nha.

Do đó, các thừa sai dòng Tên chủ trương là giáo quyền của Tòa Giám mục Áo Môn đối với địa sở truyền giáo xứ Bắc vẫn còn tồn tại và là quyền duy nhất. Chỉ có linh mục quản trị của Tòa Giám mục Áo Môn mới có quyền ban quyền giáo sĩ cho các thừa sai ngoại quốc hay người bản xứ. Cũng theo cha Giacôbê de Bourges, các thừa sai dòng Tên cũng hết sức củng cố và bảo vệ đặc quyền của các Ngài.

11. Các thừa sai dòng đặc biệt là các thừa sai dòng Tên, có quyền giảng giải, làm phép rửa tội và tất cả các công việc cha xứ trong những nơi mà các linh mục Việt Nam đã được Đức Cha thành Bêryta đặt làm cha xứ, không cần phải có sự ưng thuận của các cha xứ đó, và dầu trái ý của các vị ấy.

12. Các thừa sai dòng và đặc biệt là các thừa sai dòng Tên, không cần phải xin các Giám mục đại diện, sự ưng thuận cho hoạt động truyền giáo ở khu vực của các Ngài cũng không cần xin giáo quyền, vì thực ra chỉ có các cha dòng Tên là Bề Trên và là các Chúa chiên chính thức của các địa sở truyền giáo nói trên.”

Cuối cùng, cha Giacôbê de Bourges mới đưa ra hai khoản đe dọa sự tự do của các Giám mục đại diện và các thừa sai Pháp...

19. Quốc vương Bồ Đào Nha đã ra sắc lệnh bắt giam các Giám mục đại diện và các thừa sai Pháp. Sắc lệnh này rất nghiêm ngặt và phù hợp với những đặc quyền đã ban cho Quốc vương Bồ Đào Nha do nhiều đời Giáo Hoàng đã qua.

20. Các sắc lệnh Tòa Thánh, rút phép thông công những ai ngăn cản không cho các thừa sai của Tòa Thánh đến các địa sở truyền giáo đã chỉ định cho các Ngài, thì án đó không liên quan đến những người Bồ Đào Nha đã bắt hai thừa sai Pháp trong những năm vừa

qua, và các thừa sai Pháp khác.²¹⁰

Đọc bản tóm lược những điểm lập trường của cha Philippô Marini trên đây, chúng ta nhận thấy tinh thần quốc gia quá khích của các cha dòng Bồ Đào Nha. Đối với họ Quốc vương Bồ Đào Nha là trên hết. Các sắc lệnh của Tòa Thánh họ không coi vào đâu. Nếu không chuyển qua Tòa Chương Ấn của triều đình Lisbonna và không được nhà vua ưng chuẩn thì đều vô giá trị, không được tuân theo. Thực đáng buồn khi nghĩ rằng các cha dòng và nhất là các cha dòng Tên là những người khấn hứa vâng lời Đức Giáo Hoàng lại có một lập trường và thái độ như trên. Nhưng có lẽ chúng ta không nên kết án các Ngài. Các ngài đang sống trong thời đại mà thế quyền và thần quyền chưa phân biệt, và nhiều khi thế quyền lấn át cả thần quyền. Hơn nữa, ở đây còn có vấn đề quyền lợi của dòng. Các cha dòng Tên từ trước vẫn là người chỉ huy trong giáo đoàn. Bây giờ, Tòa Thánh lập Bộ Truyền Giáo, sai các đại diện Tòa Thánh đến các khu vực truyền giáo để lấy lại quyền chỉ huy, điều mà các cha dòng không muốn. Những lý luận đưa ra để bênh vực quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha, theo Đức Cha Manfroni, thư ký Bộ Truyền Giáo, nhiều khi chỉ là những lý luận che đậy, để bảo vệ quyền lợi của các cha dòng, không muốn nhận quyền của Giám mục đại diện Tòa Thánh.

Còn lập trường cha Philippô Marini và các cha dòng mà cha Giacôbê de Bourges đã ghi ở trên, trong điểm 11 và 12. Đức Thánh Cha Clémentê IX đã phán quyết trong đoản sắc “Những người thám hiểm” (Speculatores) ngày 13-09-1669. Theo đoản sắc này thì trái hẳn với chủ trương của các cha dòng, Đức Thánh Cha Clémentê IX quyết định: các thừa sai dòng được Bề Trên sai đến hoạt động trong khu vực của Giám mục đại diện Tòa Thánh coi sóc, phải được Giám mục ở đấy ưng thuận và ban giáo quyền hoạt động trong khu vực của ngài. Các cha dòng muốn xây nhà thờ... trong khu vực đã chỉ định cho linh mục địa phận coi sóc thì phải xin phép Đức Giám mục...

Đứng trước những quyết định của Tòa Thánh về liên quan giữa thừa sai dòng với đại diện Tòa Thánh theo đoản sắc trên, cha Philippô Marini còn cố chấp giữ lập trường của mình nữa không?

Tuân theo lời căn dặn của Đức Cha Phanxicô Pallu trong thư gửi cho cha Deydier khi gửi đoàn sắc “Những người thám hiểm” cho ngài từ Hải Vọng Giác. Hai cha Phanxicô Deydier và Giacôbê de Bourges đã dùng những đường lối xử sự nhã nhặn, rào đón để giúp cha Philippô Marini dễ công nhận những quyết định của Đức Thánh Cha Clêmentê IX. Nhưng sau nhiều cố gắng, hai cha thừa sai Pháp mất công vô ích. Cha Philippô Marini nhất định và cố chấp theo lập trường của mình, không chịu tuân phục quyền Giám mục đại diện Tòa Thánh, dù sắc lệnh của Tòa Thánh qui định rõ ràng. Cha lấy cớ là sắc lệnh đó không gửi qua Tòa Chương Ấn Lisbonna nên không có giá trị và không được tuân hành.

Cuộc chia rẽ trong giáo đoàn vẫn tiếp tục và mỗi ngày càng trở nên trầm trọng.

2. Tình trạng chia rẽ trong địa phận Đà Nẵng

Mỗi phe cố gắng lôi kéo giáo dân về phía mình. Muốn thế phải làm thế nào để hạ giá trị bên đối nghịch của mình, hoặc cố gắng minh chứng quyền bính chính thức thuộc về phía mình. Các cha thừa sai Pháp chủ trương rằng: việc coi sóc trong giáo đoàn thuộc quyền Giám mục đại diện do Tòa Thánh sai đến. Quyền quản trị này được bảo chứng do các sắc lệnh của Tòa Thánh, có đầy đủ ấn dấu và chữ ký của Đức Thánh Cha là người đứng đầu trong Giáo hội. Các cha dòng cố chấp không nhận quyền của Giám mục đại diện, là chống đối với Tòa Thánh.

Trái lại, bên các cha dòng Tên thì cho rằng các sắc lệnh đó đều là giả mạo, hay nếu không thì cũng vô giá trị, vì không có sự ưng chuẩn của Quốc vương Bồ Đào Nha. Nhưng các cha đánh mạnh hơn về mặt tâm lý, kêu gọi giáo dân nghĩ đến công lao gây dựng của các cha từ lúc đầu. Chính các cha mới là những người cha chân thật của giáo đoàn, các thừa sai Pháp chỉ là những người đến sau muốn tranh công của các cha và “phá đám” công việc của các cha. Các cha kêu gọi sự trung thành của giáo dân và chống lại sự xâm nhập của các thừa sai Pháp.

Do đó, chúng ta đã thấy xảy ra những câu chuyện người bên phe

các cha dòng Tên tìm cách làm hại các thừa sai Pháp. Chúng ta đã thấy người thông ngôn của các lái buôn ngoại quốc tên là Bê-nê-đi-tô đã tố cáo với quan trấn tỉnh Nam là hai lái buôn người Pháp chính thực là tây giang đạo trưởng trá hình để truyền đạo cấm. Hai cha bị phiền nhiễu và cuối cùng cha Phanxicô Deydier bị tổng giam, giáo dân bị bách hại với lệnh cấm đạo mới. Thật đau lòng!

Bên phe các cha dòng, còn tìm cách bôi nhọ, nói xấu các thừa sai Pháp. Theo cha Giacôbê de Bourges²¹¹ thì một thầy giảng, phe người Bồ Đào Nha đã tố cáo Đức Cha Lambertô de la Motte là Giám mục theo bè rối, nên bị trục xuất ra khỏi nước Pháp, nay lại qua xứ Bắc để tuyên truyền cho bè rối.

Nhưng các cha dòng Tên không lo ngại ảnh hưởng của thừa sai Pháp bằng ảnh hưởng của các linh mục Việt Nam. Các thừa sai Pháp thực ra con số các Ngài chỉ có một hoặc hai và thường không được tiếp xúc với giáo dân dễ dàng. Còn con số các linh mục Việt Nam thì đông. Các ngài lại sống rải rác trong tất cả các địa hạt địa phận Đàng Ngoài. Các ngài nắm giữ những họ lớn, đông giáo dân và được mến chuộng vì sự hy sinh tận tụy của các Ngài.

Trước mặt giáo dân, các cha dòng Tên hết lời chê bai các linh mục Việt Nam để làm mất ảnh hưởng của các Ngài và lôi cuốn giáo dân về phe mình. Các cha cho rằng: Đức Cha Lambertô de la Motte không có quyền truyền chức cho các thầy giảng Việt Nam. Việc truyền chức đó không thành. Các linh mục Việt Nam không có quyền chức linh mục.

Giáo dân không được lĩnh nhận các phép bí tích ở nơi các Ngài. Nhưng nhất là các cha dòng khinh chê sự dốt nát của các linh mục tiên khởi Việt Nam, không đọc được tiếng Latinh thông thạo. Các cha cho rằng các linh mục Việt Nam không đọc đúng các bản công thức làm các phép bí tích. Cha Fuciti đã ra lệnh rửa tội lại những giáo dân qua phe các cha mà trước do các cha Việt rửa tội.

Chắc chắn nếu quyền chỉ huy giáo đoàn trở về tay các cha dòng, các cha nhất định sẽ cấm đoán các linh mục Việt Nam không cho thi hành chức vụ. Cha Giacôbê de Bourges, trong thư gởi về các cha quản lý ở Paris đã viết: ngài sẵn lòng rút lui, để cho các cha dòng Tên được ở lại một mình trong giáo đoàn, không còn cảnh chia rẽ. Nhưng

cha thấy trước rõ ràng là “một khi rút lui, thì giáo đoàn xứ Bắc sẽ sụp đổ hoàn toàn. Nhất định các cha dòng Tên sẽ không để cho một giáo sĩ bản quốc nào được thi hành chức vụ của các Ngài. Sự thực, các cha dòng đã cấm các Ngài thi hành.”²¹²

Với các đường lối trên đây mà các cha dòng Tên dùng để lôi kéo giáo dân và các thầy giảng về phe mình, các cha đã làm cho tình trạng chia rẽ trong giáo đoàn xứ Bắc mỗi ngày một trở nên trầm trọng. Các thầy giảng thì chia hẳn làm hai phe. Phe theo các cha dòng, phe theo các Giám mục đại diện. Giáo dân cũng chia làm hai phe. Trong bản tường trình về tình hình giáo đoàn xứ Bắc, cha Giacôbê de Bourges viết: “Một số giáo dân cho rằng mình có đủ lý do để không công nhận Đức Cha hiệu thành Bêryta là Chúa chiên chính thức của xứ Đông Kinh. Họ còn hồ nghi cả tính cách Giám mục của ngài, vì ngài đã vào xứ này mà không phép của Quốc vương Bồ Đào Nha. Thêm vào đó, là những giáo dân sống khô khan, đã bị các linh mục Việt Nam quở trách những gương xấu của họ. Họ cũng ùa theo những cuộc tranh luận của bên các cha dòng, gây ra một bầu khí chia rẽ, phá hoại tinh thần của giáo đoàn.” Cha Giacôbê de Bourges viết tiếp: “Họ đã hợp thành một bè phái chống đối. Nhất định không chịu phục quyền Đức Cha hiệu thành Bêryta, và cũng không chịu công nhận việc truyền chức cho các linh mục xứ Đông Kinh là thành sự. Đến nỗi có một số giáo dân thà chết không được chịu các phép, còn hơn là xưng tội với các linh mục do Đức Cha truyền chức. Một số khác, không chịu đi dự lễ các ngày lễ trọng và các ngày Chúa nhật. Họ bảo rằng các linh mục đó dâng lễ không thành, một số khác không chịu đi xưng tội với các linh mục, dù họ có thể đi xưng tội một cách dễ dàng, vì 09 linh mục xứ Đông Kinh ở rải rác trong khắp các tỉnh và những xứ họ có nhiều giáo dân hơn cả... Để kết luận, người ta không thể kể hết được những điều tội lỗi đã gây ra do sự chia rẽ đó, cũng như những tai ương xảy ra mỗi ngày.”²¹³

Qua bản tường trình của cha Giacôbê de Bourges, chúng ta nhận thấy những tai hại do chủ trương trên đây của các cha dòng Tên về các linh mục Việt Nam. Nhiều giáo dân theo phe các cha, chết không muốn chịu các phép do các cha Việt. Vì các cha Việt không có quyền chức linh mục, vì các cha Việt không thạo La ngữ, làm các phép

không thành.

Nhưng chưa hết bên phe các cha dòng còn tìm cách làm hại các cha Việt bằng cách đi tố cáo các Ngài với các quan ghét đạo để họ bắt các Ngài. Trên đây, chúng ta đã thấy, người thông ngôn cho các lái buôn ngoại kiều tên là Bênêđiô theo phe các cha dòng, đã tố cáo hai thừa sai Pháp với quan trấn tỉnh Nam để ông bắt giam các cha. Cũng theo bản tường trình của cha Giacôbê de Bourges thì các cuộc bách hại ở các địa phương không trở nên mãnh liệt, nếu không có những “giáo dân xấu xa” đó đi tố cáo với các quan. Vì thế, các cha Việt và các thầy giảng phục quyền các Giám mục đại diện luôn phải sống trốn tránh. Lo sợ phe đối nghịch tố cáo với các quan không ưa đạo. Hoạt động tông đồ và truyền giáo bị thiệt hại rất nhiều. Nhưng tránh tai ương này thì các cha Việt lại gặp tai ương khác. Trong thư cha Giacôbê de Bourges gửi Đức Cha Lambertô de la Motte, viết: “Vì gặp cơn cấm cách, các cha và các thầy giảng phải đi ẩn trốn. Lúc tạm yên, có thể trở về đi làm việc ở xứ họ, thì thấy giáo dân trong xứ họ đã bị chia rẽ. Một số người ra mặt chống đối các cha và các thầy. Họ đã bị các thầy giảng và giáo dân theo phe cha Fuciti tiêm nhiễm những điều sai lầm. Các cha và các thầy lại phải một thời gian khá lâu để đánh đổ những chủ trương sai lầm đó, thì họ mới chịu nhận các phép Bí tích do các cha Việt ban.”²¹⁴

Cả đang khi làm việc trong xứ họ, các cha Việt vẫn tiếp tục bị phe các cha dòng đến quấy nhiễu. Hằng hái phá hoại gây chia rẽ hơn cả là các thầy giảng không được cha chính Phanxicô Deydier giới thiệu với Đức Cha Lambertô de la Motte để xin ngài truyền chức linh mục hoặc không được tuyển chọn theo học với các thừa sai để dọn mình chịu chức. Các thầy giảng này đã theo phe các cha dòng. Họ có mặt trong các buổi lễ của các cha Việt và đang lễ, họ đứng lên đọc bản tố cáo các cha Việt là những người vô ơn và phản bội các cha dòng, đã theo phe các thừa sai Pháp, để được Giám mục Lambertô truyền chức linh mục cho và nhiều điều khác nữa. Những cuộc quấy phá này nhiều khi đã bó buộc các cha Việt phải bỏ xứ họ mình đi nơi khác. Đức Cha Néez, trong cuốn tài liệu về hàng Giáo sĩ xứ Đông Kinh đã kể: “Cha Giacôbê Chiêu, năm trước, đã phải cố gắng đương đầu với những trào lưu chống đối các cha người Việt do các cha bè

phái gây ra. Họ bức tức vì không được nâng lên các chức thánh. Nhưng năm nay, cha Giacôbê viết, trào lưu chống đối này trở nên quá mãnh liệt, cha phải bó buộc tránh đi nơi khác. Họ đã làm cho cha buồn phiền không thể tả được vì phải bỏ nhà thờ xứ Kẻ Cốc trong tỉnh Sơn Tây”.²¹⁵ Đi xa hơn nữa, họ còn thù ghét các cha Việt đến nỗi bỏ thuốc độc cho các Ngài chết. Như trên, chúng ta đã thấy trong bản báo cáo về tình hình giáo đoàn xứ Bắc. Khi nói đến cái chết của hai cha Gioan Văn Huệ và Philippô Nhân, đã chú thích thì theo nhiều người thì hai cha bị một người theo phe các cha dòng Tên bỏ thuốc độc.

3. Các linh mục Việt Nam tố cáo các cha dòng Tên với Bộ Truyền Giáo (1671). Cha Philippô Marini bị Chúa Trịnh Tạc trục xuất (1673)

Đứng trước tình trạng chia rẽ tai hại của giáo đoàn xứ Bắc, các thừa sai Pháp đã làm những bản báo cáo về cho Bộ Truyền Giáo, xin Bộ ban hành những quyết định cứng rắn hơn để chấm dứt tình trạng phá hoại. Đồng thời năm 1671, các linh mục Việt Nam cũng viết thư tố cáo các cha dòng Tên về Bộ Truyền Giáo. Nhờ đó, tiếng nói của các thừa sai Pháp được thêm bảo đảm, và thúc đẩy Bộ quyết định nhanh chóng hơn.

Các ngài đã tố cáo hai cha Đôminicô Fuciti và Philippô Marini trở lại xứ Bắc, đã hội họp giáo dân và lôi kéo về phe mình. Các cha dòng đã chọn một vài thầy giảng để viết một bài vu cáo bôi nhọ Đức Giám mục đại diện và các thừa sai của ngài. Bản đó được sao lại và gửi đi các tỉnh và các xứ đạo. Họ nói rằng Đức Giám mục thành Bêryta là Giám mục giả mạo và cha Phanxicô Deydier là người theo bè rối ở bên Tây Phương, đã trốn sang nước này để tuyên truyền cho bè rối.

Các ngài cũng tố cáo cha Đôminicô Fuciti đã sai thầy giúp việc tên là Inhaxio và thầy giảng tên là Fêlicê, viết một bản bôi nhọ các linh mục Việt Nam và cũng gửi đi tất cả các tỉnh cùng các xứ đạo. Họ nói rằng: Các cha Việt Nam làm phép giải tội không thành nếu không xin cha dòng Fuciti giấy ban quyền làm các phép. Những lời này đã gây nghi ngờ trong lòng giáo dân xứ Bắc, đến nỗi nhiều người từ chối không chịu xưng tội với các linh mục Việt Nam...

Cuối cùng, các cha Việt Nam xin Bộ Truyền Giáo đưa ra những quyết nghị để sửa chữa tình trạng đó... Nếu Đức Thánh Cha và các Hồng Y không sớm cảnh cáo các cha dòng trên đây thì tình trạng chia rẽ trong giáo đoàn xứ Bắc ngày một trở nên trầm trọng hơn. Các cha Việt cũng thêm rằng: hai cha dòng thúc đẩy giáo dân theo phe các Ngài, làm những điều tàn ác đối với các cha Việt...²¹⁶

Đang khi đó, tình trạng chia rẽ lại đe dọa trở nên trầm trọng hơn, với tin đồn là Quốc vương Bồ Đào Nha đã đặt cha Philippô Marini làm Giám mục Áo Môn và chỉ nay mai là được Tòa Thánh phê chuẩn. Nếu cha Philippô Marini làm Giám mục Áo Môn, thì theo chủ trương các cha dòng, địa phận xứ Bắc cũng sẽ đặt dưới quyền ngài. Năm 1673, tàu Áo Môn tới, mang theo hai cha Ferreira và Pimentel. Hai cha cũng báo tin này cho cha Philippô Marini. Từ kinh đô Thái Lan, cha Tissanier cũng viết thư cho các giáo dân theo phe Bồ Đào Nha, không được công nhận đoản sắc “Những người thám hiểm” (Speculatores) của Đức Thánh Cha Clémentê IX, đặt các cha dòng dưới quyền các Giám mục đại diện. Đoản sắc này cũng như các đoản sắc đã ban cho các Giám mục Pháp trước đây, đều vô giá trị. Cha Tissanier cũng báo tin chỉ nay mai các Giám mục đại diện cũng như các thừa sai của các Ngài, sẽ phải bỏ giáo đoàn về Âu Châu, Đức Thánh Cha Clémentê IX đã ưng chuẩn đặt các Giám mục ở vùng Đông Ấn, do Quốc vương Bồ Đào Nha đề nghị.

Người ta cũng đồn rằng: cha Philippô đang dự tính nhờ các bạn hữu trong phủ chúa xin cho ngài được quyền tối cao đối với tất cả các thừa sai ngoại quốc. Ngài được quyền bắt giải về Áo Môn những vị không chịu tuân phục mệnh lệnh của Quốc vương Bồ Đào Nha. Như thế, chắc chắn số phận các thừa sai Pháp sẽ bị đe dọa. Có lẽ nhìn thấy trước sự thắng cuộc nay mai, phe các cha dòng Tên càng hoạt động mạnh mẽ để quấy phá các cha Việt và lôi kéo giáo dân về phe họ.

Nhưng tin đồn trên đây, thực ra đã đi trước sự kiện. Quốc vương Bồ Đào Nha lúc này nhận thấy không thể kéo mãi tình trạng không có giám mục ở hai Tòa Áo Môn cũng như Goa, đã đề nghị lên Tòa Thánh cha Philippô Marini làm giám mục Áo Môn và thêm một cha dòng Tên khác làm Giám mục Tòa Giám mục Nhật Bản. Nhưng Tòa

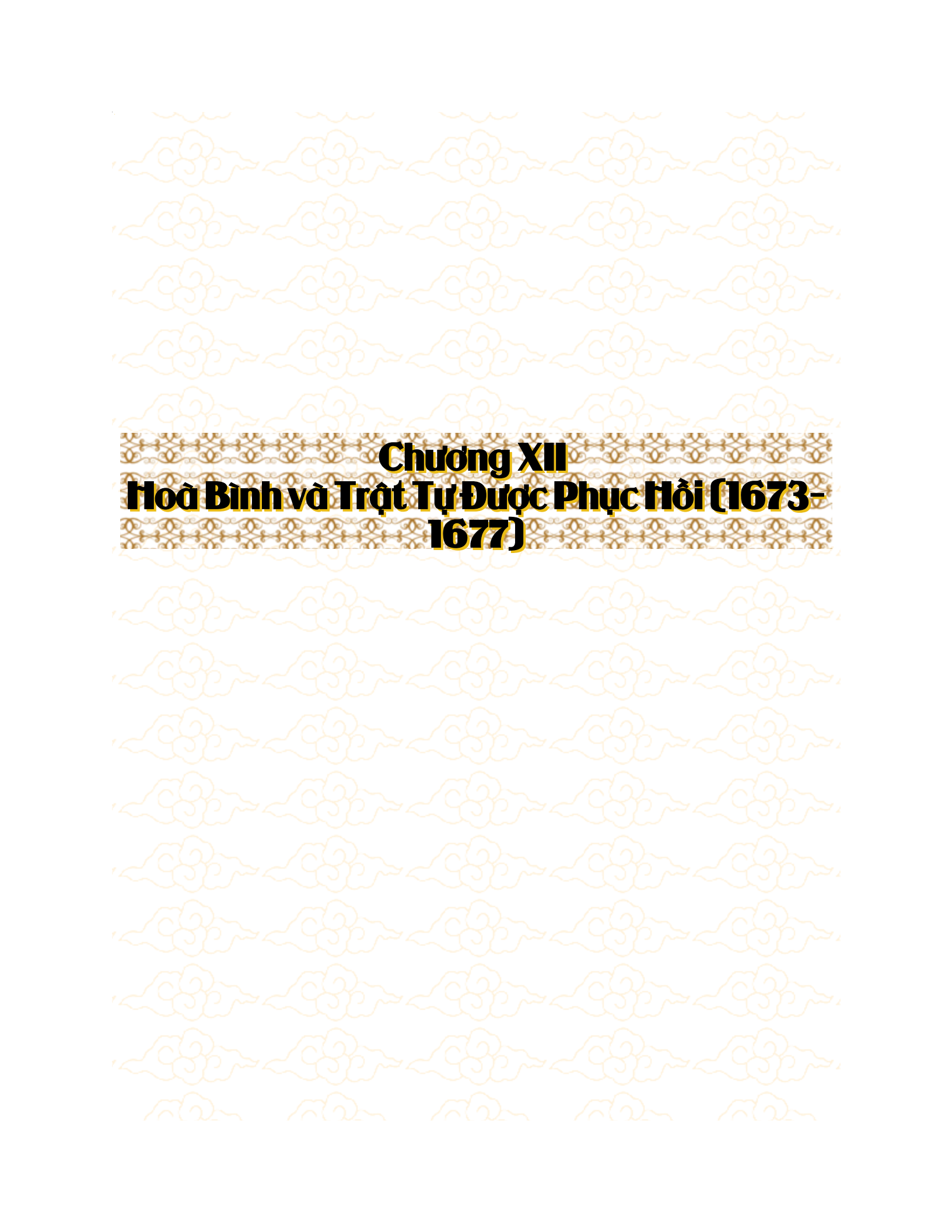
Thánh đã không phê chuẩn việc đặt cha Philippô Marini ở Áo Môn cũng như một cha dòng Tên ở một Tòa Giám mục Nhật Bản nào đó.²¹⁷

Dự tính của cha Philippô Marini bắt giải các thừa sai Pháp về Áo Môn cũng không thực hiện được. Năm 1673, Trịnh Tạc đã ra lệnh trục xuất cha với hai cha Ferreira và Pimentel. Sau cuộc đại chiến với Chúa Nguyễn trong Nam trở về Kẻ Chợ. Trịnh Tạc gặp nhiều câu chuyện bức mình, lại nghe biết người Bồ Đào Nha đã giúp đỡ súng ống rất nhiều cho Chúa Nguyễn, cũng như có người thợ đúc đã lo đúc súng cho nhà Chúa xứ Nam. Sự có mặt của hai cha Ferreira và Pimentel do tàu buôn Bồ Đào Nha đưa vào xứ Bắc, làm cho Trịnh Tạc bức mình, nhà Chúa liền ra lệnh bắt giữ hai cha ở Phố Hiến và trục xuất cùng với hai thừa sai mới tới. Nhưng hai cha Ferreira và Pimentel, sau khi bị bó buộc theo tàu buôn Áo Môn, và khi tàu nhỏ neo ra khơi, đã tìm cách lên bộ và sống lẫn tránh để hoạt động truyền giáo. Chỉ có mình cha Philippô trở về Áo Môn với tàu buôn. Cha chờ đợi sự phê chuẩn của Tòa Thánh đặt cha làm Giám mục Áo Môn do Quốc vương Bồ Đào Nha đề nghị. Nhưng Tòa Thánh nhất định từ chối không phê chuẩn. Cha đã chết ở Áo Môn năm 1682 và cũng không trở lại xứ Bắc lần nào nữa.

Cha Ferreira hoạt động truyền giáo ở tỉnh Nghệ An, còn cha Pimentel thì ở tỉnh Hải Dương. Hoạt động của các cha cũng thu lượm được nhiều kết quả. Trong một năm cha Pimentel đã rửa tội được 1.600 người. Nhưng bị kiệt sức, cha đã chết ngày 01-09-1675. Cha Đominicô Fuciti từ Kẻ Chợ đã kịp xuống gặp cha và ở bên cha lúc chết. Còn cha Ferreira thì trong hai năm rửa tội được 4.000 người, đây là chưa kể con số cũng tương tự như thế do các thầy giảng của phe các cha dòng ở tỉnh Nghệ An. Ở xứ Kẻ Chợ, cha Fuciti đã rửa tội cho bà vợ của một quan lớn trong triều và được quan đó bảo vệ. Sau này Trịnh Tạc tỏ ra không khó khăn lắm với vấn đề tôn giáo. Một bà trong hoàng thân qua đời, tên thánh là Phaola, Trịnh Tạc làm ngơ cho tự do làm các nghi lễ tống táng và có rất nhiều giáo dân đi theo đưa xác.

Nhưng tình trạng chia rẽ vẫn tiếp tục, các cha Việt bị quấy, giáo dân bị tuyên truyền, không muốn xưng tội và các phép do các cha

Việt Nam làm, cũng không chịu dự Thánh lễ do các cha dâng. Người ta chờ đợi ở Tòa Thánh những biện pháp cứng rắn hơn để chấm dứt tình trạng đó.



Chương XII

Hoà Bình và Trật Tự Được Phục Hồi (1673-1677)

I. Các Đức Giám Mục Và Thừa Sai Hội Truyền Giáo Ba Lê Kêu Gọi Về Tòa Thánh Rôma Lần Thứ Ba (1673-1677)

Sau cuộc công cán ở Rôma, trên con đường từ Âu Châu trở về kinh đô Thái Lan ngày 06-10-1671, chiếc Phenix tới Serate, Đức Cha Phanxicô Pallu nhận được thêm nhiều thư từ và giấy tờ từ Thái Lan gửi tới. Trước đây ở Fort Dauphin, Đức Cha cũng nhận được các thư từ của Đức Cha Lambertô de la Motte và các thừa sai trong Nam cũng như ngoài Bắc, tố cáo sự ngoan cố của các cha thừa sai dòng Tên không chịu nhận quyền của Giám mục đại diện. Các cha dòng lấy lý rằng các sắc lệnh Tòa Thánh đặt các Giám mục đại diện, không gửi qua Tòa Chưởng Ấn Lisbonne và không có sự phê chuẩn của Quốc vương Bồ Đào Nha, nên không có giá trị và không được công nhận. Việc sai các Giám mục đại diện và các thừa sai Pháp đến đất Việt Nam và Trung Hoa, không có sự ưng thuận của Quốc vương Bồ Đào Nha là một việc bất hợp pháp, trái với quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha. Hơn nữa, các thừa sai dòng Tên với đặc ân Tòa Thánh ban, không phải tuân phục quyền của Giám mục đại diện, chỉ phải trực tiếp tuân phục Bề Trên của dòng. Với sự ngoan cố ấy, các cha đã gây ra chia rẽ tai hại trong các giáo đoàn. Cần có sự can thiệp của Tòa Thánh để chấm dứt tình trạng đó.

Ở Senate, Đức Cha Phanxicô Pallu lại nhận thêm được bản tường trình về cuộc kinh lược của Đức Cha Lambertô de la Motte ở địa phận Đàng Ngoài gửi về Tòa Thánh với bản luật của Công Đồng I xứ Bắc để xin Tòa Thánh phê chuẩn. Đức Cha Lambertô de la Motte cũng tường trình về Tòa Thánh câu chuyện xảy ra với kinh sĩ hội ở Goa, sau khi ngài đi kinh lược ở xứ Bắc trở về kinh đô Thái Lan. Cha Luigi Chevreuil cũng gửi cho Đức Cha Phanxicô Pallu bản tường trình về vụ người Bồ Đào Nha bắt giữ cha ở Cao Miên và giải về Goa cho Tòa điều tra. Cha cũng cho biết Tòa điều tra đã trả tự do cho cha nhưng Phó Vương bắt giữ ở Goa không cho đi đâu.

Đứng trước những khó khăn mới của các địa sở truyền giáo, Đức Cha Phanxicô Pallu nhận thấy cần phải kêu gọi lần nữa về Tòa

Thánh, xin các Đức Hồng Y Bộ Truyền Giáo can thiệp với những biện pháp cứng rắn hơn. Đức Cha đã chọn cha Calôrô Sévin để trao cho ngài nhiệm vụ trở lại Âu Châu công cán. Sứ mệnh mà Đức Cha Phanxicô Pallu trao cho cha Calôrô Sévin là trước hết trở về Paris trình bày cho các cha trong Ban Giám đốc Chủng Viện truyền giáo Paris biết rõ tình hình ở các địa sở truyền giáo. Sự ngoan cố của các cha dòng Tên, đe dọa của những người Bồ Đào Nha, tất cả đòi hỏi một biện pháp cứng rắn để các Ngài không còn khiển trách hành động của Đức Cha Lambertô de la Motte. Ở Paris, cha Calôrô cũng yêu cầu nhà vua Pháp bảo vệ các Giám mục và thừa sai Pháp đối với sự bách hại của người Bồ Đào Nha.

Sau cuộc công cán ở Paris, cha Calôrô Sévin còn lãnh sứ mệnh qua Rôma, yêu cầu Bộ Truyền Giáo giải quyết những lý luận ngoan cố của các thừa sai dòng Tên, không chịu nhận các sắc lệnh của Tòa Thánh. Đồng thời cũng xin Bộ kết án hành động của kinh sĩ hội ở Goa đối với Đức Cha Lambertô de la Motte cũng như chủ trương quyền bính của Tòa Giám mục Goa trên đất Thái Lan và Tòa Giám mục Áo Môn trên xứ Bắc và Tòa Giám mục Malacca trên xứ Nam. Họ đã sai những thừa sai dòng Tên với quyền cha chính đến những xứ đó để đương đầu với quyền các Giám mục đại diện của Tòa Thánh.

Bỏ Senate vào tháng Giêng 1672, cha Calôrô Sévin lấy tàu Dauphin để trở về Âu Châu, bảy tháng sau, nghĩa là vào tháng 8-1672, cha đã tới bên Port Louis.

I. Cuộc công cán của cha Calôrô Sévin ở Paris (1672)

Trở lại Paris, cha Calôrô Sévin nhận thấy chủ trương của các cha trong Ban Giám Đốc Chủng Viện truyền giáo vẫn không thay đổi. Cũng như ngày Đức Cha Pallu ra đi, các cha vẫn muốn là các Giám mục đại diện xử đãi rất ôn hòa với người Bồ Đào Nha và nhất là với các cha dòng Tên. Với bức thư đưa tin về những sự kiện xảy ra ở các địa sở truyền giáo của Đức Cha Phanxicô Pallu, cha Calôrô Sévin cũng cố gắng trình bày cho các cha trong Ban Giám Đốc hiểu rõ sự ngược đãi của người Bồ Đào Nha đối với các thừa sai cũng như đe dọa của họ đối với các Giám mục đại diện, bắt giải về Goa,

Lisbonne. Đang khi đó, ở trong các địa sở truyền giáo, các thừa sai cố chấp từ chối không nhận quyền các Giám mục đại diện, gây chia rẽ tai hại trong các giáo đoàn. Phe các cha dòng tìm cách phá hoại hoạt động của các cha thừa sai Pháp và của các cha Việt. Nhưng với tất cả những cố gắng đó, cha Calôrô Sévin vẫn không làm cho các cha trong Ban Giám Đốc thay đổi thái độ và chủ trương của các Ngài. Trước đây các cha bất mãn với thái độ cứng rắn của Đức Cha Lambertô de la Motte và bức thư kết án của ngài đối với các cha dòng. Lần này, các cha cũng bất mãn với cả Đức Cha Phanxicô Pallu đã theo Đức Cha Lambertô de la Motte và bào chữa cho chủ trương cứng rắn của ngài. Trong thư gửi cho Đức Cha Phanxicô Pallu, ít lâu sau khi cha Calôrô Sévin trở lại Paris, cha Fermanel còn trách Đức Cha đã dễ tin những lời tường thuật của cha Luigi Chevreuil trong cuộc bị bắt giam ở Cao Miên và giải về Goa.²¹⁸

Ở Paris, bức thư luân lưu của Đức Cha Lambertô de la Motte tố cáo việc các cha dòng Tên buôn bán ở Thái Lan, năm 1667, vẫn còn bị đem ra mổ xẻ và kết án. Không những các cha Ban Giám Đốc Chung Viện truyền giáo Paris mà tất cả các cha dòng Tên cũng lấy làm khó chịu và bức tức vì bức thư ấy. Theo họ, bức thư luân lưu này không chỉ hạn hẹp giữa Đức Cha Lambertô de la Motte và các cha dòng Tên Bồ Đào Nha ở Thái Lan, mà liên hệ đến toàn thể dòng Tên, vì trong đó Đức Cha đã chỉ trích tinh thần của dòng đã bị sa sút với những chủ trương quá rộng rãi.

Ngày 28-11-1672, Đức Hồng Y De Bouillon tổ chức một cuộc hội họp ở dinh của ngài, có mặt cha Calôrô Sévin, các cha trong Ban Giám Đốc của Chung Viện truyền giáo Paris và cha Bê Trê-nhơn tỉnh dòng các cha dòng Tên ở Paris, cha Gioan Pinetti. Đức Hồng Y De Bouillon là một người hay có thiên kiến và độc đoán. Ngài được Đức Thánh Cha Clêmentê IX đặt lên làm Hồng Y năm 1669, tuổi còn trẻ. Ngài cũng mời Guillaume de Lamoignon, Chủ tịch Quốc hội Pháp tới dự. Cũng như Đức Hồng Y De Bouillon, ông này cũng là bạn thân của các cha dòng Tên.

Sau khi nghe cha Calôrô Sévin bào chữa cho Đức Cha Lambertô de la Motte và bản buộc tội của cha Gioan Pinetti, cả hai đều kết án bức thư luân lưu năm 1667 của Đức Cha Lambertô de la Motte, cho

là một “bức thư có tính cách thóa mạ hơn là phục vụ”²¹⁹ và yêu cầu cha Pinetti viết thư về cha Bề Trên dòng Tên Phaolô Oliva để ngài khuyên bảo các cha dòng nên làm hòa, bỏ sự chống đối. Có lẽ Đức Cha Lambertô de la Motte cũng không ngờ rằng, thiện chí sửa chữa những tệ lạm của các cha dòng ở các khu vực truyền giáo, đã gây ra những phản ứng mãnh liệt như thế ở bên trời Âu. Cũng may mà cha đứng đầu Ban Giám Đốc Chung Viện truyền giáo Paris lúc đó là cha Gazil, người chủ trương chính sách bắt tay hòa đàm, nên vẫn giữ được thịnh tình của Đức Hồng Y De Bouillon và ông Chủ tịch Quốc hội Pháp Guillaume de Lamoignon đối với Hội truyền giáo.

Một ít ngày sau cuộc hội họp trên đây, các cha trong Ban Giám Đốc đã nhờ Đức Hồng Y de Bouillon chuyển lên nhà vua Pháp, bức thư yêu cầu của Đức Cha Phanxicô Pallu, mà cha Calôrô đã đưa từ xứ truyền giáo về, xin nhà vua bảo vệ các Đức Giám mục đại diện và các thừa sai Pháp bị người Bồ Đào Nha bách hại ở các địa sở truyền giáo.

Lúc đó, liên lạc ngoại giao giữa nước Pháp và Bồ Đào Nha đang qua một giai đoạn khá tế nhị, không cho phép Vua Louis XIV can thiệp với Dom Pedro nhà vua Bồ Đào Nha một cách cứng rắn. Từ tháng 4-1672, nước Pháp có chiến tranh với Hòa Lan, nên cần phải lôi kéo Bồ Đào Nha về phe mình. Vào giữa năm 1672, Đại sứ Pháp là d’Auberville đã lôi kéo được Dom Pedro ký liên minh với nước Pháp. Nhưng sau đó nhà vua Bồ Đào Nha lại bội ước. Dầu sao, Louis XIV vẫn còn nuôi hy vọng là Pedro sẽ bắt tay với mình để đánh Hòa Lan, vì thế không muốn phiền trách nhà vua Bồ Đào Nha về những hành động bạo ngược của các nhân viên Bồ Đào Nha ở vùng Đông Ấn đối với các Giám mục đại diện và các thừa sai Pháp. Tuy vậy, Đức Hồng Y de Bouillon cũng yêu cầu Louis XIV giao cho đại sứ d’Auberville sứ mệnh đòi hỏi nhà vua Bồ Đào Nha, xử đãi một cách tử tế hơn, đối với các Giám mục đại diện và các thừa sai Pháp.²²⁰

Sau khi gặp Đại sứ Pháp, Dom Pedro bàn hỏi với hội đồng cố vấn và trả lời là “không thể thay đổi các mệnh lệnh đã ra chống lại các Giám mục và các Giáo sĩ của các Ngài”. D’Auberville đáp lại là nhà vua Pháp không muốn yêu cầu nhà vua Bồ Đào Nha từ bỏ quyền bảo trợ của mình, trong việc đề nghị và chỉ định các Giám mục ở các

Tòa thuộc quyền nhà vua trong vùng Đông Ấn. Nhà vua Pháp chỉ muốn bảo vệ các kiều dân của mình bị Phó vương ở Goa bạc đãi một cách tàn nhẫn. Yêu cầu nhà vua Bồ Đào Nha từ nay đưa các vấn đề đó về Tòa Thánh để xin phân xử mà không cho phép Phó Vương cũng như Tòa điều tra ở đây dùng những biện pháp đàn áp đối với các Giám mục và thừa sai Pháp. Các ngài hoạt động trong những khu vực mà Tòa Thánh đã trao cho các Ngài, cũng như những khu vực có người Pháp đến buôn bán mà các vị đó sẽ là tuyên úy của họ.

Qua chủ trương trên đây, Louis XIV và Đại Sứ của ông muốn nói cho Dom Pedro là họ không công nhận quyền duy nhất của Quốc vương Bồ Đào Nha trong tất cả các khu vực truyền giáo của vùng Đông Ấn. Quốc vương Bồ Đào Nha chỉ có quyền bảo trợ đối với những khu vực mà họ đã chiếm làm thuộc địa. Còn những nơi khác, chỉ có quyền ở những trại của các lái buôn Bồ Đào Nha hoặc những khu vực dành cho những công ty thương mại của họ. Cũng như nhà vua Pháp cũng có quyền sai thừa sai đến trông coi các lái buôn Pháp ở những trại và những khu vực của công ty của họ.

2. Những khó khăn cha Calôrô Sévin gặp trong cuộc công cán ở Rôma

Vào đầu năm 1673, cha Calôrô Sévin đã qua Rôma để bắt đầu cuộc công cán ở đây. Đứng đầu Giáo hội lúc đó là Đức Thánh Cha Clémentê X, già đã 80 tuổi, lên thay thế Đức Thánh Cha Clémentê IX từ năm 1670. Còn Bộ Truyền Giáo cũng như thời kỳ của Đức Cha Phanxicô Pallu đến Rôma công cán, Đức Cha thư ký vẫn là Baldeschi, rất hăng hái với công cuộc truyền giáo và trung thành với đường lối của Đức Cha Ingoli, vị thư ký tiên khởi của Bộ vạch ra từ lúc đầu. Còn Đức Hồng Y Tổng Trưởng Bộ Truyền Giáo là Đức Hồng Y Paluzzi Altieri thay cho Đức Hồng Y Antôn Barbarini chết năm 1671. Ngài bận nhiều công việc nên không có nhiều thời giờ để khảo cứu vấn đề các Giám mục đại diện. Công việc tất cả đều ở Đức Cha thư ký.

Còn về liên lạc ngoại giao giữa các quốc gia với Tòa Thánh thì Đại sứ nước Pháp lúc đó là Phanxicô Annibal d'Estrées, thay cho công tước de Chaulmes từ năm 1672. Nhưng chỉ huy các công việc ngoại

giao chính là Đức Hồng Y Cesar d'Estrées, anh của công tước Phanxicô Annibal d'Estrées. Ngài tài giỏi nhưng tính khí nóng nảy và hăng hái. Rất có thể là công việc của các Giám mục đại diện Tòa Thánh sẽ không được ngài ủng hộ vì ngài có nhiều liên lạc chặt chẽ với Quốc vương Bồ Đào Nha. Khi Quốc vương Bồ Đào Nha nối lại liên lạc ngoại giao với Tòa Thánh, đã có ý định đặt Đức Hồng Y Cesar d'Estrées làm Hồng Y bảo trợ cho quốc gia Bồ Đào Nha. Nhưng may mắn cho cha Calôrô Sévin là trong thời kỳ cha công cán ở Rôma (1673-1674), Đức Hồng Y Cesar d'Estrées vẫn chưa làm Hồng Y bảo trợ cho quốc gia Bồ Đào Nha. Mãi đến 1676, ngài mới nhận chức vụ đó và sau này Đức Cha Phanxicô Pallu trong chuyến công cán ở Rôma (1677-1680) đã gặp những khó khăn.

Đại sứ của Bồ Đào Nha lúc đó là Phanxicô de Souza. Năm 1670, ông đã thành công trong việc xin Tòa Thánh phê chuẩn đề nghị của Quốc vương đặt những Giám mục ở những Tòa còn trống ngôi. Ngoài ra, ở vùng Đông Ấn, ông cũng xin được Tòa Thánh phê chuẩn đề nghị những Giám mục ở Goa và Meliapour. Tòa Thánh chỉ không phê chuẩn những đề nghị những Giám mục ở Áo Môn và Malacca. Ngày 22-12-1670, ông cũng xin được Tòa Thánh bản đoán sắc “Về khu vực” (Cum sicut Providentissimus Deus parte).²²¹ Sắc này công nhận lại những quyền lợi mà các Đức Giáo Hoàng trước đây đã ban cho Quốc vương Bồ Đào Nha, khi trao sứ mạng bảo trợ công việc truyền giáo ở vùng Đông Ấn. Tuy vậy, Đại sứ Phanxicô de Souza vẫn còn lo ngại về vấn đề các Giám mục đại diện được sai đến những khu vực truyền giáo ở vùng Đông Ấn. Ngày 14-03-1671, ông đã gửi một bản ký ức cho Đức Hồng Y Paluzzi Altieri, nhắc lại những quyền lợi của Quốc vương Bồ Đào Nha ở vùng Đông Ấn.²²²

Nhưng cha Calôrô Sévin không phải lo ngại về người Bồ Đào Nha, một khi Bộ Truyền Giáo vẫn luôn luôn trung thành với con đường đã hoạch định và luôn sẵn sàng ủng hộ, bênh vực các Giám mục đại diện của Bộ. Ngay sau khi Đức Cha Phanxicô Pallu bỏ Rôma trong chuyến công cán 1667-1669, Bộ Truyền Giáo vẫn tiếp tục ban những sắc lệnh để bênh vực các Giám mục đại diện.

Ngày 04-08-1670 các Đức Hồng Y Bộ Truyền Giáo phê chuẩn bản phán quyết của Đức Cha Lambertô de la Motte đối với 03 kết luận rút

trong tác phẩm của Antôn Quintanadvenas: đó là chủ trương các cha dòng có quyền làm bổ đỡ đầu thêm sức, các Ngài cũng có quyền ban phép thêm sức cho giáo dân, và có quyền ban các chức nhỏ cho các giáo sĩ trong dòng. Chúng ta nhớ lại, vào tháng 5-1666, Đức Cha Lambertô de la Motte đã ngăn cản không cho cha dòng Đaminh tên là Fragoso, ủy viên của Tòa điều tra ở Goa, muốn làm bổ đỡ đầu trong cuộc lễ thêm sức ở kinh đô Thái Lan. Cha Fraroso phản đối và minh chứng mình có quyền, dựa vào chủ trương của Antôn Quintanadvenas, tác phẩm ấn hành năm 1645. Nhưng Đức Cha Lambertô de la Motte trưng ra những sắc lệnh của Bộ Truyền Giáo đã rút lại những quyền đó vào năm 1656. Dầu vậy, cha Fragoso vẫn ra lệnh rút phép thông công Đức Cha Lambertô de la Motte ngày 30-11-1666.

Sau đó, Bộ Truyền Giáo cũng xin Bộ Thánh vụ kết án hành động của cha Fragoso đối với Đức Cha Lambertô de la Motte ngày 30-11-1666. Bộ Thánh vụ đã truyền cho vị đứng đầu Tòa điều tra ở Goa ra lệnh cho cha dòng Fragoso phải bỏ kinh đô Thái Lan. Bộ Truyền Giáo cũng gởi cho Đức Cha Lambertô de la Motte một đoàn sắc (Colestibus et apostolicis) ban hành ngày 07-11-1671 báo tin sự trừng phạt của Bộ đối với cha Fragoso ủy viên của Tòa điều tra ở Goa.

Vừa mới tới Rôma, cha Calôrô Sévin đã trình lên Bộ những bản tường trình của Đức Cha Phanxicô Pallu. Ngày 31-07, Đức Cha Urbanô Cerri, phó thư ký Bộ Truyền Giáo, đã trình lên các Đức Hồng Y của Bộ Truyền Giáo một bản tóm lược những điều mà Bộ cần giải quyết kèm theo những đề nghị.²²³ Đồng thời, cha Calôrô Sévin cũng làm một bản tóm lược những lý luận, mà các cha dòng Tên đưa ra để bênh vực quyền bảo trợ Bồ Đào Nha và dựa vào đấy, để từ chối nhận quyền của các Đức Giám mục đại diện. Trong bản đó, cha đã tố cáo các cha Luigi Gama, Bề Trên kinh lược tỉnh dòng Nhật Bản, cha Carôlô della Rocca, cha Đôminicô Fuciti và Philippô Marini, các cha cho rằng, Đức Giáo Hoàng sai các Đức Giám mục đại diện đến các khu vực truyền giáo miền Đông Ấn, mà không có sự ưng thuận của Quốc vương Bồ Đào Nha, là phạm đến quyền bảo trợ của nước đó. Quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha, bao trùm tất cả những khu vực truyền giáo ở vùng Đông Ấn, không những ở những nơi

thuộc quyền Quốc vương Bồ Đào Nha mà cả những nơi không thuộc quyền nữa. Vì thế Tòa Giám mục ở Malacca có giáo quyền đối với khu vực truyền giáo ở Thái Lan và ở xứ Nam. Còn Tòa Giám mục ở Áo Môn có giáo quyền đối với xứ Bắc và nước Trung Hoa. Các sắc lệnh Đức Thánh Cha Alexandrê VII ban cho các Giám mục đại diện, trong đó, không nói gì đến việc ủy quyền của hai Tòa Giám mục nói trên, nên không có giá trị và các hành động của các Giám mục ở các nơi trên đây đều không thành.

Để bào chữa lại những lời tố cáo trên đây của cha Calôrô Sévin, dòng Tên đã cử hai cha Intorcetta và Jusserte, hai thừa sai ở tỉnh dòng Nhật Bản lúc đó đang có mặt ở Rôma. Hai cha sẽ làm một bản bào chữa gửi lên các Đức Hồng Y của Bộ. Hai cha chỉ nói qua đến quyền bảo trợ, mà nhấn mạnh đến những tệ lạm mà thư Đức Cha Lambertô de la Motte đã tố cáo các cha dòng ở vùng Đông Ấn.

3. Những kết quả của cha Calôrô Sévin đã thu lượm được

Sau khi xem xét bản tường trình của Đức Cha Phanxicô Pallu về tình trạng ở các địa sở truyền giáo cũng như bản tố cáo của cha Calôrô Sévin về những chủ trương của các cha dòng đối với quyền bảo trợ, để từ chối nhận quyền các Giám mục, đồng thời với bản bào chữa của hai cha dòng Tên, các Đức Hồng Y Bộ Truyền Giáo cho rằng có thể gác ra ngoài các tệ lạm của các cha dòng mà các Ngài đã kết án trong đoạn sắc “Nỗi lo âu” (Sollicitudo). Lần này, các Ngài sẽ chú trọng việc kết án những chủ trương sai lầm về quyền bảo trợ chống lại quyền của các Giám mục đại diện. Lần lượt các sắc lệnh được ban hành để hạn định quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha hoặc kết án những hành động chống lại với quyền các Giám mục đại diện.

Ngày 02-10-1673, một sắc lệnh của Hội đồng các Đức Hồng Y Bộ Truyền Giáo được ban hành và tuyên bố là tất cả các đoạn sắc của các Đức Giáo Hoàng đều có giá trị pháp lý trong toàn cõi Đông Ấn mà không cần sự ưng chuẩn của Quốc vương Bồ Đào Nha cũng không cần chuyển qua Tòa Chưởng Ấn Lisbonna.²²⁴ Như thế, đối với tất cả những đoạn sắc đã ban hành trước đây, hoặc sẽ ban hành sau này, đều bó buộc tất cả mọi giáo sĩ cũng như giáo dân đều phải tuân

phục. Với sắc lệnh này, các Đức Hồng Y Bộ Truyền Giáo đã kết án chủ trương của các cha dòng Tên cho rằng các sắc lệnh của Đức Thánh Cha ban quyền cho các Giám mục đại diện vì không sự ưng thuận của Quốc vương Bồ Đào Nha và không chuyển qua Tòa Chưởng Ấn Lisbonna nên không có giá trị và không được tuân theo trong khu vực thuộc quyền bảo trợ.

Ngày 10-11-1673, Đức Thánh Cha Clémentê X đã ban hành đoàn sắc “Tiếng kêu đã tới tai Ta” (Cum ad Aures)²²⁵ khiển trách các ủy viên Tòa điều tra ở Goa về 3 điều: việc cha dòng Fragoso, ủy viên của Tòa điều tra đã kết án Đức Cha Lambertô de la Motte, việc bắt giam cha Luigi Chevreuil, thừa sai Pháp và việc chưa chịu thi hành mệnh lệnh trực xuất cha Fragoso ra khỏi đất Xiêm (theo đoàn sắc Coelestibus et apostolicis, ngày 12-09-1671). Đức Thánh Cha cũng nhắc nhở sứ mệnh của Tòa điều tra là chống lại những chủ trương và những hành động có phương hại đến việc truyền bá đức tin và bảo vệ đức tin được luôn luôn tinh tuyền. Vì thế, không có quyền xét xử vấn đề quyền hành đối với những thừa sai mà Tòa Thánh sai làm đại diện ở miền Đông Á. Còn ở vùng Đông Ấn, tại những khu vực truyền giáo không thuộc quyền thế tục của Quốc vương Bồ Đào Nha, các Giám mục đại diện và các thừa sai của ngài không lụy thuộc giáo quyền của Tòa điều tra ở Goa, vì thế, cũng không có quyền xét xử công việc của các Ngài trong những khu vực đó.

Đối với Tòa Tổng Giám mục và kinh sĩ hội ở Goa, trong đoàn sắc khác (Cum per litteras)²²⁶ ban hành cùng ngày, Đức Thánh Cha Clémentê X khiển trách các Ngài đã dám nghi ngờ giá trị những sắc lệnh của Tòa Thánh đã ban cho các Giám mục đại diện. Đức Thánh Cha cũng lấy làm bối ngỡ vì các Ngài đã dám sai ủy viên Nicola de Motta tới kinh đô Thái Lan đòi hỏi Đức Cha Lambertô de la Motte, Giám mục đại diện của Tòa Thánh, phải trình các giấy tờ và sắc lệnh ủy quyền của Tòa Thánh ban cho ngài. Cõi Đức Cha như người thuộc quyền của mình chứ không phải đại diện của Tòa Thánh. Đức Thánh Cha hy vọng rằng hành động trên đây của kinh sĩ hội ở Goa chỉ là một hành động vì thiếu hiểu biết luật pháp chứ không phải cố tình chống lại vị đại diện của Tòa Thánh. Cuối cùng Đức Thánh Cha cũng cấm Tòa Giám mục ở Goa không được thi hành một quyền nào

ngoài khu vực đặt dưới quyền phần đời của Quốc vương Bồ Đào Nha nhất là đối với các Giám mục đại diện và các thừa sai của Ngài.

Mấy tuần lễ sau, ngày 22-12-1673 Đức Thánh Cha Clémentê X lại ban hành sắc lệnh khác (*Solicitudo pastoralis officii*)²²⁷ gởi cho Tòa điều tra ở Goa. Trong đó, Đức Thánh Cha rút lại tất cả những đặc ân mà các Đức Giáo Hoàng trước đây, nếu đã ban cho Tòa này được có quyền cả trên những khu vực truyền giáo dưới quyền các vua chúa lương dân trong vùng Đông Nam Á. Sau khi đã nhắc lại những hành động sai lầm của Tòa điều tra ở Goa, Đức Thánh Cha hạn định quyền của Tòa này trong khu vực dưới quyền phần đời của Quốc vương Bồ Đào Nha.

Còn về giáo quyền của Tòa Tổng Giám mục ở Goa, ngày 23-12-1673, Đức Thánh Cha ban hành sắc lệnh *Illius Qui Caritas*,²²⁸ cấm tất cả các Giáo sĩ, triều hay dòng với vợ tuyệt thông, nếu nhận hoặc xin với hàng giáo phẩm Bồ Đào Nha, đã thành lập ở vùng Đông Ấn, các loại chứng thư ủy quyền làm cha chính địa phận ở những địa sở truyền giáo mà Tòa Thánh đã đặt các Giám mục đại diện đứng coi sóc.

Với những sắc lệnh trên đây, Đức Thánh Cha Clémentê đã kết án những chủ trương sai lầm cho rằng quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha bao trùm không những các khu vực thuộc quyền nhà vua mà cả những khu vực thuộc quyền các vua chúa lương dân. Cũng ngày 23-12-1673, Đức Thánh Cha còn ban hành sắc lệnh *Injuncti Nobis Coelitus*²²⁹ cho phép các Giám mục đại diện, các thừa sai của các Ngài cũng như các giáo dân giúp việc các Ngài, không phải qua Lisbonna lấy tàu để đến các khu vực truyền giáo, khi sai các vị đến vùng Đông Á, đã căn dặn các Ngài không nên qua Lisbonna lấy tàu, vì thế nào cũng sẽ bị làm khó dễ, mà phải dùng đường bộ hay phải lấy tàu của nước khác. Nhưng đến lúc này, chưa có một sắc lệnh nào hủy bỏ điều bó buộc mà Quốc vương Bồ Đào Nha đã yêu cầu với Tòa Thánh, là tất cả các thừa sai đến vùng Đông Ấn đều phải lấy tàu của Bồ Đào Nha ở Lisbonna. Đức Thánh Cha Clémentê đã ban hành sắc lệnh, mà các Đức Thánh Cha, từ Urbanô VIII ngại chưa ban hành. Bộ còn muốn bảo đảm hơn nữa, quyền hành của các Giám mục đại diện trong khu vực truyền giáo mà Bộ đã chỉ định

cho các Ngài. Đang năm 1674, Bộ lại yêu cầu Đức Thánh Cha Clémentê X ban hành 02 sắc lệnh (*In apostolicae dignitatis và Christianae religionis*)²³⁰ ngày 07-06-1674, tuyên bố là các Giám mục đại diện và hàng Giáo sĩ của các Ngài, cũng như khu vực truyền giáo đã đặt dưới quyền các Ngài, được hoàn toàn tự do, không phải lụy thuộc vào một giáo quyền nào của các Giám mục vùng Đông Ấn cho đến khi có quyết định hay mọi đặc ân đã ban hành trước đây, trái với vấn đề này đều bị coi là bãi bỏ. Tất cả những ai làm cản trở việc thi hành sẽ bị vạ tuyệt thông.

Đồng thời Đức Thánh Cha Clémentê cũng ban hành ngày 08-06-1674, một sắc lệnh (*Cum dudum felicitis*)²³¹ nhắc lại vạ tuyệt thông của Đức Thánh Cha Urbanô VIII, năm 1633, phạt những ai tìm cách ngăn cản không cho các thừa sai dòng vào vùng Đông Ấn và lần này áp dụng vào các Giám mục đại diện, các thừa sai của các Ngài cũng như các giáo dân theo giúp việc các Ngài. Như thế, từ nay, nếu phó vương ở Goa cũng như các nhân viên tùy thuộc của ông làm khó dễ các thừa sai của Bộ Truyền Giáo thì chắc chắn là sẽ bị vạ phạt trên đây.

Những sắc lệnh trên đây, được ban hành để chống lại những chủ trương sai lầm về quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha, cũng như kết án hành động của giáo quyền, cũng như tước quyền của người Bồ Đào Nha ở vùng Đông Ấn, chống lại quyền các Giám mục đại diện. Ngoài ra Tòa Thánh còn ban hành hai sắc lệnh khác để giải quyết một cách cứng rắn sự ngoan cố của các cha dòng Tên không chịu phục quyền các Giám mục trong khu vực đã trao cho các Ngài coi sóc. Đó là 2 sắc lệnh “Vì mong muốn chính yếu” (*Proecipua enim vero voluptate*) ngày 10-11-1673²³² và “Tòa Thánh Rôma” (*Decet Romanum*) ngày 23-12-1673.²³³

Sắc lệnh thứ nhất “Vì mong muốn chính yếu” (*Proecipua enim vero voluptate*) Đức Thánh Cha Clémentê X nhắc bảo các linh mục, các thầy giảng và các giáo dân Việt Nam ở ngoài Bắc cũng như trong Nam không nên tin nghe lối giải thích sai lầm của cha dòng Tên Philippô Marini đối với đoạn sắc “Đã nhiều lần” (*Cum ex aliis pluries*) mà Đức Thánh Cha Alexandrô VIII đã ban hành vào năm 1665. Theo sự tố cáo của cha Calôrô Sévin thì cha dòng này đã dùng đoạn sắc

ấy làm khí giới chống lại quyền của các Giám mục đại diện và các cha chính của các Ngài. Đức Thánh Cha Clémentê V nói rõ ràng, trong tài liệu đó, không có lời nào ban đặc ân cho các thừa sai dòng Tên hoạt động trong khu vực ủy thác cho các Giám mục đại diện mà không phải tuân phục quyền của Ngài. Nếu ai giải thích khác đi là chống lại ý định của Tòa Thánh.

Nhưng quan trọng hơn cả và cứng mạnh hơn cả là sắc lệnh “Tòa Thánh Rôma” (Decet Romanum). Chính nhờ sắc lệnh này với những hình phạt và lệnh truyền cứng rắn mà tất cả những sự chống đối quyền của các Giám mục đại diện được san bằng, trật tự và hòa bình được phục hồi trong các địa sở truyền giáo ở Việt Nam và Thái Lan. Sau khi nhắc lại các tài liệu, Tòa Chưởng Ấn Tòa Thánh đã ban hành từ năm 1659 về quyền các Giám mục đại diện, sắc lệnh “Tòa Thánh Rôma” (Decum Romanum), nhắc lại bản văn của sắc lệnh “Những người thám hiểm” (Speculatores) của Đức Thánh Cha Clémentê IX, ấn định việc đặt các thừa sai dòng dưới quyền Giám mục đại diện của Bộ Truyền Giáo sai đến khu vực truyền giáo. Đức Thánh Cha Clémentê X phản nản, vì có người đã dám hồ nghi giá trị của sắc lệnh trên đây mà các Đức Giáo Hoàng đã lấy quyền Chúa ban cho các tông đồ mà ban hành. Để tránh những gương xấu có thể xảy ra lần nữa, Đức Thánh Cha tuyên bố hủy bỏ tất cả đặc ân đã ban trước đây, cả những đặc ân đã ban cho các Quốc vương, nếu những đặc ân này chống nghịch lại những điều đã ấn định trong sắc lệnh mới này. Đức Thánh Cha cũng ra lệnh cho tất cả các hàng giáo phẩm vùng Ấn Độ và các Bề Trên các dòng phải long trọng tuyên bố sắc lệnh này ở các nơi dưới quyền các Ngài. Mọi Bề Trên dòng phải làm giấy chứng nhận mình đã nhận được sắc lệnh và cam đoan sẽ bắt buộc các tu sĩ dưới quyền mình tuân giữ tuyệt đối những điều đã ban trong sắc lệnh. Sau đó tức thời phải thông báo sắc lệnh này cho các tu sĩ của mình ở các nơi, bằng những đường lối để có thể tới nơi cách nhanh chóng hết sức.

Cuối cùng, ngày 07-06-1674, Đức Thánh Cha lại ban hành sắc lệnh Quouniam Ea²³⁴ truyền cho các Giám mục ở vùng Ấn Độ, các cha dòng và các cha dòng Tên ở vùng đó phải tuân theo tất cả các quyết định của các Đức Thánh Cha và các sắc chỉ của Bộ Truyền Giáo. Ai

từ chối không chịu tuân phục sẽ bị Bộ Truyền Giáo ra vạ phạt, tùy theo xét đoán của Bộ. Ngoài ra các cha dòng còn bị mất quyền phát biểu trong hội nghị của dòng mình.

Với những sắc lệnh bảo vệ quyền bính của các Giám mục đại diện, chống lại sự bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha và sự cố chấp của các thừa sai dòng, cha Calôrô Sévin còn nhận được những sắc lệnh ban hành theo lời yêu cầu của các Giám mục. Ngày 23-12-1673, cùng một ngày ban sắc lệnh “Tòa Thánh Rôma” (Decet Romanum), Đức Thánh Cha Clêmentê X cũng ban hành sắc lệnh “Sứ mệnh tông đồ” (Apostolatus officium), phê chuẩn bản luật công đồng thứ I địa phận Đàng Ngoài do Đức Cha Lambertô de la Motte đứng đầu tổ chức vào tháng 2-1670, trong dịp kinh lược xứ Bắc.²³⁵ Theo lời đề nghị của Đức Cha Phanxicô Pallu, Đức Thánh Cha cũng ban sắc “Quyền Tòa Thánh Phêrô” (Super cathedram principis)²³⁶, đặt thêm cha dòng Đaminh người Trung Hoa tên là Grêgorio Lopez làm Giám mục đại diện ở Nam Kinh thay Đức Cha Inhaxio Cotelendi. Trước đó, ngày 25-10-1673, Đức Thánh Cha cũng ban một sắc lệnh (Alias Emanarunt)²³⁷ tiếp tục cho phép truyền chức các linh mục bản quốc dù các vị không thông thạo La ngữ. Trong sắc này Tòa Thánh cũng từ chối yêu cầu của các Giám mục đại diện, theo sắc lệnh của Đức Thánh Cha Phaolô V đã ban năm 1625, cho phép dâng lễ mà được đội mũ như lối tế tự của Đông Phương, hơn nữa được dịch Kinh Thánh, sách lễ và sách nguyện ra tiếng Trung Hoa, Việt Nam để các linh mục được dùng trong phụng vụ theo tiếng bản quốc của họ.

Nhìn lại những sắc lệnh trên đây, chúng ta nhận thấy cuộc công cán của cha Calôrô Sévin được kết quả hoàn toàn mỹ mãn. Bộ Truyền Giáo nhất định ủng hộ và bảo vệ các Giám mục đại diện mà Bộ đã sai đến các khu vực truyền giáo. Lần này với những sắc lệnh rõ ràng mà Bộ đã xin được với Đức Thánh Cha Clêmentê X, tất cả những chủ trương hoặc những quyền lợi gì của Quốc vương Bồ Đào Nha có thể chống lại với quyền của các Giám mục đại diện đều bị hủy bỏ hoặc bị phủ nhận. Sự cố chấp của các thừa sai dòng cũng được san bằng với những biện pháp cứng mạnh để chấm dứt tình trạng chia rẽ tai hại trong Giáo hội, nhất là ở địa phận Đàng Ngoài và Đàng Trong tại Việt Nam.

Sau hai năm ở Paris, và Rôma, vào tháng 9-1674, cha Calôrô Sévin lên đường trở về Thái Lan, lúc đó đang có chiến tranh giữa Pháp và Hòa Lan, cha Sévin không thể theo đường thủy, phải dùng đường bộ vất vả và lâu ngày hơn. Ngày 03-11-1675, cha mới tới Surate, sau nhiều gian nguy gặp giữa đường. Cùng đi với cha Calôrô Sévin còn có cha Thomas, le Noir, de Clergues và Geffard. Ngày 23-06-1676, các cha tới kinh đô Thái Lan sau gần 2 năm hành trình. Trong thư gửi cha Brisacier, cha Sévin viết: “Chúng tôi sung sướng được gặp Đức Cha hiệu thành Bêryta vừa mới kinh lược địa phận Đàng Trong trở về ít lâu. Ngài đã để lại đây cha Courtaulin để làm cha chính địa phận, cha Vachet, một thầy thuốc được trọng vọng ở xứ đó. Ngài đã gây được cảm tình với những vị quan lớn trong phủ Chúa xứ Nam. Còn Đức Cha hiệu thành Metellopolis (tức Đức Cha Luigi Laneau) thì hăng hái thi hành sứ mệnh của ngài. Đức Cha hiệu thành Heliopolis (Đức Cha Pallu) thì hiện nay đang ở Mỹ Tây Cơ và có thể ngài sẽ được trở lại thăm nước Pháp.”²³⁸

II. Hòa Bình Và Trật Tự Được Phục Hồi (1676-1677)

Trước khi lên đường bỏ Âu Châu, đi kinh đô Thái Lan, cha Calôrô Sévin đã lo gởi cho các khu vực truyền giáo thuộc quyền các Giám mục đại diện, bản sắc lệnh quan trọng hơn cả, cha đã thu thập được trong cuộc công cán ở Rôma, đó là bản “Tòa Thánh Rôma” (Decet Romanum) ban hành ngày 23-12-1673. Hy vọng khi bản đó tới các nơi ấy, thì hòa bình và trật tự sẽ được phục hồi mau lẹ ngay. Vào tháng 10-1675 Đức Cha Luigi Laneau ở Thái Lan đã nhận được. Ở xứ Bắc thì hai cha Phanxicô Deydier và Giacôbê Bourges, năm 1676 mới nhận được.

Nhưng trái với điều cha Calôrô Sévin mong đợi, phản ứng đầu tiên của các thừa sai dòng khi nhận được thông báo sắc lệnh “Tòa Thánh Rôma” (Decet Romanum) ở Thái Lan cũng như ở Việt Nam là cố chấp phủ nhận hoặc kéo dài thời gian chờ quyết định của Bề Trên dòng. Trong sắc lệnh đã truyền cho các Bề Trên dòng phải lo gởi sắc lệnh ấy cho các thừa sai của mình và cam đoan sẽ bắt họ thi hành theo lệnh truyền của Tòa Thánh. Tháng 06-1676, khi cha Sévin tới kinh đô Thái Lan thì tình trạng chống đối của các cha dòng vẫn chưa được chấm dứt. Phải chờ đến năm 1677, hòa bình và trật tự mới được phục hồi thực sự. Tuy sau này còn xảy ra một vài vụ chống đối địa phương nhưng lại được san bằng mau lẹ ngay.

I. Đối với sắc lệnh “Tòa Thánh Rôma” (Decet Romanum), những phản ứng đầu tiên của các thừa sai dòng ở kinh đô Thái Lan (1675-1676) và ở địa phận Đàng Ngoài (1676)

Năm 1675, khi Đức Cha Lambertô de la Motte bỏ kinh đô Thái Lan đi kinh lược địa phận Đàng Trong của ngài lần thứ II (1675-1676), Đức Cha Luigi Laneau ở lại Thái Lan đã phải đương đầu với nhiều khó khăn do các thừa sai dòng. Vào tháng 3-1675, cha Tôma Valguarnera, Bề Trên kinh lược tỉnh dòng Nhật Bản, sau cuộc kinh lược trở về Thái Lan đã quyết định chống lại trụ sở truyền giáo của các Giám mục Pháp ở kinh đô Thái Lan. Cùng tới kinh đô Thái Lan với cha Tôma Valguarnera có cha Gioan d’Albrem de Lima mà kinh sĩ hội ở Goa đã đặt làm Bề Trên kinh lược ở địa phận Malacca. Vì

linh mục Bồ Đào Nha này nhất định chống lại sự xâm phạm quyền bính của Tòa Giám mục Malacca do việc đặt các Giám mục người Pháp làm đại diện ở Thái Lan.

Ngày 25-03-1675, cha Gioan d'Abreu báo tin sự hiện diện của mình ở kinh đô Thái Lan cho các thừa sai Pháp. Đức Cha Luigi Laneau cũng thông báo cho cha Gioan d'Abreu việc Tòa Thánh đặt ngài làm Giám mục đại diện ở kinh đô Thái Lan. Lẽ dĩ nhiên vị linh mục Bồ Đào Nha không công nhận vì sắc lệnh Tòa Thánh không có dấu của Tòa Chưởng Ấn Lisbonna. Ngày 21-04 Đức Cha Luigi Laneau khiển trách vị linh mục kinh lược đã làm các phép bí tích trong khu vực của ngài coi sóc mà không xin phép, và tuyên bố không cho làm các phép. Cha Gioan d'Abreu trả lời bằng cách rút phép thông công Đức Cha Luigi Laneau và cấm giáo dân không được chịu các phép bí tích do các thừa sai Pháp.²³⁹

Đang lúc những câu chuyện rắc rối trên đây xảy ra, thì vào tháng 8-1675, Đức Cha Luigi Laneau nhận được đoàn sắc Coelestibus Et Apostolicis ban hành ngày 07-09-1671 ở Rôma. Đoàn sắc này tuyên bố việc cha dòng Đaminh, ủy viên của Tòa điều tra trước đây vào ngày 30-11-1666 đã rút phép thông công Đức Cha Lambertô de la Motte là vô giá trị, và để trừng phạt cha Fragoso, Tòa Thánh ra lệnh cho cha phải bỏ khu vực truyền giáo Thái Lan để đi nơi khác. Được đoàn sắc này Đức Cha Luigi Laneau đã thông báo cho các cha dòng Đaminh và dòng Tên biết. Cha Bề Trên dòng Đaminh đã công nhận đoàn sắc và công bố bằng cách yết thị trước cửa nhà thờ của dòng. Còn các cha dòng Tên thì từ chối không nhận vì đoàn sắc này không gởi qua Tòa Chưởng Ấn Lisbonna.²⁴⁰

Hai tháng sau, vào tháng 10-1675 thì Đức Cha Luigi Laneau lại nhận được đoàn sắc “Tòa Thánh Rôma” (Decret Romanum) của Đức Thánh Cha Clémentê X nhắc lại những quyết định của đoàn sắc “Những người thám hiểm” (Spéculatores) ban hành năm 1669 do Đức Thánh Cha Clémentê IX đặt các cha dòng dưới quyền các Giám mục đại diện trong khu vực đã ủy thác cho các vị. Đức Cha Luigi Laneau cũng vội thông báo cho các cha dòng. Lần này, các cha dòng Đaminh cũng như dòng Tên đều không muốn nhận sắc lệnh ấy do các Giám mục đại diện thông báo cho. Cha Valguarnera Bề Trên kinh

lược tình dòng Nhật Bản lúc đó vẫn còn ở Xiêm, ngày 08-10-1675, đã tuyên bố một cách thoái thác là mình chưa đủ quyền hành để nhận một sắc lệnh quan trọng như thế. Còn các cha Đaminh thông báo là mình đợi Bề Trên dòng ở Rôma báo cho.

Sự thực, thái độ của các cha dòng trên đây cũng có lý của nó. Sắc lệnh đã truyền cho các Bề Trên dòng ở Rôma, sau khi nhận được sắc lệnh phải lo thông báo ngay cho các tu sĩ của mình ở các khu vực truyền giáo. Đồng thời cũng phải bắt buộc các tu sĩ phải thi hành đúng đắn các sắc lệnh đã ban hành. Đang khi chờ đợi, các cha dòng lại được lệnh của triều đình Bồ Đào Nha, cấm không được tuân phục các Giám mục đại diện Tòa Thánh, nếu trái lệnh sẽ bị giam tù. Ngày 25 tháng Giêng năm 1676, cha Sotomayor, quản lý dòng Nhật Bản của các cha dòng Tên, đã viết thư về cho cha Bề Trên Phaolô d'Oliva để báo tin đó cho các Đức Hồng Y Bộ Truyền Giáo, hay biết.²⁴¹

Trước khi rời bỏ Âu Châu, cha Calôrô Sévin cũng đã được biết phản ứng cứng rắn của triều đình Bồ Đào Nha đối với những sắc lệnh của Đức Thánh Cha Clémentê X đã ban cho các Giám mục đại diện. Vị đại sứ Bồ Đào Nha ở Rôma được lệnh phản đối những hạn định về quyền bảo trợ nguyên trong khu vực thuộc quyền thế tục của nhà vua, loại trừ những khu vực thuộc quyền các vua chúa lương dân. Họ cũng không quên nhấn mạnh là triều đình Bồ Đào Nha vừa mới đề nghị đặt các Giám mục ở các tòa tổng ngôi từ lâu và hứa sẵn sàng chịu mọi tổn phí bảo trợ công cuộc truyền giáo. Đằng khác theo họ, thì các khu vực truyền giáo không nên trao cho các thừa sai quốc tịch khác nhau để tránh sự va chạm, cũng như các giáo dân Việt Nam có quyền chỉ tuân phục những người Cha đầu tiên đã mang đức tin đến cho họ. Hơn nữa các thừa sai Pháp chắc chắn không vượt trội gì hơn các thừa sai Bồ Đào Nha và còn đáng lo ngại vì những chủ trương Pháp giáo nguy hại cho sự đạo. Quốc vương Dom Pedro cũng ra lệnh cho Đại Sứ tố cáo Bộ Truyền Giáo đã báo cáo sai lầm về tình trạng đích thực của các khu truyền giáo vùng Đông Ấn. Ông cũng đe dọa Tòa Thánh nếu các thừa sai dòng Tên không tuân phục Quốc vương Ấn Độ, chống lại quyền Giám mục đại diện thì ông sẽ trục xuất tất cả và thay thế bằng các thừa sai dòng khác. Đứng trước đe dọa trên đây, các cha dòng Tên ở Thái Lan cho

rằng Đức Thánh Cha cũng như các Hồng Y Bộ Truyền Giáo và Bề Trên cả của dòng sẽ không đòi hỏi sự tuân phục đó, các cha tìm cách để kéo dài thời gian. Cha Valguarnera tuy được thư của Bề Trên cả của dòng yêu cầu các tu sĩ phải thi hành mệnh lệnh ngay tức khắc để xóa nhòa những tố cáo cố chấp từ trước tới giờ, nhưng cha vẫn tìm cách kéo dài thời gian.²⁴²

Còn ở xứ Bắc, địa phận Đàng Ngoài, sắc lệnh “Tòa Thánh Rôma” (Decret Romanum) vào khoảng giữa năm 1676, hai cha Phanxicô Deydier và Giacôbê de Bourges mới nhận được. Cùng với sắc lệnh trên, hai cha cũng nhận được thư của Đức Hồng Y Bộ trưởng Bộ Truyền Giáo Paluzzi Altieri gởi cho cha Đôminicô Fuciti. Hai cha liền gởi cho các cha dòng Tên các tài liệu trên và xin các cha dòng sửa đổi thái độ, để chấm dứt các gương xấu, cũng như tình trạng chia rẽ trong giáo đoàn.²⁴³

Nhận được thư của Đức Hồng Y Bộ Truyền Giáo, cha Đôminicô vội viết thư trả lời là cha không còn là Bề Trên các cha dòng Tên ở xứ Bắc mà là cha Ferava, người Bồ Đào Nha. Cha cũng đã nhận được đoán sắc “Những người thám hiểm” (Speculatores) nhưng các Bề Trên của cha không cho phép công nhận. Hơn nữa, các cha đại diện của các Giám mục Pháp, vì thiếu bác ái nên cha cũng ngại cộng tác với các Ngài. Nhưng cha sẵn lòng vâng lời Bộ nếu Bộ bằng lòng miễn chuẩn vâng lời các Bề Trên dòng, thường là các cha người Bồ Đào Nha.²⁴⁴ Một tháng sau khi gửi thư về Bộ Truyền Giáo, cha Đôminicô Fuciti đã thực hành lời hứa. Cha viết thư cho hai cha Deydier và de Bourges xin phục quyền các Giám mục đại diện và yêu cầu các cha chính ban quyền làm các phép ở địa phận Đàng Ngoài, nhưng xin giữ kín việc tuân phục riêng của cha.²⁴⁵

Trái lại trong thư trả lời của cha Feireira, Bề Trên các cha dòng Tên ở xứ Bắc lúc đó, cha đã kết án các thừa sai Pháp là những người đến cướp công lao của những thừa sai Bồ Đào Nha, vì thế đã hết sức tranh đấu với các cha dòng Tên. Ở Thái Lan thì Giám mục Lambertô de la Motte, trong thư luân lưu năm 1667, đã bôi nhọ dòng Tên. Còn ở xứ Bắc thì các thừa sai Pháp đã xúi giục các linh mục Việt Nam chống lại với các người Cha cũ của họ. Sau những lời buộc tội trên đây, cha Feireira lại đưa ra những luận điệu cũ trước

đây để từ chối không công nhận sắc lệnh. Theo cha cho đến nay các sắc lệnh đều không đủ động gì đến quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha cũng như giáo quyền của Tòa Tổng Giám mục ở Goa, chẳng hạn không công nhận quyền đó ở những khu vực thuộc quyền của vua chúa lương dân, v.v...²⁴⁶ Cha Feireira lúc đó chưa biết rằng Đức Thánh Cha Clémentê X đã ban hành nhiều sắc lệnh để ấn định quyền bảo trợ của Quốc vương Bồ Đào Nha, đã phá những chủ trương sai lầm dựa trên quyền bảo trợ đó, để chống lại quyền các Giám mục đại diện.

Hai cha Phanxicô Deydier và Giacôbê de Bourges hy vọng rằng thư của cha Bề Trên cả dòng Tên Phaolô d'Oliva sẽ thay đổi thái độ của cha Feireira, do đó trật tự và hòa bình sẽ được phục hồi.

2. Hòa bình và trật tự được phục hồi (1677)

Các cha dòng Tên ở kinh đô Thái Lan, tuy đã nhận được thư và mệnh lệnh của cha Bề Trên cả Phaolô d'Oliva, nhưng vì sợ đe dọa của Quốc vương Bồ Đào Nha nên cố kéo dài thời gian để chờ đợi. Còn các thừa sai Pháp ở địa phận Đàng Ngoài thì cũng trông đợi thư của cha Phaolô d'Oliva sẽ thay đổi thái độ cố chấp của cha Feireira, Bề Trên các Thừa sai dòng Tên xứ Bắc. Nhưng ánh sáng hòa bình và trật tự đã mọc lên ở một phương trời khác mà người ta không ngờ đến. Đó là hành động của vị Tổng Giám mục mới ở Goa, cha dòng Xitô Antôn Brandao.

Đến nhậm chức Tổng Giám mục Goa ngày 24-09-1675, Đức Cha Antôn Brandao tái lập cha Gioan d'Albreu làm cha nhiếp chính địa phận Malacca. Tuân theo sắc lệnh (Cum per litteras) của Đức Thánh Cha Clémentê X gởi cho Tòa Tổng Giám mục ở Goa và ban hành ngày 10-11-1673, Đức Cha đã ra lệnh cho cha Gioan d'Albreu chỉ được thi hành quyền của mình trong khu vực thuộc quyền của nhà vua Bồ Đào Nha theo như sắc lệnh của Đức Thánh Cha Clémentê X, vì thế không được phép cho mình có quyền trên đất Xiêm.²⁴⁷ Đồng thời vị linh mục đứng đầu Tòa điều tra cũng từ chối không ban giấy ủy quyền làm ủy viên của Tòa ở Áo Môn cho vị linh mục Bồ Đào Nha trước đây đã ra lệnh bắt giam cha Luigi Chevreuil ở Cao Miên và giải về Goa, lấy lý rằng “Cha ấy đã bị Rôma để ý và vì thế không xứng

đáng với chức vụ trên.”²⁴⁸

Tất cả những hành động trên đây chứng tỏ các nhân viên giáo quyền ở Goa đã thay đổi thái độ và tuân phục những mệnh lệnh của Tòa Thánh. Nhưng quan trọng hơn cả là bức thư của Đức Tổng Giám mục ở Goa, Antôn Brandao gửi cho các Giám mục đại diện Tòa Thánh ở Xiêm, đề ngày 08-05-1677.²⁴⁹ Trả lời các Giám mục đại diện là theo bản tố cáo của các Ngài, Đức Cha đã xét vụ cha Gioan d’Albreu với kinh sĩ hội của Goa. Đức Cha cho rằng lúc đó cha Gioan d’Albreu đã hành động theo lòng ngay, không chịu phục quyền vị Giám mục mà Tòa Tổng Giám mục của cha chưa có công nhận. Vì thế Đức Cha không thể cất chức nhiếp chính của cha ở Tòa Giám mục Malacca. Nhưng từ nay cha Gioan d’Albreu, theo lệnh của Đức Thánh Cha Clémentê X, phải phán định quyền mình trong khu vực thuộc quyền Quốc vương Bồ Đào Nha mà thôi. Còn về khu trại của người Bồ Đào Nha ở kinh đô Thái Lan, có thuộc khu vực của Quốc vương hay không, thì việc đó Đức Cha Antôn Brandao để Tòa Thánh quyết định.

Thái độ tuân phục của Đức Tổng Giám mục ở Goa, Antôn Brandao, trên đây đối với sắc lệnh của Đức Thánh Cha Clémentê X, không gửi qua Tòa Chưởng Ấn Lisbonna mà cũng không có sự ưng thuận của Quốc vương Bồ Đào Nha, đã mở cho các cha dòng một lối thoát giữa mệnh lệnh đòi hỏi phải tuân phục Bề Trên dòng và đe dọa của Quốc vương Bồ Đào Nha. Phó vương đe dọa sẽ trục xuất các cha để thay thế bằng các cha dòng khác nếu các cha tuân phục mệnh lệnh của Tòa Thánh mà tuân phục các Giám mục đại diện. Các cha dòng sẽ nói rằng theo lệnh truyền của Đức Tổng Giám mục ở Goa thì Thái Lan và xứ Nam không thuộc quyền Tòa Giám mục Malacca, cũng như xứ Bắc không thuộc quyền Tòa Giám mục Áo Môn, nhưng là thuộc quyền vị Giám mục đại diện Tòa Thánh. Tuân phục các Ngài ở những khu vực này, các cha dòng chỉ làm theo lệnh truyền của Đức Tổng Giám mục ở Goa.

Lúc ấy cha Valguarnera đã qua đời từ đầu năm 1677, cha Bề Trên kinh lược tỉnh dòng Nhật Bản là cha Fêlicianô Pacheco, ra lệnh cho các thừa sai dòng Tên phải tuân phục mệnh lệnh Tòa Thánh về việc nhận quyền các Giám mục đại diện, ai không chịu sẽ bị gọi về. Cha

Maldonat làm Bề Trên các cha dòng Tên ở Thái Lan, ngày 10-11-1667 đã viết thư về cha Bề Trên cả Phaolô d'Oliva là các cha ở Thái Lan đã thi hành lệnh của ngài, theo đường lối của Đức Tổng Giám mục ở Goa. Cha cũng cam đoan là ở xứ Bắc và xứ Nam, các thừa sai dòng Tên cũng thi hành lệnh đó, “để từ nay chấm dứt các lời phàn nàn khiển trách về các cha dòng của chúng ta.”²⁵⁰

Khi cha Maldonat dòng Tên viết thư về cha Bề Trên cả nói là thi hành lệnh của Bề Trên theo đường lối của Đức Tổng Giám mục ở Goa là có ý nói khu trại của Bồ Đào Nha đang khi chờ đợi quyết định của Tòa Thánh thì vẫn tạm thuộc quyền của Goa. Như thế cha Maldonat và cha Suarez cùng ở khu trại người Bồ Đào Nha với cha, cũng như mấy cha dòng Đaminh và các cha Augustino ở đây, vẫn tiếp tục hoạt động dưới quyền của Đức Tổng Giám mục ở Goa. Các Giám mục đại diện cũng không can thiệp vào công việc của các Ngài.

Nhưng ngày 21-03-1678, các Đức Hồng Y Bộ Truyền Giáo đã quyết định là khu trại của người Bồ Đào Nha ở Thái Lan cũng thuộc quyền vị Giám mục đại diện ở đây và không cho phép các Giám mục đại diện được trao quyền coi sóc khu vực ấy cho các Giám mục người Bồ Đào Nha ở vùng Đông Ấn²⁵¹, vì thế ngày 27-11-1678, các cha dòng Đaminh ở kinh đô Thái Lan, trong khu trại người Bồ Đào Nha, cũng trình giấy xin Giám mục đại diện ban quyền cho phép hoạt động ở Thái Lan.²⁵²

Ở địa phận Đàng Ngoài xứ Bắc Việt Nam thì hòa bình được văn hồi từ tháng 8-1677. Sau khi được lệnh của Bề Trên, ngày 25-08-1677, cha Feireira đã viết thư cho cha chính Phanxicô Deydier, tỏ bày sung sướng vì thấy chim câu hòa bình đã đến, báo hiệu chấm dứt những ngày mưa gió bão lụt của cuộc đại hồng thủy. Sau đó, cha Dominicô Fuciti cũng viết thư nhận quyền các Giám mục đại diện, nhắc lại những thư đã viết năm trước cho hai cha Deydier và de Bourges. Ngày 08-12, cha Fuciti cũng tuyên bố quyết định của Tòa Thánh và khuyên giáo dân tuân phục quyền của Tòa Thánh đã đặt, chấm dứt những tranh luận và mối bất hòa từ trước. Ít ngày sau, hai cha thừa sai dòng Tên đến thăm hai cha thừa sai Pháp ở Phố Hiến và dùng cơm chung với nhau. Trong thư gửi về Bộ Truyền Giáo ngày 01-12-1677, hai cha Deydier và de Bourges cũng đã báo tin về sự phục

quyền của các thừa sai dòng Tên ở xứ Bắc.²⁵³ Ở địa phận Đàng Trong thì vào cuối năm 1677, cha chính Courtaulin mới nhận được thư của Đức Tổng Giám mục Goa. Trong thư nói là xứ Nam không thuộc quyền Tòa Giám mục ở Malacca, mà theo lệnh Tòa Thánh, đặt dưới quyền các Giám mục đại diện. Cha Courtaulin liền thông báo bức thư này cho cha dòng Tên Candone. Trong thư ngày 17-01-1678, cha Candone đã công nhận quyền các Giám mục đại diện.²⁵⁴ Sau đó hai cha Candone và d'Acosta cũng viết thư về Bộ Truyền Giáo báo tin hành động phục quyền của hai cha và đã xin cha chính địa phận cho quyền hoạt động truyền giáo ở xứ Nam.²⁵⁵ Đồng thời cha chính Courtaulin cũng báo tin sự kiện cho các Đức Hồng Y trong thư ngày 12-03-1678.²⁵⁶

Nhìn thấy trật tự và hòa bình được văn hồi trong các khu vực truyền giáo mà Tòa Thánh đã trao cho các Giám mục đại diện, Đức Cha Lambertô de la Motte không khỏi sung sướng cảm tạ ơn Chúa.²⁵⁷ Sau 18 năm trời hoạt động tranh đấu, kể từ năm 1659, khi Tòa Thánh ủy thác các khu vực truyền giáo cho các Ngài, lúc này, các Ngài mới thu lượm được kết quả và thành công. Bản tường trình 1677 đã không quên đề cao sự thành công đó: “Quyền hành các Giám mục đã được công nhận trong hầu hết các khu vực truyền giáo của các Ngài. Có những thừa sai các dòng khác nhau đến cộng tác với các Ngài. Các vua chúa lương dân trọng kính và nâng đỡ các Ngài, còn dân chúng thì kéo nhau từng đoàn đến nghe giảng đạo và trở lại. Các ngài đã đặt nền móng đầu tiên cho việc thành lập hàng giáo phẩm ở các nơi ấy, bằng cách thành lập hàng Giáo sĩ, chọn những người bản xứ của chính những nơi lương dân ấy.”²⁵⁸

Chương XIII
Các Cha Dòng Đaminh Tới Xứ Bắc, Tình
Hình Hai Địa Phận Đàng Ngoài và Đàng
Trong (1676-1680)

I. Các Cha Dòng Đaminh Tới Xứ Bắc (1676-1680)

Trên đây chúng ta đã thấy, khi nghĩ đến nhu cầu của các khu vực truyền giáo thiếu các thừa sai, các Giám mục đại diện Tòa Thánh không những đã lo thành lập hàng Giáo sĩ bản quốc mà còn lo kêu gọi các dòng có thể gọi thừa sai đến cộng tác với các Ngài. Sau cuộc công cán ở Rôma (1667-1669) trở về kinh đô Thái Lan vào năm 1673, Đức Cha Phanxicô Pallu đã bàn tính với Đức Cha Lambertô de la Motte viết thư về Pháp, yêu cầu tu hội Xuân Bích, tuyển chọn cho các Ngài những ơn gọi truyền giáo mà các cha có thể gặp trong các đại chủng viện do các cha điều khiển. Hai Đức Cha cũng nghĩ đến việc kêu gọi sự cộng tác của các thừa sai Tây Ban Nha, dòng thánh Đaminh và dòng thánh Phanxicô ở Manila, Phi Luật Tân. Các ngài đã sai cha Gabien Bouchard đi công cán vấn đề này và các cha dòng đều hứa sẵn sàng cộng tác. Các cha dòng Phanxicô đã sai ngay cha Luigi tước Mẹ Thiên Chúa đến kinh đô Thái Lan dạy Trường Chung giúp cha Langlois.²⁵⁹ Còn các cha dòng Đaminh thì năm 1676, sai hai cha người Tây Ban Nha Gioan d'Arjona và Gioan de Santa Cruz đến xứ Bắc giúp hai cha Phanxicô Deydier và Giacôbê de Bourges.

I. Các cha dòng Đaminh tới xứ Bắc (1676-1680)

Vào năm 1676, khi hai cha dòng Đaminh người Tây Ban Nha tới xứ Bắc địa phận Đàng Ngoài, thì vấn đề quyền bính của các Giám mục đại diện đối với các cha dòng Tên thuộc Áo Môn của người Bồ Đào Nha vẫn chưa được giải quyết. Tính cách chia rẽ trong giáo đoàn vẫn kéo dài. Thấy các cha dòng Đaminh Tây Ban Nha đến, các cha dòng Tên Bồ Đào Nha cho rằng các thừa sai Pháp muốn kéo thêm vây cánh để rồi dần dần tìm cách đẩy các Ngài ra ngoài giáo đoàn, thay thế bằng các cha dòng Đaminh. Cha Feireira, Bề Trên các cha dòng Tên ở địa phận Đàng Ngoài lúc đó, đã tuyên bố với hai cha Thừa sai Pháp là mình có thể gọi từ Áo Môn qua xứ Bắc một số đông các cha thừa sai dòng Tên tùy theo nhu cầu đòi hỏi. Vấn đề tranh dành giữa các thừa sai Pháp và thừa sai dòng Tên càng trở nên quyết liệt. Nhất là nó còn được thúc đẩy do sự đố kỵ và ganh hơn

thua thiệt giữa người Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, cũng như sự bảo vệ quyền lợi khu vực bảo trợ của mỗi quốc gia, không muốn cho thừa sai nước khác tới.

Nhưng thực ra, hai cha Đaminh Gioan Arjoua và Gioan de Santa Cruz không có ý đến xứ Bắc để củng cố thêm lực lượng cho hai cha Deydier và Giacôbê de Bourges, như cha dòng Tên Feireira đã lo ngại. Bỏ Phi Luật Tân ra đi, các Ngài có ngờ đâu là khi vừa tới xứ Bắc đã gặp nhiều khó khăn. Chẳng thế, khi lên đường, cha Bê Trê dòng đã trao cho hai cha một số tiền khá lớn, một nửa để lập một tu viện ở xứ Bắc, còn một nửa để làm lộ phí và tiêu pha trong thời kỳ sống ở địa sở truyền giáo.²⁶⁰

Quen sống trong khu vực được tự do truyền đạo và giữ đạo, lại còn được kính trọng và nâng đỡ, các cha dòng Đaminh rất lấy làm khổ sở và lo lắng khi vào xứ Bắc gặp cảnh bách hại: đi đâu cũng phải lén lút, luôn luôn lo sợ bị tố giác, với cảnh tù tội bị đe dọa. Hơn nữa, đời sống khắc khổ và thấp kém của giáo dân cũng như các thường dân khác, cách sống thiếu thốn của các thừa sai cũng làm các cha lo ngại. Nhưng tất cả những hy sinh đời sống truyền giáo đó, các cha dòng Đaminh có thể sẵn sàng lãnh nhận. Một phần nào, các cha đã nghĩ đến, khi nhận sứ mệnh đến truyền giáo cho một khu vực dưới quyền các vua chúa lương dân, dĩ nhiên không thể nào được tự do như khu vực bảo trợ của người Tây Ban Nha hoặc Bồ Đào Nha, Phi Luật Tân hoặc Áo Môn.

Điều làm cho các cha bối rối hơn cả có lẽ là vấn đề phải hoạt động truyền giáo dưới quyền các Giám mục đại diện Tòa Thánh. Cũng như các cha dòng Tên trước đây, các cha dòng Đaminh vẫn quen sống độc lập và tự do trong công cuộc tổ chức cũng như chỉ huy việc truyền giáo của mình dưới quyền Bê Trê dòng đã chỉ định và đặt đứng đầu trong địa sở truyền giáo của riêng các cha. Tới xứ Bắc, lần đầu tiên các cha phải chạm trán với tổ chức mới của Bộ Truyền Giáo, muốn lấy lại quyền chỉ huy các khu vực truyền giáo về cho Tòa Thánh. Như các cha dòng Tên, các cha Đaminh cũng không muốn nhận tổ chức mới này và vẫn muốn tiếp tục tự do hoạt động truyền giáo theo đường lối của dòng mình và chỉ dưới quyền chỉ huy của Bê Trê dòng mình thôi. Các cha cũng được chứng kiến sự

tranh chấp về quyền bính giữa các cha dòng Tên và các thừa sai Pháp đồng thời tình cảnh chia rẽ do đó đã gây ra trong giáo đoàn. Tất cả những rắc rối bên trong cũng như khó khăn bên ngoài, đã làm cho các cha dòng Đaminh vừa mới tới xứ Bắc đã thấy nản chí, muốn trở về ngay theo tàu buôn đã đưa các Ngài tới.

Vì thiếu thừa sai, nên hai cha chính Phanxicô Deydier và cha Giacôbê de Bourges hết sức van nài hai cha ở lại hoạt động truyền giáo. Các cha dòng Đaminh bằng lòng đáp lại lời kêu gọi của hai thừa sai Pháp với điều kiện các cha phải công nhận những đặc ân của dòng Đaminh ở khu vực truyền giáo. Cha Giacôbê de Bourges trong bản ký sự của địa sở đã viết: “Các cha ấy yêu cầu chúng tôi hết đặc ân miễn trừ này đến đặc ân miễn trừ khác, thành ra đến cuối cùng, nếu cho các Ngài được tất cả thì nghĩa là chúng tôi cho phép các Ngài công nhận các Giám mục đại diện chỉ là một hư vị mà thôi và đoán sắc “Những nhà thám hiểm” (Speculatores) của Đức Thánh Cha Clémentê IX như thế đối với các Ngài kể như không có ban hành.”²⁶¹

Đối với những đòi hỏi quá đáng của các cha Đaminh, các cha Phanxicô Deydier và cha Giacôbê de Bourges bằng lòng cho các Ngài, nhưng với điều kiện là nếu được các Giám mục đại diện ưng chuẩn. Tuy với tất cả những ưu đãi đặc biệt ấy hai cha thừa sai Pháp không bao giờ dùng để xử đãi với cha dòng Tên, dầu thế hai cha Đaminh chỉ nhận ở lại một cách miễn cưỡng. Năm sau, cha Gioan Arjona, Bề Trên, nhân có chuyến tàu người Anh bỏ xứ Bắc đi Bantam, liền theo tàu bỏ xứ Bắc với hy vọng có thể đáp tàu từ Bantam đi Phi Luật Tân. Không gặp tàu, cha Gioan Arjona đành qua Thái Lan trú và gặp Đức Cha Luigi Laneau ở thủ đô Thái Lan.

Ở lại xứ Bắc duy có một mình cha Gioan de Santa Cruz. Năm sau 1678 thêm cha Dionision Morales. Nhưng rồi đầu năm 1679, cả hai cũng rời xứ Bắc lấy tàu qua Thái Lan để trở về Manila. Hai cha Gioan de Santa Cruz và Dionision Morales đã gặp lại cha Gioan Arjona ở kinh đô Thái Lan. Được nhiều đặc ân mà các cha đã đòi hỏi thêm, cũng như những miễn trừ mà các cha đã yêu cầu hai cha chính Deydier và Bourges ở xứ Bắc: tất cả đều được Đức Cha Luigi Laneau chấp nhận và phê chuẩn, cả ba cha mới trở lại xứ Bắc vào

tháng 8 năm 1679.

Theo thư ngày 12-12-1679, hai cha Deydier và Bourges gửi cho cha Gazil trong Ban Giám Đốc Chung viện truyền giáo ở Paris, thì hai ngài trao cho ba cha coi sóc riêng một khu vực hơn 1 trấn: lúc đó là các xứ Tung Linh, Giao Thủy, Nam Trực, Trực Ninh, Thanh Quang và Vũ Tiến thuộc trấn Sơn Nam. Nhưng sau 15 tháng hoạt động ở xứ Bắc thấy tình trạng cấm cách khó khăn, cả ba cha lại quyết định đáp tàu về Phi Luật Tân. Hai cha Deydier và Bourges cố tìm cách giữ cả ba cha lại nhưng vô hiệu quả.

Thấy việc yêu cầu người Anh và người Hòa Lan nhường một chỗ trên tàu của họ gặp nhiều khó khăn, nhưng lúc ấy có tàu người Pháp đến, hai cha thưa sai yêu cầu họ dành cho các cha dòng Đaminh chỗ trên tàu để về Bantam rồi từ đấy kiếm tàu về Phi Luật Tân. Trước khi các cha Đaminh lên đường, hai cha chính viết thư mời ba cha dòng đến gặp các Ngài ở Phố Hiến. Hai cha Gioan Arjona và Dionision Morales đến nhưng chẳng may các Ngài gặp phải chuyện phiền phức:

Nguyên vị Tổng trấn Sơn Nam mới ra lệnh cho các đề lại cho người do thám các thừa sai Pháp ở Phố Hiến, nếu bắt được giáo dân hội họp ở nhà các Ngài thì sẽ được thưởng, lệnh mới ban hành nên cha Deydier và Bourges không biết để kịp báo cho các cha Đaminh đề phòng. Hôm ấy, vào lúc trời tối, các cha Đaminh cập thuyền bên nhà các thừa sai để lên gặp các Ngài. Đội tuần thám của các đề lại thấy có thuyền cập bến bên nhà các thừa sai Pháp liền phi báo cho các đề lại biết để đến khám xét. Đến khám thuyền hai cha Đaminh, các ông bắt được một kiện sách và nhiều đồ lễ đựng bên trong. Được tin báo dưới thuyền bị khám xét: trên nhà, các thừa sai Pháp vội dấu đồ lễ, nên sau đó khi lên khám nhà, các đề lại không bắt được chi cả. Họ bắt những người chèo thuyền, mấy chú nhỏ và mấy thầy giảng điệu về tra tấn lấy cung. Mấy chú nhỏ vì sợ cực hình nên cung khai tất cả. Khi quan trấn về, ông truyền bắt giao hai cha dòng Đaminh và giải lên kinh cùng với 10 người bị bắt: các chú, các bố, các thầy. Chúa Trịnh giao việc cho các quan ở phủ Chúa xét xử rồi truyền giải về trấn để chờ án.

Các quan trong phủ Chúa Trịnh lúc đó bận nhiều công việc nên trì hoãn chưa xét ngay. Trong khi đó quan Trấn Sơn Nam thì được lệnh

đổi về trong coi vùng Bồ Chánh. Muốn chóng xong công việc, ông xin Chúa Trịnh ra án trực xuất hai cha và phạt trượng các tù nhân khác. Nhà Chúa y án: quan trấn giao cho tàu Hòa Lan đưa các cha trở về Batavia và dọa nếu để hai cha trở lại sẽ bị phạt. Hai cha Gioan Arjona và Dionision Morales, khi về tới Batavia thì lại bị người Hòa Lan đưa về quê hương của họ. Như thế ở lại xứ Bắc còn một mình cha Gioan de Santa Cruz, cha ở xứ Cổ Liên cùng với cha già Mattinô Mát.

2. Vấn đề cộng tác giữa các thừa sai Pháp và các cha dòng Tên (1678-1679)

Trong chương trên đây, chúng ta đã thấy vấn đề công nhận quyền bính của các Giám mục đại diện đã được giải quyết, hòa bình và trật tự đã được văn hồi ở địa phận Đàng Ngoài: tháng 8 năm 1677, cha Feireira đã viết thư cho cha chính Deydier tỏ ý nhận quyền của các Giám mục.

Đây là vấn đề trên nguyên tắc, đi vào thực hành còn nhiều gai góc, khó khăn phải tiếp tục san bằng. Nếu đối với các thừa sai dòng Đaminh, các thừa sai Pháp dễ dãi và nhân nhượng bao nhiêu, thì đối với các thừa sai dòng Tên, các Ngài tỏ vẻ cứng rắn và khó khăn bấy nhiêu.

Theo đường lối đã ấn định trong công đồng I địa phận Đàng Ngoài, các cha Phanxicô Deydier và Giacôbê de Bourges muốn dành một khu vực riêng trong địa phận cho các cha dòng Tên. Tất cả các xứ họ trong khu vực sẽ thuộc quyền các cha, các thầy giảng của các cha cũng sẽ đưa về khu vực đó để hoạt động giúp các cha, các linh mục Việt Nam trong khu vực đó cũng sẽ được đổi đi nơi khác, để dành riêng cho một mình các cha. Các cha được hoàn toàn tự do hoạt động trong khu vực của mình, dưới quyền kiểm soát của Giám mục địa phận hoặc các cha chính của ngài. Các vị thật ra cũng chỉ can thiệp trong những trường hợp đặc biệt thôi.

Đối với các cha Đaminh, hai cha Phanxicô Deydier và Giacôbê de Bourges cũng theo đường lối chia khu vực trên đây. Theo thư gửi cho cha Gazil trong Ban Giám Đốc Chung viện truyền giáo Paris thì các Ngài đã trao cho ba cha dòng Đaminh coi sóc riêng khu vực rộng hơn 1 trấn.

Tuy nhiên các cha dòng Tên không muốn chịu theo đường lối phân chia khu vực riêng như thế. Khi bằng lòng nhận quyền coi sóc trong địa phận của các Giám mục đại diện Tòa Thánh và bằng lòng nhận cộng tác với thừa sai Pháp. Do các Giám mục đặt làm cha chính địa phận, các cha dòng Tên hiểu là mình sẽ vẫn tiếp tục trông coi các xứ họ rải rác trong khắp các trấn trong địa phận. Giáo dân các xứ họ ấy là những người, từ sau khi các thừa sai Pháp đến, vẫn trung thành với các cha dòng và chỉ nhận quyền của các cha cũng như các thầy giảng của các cha. Các cha dòng Tên không muốn bỏ họ, cũng như không muốn trao các xứ họ đó cho các linh mục địa phương hay các thừa sai Pháp. Trái lại các linh mục địa phương và các thừa sai Pháp thì sẵn sàng trao các xứ họ của mình đang coi sóc cho các cha dòng Tên, cũng như trước đây đã trao phó các xứ họ của các Ngài cho các cha Đaminh. Các cha dòng Tên từ chối, viện lẽ rằng, “Các giáo dân ở các xứ họ của các cha chỉ tin tưởng vào mình các cha mà thôi”.

Các thừa sai Pháp thì không muốn nhận chủ trương để các cha dòng Tên tiếp tục trông coi các xứ họ của các cha rải rác trong khắp địa phận. Các ngài cho rằng như thế là tiếp tục nuôi sống tình trạng chia rẽ trong địa phận. Giáo dân của các cha sẽ không bao giờ chịu nhận quyền Giám mục địa phận cũng như các cha chính và các linh mục bản quốc. Vì vậy, cái cảnh xứ họ trong một xứ họ vẫn tiếp tục. Và cũng trong một xứ, mà một số họ đạo thì theo các cha dòng Tên, còn một số khác thì thuộc quyền linh mục địa phương. Tình trạng phân chia đó không thể tồn tại mãi được.

Trong bốn ngày đêm liên tiếp, hai cha dòng Tên Feireira, Fuciti tranh luận với hai cha chính, cha Phanxicô Deydier và Giacôbê de Bourges về vấn đề phân chia khu vực mà không đi đến một giải quyết thỏa đáng nào hầu làm vừa lòng được các thừa sai dòng Tên. Cuộc bàn cãi càng kéo dài càng thêm căng thẳng, cũng như những câu đối đáp càng trở nên chua cay. Cuối cùng hai cha Feireira và Fuciti tạm chịu nhận trông coi riêng biệt một khu vực, tức là trấn Đông, miền Hải Dương, cũng như các cha dòng Đaminh đã nhận riêng một trấn Nam, miền Sơn Nam.

Theo thư hai cha chính gửi về Bộ Truyền Giáo, giáo xứ họ trong trấn này là những xứ họ ngoan đạo và có thể coi là một trong những

khu vực mà sự đạo được thịnh vượng hơn cả.²⁶² Tuy thế, các cha đồng thời còn đòi hỏi là vẫn được tiếp tục trông coi các xứ họ vẫn thuộc quyền mình.

Các cha chính cho rằng đòi hỏi thứ hai này không thực tế, vì nguyên một mình hai cha trông coi các xứ họ ở trấn Hải Dương vừa đông vừa ngoan đạo đã là một việc mệt nhọc không thể làm hết. Làm sao các cha vừa có giờ mà đi thăm, cũng như trông coi săn sóc chừng 130 nhà thờ xứ và cũng chừng bấy nhiêu nhà nguyện các họ đạo nhỏ ở trấn Hải Dương đã trao cho các cha, đồng thời lại có giờ đi thăm các xứ họ khác rải rác trong khắp địa phận, có những nơi xa khu vực các cha từ 150 đến 200 dặm với những phương tiện di chuyển thô sơ hiện có ở xứ Bắc bấy giờ. Hơn nữa, trước đây ngay các xứ họ cũ của các cha, các cha cũng không kiêm nhiệm hết. Nhiều xứ họ lâu năm không được các cha thăm viếng, lòng đạo biếng trễ, nhiều người chết không được gặp các cha và họ cũng không chịu xin gặp các linh mục Việt Nam, dù ở gần chỗ các Ngài. Nhưng hai cha Feireira và Fuciti có lẽ cho rằng, một khi tình hình ở Áo Môn được khả quan hơn, thì các cha sẽ có nhiều thừa sai khác đến cộng tác và như thế vấn đề trông coi các xứ họ rải rác không đáng ngại.

Theo hai cha chính thừa sai Pháp thì điều mà hai cha dòng Tên thắc mắc và đặt vấn đề hơn cả là số phận các nhà thờ, nhà nguyện, nhà xứ mà các cha đã lo xây cất. Một khi trao các xứ họ đó cho các Linh mục Việt Nam trông coi thì các Ngài được hưởng thụ nhưng không hay sao? Theo cha Feireira thì hành động đó sẽ bị tức khắc phạt vạ rút phép thông công.

Theo thư hai cha chính gửi Bộ Truyền Giáo thì thật ra một phần lớn các nhà xứ, trong các xứ họ của các cha dòng Tên, chỉ là những căn nhà lá xơ xài. Nhiều cái đã xiêu vẹo đổ nát. Chỗ tạm trú cho các cha, khi đến thăm các xứ họ một ít ngày, phần lớn cũng không do các cha dòng bỏ tiền xây cất, mà do giáo dân góp công góp của, hoặc do một gia đình giàu có, dư nhà cửa dâng cúng làm chỗ trú ngụ cho các cha. Để giải quyết vấn đề, các cha thừa sai Pháp bằng lòng để các cha dòng Tên đứng bán các căn nhà đó.

Hai cha thừa sai Pháp và hai cha thừa sai dòng Tên tranh luận

suốt đêm để giải quyết vấn đề đó, nhưng vẫn không đi đến kết quả nào. Mất bình tĩnh và nhẫn nại, cha dòng Tên Feireira tuyên bố nại đến quyền phân xử của Đức Cha Phanxicô Pallu, Giám mục đại diện ở địa phận Đàng Ngoài. Cuộc bàn cãi chấm dứt và bỏ câu ngậm càn Oliva về báo hiệu những ngày trật tự, hòa bình mà cha Feireira đã nói đến trong thư gởi cho hai thừa sai Pháp khi chịu nhận quyền các Giám mục đại diện, đã vỗ cánh bay đi.

Căn cứ vào thái độ trên đây của cha Feireira, hai cha chính cha Phanxicô Deydier và Giacôbê de Bourges nghi ngờ cha này không thực tâm công nhận đoàn sắc “Tòa Thánh Rôma” (Decet Romanum) về quyền bính của Giám mục đại diện Tòa Thánh trong khu vực truyền giáo. Các ngài kết tội cha Feireira là cố tình tiếp tục gây chia rẽ trong giáo đoàn và vội viết thư về Bộ Truyền Giáo tố cáo thái độ của cha Feireira.²⁶³

Có lẽ hai thừa sai Pháp không nghĩ rằng: nguyên việc cha Feireira kêu gọi đến quyền phân xử của Đức Cha Phanxicô Pallu, Giám mục đại diện Tòa Thánh ở địa phận Đàng Ngoài, đã đủ là một bằng chứng cha Feireira có công nhận quyền của Giám mục địa phận. Lẽ dĩ nhiên, việc nại đến quyền phân xử của Giám mục địa phận không làm các cha chính hài lòng. Dầu sao hai cha thừa sai Pháp cũng cho rằng mình đầy đủ bằng chứng để kết án sự thiếu thực tâm công nhận sắc lệnh của Tòa Thánh của các cha dòng Tên: tuy trên giấy tờ các cha dòng công nhận, nhưng trong thực tế không được minh chứng bằng hành động, các cha dòng không chịu công khai tuyên bố sắc lệnh của Tòa Thánh trong các nhà thờ của các cha. Các ngài cũng không chịu thông báo cho các thầy giảng biết quyết định của sắc lệnh Tòa Thánh.

Trong số 90 thầy giảng của các cha chỉ có chừng 15 thầy đến trình diện với các cha chính địa phận. Nhiều thầy giảng của các cha dòng có dịp đến kinh đô và qua Phố Hiến mà cũng không đến với các Ngài, như trường hợp thầy Simon Khỏe. Một thầy tên Inhaxiô giúp việc cho các cha dòng đã đến nhà các cha chính nói thầm lên rằng: các cha dòng Đaminh không phải là những Chúa chiên đích thực, vừa thấy sói rừng đến đã vội bỏ trốn: các cha này sợ những cuộc bách hại nên không dám ở lại với đoàn chiên.²⁶⁴

Có lẽ câu chuyện sẽ được dàn xếp êm thấm, nếu hai cha thừa sai Pháp biết nhân nhượng nhiều hơn đối với các cha dòng Tên là những người đến trước và có công nhiều hơn, như đã nhân nhượng với các cha dòng Đaminh chỉ là những người đến sau, chưa có công xây dựng gì cho giáo đoàn lúc đầu. Đồng thời các cha dòng Tên cũng cần biết dẹp tự ái lại một phần: không nên đòi hỏi quá nhiều những đặc ân cũng như quyền hành trong giáo đoàn, nhất là đối với những xứ họ xa xôi mà, trên thực tế, các cha không thể đến thăm thường xuyên được... Những xứ họ đó cần phải trao cho các linh mục Việt Nam, cũng như các Ngài đã sẵn sàng giao xứ họ của các Ngài cho các cha dòng.

Nhưng ở địa phận Đàng Ngoài lúc đó, thời kỳ 1679, sau 10 năm tranh giành chia rẽ giữa các cha dòng, các cha triều, cả đôi bên không còn đủ nhẫn nại, bình tĩnh nhân nhượng nhau để dàn xếp cho ổn thỏa. Cuối năm 1679, hai thừa sai Pháp đã gửi một bức thư khá dài với lời lẽ khá chua cay cứng rắn cho cha Feireira: ngoài việc khiển trách các cha dòng không chịu thông báo sắc lệnh Tòa Thánh cho các thầy giảng, cũng không ra lệnh cho các thầy đến trình diện với các cha chính, bày tỏ lòng công nhận quyền Giám mục địa phận, hai thừa sai Pháp còn phàn nàn vì nhiều nơi, giáo dân của các cha dòng vẫn ngoan cố không muốn chịu các phép bí tích do các linh mục Việt Nam: nhiều người chết mà không chịu gọi đến các Ngài. Hai cha cũng yêu cầu các cha dòng Tên nộp sổ kê khai danh sách các thầy giảng và ra lệnh cho các thầy đến trình diện. Đàng khác các thầy giảng có lỗi như thầy Simon Khỏe, các cha sẽ bắt họ phải đến cáo lỗi với các cha chính và xin lỗi các Ngài. Hai thừa sai Pháp cũng ra nhiều điều khoản yêu cầu các cha dòng phải tuân hành và bắt các thầy giảng cũng như giáo dân dưới quyền các Ngài phải thi hành.²⁶⁵

Được thư, các cha dòng Tên Feireira chỉ trả lời một cách vắn vỏi và không kém phần diễu cợt. Cha Feireira viết: mùa Sinh nhật sắp tới, công việc mục vụ bận bịu ngài không có giờ để viết dài dòng như các thừa sai Pháp. Do đó cũng như xưa, bảng Iliade được ghi trọn trên vỏ trái hạt dẻ, ngày nay thư trả lời của Ngài cũng chỉ gồm vồn vẹn trong tờ giấy nhỏ. Theo lời yêu cầu của hai cha chính, ngài bằng lòng ghi tên bảy trụ sở của dòng Tên ở địa phận Đàng Ngoài, còn

các vấn đề khác, đang khi chờ đợi sự phân xử của Giám mục đại diện, theo nguyên tắc của luật pháp, cứ để nguyên như trước.

Thế là tình trạng bất hòa giữa các cha dòng Tên và các thừa sai Pháp, sau một thời gian được hàn gắn, nay lại tan vỡ và kéo dài thêm. Đau lòng hơn nữa là bên cạnh cuộc xâu xé bên trong ấy, lại kèm theo cuộc bách hại bên ngoài do các vua chúa gây ra. Cả hai bên giáo dân cũng như thừa sai và các thầy giảng, đều bị thử thách liên tiếp: luôn phải sống lén lút lẫn tránh lúc nào cũng nơm nớp lo bị bắt giam, tù tội.

II. Tình Hình Địa Phận Đàng Ngoài Và Đàng Trong (1676-1680)

1. Tình hình địa phận Đàng Ngoài

Sau một thời kỳ tạm yên từ năm 1672, năm 1676 cuộc bách hại lại bắt đầu nổi lên. Năm 1672 sự đạo được khá tự do là vì Chúa Trịnh đem quân đánh Chúa Nguyễn ở trong Nam, quan trấn tỉnh Nam, viên đạo phủ chuyên bách hại đạo, phải theo Chúa Trịnh. Vị tổng trấn thay thế là người có thiện tình với đạo, cha Phanxicô Deydier được thoát cảnh tù tội trở về Phố Hiến. Các cha được gặp gỡ giáo dân dễ dàng. Các ngài cũng tổ chức cuộc tĩnh tâm cho các linh mục Việt Nam, cho các thầy giảng cũng như cho các chị dòng Mến Thánh Giá. Sau đó, khi Chúa Trịnh trở về, quan trấn tỉnh Nam, đến thay thế cho vị phò mã của nhà Chúa, tuy tính tình nghiêm ngặt, nhưng với sự dè dặt giữ gìn, các cha vẫn tiếp tục tự do truyền đạo, cũng như giáo dân được tự do hành đạo.

Nhưng từ năm 1675, xứ Bắc có nhiều biến loạn kèm thêm những cảnh giặc cướp, tuy không có vụ nào lớn nhưng chính quyền cũng vất vả canh phòng, đánh dẹp. Trịnh Tạc ra lệnh cấm ngặt các cuộc hội họp đông người với mục đích ngăn ngừa việc thành lập đảng phái chống đối triều đình. Đang khi ấy, Mạc Kính Hoàn, con cháu cuối cùng của họ Mạc, cũng lợi dụng tình thế nổi lên chống họ Trịnh. Sau cuộc đại bại, phải chạy qua trú ẩn bên Tàu, Mạc Kính Hoàn, nhờ nhà Minh can thiệp, lại trở về giữ đất Cao Bằng năm 1669, củng cố được lực lượng, lúc này Mạc Kính Hoàn lại tính chuyện chống đối. Trịnh Tạc tốn nhiều công phu mới lại đuổi được Mạc Kính Hoàn khỏi đất Cao Bằng. Năm 1677, Kính Hoàn phải chạy qua biên giới ẩn náu tại Nam Ninh, một châu quận thuộc tỉnh Quảng Tây. Và từ đấy tuyệt tích nhà Mạc.

Lợi dụng sắc chỉ cấm hội họp của nhà Chúa, các quan ghét đạo tìm cách làm khó dễ người công giáo. Cuộc bách hại tái diễn vào tháng 2-1676. Một quan có thể giá trong phủ đã cho lính bắt một thầy giảng. Hai cha chính Phanxicô Deydier và Giacôbê de Bourges được tin, liền cho giải tán các thầy và các chủng sinh mà hai cha đang huấn luyện ở Phố Hiến. Đồng thời báo cho giáo dân để ý ngưng các

cuộc đến gặp gỡ hai cha. Ở kinh đô vào dịp Tuần Thánh, biết rằng thế nào giáo hữu cũng đến gặp các cha để xưng tội rước lễ, một tên giáo gian tham tiền đi tố cáo với các quan trên và chỉ dẫn những nơi giáo dân hay tụ họp. Một số chừng 60 giáo dân bị bắt giam: tất cả đều can đảm xưng đạo.

Các quan ghét đạo tố cáo họ là những người hội họp để mưu đồ phản loạn ở chính kinh đô. Họ yêu cầu Chúa Trịnh ra án trăm quyết một số người. Chúa Trịnh ra lệnh giải các tù nhân đến cho chính nhà Chúa xét xử. Nhận thấy họ chỉ là những giáo dân mộ đạo, hội họp để cầu kinh trong dịp lễ, các quan khác xin nhà Chúa nên theo sắc chỉ cấm đạo trước đây mà gia hình, tức là chỉ phạt đánh mỗi người 80 trượng thôi vì đối với những giáo dân ấy, chưa có sắc chỉ nào cấm hành đạo với hình phạt trăm quyết cả.

Sau hơn 40 ngày giam giữ, nhà Chúa kết án những người bị bắt: vì trong nhà có chứa những người đến hội họp phải phạt vạ 15 quan tiền, các giáo dân khác: đàn ông từ 15 đến 70 tuổi bị phạt 50 trượng, đàn bà 30 trượng, con trai và lão ông nộp phạt 9 quan, thiếu nữ và lão bà nộp 6 quan. Các sách đạo, đồ thờ, ảnh tượng phải thiêu hủy tất cả. Nhờ sự nâng đỡ của cụ bà Ursula, một phần lớn tiền phạt đều được bà trả thay. Còn hình phạt trượng thì nhờ có vị tổng trấn kinh thành có cảm tình với đạo, nhận thấy các giáo dân bị bắt có đức tin vững mạnh cùng với tâm hồn đơn sơ tốt lành nên ông rất thương họ. Ông ra lệnh cho lính “đem họ ra ngoài thành, đến một khu vực vắng vẻ ít người qua lại đánh họ rất nhẹ. Đúng là một trò chơi chứ không phải là hình phạt: các lý hình không đánh vào người họ nằm dài dưới đất, mà đánh vào khoảng đất bên người họ...”

Như thế tuy bị một số các quan ghét đạo tìm cách bách hại, nhưng sự đạo vẫn được nhiều vị có quyền thế và thịnh tình nâng đỡ che chở. Dầu sao, các thừa sai cũng như các linh mục Việt Nam vẫn luôn luôn đề phòng và cẩn thận giữ gìn. Nhất là lúc đó lại gặp những cuộc loạn lạc giặc giã nổi lên, Chúa Trịnh trở nên khó tính, dễ bị những quan ghét đạo xúi xiểm đâm nghi ngờ người Công giáo. Đàng khác, riêng với hai thừa sai Pháp, tuy vẫn hoạt động truyền giáo dưới bộ áo lái buôn nhưng vẫn không che nổi mắt các nhân viên triều phủ. Trở về kinh đô năm 1673 sau cuộc đại chiến với Chúa Nguyễn xứ Nam, trong buổi tiếp tân các ngoại kiều đến chúc mừng, nhờ nghe

biết thế lực nhà vua Pháp bên Tây Phương, Chúa Trịnh tỏ vẻ kính nể hai cha với hy vọng tàu buôn Pháp sẽ đến buôn bán với xứ Bắc đem súng ống đạn dược bán cho nhà Chúa. Năm 1674, nghe tin Đức Cha Phanxicô Pallu đã trở lại kinh đô Thái Lan, sau cuộc công cán ở Rôma, hai cha hy vọng tàu Pháp sẽ đưa ngài đến kinh lý địa phận của ngài. Nhưng không may gặp bão táp và ngược gió tàu bị dạt vào khu vực Phi Luật Tân và Đức Cha cũng bị giữ lại đấy năm 1675.

Chờ đợi lâu năm, nghĩa là từ khi Đức Cha Lambertô de la Motte đến kinh lý địa phận Đàng Ngoài năm 1670, không thấy tàu buôn Pháp trở lại mang súng ống bán cho xứ Bắc, Chúa Trịnh tỏ ý sốt ruột. Năm 1676, vị quan trông coi các ngoại kiều đã cho gọi hai cha Phanxicô Deydier và Giacôbê de Bourges đến gặp: ông trách hai cha đã thu tiền dân xứ Bắc để cất nhà thờ và không chịu tuân lệnh nhà Chúa vẫn tiếp tục hội họp giáo dân. Tuy nhiên, cuối cùng ông cũng không quên nhắc khéo hai cha là đã lâu không có tàu buôn Pháp đến xứ Bắc, cũng như hai cha không có lễ vật cống hiến cho nhà Chúa như thói quen của các ngoại kiều. Năm 1677, nhân có chuyến tàu Anh bỏ xứ Bắc về Thái Lan, hai cha đã xin phép cho hai thầy Philippô và Đominicô Hảo qua Thái Lan để lấy lễ vật về cống hiến cho nhà Chúa. Nhưng thực ra mục đích chính là để Đức Cha Lambertô de la Motte truyền chức cho hai thầy. Dầu sao hai cha cũng nhận thấy là số phận riêng của hai Cha và do đó cũng liên quan đến sự tự do truyền đạo của các linh mục, cũng như sự tự do giữ đạo của giáo dân, một phần nào còn lụy thuộc vào vấn đề buôn bán giữa nước Pháp và nhà Chúa xứ Bắc. Vì thế các cha tiếp tục gửi thư về Pháp. Nhưng không may chiến tranh giữa nước Pháp và Hòa Lan đã làm ngưng trệ tất cả.

Theo thư cha Giacôbê de Bourges viết về các cha trong Ban giám đốc Chung viện truyền giáo năm 1679, ngày 12 tháng Chạp,²⁶⁶ thì năm 1677, Trịnh Tạc lại ra sắc lệnh chỉ dụ cấm đạo trước đây. Ở các nơi, các linh mục Việt Nam và giáo dân bị phiền nhiễu liên tiếp. Nhất là ở các nơi như vùng Nghệ An hạ, chỗ cha già Mattinô Mát; Nghệ An thượng, chỗ cha Simêon Kiên; vùng Sơn Nam hạ, chỗ cha Vitô Tự; vùng Hải Dương, chỗ cha Lêon Trụ, các cha luôn bị theo dõi, phải trốn tránh vất vả trong suốt năm 1677 và 1678. Cha Giacôbê de

Bourges cũng kể: ngày 16-05-1679, cha già Mattinô Mát đang giải tội trong một nhà thờ ở Phú Kiên, một bọn chừng 10 tên lén đến cướp các đồ trên bàn thờ: chén lễ, áo lễ, khăn bàn... và định bắt cả cha Mattinô Mát, nhưng nhờ đêm tối cha được hai thanh niên bảo vệ và trốn thoát. Ông trùm vì quá nóng nảy đem chuyện trình lên quan trấn: ông làm đơn thưa là nhân trong gia đình có lễ giỗ nên mượn ít đồ thờ về để làm lễ nhưng đã bị mấy người lương ghen ghét đến cướp. Quan trấn cho lính theo về để bắt trả lại. Mấy người bên lương biết chuyện đã vỡ lở và đã trình lên quan trấn nên lo sợ chạy lên kinh. Gặp một viên đội trưởng quen biết, họ liền trao đồ thờ đã lấy được cho ông. Dưới thời Chúa Trịnh, các ưu binh tức là lính túc vệ ở kinh thành bảo vệ hoàng gia và nhà Chúa, thường mộ ở Nghệ An, Thanh Hóa, hưởng nhiều đặc ân, như được cấp công điền... Viên đội trưởng này liền đem các đồ thờ trình lên nhà Chúa nói rằng trong khi ông sai lính đi thu thuế do nhà Chúa ban, họ đã gặp một đạo trưởng. Nhờ trời tối, đạo trưởng trốn thoát, nhưng lính đã bắt được các đồ thờ của đạo trưởng. Chúa Trịnh nổi giận, đồng thời lại nghe biết cha dòng Tên Đominicô Fuciti cũng bị bắt nhưng trốn thoát, nhà Chúa ra lệnh trừng phạt hai quan địa phương. May mắn lúc đó nhà Chúa còn bận dẹp giặc Cao Bằng: tuy Mạc Kính Hoàn đã trốn qua Trung Quốc nhưng dư đảng vẫn còn, phải lo dẹp tận gốc. Vì thế câu chuyện sau đó cũng bỏ qua. Chỉ có giáo dân ở khu vực của hai quan địa phương đã xảy ra câu chuyện cha Fuciti và Mattinô Mát trốn thoát phải chịu cảnh giận cá chém thớt: vì phải phạt vạ, hai quan đã trút giận lên đầu giáo dân bắt họ phải nộp vạ thay cho các ông, đồng thời phá hoại và quấy phá họ đạo.

Dẫu bị bách hại và vết rạn nứt chia rẽ trong giáo đoàn chưa được hàn gắn hoàn toàn, công cuộc truyền giáo vẫn tiến triển. Con số người được lãnh nhận phép rửa 1676 là 7.769, số người xưng tội là 56.100 và số rước lễ được 38.720.

Năm 1677 cũng tương tự như thế, số rửa tội là 6.253, xưng tội 59.918 và rước lễ 34.792. Sau năm 1678 rửa tội 7.422, xưng tội 60.132, rước lễ 45.435.²⁶⁷ Như thế trung bình mỗi năm số người rửa tội trong khu vực các thừa sai Pháp và linh mục Việt từ 7.000 đến 8.000, số người xưng tội trên dưới 60.000 và rước lễ trên dưới 40.000. Đây là

chưa kể số người được rửa tội trong vùng các cha dòng, cũng tương tự như thế. Bảng tường trình về các khu truyền giáo, khi nói về địa phận Đàng Ngoài đã viết: “Trong vòng 08 đến 10 năm vừa qua, thường thường mỗi năm con số đoàn chiên Chúa Giêsu Kitô được thêm từ 12.000 đến 15.000 linh hồn”.²⁶⁸ Đức Cha Phanxicô Pallu trong bản ký ức, trình lên Bộ Truyền Giáo năm 1678, đã ước lượng con số giáo dân địa phận Đàng Ngoài là 300.000 người.²⁶⁹

Phụ Lục **Sử Lược Giáo Hội Công Giáo Việt Nam** **(1533-2000)**

Nguồn: HĐGM Việt Nam

Phần phụ lục này không có trong sách giấy bản in năm 2009

Non sông gấm vóc đất nước Đại Việt đón nhận Tin Mừng cứu độ Đức Kitô từ những ngày đầu thế kỷ XVI. “Khâm Định Sử Việt Thông Giám Cương Mục” ghi nhận sự kiện: “Năm Nguyên Hòa nguyên niên(1533), tháng ba, đời vua Lê trang Tôn, có người Tây Dương tên I-Nê-Khu lén vào xã Ninh Cường, xã Quần Anh huyện Nam Chân, và xã Trà Lũ huyện Giao Thủy, âm thầm truyền bá Da Tô tả đạo”⁽¹⁾. Năm 1533 ghi dấu vàng son, và lịch sử truyền giáo của Giáo hội Công giáo Việt Nam có thể phân chia làm ba giai đoạn:

- I. Khai sinh trong đau khổ (thế kỷ XVI-XVII và XVIII)*
- II. Trưởng thành trong máu đào (thế kỷ XIX)*
- III. Phát triển trong phục vụ (thế kỷ XX)*

I. Khai Sinh Trong Đau Khổ (Thế Kỷ XVI-XVII và XVIII)

Thời phôi thai của Giáo hội Việt Nam ghi dấu bước chân rao giảng Tin Mừng tại Hà Tiên của các giáo sĩ dòng Đa Minh đến từ quần đảo Malacca như Luis de Foncesca, Grégoire de la Motte và Gaspar de Santa Cruz vào năm 1550. Tại Đàng Ngoài, các giáo sĩ Diego Doropesa, Bartolomeo Ruiz, Pedro Ortiz, Francisco de Montila và bốn trợ sĩ đến từ tỉnh dòng Đa Minh Phi luật tân, truyền đạo tại vùng An Quảng (Quảng Yên), năm 1583.

Tại Đàng Trong, mùa xuân 1615, hai giáo sĩ Francesco Buzomi, Diego Carvalho và ba trợ sĩ Dòng Tên cập bến Cửa Hàn, Quảng Nam để rao truyền Tin Mừng, dưới quyền Chúa Nguyễn cát cứ. Những thế hệ tiếp nối như Francois de Pina, Christopho Bori; nhất là Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ), khuôn mặt nổi bật trong việc sáng tạo chữ "quốc ngữ" dựa theo mẫu tự Latinh và thiết lập đoàn "thầy giảng".

Tháng 2 năm 1626, tại kinh đô Đàng Ngoài, Chúa Trịnh Tráng tiếp kiến giáo sĩ Julien Baldinotti, nhưng công việc truyền giảng Tin Mừng chỉ đạt kết quả khả quan với sự cập bến Cửa Bạng (Thanh Hóa) vào ngày lễ thánh Giuse 19-3-1627, của hai giáo sĩ dòng Tên: Đắc Lộ và Pierre Marquez. Giáo đoàn Kẻ Chợ mỗi ngày thêm tăng trưởng số giáo hữu nhờ sự cộng tác đắc lực của các "Thầy giảng". Phát động công trình biên soạn giáo lý, sáng tác kinh nguyện, thơ, văn bằng chữ Nôm do các giáo sĩ khởi xướng như Gaspar d'Amaral, Antoine Barbosa và nhất là Gieronimo Majorica với sự đóng góp quan trọng của các thầy giảng nhiệt thành.

Trong chuyến trở về Roma, giáo sĩ Đắc Lộ đã vận động Bộ Truyền Giáo ấn hành hai tác phẩm chữ quốc ngữ đầu tiên(1651) của chính tác giả:

- **Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội mà beào đạo Đức Chúa Błời**, sách dày 324 trang, mỗi trang in song ngữ

Latin và Việt.

- **Tự điển Việt - Bồ - Latinh (Dictionarium Annamiticum - Lusitanum et Latinum)**, sách dày 500 trang, một chứng từ lịch sử vô giá về chữ quốc ngữ thời phôi thai.

Do tường trình của giáo sĩ Đắc Lộ về hiện trạng cánh đồng truyền giáo đang chín vàng trên đất Việt và đề nghị của Bộ Truyền Giáo, Đức Thánh Cha Alexandre thứ VII ban hành Tông thư “Super Cathedram” thiết lập hai giáo phận truyền giáo đầu tiên trên đất Việt ngày 09-09-1659 và đồng thời tuyển chọn hai thừa sai Hội Truyền Giáo Ba Lê làm “Giám quản tông tòa”:

- * **Giáo phận Đàng Trong** từ sông Gianh trở vào Nam, bao gồm phần đất Chiêm Thành, Chân Lạp, và đề cử **Giám Mục Lambert de la Motte** (MEP) làm Giám quản tông tòa đầu tiên.
- * **Giáo phận Đàng Ngoài** từ sông Gianh trở ra Bắc và bao gồm miền Nam Trung Hoa, đồng thời ủy nhiệm **Giám Mục Francois Pallu** (MEP) làm Giám quản tông tòa tiên khởi.

Giờ đây trên cánh đồng truyền giáo, công cuộc rao giảng Tin Mừng được tiếp nối với hàng giáo sĩ bản quốc, bốn thầy cả tiên khởi được truyền chức tại chủng viện Juthia, Thái Lan, do việc đặt tay của Giám mục Lambert de la Motte là **Giuse Trang** (tháng 3-1668), **Gioan Huệ** và **Bê-nê-dictô Hiền** (6-1668) và **Luca Bền** (1669). Các giáo sĩ dòng Tên đã tuyển chọn và huấn luyện tổ chức các "**Thầy giảng**" qua việc hình thành "**nhà Đức Chúa Trời**" để trợ lực trong công tác tông đồ, giảng dạy giáo lý cho tân tòng, thay thế các giáo sĩ khi các Ngài bị trục xuất hoặc tình thế khó khăn và quản trị tài sản cộng đoàn.

Năm 1670, Giám mục Lambert de la Motte chính thức viếng thăm giáo phận Đàng Ngoài và tổ chức công đồng đầu tiên tại Phố Hiến (tháng 2) truyền chức cho 7 thầy cả, 48 thầy nhận lãnh bốn chức nhỏ. Vào mùa chay, ngài khởi xướng đời sống tu trì cho người phụ nữ bản xứ qua việc thiết lập và phê chuẩn luật "**Dòng Mến Thánh Giá**", các chị sống cộng đoàn, đặt của cải làm tài sản chung, dưới quyền của bà bề trên, hằng ngày nguyện ngắm sự khổ nạn của Chúa Kitô

trên Thánh giá. Công việc mục vụ của các chị là dạy giáo lý cho người nghèo, viếng thăm người già yếu, bán thuốc viên và nhất là rửa tội cho các em nhỏ hấp hối con nhà nghèo túng trong mọi hang cùng ngõ hẻm của thôn làng.

Tiếp tay đắc lực trong công việc truyền giảng Tin Mừng với các giáo sĩ, thừa sai, thầy cả, và thầy giảng là “Hội đồng quý chức”, các ông chánh trương, ông trùm, ông biện, họ là những giáo hữu hăng say, nhiệt thành, can đảm, hi sinh chính mạng sống để bảo toàn, che giấu, bao bọc các thừa sai, các thầy cả trong thời cấm cách bắt đạo. Quý chức là những chứng nhân đức tin, củng cố niềm tin của anh chị em tín hữu trong cảnh tù đầy hay phân sáp giữa những gia đình trong làng các lương dân. Những nét thắm đậm, vàng son viết nên trang sử oai hùng của Giáo hội trên quê hương đất Việt là hàng giáo sĩ bản quốc, các thầy giảng, các chị em dòng Mến Thánh Giá và hàng quý chức.

Vào cuối thế kỷ XVIII, một trong các khuôn mặt nổi bật giữa các vị Thừa sai là Giám mục Bá đa Lộc (Pigneau de Béhaine) bên cạnh hoàng tử Cảnh và Chúa Nguyễn phúc Ánh; không nên quá chú ý đến hoạt động trần thế của nhà thừa sai tràn đầy nhiệt huyết mà thiếu quan tâm đến những đóng góp tích cực về lãnh vực tôn giáo, văn hóa. Giám mục Bá đa lộc là tác giả hai tác phẩm:

- * **Thánh Giáo Yếu Lý** bằng chữ Nôm, ấn hành năm 1774 bao gồm 230 câu hỏi và trả lời, dày 70 trang, bản khắc in chữ chân phương rất đẹp.
- * **Dictionarium Anamitico Latinum** năm 1772, thủ bản dày 729 trang, tàng trữ tại văn khố Hội Thừa sai Ba Lê, ký hiệu V.1060 (128 rue du Bac - 75007 Paris).

II. Trưởng Thành Trong Máu Đào

Năm 1802, Vua Gia Long thống nhất sơn hà, mở ra triều đại nhà Nguyễn, tình hình ổn định, lắng đọng. Tình trạng Giáo hội Công giáo Việt Nam được ghi nhận như sau:

Giáo phận Đàng Trong: 1 giám mục, 5 thừa sai, 15 thầy cả và 60.000 tín hữu

Giáo phận Tây Đàng Ngoài: 1 giám mục, 4 thừa sai, 41 thầy cả và 120.000 giáo dân.

Giáo phận Đông Đàng Ngoài: 1 giám mục, 4 thừa sai, 41 thầy cả và 140.000 giáo dân.⁽²⁾

Hạt giống Tin Mừng được gieo vào lòng dân Việt, âm thầm lớn lên và đâm hoa kết trái; nhưng biết bao giông tố kinh hoàng, bắt bớ, giam cầm, tra tấn, thảm sát và phân sáp các tín hữu vì niềm tin sắt son vào Đức Kitô qua những thăng trầm lịch sử các triều đại:

- 30.000 anh hùng Việt Nam Tử Đạo dưới thời Chúa Trịnh Đàng ngoài; Chúa Nguyễn và Nhà Tây Sơn ở Đàng Trong.
- 40.000 chiến sĩ đức tin đã anh dũng tuyên xưng đức tin dưới ba triều đại: Minh Mạng (1820-1841), Thiệu Trị (1841-1847) và Tự Đức (1848-1883).
- 60.000 tín hữu kiêu hùng chết vì tin vào Chúa Kitô do việc bắt bớ, thảm sát, phân sáp của phong trào Văn Thân (1862-1885).

Trong số 130.000 tiền nhân anh dũng hi sinh mạng sống để bảo vệ đức tin:

- 64 vị được tôn phong “chân phước” do Đức Thánh Cha Lêô XIII ngày 07-05-1900
- 8 vị được nâng lên hàng “chân phước” do Đức Thánh Cha Piô X ngày 15-04-1906 và thêm 20 Vị vào ngày 11-04-1909.
- 25 Vị được tuyên xưng “chân phước” do Đức Thánh Cha Piô XII ngày 29-04-1951.

117 Chân phước tử đạo Việt Nam gồm có 96 Vị thánh Việt Nam, 10 Thánh thuộc hội Thừa sai ba lê và 11 Vị thuộc dòng Đa minh Tây ban Nha. Các ngài bao gồm mọi thành phần dân Chúa:

- 8 Giám mục (6 dòng Đa Minh, 2 Hội Thừa sai Ba Lê)
- 50 linh mục (37 linh mục Việt Nam, 5 giáo sĩ dòng Đa Minh Tây ban

Nhà và 8 thừa sai Pháp)

- 16 thầy giảng và 1 chủng sinh (Tôma Trần văn Thiện)
- 42 giáo dân (1 phụ nữ: Thánh Annê Lê thị Thành).

Theo giòng thời gian, giữa 117 anh hùng đức tin có:

- 2 Vị tử đạo thời Chúa Trịnh Doanh (1740 -1767)
- 2 Vị đổ máu đào dưới đời Chúa Trịnh Sâm (1767 -1782)
- 2 Vị đời Vua Cảnh Thịnh (1782 - 1802)
- 57 Vị tử đạo đời Vua Minh Mạng (1820 - 1841)
- 3 Vị đời Vua Thiệu Trị (1841 - 1847)
- 51 Vị dưới đời Vua Tự Đức (1847 - 1883)

Bên cạnh những vị thừa sai và thầy cả can trường, sống chết với đoàn chiên để bảo vệ đức tin, vẫn còn những thừa sai âm thầm thu thập những tài liệu, nghiên cứu, như giám mục Jean Louis Taberd (Tù) (MEP) với sự cộng tác tích cực của chủng sinh Philipphê Phan văn Minh và Gioan Đoàn trinh Hoan (hai vị Thánh linh mục tử đạo tương lai) tại chủng viện Pénang. Các vị lưu lại hai cuốn tự điển được đánh giá cao về phương diện ngữ học Việt Nam:

* **Nam Việt Dương hiệp Tự Điển (Dictionarium Anamitico - latinum)**, sách dày 820 trang, khổ lớn 21 cm x 27 cm.

* **Dictionarium latino - Anamiticum**, dày 708 trang với 85 trang phụ lục học tiếng Latin; 135 trang đàm thoại 4 thứ tiếng Việt - Latin - Pháp - Anh; “Inê Tử Đạo văn” dài 563 câu và phụ thêm “An Nam Đại Quốc họa đồ” (75 x 50 cm), sách ấn hành tại Bengale (Ấn Độ) vào năm 1838.

Năm 1868, dưới triều Vua Tự Đức, một chiếu chỉ được ban hành, triều đình phân loại hai hạng con dân trong nước: “**lương dân**” bao gồm những con dân hiền lành, lương thiện, an phận thủ thường; và “**dữu dân**” là những người theo đạo “Da Tô”, đạo Tây phương, những người xấu như chính từ ngữ “dữu” diễn tả, dữu là tên loài cỏ dại, mọc chung và phá hoại ruộng lúa? Phải chăng triều đình muốn áp dụng hình ảnh dụ ngôn “giống cỏ dại” trong Tin Mừng Matthêu 13,24-30? Vì thế, những đóng góp xây dựng bảo vệ đất nước của sĩ phu Công giáo như Nguyễn trường Tộ không được triều đình nhà Nguyễn chấp nhận.

Máu đào tử đạo làm phát sinh hạt giống đức tin, vào cuối thế kỷ XIX, tình hình Giáo hội tăng trưởng không ngừng, trong cánh đồng truyền giáo có thêm sự góp mặt của các dòng tu đến từ Âu Châu: Dòng Kín chiêm niệm, Dòng Sư huynh Lasan, Dòng Chúa Quan Phòng, Dòng Thánh Phaolô thành Chartres tiếp tay trong các hoạt động văn hóa, xã hội. Thống kê vào năm 1889 của 8 giáo phận như sau:

- 1- Giáo phận Tây Đàng Trong:** Giám mục Jean Dépierre Đễ (MEP), 52 thừa sai, 42 thầy cả, 189 nhà thờ và nhà nguyện, 2 chủng viện với 214 chủng sinh, 1 nhà Dòng Kín, 12 cơ sở xã hội Dòng Phaolô thành Chartres với 130 nữ tu, 4 nhà Dòng Mến Thánh Giá với 295 dì phước, 110 trường học dạy 7.236 học sinh, 5 viện mồ côi chăm sóc 620 trẻ em, 5 bệnh viện thường xuyên điều trị 4000 bệnh nhân và 56.000 giáo hữu.
- 2- Giáo phận Đông Đàng Trong:** Giám mục Désiré Van Camelbeke (MEP), 25 thừa sai, 14 thầy cả, 40 nhà thờ, 1 chủng viện với 54 chủng sinh, 12 nhà dòng nữ với 440 nữ tu, 2 viện mồ côi chăm sóc 894 em, 10 trường học dạy 472 học sinh và 17.773 giáo dân.
- 3- Giáo phận Bắc Đàng Trong:** Giám mục Louis Marie Caspar Lộc (MEP) 20 thừa sai, 26 thầy cả, 58 nhà thờ và nhà nguyện, 2 chủng viện với 51 chủng sinh, 7 tu viện với 420 chị em Dòng Mến Thánh Giá, 34 trường học dạy 920 học sinh, 2 viện mồ côi chăm sóc 200 em và 19.932 giáo dân.
- 4- Giáo phận Cao Miên :** 1 Giám mục, 26 thừa sai, 3 thầy cả, 24 thầy giảng, 58 nhà thờ và nhà nguyện, 1 chủng viện với 96 chủng sinh, 3 tu viện Dòng Chúa Quan Phòng với 42 nữ tu, 3 tu viện dòng Mến thánh Giá, 4 viện mồ côi 2 bệnh viện, 5 trường học dạy 1.947 học sinh và 17.500 bốn đạo.
- 5- Giáo phận Tây Đàng Ngoài:** Giám mục Pierre Jean Marie Gendrau Đông (MEP), 43 thừa sai, 97 thầy cả, 3 chủng viện với 355 chủng sinh, 425 nhà thờ và nhà nguyện và 200.000 tín hữu.
- 6- Giáo phận Đông Đàng Ngoài:** giám mục José Terres Hiến (OP), 8 giáo sĩ Đa minh Tây ban Nha và 2 Việt Nam, 32 thầy cả, 82 thầy giảng, 40 đại chủng sinh, 281 tiểu chủng sinh, 3 tu viện với 58 nữ tu Đa Minh, 6 nữ tu dòng Phaolô thành Chartres, 1 bệnh viện, 4 viện

mồ côi, 21 hạt với 208 họ đạo và 41.120 tín hữu.

7- Giáo phận Nam Đàng Ngoài: Giám mục Louis Pineau Trì (MEP), 22 thừa sai, 59 thầy cả, 2 chủng viện với 160 chủng sinh, 58 trường học dạy thường xuyên 2.410 học trò và 72.000 tín hữu.

8- Giáo phận Trung Đàng Ngoài: Giám mục Mazime Fernandez Định (OP), 12 giáo sĩ Đa minh Tây ban Nha và 4 Việt Nam, 66 thầy cả, 52 đại chủng sinh, 66 tiểu chủng sinh, 19 tu viện nữ Đa Minh, 3 bệnh viện, 710 họ đạo và 189.110 giáo dân⁽³⁾

Những thập niên cuối thế kỷ XIX, Giáo hội quan tâm thiết lập các nhà in để phổ biến sách kinh, giáo lý, tu đức, phụng vụ, Kinh Thánh, các loại tự điển, sách giáo khoa như nhà in Tân Định, Kẻ Sở, Ninh Phú đường, Trung hòa, Làng Sông... Về mặt văn hóa có những tác phẩm lịch sử, tự điển, phiên dịch của Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của; về phần thiêng liêng tu đức không thể không đề cập đến các sách của cha Phaolô Qui, cha Hồ ngọc Cẩn. Tuần báo “Nam Kỳ địa phận” phát hành liên tục từ năm 1908 - 1945⁽⁴⁾

III. Phát Triển Trong Phục Vụ (Thế Kỷ XX)

Tánh đồng truyền giáo Việt Nam thấm đậm máu đào tử đạo để tăng trưởng không ngừng. Trong phiên họp ngày 30-06-1924 dưới sự chủ tọa của Giám mục Henri Lecroat (SJ) thanh tra Tòa Thánh, các Giám mục miền Đông Dương đã đề nghị Bộ Truyền Giáo đổi tên các giáo phận, từ đây các giáo phận sẽ lấy tên thành phố có Tòa Giám mục thay vì sử dụng danh xưng theo hành chánh dân sự. Tòa Thánh thiết lập Tòa khâm Sứ tại Đông Dương, đặt tại Phủ Cam, Huế, vào năm 1925. Vào đúng 400 năm (1533-1933) sau ngày Tin Mừng được rao giảng trên đất Việt, Đức Thánh Cha Pio XI đã tấn phong Giám mục tiên khởi Việt Nam: Gioan Baotixita Nguyễn bá Tòng ngày 11-06-1933 tại Đền thờ Thánh Phêrô.

Đức Khâm sứ Colomban Dreyer triệu tập công đồng Đông Dương tại Hà Nội từ 16-11 đến 06-12-1934 với sự tham dự của 19 giám mục, 5 bề trên thượng cấp các dòng Đa Minh, Phan Sinh, Xitô, Chúa Cứu Thế và Hội linh mục Xuân Bích cùng với 21 linh mục cố vấn và chuyên viên, chia thành 5 tiểu ban nhóm họp, thảo luận và đúc kết thành quả “Quy chế mục vụ công đồng Đông Dương” gồm 5 cuốn với 426 khoản nhằm mục đích:

- Thiết lập tiệm tiến hàng giáo phẩm Việt Nam.
- Đào tạo và thăng tiến hàng giáo sĩ Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu mục vụ thời đại.
- Cổ võ tinh thần sống đạo và truyền đạo của giáo dân qua các phong trào công giáo tiến hành.

Thành quả đường hướng mục vụ của công đồng ghi dấu bước tiến quan trọng, nhiều giáo phận mới được chia và thành lập: Giáo phận Phát Diệm, Thanh Hóa (1932), Thái Bình (1936), Vĩnh Long (1938), Lạng Sơn (1939), Cần Thơ (1955), song song với việc tuyển chọn và liên tiếp tấn phong các Giám mục Việt Nam: Gm Hồ ngọc Cẩn (1935), Gm Ngô đình Thục (1938), Gm Phan đình Phùng (1940), Gm Lê hữu Từ (1945), các Gm Trịnh như Khuê, Phạm ngọc Chi, Trương cao Đại (OP), Hoàng văn Đoàn (OP) (1950), Gm Trần hữu Đức (1951), Gm Nguyễn văn Bình và Nguyễn văn Hiền (1955).

Theo nhịp thăng trầm của đất nước, hiệp định Genève ngày 20-07-

1954, phân chia hai miền nam bắc; số đông giáo sĩ, tu sĩ nam nữ và hơn 650.000 giáo hữu di cư vào miền nam; Giáo hội miền Bắc còn lại trong 10 giáo phận có: 7 giám mục, 374 linh mục và số ít tu sĩ phục vụ 750.000 tín hữu (5).

Theo thống kê Bộ Truyền Giáo, Giáo hội tại Miền nam năm 1957 có: 1.100.000 giáo dân, 67.854 tân tòng, 254 đại chủng sinh, 1.672 thầy giảng và 1.264 linh mục. Giáo hội phát triển không ngừng để phục vụ tha nhân qua các môi trường tôn giáo, văn hóa, xã hội: Viện đại học công giáo Đà Lạt khánh thành năm 1958; Giáo Hoàng Học Viện Pío X khai giảng năm 1958 do các giáo sĩ Dòng Tên đảm trách.

Để kỷ niệm 300 năm thành lập hai giáo phận đầu tiên (1659 - 1959) và ghi dấu sự phát triển của giáo Hội Việt Nam: Đại Hội Thánh Mẫu toàn quốc được tổ chức tại Saigon ngày 17 đến 19-02-1959 dưới sự chủ tọa của Đức Hồng y Gregorio Agagianian, quyền Tổng trưởng Bộ Truyền Giáo.

Và ngày 24 -11-1960 qua Tông thư “Venerabilium Nostrorum” Đức Thánh Cha Gioan XXIII thiết lập hàng Giáo Phẩm Công giáo Việt Nam với ba Giáo tỉnh: Hà Nội, Huế, và Sài Gòn. Tông Thư được công bố ngày Lễ kính Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, ngày 08-02-1960:

- **Giáo tỉnh Hà Nội** bao gồm các Giáo phận Lạng Sơn, Hai Phòng, Bắc Ninh, Hưng Hóa, Thái Bình, Bùi Chu, Phát Diệm, Thanh Hóa và Vinh.
- **Giáo tỉnh Huế** gồm các giáo phận: Quy Nhơn, Nha Trang và Komtum.
- **Giáo Tỉnh Saigon** quy tụ các giáo phận Vĩnh Long, Cần Thơ, và ba giáo phận mới được thành lập: Đà Lạt, Mỹ Tho và Long Xuyên.

Hạt giống Tin Mừng đâm sâu trong lòng đất mẹ, phát sinh hoa trái đời sống đức tin kiên cường của người tín hữu, thêm nhiều Giáo phận mới liên tục được thiết lập: Giáo phận Đà Nẵng (1963), Phú Cường và Xuân Lộc (1966), Ban Mê Thuộc (1967) và sau cùng là Phan Thiết (1975). Trong hoài bão và ước vọng mang Tin Mừng Đức Kitô cho các dân tộc lân bang như Cao miên, Ai lao, và Thái Lan, Hội Thừa sai Việt Nam được thành hình năm 1972.

Biến cố tháng 4 năm 1975, một số đồng bào di tản, vượt biển ra nước ngoài; đất nước hoàn toàn thống nhất, sức sống của Mẹ Giáo

hội Việt Nam kiên cường, mãnh liệt dưới sự hướng dẫn tinh thần của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam. Trong phiên họp đầu tiên tại Hà Nội, ngày 01-05-1980, các Giám mục Việt Nam minh định và cương quyết theo đường hướng mục vụ: “Giáo hội Việt Nam sống Phúc âm và hòa mình giữa lòng dân tộc”.

Lần đầu tiên trong dòng lịch sử Giáo hội Việt Nam, Đức Tổng Giám Mục Giuse Maria Trịnh như Khuê, Tổng giám Mục Hà Nội, được thăng lên hàng Hồng Y tiên khởi do Đức Thánh Cha Phaolô VI vào ngày 30-06-1978.

Ngày vinh quang, khai hoàn, ngày 19-06-1988, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã long trọng tôn phong 117 Thánh Tử đạo Việt Nam tại Công trường Thánh Phêrô với sự tham dự của hàng ngàn giáo hữu Việt Nam trong niềm tri ân các tiền nhân anh dũng, bất khuất, trung kiên đổ máu đào vì niềm tin son sắt vào Đức Kitô và Giáo hội.

Như lời Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II trong sứ điệp gửi cho Hội Đồng Giám Mục Việt Nam dịp kỷ niệm 25 năm thành lập (1960-1985): “Nếu hạt giống hôm qua gieo vào lòng lịch sử đã có một quá khứ oai hùng, cũng sẽ bảo đảm muôn phần phong phú cho tương lai mùa hoa nở trong vườn hoa Giáo hội Việt Nam của quý chư huynh”.

Theo bản thống kê năm 1995, Mẹ Giáo hội Việt Nam hôm nay hiện diện trong 25 giáo phận, với 4 triệu 500.000 tín hữu, trên tổng số 73 triệu dân, chiếm 6,5% dân số toàn quốc; được chăm sóc bởi 32 Giám Mục, 1866 linh mục, 850 đại chủng sinh trong 6 Đại chủng viện: Thánh Giuse (Thành Phố Hồ chí Minh), Cần Thơ, Sao Biển Nha Trang, Xuân Bích Huế, Vinh Thanh, và Thánh Giuse Hà Nội. Hiện diện giữa lòng dân Chúa còn có các cộng đoàn tu trì, sống đời chiêm niệm hay hoạt động tông đồ, mỗi ngày càng tăng trưởng về phẩm cũng như lượng.

Số tu sĩ các dòng nam là 1.523 trên toàn nước; được ghi nhận vào năm 1993: Dòng Biển Đức (53 đan sĩ), Dòng Chúa Cứu Thế (124 tu sĩ), Dòng Tên (40), Dòng ĐaMinh Lyon (9), Tỉnh Dòng Đa Minh Việt Nam (112), Dòng Đồng Công (140), Dòng Đức Mẹ người nghèo (10), Dòng Lasan (66), Dòng Phan Sinh Việt Nam (109), Dòng Sa-lê-diêng (108), Dòng Thánh Thể (20), Dòng Xitô (230), Dòng Thánh Tâm Huế (40), Dòng Thánh Giuse Nha Trang (50), Dòng Tiểu Đệ Giêsu⁽⁶⁾, Hội

linh mục Xuân Bích (13). Và các tu hội đời nam: Tu Hội Nhà Chúa (59), Tu Hội Nhà Chúa truyền giáo (3), Tu hội Nhập Thể tận hiến (33), Tu Hội Tôi Tá Thánh Linh⁽⁵⁾.

Ởn gọi “Hiến Dâng Phục Vụ” nữ được thống kê vào năm 1993 như sau: Dòng Biển Đức (21 đan sĩ), Dòng Cát Minh (73), Dòng Clara (18), Dòng Con Đức Mẹ Mân Côi (245 nữ tu), Dòng Con Đức Mẹ phù hộ (23) Dòng Đức Bà (30), Dòng Đức Bà Truyền Giáo (65), Dòng Nữ Lasan (25), Dòng Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ (103), Dòng Thánh Phaolô thành Chartres (300), Dòng Thánh Phaolô Thiện Bản (4) Dòng Nữ tu bác ái Vinh Sơn (250), Dòng Con Đức Mẹ, Mẹ Thiên Chúa (60), Dòng Khiết Tâm Đức Mẹ Nha Trang (110), Dòng Thánh Phao lô Mỹ Tho (134), Dòng Thánh Phaolô Đà Nẵng (320), Dòng Đức Mẹ người nghèo (4), Dòng Nữ tỳ Chúa Giêsu linh mục (142), Dòng Nữ tỳ thánh Thể (20), Dòng Cát Minh Bình triệu (73), Dòng Mến Thánh Giá Hưng Hóa (51), Dòng Mến Thánh Giá Thánh Mẫu Hà Nội (139), Dòng Mến Thánh Giá Thanh Hóa (52), Dòng Mến Thánh Giá Lưu Phương Phát Diệm (22), Dòng Mến Thánh Giá Vinh Xã Đoài (167), Dòng Mến Thánh Giá Huế Cố Đô (263), Dòng Mến Thánh Giá Cái Nhum (131), Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm (287), Dòng Mến Thánh Giá Cái Mơn (292), Dòng Mến Thánh Giá Chợ Quán (318), Dòng Mến Thánh Giá Phát Diệm (303), Dòng Mến Thánh Giá Thanh Hóa Đalat (263), Dòng Mến Thánh Giá Hà Nội Thủ Đức (71), Dòng Mến Thánh Giá Tân Bình Nha Trang (106), Dòng Mến Thánh Giá Quy nhơn (221), Dòng Mến Thánh Giá Cần Thơ Sóc Trăng (77), Dòng Mến Thánh Giá Tân Lập Thái Bình (91), Dòng Mến Thánh Giá Tân An (20), Dòng Mến Thánh Giá Bắc Ninh (65), Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt (74), Dòng Mến Thánh Giá Phan Thiết (63), Dòng Mến Thánh Giá Huế, Xuân Lộc (77), Dòng Chúa Quan Phòng (496), Dòng Con Đức Mẹ đi viếng (96), Dòng Con Đức Mẹ Lavang Phú Cường (60), Dòng Con Đức Mẹ Vô Nhiễm (66), Dòng Đức Mẹ Trinh Vương (192), Dòng Nữ Vương Hòa Bình Ban mê Thuộc (123), Dòng nữ ĐaMinh Lạng Sơn (82), Dòng Nữ ĐaMinh Rosa de Lima Thái Bình-Bắc Ninh- Hải Phòng (297), Dòng Nữ ĐaMinh Thánh Thể⁽⁷⁾, Dòng Nữ ĐaMinh Thánh Tâm (140), Dòng Nữ ĐaMinh Tam Hiệp, Bùi Chu nam (151), Dòng tự hiến ĐaMinh Bùi Chu bắc (137), Dòng Chúa Giêsu Hải Đồng (2), Dòng Tiểu

Muội Chúa Giêsu (8), Dòng Dâng Truyền (10), Dòng Anh Phép lạ Komtum (63). Và các tu hội đời nữ: Tu Hội bác ái (30), Tu Hội nữ lao động truyền giáo (16), Tu Hội Nhập Thể tận hiến (67), Tu Hội Nữ Tỳ Thiên Chúa (68), Tu Hội Nữ Tỳ Công giáo Maria (45), Tu Hội Tôi tá Thánh Tâm (20), Tu Hội Thăm Viếng (100). Tổng số tương đối là 8.822 nữ tu trên toàn quốc (6).

Sau 20 năm (1975-1995) phát triển tại hải ngoại, Cộng đồng công giáo Việt Nam bao gồm khoảng 300.000 tín hữu trên 27 quốc gia định cư (khoảng 15% người Việt Nam tại hải ngoại) được phục vụ bởi 633 linh mục, 30 tu sĩ, 31 phó tế vĩnh viễn, 96 Đại chủng sinh, và 241 nữ tu (7).

Năm 1997, năm thật đặc biệt với giáo xứ Việt Nam tại Paris mừng kỷ niệm 50 năm (1947-1997) thành lập: đây là cộng đoàn tín hữu Việt Nam tại hải ngoại kỳ cựu nhất. Thánh lễ tạ ơn do Đức tổng Giám Mục Mario Tagliaferri, Sứ Thần tòa thánh tại Pháp chủ tế vào ngày 11-05-1997.

Ngày 09-03-1998, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã bổ nhiệm Đức Cha Gioan Baotixita Phạm minh Mẫn làm Tổng Giám Mục Tổng Giáo Phận Thành Phố Hồ chí Minh và Đức Cha Têphanô Nguyễn như Thể làm Tổng giám Mục Tổng Giáo phận Huế.

Hàng trăm ngàn tín hữu hành hương về linh Địa La Vang để tham dự tam Nhật đại lễ kỷ niệm 200 năm đức Mẹ hiện ra tại La Vang (1798-1998) từ 13 đến 15-08-1998 là một biến cố tôn giáo trọng đại, là lễ chung của Giáo hội Công giáo Việt Nam. Thánh lễ bế mạc do Đức hồng y đặc sứ Phaolô Phạm đình Tụng chủ tế với sự hiện diện của nhiều Giám Mục và linh mục đồng tế. Toàn thể dân Chúa tại Việt Nam được mời gọi sám hối, đổi mới đời sống, học hỏi noi gương Mẹ Maria và “Cùng Mẹ LaVang tiến về Năm Thánh Cứu Độ 2000”.

Mùa xuân 1999, Mùa xuân của Giáo hội Việt Nam trước ngưỡng cửa năm 2000 với việc Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II bổ nhiệm 5 tân Giám Mục: Đức tân giám mục Phêrô Trần đình Tứ, Giám mục Phú Cường, tấn phong tại Roma ngày 06-01; Đức tân giám mục Bùi văn Đọc, Giám mục Mỹ Tho, tấn phong tại Nhà Thờ Chính Tòa Đàlat ngày 20-05; Đức tân giám mục Giuse Ngô quang Kiệt, giám mục Lạng Sơn và Đức tân Giám mục phó Giuse Trần xuân Tiểu, Giáo phận Long Xuyên, tấn phong ngày 29-06 tại Nhà Thờ Chính Tòa long

Xuân. Và Đức tân giám mục Phêrô Nguyễn Soạn, Giám Mục Quy Nhơn, tấn phong ngày 12-08-1999 tại Nhà Thờ Chánh Tòa Quy Nhơn.

Hội Đồng Giám mục Việt Nam trong phiên họp thường niên từ ngày 11 đến 16-10 tại Đại chủng viện Sao Biển Nha Trang được báo tin vui về Đại chủng viện Xuân Lộc mở cửa đón nhận chủng sinh các giáo phận Xuân Lộc, Đà Lạt, và Phan thiết sau thời gian dài chờ đợi.

Lịch sử Giáo hội Công giáo Việt Nam, một minh chứng hùng hồn đức tin quả cảm, hiên ngang của dân Chúa giữa lòng quê hương và đồng bào, bước theo tấm gương sống đức tin can trường của các thế hệ tiền nhân từ Đạo. Người tín hữu Việt Nam hiên ngang làm chứng nhân của Tin Mừng, sống niềm tin mãnh liệt vào Đức Kitô trên non sông đất Việt; người giáo dân Việt Nam hải ngoại kiên trì giữ vững và sống đức tin trên các miền đất mới theo bước chân, tinh thần truyền giáo của Thầy giảng Anrê Phú yên từ đạo ngày 27-06-1644, được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II tôn phong lên hàng chân phước vào ngày 05-03 tại Quảng Trường Thánh Phêrô dịp Đại Năm Thánh 2000.

Đồng hành với chân phước Từ đạo Thầy giảng Anrê Phú Yên, mẫu gương người giảng viên giáo lý thế kỷ 17, hiên ngang truyền giảng Tin Mừng và dâng hiến mạng sống giữa tuổi 19 thanh xuân vì tin tưởng tuyệt đối vào tình yêu cứu nhân độ thế của đức Kitô: “hôm qua, hôm nay và mãi đến muôn đời”. (Dt. 13,8).

- (1) Nguyễn hữu Trọng, *Les Origines du Clergé Vietnamien*, Saigon 1959, tr. 3233.
- (2) Rhodes, *Voyages et mission*, phần III, trang 1.
- (3) Rhode: *Voyages des missions* Phần III, trang 04.
- (4) T. I. Paris, 1943, trang 49.
- (5) Nguyễn Hồng, *Lịch sử truyền giáo* quyển I, trang 25-26.
- (6) *Lettres de S. Francois Xavie*, Bruges 1922 trang 65.
- (7) *Disordini ed abusi che occorono nelle Indie erientali cira la Propagaziene della Fede*, Arch. Prop. SRCG vol, 192f. 1-2.
- (8) *Colectanea I*, trang 1, số 1.
- (9) *Discorse del secretarie della sacra Congregazione di Propaganda Fide intorno agli inconvenienti che oirca la propagazione della nostra santa religionne occorono nell'Indie et intorno ai rimedii che se potrebbero usare per levarli, cavate dalle scritture che soni nella secretaria (16-6-1625)* Prop. S.R.C.G vol. 189f 390-392.
- (10) *Principali diserdini et inconvenienti delle Indie Orientali et Arch. Prop. S.R.C.G. vol. 189f 231-233.*
- (11) *Colectanea I* n.06 p.05
- (12) *Jur Pont. Prop. Fide I* p. 143.
- (13) V. Cerri, *Etat présent de l'Eglise Romaine*, trang 301.
- (14) Trong những năm gần đây trường đã có công rất nhiều trong việc đào tạo số khá đông giáo sĩ VN; nhiều GM là cựu sinh viên của trường.
- (15) Th. Ghesquiera, Mathieu de Castro, *premier vicaire Apostolique au Indes, une création de la Prop. A es débuts*, S.André les Bruges 1937.
- (16) *Didsordini ed abusi che occorrono nelle Indie Orientali circa la propagazione della fede*. Arch. Prop. SRCG. Vol 192f 1-2 và *Disordini et asubi che occorrono nelle Indie occidentali eod. Loco f. 3-5.*
- (17) Solorzano Pereira (Juan) *De Indiarum iure sive de iusta Indiarum Occidentalium inquisitionen acquisitione et retentione* Z.Y Lyon 1572 in fol.
- (18) Arch. Prop. SRCG vol. 193f. 462-467.
- (19) Arch. Prop. SRCG vol. 193f. 485 và *Acta 1652f 50-50v.*
- (20) Arch.Prop. *Acta 1653 f 47.*
- (21) Arch. Prop. *Acta 1653 f 47.*
- (22) Launay, *Histoire ghénérale de la Société des Missions Étrangères Y*, tr. 18.
- (23) Launay, *Documents historiques*, tr.06.
- (24) Tissaner, *voyages au Tonkin*, tr. 06.
- (25) Launay, *Documents historiques*. Trang 149.
- (26) Launay, *Lettres de Monseigneur Pallu, T. 1*, trang 321.
- (27) Launay, *Documents historiques*, trang 519.
- (28) Archiv, Prop. *Lettres vol. 30*, trang 72-73.
- (29) Launay, *Documents historques*, trang 04.
- (30) Launay *Documents historiques*, trang 05 tiếp theo.
- (31) Archc. Prop. *Lettres vol 31*, trang 107-108.
- (32) *Historiquas de l'établissement*, trích trong cuốn *Histoire générale de la société des Missions étranggères*, t. 1, trang 44-45 của Launay.
- (33) *Histoire de l'établissement*, trích trong cuốn *Histoire générale de la société des Missions étrangères*, t. 1, trang 44-45 của Launay.
- (34) Launay *Documents historiques*, trang 36.
- (35) Launay, *Documents historiques*, trang 253.
- (36) Launay, *Documents historiques*, trang 258. Thư Leslay gởi Đức Cha Pallu, ngày 09 -9

-1659.

(37) Jur. Pont. Prop. Fide II, trang 115 và tiếp theo; Collectanea Y, trang 42 và tiếp theo; Launay, Documents historiques, trang 27 và tiếp theo.

(38) Launay, Histori générale de la société des Missions Etrangères, t. 1, trang 36-37.

(39) Arch. Des M. E. vol.27 trang 265.

(40) R. de Voyer d' Argenson, Annales de la compagnie du saint sacrement, Marseille 1900, trang 240 và tiếp theo.

(41) Launay, Documents historiques, trang 234.

(42) Arch. Des M.E. vol. 165, trang 52.

(43) Gayau, Les Prêtres des Missions Etrangères, trang 96.

(44) Launay, Documents historiques, thư Cha Leslay gửi Đức Cha Pallu ngày 09-9-1659.

(45) Jacques de Bourges, Relation du Voyage de Monseigneur l'évêque de Béryste, vicaire apostoliques de la Cochinchine, par la Turquie, la Perse, les Indes etc...jusqy'au royaume de Siam et autres lieux. Paris. 1666

(46) Launay, Histoire générale de la société de Misions Etrangères, t.1, trang 73 -74.

(47) Jacques de Bourges, Relation du voyage de Mgr. L'évêque de Béryste, trang 107.

(48) Jacques de Bourges, (id.), trang 97.

(49) Nocolas Gervaise, Histoire naturelle et politique du royaume de Siam, Paris 1688, trang 60.

(50) Rhodes, voyages et Missons, trang 43.

(51) Launay, Histoire de la Mission de Siam, t.1, trang 05.

(52) Launay, Histoire de la Mission de Siam, t. 1, trang 09.

(53) Mémoire de B. Vachet Arch. M. E. vol. 110, trang 58. Launay, Siam, trang 34.

(54) H. de Fromdeville, Pierre Lambert de Motte, Evêque de Béryste, (16241679), Paris 1925.

(55) Launay, Histoire de la Mission de Siam, t. 1, trang 06.

(56) Launay, Histoire de la Mission de Cochinchine, t, 1, trang 10.

(57) Bản tường trình của Cha Giacôbê de Bourges trình lại các Đức Hồng Y. Launay, Documents historiques, trang 421.

(58) Arch. M. E. tr. 05, Mémoires pour servir à la vie de Mgr. de Bourges.

(59) Arch. M. E. vol. 121, tr. 545. Lambert de la Motte à son frère Nicolas.

(60) Launay, Histoire générale de la société des Missions Etrangères, t.1, trang 93-94.

(61) Bourges, Relation du voyage de Mons l'Evêque de péryte, trang 146.

(62) Nguyễn Hồng, Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam, Quyển I, tr. 258-259.

(63) Pallu, Relation abrégée, trang 10, Nguyễn Hồng (id), trang 239-240. Thư này do một Thầy giảng miền Bắc viết đi ngày 23-01-1664, Launay, Siam, trang 67.

(64) Launay, Lettres de Pallu, t.1, trang 10.

(65) Arch. Des M. E. vol. 199, tr. 64. Launay, Histoire générale, t. 1, trang 96.

(66) Bản huấn điều này ấn hành lần đầu tiên ở Roma năm 1669, bằng La ngữ, với tựa đề "Instructiones ad munera apostolica rite obeunda perutiles, missionibus Chinae, Tunchini, Cochinchinae atque Siami accommodatae, a missionarilis S.Congregationis de Propaganda Fide, Yuthia Regia congregetis, anno Domini 1665 concinnatae, dicatae Sumo Pontifici Clemanti IX".

(67) Pallu, Relation abrégée, trang 43.

(68) Launay, Histoire générale de la Société des Missions Etrangères, t.I, tr.98.

(69) Instructiones, chương I, tr.3-20.

(70) Instructiones, chương II, tr.20-35.

(71) Instructiones, chương III, tr.35-60.

(72) Instructiones, chương 4-8, tr.60-185.

- (73) Instructiones, chương IX, tr.214 tt. Cách tổ chức các họ đạo này, các cha đã theo lối các cha dòng Tên để lại, nhưng các cha đã thêm vào nhiều sáng kiến mới với những chi tiết rõ ràng hơn, và đặc biệt là nhờ bản huấn điều, cách tổ chức này được phổ biến và theo một đường lối duy nhất trong Nam cũng như ngoài Bắc.
- (74) Đời các cha dòng Tên sau cha Đắc Lộ, cha Onuphre Borgès cũng đã viết một cuốn sách như thế cho các Thầy giảng và các ông Trùm trong họ.
- (75) Cha Marini, trong cuốn Missioni, Roma 1663, cũng nhận định như thế.
- (76) Launay, Documents Historiques, trang 41.
- (77) Launay, Journal de la Mission, Siam t.I, trang 11.
- (78) Relation du voyage de Monseigneur l'évêque de Bérýthe p.146 sq. sur la voyage de retour de Bourges.
- (79) Launay, Documents Historiques p. 41-52
- (80) Ngoài hai sắc lệnh trên đây, còn có những sắc lệnh khác, chẳng hạn như sắc lệnh cho phép những thừa sai được giải vạ những trường hợp dành riêng cho Giám mục địa phận, cho những người xưng tội với các ngài ở trong khu vực truyền giáo. Các ngài cũng được quyền giải tội trong các khu truyền giáo mà chỉ cần sự ưng thuận của cha sở nơi đó, không cần xin phép với vị coi sóc địa phận...
- (81) Jur. Pont. Prop. Fide trang 353 và 355.
- (82) Xem chương II, 1, 2, việc thành lập hai tòa Giám mục đại diện ở Việt Nam.
- (83) Lesley à Gazil, Rome 1666. Launay Socum. Historique p. 282
- (84) Bourges à Meur, Rome, 3. 2. 1665. Arch. M. E. vol. 200 p.
- (85) Marini. Delle Missioni dewl padri della compagnia di Giesu ne nella provincis Giapone e particularmete di quella di Tumkino, Roma 1663.
- (86) Bull. Patr. II p. 112
- (87) Jur. Pont. Fide I P. 422
- (88) Launay, Docum. Historiques p. 279. leslay à Gazil, Roma 1666.
- (89) Considerationes et remedia proreparatione missiorum in Indiis orientalibus. Arch. Prop. SRGG vol 230 f 121- 130.
- (90) Launay, Docum. Hitoriques P. 52
- (91) Leslay au supérieur du séminaire de Paris, Romen 16. 10. 1668, Arch. ME. Vol. 201 p. 91-110.
- (92) Leslay à Gazil, Rome 1666. Launay, Document historiques p. 281.
- (93) Gazil au directeur du Séminaire, Roma 13. 11. 1669. Arch. M. E. vol. 201 p. 131 134.
- (94) Jur. Pont. Prop. Fide p. 390
- (95) Jur. Pont. Prop. Fide I p. 390
- (96) Jur. Pont. Prop. Fide I p. 390- 394
- (97) Jur. Pont. Prop I p. 399-401
- (98) Trong cuộc hội ngày 13-8-1669, Arch. Prop. SRCP IO a 1665- 1669 f. 34-39.
- (99) Xem chương IX, I, 1, thư chung ngày 15-10-1667 của Đức Cha Lambêto.
- (100) Pallu à Deydier, Cap de Bonne Espérance 28. 12. 1670. launay, Lettres de Pallu P. 114 sq.
- (101) Pallu à Lambert de la Motte, peris, 6. 12. 1669. launay, Lettres de Pallu P. 94 sq.
- (102) Chevreul aux directeur du séminaire Paris, Batan 12- 6- 1672. Aichi M. E vol 876 trang 747.
- (103) Launay, Histoire Général de la Societé des M. E, T. I trang 113.
- (104) Relation du premier voyage de M. Chevreul en Chochinchine, LaunayCochinchine trang 13 và tiếp theo.
- (105) Marini missioni trang 401.

- (106) Etat present de Léglise de la Chine trang 147 và tiếp theo.
- (107) theo Cha Cardiere. Le mur de Đồng Hới, trang 125 thì Jean de la Croix đã đến lập nghiệp ở Đàng Trong từ đầu thế kỷ thứ XVII, trước khi các Cha dòng Tên đến (1614).
- (108) Trong cuốn 1 Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam (Nguyễn Hồng trang 286) bàn đến vấn đề thích ứng của các cha dòng Tên trong vấn đề truyền giáo, chúng tôi viết nhiều nghi lễ ma chay tống lảng và cúng giỗ người chết, giáo dân vẫn được giữ lại sau khi loại trừ cái gì mê tín và vô lý. Chẳng hạn thời đó Giáo dân được phép vái lạy và còn được phép làm đồ cúng để tỏ lòng biết ơn người quá cố đã sinh ra mình và để lại hương hỏa gia nghiệp cho, chỉ phải kiêng không được gọi hồn ông bà về ăn đồ cúng. Đối với những cử chỉ lạy và vái ông bà, cha mẹ quá cố, tôi thiết nghĩ có thể để cho họ làm, vì họ có quyền có những cử chỉ tôn kính ông bà cha mẹ sau khi chết cũng như đối với các ngài khi còn sống. (Launay, Cochichine trang 54).
- (109) Launay, Cochichine trang 19, Relation de M. Chevreul.
- (110) Launay, Cochichine trang 25, Relation de M. Chevreul.
- (111) Bà Maria đây là Maria Madalena, vợ quan phủ Phú Yên. Tuy không theo đạo nhưng nhờ ảnh hưởng bà vợ, ông đã che chở giúp đỡ cha Buzomi và sau này cha Đắc Lộ. Lịch sử truyền giáo I trang 171. Bà có nhà nguyện ở cửa Hàn (id trang 225)
- (112) Launay Cochichine trang 28 và tiếp theo (Les Proces des Martyrs)
- (113) Launay, Cochichine trang 44, Mémoires de Vacget.
- (114) Launay cochichine trang 46, Lambêto de la Motte à Pallu, Siam 17-10-1666.
- (115) Launay Cochichine trang 46, Haiques à la prepagande 26/02/1670.
- (116) Launay, Cochichine trang 62, Mgr Lambert de la Motte à Mgr Pallu, ect. 1667 Arch M. e vel 857 trang 229.
- (117) Launay, Cochichine trang 114.
- (118) Louvet, la Cochichine religieuse, t. I Paris 1885, trang 282-283.
- (119) Launay, Cochichine trang 53, Hainques à la prepagande 26- 2- 1670.
- (120) Launay, Cochichine trang 63, Mahot aux directeurs du séminaire, Siam, 11-6- 1670.
- (121) Launay, Cochichine trang 67, Chevreul à Lambêto de la Motte 26-12-1665.
- (122) Launay, Documets historiques, trang 8, 9.
- (123) Thầy giảng viết thư này chính là thầy Gioan Văn Huệ, một trong hai vị Linh mục tiên khởi địa phận Đàng Ngoài. Sự thực thầy Gioan Huệ không phải thầy đứng đầu các thầy giảng. Năm 1663, khi các cha Dòng Tên bỏ xứ Bắc, các cha đặt thầy Martinô Mát, niên trưởng đứng đầu tổ chức các thầy.
- Mgr. Néez, Document sur le clergé Tonkinoi au XVII, XVIII, tr. 12.
- (124) FR. PALLU, Relation abrégé, trg. 60, Lettre de Lambert de la Motte à Pallu, Siam, 10-1666.
- (125) LAUNAY, Tonkin, trang 10. Annales des mission des Evêques Vicaires Apostoliques.
- (126) Launay, Tonkin trang 8 Lettre de Mgr. Pallu vol. I, trang 10. Additons par Mgr. Pallu aux instructions qui ont été données aux missonnaires ecclesiastiques envoyés dans la Chine, la Cocchichine et le Tonkin, pour se conduire dans le voyage et dans tous les lieux de leur missions, principalement dans le Tonkin, faites à Ispahan et achevées le 10-9-1662. Arch. M. E. vol. 116, trang 69.
- (127) Launay, Tonkin trang 15, Journal de Deydier.
- (128) Theo cha Deydier thì Kẻ Chợ lúc ấy là một “tỉnh không có tường lũy, nhưng rất dài, thình thoảng lại gặp một chiếc hồ lớn. Đi đâu người ta cũng thấy đông nghẹt những người, vì thế, tuy đường phố rất rộng rãi mà cũng không len chân nổi. Nhiều nơi nhà vách làm bằng tre trét bùn và lợp bằng rơm, một số ít nhà xây bằng gạch trét vôi và lợp ngói”. Launay, Tonkin, Journal de Deydier trang 24.

- (129) MARINI, Missioni, Roma 1663, và TISSANNIER, voyage au Tonkin, Paris 1663.
- (130) Rossi, Lartiri tonkinenisi del 1723, về nguồn gốc nhà Đức Chúa Trời.
- (131) Sau này cha Deydier đã cho chúng ta biết con số các thầy giảng trẻ ở 8 địa hạt các thầy giảng già trông coi là trên 90 thầy không kể chừng hai chục các chú và các bố. (Launay, Tonkin trang 38).
- (132) Gr. Nééz, Document sur le clergé tonkibois trang 22 và tiếp theo.
- (133) Chúng ta không quên rằng lối phục lạy là lối rất thông thường của thời xưa trong cách đối xử của người bề dưới với người bề trên. Con cái phục lạy Cha mẹ, học trò phục lạy Thầy, người dân phục lạy quan trên.
- (134) Trong bản nhật ký của Cha Deydier, Cha chú thích là Cha rất ngỡ ngàng khi nhận thấy không một Thầy nào biết tiếng Bồ Đào Nha hay chữ viết của chúng ta. Các Thầy nói rằng các Cha cấm không cho học. (Launay Tonkin, tr. 28).
- (135) LAUNAY, Tonkin, trang 32, Nhật ký của Cha Deydier.
- (136) LAUNAY, Tonkin, trang 32, Nhật ký của cha Deydier.
- (137) LAUNAY, Tonkin, Mr.Deydier à Mgr. Pallu trang 54 và tiếp theo.
- (138) LAUNAY, Tonkin, trang 38. Chắc chắn đây phải là bản dịch viết bằng chữ Nôm, cuốn sách do Deydier viết hoặc cha lấy của một tác giả khác.
- (139) Mgr. Nééz, Documents sur le clergé tonkinois trang 19.
- (140) LAUNAY, Tonkin, trang 72, Notes de Mgr Lambert de la Motte.
- (141) LAUNAY, Tonkin, Mr. Deydier à Mgr. Pallu, 1- 11- 1667, trang 74.
- (142) LAUNAY, Tonkin, trang 54.
- (143) Lê Thành Khôi, Histoire du Việt Nam, trang 250.
- (144) Launay, Tonkin, trang 50 (Journal de M.Deydier).
- (145) Relation des mission des évêque français au royaume de Siam, de la Cochinchine, de Cambodge et du Tonkin... Deydier à Pallu 1-11-1667.
- (146) Arch. M.E.P. vol. 667, P. 197, sq.
- (147) Relation du voyage de Lambert de la Motte au Tonkin (Launay, Tonkin trang 13)
- (148) Launay, Tonkin trang 85, Deydier à Mgr. Pallu, 9-10-1669.
- (149) Launay, Tonkin trang 92-100.
- (150) Jus Pont de Prep. Fide 1888 vol I trang 429.
- (151) Matini, Missioni trang 223.
- (152) Launay. Tonkin, Journal de Mgr Deydier trang 57.
- (153) Theo Cha H. Ravier thì “nhà mụ thứ nhất” này ở xứ Kiên Lao, tỉnh Nam Định. H. Ravier Compendium Historiae ecclesiasticae. Sử ký thánh Ghêrigia quyển III trang 225, Ninh Phú 1895.
- (154) Launay, Tonkin.
- (155) Launay, Histoire de la Société des Missions étrangères, Vol. I
- (156) Xem trên chương V, II,3 hoạt động của cha Luigi Chevreuil ở trên cao.
- (157) Bức thư này đã gây sôi nổi ở cả Paris trong giới thân cận của các cha dòng Tên. Năm 1669, khi Đức Cha Phanxicô Pallu qua công cán ở Rô-ma, các cha quản lý ở Paris đã chống đối lời lẽ trong bức thư này và yêu cầu Đức Cha Pallu giao kết sẽ lôi kéo Đức Cha Lambête theo con đường hòa hoãn (xem chương IV, II,3).
- (158) Arch Men, Vol. 876, P. 633, Lambert de la Motte à Leslay.
- (159) Arch M.E. Vol. 876 Lambert de la Motte au chapitre de Goa.
- (160) Launay Siam trang 32. Mémoires de Vachet
- (161) Trong chuyến đi này có cả người em ruột của Đức Cha Lambête, tên Nicolas Lambert de la Motte, nhưng bị chết dọc đường.
- (162) Launay, Cochinchine trang 95 Guiart aux directeurs du séminaire 6.2.1572

- (163) Louvet, Cochinchine Religieuse
- (164) Launay, Cochinchine trang 108 sq, bản những quyết nghị công đồng ở Hội An. Arch. Prep. SRCP. Ind. Or. A 1677, vel D.f.105-105.
- (165) Relation des Missions et des Veyages 1672-1675.
- (166) Launay, Memorial 2e part p. 159. Vì thế sau này có người muốn đặt Cha Courtaulin làm Giám mục, Đức Cha Phanxicô Pallu đã chống đối: “Là một thừa sai thì tốt nhất, nhưng để cai trị người khác thì không hợp”.
- (167) Năm 1685, cha Courtaulin bỏ địa sở truyền giáo và xuất Hội truyền giáo Ba lê (Paris). Launay, Cochinchine, Courtaulin à Lambert de la Motte, 10.12.1674, p. 153.
- (168) Launay, Cochinchine p. 163, Mémoires de Vachet.
- (169) Xem chương III, II, 2, cộng đồng Yuthia.
- (170) Launay, Siam, p.27 M. Langlois à M. de Brisacier, 09.11.1672
- (171) Launay, Meorial de la société des Missions étrangères 2e partie, Paris 1916 p. 362, lettre de Langlois aux directours du séminaire de Paris.
- (172) Xem chú thích (1). Cuốn tự điển và cuốn văn phạm của cha Langlois chỉ được chép tay và sau này bị thất lạc.
- (173) Destombes. Le collège général de la société des missions étrangères de Paris, 1665-1932, Hongkong 1934.
- (174) Launay, Siam p.23 Lambert de la Motte à Pallu, Siam, ect 1667.
- (175) Relation des missions et des voyages 1672 1675 p.61
- (176) Lambert de la Motte à la Propagande, Siam 24. 11. 1672, Arch. M. E. vol. 857 trang 243.
- (177) Launay, document historique Pallu à Brisacier, Gazil, Fermanel et Besard, Siam 3.9.1673, p. 332.
- (178) Relation des missions et voyages 1672-1675, p. 107 SQ.
- (179) Launay, Histoire Générale t. I, p. 208.
- (180) Launay, documents histotiques p. 408 sq.
- (181) Relation Des Missions et voyages 1676-1677 p. 16 sq.
- (182) Lambert de la Motte aux directeurs du séminaire, Siam 1.
- (183) Launay Cochinchine p. 194, Lambert de la Motte à Pallu, 16.11.1676. Thư các Cha Đàng Trong và thầy giảng viết ngày 04.02.1676 (SRCP, 1nd-Or. à 1677, Vol. Bf 20 -26v)
- (184) Launay Cochinchine, p. 197, Vachet aux diresteurs du séminaire des M. E. 20.10.1676.
- (185) Launay Cochinchine pp. 440, 672.
- (186) Ibid pp. 237, 256.
- (187) Ibid pp. 194.
- (188) Relation des missions et des voyages 1672-1675 p. 272
- (189) Launay Cochinchine p. 236.
- (190) Launay Cochinchine, Lambert de la Motte à Pallu Siam, 16.11.1676 p. 194.
- (191) Launay, Tonkin p. 119 SQ. Bourges à son Frère, 19.02.1670.
- (192) Trong thư 12.10.1670, Valkenier đứng đầu hàng buôn ở xứ Bắc đã báo cáo sự có mặt của hai người Pháp ở Phố Hiến. Ở một căn nhà tre, gần làng May, thuộc quyền ông già Thiệu (Ongsia Theuk). Theo Valkenier thì hai người Pháp sống nhờ sự giúp đỡ từ thiện của người có đạo. (Buch, la compagnie des Indes nierlandaises II, p. 166).
- (193) Launay, Tonkin p. 120 Bourges à Lambert de la Motte 09.10.1670.
- (194) Launay, tonkin, p. 126 Relation de ce qui s'est passé au Tonkin par M. de Bourges.
- (195) Launay Tonkin, p. 127 Bourges à Lambert de la Motte 09.10.1670.
- (196) Launay, Tonkin, p. 133 Bourges à Gazil 23.10.1672.
- (197) Launay, tonkin, p. 142 Bourges à Gazil 23.10.1672.
- (198) Relation des mission des evêques p. 234.

- (199) Launay, Tonkin, p. 119 M. de Bourges à son frère 19.02.1670.
- (200) Histoire abrégée des progres de la religion dans les Indes orientales p. 268
- (201) Launay, tonkin p. 124 SQ. Relation de Bourges.
- (202) Relation des missions et des voyages 1672-1675, p. 72.
- (203) Launay, Tonkin, p. 146, Deydier à la Propagande 16.10.1673.
- (204) Relations des missions et des voyages 1672-1675, p.69 Launay, Tonkin, p. 386.
- (205) Aunales de la mission du Tonkin Arch. M. E. p. 72 (Vol. 605).
- (206) Mgr. Néz: Document sur le Clergé tonkinois p. 77.
- (207) Bull. Patr. II p. 112.
- (208) Arch. Prop. Fide, Atti C. P. a 1673-1674 f. 202.
- (209) Arch. Prop. Fide, Atti C. P. a 1673-1674 f. 29-40 v
- (210) Launay, Tonkin, p. 139 sq Bourges à Azzolini.
- (211) Launay, Tonkin, p. 134 Relation de ce qui s'est passé au Tonkin par M. de Bourges.
- (212) Bourges aux Procureurs du séminaire 23.10.1672 Arch.M.E vol. 650 p. 286.
- (213) Launay, Tonkin, p. 134 sq Relation de M. Bourges.
- (214) Launay, Tokin, p. 120 Lettre de M. Bourges à Mgr Lambert 9.10.1670
- (215) Mgr.Neéz. Documents sur la Clergé Tokinois p.13.
- (216) Launay, Tonkin, p. 137 Arch. P.F. Atli C.P. a 1673-1674 f 158-159.
- (217) Arch. Prop. Fide, SRCP, 10 Jus Patron. Portogallo f. 229-231v
- (218) Fermanel à Pallu, 08-02-1673. Arch. M. Etr. Vol. 5 p. 205
- (219) Bouillon à Oliva, Versailles, 9-2-1672. Arch.Prop.Atti CP.a 1673-1674 f 256-256v.
- (220) Fermanel à Pallu, 8-9-1673, Arch.M.Etr. Vol.5
- (221) Bull. Patr. I 222 I p.126
- (222) Arch. Vat. Nunz. Port. Vol 159 Lettere scritte a Mgr Nunzio f 18-20.
- (223) Dalla S. Ma d'Alexandro VII, Arch. Prop. Atti C.P. a 1673-1674 f 29040 v
- (224) Arch. Prop. Atti CP a 1673-1674 f 11-15. Launay, Docum. Hítorique p.56.
- (225) Jur. Pont. Prop. Fide I p.420-422.
- (226) Jur. Pont. Prop. Fide I p.421
- (227) Jur. Pont. Prop. Fide I p.423-424
- (228) Jur. Pont. Fide P. 427-428
- (229) Jur. Pont. Prop. Fide I p.444-447
- (230) Jur. Pont. Prop. Fide I p. 450 v à 452
- (231) Jur. Pont. Prop. Fide I p. 451
- (232) Jur. Pont. Prop. Fide I p. 423
- (233) Jur. Pont. Prop. Fide. I P. 433-442
- (234) Jur. Pont. Prop. Fide I. P 433-442
- (235) Jur. Pont. Prop. Fide I. P 429-433
- (236) Jur. Pont. Prop. Fide I. P 448-449
- (237) Jur. Pont. Prop. Fide I. P 447-448
- (238) Sévin à Brisacier, 20.12.1676, Arch. M. Etr. Vel 858 p. 369.
- (239) Arch. Prop. S. R. C. P Ind Or a 1677 vol. D f 33-33v. Sommario del processo del visitatore della chiesa di Malacca.
- (240) Arch. M. Etr. Vol.858, Laneau au secrétaire de la Propagande, Siam 20-12-1675.
- (241) Arch. Prop. SRCP Ind. Or. F 587-587v Didace de Sotomayor, procureur de la province du Japon, au général de la société de Jésus, 25-011676.
- (242) Arch Prop. Fide SRCP Ind. Or. a 1679 f 266-266v Oliva a Valguanera (20. 10. 1674)
- (243) Deydier et Bourges à Fereira, 06.8.1676 Arch Mir vol 650 p. 389.
- (244) Fuciti à Paluzzi Altieri 28.8.1676 Arch Prop SRCP Ind. Or.a 1677 p.352

- (245) Fuciti aux proviciaries 13.9. 1677 Arch Prop a 1677 f 329.
- (246) Ferreira a Deydier et Bourges, Hiến 05-9-1676. Arch Prop SRCP Ind. Or . a 1677 f 529-532v.
- (247) Relation des missions des voyages 1676-1677 p. 204. Lettre de Lambert de la Motte au Chanoine Pallu 14.12.1676
- (248) Id p. 366 Sévin à Brisacier.
- (249) Brandao aux vicaires apostoliques, Goa 08 Mai 1677,. Arch.Prop.SRCP Ind.or.a 1675 -1680 vol. 2 f 429-430.
- (250) Maldonat à Oliva, Xiam, 10 Nov. 1667, Arch. M. E. truyền giáo. Vol. 877, p.493.
- (251) Arch. Prop. SRCP Ind. Or. a. 1677 vol. C f 224 -245
- (252) Arch. M. Etr. Vol. 121 p.486
- (253) Arch. Prop. SRCP Ind. Or. a 1677 vol. E f 79 Deydier et Bourges à la propagande, 01-12-1677
- (254) Candone à Courtaulin, 07.1.1678, Arch. Prop. SRCP. Ind. Or .Cina. 1675 -1680 f. 484-484v.
- (255) Acosta et Candone à la propagande 14.01.1678 Arch. Prop. Ind. Or. Cina 1675 -1680 f. 492-492v.
- (256) Courtaulin à la Propagande 12.3.1678, Arch. Prop. SRCP Ind. Or. Cina 1675 -1680 f. 486-487.
- (257) Lambert de la Moue à Gazil, Siam 10.12, 1677, Arch. M. Etr. Vol 877 P. 515.
- (258) Relation des missions et des voyages 1672-1675 p. 225 sq.
- (259) Xem chương X.
- (260) Về công cuộc truyền giáo của các cha Đaminh, tỉnh dòng Phi Luật Tân tại Việt Nam, có thể xem trong cuốn Historia de les Missiones Dominicanas in Tungkin, M. Gisbert, Avila 1928.
- (261) Launay, Tonkin p.203, Journal de la Mission du Tonkin và trong Relation des missions et des voyages 1676-1677, p. 106.
- (262) Deydier et Bourges à la Propagande, 27. 12. 1678. Launay, Tonkin p. 190-191.
- (263) Deydier et Bourges à Feireira, 22.11.1679, Laynay, tonkin, p. 196-201.
- (264) Deydier et Bourges à Ferrere 22.11.1679, Launay, Tonkin, p. 196-201.
- (265) Deydier et Bourges, 22.11.1679, Launay, Tonkin.
- (266) Launay, Tonkin p. 163.
- (267) Launay, Tonkin, p. 148-149.
- (268) Relation des missions et des voyages 1676-1677, p. 227.
- (269) Launay, Tonkin p. 179.
- (1) Khâm Định Sừ Việt Thông Giám cương Mục, quyển XXXIII, tờ 6a và 6b.
- (2) Eugène L.Louvet, Les Mission catholiques au XIXè siècle, trang 207.
- (3) Adrien launay, Atlas des Missions de la socit des MEP, Lille 1890.
- (4) Trần anh Dũng, Sơ thảo thư mục Công giáo Việt Nam, Paris 1992
- (6) Nguyễn Ngọc Sơn, người Mục tử Cộng đồng, 1994, trang 74-80
- (5) Trần Anh Dũng, Lịch sử biên niên G.HC.G. Việt Nam, Orlando, 1986
- (7) Niên lịch Công giáo Việt Nam 1995, Dân Chúa Âu Châu phát hành.
- (*) Đoạn này dường như nhằm lẫn vì địa danh Phan Rí thuộc tỉnh Bình Thuận ngày nay, thời điểm đó thuộc về vương quốc Chăm pa (Chiêm Thành). Chú thích của người làm ebook.
- (*) Chỗ này dường như nhằm lẫn vì thời điểm 1671-1672 Bình Thuận thuộc về vương quốc Chăm pa (Chiêm Thành) chứ không phải Cao Miên. Chú thích của người làm ebook.
- (*) Chỗ này dường như nhằm lẫn vì thời điểm 1671-1672 Bình Thuận thuộc về vương quốc Chăm pa (Chiêm Thành) chứ không phải Cao Miên. Chú thích của người làm ebook.

NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA

109 Quán Thánh - Ba Đình - Hà Nội

ĐT : HC - TH : 043.7339361; PH: 043.8439034

Các phòng biên tập : 043.7341742; 043.8438953; 043.8439033

LỊCH SỬ TRUYỀN GIÁO TẠI VIỆT NAM - T2

Lm. Nguyễn Hồng

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS TRINH TẤT ĐẠT

Biên tập

Minh Hiếu

Trình bày

MJ Dòng Phaolô Thiện Bản

Bìa

CF Dòng Phaolô Thiện Bản

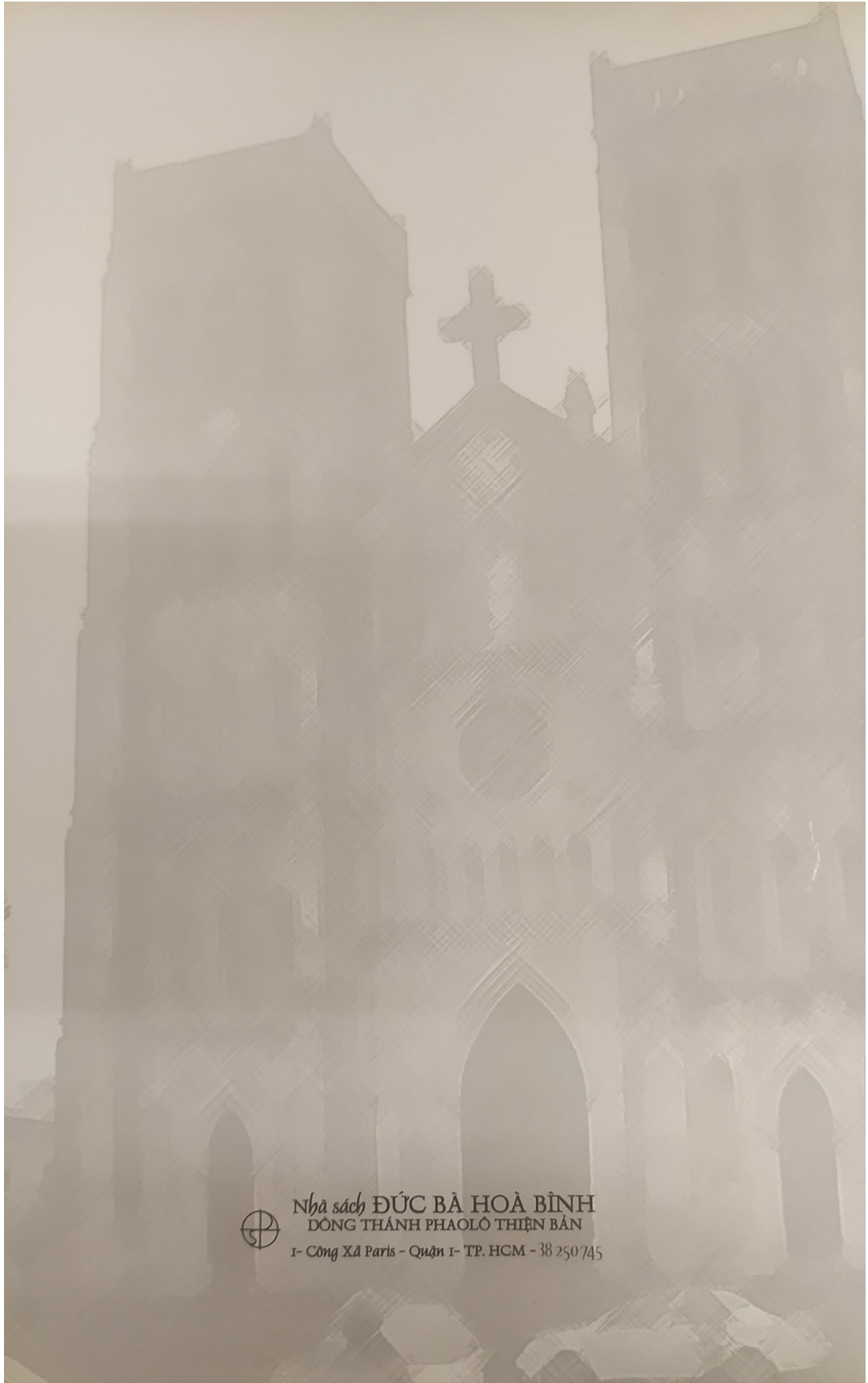
NHÀ SÁCH ĐỨC BÀ HÒA BÌNH

Dòng Thánh Phaolô Thiện Bản

số 1 Công Xã Paris, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 38250745

In 1.000 cuốn khổ 15 x 23 cm tại Công ty In Trần Phú - 73-75 Hai Bà Trưng, Quận 1 - TP Hồ Chí Minh. Số xuất bản 616-2009/CXB/3-74/TĐBK. In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2009.



Nhà sách ĐỨC BÀ HOÀ BÌNH
DÒNG THÁNH PHAOLÔ THIỆN BẢN
1- Công Xã Paris - Quận 1- TP. HCM - 38 250 745

 **Nhà sách ĐỨC BÀ HOÀ BÌNH**
ĐỒNG THÁNH PHAOLÔ THIÊN BÀN
1- Công Xã Paris - Quận 1- TP. HCM - 38 250 745

